đặc san
BÌNH ĐỊNH

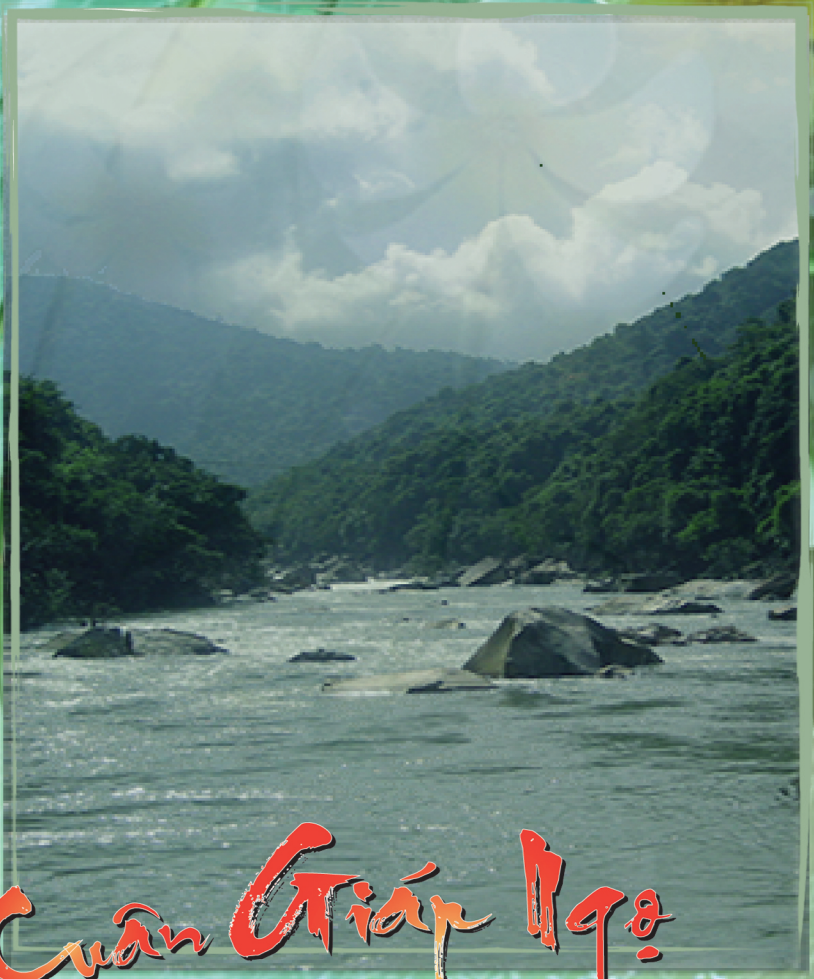

Xuân Giáp Ngọ

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Hội Tây Sơn Bình Định
Bắc Cali

Trân Trọng Kính Biếu

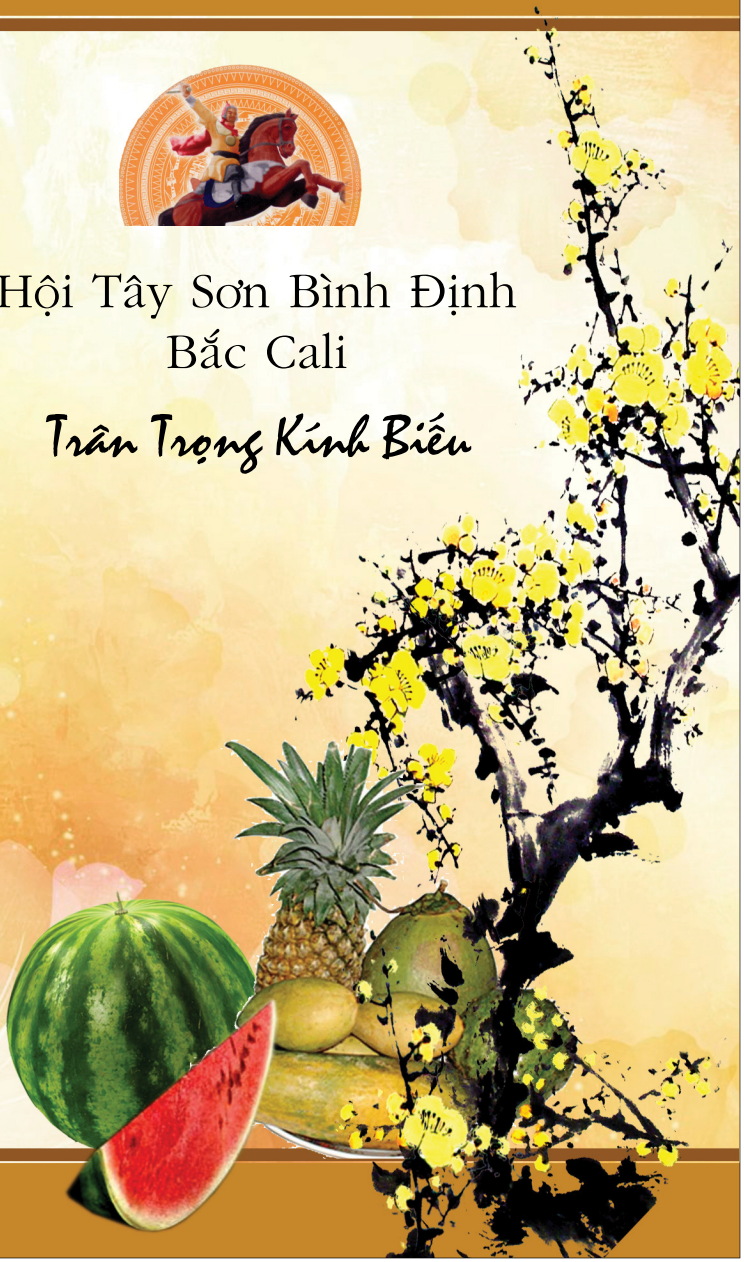

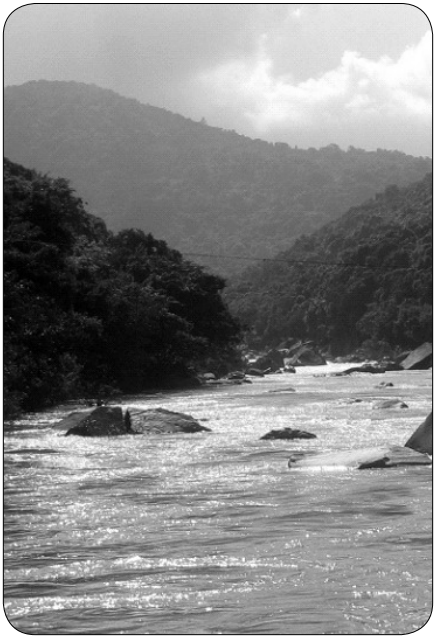

Thắng cảnh Hầm Hô, Tây Sơn Bình Định

Hầm Hô trước năm 1975 thuộc thôn Phú Mỹ xã Bình Phú huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Theo truyền miệng của dân gian, ở đây có một thác nước cao chừng sáu mét, đổ vào một hầm đá và phát ra tiếng kêu như tiếng hô, để báo cho những người chèo thuyền sắp tới chỗ nguy hiểm mà lo đề phòng nên gọi là Hầm Hô.

Hầm hô là nơi gặp gỡ của hai nhánh sông Đồng Hưu và Sông Cát đổ vào sông Phú Phong. Với chiều rộng của dòng sông chừng 30 mét và một đoạn thắng cảnh là một khúc sông dài 3 km gồm những trụ đá hoa cương dưới nước thiên hình vạn trạng, phản chiếu dưới ánh mặt trời muôn màu sắc lóng lánh, rực rỡ như hàng ngàn vạn viên kim cương khoe mình dưới làn nước trong xanh.

Dưới bầu trời xanh là dãy rừng cây xanh biếc, điểm những hoa lan vàng, trắng, đỏ mọc trên thân cây cổ thụ, kèm với những bụi hoa sim tím và tiếng chim hót líu lo làm cho cảnh sắc đã đẹp càng hấp dẫn như lạc vào cảnh tiên. Vì thế dân gian đã có câu ca dao:

Hầm Hô nước chảy trong xanh
Dưới sông cá lội, trên cành chim reo

Cung Chúc
Tân Xuân
HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI
Kính chúc quý đồng hương và thân hữu
quý Văn Thi Hữu
quý Mạnh Thường Quân
một năm mới Giáp Ngọ 2014
An Khang và Thịnh Vượng
2014

ĐẶC SAN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Xuân Giáp Ngọ 2014

CHỦ TRƯƠNG

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALI

BAN THỰC HIỆN

TRƯƠNG TOẠI, ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG, NGUYỄN BÁ THƯ, ĐẶNG ĐỨC BÍCH, ĐƯỜNG ANH ĐỒNG, QUÁCH TỨ, NGUYỄN DIÊU

CỘNG TÁC

Bảo Tố – Bạch Tâm – Bette Gau (Bell) – BH – Bích Ly – BN – Bích Thanh – Biển Thước – Bùi Đắc Bảo – Bùi Đắc Khải – Bùi Thế Trường – Bùi Thúc Kháng – Bùi Trọng Khuê – Bướm Trắng – Chu Hà – Cù Hòa Phong – Cù Mộc Nguyễn Kim Ba – D. Nguyễn – Du Sơn Lãng Tử – Đào Đức Chương – Đào Vĩnh Tuấn – Đắc Đăng – Đặng Đức Bích – Đặng Hiếu Kính – Đặng Mỹ Dung – Đặng Ngọc Anh – Đặng Phú Phong – Đặng Quý Địch – Đặng Thiên Sơn – Đặng Vĩnh Mai – Đình Chính – Đoàn Bỉnh Viên – Đỗ Hồng Châu – Đỗ Thu Ba – Đỗ Hùng – Đuốc Nhà Nam – Đường Anh Đồng – Giác Lượng Tuệ Đàm Tử – Hà Quế Linh – Hà Thúc Hùng – HSH – Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích – Hoa Trạng Nguyên – Hoài Hương NTT – Hoàng Thế Diệm – Hồ Sĩ Duy – Huỳnh Thị Kim Oanh – Ts Huy Lực Bùi Tiên Khôi – Huy Phương – Huyền Vũ – Ls John P. Lê Phong – Không Đạt – Lam Giang – Lam Nguyên – Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham – Lâm Phú – Lê Chu – Lê Công Thành – Lê Dinh – Lê Hùng – Lê Lana – Lê Minh Trí – Lê Nguyễn – Lê Phương Nguyên – Lê Tấn Phước – Lê Thị Bạch Liên – Lê Văn Ba – Lê Văn Huyên – Linh Vang – Lý Minh Đạo – Lư Trung Tử – Mai Xuân Lực – Mang Đức Long – Mạnh Linh Diệp Kỳ Mãnh – Minh Tâm – Minh Tân Phạm Hà Hải – Minh Thi – Mộng Bình Sơn – Mỹ Vân – Nhất Dạ – Nhật Hạnh – Ngọc Anh (Virginia) – Ngọc Anh (California) – Ngô Đình Phùng – Nguyễn An Phong – Nguyễn Bá Thư – Nguyễn Bường – Nguyễn Công Hoàng – Nguyễn Công Lượng – Nguyễn Diêu – Nguyễn Hòa – Nguyễn Hoài Niệm – Nguyễn Hòe – Nguyễn Hùng – Nguyễn Hữu Thời – Nguyễn Mạnh An Dân – Nguyễn Ngọc An – Nguyễn Phan Ngọc An – Nguyễn Quý Đại – Nguyễn Tâm Linh – Ts Nguyễn Thanh Liêm – Nguyễn Thế Giác – Nguyễn Thế Thiệu – Nguyễn Thị Thọ – Nguyễn Thiện Trường – Nguyễn Thịnh – Người Họ Bùi – Người Tây Sơn – Bs Nguyễn Trác Hiếu – Ts Nguyễn Văn Canh – TĐ Nguyễn Việt Nho – Phạm Ngọc Hài – Phạm Từ Sơn – Phạm Tước – Phan Bá Trác – Phan Tấn Thiện – Phan Thanh Hùng – Phan Tưởng Niệm – Phan Văn Hàm – Phố Đào Nguyên – Phù Ly – Phú Xuân – Quách Tứ – Quế Lan – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chí Thân – Tạ Chí Đại Trường – Tạ Chương Ánh – Tạ Chương Trĩ – Tam Bình – Tám Hợi – Tâm Triều – Thạch Khê – Ts Thái Công Tụng – Thái Sinh – Thái Tẩu – Thanh Huyền – Thanh Hư – Thảo Chương (Trần Quốc Việt) – Thiên Tâm – Thiên Tứ – Thục Điềm – Tiểu Sơn – Thư Trang – Trác Như – Trang Xuyên – Trần Anh Lan – Ts Trần Anh Tuấn – Trần Cẩm Tú – Bs Trần Đình Đệ – Trần Đình Mười – Trần Đình Thông –Trần Minh Triết – Bs Trần Như Luận – Ts Trần Văn Đạt – Tri Ta – Triều Phong – Triệu Phổ – Trosset Hồng Mai Cassandra – Trúc Chi – Trúc Nhi – Ts Trương Gia Ban – Bs Trương Gia Trinh – Trương Hồng Ân – Ns Trương Hồng Liên – Trương Giovanna Thu Long – Trương Toại – Trương Trường Thịnh – Trường An – Từ Lê Ngô – TV (Tacoma) – Uyehara Trương Amanda – Uyehara Trương Ariana – Uyên Thông – Việt Bằng – Việt Thao – Vĩnh Xuyên – Võ Bá Hà – Võ Thạnh Văn – Võ Ngọc Uyển – Võ Trứ – Vũ Gia Sắc – Vũ Ngọc Bích – Vương Nhân – Xuân Điềm – Xuân Hòa – YTH Nguyễn Thy Tứ.

Vô cùng nhớ ơn, thương tiếc quý thành viên Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, cùng các Văn Thi Hữu Biên Tập và Cộng Tác với Đặc San Bình Định Bắc Cali đã quá vãng: Giáo Sư Lãng Hồ Nguyễn Khắc Kham, Đặng Vĩnh Mai, Thục Điềm, Võ Bá Trác.

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121
Tel: (408) 387- 3784
Giấy phép hoạt động số 254047 ngày 19-6-2003/CA

CỐ VẤN

Bs. Cai Văn Dung
Ông Trương Toại
Ông Đào Đức Chương
Ông Đoàn Hữu Đức
Ông Bảo Tố
Ông Nguyễn Diêu
Ông Cao Văn Phổ
Ông Tony Đinh
Ông Nguyễn Bá Thư
Ông Đặng Đức Bích
Ông Đường Anh Đồng
Ông Nguyễn Mai
Ông Đỗ Hùng

HỘI TRƯỞNG TIỀN NHIỆM

Bác sĩ Cai Văn Dung (1997 - 2003)
Ông Tony Đinh (2003 - 2011)

BAN CHẤP HÀNH

Hội Trưởng: Ông Phan Thanh Hùng
Phó Hội Trưởng Nội Vụ: Ông Trương Thế Phiệt
Phó Hội Trưởng Ngoại Vụ: Ông Nguyễn Cẩm Mậu
Tổng Thư Ký: Ông Nguyễn Bình
Phó Tổng Thư Ký: Bà Nancy Nguyễn
Thủ Quỹ: Ông Nguyễn Mỹ

BAN GIÁM SÁT

Ông Quách Tứ, Ông Đặng Đức Thông

CÁC ỦY VIÊN

- **Ban Văn Nghệ:** Ông Bảo Tố, Ông Nguyễn Hòa.
- **Ban Khánh Tiết:** Ô.Ô Phan Thái, Nguyễn Thường, Phan Minh Lượng.
- **Ban Thông Tin, Báo Chí:** Ô.Ô. Trương Toại, Đào Đức Chương, Nguyễn Bá Thư, Đặng Đức Bích, Đường Anh Đồng, Quách Tứ, Nguyễn Diêu.
- **Ban Tiếp Tân:** Quý Bà Kim Đinh, Hồ Ái Hoa, Đặng Thi Kim Cúc, Nguyễn Thị Để, Bà Nguyễn Cẩm Mậu, Trần Thị Ngữ.

ĐẠI DIỆN CÁC VÙNG

Đại Diện vùng Stockton: Ông Lê Đức Hưng
Đại Diện vùng Hayward: Ông Đỗ Hùng
Đại Diện Vùng San Jose: Ô.Ô. Cao Văn Phổ, Nguyễn Hoàng,

Mục Lục

Thắng cảnh Hầm Hô 2
Mục lục 6
Mừng Xuân Giáp Ngọ 8
Lời tựa 9
Lá thư Xuân của Ông Hội Trưởng Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California 11
Những năm Giáp Ngọ trong lịch sử nước ta ..... Trác Như 13
Cuộc đổi đời ..... Trúc Nhi 47
Thư gửi mẹ hiền ..... Trúc Giang 56
Cờ đào Vua Quang Trung ..... Đào Đức Chương 58
Van Gò Bồi thăng trầm qua bao năm tháng ..... Thư Trang 76
Bình Định quê tôi (Thơ) ..... Bùi Văn Luông 89
Trần Hưng Đạo đánh tan quân Nguyên-Mông ..... Triều Phong Đặng Đức Bích 91
Công cha nghĩa mẹ (Thơ) ..... Đặng Thị Minh Tâm 106
Mừng Lưu Đại Nhân lão hữu (Thơ) ..... Trác Như 107
Những đặc diểm của Hiến Pháp Hoa Kỳ ..... Quách Tứ 108
Tăng Bạt Hổ (Thơ) ..... Cao Thu Cúc 122
Đếm bước tha hương (Thơ) ..... Hồ Thị Bình Thư 123
Hai chữ "Thôi Xao" ..... Bùi Thúc Khán 124
Ngày về (Thơ) ..... Nguyễn Ngọc An 128
Xuân nhớ bạn (Thơ) ..... Tạ Chương Trĩ 128
Sơ lược về Hát Bội ..... Đào Đức Chương 129
Gọi nắng (Thơ) ..... Chu Hà 164
Xuân tha phương (Thơ) ..... Hoài Hương Nguyễn Thị Thọ 165
Thơ xướng họa 1 ..... Nguyễn Diêu 166
Võ Bình Định ..... Nguyễn Ngọc An 170
Nửa hồn quê xa (Thơ) ..... Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích 180
Phóng sự sinh hoạt Hội bằng hình 182
Bản trích yếu điều lệ Hội 189
Danh sách ân nhân ủng hộ Đặc San Tây Sơn Bình Định 190
Nổi lửa lên (Thơ) ..... Hà Thúc Hùng 191
Đầu Xuân kể chuyện quê hương ..... Phú Xuân 193
Thơ Phạm Thị Minh Hưng (Thơ) 197
Văn hóa chính trị biển đảo ..... Nguyễn Việt Nho 199
Vịnh con ngựa (Thơ) ..... Chu Hà 222
Sau cơn mưa ..... Linh Vang 223

Tiếc thương (Thơ) ..... Thái Tẩu 232
Tóc mai sợi vắn sợi dài ..... Nguyễn Tấn Ích 233
Thơ Nguyễn Công Lượng (Thơ) 246
Rừng vàng ..... Nguyễn Diêu 247
Thơ xướng họa 2 ..... Đặng Đức Bích 252
Vì ta là lính chiến ..... Hà Quế Linh 260
Thơ Ngô Đình Phùng (Thơ) 275
Truyền thuyết nhà Tây Sơn khởi nghĩa ..... Nguyễn Công Lượng 276
Thơ Đỗ Hùng (Thơ) 291
Năm Ngọ tản mạn về con ngựa ..... Lý Loan 292
Bài thơ tâm tình (Thơ) ..... Chúc Anh 307
Nhớ về (Thơ) ..... Tam Anh 308
Cảnh già nhớ lại (Thơ) ..... Đặng Hiếu Kính 309
Tam Quan, những nét đặc thù ..... Lê Anh Dũng 310
Thơ nhạc vào thu ..... Lê Công Thành 338
Khung hẹp ..... Mỹ Hiệp 339
Trở lại quê nhà (Thơ) ..... Ngô Công Minh 346
Bà Lê chân ..... Nguyễn Văn Diễn 349
Viễn tượng ngày sụp đổ của CSVN ..... Hà Thúc Hùng 350
Mom (Thơ) ..... Cassandra Hong Mai Trosset ... 359
Tỉnh giấc mơ trăng ..... Hoài Ân 361
An usung hero (Thơ) ..... Thảo Chương 366
The tunnel (Thơ) ..... Thiên Tứ 368
Ngô Thì Nhậm ..... Bùi Phong Khê 369
Trống trận Qui Nhơn (Thơ) ..... Phan Tấn Thiện 371
Thơ Trúc Nhi (Thơ) 375
Ngũ Vị Hương ..... Nguyễn Văn Thinh 379
Năm ngọ nói chuyện ngựa ..... Thái Tẩu 383
Thơ Thiên Tâm Đặng Phương Trạch (Thơ) 398
Tưng bừng tiếng trống, thướt tha đường quyền ..... Cao Thu Cúc 401
Cộng Hòa và cây cà rem ..... Hoài Ân 406
THe boomerang portal ..... Angeline Trương 416
The concept of attachement theory in... ..... Atiana T. Uyehara 417
General renal physiology ..... Amanda Truong Uyehara 428
Tổng kết các sinh hoạt của Hội trong năm 2013 444
Danh sách đồng hương 447
Chúc mừng 458
Tang tế 460
Thư cảm tạ 463
Quảng cáo 464

MỪNG XUÂN GIÁP NGỌ

馬到成功

甲午迸干儁第壹
峀歪坦利圀和同
馱和物宝罵弩力
慥祝春馬到成功

Giáp Ngọ, thập can là đệ nhất,
Thời trời đất lợi cũng hòa đồng;
Người hòa, vật báu mà nổ lực,
Vui chúc Xuân: Mã Đáo Thành Công

Lời tựa

Đặc San Bình Định số 14 được trân trọng gởi đến Quí vị trong dịp Hội ngộ đầu Xuân Giáp Ngọ năm 2014. Với tinh thần duy trì tiếng nói của Đồng hương và Thân hữu, Đặc San Bình Định là nhịp cầu tinh thần của những người cùng chung hoàn cảnh ly hương.

Dù sống xa quê nhà, nhưng tình tự Quê hương vẫn còn sống mãi trong chúng ta. Những trang hùng sử của Dân tộc chống giặc Tàu xâm lược còn vang vọng trong lòng của những người Việt yêu quê hương. Chiến công vẻ vang và hiển hách của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ Đại Thắng Quân Nhà Thanh Năm Kỷ Dậu còn ghi trong sử sách và trong lòng Dân tộc Việt Nam.

Đặc San Bình Định là một diễn đàn của Đồng hương và Thân hữu để chia xẻ tâm tình, viết về Lịch sử Dân tộc, về Quê hương, Văn học, Khoa học, Nghệ thuật và Chính trị. Chúng tôi mong muốn Đặc San

Bình Định là một khu vườn với nhiều bông hoa và nhiều màu sắc. Quí vị là người Bình Định, là Thân hữu Bình Định xin hãy viết, cổ vũ và ủng hộ Đặc San Bình Định.

Qua nhiều năm, Đặc San Bình Định được tồn tại, đứng vững và trở thành một món quà tinh thần vào mỗi dịp đầu Xuân. Thành quả nầy có được là nhờ sự cộng tác cung cấp bài viết của các Văn thi hữu gần xa và Đồng hương; với sự hổ trợ về tài chánh của các Nhà hảo tâm, các Cơ sở quảng cáo và các Chủ nhân thương nghiệp. Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác và giúp đỡ của Quí vị.

Chúng tôi xin cảm ơn Quí độc giả của Đặc San Bình Định trong nhiều năm qua. Quí vị đã phê bình, góp ý xây dựng và khích lệ để giúp chúng tôi cải tiến tờ Đặc San hầu đáp ứng yêu cầu của người đọc.

Trong niềm vui đầu Xuân Giáp Ngọ, Ban Biên Tập chúng tôi kính chúc Quí Đồng hương, Thân hữu cùng Quí độc giả một năm mới sức khỏe, an khang và thịnh vượng.

Ban Biên Tập

Lá thư Xuân

Kính Thưa Quí Bậc Trưởng Thượng trong Cộng Đồng Việt Nam Tỵ Nạn Cộng Sản

Kính Thưa Quí Quan Khách,

Kính Thưa Quí Đồng Hương Bình Định,

Nhân dịp Xuân về tôi rất lấy làm hân hạnh được đại diện Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định kính chúc toàn thể Quí vị một Năm Giáp Ngọ tràn đầy sức khoẻ, gia đình hạnh phúc, công việc làm phát đạt và nhiều may mắn.

Xuân Giáp Ngọ năm nay đánh dấu năm thứ 39 ngày chúng ta đã bỏ nước ra đi vì không chấp nhận chế độ Cộng Sản cai trị đất nước thân yêu Việt Nam của chúng ta. Ba mươi chín năm đồng bào Việt Nam ta đã phải sống dưới chế độ man rợ, vô nhân tính còn hơn thời Thực Dân, Phong Kiến. Ngoài ra nhà cầm quyền Hà Nội càng ngày càng tỏ ra là một tập đoàn tay sai, được Bắc Kinh tạo dựng, sai khiến. Chúng đã và đang thực hiện tiến trình biến nước Việt Nam thân yêu đã được xây dựng bằng xương máu của bao nhiêu thế hệ con dân đất Việt thành một thuộc địa của bọn Tàu cộng.

Chúng ta may mắn được sống trong một đất nước Tự Do, được hưởng không biết bao nhiêu ân sủng cuả Trời Đất; Nhưng lòng không lúc nào không tưởng nhớ

đến quê hương, đất nước, vẫn ước ao được đóng góp sức mình vào việc mưu cầu đem tự do dân chủ lại cho hơn 80 triệu đồng bào ruột thịt. Mỗi năm trong dịp Xuân về, chúng ta không ngại tuổi già sức yếu, không ngại đường sá xa xôi cùng nhau gặp mặt để tự an ủi nhau, để cùng chung lòng cầu nguyện Đại Đế Quang Trung hiển lộ thần oai, phù hộ cho đất nước ta sớm tai qua nạn khỏi, cùng hẹn nhau về lại quê hương khi không còn chế độ bạo tàn Cộng Sản...

Mong Lắm thay!

Nhân đây tôi xin được chân thành cảm ơn Quí Hội Đoàn Đồng Hương bạn, Quí Quan Khách, Quí Mạnh Thường Quân, Quí Đồng Hương Bình Định đã khuyến khích, hổ trợ cho các sinh hoạt của Hội trong suốt nhiều năm qua. Năm nay là đúng năm thứ 14 tờ Đặc San Xuân Bình Định đã được ấn hành và được trao đến tận tay của quí vị như là một món quà Xuân văn nghệ chuyên chở lời biết ơn của chúng tôi. Mong được Quí vị tiếp tay hỗ trợ để chúng tôi có thể tiếp tục mối duyên văn nghệ lâu dài.

Cho phép chúng tôi chuyển lời cám ơn đến Quí Văn Thi Hữu đã nhiều năm cộng tác với Đặc San Xuân. Cám ơn Quí vị trong Ban Báo Chí của Hội đã bỏ công chăm chút để tờ báo trông rất trang nhã về hình thức và phong phú về nội dung. Tờ báo rất đáng được gìn giữ, để có thể làm tài liệu nghiên cứu về Xứ Sở và Con Người đất nước của Quê Hương Bình Định.

Một lần nữa xin được cầu chúc Quí Vị được Bình An, Sức Khoẻ và Hạnh Phúc.

Trân trọng,

Thay Mặt Ban Chấp Hành Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Hội Trưởng,

Phan Thanh Hùng

Những năm GIÁP NGỌ trong lịch sử nước ta

TRÁC NHƯ

HỌ HỒNG BÀNG (2879-258tr. TL)

Vua Đế Minh đi tuần thú phương Nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau sanh một người con trai tên là Lộc Tục. Vua Đế Minh truyền ngôi cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương, quốc hiệu là Xích Quỷ. Bờ cõi nước Xích Quỷ lúc bấy giờ, phía Bắc giáp Động Đình Hồ (tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (tỉnh Tứ Xuyên,Trung Quốc), phía Đông giáp biển Nam Hải. Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 trước Tây lịch) và lấy Long Nữ là con gái Động Đình Quân sinh ra Sùng Lãm, nối ngôi làm vua xưng là Lạc Long Quân. Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ, con gái vua Đế Lai, sinh một trăm người con. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng:

"Ta là giống Rồng, nhà ngươi là giống Tiên, ăn ở

với nhau không được. Nay ngươi đem 50 con lên núi, còn ta đem 50 con xuống biển Nam Hải".

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang, xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Phong Châu (vùng huyện Bạch Hạc, tỉnh Sơn Tây ngày nay). Hùng Vương chia nước làm 15 bộ: Văn Lang, Châu Diên, Phúc Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài Hoan, Cửu Đức, Việt Thường và Bình Văn.

Họ Hồng Bàng, từ Kinh Dương Vương (cùng thời với Đế Nghi) truyền đến đời Hùng Vương (ngang với đời Noãn Vương nhà Chu năm thứ 57, 258 tr. Tl) là hết.

NHÀ THỤC (257-207 tr. TL)

Thục Phán chiếm được nước Văn Lang rồi, cải quốc hiệu là Âu Lạc, đóng đô ở Phong Khê (nay thuộc huyện Đông Anh). Xây thành Cổ Loa. Có nỏ thần làm bảo bối bảo vệ đất nước.

Năm Tân Mão (210 tr. Tl) Tần Thủy Hoàng mất, Triệu Đà đem quân sang đánh Âu Lạc, vua Thục đem nỏ thần ra bắn, Đà thua chạy. Đà biết vua Thục có nỏ thần, đánh không lại bèn sai sứ đến giảng hoà, rồi sai con là Trọng Thuỷ vào hầu làm túc vệ, cầu hôn con gái vua là Mỵ Châu. Vua Thục bằng lòng. Trọng Thuỷ dỗ Mỵ Châu để xem trộm nỏ thần, rồi ngầm bẻ gãy lẫy nỏ, thay cái khác vào, giả vờ về thăm cha mẹ, bảo Mỵ Châu rằng: "Ân tình chồng vợ không thể quên nhau, nếu lỡ hai nước không hòa, Bắc Nam cách biệt, ta lại tới đây thì làm thế nào mà tìm thấy nhau?".

Mỵ Châu nói: "Thiếp có cái nệm gấm lông ngỗng, thường mang theo mình, đi đến đâu thì rút lông ngỗng rắc ở chỗ đường rẽ để làm dấu". Trọng Thủy về báo cho Đà biết.

NHÀ TRIỆU (207-111 tr. TL)

NĂM GIÁP NGỌ (207 tr. TL. Tần Nhị Thế, năm thứ 3):

Vua họ Triệu, húy Đà, chiếm lấy đất Lâm Ấp và Tượng Quận, tự lập làm Nam Việt Vương.

2. NĂM GIÁP NGỌ (147tr. TL; Hán Cảnh Đế, năm thứ 3):

Mùa Thu, tháng 9 sao chổi mọc, lại có nhật thực.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ NHẤT (111 tr.TL-39)

NHÀ TÂY HÁN (206Tr. TL-6 S. TL)

TRƯNG NỮ VƯƠNG KHỞI NGHĨA (40tr.TL-04 sau TL).

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ HAI (43-544)

NHÀ ĐÔNG HÁN (23-220)

ĐỜI TAM QUỐC (220-265): Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô (222-280).

BÀ TRIỆU (TRIỆU THỊ CHINH) KHỞI NGHĨA NĂM MẬU THÌN (248).

NHÀ TẤN (265-420)

THỜI KỲ TỰ CHỦ (544-602)

NHÀ TIỀN LÝ (544-602)

Lý Nam Đế (544-548).

Lý Bôn là người tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng nghĩa dũng nổi lên đánh đuổi Thứ Sử Giao Châu là Tiêu Tư về Tàu, rồi chiếm giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân, niên hiệu là Thiên Đức. Sau, nhà

Lương sai Trần Bá Tiên sang đánh. Lý Nam Đế thua bèn giao binh quyền cho Tả Tướng Quân Triệu Quang Phục chống nhau với nhà Lương rồi trở về đóng ở động Khuất Liêu và mất ở đấy.

Triệu Việt Vương (549-571).

Triệu Quang Phục theo Lý Nam Đế lập được nhiều chiến công, nay đem quân chống cự với nhà Lương ít lâu, thấy thế lực quân Tàu còn mạnh bèn rút về chỗ đầm lầy Dạ Trạch. Khi hay tin Lý Nam Đế mất mới xưng là Việt Vương và đánh lấy lại thành Long Biên. Khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo và người cùng họ là Lý Phật Tử chạy sang Lào. Đến năm thứ 7(555) đời Triệu Việt Vương, Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về tay Phật Tử. Năm Đinh Sửu (557) Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng chia đất cho, lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau, nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính cơ đồ của Việt Vương.

Hậu Lý Nam Đế (571-602)

Lý Phật Tử chiếm được Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (nay thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên). Thế rồi, năm Nhâm Tuất, Tùy Văn Đế sai tướng Lưu Phương sang đánh Nam Việt. Lý Phật Tử xin hàng. Từ đấy nước ta lại bị người Tàu cai trị 336 năm nữa.

NƯỚC TA BỊ TÀU ĐÔ HỘ LẦN THỨ BA (603-939)
NHÀ TÙY (589-617)
NHÀ ĐƯỜNG (618-907)
MAI HẮC ĐẾ: (722)
BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG: (791)

THỜI KỲ TỰ CHỦ (939-1413)

NHÀ NGÔ (939-965)

Thập nhị Sứ Quân (945-967)

NHÀ ĐINH (968-980)

NHÀ TIỀN LÊ (980-1009)

Lê Đại Hành

Các niên hiệu: ***Thiên Phúc (980-988), Hưng Thống (989-993) và Ứng Thiên (994-1009)***

3. NĂM GIÁP NGỌ (994, Ứng Thiên 1; Tống, Thuần Hoá 5).

Cháu vua Chiêm Thành là Chế Cai vào chầu.

NHÀ LÝ (1010-1125)

Lý Thái Tổ (1010-1028)

Lý Thái Tôn (1028-1054)

Các niên hiệu: **Thiên Thành (1028-1033), Thông Thụy (1034-1038), Càn Phù Hữu Đạo (1039-1041), Minh Đạo (1042-1043) Thiên Cảm Thánh Vũ (1044-1048), Sùng Hưng Đại Bảo (1049-1054).**

Lý Thánh Tôn (1054-1072)

4. NĂM GIÁP NGỌ (1054, Sùng Hưng Đại Bảo 6; Tống, Chí Hoà 1).

Mùa Thu, tháng Bảy, vua Thái Tôn xuống chiếu cho Hoàng Thái Tử Nhật Tôn coi chầu nghe chính sự. Tháng Chín vua không khỏe. Ngày mồng một tháng Mười vua băng. Thái Tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Long Thụy Thái Bình năm thứ 1, tức là Thánh Tôn Hoàng Đế.

Lý Nhân Tôn (1072-1127)

Các niên hiệu: **Thái Ninh (1072-1075), Anh Vũ Chiêu Thắng (1076-1084), Quảng Hưu (1085-1091), Hội Phong (1092-1100), Long Phù (1101-1109), Hội Tường Đại Khánh (1110-1119), Thiên Phù Duệ Vu**

(1120-1126), Thiên Phù Khánh Thọ

5. NĂM GIÁP NGỌ (1114, Hội Tường Đại Khánh 5; Tống, Chính Hoà 4):

Mùa Xuân có tuyết.

Lý Thần Tôn (1128-1138)

Lý Anh Tôn (1138-1175)

Các niên hiệu: **Thiệu Minh (1138-1139), Đại Định (11401162), Chính Long Bảo Ứng (1163-1173), Thiên Cảm Chí Bảo (1174-1175).**

6. NĂM GIÁP NGỌ (1174, Chính Long Bảo Ứng 12; Tống, Thuần Hy 1).

Trước vua Lý Anh Tôn đã lập Long Xưởng làm Thái Tử. Mùa Thu tháng Chín, Long Xưởng có tội thông dâm với Cung Phi, vua không nỡ bắt tội chết, phế làm thứ nhân và bắt giam.

Một hôm vua gọi Tể Tướng đến bảo rằng:

"Thái Tử là gốc lớn của nước Long Xưởng đã làm điều trái đạo, trẫm muốn cho Long Trát giữ nghiệp lớn, nhưng nó còn nhỏ tuổi, sợ không đương nổi, nếu đợi lớn thì trẫm đã tuổi già suy yếu, biết làm thế nào?"

Bấy giờ có một nội nhân ẵm Long Trát ra, thấy vua đội mũ, khóc đòi đội, vua chưa kịp tháo mũ đưa cho thì càng khóc to hơn, Vua bèn tháo mũ đưa cho, Long Trát cả cười. Vua càng lấy làm lạ, nên quyết định lập Long Trát làm Thái Tử. Thái Tử Long Trát sau lên làm vua là Lý Cao Tôn vậy.

Lý Cao Tôn (1176-1210)

Lý Huệ Tôn (1211-1225)

Lý Chiêu Hoàng (1225)

NHÀ TRẦN (1225-1400)

Trần Thái Tôn (1226-1277)

Các niên hiệu: **Kiến Trung (1225-1232), Thiên**

Ứng Chính Bình (1238-1350), Nguyên Phong (1251-1258)

7. NĂM GIÁP NGỌ (1234, Thiên Ứng Chính Bình 3; Tống, Đoan Bình 1).

Thượng Hoàng là Trần Thừa băng ở cung Phụ Thiên, thọ 51 tuổi, miếu hiệu là Huy Tôn.

Vua Thái Tôn đưa anh là Thái Úy Trần Liễu lên làm Hiển Hoàng. Sau này Sử Thần Ngô Sĩ Liên phê phán là việc tôn kính này là quá đáng. Thế là danh không chính, thì nói không thuận, việc không thành. Liễu manh tâm làm loạn, vị tất đã không phải do đấy!

Trần Thánh Tôn (1258-1278)

Trần Nhân Tôn (1279-1293):

Con trưởng vua Thánh Tôn, mẹ là Nguyên Thánh Thiên Cảm Hoàng Thái hậu, con gái thứ 5 của Trần Liễu. Ở ngôi 14 năm, nhường ngôi 5 năm, xuất gia 8 năm.

Các niên hiệu: **Thiệu Bảo (1279-1284), Trùng Hưng (1285-1293)**

Mùa Xuân, tháng 3, vua Nhân Tôn nhường ngôi cho Hoàng Thái Tử Thuyên lên ngôi Hoàng Đế tức là vua Trần Anh Tôn, đổi niên hiệu là Hưng Long năm thứ nhất.

Trần Anh Tôn (1293-1314):

Mẹ là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Thánh Hoàng Thái Hậu, con gái Trần Quốc Tuấn. Niên hiệu Hưng Long.

8. NĂM GIÁP NGỌ (1294, Hưng Long 2; Nguyên, Chí Nguyên 31).

Thượng Thái Sư Chiêu Minh Đại Vương Trần Quang Khải mất, thọ 54 tuổi. Quang Khải là Hoàng Tử thứ 3 của vua Thái Tôn (Trần Cảnh), cùng mẹ với 2 anh là

Trần Quốc Khang và Trần Hoảng.

Trần Quốc Khang:

Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Thái Tôn xuống làm Hoàng Hậu, đổi gọi là Chiêu Thánh Hoàng Hậu từ năm 1226, nhưng đã hơn 10 năm mà chưa có con. Đến năm Đinh Dậu(1237) bà Công Chúa Thuận Thiên, chị ruột của Chiêu Thánh và là vợ Hoài Vương Trần Liễu, anh ruột của vua, đang có mang Trần Quốc Khang 3 tháng. Vua nghe lời Trần Thủ Độ giáng Chiêu Thánh Hoàng Hậu xuống làm Công Chúa và lập Thuận Thiên làm Hoàng Hậu. Khi Trần Quốc Khang ra đời trở thành Hoàng Tử Trưởng của vua Thái Tôn nhưng không đặt lên làm Thái Tử.

Trần Hoảng:

Trần Hoảng sinh năm Canh Tý (1240), là Hoàng Tử thứ 2 mới thực sự là con của Thái Tôn và Thuận Thiên Hoàng Hậu, được phong làm Thái Tử, được truyền ngôi. Tức là vua Trần Thánh Tôn sau này.

Trần Quang Khải:

Trần Quang Khải sinh năm Tân Sửu(1241).

Em kế của Quang Khải là: Nhật Vĩnh, Ích Tắc, Nhật Duật.

Trần Quang Khải có học thức, hiểu tiếng nói của dân tộc thiểu số sống trên đất Việt. Truyện kể rằng: Quang Khải và Trần Quốc Tuấn nói là anh em cùng mẹ khác cha cũng được, mà nói là anh em nhà chú nhà bác cũng được. Nhưng hai người vốn không ưa nhau. Một hôm, Quốc Tuấn từ Vạn Kiếp đến, Quang Khải xuống thuyền, hai người cùng chơi với nhau suốt ngày mới về. Quang Khải vốn sợ tắm gội, Quốc Tuấn thì thích tắm nước thơm, đùa bảo Quang Khải:

"Mình mẩy cáu bẩn, xin tắm giùm!", rồi cởi áo Quang Khải ra, dùng nước thơm tắm cho, và nói:

" Hôm nay được tắm cho Thượng Tướng"

Quang Khải cũng nói:

" Hôm nay được Quốc Công tắm cho"

Từ đó, tình nghĩa qua lại giữa hai người thêm mặn mà. Làm tướng văn tướng võ giúp rập cho vua, hai người đứng hàng đầu.

Quang Khải ham học, hay thơ, có Lạc Đạo Tập (樂道集) lưu hành ở đời.

Con Quang Khải là Văn Túc Vương Trần Đạo Tái, nổi tiếng văn học thời đó. Cháu là Uy Quốc Công Trần Văn Bích làm Thái Bảo thời vua Trần Minh Tôn(1314-1329). Chắt là Chương Túc Quốc Thượng Hầu Trần Nguyên Đán là Tư Đồ đời Trần Nghệ Tôn (1370-1372). Trần Nguyên Đán là Ông Ngoại của Nguyễn Trãi, một đệ nhất công thần dưới triều Lê.

Trần Minh Tôn (1314-1329): Húy là Mạnh, Hoàng tử thứ tư của vua Anh Tôn; mẹ đích là Thuận Thánh Bảo Từ Hoàng Thái Hậu, con gái của Hưng Nhượng Đại Vương Trần Quốc Tảng (con Trần Quốc Tuấn); mẹ sinh là Chiêu Hiến Hoàng Thái Hậu, con gái của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng. Niên hiệu Đại Khánh(1314-1323) và Khai Thái (1324-1329)

Trần Hiến Tôn (1329-1341): Húy là Vượng, con trưởng vua Minh Tôn, lên làm vua mới 10 tuổi. Niên hiệu Khai Hữu. Không có con, lập em lên làm vua.

Trần Dụ Tôn (1341-1369), em vua Minh Tôn, Con thứ 10 của Minh Tôn, húy là Hạo. Vua rất thông tuệ, học vấn cao minh, chăm lo việc võ, sửa sang việc văn. Đời Thiệu Phong chính sự tốt đẹp; từ đời Đại Trị về sau, chơi bời quá độ, cơ nghiệp nhà Trần suy yếu từ đó.

Các niên hiệu: **Thiệu Phong (1341-1357), Đại Trị (1358-1369)**

9.NĂM GIÁP NGỌ (1354,Thiệu Phong 14; Nguyên, Chí Chính 14).

Mùa Xuân, tháng Hai, con trai của Trần Ích Tắc là Trần Hữu Lượng ở nước Tàu dấy binh ở phía Bắc nước ta. Vua sai sứ sang nhà Nguyên để hoà thân.

Trần Hiến Tôn(1329-1341): Húy là Vượng; mẹ đích là Hiến Từ Tuyên Thánh Hoàng Thái Hậu, mẹ sinh là họ Lê.

Trần Nghệ Tôn(1370-1372): Húy là Phủ, con thứ 3 của Minh Tôn.

Trần Duệ Tôn (1372-1377)

Trần Phế Đế(1377-1388)

Trấn Thuận Tôn (1388-1398)

Trần Thiếu Đế(1398-1400)

NHÀ HỒ (1400-1407)

Hồ Hán Thương (1401-1407)

NHÀ HẬU TRẦN (1407-1413)

Giản Định Đế:

Húy là Ngỗi, con thứ của Nghệ Tôn. Cuối đời Hồ, khởi binh khôi phục nhà Trần. Ở ngôi hơn 2 năm. Vua không có tài dẹp loạn, lại giết bỏ người giúp mình, tự chuốc lấy diệt vong.

Trùng Quang Đế:

Húy là Quý Khoáng, cháu nội Nghệ Tôn, gọi Giản Định Đế bằng chú, ở ngôi 5 năm, gắng chí việc khôi phục nhưng không thành, nuốt hận mà chết, thương thay.

KỶ THUỘC MINH (1414-1428)

10. Năm GIÁP NGỌ (1414, Minh, Vĩnh Lạc 12).

Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh dùng cách chiêu dụ, vỗ về Tân Bình, Thuận Hóa, chia đặt quan cai trị để cùng làm việc với thổ quan, khám xét nhân

khẩu, lập sổ bộ.

Tháng Tư, Tổng Binh Trương Phụ, Mộc Thạnh và Binh Bộ Thị Lang Trần Hiệp của nhà Minh đem vua Trần Trùng Quang, Nguyễn Súy và Đặng Dung về Đông Quan để sai người giải về Yên Kinh.

Vua Trùng Quang đi đến nửa đường nhảy xuống nước chết. Nguyễn Súy thấy vua đã chết, ngày ngày chơi cờ với viên chỉ huy coi giữ mình, thành quen, mới lấy bàn cờ đánh hắn ngã xuống nước chết. Súy cũng nhảy theo xuống nước chết luôn. Quốc thống từ ấy thuộc về nhà Minh.

THỜI KỲ TỰ CHỦ

NHÀ LÊ (1428-1788)

Lê Thái Tổ (1428-1433)

Lê Thái Tôn (1434-1442)

Lê Nhân Tôn (1443-1459)

Lê Thánh Tôn (1460-1497)

Các niên hiệu: **Quang Thuận (1460-1497), Hồng Đức (1470-1497)**

11. Năm GIÁP NGỌ (1474, Hồng Đức 5; Minh, Thành Hóa 10).

Bấy giờ bộ Lại, Thượng Thư Hoàng Nhân Thiêm, Thị Lang Hà Nghiễm, Trần Tuân, thường hay lấy những người làm quan nơi xa chuyển bổ về nơi gần thuận tiện, chuyển những người ở nơi lam chướng về nơi tốt hơn, nên cho bắt những người ấy để xét hỏi. Tháng Sáu Hà Nghiễm bị giết. Vua dụ bọn Thái Bảo Kỳ Quận Công Lê Niệm rằng:

"Hà Nghiễm chết có 3 điều bất hạnh:

-Phép chưa đáng giết đã bị chết oan. Đó là nỗi bất hạnh của Hà Nghiễm.

-Vô tâm giết bừa, tự mang tiếng xấu. Đó là điều bất hạnh của trẫm.

-Trẫm bị bệnh cảm rồi quên mất, bọn Nhân Thiêm chưa được hỏi đến mà Hà Nghiễm đã chết, thế là điều bất hạnh."

Lê Hiến Tôn (1497-1504)

Lê Túc Tôn (1504)

Lê Uy Mục (1505-1509)

Lê Tương Dực (1510-1516)

Lê Chiêu Tôn và Lê Cung Hoàng (1516-1527)

NHÀ MẠC

Thái Tổ Mạc Đăng Dung (1527-1529)

Thái Tôn Mạc Đăng Doanh (1530-1540)

Niên hiệu: **Đại Chính.**

NHÀ LÊ TRUNG HƯNG (1533-1788)

Hữu Vệ Điện Tiền Tướng Quân An Thành Hầu là Nguyễn Kim dưới triều Lê, khi Mạc Đăng Dung tiếm nghịch ông dẫn con em trốn sang Ai Lao.

Năm 1532 Nguyễn Kim lập con thứ vua Lê Chiêu Tôn là Hoàng Tử Ninh lên ngôi ở Ai Lào tức là Lê Trang Tôn (1533-1548).

12. Năm GIÁP NGỌ (1534,Nguyên Hoà 2; Mạc, Đại Chính 5; Minh, Gia Tĩnh 13).

Nhà Minh nghe tin Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê bèn sai Hàm Ninh Hầu Cừu Loan làm Tổng Đốc Quân Vụ, Binh Bộ Thượng Thư Mao Bá Ôn làm Tham Tán Quân Vụ đem quân sang hỏi đánh.

Nguyễn Kim gả con gái là Nguyễn Thị Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Nguyễn Kim bị thuốc độc chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm.

Lê Trung Tôn (1548-1556)

Năm 1556 vua Trung Tôn mất, không có con. Trịnh Kiểm lập Duy Bang là cháu 4 đời của Lam Quốc Công

Lê Trừ là anh ruột Lê Thái Tổ, tức là Lê Anh Tôn(1556-1573)

Năm 1570 Đoan Quận Công Nguyễn Hoàng là con thứ Nguyễn Kim, kiêm lĩnh 2 xứ Thuận Hóa và Quảng Nam. Trịnh Kiểm chết, binh quyền về tay con thứ là Trịnh Tùng.

Năm 1573, Trịnh Tùng giết vua Lê Anh Tôn lập con thứ của nhà vua tên là Duy Đàm lên làm vua tức là Lê Thế Tôn(1573-1599)

Lê Thế Tôn (1573-1599).

Niên hiệu: **Gia Thái (1573-1577), Quang Hưng (1578-1599)**

13. Năm GIÁP NGỌ (1594, Quang Hưng 17; Minh, Vạn Lịch 22).

.Vua sai Thái Uý Đoan Quốc Công Thượng Trụ Quốc Nguyễn Hoàng mang kim sách truy tặng gia phong Minh Khang Thái Vương Trịnh Kiểm làm Minh Khang Nhân Trí Vũ Trinh Hùng Lược Thái Vương.

.Vua sai Nguyễn Mậu Tuyên mang sắc chỉ truy tặng gia phong Thái Tể Thái Sư Hưng Quốc Công Nguyễn Kim làm Chiêu Huân Phụ Triết Tĩnh Công.

Tám năm sau Nguyễn Hoàng tự đem quân bản bộ về Thuận Hóa.

TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

Năm 1619 Trịnh Tùng giết vua Thế Tôn và lập Hoàng Tử Duy Kỳ lên ngôi, tức là vua Thần Tôn.

Lê Thần Tôn (1644-1643)

Năm 1643 nhường ngôi cho Thái Tử Duy Hựu lên làm vua tức là Lê Chân Tôn.

Lê Chân Tôn (1644-1649).

Chân Tôn mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần Tôn Thái Thượng Hoàng lên làm vua lần thứ

hai.

Lê Thần Tôn (1649-1662)

Niên hiệu: **Khánh Đức (1649-1652), Thịnh Đức (1653-1657), Vĩnh Tho (1658-1661),Vạn Khánh (1662).**

14. Năm GIÁP NGỌ (1654, Thịnh Đức năm 2; Minh, Vĩnh Lịch 8; Thanh,Thuận Trị 10).

ĐÀNG NGOÀI:

Những ai dự khoa thi Sĩ Vọng đỗ Tam Trường và con cháu công thần thì được lục dụng.

ĐÀNG TRONG:

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613)

Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (1613-1635)

Chúa Thượng Nguyễn Phước Lan (1635-1648)

Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1649-1687).

Mùa Hạ, tháng Tư, Chưởng Dinh Tôn Thất Trung (Con thứ tư của chúa Nguyễn Phúc Nguyên, tức là Chú của chúa Nguyễn Phúc Tần) có tội, bị hạ ngục. Nguyên Tống Thị là vợ lẻ của Nguyễn Phúc Kỳ- con cả chúa Nguyễn Phúc Nguyên.

Lê Huyền Tôn (1663-1672)

Lê Gia Tôn (1672-1675)

Lê Hy Tôn (1676-1705)

Lê Dụ Tôn (1706-1729)

Các niên hiệu: V**ĩnh Thịnh (1706-1719), Bảo Thái (1720-1729)**

15. Năm GIÁP NGỌ (1714), Vĩnh Thịnh 8; Thanh, Khang Hy 52.

ĐÀNG NGOÀI:

Trịnh Cương tự tấn phong Đại Nguyên Soái Tổng Chính Thượng Sư An Vương, bái yết Thái Miếu, rồi vào chầu vua ở điện Vạn Thọ

ĐÀNG TRONG:

Chúa Nghĩa Phước Trăn (1687-1691)

Chúa Nguyễn Phước Chu (1692 -1725)

Tháng Sáu trùng tu chùa Thiên Mụ.

Tháng Bảy mở hội lớn ở chùa Thiên Mụ. Chúa ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng, phát tiền gạo chẩn cấp cho người nghèo thiếu. Phiên Vương Thuận Thành là Kế Bà Tử cũng đem con và tướng tá đến hội. Chúa ban yến rất hậu và phong cho ba người con là Phù Xác, Phác Xác và Tỳ Thôn Phù tước Hầu.

Tháng Tám, ngày Đinh Hợi, Hoàng Tôn(tức là Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát) sinh.

Lê Ý Tôn (1735-1739)

Lê Hiển Tôn (1740-1786)

Chúa Nguyễn Phước Chú (172-1738)

Chúa Nguyễn Phuóc Khoát (1738-1765).

Chúa Nguyễn Phước Khoát bắt đầu xưng Vương năm 1744.

Chúa Nguyễn Phước Thuần (1765-1777)

16. Năm GIÁP NGỌ (1774, Lê Cảnh Hưng 35; Thanh, Càn Long 39).

Tháng Giêng, ở kinh sư động đất.

Tháng 2, Nghệ An bị đói to.

Tháng 5, Trịnh Sâm sai tướng là Hoàng Ngũ Phúc làm Thống Tướng, đem quân các đạo vào xâm lấn trong Nam. Từ khi dẹp được Hoàng Công Chất ở Hưng Hóa và Lê Duy Mật ở Trấn Ninh, Trịnh Sâm quen mùi thắng trận, thích lập chiến công, làm việc trái với bổn phận. Hắn được tin Thuận Hóa có Trương Phúc Loan chuyên quyền, lại có Tây Sơn nổi loạn ở Quy Nhơn, hắn muốn nhân sự sơ hở để lấy lợi. Khi Ngũ Phúc đã hành quân, Sâm tự tay viết thư đưa cho, trong thư nói:

"Ông đến Nghệ An, nên tuỳ cơ mà liệu định, trước hết là đưa thư cho các tướng giữ biên giới, nói thác ra rằng: Việc hành quân này chỉ cốt phòng bị giặc Tây Sơn chạy trốn. Nếu họ đã bình định được giặc Tây Sơn, thì lại đưa thư đề đạt ý chí rồi dẫn quân về, đừng làm cho họ sinh nghi, lại gây hấn khích ở biên giới".

Tháng 10, quân lính Hoàng Ngũ Phúc qua sông Gianh, nhờ bọn nội ứng mở cửa đồn ra hàng. Quân Phúc kéo quân vào doanh lũy Trấn Ninh và san phẳng lũy ấy.

Tháng 12, Phúc kéo quân vào xã Hồ Xá, làm tờ hịch kể tội Trương Phúc Loan và nói thác rằng việc hành quân cốt để trừ khử Phúc Loan mà thôi. Nhân quyền thần Nguyễn Cửu Pháp vốn ghét Loan, bèn cùng bọn lập mưu bắt Phúc Loan đang theo lệnh Chúa luyện quân ở núi Quy Sơn. Ngũ Phúc bắt được Loan mừng quá, bèn hạ lệnh cuốn cờ, im trống kéo lẻn đến huyện Đăng Xương, lại đưa thư nói thác rằng :"giặc Tây Sơn chưa dẹp xong, xin hội quân ở Phú Xuân để tiếp ứng".

NHÀ TÂY SƠN (1788-1802)

NHÀ NGUYỄN (1802-1945)

Niên hiệu Gia Long (1802-1819)

Niên hiệu Minh Mệnh (1820-1840)

17. Năm GIÁP NGỌ (1834, Minh Mệnh 15; Thanh, Quang Đạo 14).

. Vua Thánh Tổ châm chước theo tổ chức Khu Mật Viện nhà Tống và Quân Cơ Xứ nhà Thanh mà lập ra Cơ Mật Viện. Các quan đại thần ở Cơ Mật Viện có đeo kim bài để phân biệt với các quan khác. Kim bài khởi đầu từ đấy.

Vì có giặc Lê Duy Lương nên nhà vua truyền bắt dòng dõi nhà Lê đem đày vào Quảng Nam, Quảng

Ngãi, Bình Định, cứ cho 15 người ở một huyện và phát cho 10 quan tiền và 2 mẫu ruộng để làm ăn.

Niên hiệu Thiệu Trị (1841-1848)

Năm 1847 hai tàu chiến của Pháp đến bắn chìm 2 tàu của ta ở cửa biển Đà Nẵng rồi rút đi.

Niên hiệu Tự Đức (1848-1883)

Năm 1856 là năm Tự Đức 9, quân Pháp mang tàu tên Catinat vào cửa Đà Nẵng bắn phá rồi bỏ đi.

Năm 1858 (Tự Đức 11), Liên quân Pháp- Y Pha Nho chở quân đến cửa Đà Nẵng.

Năm 1859 (Tự Đức 12) quân Pháp đánh phá Gia Định.

Hòa Ước năm Nhâm Tuất (1862) nước ta phải nhường đứt 3 tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường cho Pháp.

Năm 1867, quân Pháp kéo quân đ ến định đánh lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Tổng Đốc Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bèn giao nộp thành trì cho Pháp rồi uống thuốc độc mà tự tận.

Hòa Ước năm Giáp Tuất (1874)

Niên hiệu Hiệp Hòa (1883)

Niên hiệu Kiến Phước (1884)

Niên hiệu Hàm Nghi (1664-1888)

Niên hiệu Đồng Khánh (1885-1889)

Niên hiệu Thành Thái (1889-1907)

18. Năm GIÁP NGỌ (1894), Thành Thái 6).

.Tháng 1 ngày 13, Pháp lập Toà Thượng Thẩm Hà Nội.

.Cuối tháng 1, Pháp thương lượng với Đề Thám. Cuộc thương lượng kéo dài 3 tháng nhưng bất thành.

.Tháng 3, Tổng Thống Pháp ra sắc luật thành lập Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies).

. Tháng 9, Tổng Thống Pháp ra sắc lệnh thành lập Hội Đồng Bảo Hộ Trung- Bắc Kỳ (Conseil de Protectorat de l'Annam-Tonkin); Toàn Quyền Đông Dương là Chủ Toạ của Hội Đồng này.

. Tháng 12, Nhà máy sợi Hà Nội xây dựng xong.

Niên hiệu Duy Tân (1907-1916)

Niên hiệu Khải Định (1916-1925)

Niên hiệu Bảo Đại (1926-1945)

SAU NĂM 1945

19. Năm GIÁP NGỌ (1954).

A. TRẬN ĐIỆN BIÊN PHỦ:

Phía Pháp: Tướng Navarre tự đưa quân mình chui vào rọ.

Đến đầu năm 1954 Căn Cứ Điện Biên Phủ đã bị Việt Minh vây chặt; theo thống kê thì kể từ 20/11/1953 đến 15/2/1954 số thương vong của Pháp trong các cuộc hành quân thám sát đã xấp xỉ 1000 người. Nguy hiểm nhất là các cao điểm khống chế thung lũng đã nằm trong tay đối phương và Pháp không thể nào đánh bật họ ra khỏi các vị trí sanh tử đó. Và, vào tháng 2/1954 căn cứ Không- Lục Điện Biên Phủ đã hiển nhiên trở thành vô dụng. Nó không cản được cuộc tiến quân sang Lào của Việt Minh như tướng Navarre đã dự kiến mà lại đang có nguy cơ bị vây hãm khốn đốn.

VIỆT MINH VÀ PHÁP CHUẨN BỊ QUYẾT CHIẾN.

PHÍA VIỆT MINH:

Lực lượng tác chiến, Việt Minh điều vào chiến trường:

-4 Đại Đoàn Bộ Binh 316, 312, 308, 304 (trừ 1 Trung Đoàn tham dự chiến dịch Trung Lào)

- Đại Đoàn Công Pháo 351 gồm: 1 Trung Đoàn Pháo 105 ly (24 khẩu), 1 Trung Đoàn Sơn Pháo 75 ly

(20 khẩu), 1 Tiểu Đoàn Súng Cối 120 ly (16 khẩu), 1 Trung Đoàn Pháo Phòng Không, trong đó có 1 Tiểu Đoàn Pháo Cao Xạ 37 ly (12 khẩu), 2 Tiểu Đoàn Cao Xạ 12 ly 7.

- 1 Trung Đoàn Công Binh.

Lực lượng phục cho Lực lượng tác chiến gồm:

.Đoàn Dân Công đông đảo trên 260 ngàn người sử dụng 600 xe vận tải, 40 ngàn thuyền bè, 20 ngàn xe đạp thồ.

.Riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ có 40 ngàn dân công trực tiếp lo việc chuyển vận và đào hầm hố.

Tuyến hậu cần: Có 4 tuyến hậu cần chính đều đổ về Tuần Giáo là Căn Cứ Tiếp Vận Tiền Phương cho mặt trận Điện Biên Phủ.

.Tuyến thứ nhất: qua Cao Bằng, Tuyên Quang;

.Tuyến thứ hai: qua Lạng Sơn, Tuyên Quang;

.Tuyến thứ ba: qua Lao Kay, Tuyên Quang. Cả 3 đều đến đầu mối Yên Bái trước khi vượt sông Hồng đổ xuống Tuần Giáo.

.Tuyến thứ tư: từ Trung Quốc sang, nhưng không qua Yên Bái mà đến Lai Châu.

Ngoài ra còn có một tuyến đường tiếp tế lúa gạo cho Điện Biên Phủ từ Thanh Hóa qua Hòa Bình lên Sơn La.

PHÍA PHÁP: QUYẾT TỬ THỦ

Vào đầu tháng 1/1954, tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ của Pháp đã hình thành, gồm 3 phân khu: Phân Khu Trung Tâm, Phân Khu Bắc và Phân Khu Nam.

Phân Khu Trung Tâm, là nơi tập trung:

.Bộ Chỉ Huy Căn Cứ Không-Lục Điện Biên Phủ;

.Các đơn vị Yểm Trợ Tác Chiến;

.Các đơn vị Yểm Trợ Tiếp Vận;

.Lực Lượng Trừ Bị;

. Sân bay chính.

Phân Khu Trung Tâm thiết lập 5 cứ điểm cấp Tiểu Đoàn:

. Cứ điểm Claudine, nằm phía Tây sông Nậm Rốm;

. Cứ điểm Dominique, nằm phía Đông sông Nậm Rốm;

.Cứ điểm tiền tiêu Béatrice, ở phía Đông Bắc cách Trung Tâm ĐB P. 3 cây số,

. Lực lượng lưu động trấn giữ là Liên Đoàn Lưu Động số 9.

Phân Khu Bắc: có 2 cứ điểm:

. Cứ điểm Gabrielle, nằm trên một ngọn đồi ở phía Đông con đường mòn Pavie, cách Trung Tâm ĐBP năm cây số về phía Bắc án ngữ địch từ hướng Lai Châu đổ xuống.

.Cứ điểm Anne Marie, nằm về phía Tây đường mòn Pavie, cách Trung Tâm ĐBP hai cây số về hướng Tây Bắc.

Phân Khu Nam: có cứ điểm Isabelle tại phía Nam, cách Trung Tâm ĐBP tám cây số, nằm vắt ngang con đường 41.

Mỗi cứ điểm có 1 Tiểu Đoàn thiện chiến trấn đóng.

Một lực lượng trừ bị thường xuyên là 1 Liên Đoàn Nhảy Dù.

Về Thiết Giáp thì có 1 Chi Đoàn chiến xa hạng nhẹ M24 gồm 10 chiếc, trong đó có một Chi Đội 3 chiếc bố trí ở Cứ Điểm Isabelle, còn 7 chiếc đặt ở Phân Khu Trung Tâm làm nhiệm vụ xung kích cũng như phản kích.

Pháo Binh Yểm Trợ:

Về Pháo Binh gồm đại bác 105 ly, 155 ly và súng cối 120 ly đặt trong các vị trí khác nhau để yểm trợ hỗ tương:

. Phân Khu Trung Tâm: 1 Tiểu Đoàn Pháo Binh 105 ly, 1 Pháo Đội 155 ly và 1 Đại Đội súng cối 120 ly; có nhiệm vụ yểm trợ toàn bộ ĐBP.

. Phân Khu Bắc: Cứ điểm Gabrielle và Anne Marie đều có 1 Đại Đội súng cối 120 ly.

. Phân Khu Nam: có 2 Pháo Đội 105 ly đặt tại Cứ Điển Isabelle.

Không Quân yểm trợ gồm khoảng 80 chiếc máy bay vận tải đủ loại bay chừng 300 cây số tiệp liệu mọi loại, mỗi ngày khoảng 100 tấn.

TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG:

Đầu tháng 3/1954, số quân Pháp ở Điện Biên Phủ mà nòng cốt là 12 Tiểu Đoàn Bộ Binh, 3 Tiểu Đoàn Pháo Binh, 1 Chi Đoàn chiến xa, tổng cộng lên khoảng 10,814 người.

Xét về quân số và hỏa lực, Pháp có 1 thì Việt Minh có 4, còn xét về tiếp vận thì Pháp ở trong tình trạng bấp bênh, không chủ động được, trong khi Việt Minh có đủ điều kiện và quyết chí dồn hết nổ lực vào chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trong lĩnh vực tiếp vận, có 3 câu hỏi đã được đặt ra:

Một là trong khi đánh nhau, liệu Pháp có đủ máy bay để chuyên chở hay không?

Hai là liệu đối phương có để cho máy bay tự do vận chuyển không?

Và ba là liệu sân bay đối phương có để cho sử dụng được không?

Cả ba câu hỏi này không ai trả lời được cho đến khi

Việt Minh bắt đầu tấn công.

VIỆT MINH BẮT ĐẦU TẤN CÔNG ĐIỆN BIÊN PHỦ:

ĐỢT I: Từ 13/3 đến 17/3/1954,

a) Tấn công Cứ điểm Béatrice:

Chiến thuật Tiền pháo hậu xung, tấn công chiếm Cứ Điểm Béatrice:

Ngày 13/3/1954 Đại Đoàn 312 sử dụng 2 Trung Đoàn với sự yểm trợ của 1 Đại Đội Pháo 105 ly, 1 Đại Đội Sơn Pháo 75 ly, và 1 Đại Đội súng cối 120 ly tấn công Cứ Điểm Tiền Tiêu Béatrice.

Đúng 17:00 giờ

Pháo Việt Minh tập trung pháo kích tới tấp vào Cứ Điểm Béatrice và nã cầm chừng vào Cứ Điểm Gabrielle và Phân Khu Trung Tâm.

.Tại Cứ Điểm Gabrielle, Đại Đội Súng Cối 120 ly tê liệt hoàn toàn.

.Tại Phân Khu Trung Tâm, 1 Trung Đội Pháo 105 ly bị loại ra vòng chiến, nhiều pháo thủ bị thương vong.

.Tại Cứ Điểm Béatrice, Chỉ Huy Trưởng và toàn ban Tham Mưu trong hầm chỉ huy bị trúng đạn pháo của đối phương đều chết tại chỗ. Việc chỉ huy như rắn mất đầu, các Đại Đội tự lo liệu lấy.

.Tại Phân Khu Trung Tâm, đang bàn bạc chỉ định người chỉ huy mới cho Béatrice thì một viên đạn pháo xuyên qua nóc hầm, giết chết Trung Tá Gaucher, Chỉ Huy Trưởng Phân Khu Trung Tâm. Đại Tá De Castries phải vội vã cử Trung Tá Langlais đang chỉ huy Liên Đoàn Nhảy Dù Số 2 phụ trách chỉ huy Phân Khu Trung Tâm.

Khoảng 20: 30 giờ, sau các đợt pháo dữ dội và liên tiếp, các Trung Đoàn 141 và 219 từ các giao thông hào nhảy lên xông vào hàng rào kẽm gai, dùng bộc phá

đánh thủng lớp dây kẽm gai cuối cùng.

Tin dữ tới tấp đến Bộ Chỉ Huy Phân Khu Trung Tâm:

. Đại Đội 10 giữ phía Đông Bắc Cứ Điểm không trả lời trên máy vô tuyến nữa.

. Đại Đội 11 trả lời cụt ngủn rằng: "Việt Minh ở khắp nơi và đang đánh nhau ở chung quanh pháo đài chỉ huy". Vào lúc đó tất cả các sĩ quan của Tiểu Đoàn đã bị loại ra khỏi vòng chiến; ở Cứ Điểm Béatrice bây giờ chỉ còn Hạ Sĩ Quan chỉ huy binh sĩ.

. Đại Đội 9 vẫn cầm cự quanh chiếc pháo đài chỉ huy nhờ có pháo binh tiếp cận mạnh mẽ. Nhưng, đến quá nửa đêm thì máy vô tuyến của Đại Đội này im tiếng sau khi yêu cầu pháo binh bắn vào ngay pháo đài đó.

Khoảng 02:00 giờ sáng, các binh sĩ còn sống sót của Tiểu Đoàn 3 thuộc Bán Lữ Đoàn Lê Dương Số 3 bỏ Cứ Điểm Béatrice trốn vào rừng.

Trận đánh đầu tiên Điện Biên Phủ chấm dứt.

Phía Việt Minh bắt được một Trung Úy Pháp bị thương, liền thả về mang theo thơ của Việt Minh, đề nghị hưu chiến từ 08 giờ sáng đến 12 giờ trưa ngày 14 tháng 3.

Đại Tá De Castries chấp thuận, và phía Pháp tìm kiếm được 8 thương binh.

Kiểm điểm sau trận đánh kéo dài 8 tiếng đồng hồ, Cứ Điểm Béatrice đã lọt vào tay Việt Minh mà Pháp phải huỷ bỏ cuộc phản kích vì lý do:

. Dù chiếm lại được Béatrice thì cũng không giữ được nữa;

. Không đủ pháo binh yểm trợ, vì chỉ nội trong đêm đánh nhau, Pháp đã tiêu thụ 6 ngàn viên đạn 105 ly, tức là một phần tư số đạn dự trữ, mà lúc này họ không

hy vọng tái tiếp tế bằng máy bay được.

. Phải dành ưu tiên cho việc tăng việncho Cứ Điểm Gabrielle nếu bị tấn công.

Tổn thất:

.Phía Pháp có trên 500 thương vong; gần 200 binh sĩ trấn thủ Béatrice rơi vào tình trạng khiếp nhược, mấy hôm sau có một số đào ngũ.

.Phía Việt Minh, Đại Đoàn 312 chết khoảng 600 và bị thương hơn 1,000.

b) Tấn công chiếm Cứ Điểm Gabrielle và Anne Marie:

Ngày 14/3/54, Việt Minh pháo vào sân bay, phá hủy đường bay, một số máy bay còn sót lại chưa phá được trong trận tấn công trước, phá hủy đài kiểm soát. Từ đây Pháp tiếp tế cho Điện Biên Phủ bằng cách thả dù.

Đúng 14:45 giờ, ngày 14/3, Pháp thả dù Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù Việt Nam (trong đó có Đại Úy Tiểu Đoàn Phó Phạm Văn Phú, sau này trở nên Thiếu Tướng trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà Tư Lệnh Quân Khu II năm 1975) xuống tăng cường cho căn cứ Điện Biên Phủ.

Đúng 17:00 giờ, ngày 14/3, pháo của Việt Minh gồm: Một Đại Đội Pháo 105 ly, một Đại Đội súng cối 120 ly, và một Đại Đội Sơn Pháo 75ly, bắt đầu nã dồn dập vào cứ điểm Gabrielle(Việt Minh gọi là đồi Độc Lập) do Tiểu Đoàn 5/7 Bộ Binh Algerie trấn đóng.

Lúc 20:00 giờ, Đại Đoàn 308 xông trận với 2 mũi tấn công, mỗi mũi do 1 Trung Đoàn đảm nhiệm. Nhưng bị quân trú phòng chống trả mãnh liệt.

Lúc 2:30 sáng, pháo của Việt Minh ngưng tác xạ, quân xung kích vẫn bám trận địa.

Lúc 3:30 , pháo Việt Minh lại nổ dồn; viên chỉ huy

cứ điểm và Ban Tham Mưu bị thương.

Liên lạc điện thoại và vô tuyến với Bộ Chỉ Huy Phân Khu Trung Tâm bị gián đoạn;Việt Minh đẩy dần quân Pháp ra khỏi các ổ kháng cự.

Đại Tá De Castries cho mở cuộc phản kích với một lực lượng gồm 1 Đại Đội Lê Dương, Tiểu Đoàn 5 Nhảy Dù Việt Nam, và một Chi Đội Chiến Xa, nhưng bị pháo của Việt Minh bắn chặn dữ dội, nên dừng lại phía Nam cứ điểm Gabrielle. Số quân trú phòng đã bỏ vị trí về nhập với quân cứu viện.

Tổn thất: hai bên rất cao:

Phía Việt Minh: Ước lượng từ 1000 đến 2000 người chết, và khoảng từ 2000 đến 4000 người bị thương.

Phía Pháp: mất khoảng 1000 người kể cả số thương vong của lực lượng phản kích.

Cứ điểm Anne Marie do Tiểu Đoàn 3 Thái trấn đóng một phần đào ngũ theo Việt Minh, một số bỏ ngũ về với gia đình.

Ngày 16/3 Tiểu Đoàn Dù Thuộc Địa 6 nhảy dù xuống tăng cường cho căn cứ, nhưng De Castries không cho quân thay thế vì sợ giữ Anne Marie cũng sẽ tổn thất nặng như ở Béatrice và Gabrielle.

Chỉ 5 ngày đánh nhau, Pháp đã lâm vào cảnh ngặt nghèo:

.Ba cứ điểm trọng yếu ở phía Bắc làm lá chắn cho Trung Tâm Phân Khu bị thất thủ;

.Số thương vong chiếm tới 1/3 quân số của căn cứ đó;

.Tiếp tế không được bảo đảm vì sân bay không sử dụng được nữa, và vùng thả bị thu hẹp dần.

Pháo của Việt Minh qủa đã thực đã chiếm công đầu, ngày 17/3/54 Đại Đoàn Công Pháo 351 nhận cờ "Quyết Chiến Quyết Thắng" của Việt Minh. Trái lại, chứng kiến

cảnh cứ điểm Gabrille hấp hối, Đại Tá Charles Piroth, người chỉ huy Pháo Binh của căn cứ rưng rưng nước mắt nói với người chỉ huy Phân Khu Bắc là Trung Tá Trancart rằng: "Tôi mất hết danh dự. Tôi đã bảo đảm với De Castries là pháo binh của địch không thể động tới chúng ta được, thế mà chúng ta sắp thua trận này. Thôi vĩnh biệt". Viên Đại Tá cụt tay này đã cắn chốt lựu đạn kết liễu đời mình.

ĐỢT II: từ 30/3 đến 30/4/1954.

Sau khi các trận đánh ở Béatrice và Gabrielle kết thúc, hàng vạn dân công đã cùng với các đơn vị Việt Minh ngày đêm đào một hệ thống giao thông hào từ nhiều hướng khác nhau chằng chịt quy vào Trung Tâm Thung Lũng Điện Biên Phủ.

Ngày 22/3, tướng Cogny chỉ thị cho Đại Tá De Castries chuẩn bị tiến hành chiến tranh địa đạo chiến, nhưng gặp khá nhiều thất lợi về mọi mặt.

Đúng 17:30 giờ ngày 30/3/1954 Việt Minh mở đợt tấn công thứ hai ở Điện Biên Phủ. Pháo của họ dồn dập nã vào các cứ điểm Dominique, Eliane và khu vực Bộ Chỉ Huy Căn Cứ. Việt Minh mở đợt tấn công lần thứ 2 này kéo dài một tháng, hai bên quần thảo nhau. Việt Minh áp dụng chiến thuật biển người tấn công chiếm các cứ điểm 12 lần, Pháp 16 lần tiến đánh chiếm lại. Cả hai bên tinh thần binh lính đều giao động, đến nỗi hai bên đều có lệnh bắn những kẻ khi xông trận mà bỏ chạy.

Ngày 16/4 Bộ Tư Lệnh Pháp ở Hà Nội thông báo Đại Tá De Castries được thăng cấp Thiếu Tướng và phần lớn các sĩ quan mỗi người lên một cấp. Cặp lon Thiếu Tướng và chai sâm banh được thả dù xuống Điện Biên Phủ đã lọt vào tay đối phương.

ĐỢT III: từ 1/5 đến 7/5/1954.

Đêm 1/5 Việt Minh mở đợt tấn công thứ 3:

Đại Đoàn 316 và 312 thanh toán các điểm tựa ở

phía Đông.

Đại Đoàn 308 tiến chiếm khu vực phía Tây.

Đại Doàn 304 đánh lấn vào phía Đông Bắc của cứ điểm Isabelle ở phía Nam.

Cuộc chiến giữa hai bên không kém phần ác liệt.

Nguyên ngày 4/5 Pháo binh Pháp đã bắn tới gần 4000 viên đạn pháo 105, 155, và cối 120 ly. Nếu cứ đà này thì có lẽ ngày hôm sau thì là hết đạn pháo

Ngày 5/5 Pháp bắn cản nhằm vào một nơi tập trung quân của Việt Minh ở phía Đông. Việt Minh đã đáp lại bằng một cuộc phản pháo kéo dài 4 tiếng đồng hồ.

Tình hình ở Điện Biên Phủ đã đi đến chỗ tuyệt vọng, cho nên Bộ Tổng Tư Lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương phải ra lệnh cho quân đồn trú rút chạy. Lúc 21:00 giờ ngày 5/5 tướng De Castries nhận được một bức điện riêng của tướng Cogny cho phép tiến hành cuộc vượt thoát vòng vây nếu cảm thấy rằng không còn hy vọng gì cầm cự được nữa.

Nhưng tướng De Castries và các sĩ quan chủ chốt trong Bộ Chủ Huy Trung Tâm đồng ý không phổ biến lệnh đó vì e ngại quân sĩ sẽ mất tinh thần, và không tin rằng quân sĩ quá mệt mỏi của họ lại có thể tồn tại sau cuộc đột phá vòng vây trùng điệp của Việt Minh và chạy qua vùng rừng núi.

Vào buổi sáng ngày6/5 số đạn dự trữ pháo binh còn chưa đầy một ngày.

Đúng 18:00 ngày 6/5, pháo của Việt Minh dồn dập nã vào căn cứ, và lần đầu tiên tiếng nổ long trời, tiếng rú rùng rợn của các hỏa tiễn xuất phát từ các ống phóng Katyusha do Nga chế tạo. Khắp các căn cứ các kho tàng bắt đầu phát nổ và bốc cháy.

Pháo dứt, 4 mũi tấn công của Việt Minh đồng loạt hướng vào Trung Tâm Điện Biên Phủ.

Bất cứ chỗ nào quân đồn trú của Pháp cũng chống trả quyết liệt.

Đợt xung phong đầu tiên bị khựng lại sau khi bỏ lại 200 xác chết.

Đúng 11 giờ đêm ngày 6/5, Việt Minh nổi hiệu tổng công kích bằng một tiếng nổ long trời do 1 tấn thuốc nổ TNT. Bộ đội Việt Minh xốc tới. Tuy nhiên quân trú phòng tiếp tục cầm cự và cho đến sáng hôm sau vẫn không chịu buông súng.

Trong lúc cấp chỉ huy của Pháp đang hội họp thì Trung Đoàn 209 của Đại Đoàn 312 tiến sát cầu Mường Thanh và các Trung Đoàn khác nhất tề xông vào Trung Tâm.

Lúc 17:00 giờ, tướng De Castries thông báo với Hà Nội sẽ cho phá huỷ máy truyền tin vào lúc 17:30 giờ.

Về phía Việt Minh, ghi lại vắn tắt diễn biến vào phút chót ở Điện Biên Phủ:

"Trung Đội Trưởng Chu Bá Thệ, Trung Đoàn 209, Đại Đoàn 312, dẫn Trung Đội nhanh chóng vượt cầu Mường Thanh tiến thẳng vào sở chỉ huy địch.

17 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5, 1954, tướng Đờ Cát-tơ-ri và toàn bộ tham mưu tập đoàn cứ điểm bị bắt sống."

B. CHIẾN DỊCH ATLANTE ĐÁNH VÀO LIÊN KHU V CỦA VIỆT MINH.

Mặc dù Pháp đang bị vây hãm ở Điện Biên Phủ, tướng Navarre vẫn nhất quyết tiến hành chiến dịch Atlante nhằm bình định Liên Khu 5 gồm 4 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên ở phía Nam Trung Phần đã nằm dưới quyền kiểm soát của Việt Minh từ 1945.

Chiến dịch Atlante gồm 2 giai đoạn mang tên khác nhau:

Giai đoạn 1 (Hành quân Aréthuse) kéo dài từ 20/1 đến 3/3/1954, Pháp đổ bộ lên Hội An (quảng Nam), mũi Varella (Quảng Ngãi) và Tuy Hòa (Phú Yên).

Giai đoạn 2 (Hành quân Axelle) bắt đầu từ ngày 13/3 kéo dài cho đến tháng 7/1954. Trong khoảng thời gian này Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn.

C. VIỆT MINH UY HIẾP BẮC CAO NGUYÊN TRUNG PHẦN

Trong khi Pháp đánh chiếm Liên Khu V thì Việt Minh đem chủ lực của họ ở vùng này lên đánh các điểm chiến lược của Pháp ở Bắc Cao Nguyên Trung Phần. Pháp phải bỏ Kontum rút về cố thủ Pleiku giữa tháng 3/1954.

.Việt Minh tiếp tục uy hiếp Pleiku.

.Hạ tuần tháng 6/54, Liên Đoàn Khinh Binh 100 bị phục kích trên trên đường 19 từ An Khê đi Pleiku đã bị loại ra khỏi vòng chiến.

HỘI NGHỊ GENÈVE

Trong khi chiến sự đang còn sôi sục ở Việt Nam thì các cường quốc trên thế giới thỏa thuận nhau triệu tập một Hội nghị quốc tế ở Genève để bàn về các vấn đề rất đáng quan ngại ở thời điểm đó. Hội nghị Genève khai mạc ngày 26/4/1954 với 2 chủ đề trong chương trình nghị sự là Triều Tiên và Đông Dương. Tuy nhiên các cuộc thảo luận không triển vọng đi đến độc lập và thống nhất thì hội nghị tập trung bàn về vấn đề Đông Dương.

Thành phần tham dự:

Phe Cộng Sản gồm Liên Xô, Ngoại Trưởng Molotov; Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa (Trung Cộng), và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (Việt Cộng).

Phe không Cộng Sản gồm Anh, Ngoại Trưởng Eden; Hoa Kỳ, Foster Dulles; Pháp, Ngoại Trưởng Georges

Bidault; và 3 quốc gia liên kết là Lào, Cao Miên và Quốc Gia Việt Nam. Đối với các cuộc thảo luận về Đông Dương, Hoa Kỳ tỏ ra không mặn mà và e ngại các cuộc thương thuyết sẽ dẫn đến những nhượng bộ có lợi cho Cộng Sản. Quốc Gia Việt Nam cũng không muốn tham dự Hội Nghị Genève, nhưng do sức ép của Pháp và sự vận động của Anh, Hoa Kỳ và Pháp mà Quốc Trưởng Bảo Đại buộc lòng phải cử Ngoại Trưởng Nguyễn Quốc Định. (Bộ Trưởng Ngoại Giao trong Chính Phủ của Hoàng Thân Bửu Lộc làm Thủ Tướng) đến Genève để bàn về việc các phe Việt Nam tham dự Hội Nghị cho đủ lệ. Trái lại chỉ một ngày sau khi là phái đoàn Việt Minh do Phó Thủ Tướng quyền Bộ Trưởng Ngoại Giao Phạm Văn Đồng dẫn đạo đã đến Genève.

Thảo luận, đề nghị, vận động, thuyết phục, áp lực, dàn xếp, ma mảnh chính trị, mặc cả gay go đến hồi kết thúc ngày 20/7/1954: Hai vấn đề chưa giải quyết được. Vấn đề thứ nhất, ngay từ lúc đầu bàn cãi Việt Minh đòi lấy vĩ tuyến 14 nằm giữa Khoảng Đà Nẵng và Cam Ranh làm ranh giới hai vùng tập kết quân đội. Đến ngày 13/7, Chu Ân Lai thuyết phục Phạm Văn Đồng lui lại vĩ tuyến 16, tức là khoảng phía Nam Huế. Phía Pháp vẫn không chịu. Vấn đề khựng nơi đây. Vấn đề thứ hai, Việt Minh khăng khăng đòi tổng tuyển cử trong vòng 6 tháng trong khi Pháp không chịu đưa ra một thời hạn nhất định nào. Cuối cùng Ngoại Trưởng Liên Xô Molotov buộc Phạm Văn Đồng giới tuyến ở vĩ tuyến 17, còn về kỳ hạn tổng tuyển cử cũng chẳng cần hỏi ý kiến ông Phạm Văn Đồng nói thẳng với Thủ Tướng Pháp Mendès France là 2 năm. Mendès France mừng rơn. Lúc đó kim đồng hồ chỉ 5 giờ 15 chiều.

Khi Hội Nghị Genève kết thúc, Ngoại Trưởng Quốc Gia Việt Nam Trần Văn Đỗ đã gởi một điện văn báo cáo kết quả của Hội Nghị và xin từ chức lên Thủ Tướng

Ngô Đình Diệm (ngày 7/7 /1954 thành lập Nội Các) với lời lẽ thống thiết:

" Không có cách chi chống chế được sự thù nghịch của kẻ thù và sụ gian xảo của những người bạn giả dối của chúng ta ...Những thủ tục bất thường đã làm tê liệt hoạt động của phái đoàn ta ... Mọi cuộc dàn xếp đã được ký kết trong vòng riêng tư..."

Thực vậy, lúc chính phủ Quốc Gia Việt Nam không chịu cử phái đoàn Hội Nghị Genève, chính phủ Pháp đã gây áp lực bằng cách tung tin trên báo chí là do thái độ tiêu cực đó mà Việt Minh đã trì hoãn việc trao trả thương binh cho Pháp ở Điện Biên Phủ.

Tại Hội Nghị, đại diện của quân đội Quốc Gia Việt Nam không được tham dự vào Tiểu Ban Quân Sự bàn về việc đình chỉ chiến sự ở Đông Dương.

Trong các cuộc tiếp xúc riêng tư giữa các đoàn đại biểu để quyết định những vấn đề chính trị tối quan trọng liên quan đến tương lai của Việt Nam thì chẳng ai ngó ngàng tới phái đoàn Quốc Gia Việt Nam, bỏ mặc ông Trần Văn Đỗ lủi thủi bên lề Hội Nghị. (Thành phần Nội Các Ngô Đình Diệm gồm có: Ngô Đình Diệm: Thủ Tướng Chính Phủ kiêm bộ Nội vụ và Quốc Phòng; Bộ Trưởng Ngoại Giao: Trần Văn Đỗ; Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng: Trần Văn Chương; Bộ Trưởng Tài Chánh Và Kinh Tế: Trần Văn Của; Bộ Trưởng Canh Nông: Phan Khắc Sửu; Bộ Trưởng Lao Động và Thanh Niên: Nguyễn Tăng Nguyên; Bộ Trưởng Giao Thông Công Chánh:Trần Văn Bạch; Bộ Trưởng Quốc Gia Giáo Dục: Nguyễn Dương Đôn; Bộ Trưởng Y Tế và Xã Hội: Phạm Hữu Chương. Bảy Quốc Vụ Khanh là: Trần Chánh Thành, đặc trách Phủ Thủ Tướng; Lê Quang Luật, đặc trách Thông Tin; Nguyễn Ngọc Thơ, đặc trách Nội Vụ; Lê Ngọc Chấn, đặc trách Quốc Phòng; Bùi Văn Thinh, đặc trách Tư Pháp; Nguyễn Văn Thoại, đặc trách Kinh

Tế; Trần Hữu Phương, đặc trách Tài Chánh; Phạm Duy Khiêm là Phát Ngôn Viên Chính Phủ)

Quả thực vậy, trước khi Nội Các Laniel đổ, trong phiên họp của Quốc Hội Pháp vào ngày 10/6 ông Mendès France đã kêu gọi chính phủ Pháp phải thay đổi chính sách nhằm kết thúc danh dự cho cuộc xung đột ác liệt kéo dài 8 năm, Pháp phải vận động hòa bình trực tiếp với Việt Minh. Khi được tấn phong làm Thủ Tướng vào ngày 20/6, ông liền thực hiện kế hoạch của ông.

Bản Tuyên Bố Chung của Hội Nghị Genève chứa đựng những điều khoản cực kỳ quan trọng có tác dụng lâu dài đối với tình hình Đông Dương. Người ta cho rằng Quốc Gia Việt Nam và Hoa Kỳ không chịu ký cho nên phe Cộng Sản cũng không hạ bút.

Sau ngày ký hiệp nghị thỏa thuận, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đọc bài diễn văn ở Sài Gòn, có treo cờ rũ trong đó ông lên tiếng chống lại sự bất công, đã giao cho Cộng Sản tất cả miền Bắc đất nước, thêm 4 tỉnh miền Trung....chúng tôi không thể đặt vào vòng nô lệ hàng triệu đồng bào, trung thành với chủ nghĩa quốc gia....

20. Năm GIÁP NGỌ (2014): Chờ xem!

TRÁC NHƯ

Sau đây là một số thi văn của những người đã sống ở vùng Liên Khu V ghi lại cảm nghĩ của họ:

Nữ Sĩ Trúc Tiên ghi lại vài bước nguy nan ngày 22 tháng 12, 1953, chạy giặc qua mộ Long Vân qua bài thơ Đường luật dưới đây:

QUÂN PHÁP ĐỔ BỘ QUY NHƠN

Giữa bụi tre già lạnh buốt xương,
Màn trời chiếu đất cảnh thê lương;
Bom bay súng dội bao kinh khủng,
Cháu khóc bà run lắm đoạn trường.
Mấy gói cơm khô dành lót dạ,
Một bầu nước lã đỡ hơi khan;
Trăng mờ bóng Mộ lòng tan nát,
Cám bạn nghìn thu dưới nắng sương,[1]

[1] Mộ đây là mộ của phu quân của tác giả.

Nữ Sĩ Trúc Tiên cũng ghi lại:

Ngày 7 tháng 2, Giáp Ngọ, 1954: Tản cư Thanh Huy.

Tản cư tạm ẩn núi Thanh Huy[1],
Sương nắng đêm ngày có quản chi;
Nhìn cháu trẻ thơ lam lũ quá,
Khôn cầm nước mắt bước gian nguy.

Một ngày dằng dặc tợ ba năm,
Gốc mít vồng khoai la lết nằm;
Bữa sắn bữa rau nhà Lão Lượm, (tên Chủ nhà)
Dân Quân rày đuổi lại mai hăm.

Ngày 15 tháng 2, Pháp tới núi Thanh Huy

Một sớm bên rừng súng bắn vang,
Tảo thanh sơn cước lính Lê Dương;
Hung hăng giặc dữ mà nhân đạo,
Họ thấy mình đau họ cũng thương.

Chỉ hỏi: Rằng đây phải Việt Minh?
Lạy Ngài tôi thật kẻ dân lành.
Họ liền gọi hết đưa đi cả,
Theo với một đoàn tới trại dinh.

Đêm đó là đêm Rằm Tháng Hai,
Nằm trong mán cỏ chuồng trâu ai;
Nửa mừng nửa sợ cơn nguy biến,
Hy vọng một ngày xuân tái lai.

Sáng mai họ lại đưa về tỉnh,
Là đất Quy Nhơn có biển xinh;
Có tiếng thông reo làn gió nhẹ,
Có thuyền đánh cá rặng dừa xanh.

Cát bụi xông pha áo đã đầy,
Tai qua nạn khỏi tới nơi đây;
Quy Nhơn cảnh cũ hồn man mác,
Với bạn đồng tâm nhớ những ngày.

(1) *Thanh Huy là thôn Thanh Huy thuộc xã Phước An, quận Tuy Phước. Núi Thanh Huy ở sau lưng núi Diêu Trì, còn gọi là núi Ông Bồ.* ▼

Cuộc đổi đổi

TRÚC NHI

Khoảng vài thập niên đầu của thế kỷ 20, Tám lớn lên trong một ngôi làng nhỏ ở miền Trung Việt Nam, từ một gia đình hiền lương gắn bó với những truyền thống tốt đẹp. Ngôi làng tên gọi Thôn Vân, nằm ven dãy Hùng sơn tục gọi núi Ông Vồ, có con sông Hà uốn khúc chảy qua, bắt nguồn từ xứ Hà Thanh xa vắng.

Thôn Vân cũng giống như phần đông những làng nhỏ ở miền Trung, nằm lặng lẽ quanh năm suốt tháng với một xóm chợ nhỏ gồm năm ba dãy lều tranh sơ sài, cạnh một trường sơ học xinh xinh. Trường có ba lớp, lợp ngói đỏ, cửa sơn xám lợt, là nơi có nhiều kỷ niệm nhất đối với Tám suốt thời thơ ấu. Sau các lớp sơ học, Tám được cho lên tỉnh lỵ theo học các lớp tiểu học, rồi qua học trình Cao Tiểu những năm sau đó.

Cuộc sống hiền hoà phẳng lặng như thế trải dài cho đến những năm '40-'45 khi những biến cố chính trị trở thành lịch sử đã thay đổi hẳn cục diện thời sự nước nhà. Nếp sống hằng ngày của gia đình Tám cũng đổi chiều theo thời cuộc. Việc chi tiêu chừng mực hơn, những dự tính về tương lai phải bãi bỏ. Thay vào đó,

mỗi ngày gia đình cùng mọi người phải trù liệu các biện pháp bảo toàn tài sản, bảo toàn sinh mạng vì những tin tức xa gần đem lại cho dân chúng sự ưu tư, lo lắng về chiến tranh, lo sợ những cuộc quân sự đổ bộ, v.v... Thỉnh thoảng làng quê lại bị các đợt máy bay thám thính bay lượn bất kể giờ giấc, các cuộc ném bom bắn phá cầu, đường, nhà ga hay trụ sở các cơ quan. Dân làng được khuyến cáo phải đào hầm trú ẩn, nào hố cá nhân, nào hầm chông, không khí rộn rịp lo âu cho một viễn tượng nguy hiểm bao trùm cả vùng quê. Nơi gia đình Tám ở, lại tiếp cận với một nhà ga xe lửa ở khoảng giữa con đường Xuyên Việt nên dân chúng thường bị buộc phải di tản qua các thôn xa vắng mỗi khi có tin tức tàu chiến Pháp tiến gần duyên hải kế cận.

Một đêm vào khoảng thượng tuần tháng ba năm 1954, các thôn xóm trong vùng Tám ở, bỗng chồm dậy đang đêm khuya vắng vì những giọng loa oang oang kêu gọi mọi người gấp rút tản cư, đi xa cho khỏi vùng chợ đông đảo.

Thời gian lúc ấy, những tiếng loa phát thanh do một liên lạc viên phát ra có hiệu lực rất nghiêm nhặt, khiến mọi người mọi nhà phải nhất luật thi hành mệnh lệnh. Không ai bảo ai, nhà nhà đều sắp đặt gánh gồng, bao bị; họ thâu thập cấp tốc các vật dụng thiết yếu, mang theo được món gì hay món ấy và rời khỏi vườn nhà trước khi trời sáng. Tiếng loa thôi thúc, lập đi lập lại khắp làng trên xóm dưới khiến cho tình hình đầy vẻ khẩn trương. Ai ai cũng mất cả bình tĩnh, chen nhau, kêu gọi nhau, quang cảnh trong đêm tối thật hỗn độn, bối rối.

Gia đình Tám càng thêm lúng túng, vì có mẹ già yếu bệnh, có trẻ con còn quá nhỏ, đồ đạc lại lích kích

đủ thứ, bỏ lại thì tiếc, mang theo thì nặng, hoàn cảnh thật là rối reng. Chiếc xe đạp cũ được gấp rút ráp thêm mấy đoạn gỗ để biến thành như xe thồ, vừa chở trẻ con, vừa treo thêm bao bị. Cuối cùng rồi cũng dứt ra đi, hướng về các làng mạc phía Tây để lánh xa vùng duyên hải, nơi có tin Pháp đổ bộ.

Bà Cụ chân yếu không tự đi đứng được, phải nhờ hai chị dâu trong nhà võng đi nằm trên một cái võng gai cột hai đầu vào một cái đòn tre chắc chắn. Cùng với láng giềng, gia đình Tám lần bước theo đoàn người di tản, bầu trời đen nghịt lác đác điểm một ít ngôi sao muộn làm tăng thêm vẻ huyền bí vô định của một chuyến đi bất đắc dĩ.

Nhóm người băng qua nhiều cánh đồng, leo qua đường xe lửa, hướng thẳng về xóm Đình làng trên, cách xa ba bốn cây số về phía Tây. Đường sá gập ghềnh, bước chân tập tễnh, họ dừng lại nơi một cái mương sâu, đầu cầu có đá lởm chởm vì thân cầu đã sập từ mùa nước lụt vừa qua. Cầu đá này có tiếng là có nhiều con đỉa, giống này hay đeo theo chân người mỗi khi có ai lội qua. Tình hình không dễ dàng, trời lại tối đen, ánh sao thưa không đủ soi đường, nên mọi người chùn lại. Nhất là hai bà chị gánh Cụ bà, nhất định không dám lội qua mương nước ấy, phần thì đá lởm chởm cắt vào chân, phần thì đỉa đeo vào bắp vế, thì thế nào cũng đến quẳng gánh võng mà chạy lên bờ!

Để xảy ra cơ sự như thế thì thật là nguy hại nên mọi người nhất quyết trở lại quãng đường phía sau. Họ định ghé lại tá túc vào một nhà quen gần đó cho đến ngày hôm sau, khi trời sáng rõ, họ sẽ tiếp tục ra đi. May cho nhóm người khi rẽ vào xóm thì đã tìm được nhà một nông dân quen cũ tên là ông Lượm, có liên hệ về việc lúa má với gia đình Tám. Vợ chồng ông Lượm

vui vẻ sẵn lòng mời nhận cả nhóm vào dừng chân nghỉ lại nhà ông. Nhà ông tuy bé nhỏ, nhưng "chật bụng chớ chật gì nhà", người ta thường vẫn nói thế. Sau nhà có khoảng vườn rộng, bóng cây rậm rạp, có thể dùng làm nơi tạm trú lúc cần.

Đến sáng hôm sau, mọi người vừa trải qua một đêm lao lực, thiếu ngủ và thân thể rã rời, nên có vẻ nấn ná ở nán lại cho phục hồi sức khoẻ. Nhất là tình trạng Bà Cụ mệt lả người, không tiện để gánh đi xa nữa, tuy rằng đám dân quân trong xóm vẫn theo dõi, chú ý đến nhóm này và thúc hối chủ nhà là Ông Lượm phải để mọi người ra đi. Đám trẻ con nheo nhóc khóc la và không còn tỉnh táo như ngày thường càng khiến cho mọi người phải chùn chân, liều mạng ở lại mấy hôm xem sao. Vợ chồng chủ nhà phần nể nang, phần thấy tình trạng bất an của mọi người nên cũng phải chịu trận, không có cách nào giải quyết được.

Vài ngày trôi qua như thế, mà tình trạng sức khoẻ mọi người vẫn không thấy khả quan hơn, lại tình hình chung quanh cũng tạm lắng dịu, không có dấu hiệu gì cấp bách. Vợ chồng chủ nhà tỏ ra khổ sở, nhất là người chồng rất bực bội vì áp lực của dân quân mỗi ngày mỗi thúc hối ông ta. Không làm sao được, ông ta thường lánh mặt suốt ngày, để mặc cho nhóm này ở lì trong nhà. Thật ra tình cảnh cả nhóm rất là vất vả, chiếu manh trải nằm la liệt, ăn ngủ thất thường, tinh thần lơ lửng, chẳng có định tâm gì hết. Gia đình nhỏ của Tám gồm vợ và hai con nhỏ ban ngày ra tìm bụi rậm để núp tránh máy bay; trong khi ấy gia đình người anh cũng kiếm một hang động trong triền núi kế bên để lánh nạn. Tâm lý chung là những người trai trẻ không dám ở tụ lại trong nhà, vì như thế sẽ chường mặt mỗi ngày với các vị dân quân hạnh hoẹ xua đuổi họ phải rời đi xa hơn nữa.

Một buổi chiều sau mấy ngày qua, Tám và người em dắt nhau men theo sườn núi, ngồi nghỉ dưới một lùm cây. Được một lúc thì nghe có tiếng người và tiếng động sột soạt từ xa đưa lại. Hai anh em vội ẩn mình chờ xem, thì kinh ngạc thay, có bóng hai người đàn ông lực lưỡng đang khiêng một xác người cháy đen, chân tay co quắp. Họ len lỏi xuống núi đi về trong xóm Thì ra xác người này là do đạn pháo bắn từ tàu thủy của Pháp ở cửa Thị Nại để triệt hạ một công sự quan sát của dân quân trong vùng, xây cất trên chõm núi nhìn xuống chỗ anh em Tám ngồi núp. May mắn là đạn pháo không rơi lạc vào chỗ anh em họ đang ngồi! Đêm đến, mọi người lo sợ cho một tai nạn nguy hiểm sẽ xảy ra, tinh thần ai nấy dao động vô cùng.

Ngày hôm sau, kể là bảy ngày sau đêm ra đi, các nhóm nhỏ cũng giữ lệ ra bụi và vào hang núi để núp tránh máy bay hay đạn đại bác. Khoảng bảy giờ rưỡi sáng, họ đang ăn dở bữa cơm vắt đem theo thì nhiều loạt súng lớn nhỏ nổ liên tục, tiếng hò reo, tiếng heo la, bò rống hỗn loạn, hơi thuốc súng nồng nặc và tiếng người rộn rịp chạy khắp nơi nơi. Từ chỗ Tám ngồi trong bụi tre rậm nhìn ra, cánh đồng phía Tây lố nhố người đi, trâu bò chạy sổng lung tung; nhìn ra sau về hướng Đông phía triền núi, thì lạ thay, trên đỉnh núi chạy dài, nhiều bóng người qua lại, trông kỹ như có quân lính mang khí giới đi hàng dài.

Lo sợ xanh người, Tám và vợ con đang trải qua một cơn khủng khiếp. Trong thâm tâm, họ nghĩ rằng nơi họ đang trú là an toàn, tránh khỏi được nguy cơ súng đạn. Ngờ đâu bỗng nhiên hôm nay bất thần đám quân binh võ trang hung bạo, cái rủi may sống chết của người dân lành không làm sao ngừa được. Đời sống bị kìm kẹp, đàn áp dưới chế độ Việt Minh lâu nay, thêm vào nỗi lo sợ bị máy bay khủng bố hàng ngày đã

gieo vào trong lòng họ sự buồn chán bi quan cực độ không gột bỏ được. Họ chỉ cầu mong thầm kín được thoát khỏi cảnh đời hiện tại, họ cầu mong được sống an bình tự do. Cầu mong một phép lạ, một biến cố để được giải thoát, đó là tâm lý chung. Hôm nay, một nơi hẻo lánh, an toàn như vậy lại bỗng chốc trở nên quang cảnh một trận địa, vậy là điều rủi ro nguy hiểm hay là một cơ hội may mắn ngàn năm một thuở để giải phóng mọi người ra khỏi chế độ độc tài đảng trị, áp đặt trên quê hương từ mấy năm nay?

Đang trong tâm trạng biến động khẩn cấp, Tám bỗng nhớ ra một điều mà xưa nay thường nghe dư luận bàn tán: hễ mỗi lần có quân binh Pháp và phía Quốc Gia tràn đến, đổ bộ, hoặc càn quét lùng bắt Việt Minh ở các vùng hậu phương do chính quyền Việt Minh kiểm soát, thì thường thường cư dân ở đó trước đây bị chính quyền nghi kỵ và theo dõi bấy lâu nay hay gánh chịu những hậu quả tai hại rất nặng nề sau khi quân binh rút khỏi. Thế nào họ cũng bị bắt bớ, bị gán cho tội làm gián điệp cho giặc, là giặc đã "cấy" mầm gián điệp vào họ, rồi họ bị đưa ra toà án nhân dân phán xét, xử lý. Tù tội và tử hình là điều không thể tránh được, nếu vô phúc họ bị kẹt vào vùng vây hãm bởi quân binh.

Nhưng tình trạng hiện tại thật khó xử và nguy hiểm cho nhóm của Tám. Đám quân binh tuy rất xông xáo, lục sạo, mà vẫn không nhìn thấy nhóm của Tám ngay trong cái khóm tre ven đồi. Tám chỉ cầu cho được họ thấy, lôi ra, rồi tới đâu hay tới đó, chứ cứ ẩn nấp khơi khơi như vậy rất dễ bị đạn lạc bắn vào. Suốt mấy chục phút trôi qua, quân binh vẫn nổ súng không ngừng. Hơn nữa, nếu thời gian hành quân của họ không kéo dài, họ sẽ rút đi nhanh chóng sau các đợt phá phách, đốt nhà, và bỏ lại sau lưng cả vùng xơ xác nạn nhân.

Tám và mọi người sẽ là con mồi cho sự xử lý tàn độc của chính quyền Việt Minh. Một sự thật mỉa mai là trong lúc quân binh hành quân, đám dân quân tự vệ, thường ngày rất hung hăng phách lối, bây giờ không tìm thấy một bóng ma. Bọn họ nấp rất kỹ trong các hang hố, nhưng vẫn theo dõi biến chuyển bên ngoài.

Bỗng một bóng người lính Pháp to lớn trờ đến phía trước bụi tre, cách độ năm thước, ngồi ngay xuống miếng đất trồng dưa, hái một quả rồi thong thả rút ra từ cái túi xách bên hông một con dao xếp. Anh ta không nhìn đâu cả, nhanh nhẹn cắt trái dưa rồi ngồi ăn ngon lành với một thức ăn gì lấy ra từ đồ hộp. Nhóm Tám sợ quá, im thin thít. Hai bé nhỏ ngày thường nghịch ngợm khóc la như thế, giờ đây im bặt! Độ vài phút trôi qua, người lính đứng lên, đi thẳng về phía cánh đồng.

Tám lo quá, bàn với vợ: " Chết rồi, bọn họ mà rút đi hết, mình ở lại thế nào cũng chết. Nhưng nếu mình ra mặt, đám dân quân núp trong núi trông xuống thế nào cũng nhận ra mình, nguy hiểm lắm. Làm sao bây giờ, em có cách gì không?"

Vợ Tám liền nói: "Để tôi ra, không chần chờ được nữa. Anh cứ ngồi đó, tôi liệu năn nỉ với họ." Không chờ Tám trả lời, chị bồng đứa bé gái độ ba tuổi, thoát khỏi bụi tre, thoăn thoắt chạy theo phía người lính lúc nãy; Tám chỉ biết nhìn theo cầu nguyện, ôm sát đứa bé trai vào lòng, chờ đợi, thấp thỏm lo lắng

Độ ba phút sau, có tiếng giày lộp cộp, tiếng chân người và tiếng chị Tám nói với người lính lúc nãy: "Mon mari est ici!" (Chồng tôi ở đây!) và chỉ tay vào bụi rậm. Không còn cách nào khác, Tám mạnh dạn trồi ra, nói mấy câu trần tình với người lính, mặt mày Tám xanh như chàm đổ, theo lời chị Tám nhắc lại. Người lính lên tiếng: "J'ai vu vos affaires. Suivez-moi

maintenant! " (Tôi đã thấy đồ đạc của các người. Bây giờ hãy đi theo tôi!)

Tám yên trí rồi, dắt con đi theo. Thì ra trong lúc họ lục soát đồ đạc của dân chúng, nhất là trong gian nhà nhỏ nơi có Bà Cụ và gánh xách của gia đình Tám, họ đã tìm thấy một ít sách vở và bằng cấp cùng quyển học bạ của Tám, có dán hình và ghi chú các chi tiết.

Tám theo người lính xuống khỏi đồi, quanh vào sân nhà của nhóm Tám tạm trú. Tám bình tĩnh trình bày hoàn cảnh, yêu cầu họ bảo toàn cho, vì không thể nào ở lại để chịu chết cả đám. Người lính, là một viên đội Lê Dương, hành động ngay. Anh ta đặt một bộ phận vô tuyến lấy từ trên lưng một người lính hầu, đặt xuống đất, tay rút ngọn ăng-ten lên cao và nói vào máy: " Chúng tôi vừa bắt gặp một gia đình có vẻ tin được. Vậy chúng tôi xin thỉnh ý, chờ lệnh ông!" (Nous venons d'attraper une famille qui semble digne de confiance. Qu'est-ce-que nous allons faire? Nous attendons vos ordres!) Không rõ bên đầu dây trả lời thế nào, Tám chỉ thấy viên đội Lê Dương quay lại, dõng dạc nói: "Cho các anh nửa giờ nữa để sửa soạn cùng đi!" (Vous avez une demi-heure pour vous préparer à nous suivre!)

Hú vía, như được cởi tấm lòng, Tám cảm ơn rồi quay lại nói với mọi người lúc ấy đang hồi hộp trông chờ. Tám nói: " Mẹ ơi, Chị ơi, họ bảo ra đi; mình không rõ sẽ ra sao, nhưng ở lại chắc chắn là phải chết. Mình phải chọn một đường, con đường sống là đi thôi!"

Rồi Tám nói với viên đội: " Tôi còn gia đình anh tôi, và một người em. Xin ông cùng cho đi luôn!"

Viên đội đồng ý: "Được rồi, các người lo cho họ đi." (D'accord; occupez-vous des vôtres.)

Tám nhanh nhẩu nhường bước cho ông ta đi trước,

hướng ra sau nhà đi về phía núi hướng Đông để tìm gặp gia đình. Nhưng viên đội bỗng quắc mắt: " Anh đi trước dẫn đường, chứ tôi lãnh chịu rủi ro hay sao?" (Allez-y devant, ce n'est pas moi qui prends le risque, hein?) Tám mới vở lẽ, mình để họ đi trước, họ sẽ nghi là mình muốn gài bẫy hại họ, vậy mình phải dẫn đường là đúng. Tám rảo bước đi trước, viên đội theo sau, không quên để mũi súng kè kè bên hông của Tám. Qua một đoạn ngắn ven đồi, Tám gọi lớn cho gia đình người anh và kế theo là người em cùng ra mặt, tâm trạng thế nào cũng lo ngại vì những cặp mắt của đám dân quân lẩn quất nấp xung quanh đó.

Tám tiếp tục gọi lớn: "Anh Sáu ơi, em Điển ơi, đã bị bắt rồi, mình ra ngay, không đi cũng chết. Anh ra ngay, Điển ra ngay!"

Cả gia đình anh Sáu gồm có năm người (anh chị Sáu, Vân, Dĩnh, và Lai) đồng trồi ra từ trong một hang núi, rồi chú Mười (Điển) cũng trồi lên từ một hang kế đó, tay quơ cái mũ trắng như dấu hiệu quy hàng, miệng lên tiếng một câu chữ Pháp: "Ne tirez pas! Ne tirez pas! Nous sommes à vous!" (Xin đừng bắn chúng tôi! Xin các ông đừng nổ súng! Chúng tôi ra đây!..)

Thế là mọi người đồng xuống khỏi hang núi, đi theo ngọn súng canh giữ của viên đội Lê Dương, hướng về phía nhà, nơi Bà Cụ và mọi người đang trú ẩn...

Thế rồi trọn gia đình Tám theo quân binh, lội qua sông, cùng đoàn quân dừng chân ở một trại hành quân (bivouac) họ mới thiết lập để chờ ngày về thành nương theo một vận hội mới.

Tháng Ba năm 1954, họ bắt đầu vào cuộc đổi đời.

Trúc Nhi

Thư gửi Mẹ Hiền

Đường xa con gửi thơ về
Hành trình con kể sơn khê lạ lùng
Cây chen đá núi chập chùng
Nơi đồi sỏi trắng, nơi vùng rừng xanh
Đá to cao dựng như thành
Rêu trơn suối chảy gập ghềnh lối ngang
Anh Em dìu dắt lên đường (1)
Đêm đi ngày nghỉ dặm ngàn còn xa
Rừng khua ánh bóng trăng tà
Âm u cổ thụ, lập lòe sơn tinh
Biết bao phong cảnh thiên thành
Con ghi vào sổ, để dành Mẹ xem
Miễn cho chân cứng đá mềm
Cơm khô đỡ dạ, nước thèm có khe
Quản chi mưa tạt gió kề
Càng đi càng thấy bốn bề cao nguyên
Tới nhà Thiểu Số dân hiền
Đón chào niềm nỡ mời liền sắn khoai
Nhà rong gỗ lót tre cài
Trên thời người ở dưới loài ngựa trâu
Lạ nhà thao thức canh thâu
Lá rừng như giục, ve sầu như than
Tan sương cất gói lên đường
Chim vui thánh thót vượn buồn hắt hiu

Xuân Giáp Ngọ

Hoàng hôn mây thấp gió nhiều
Chạnh lòng nhớ Mẹ giữa chiều chia ly
Giã từ con bước chân đi
Những lời vàng ngọc con ghi vào lòng
Đường đi vừa bốn tháng ròng
Chân trời mặt biển nghìn trùng quê hương
Nhất sinh tân khổ xem thường
Chỉ thương nỗi Mẹ đoạn trường vì con
Trải bao trăng khuyết trăng tròn
Lên ghềnh xuống thác dạ còn sắt son
Kính lời thăm Mẹ bình an
Anh, Em, Chị, Cháu hội đoàn vui tươi . . .

Và nay: "Con trải qua bao cảnh núi đèo
Hang sâu rừng lạ bước cheo leo
Không gian vũ trụ lòng khoan khoái
Thương Mẹ quê nhà có quạnh hiu.

***

Biển sát chân non, nước dợn xanh
Bao nhiêu phong cảnh bấy nhiêu tình
Xa trông những cánh buồm nâu thẫm
Tìm bến nơi đâu sóng bập bềnh.

***

Đứng vút non cao trông biển xanh
Thiên nhiên đẹp lạ, thẹn bình sinh
Tư lương chín khúc mà ai biết
Thân thế này đây mình biết mình . . .

Trúc Giang

Cờ đào của Vua Quang Trung

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Lục tìm trong các cổ văn có liên quan đến vua Quang Trung, không thấy nói đến màu cờ. Các tài liệu ấy gồm:

- *Chiếu Lên Ngôi Hoàng Đế* do Ngô Thời Nhậm soạn năm 1788

- *Văn Tế Vua Quang Trung* của Lê Ngọc Hân, viết năm 1792

- *Thu Phụng Quốc Tang Cảm Thuật* (Mùa thu gặp Quốc tang, cảm động thuật lại) của Phan Huy Ích, viết năm 1792.

- *Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca* của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toại, viết xong khoảng năm 1865- 1870.

Duy chỉ có *Ai Tư Vãn*, là nói đến màu cờ của vua Nguyễn Huệ. Vậy ai đã viết thi phẩm này?

Đó là Nữ sĩ Lê Thị Ngọc Hân (1771- 1799), con thứ 21 và là con gái út của vua Lê Hiển Tông, thân mẫu là Phù Ninh Từ Cung Nguyễn Thị Huyền. Quê mẹ ở làng Phù Ninh, tổng Hạ Dương, huyện Đông Ngàn, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Kỳ lấy danh nghĩa "Phù Lê Diệt Trịnh", vua Lê gả Ngọc Hân cho Ngài, lúc ấy Bà mới 16 tuổi. Thời ấy, Bình Định có câu ca dao:

Gió đưa mười sáu lá xoài,

Lấy chồng Bình Định cho dài đường đi.

Sáu năm sau (1792), vua Quang Trung đột ngột từ trần, ở tuổi 40, Ngọc Hân đau đớn tột cùng, rót lòng vào bài Ai Tư Vãn (Bài văn tế tỏ lòng thương nhớ người chết) qua thể song thất lục bát, dài 164 câu:

Gió hiu hắt, phòng tiêu [1] lạnh lẽo
Trước thềm lan, hoa héo don don!
Cầu Tiên [2] khói tỏa đỉnh non,
Xe rồng thăm thẳm, bóng loan [3] dàu dàu.

Nỗi lai lịch [4] dễ hầu than thở,
Trách nhân duyên mờ lỡ [5] cớ sao?
Sầu sầu, thảm thảm xiết bao...
Sầu đầy giạt bể, thảm cao ngất trời!

Từ cờ thắm trỏ vời cõi Bắc,
Nghĩa tôn phù [6] vằng vặc bóng dương.
Rút dây [7] vâng mệnh phụ hoàng,
Thuyền lan, chèo quế [8] thuận đường vu quy.

Trăm ngàn dặm quản chi non nước,
Chữ nghi gia [9] mừng được phải duyên.
Sang yêu muôn đội ơn trên,
Rỡ ràng vẻ thúy [10], nối chen tiếng cầm.

Lượng che chở, vụng lầm nào kể,
Phận đinh ninh cặn kẽ mọi lời.
Dẫu rằng non nước biến dời,
Nguồn tình ắt chẳng chút vơi đâu là.

Lòng đùm bọc thương hoa đoái cội [11],
Khắp tôn thân cũng đội ơn sang.
Miếu đường còn dấu chưng thường [12],
Tùng thu [13] còn rậm mấy hàng xanh xanh.

Nhờ hồng phúc đôi cành hòe quế [14],
Đượm hơi dương dây rễ cùng tươi
Non Nam [15] lần chúc tuổi trời,
Dâng câu Thiên Bảo, bày lời Hoa Phong [16].

Những ao ước trập trùng tuổi hạc,
Nguyền trăm năm ngõ [17] được vầy vui.
Nào hay sông cạn, bể vùi,
Lòng trời giáo giở, vận người biệt ly.

Từ nắng hạ, mưa thu trái tiết,

Xuân Giáp Ngọ

Xót mình rồng mỏi mệt chẳng yên.
Xiết bao kinh sợ, lo phiền,
Miếu thần đã đảo [18], thuốc tiên lại cầu.

Khắp mọi chốn đâu đâu tìm rước,
Phương pháp nào đổi được cùng chăng?
Ngán thay, máy tạo bất bằng,
Bóng mây thoắt đã ngất chừng xe loan!

Cuộc tụ, tán, bi, hoan [19] kíp bấy!
Kể sum vầy đã mấy năm nay?
Lênh đênh chút phận bèo mây [20],
Duyên kia đã vậy, thân này nương đâu?

Trằn trọc luống đêm thâu, ngày tối,
Biết cậy ai dập nỗi bi thương?
Trông mong luống những mơ màng
Mơ hồ bằng mộng, bàng hoàng như say.

Khi trận gió hoa bay thấp thoáng,
Ngỡ hương trời bảng lảng còn đâu,
Vội vàng sửa áo lên chầu,
Thương ôi quạnh quẽ, trước lầu nhện giăng!

Khi bóng trăng, lá in lấp lánh,
Ngỡ tàn vàng nhớ cảnh ngự chơi.
Vội vàng dạo bước tới nơi,

Thương ôi vắng vẻ, giữa trời tuyết sa!

Tưởng phong thể [21] xót xa đòi đoạn,
Mặt rồng sao cách gián [22] lâu nay!
Có ai chốn ấy về đây,
Nguồn cơn xin ngỏ cho hay được đành?

Nẻo u minh [23] khéo chia đôi ngả,
Nghĩ đòi phen, nồng nã [24] đòi phen.
Kiếp này chưa trọn chữ duyên,
Ước xin kiếp khác vẹn tuyền lửa hương.

Nghe trước có đấng vương Thang, Võ [25],
Công nghiệp nhiều, tuổi thọ thêm cao.
Mà nay áo vải [26] cờ đào [27],
Giúp dân dựng nước xiết bao công trình!

Nghe rành rành trước vua Nghiêu, Thuấn,
Công đức dày, ngự vận [28] càng lâu.
Mà nay lượng cả, ơn sâu,
Móc mưa rưới khắp chín châu [29] đượm nhuần.

Công dường ấy, mà nhân dường ấy,
Cõi thọ sao hẹp bấy hóa công?
Rộng cho chuộc được tuổi rồng,
Đổi thân ắt hẳn bõ [30] lòng tôi ngươi [31].

Buồn thay nhẽ! sương rơi, gió lọt,
Cảnh đìu hiu thánh thót châu sa!
Tưởng lời di chúc thiết tha,
Khóc nào nên tiếng, thức mà cũng mê.

Buồn thay nhẽ! xuân về hoa ở,
Mối sầu riêng ai gỡ cho xong!
Quyết liều mong vẹn chữ tòng,
Trên rường nào ngại, giữa dòng nào e! [32]

Con trứng nước [33] thương vì đôi chút,
Chữ tình thâm chưa thoát được đi.
Vậy nên nấn ná đòi khi,
Hình tuy còn ở, phách thì đã theo [34].

Theo buổi trước ngự đèo Bồng Đảo [35],
Theo buổi sau ngự nẻo sông Ngân.
Theo xa thôi lại theo gần,
Theo phen điện quế, theo lần nguồn hoa.

Đương theo, bỗng tiếng gà sực tỉnh,
Đau đớn thay ấy cảnh chiêm bao!
Mơ màng thêm nỗi khát khao,
Ngọc kinh chốn ấy ngày nào tới nơi?

Tưởng thôi lại bồi hồi trong dạ,
Nguyện đồng sinh [36] sao đã kíp phai?

Xưa sao sớm hỏi, khuya bày,
Nặng lòng vàng đá, cạn lời tóc tơ!

Giờ sao bỗng thờ ơ lặng lẽ,
Tình cô đơn, ai kẻ xét đâu!
Xưa sao gang tấc gần chầu,
Trước sân phong nguyệt, trên lầu sinh ca [37].

Giờ sao bỗng cách xa đôi cõi,
Tin hàn huyên [38] khôn hỏi thăm nhanh.
Nửa cung gãy phím cầm lành [39],
Nỗi con côi cút, nỗi mình bơ vơ!

Nghĩ nông nỗi ngẩn ngơ đòi lúc,
Tiếng tử quy [40] thêm giục lòng thương.
Não người thay, cảnh tiên hương [41],
Dạ thường quanh quất, mắt thường ngóng trông!

Trông mái Đông, lá buồm xuôi ngược,
Thấy mênh mông những nước cùng mây,
Đông rồi thì lại trông Tây:
Thấy non cao ngất, thấy cây rườm rà.

Trông Nam thấy nhạn sa lác đác,
Trông Bắc thì ngàn bạc màu sương.
Nọ trông trời đất bốn phương,
Cõi tiên khơi thẳm [42], biết đường nào đi!

Cậy ai có phép gì tới đó,
Dâng vật thường, xin ngỏ lòng trung.
Này gương là của Hán cung [43]
Ơn trên xưa đã soi chung đòi [44] ngày.

Duyên hảo hợp [45] xót rày nên lẻ,
Bụng ai hoài vội ghẽ [46] vì đâu?
Xin đưa gương ấy về chầu,
Ngỏ soi cho tỏ gót đầu trông ơn.

Tưởng linh sảng [47] nhơn nhơn còn dấu
Nỗi sinh cơ [48] có thấu cho không?
Cung xanh [49] đang tuổi ấu xung [50]
Di mưu [51] sao nỡ quên lòng đoái thương?

Gót lân chỉ [52] mấy hàng lẫm chẫm [53],
Đầu mũ mao, mình tấm áo gai [54].
U ơ ra trước hương đài,
Tưởng quang cảnh ấy chua cay dường nào!

Trong sáu viện [55] ố đào, ủ liễu,
Xác ve gầy, lỏng lẻo xiêm nghê [56].
Long đong xa cách hương quê,
Mong theo: lầm lối, mong về: tủi duyên!

Dưới bệ ngọc, hàng uyên [57] vò võ,

Cất chân tay thương khó xiết chi.
Hang sâu nghe tiếng thương bi,
Kẻ sơ còn thế, huống gì người thân!

Cảnh biệt ly nhiều phần bát ngát,
Mạch sầu tuôn, ai tát cho vơi?
Càng trông càng một xa vời,
Tấc lòng thảm thiết, chín trời [58] biết chăng?

Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi,
Gương Hằng Nga đã bụi màu trong.
Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,
Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà [59].

Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,
Cánh hải đường đã quyện giọt sương.
Trông chim càng dễ đoạn trường
Uyên ương [60] chiếc bóng, phượng hoàng [61] lẻ đôi.

Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy,
Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu.
Phút giây bãi bể nương dâu [62],
Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?

Chữ tình nghĩa trời cao đất rộng,
Nỗi đoạn trường [63] còn sống, còn đau.

Mấy lời tâm sự trước sau,

Đôi vầng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.

Lê Thị Ngọc Hân (1792)

Ai Tư Vãn là áng văn có lời lẽ thống thiết, tứ thơ thâm thúy, ngôn từ chính xác, văn chương điêu luyện, điển tích dồi dào. Về mặt nghiên cứu lịch sử, giá trị không nhỏ, đơn cử tác giả đề cập đến cờ của Quang Trung, đến hai lần.

Nơi câu 9- 10, nêu ý nghĩa việc Nguyễn Huệ trương cờ tiến ra đất Bắc:

Từ cờ thắm trỏ vời đất Bắc,

Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương.

Và câu thứ 67- 68, nói rõ đến màu cờ của Quang Trung:

Mà nay áo vải cờ đào,

Giúp dân dựng nước biết bao công trình.

Để làm sáng tỏ vấn đề, thử xét về ngữ nghĩa, theo các Từ Điển Tiếng Việt, chữ "thắm" có hai ý:

Một nghĩa cụ thể là "Có màu sắc đậm và tươi (thường nói về màu đỏ); như chữ: Má hồng môi thắm (má có màu đỏ lợt, môi đỏ đậm), Chỉ thắm (sợi chỉ đỏ đậm)."

Và "thắm" còn chứa một nghĩa trừu tượng: "Nói về tình nghĩa đậm đà" , "Có tình cảm đậm đà, tha thiết; như chữ: Thắm tình quê hương, Duyên thắm tình nồng."

"Cờ thắm" trong câu thứ 9, nếu giải thích theo nghĩa đen là màu sắc đậm, thì ý sẽ đối nghịch với "Cờ Đào" ở câu thứ 67. Cùng đề cập đến màu cờ, cùng trong một tác phẩm, trên nói đậm, dưới lại nói lợt. Coi sao được!

Tác giả là con vua, theo sử sách, từ bé, bà đã được học thông kinh sử và tập làm văn thơ. Nên việc từ cú nhất quán là điều căn bản, không thể có sự lủng củng, nghịch ý, ở một cây viết điêu luyện như Bà.

Ở đây, cần phải hiểu theo nghĩa bóng, "thắm" là có tình cảm đậm đà, mới ăn khớp với câu bát liền dưới *"Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương."* Theo tác giả, việc Nguyễn Huệ trương cờ tiến ra đất Bắc, là nghĩa cử thắm đượm tình người, với mục đích cao cả "Phù Lê Diệt Trịnh", lập lại uy quyền của vua Lê mà bấy lâu nay bị họ Trịnh soán đoạt. Vậy "cờ thắm" ở đây được mệnh danh cờ nghĩa.

Bằng chứng là: "*Vua* (Lê Hiển Tông) *bèn định đến ngày mồng bảy tháng bảy lập đại trào ở điện Kính Thiên, Nguyễn Huệ đem các tướng vào lạy và dâng sổ quân sĩ, dân đinh, để tỏ cái nghĩa tôn phù nhất thống, nghĩa là tự đó về sau nhà Lê có quyền tự chủ. Vua phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên Soái Uy Quốc Công, và lại gả cho bà Ngọc Hân Công Chúa là con gái của ngài."* (Trần Trọng Kim; Việt Nam Sử Lược, in lần thứ bảy; Sài Gòn, Nxb Tân Việt, 1964; trang 362).

Ngay cả "*Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*", là bộ sử Khâm Định (do vua quy định) và Quốc Sử Quán Triều Nguyễn phụng viết, đoạn nói về chuyến ra Bắc Hà của Nguyễn Huệ (kẻ thù không đội trời chung của bản triều), cũng phải nhìn nhận:

"Hôm sau, Văn Huệ triều yết ở điện Vạn Thọ, nhà vua (Lê Hiển Tông) *sai người mời vào, đặt một giường khác ở bên cạnh giường vua ngự để Văn Huệ ngồi. Văn Huệ rụt rè không dám ngồi, nhà vua ép mãi, Văn Huệ mới ngồi ghé vào cạnh chiếu. Huệ tâu nói: 'Tôi vốn người dân áo vải ở Tây Sơn, nhân thời cơ nổi dậy, tuy cơm áo triều đình không được bệ hạ ban cho, nhưng tôi ở nơi rừng rậm xa xăm, lâu nay vẫn kính mến thánh*

đức, ngày nay được thấy thiên nhan, mới đủ giãi bày tấm lòng thành thực. Vì họ Trịnh lăng loàn áp bức, không giữ đạo làm tôi, cho nên hoàng thiên mượn tay tôi đánh diệt họ Trịnh, để tỏ rõ uy quyền của bệ hạ, may mà được đến thành công đều do ở phúc đức của bệ hạ cả. Tôi chỉ mong thánh thể yên lành mạnh khỏe, ngự ngôi vua, trị thiên hạ, để kẻ bầy tôi nơi xa xăm (tức Tây Sơn) *được đội phúc đức.' Nhân đấy, Văn Huệ bày tỏ ý nghĩa tôn phò. Nhà vua bội phần an ủi."* (Sách đã dẫn, bản dịch, tập hai, trang 789- 790).

Tóm lại, cụm từ "Cờ thắm" ở câu lục, không phải diễn tả màu sắc, mà phải hiểu theo nghĩa bóng, mới bổ nghĩa cho câu bát *"Nghĩa tôn phù vằng vặc bóng dương."* Như vậy, trong tác phẩm *Ai Tư Vãn* chỉ có câu thứ 67 *"Mà nay áo vải cờ đào"* nói đến màu cờ của vua Quang Trung.

Vấn đề đặt ra, cần xác định mức độ màu sắc của "Cờ Đào":

Ngữ nghĩa có thể biến đổi theo dòng thời gian, như thế khi xét đến một sự kiện xa xưa, người nghiên cứu phải dùng con mắt của thời đại cũ mà nhận xét. Vì vậy, muốn biết rõ màu sắc "Cờ đào" của vua Quang Trung, mà Ngọc Hân đã nêu trong Ai Tư Vãn, cách nay đã 221 năm; thiết tưởng nên căn cứ vào các tự điển càng xưa càng tốt, để ngữ nghĩa được giữ y nguyên trạng. Hiện còn hai quyển tự điển có giá trị về ngữ học, vì từ ngữ

đầy đủ, nghĩa chữ chính xác và mức độ khả tín cao:

1/ Huình (Huỳnh) Tịnh Paulus Của; *Đại Nam Quấc* (Quốc) *Âm Tự Vị;* Sài Gòn, Imprimerie Rey, Curiol, 1895; đã định nghĩa:

"Cờ điều: Cờ đỏ." (trang 180)

"Hồng đào (紅 桃): Màu hồng đào giống màu hoa đào." (trang 275)

2/ Hội Khai Trí Tiến Đức; *Việt Nam Tự Điển;* Hà Nội, Nxb Trung Bắc Tân Văn, 1931; cũng đã định nghĩa:

"Đào (桃): Một loại cây hoa đẹp, quả ăn ngon, hột có nhân. Nghĩa rộng: màu đỏ phơn phớt như màu hoa đào. Như chữ: Yếm đào, má đào." (trang 168).

3/ Và ngay cả sách thời nay, như quyển *Tự Điển Hán Việt Văn Ngôn Dẫn Chứng* của Nguyễn Tôn Nhan (Sài Gòn, Nxb TP/HCM, 2002), nơi trang 662, cũng định nghĩa màu đào: "Đào hồng (桃 紅): Màu ửng hồng phớt đỏ như hoa đào."

Nếu căn cứ vào văn liệu trong *Ai Tư Vãn*, và sự định nghĩa của các học giả nêu trên, chúng ta có thể kết luận:

Cờ đào của vua Quang Trung là màu đỏ phơn phớt như màu hoa đào.

San Jose, ngày 3- 12- 2013

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Phòng tiêu: Ngày xưa, người ta trát hồ tiêu trên vách để tỏa hơi nóng cho căn phòng được ấm.

[2] Cầu Tiên: Mộ giả của vua Quang Trung ở Linh

Đường, gần Cầu Tiên, huyện Thanh Trì, trước thuộc tỉnh Hà Đông, nay là huyện thuộc ngoại thành của Hà Nội.

[3] Loan: Chim phượng mái, "bóng loan" chỉ cho Ngọc Hân.

[4] Lai lịch: Ý nói thân thế của Ngọc Hân.

[5] Mờ lỡ: Dở dang.

[6] Nghĩa tôn phù: Nguyễn Huệ ra Bắc với danh nghĩa "Tôn Phù Vua Lê, Diệt Chúa Trịnh."

[7] Rút dây: Ngày xưa, những nhà quyền quý có nhiều con gái, cho đứng sau bức màn, mỗi cô nắm một đầu dây, những chàng trai được kén rể, rút trúng dây của cô nào thì được lấy người ấy. Mượn tích này để nói việc kết hôn vợ chồng.

[8] Thuyền lan, chèo quế: Chỉ cho chiếc thuyền đã đưa Ngọc Hân về nhà chồng bằng đường thủy.

[9] Nghi gia: Vợ chồng ăn ở hòa thuận, làm ăn nên cửa nên nhà.

[10] Vẻ thúy: Màu xanh biếc như lông chim thúy, tức chim bói cá. Ý nói quần áo, chăn gối sang trọng.

[11] Thương hoa đoái cội: Yêu hoa nên chăm bón cả gốc cây. Ý nói vua Quang Trung yêu Ngọc Hân nên coi trọng nhà Lê.

[12] Chưng thường: Theo sách "Nhĩ Nhã" tế mùa đông gọi là "chưng", tế mùa thu gọi là "thường". Ý nói nhờ Quang Trung, nên việc tế lễ nơi tông miếu nhà Lê được giữ gìn.

[13] Tùng thu: Cây tùng, cây thu thường trồng ở nghĩa trang. Ý chỉ lăng tẩm của nhà Lê.

[14] Hòe quế: Hai loại cây dùng để chỉ con cái nhà quý tộc. Ý nói Ngọc Hân đã sanh được hai con mang

giọt máu của Nhà Vua.

[15] Non Nam: Ý nói chúc vua Quang Trung sống lâu, bền vững như núi Nam San.

[16] Câu Thiên Bảo, lời Hoa Phong: Sự chúc tụng vua, do tích Thiên Bảo là tên bài thơ các quan chúc mừng vua, và người đất Hoa Phong chúc lành vua Nghiêu.

[17] Ngõ: Như chữ "ngõ hầu".

[18] Đã đảo: Đã cầu đảo.

[19] Tụ, tán, bi, hoan: Sum họp, phân ly, buồn thương, vui mừng. Ý nói cõi đời nằm trong luật vô thường, biến đổi quá nhanh.

[20] Phận bèo mây: Số phận lênh đênh như bèo giạt, mây trôi. Ý nói tác giả không nơi nương tựa.

[21] Phong thể: Hình dung và dáng điệu.

[22] Cách gián: Cách biệt.

[23] Nẻo u minh: Lối đi tối tăm mù mịt, chỉ nơi âm ty, cõi chết.

[24] Nồng nã: Như chữ "nồng" có nghĩa là gắt mùi, nặng mùi.

[25] Thang, Võ: Thành Thang đánh đổ vua Kiệt để dựng nên nhà Thương, Võ Vương đánh vua Trụ để dựng nhà Chu. Ý nói vua Quang Trung đánh đổ Chúa Nguyễn và Chúa Trịnh, cả hai đều thối nát, để dựng nhà Tây Sơn.

[26] Áo vải: Vua Quang Trung xuất thân từ lớp bình dân.

[27] Cờ đào: Theo định nghĩa của Huình (Huỳnh) Tịnh Của và Hội Khai Trí Tiến Đức, thẩm định màu sắc của chữ "đào" là màu đỏ phơn phớt như màu hoa đào. Vậy, "Cờ đào" là cờ màu hồng, tức là màu đỏ lợt.

[28] Ngự vận: Thời gian nhà vua trị vì.

[29] Chín châu: Do chữ "Cửu Châu" chỉ cho nước Tàu xa xưa. Về sau, chữ "chín châu" được dùng với ý nghĩa rộng rãi, để nói chung cho đất nước, giang sơn.

[30] Bõ: Đáng công, đáng việc; có tác dụng bù lại một cách tương xứng cái đã bỏ ra hoặc đã chịu đựng.

[31] Tôi ngươi: Bầy tôi, ở đây chỉ cho Ngọc Hân.

[32] Câu này ý nói tác giả muốn chết theo chồng bằng cách treo cổ hay trầm mình.

[33] Trứng nước: Ở thời kỳ mới được sanh ra, còn non nớt thơ dại, cần được chăm chút, giữ gìn.

[34] Câu này ý nói tuy thân xác còn sống trên cõi đời, nhưng hồn đã theo chồng.

[35] Bồng đảo: Cõi tiên.

[36] Đồng sinh: Cùng sống với nhau.

[37] Sinh ca: Gõ nhịp sênh mà hát, chỉ việc đàn địch, ca hát.

[38] Hàn huyên: Nghĩa đen là ấm lạnh, nghĩa bóng là thăm hỏi, trò chuyện tâm tình khi gặp lại nhau sau một thời gian xa cách.

[39] Câu này nói khúc "đàn lành" đang dạo, bỗng gãy phím. Ý chỉ cho cuộc tình duyên hạnh phúc giữa Quang Trung và Ngọc Hân nửa chừng bị đứt đoạn.

[40] Tử quy: Chim đỗ quyên, tức con cuốc.

[41] Tiên hương: Cõi tiên.

[42] Khơi thẳm: Xa thẳm.

[43] Gương Hán Cung: Gương soi của cung nữ dùng trong cung điện vua Hán.

[44] Đòi ngày: Nhiều ngày.

[45] Duyên hảo hợp: Duyên tốt lành.

[46] Ghẽ: Rẽ.

[47] Linh sảng: Hồn tinh anh sáng láng của vua.

[48] Sinh cơ: Gây cơ nghiệp để sinh sống; ý trong bài chỉ cho cuộc đời của người sống, tức là của Ngọc Hân.

[49] Cung xanh: do chữ "Thanh cung". Sách "Thần Dị Kinh" chép: "Ở phương Đông có Thanh cung, tường bằng đá, trên cửa có tấm bảng bằng bạc viết mấy chữ 'Cung của người con trưởng trong trời đất'. Về sau, các vị vua chư hầu cho người con trưởng là vị thế tử ở Thanh cung, tức Cung xanh." Như vậy Thanh cung, hay Đông cung là nơi ở người con trai trưởng của nhà vua.

[50] Câu này ý nói Thái tử (Quang Toản) ở "Cung xanh", tức là người nối ngôi nhưng còn thơ ấu.

[51] Di mưu: phương pháp sinh cơ lập nghiệp của ông, cha để lại. Ý nói vua Quang Trung khi sắp chết, có trối trăn dặn dò Thái tử cặn kẽ.

[52] Lân chỉ: Ngón chân con kỳ lân (con cháu hiền đức nhiều). Nghĩa bóng dùng để chỉ con cháu của nhà vua, do "Lân Chỉ" là tên của một thiên trong Kinh Thi nói về việc con cháu của vua Văn Vương nhà Chu đều là người tài đức.

[53] Lẫm chẫm: Bước những bước ngắn không đều và chưa vững, thường là trẻ con mới tập đi.

[54] Mũ mao, áo gai: Mũ rơm, áo vải thô, dệt bằng sợi gai thưa; mặc áo, đội mũ khi có đại tang theo phong tục cổ truyền.

[55] Sáu viện: do chữ "lục viện", cung điện các bà chánh phi ở.

[56] Xiêm nghê: Áo xiêm kết bằng lông ngũ sắc, cung nữ của vua Đường mặc để múa hát. Câu này ý nói mọi người trong cung đều buồn rầu thương nhớ, thân thể gầy ốm, quần áo trễ tràng.

[57] Hàng uyên: Do chữ "uyên ương" là tên một giống chim, con trống gọi là "uyên", con mái gọi là "ương". Ý nói các quan xếp thành hàng để chầu vua, như hàng chim uyên.

[58] Chín trời: Do chữ "cửu thiên" là chín phương trời gồm có Trung ương, tứ phương (Đông, Tây, Nam, Bắc) và tứ ngung (bốn góc).

[59] Thiên duyên lạnh lẽo đêm đông biên hà: Mối tình dang dở, người ở lại sống cô quạnh như kẻ đứng bên bờ sông vào đêm đông giá buốt.

[60] Uyên ương: Tên một giống chim, con trống gọi là "uyên", con mái gọi là "ương". Chỉ cho vợ chồng chung sống bên nhau nhau.

[61] Phượng hoàng: Tên một loài chim quý, con trống gọi là Phụng hay Phượng, con mái gọi là Hoàng, có đặc tính lúc nào cũng ở gần bên nhau, nên dùng để ví tình vợ chồng khắng khít. Ngày xưa, giống chim này được liệt vào hàng tứ linh: Long, Lân, Qui, Phụng, và là chúa các loài chim. Người ta tin rằng, nơi nào có giống chim này xuất hiện, sẽ có thánh nhân ra đời.

[62] Bãi bể nương dâu: Do câu "Tang điền thương hải" tức ruộng dâu biến thành biển xanh. Ý nói trên đời luôn luôn thay đổi, dùng để chỉ sự thay đổi lớn lao.

[63] Đoạn trường: Đứt ruột. Nỗi đau đớn, đau xót hết sức, như đứt từng khúc ruột.

▼

Vạn Gò Bồi

thăng trầm, qua bao năm tháng

THƯ TRANG

Vạn Gò Bồi là nguồn nước cuối cùng của sông Hà Thanh, chảy theo hướng Nam-Bắc qua cầu Cây Da (Diêu Trì) mới đến Vạn Gò Bồi, rồi đổ ra Đầm Thị Nại. Từ thuở thật xa xưa, "con rổi chạy cá" ở Nhơn Lý, phải qua khỏi bến đò Ngả Tư, chạy lên làng Tân Giản, dọc theo bờ sông, gặp xóm Lò Rèn là đến chợ Gò Bồi, rồi lên xe ngựa hoặc xe đò (tùy thời gian lịch sử) để đi chợ Gò Chàm, hoặc ra phía Bắc Đập Đá chừng năm cây số.

Các làng mạc phía Tây có Bình Lâm, Tú Thủy, Hữu Thành của xã Phước Hoà, Nước Mặn, Gò Rộng xã Phước Quang đi xuống. Phía Đông có các thôn An Lợi, Huỳnh Giản, Lạc Điền đi lên để đến Gò Bồi. Phía Nam từ Kỳ Sơn, Phụng Sơn, Xuân Phương, Gò Thị, Lộc Thượng, Dương Thiện đến cầu Đội Thông, rồi qua khỏi cánh đồng Kim Trì, bước lên cầu Gò Bồi mới vào được cổng chợ. Phía Bắc, một miền ruộng đồng bát ngát từ Hữu Pháp, Vân Tập, Triêm Ân, Tư Cung, Thiều Quang,

Phổ Đồng phải qua nhà thờ Câu Én mới đến chợ Gò Bồi.

Vậy, Vạn Gò Bồi là giao lộ của bốn vùng ruộng đồng trù phú, hai vựa lúa miền hạ bạn của quận Tuy Phước và Phù Cát. Nó còn là hai nguồn cá vô cùng tận tươi ngon, nước mặn và nước ngọt, cùng nhiều gia súc như bò heo, gà vịt. Rồi những luống rau vườn xanh tươi bát ngát, đủ loại, không những đã cung cấp quanh năm cho người dân địa phương Bình Định một số lượng thực phẩm bổ dưỡng dồi dào, mà còn xuất khẩu lên các tỉnh miền cao như Gia Lai, Kontum, nên trải qua nhiều thế kỷ đã co câu hát ví: " Muốn ăn đi xuống, muốn uống đi lên, ăn rẻ mặc bền xin mời đi chợ Gò Bồi mua tôm mua cá, đi chợ Đập Đá mua gạch tổ ong. Đi chợ Đại An mua xoài mua mít, chợ nào đông nghịt là chợ Gò Chàm, thấy rẻ đừng ham mà lên Cây Cốc, hàng gỗ hàng mộc trở về cây Đa"

Trước năm 1945 có thể nói Vạn Gò Bồi là một một thị trấn thương mại sầm uất. Miền sông nước hữn tình của Vạn Gò Bồi phải chăng là đất phát sinh ra những tài năng văn thơ, âm nhạc nghệ sĩ ở thời nào cũng có.

Theo các bậc Trưởng thượng của đình làng Tùng Giản, thời trước thật xa xưa, có ban Bầu Dắt hát bài chòi, đào kép thường là nghiệp dư. Anh Sáu Dân kép chính làm nghề kẹo kéo. Đào là chị Hai Phê bán mắm ở chợ và cháu Liên đổi nước chè Quế. Ban nhạc cây nhà lá vườn. Tiếng cây sanh cắt cụp thường hoà quyện với tiếng đờn cò thấp cao ngân nga trầm bỗng

Hát ban đêm thường là hai nắp vung đất lớn lật ngửa, đặt hai bên đoàn diễn, đổ dầu phụng vào. Tim đèn bằng vải xe, khêu ló ngọn dài, đốt lên sáng rực, nếu đêm nào có măng sông là quí lắm.

"Bạn Bầu Dắt, xài bạc cắt,

Hát lại hay, ai mời cũng đến"

Tuồng tích thường là Lục Vân Tiên, Phạm Công-Cúc Hoa, Thoại Khanh-Châu Tuấn, Nghêu sò ốc hến v.v..

Đến thời kháng chiến chống Pháp, Vạn Gò Bồi đã trở thành mục tiêu xạ kích của máy bay Pháp oanh tạc. Phố xá lâu đài mặt tiền đổ nát tan hoang, chợ phải họp ban đêm. Người mua, kẻ bán đều xách theo đèn thẩu dầu phụng hoặc dầu dừa leo lét, nếu có còi báo động phải vội nhanh chân chui xuống hầm trú ẩn để tránh máy bay oanh kích, thả bom. Vào cuối thập niên 48, 49 đến 1950-1951 khi tàu Pháp từ Qui Nhơn đổ bộ lên Vạn Gò Bồi Có còi báo động, tức thì già trẻ, lớn bé gồng gánh, bồng bế tản cư lên các làng mạc an ninh vùng xa để lánh giặc. Các chủ trại nước mắm phải dời đi từ mấy tháng trước, năm trước. Họ mang theo cả thùng vại, lu bộng đồ nghề lớn bé lên quanh chợ Gò Chàm Bình Định, Đập Đá, Gò Găng hoặc An Thái, An Vinh v.v... đóng đô mong lập lại cơ nghiệp. Vạn Gò Bồi đã trở nên tiêu điều xơ xác bởi vết tích của khói lửa chiến tranh.

Sau hoà ước Genève ký kết (20-7-1954) bốn tỉnh Nam-Ngãi-Bình-Phú thuộc liên khu 5 của CS, được chính quyền Quốc Gia tiếp thu, Vạn Gò Bồi như được hồi sinh, rạng rỡ với khuôn mặt mới. Chợ Gò Bồi được mở rộng, chỉnh trang. Mặt tiền phía Nam chợ phố xá, lâu đài Hoa kiều, lẫn người Việt Nam được xây cất thêm, chen chúc san sát, ngửa mặt trông ra con lộ lớn trải đá nhìn lại xuống dòng sông thơ mộng.

Những ngày chợ phiên từ lúc tờ mờ sáng đã có từng đoàn người lũ lượt, mò mẫm đi chợ sớm. Độ chín giờ, khi mặt trời qua khỏi hàng tre, ánh nắng rực rỡ, lan toả khắp mọi miền. Từ các ngả đường đổ về chợ, nườm

nượp người đi nối tiếp gồng gánh rau trái hoa quả bày bán, trải từ trước mặt tiền cổng chợ chạy chênh chếch về phía Tây. Rồi tiếp đến là hàng cá đồng, cá biển kéo dài từ Tây Nam chạy ra Đông Bắc. Nối theo là bò heo gà vịt dọn trước lăng Nam Hải, đình làng Tùng Giản, mặt sau chợ. Những âm thanh eng éc, chiêng chiếc, cạt cạt hoà lẫn om sòm. Và ba chú gà kiến trống có bộ lông tía đỏ, hoặc đóm vàng óng mượt, dù bị nhốt trong lồng cao vẫn đứng lên dõng dạt ngóng cổ ó ò o, cất tiếng gáy thanh thoát như tưởng mình đang đi dự hội.

Trở ra mặt tiền, người đi chợ từ xa đã nghe tiếng chày cối đồng tán thuốc bắc leng-keng inh ỏi của mấy anh Ba Tàu trong tiệm, hoà lẫn với tiếng máy hát dĩa ngân nga tạo thành những âm thanh hỗn đỗn...

Mùi nước mấm ở hai đầu chợ trên bờ, dưới sông hăng hắc bốc lên thơm phức như kích thích khứu giác. Những thùng vại to tướng muối cá cơm, cá nục, cá phèn v.v..lại trở về Vạn Gò Bồi ngày đêm nhỏ từng giọt thanh thoát đếm thời gian năm tháng gom thành những lu nước mắm nhỉ thượng hạng, đã tạo nên khí sắc, đặc biệt tiếng tăm của Vạn Gò Bồi.

Trên dòng sông trước mặt dãy phố, từ tháng ba đến tháng sáu âm lịch hàng đôi ba trăm ghe bầu dàn hàng ngang, hàng dọc đậu nghẹt kín cả dòng sông. Họ từ Mũi Né, Phan Thiết, Phan Rang, Khánh Hoà ra, hoặc từ Đề Gi, Phù Mỹ, Tam Quan vào. Hàng ghe bầu từ Nam ra thường là cá mòi muối sẵn nên gọi là mắm mòi. Các làng mạc từ nông thôn đến các tỉnh miền Cao Nguyên, có khi cả dân thành thị thường xé sống ra từng miếng nhỏ ăn với cơm nguội, cơm vắt thật ngon đáo để! Hoặc sang trọng hơn là món mắm mòi chưng cách thủy, ngọt, thanh, thường có trong các bữa ăn của những gia đình trưởng giả. Đến cuối thập niên 1960 ghe bầu cá mòi phía Nam không còn đến Vạn Gò Bồi nữa, vì có

tin người Nhật đã nhử loại cá này đi hết. Biển Việt Nam bây giờ xem như tuyệt chủng cá mòi? Thật đáng tiếc! Hàng đôi trăm chiếc ghe bầu đã đóng góp quang cảnh Vạn Gò Bồi một thời huy hoàng, phồn thịnh. Chủ ghe và cả gia đình thường sống trên ghe hàng đôi ba tháng . Ghe có mái che mưa nắng, có lều sạp, chõng, võng cột đu đưa. Họ ăn ở sinh hoạt trên đó như là nhà riêng của mình. Họ chuyền từng ghe nầy sang ghe khác qua chiếc cầu tạm với đôi miếng ván, như xóm láng giềng vậy.

Trong chợ hai mặt Đông, Tây úp vào nhau. Nhiều gian hàng đại lý bán sỉ, toàn bộ lòng chợ khoảng ba đến bốn chục dãy lều cất dọc ngang, có sạp kín chứa hàng, trên có mái che mưa nắng. Từ các mặt hàng vải sợi, tơ lụa lượt là óng ánh muôn màu, muôn sắc đến các hàng xén, hàng tạp hoá chén bát ngoại: Tây, Tàu, Nhật có hình bát tiên viền vàng trong veo bóng bẩy, đến độ soi thấy mặt. Đằng xa trước lăng Nam Hải, cạnh đình Tùng Giản một khoảng trống lớn chứa đầy đồ gia dụng: thúng rổ, chiếu lát, đồ gốm đất, hàng nón, áo tơi, chiếu, lá kè để che mưa nắng bốn mùa. Rồi lờ, đó, dẹp đôm tôm, bắt cá v.v Nếu là phiên chợ rơi vào những ngày cận Tết, bên cạnh Lăng đình làng cũng treo nhiều dãy đèn trái ấu tua tủa những giải đỏ, xanh, vàng, tím rực rỡ. Dưới tam cấp trước lăng, vài ba thầy

đồ treo năm bảy bức tranh gà rực rỡ, tranh sơn thủy hữu tình, câu đối: Trung quân vương-Hiếu phụ mẫu. Cạnh đó vài chú thợ mã, dựng cột ba chân cao quá đầu, treo lủng lẳng những con gà cồ đất đủ màu rực rỡ. Khách hàng là đám trẻ con chen lấn nhau, đòi cha mẹ mua thổi đinh tai, điếc óc.

Tránh chỗ rộn rịp đi xuyên vào khu yên tĩnh đằng Đông, các tiệm kim hoàn ở dãy lều sang trọng, có đèn điện chớp nháy liên hồi, trong các tủ kính sáng rực trưng bày đầy đử nữ trang: hoa tai, nhẫn cưới, xuyến lắc, ngọc ngà. Các bà, các cô áo quần là lượt, tươi cười đon đả, đón mời đeo thử trang sức rực rỡ, tươi như hoa hàm tiếu.

Nhìn xuống đại lý tạp hoá rực rỡ của anh chị Thạch Thân chạy đến tiệm thuốc Tây Trần Ngọc Anh, tới cửa tiệm kim hoàn rộng rãi khang trang, chính là tư thất của nhà thơ trữ tình, cũng là nhạc sĩ Vũ Phan Long. Anh là giáo sư âm nhạc của trường trung học Cường Để Qui Nhơn. Buồn cho vận nước sang trang sau 30/4/1975. Anh đã ứa nước mắt nhìn đám giáo sư Cường Để lên đường đi "cải tạo". Có người đã gục ngã như thầy Võ Ái Ngự, Trần Đại Nghĩa. Rồi sau đó không lâu nhạc sĩ Vũ Phan Long cũng đã lặng lẽ ra đi theo vận nước. Người viết bài nầy khi nhớ về Anh xin mượn mấy dòng của Phương Nam gởi đến anh:

Anh nằm xuống tựa như loài chim quý
Một sáng buồn, ngã quỵ giữa lồng son.
Hồn thiêng anh có vương vấn núi non?
Anh có tủi, khi chưa tròn nguyện ước.

Nợ cầm ca, đa mang từ kiếp trước,
Nên kiếp nầy anh rút ruột nhả tơ.

Vắt óc tim tạo ý nhạc lời thơ,
Góp điệu hát lời ca, cho nhân thế.
Tin anh mất, bạn bè rưng mắt lê,
Ngàn Thu sau còn mãi mãi tiếc thương.

Lời ca hay- giờ ai thay anh viết,
Dòng nhạc nào-rung cảm triệu con tim.
Đời mất anh-đời chất ngất nỗi niềm,
Anh biền biệt-biết tìm đâu thấy nữa.

Gần bốn chục năm qua, từ một nửa vòng trái đất bên nầy, khi nhớ về quê hương Vạn Gò Bồi-Bình Định, Việt Nam, lòng tôi như se thắt, bâng khuâng sống lại những kỷ niệm dấu yêu của một thời mới lớn: Cứ đến mùa nước lụt hằng năm, được chống sõng băng đồng đưa mẹ cùng chị đi chợ Gò Bồi để chiêm ngưỡng ánh hào quang rực rỡ của một nền văn minh phố thị, sông nước kỳ ảo, hữu tình; nên chính nơi nầy cũng đã sản sinh ra thi nhân Xuân Diệu đã để lại cho đời những vần thơ tình tuyệt tác trong thời tiền chiến:

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngang hàng.
Đây mùa Thu tới, mùa Thu tới,
Với áo mơ phai dệt lá vàng

Rồi, rất tiếc thi tài Xuân Diệu đã giã từ Vạn Gò Bồi, khép lại những vần thơ thiên phú được người đời ngưỡng mộ; và, chính ông cũng đã kéo theo những tinh hoa cột trụ, lớp đàn em đang học ở Hoà Bình, gốc Gò Bồi như Phan Ngưng, Phan Đĩnh (Tùng Giản), Nguyễn Ngữ (Hiệu đoàn trưởng-Kim Giản) Nguyễn Cận, Nguyễn Tống, Nguyễn Tấn con ông Tú Hoàng (Tân Giản), Nguyễn Nhiễu (Nhiễu đen-Tân Giản) tập

kết ra Bắc để chôn vùi tuổi thanh xuân của họ trong lãng quên. Cũng ở thời điểm ấy, lớp đào tạo hội hoạ của thầy Thi, hoạ sĩ Phạm Hổ phải đóng cửa, bỏ lại những môn sinh ưu tú như: Bùi Đắc Khải, Nguyễn Phúc Liêm, Nguyễn Văn Thọ v.v... còn đang say mê nghệ thuật, nuối tiếc những cánh buồn căng gió, đang ngược dòng từ đầm Thị Nại Qui Nhơn, lên ngả tư Tân Giản đổ về Vạn Gò Bồi.

Những đêm hè, tiết trời hâm hấp, trăng khuya vằng vặc, soi bóng xuống cây cầu cũ vắt ngang từ bên kia Kim Trì, qua cổng chợ bên nầy Tùng Giản, lại trổi lên tiếng đàn ghi ta thánh thoát, nhặt khoan của nhạc sĩ Trần Đình Giác, hay huynh trưởng Phật tử Nguyễn Văn Thắng lắng sâu vào đêm tịch mịch, yên bình như ru giấc ngủ người dân Gò Bồi vào cõi mộng, sau một ngày bán buôn náo nhiệt.

Những sinh hoạt của người dân Gò Bồi, cũng cuốn theo những biến chuyển của lịch sử đất nước. Khi chuyến tàu cuối cùng nhổ neo của người Cộng Sản rời khỏi thành phố Qui Nhơn, tập kết ra Bắc. Chính quyền quốc gia đến tiếp thu Bình Định. Bến Vạn Gò

Bồi xôn xao, tươi tỉnh như hồi sinh lại, sau chín năm sống với bom đạn hãi hùng. Chuông nhà thờ các họ đạo chung quanh Gò Bồi lại đổ vang, sáng Chủ Nhật mỗi tuần. Hàng hàng lớp lớp con chiên, già trẻ, trai gái áo quần tươm tất, chỉnh tề đi rợp đường đến nhà thờ đọc kinh, cầu nguyện. Các đoàn Phật tử mũ hướng đạo, mặc sắc phục lam, xanh theo các huynh trưởng, đoàn trường. Chiêng trống trong các chùa Bảy Mận, Bình Lâm, Kim Đông, Khuông Bình cũng đổ vang, đỉnh lễ cầu kinh, sinh hoạt ca hát. Người dân hớn hở được lựa cho tự do tín ngưỡng theo đức tin của mình.

Vạn Gò Bồi có thể nói là đất văn minh đa dạng của tỉnh Bình Định, chỉ một xã Phước Hoà có đến ba, bốn họ đạo Kitô, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Minh, Nam Bình v.v.. Ba ngôi chùa Bảy Mận, Bình Lâm, Kim Đông và hai trường trung học Nam Hòa và Huỳnh Thị Lưu.

Về giao thông từ năm 1955-1956, theo đường thủy có hai chiếc canô chạy từ Gò Bồi đi Qui Nhơn và ngược lại. Về đường bộ có xe khách ông Ngạn, ông Tình. Xe lam bốn bánh, ba bánh chạy Gò Bồi, Tuy Phước, Qui Nhơn và ngược lại. Khách hàng là con buôn, học sinh, công nhân viên chức xã ấp nhiều miền lân cận Gò Bồi, đi, về nườm nượp.

Các tiệm ăn, quán xá ở Gò Bồi, thực phẩm tươi sống, nấu ngon, giá rẻ, tiếp đãi lịch thiệp, ân cần được truyền tụng khắp nơi (hồi đó không có quảng cáo) tiếng đồn vang dội một thời, mỗi khi có khách các nơi đến: Tiệm ăn ông Gương, ông Tài, ông Linh. Chả Mười út, Bà Mẹo v.v mặn mà, thơm ngon, ngây ngất, mãi đến bây giờ mỗi khi nhắc đến "cái tên" dư âm, hương vị như sống lại cả nhiều người Gò Bồi và khách phương xa đã có thời tận hưởng.

Nhớ lại những ngày đầu mới rời ghế nhà trường, về quê Bình Định năm 1960, tôi cùng các bạn đồng

môn Võ Sum, Võ Khanh, Đặng Đức Chưởng, Đoàn Hữu Đức, Nguyễn Phúc Liêm..cùng một số giáo sư lớn tuổi như Thầy Võ Hy, Hồ Ân, Hồ Hạnh Phúc, Nguyễn Triết nhận dạy ở trường Trung học Nam Hoà và Huỳnh Thị Lưu, thường ăn cơm bữa ở nhà Bác Cai Đó ở Trường Thế, hoặc Gò Bồi. Rồi quê vợ tôi lại ở Tân Giản, nên Gò Bồi xem như quê hương thứ hai của tôi sau làng Hữu Pháp, nơi tôi đã sinh trưởng. Chính nơi nầy tôi cũng đã dẫm mòn gót chân từ thời mới lớn, mãi đến sau ngày giã từ đất nước ra đi.

Gò Bồi đã in hằn trong ký ức của đời tôi biết bao kỷ niệm dấu yêu của nhiều lớp người: tình thầy trò, bạn bè, đồng nghiệp, nhiều anh chị thân quen v.v..Từng nhịp cầu cũ, mới. Qua lại con đò với đám học sinh, khi cầu sập, trôi trong mùa nước lũ. Từng gian hàng, góc phố, con hẻm lớn, nhỏ đôi lúc sống lại trong tôi như những mảnh vụn chưa phai mờ.

Những ngày giỗ chạp, tiệc tùng được phụ huynh học sinh thân mật đón mời: Thầy Cô Trợ Dinh hiền hoà, tươm tất. Ngoài Tòng, Cúc, hai em học sinh ngoan của tôi cũng là con thầy, còn có bé Thơm dạn dĩ, thỏ

thẻ chuyện trò lễ phép, hát hay, múa đẹp. Anh chị Hai Sanh chủ tiệm thuốc Bắc rộng thênh thang, nằm sâu trong mặt đường cạnh đầu cầu mới. Anh nhỏ người hiền hoà chân chất, chị niềm nở, vồn vã nở nụ cười tươi như hoa khi có khách đến nhà. Rồi người bạn vong niên Trà Văn Tri, những khi tiếp chuyện với tôi bên ly trà nóng, thường đàm luận thi ca kim cổ. Anh cũng là người thầy thuốc thân hữu của tôi, khi tôi ngã bệnh. Người Gò Bồi thường gọi anh là ông "Đốc Tri", mới đây đã nghe anh về bên kia thế giới! Tôi xin gởi về anh một nén hương lòng muộn! và cầu xin hương linh anh được về nước Chúa. Đến anh Nguyễn Văn Thắng, nhà ở mặt tiền, sát cổng chợ, nhìn ra dòng sông quanh năm con nước lững lờ. Anh là người bạn thân giao, bộc trực, Hạnh, em ruột anh là cậu học trò ngoan của tôi thông minh, học giỏi. Chiều thứ Bảy cuối tuần, anh thường mời tôi đến căn nhà sau yên tĩnh, đêm đêm ngồi thưởng thức chả nóng Mười Út dòn, ngon với vài chai bia nhấp giọng, nghe tiếng đàn ghi ta trầm bỗng nhặt khoan cùng những ngón tay điêu luyện của anh lướt nhẹ lên phiếm. Rồi sau ngày oan nghiệt 30/4/1975, ngẫu nhiên tôi lại gặp anh trong nhà tù chính trị C3 năm 1982 vừa mừng, vừa tủi.

Sau ngày nghỉ dạy trường Trung Học Nam Hoà, tôi có về lại Gò Bồi gặp anh chị Lê Tử Hoạch trong bữa cơm thân mật hàn huyên chuyện xưa; nhắc lại chị Năm, anh Bảy, chị Bé Em (thi sĩ Hàn Lệ Thu) một tài hoa mệnh yểu.

Thuở ấu thơ, tôi ở nhà cậu Ba Lầu, Thiều Quang học anh Nguyễn Thế Diêu, hai chị em cùng mợ, trải chiếu nằm dưới đêm trăng, chị đã xúc cảm sáng tác bài: "Năm ánh trăng" đại ý; một ánh trăng trên trời, hai ánh trăng trong mắt mẹ. Cùng hai ánh trăng trong mắt con: Khôn lớn theo thời gian, đi học xa cách trải

dài, từ Nha Trang về, em đã vào thăm chị đang dưỡng bệnh ở Qui Hoà; hình hài chị bấy giờ đã đổi khác, chi không cho đến gần, chỉ nhìn nhau qua bốn dòng nước mắt nhập nhòa lả chả tuôn.

Chiếc cầu Gò Bồi giờ đã đổi thay qua bao năm tháng, nhưng Bến Vạn vẫn còn đó, nước vẫn chảy xuôi dòng, những người "muôn năm cũ" hồn ở đâu bây giờ?

Bác Võ Tư vị Chủ Tịch xã Phước Hoà đầu tiên, một dòng tộc khoa bảng. Bác đã trải qua nền Hán học cuối mùa rồi vào trường Collège Qui Nhơn theo người anh ruột cử nhân Võ Đắt. Tôi đã học cùng thời với Sum và Khanh, lại là bạn thân thiết với cả hai, nên biết Bác Tư hiền hoà, đạo đức, giản dị thường giúp người lúc hoạn nạn (việc xác nhận lý lịch tốt, để bổ dụng anh Nguyễn Phúc Liêm đi dạy, dù anh Liên là con cô cậu với nhà thơ Xuân Diệu!...) Bác còn có người con cả Võ Phước cùng làm rể một nhà với Tướng Huỳnh văn Lạc ở Nha Trang. Huỳnh Văn Lạc học trường Sĩ Quan Bộ Binh sau lên Thiếu Tướng. Võ Phước cũng tốt nghiệp sĩ quan khoá 1 hoa tiêu không quân ở Nha Trang năm 1952 rồi sau tử trận trong một phi vụ hành quân. Võ Sum Giám học trường Sư Phạm Qui Nhơn, mới qua đời gần một năm cùng một thời với Trần Đình Sơn và Nguyễn Mộng Giác. Võ Khanh đậu cử nhân giáo khoa vật lý, bị động viên vào Thủ Đức ra trường được biệt phái về dạy văn hoá trường Võ Bị Đà Lạt.

Rồi đến thương phú Trần A Như (ông Tàu Quăn-người Việt-Hoa) có ngôi nhà lầu ba tầng đồ sộ từ ông cha để lại, toạ lạc ngay mặt tiền trung tâm Vạn Gò Bồi, vẫn còn đứng trơ trơ kiêu hãnh, thi gan với bom đạn chiến tranh trong thời gian chin năm kháng chiến chống Pháp. Sau ngày chính quyền Quốc Gia đến, những thương vụ đại lý thuốc bắc, cao đơn hoàn

tán, tạp hoá v.v.., đại lý nước mắm, khách hàng mua bán hằng ngày vào ra tấp nập. Nhưng ông lại nhận chức Chủ Tịch Xã Phước Hòa ở thời tỉnh Bình Định có nhiều biến cố. Rồi sự nghiệp, chức quyền danh vọng, cháu con, cả gia đình ông đã ngậm ngùi trôi theo vận nước. Con gái ông, người đẹp Trần Thị Mỹ Yến, không những chỉ nổi tiếng một thời ở đất Gò Bồi, mà đã vang bóng bay xa với những tiếc thương âm ỉ, trong lòng mọi người, bè bạn khi nhắc đến tên cô: "Mỹ nhân tự cổ như danh tướng, bất hứa nhân gian kiến bạch đầu." Mỹ Yến đã vĩnh viễn ra đi trong ngày đổi bạc lần đầu, cũng sau năm 1975, bỏ lại Vạn Gò Bồi một thời gian vàng son xuân sắc, mặc cho thế sự đổi thay Tang điền biến vi thương hải.

Vào Thu năm 2013

THƯ TRANG

Tham khảo:

Nước non Bình Định của Quách Tấn

Nhà xuất bản Thanh Niên 14-8-1999

Lược sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà của Trần Ngọc Thống- Hồ Đắc Huân

Lê Đình Thụy- Nhà xuất bản Hương quê năm 2011

Đối thoại trực tiếp, qua điện thoại với anh Nguyễn Văn Thắng (Nam Cali) người sinh quán và sống ở Vạn Gò Bồi đến sau ngày 30/4/1975

Đàm đạo trực tiếp với ông bà Lâm Sanh Thứ (San Jose) cả hai cùng sinh quán và sống ở Vạn Gò Bồi đến sau ngày 30/4/1975.

Thảo luận với người phối ngẫu Trương Huệ Trang (cũng là bạn thân thiết với Trần Thị Mỹ Yến từ lúc còn học ở bậc Tiểu Học đến khi thành gia thất) ▼

BÌNH-ĐỊNH *quê tôi*

Đây Bình-Định, xứ Địa-linh Nhân-kiệt.
Giải đất hiền, nằm tựa dãy Trường-sơn.
Đã bao đời, mưa nắng chí không sờn.
Dân Bình-Định vẫn hiền hòa chịu đựng.
Lên Bình-Đê nhìn biển chiều gió lộng.
Nghe dạt-dào vị dừa ngọt Tam-Quan.
Vào Hoài-Nhơn xem đồng ruộng ngút ngàn.
Dòng sông Lại chứa chan tình dân nẫu.
Ngược một chút ghé về thăm An-Lão.
Rừng núi chập chùng, thung-lủng phì nhiêu.
Qua Hoài-Ân, lòng cảm thấy thương nhiều.
Nơi kỷ niệm của một thời chinh chiến.
Và Phù-Mỹ với bao tình lưu-luyến.

Xuân Giáp Ngọ

Con đường xưa còn in dấu lửa binh.
Ghé Gò-Găng mua chiếc nón ân tình.
Nghe trĩu nặng những buổi chiều Phù-Cát.
Đến An-Nhơn, thành Đồ-Bàn đổ nát.
Vẳng đâu đây nghe tiếng hát dân Hời.
Dòng sông Côn năm tháng lửng lờ trôi.
Đừng quên nhé nhớ về thăm đất võ.
Nguyễn-Huệ anh hùng danh vang còn đó,
Áo vải cờ đào diệt sạch Bắc quân.,
Thống nhất Giang-sơn, chiến tích lẫy lừng,
Công-đức ấy ngàn sau còn ghi tạc.
Qui-Nhơn đây, bao tháng năm lưu lạc.
Thương làm sao những lối cũ đường xưa.
Biển dạt dào xanh ngát rợp bóng dừa,
Nơi kỷ-niệm tuổi học trò vụng dại.
Nắng Phương-Mai chói chang đầm Thị-Nại,
Gió Suối-Trầu tung mờ bụi Đèo-Son.
Qua Cầu-Đôi đếm từng nhịp mỏi mòn.
Về Tuy-Phước nghe thèm nem Chợ-Huyện.
Quê tôi đó với bao tình lưu-luyến,
Mơ ngày về nhưng nẻo ấy còn xa,
Nhớ Quê-hương trong nước mắt nhạt nhòa,
Bình-Định hỡi, hẹn ngày ta trở lại.

Bùi-văn-Luông.

TRẦN HƯNG ĐẠO
Đánh tan quân Nguyên - Mông

Triều Phong Đặng Đức Bích

1- Thân thế Trần Hưng Đạo:

Trần Hưng Đạo tên thật là Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1230 (có nơi ghi 1231), tại làng Kiếp Bạc, xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Thân phụ là An Sinh Vương Trần Liễu, anh vua Trần Thái Tông (Trần Cảnh), thân mẫu là Thiện Đạo Quốc Mẫu.

Trần Hưng Đạo là người thông minh, học cao hiểu rộng, văn võ song toàn, yêu nước, yêu dân tộc, dẹp thù nhà, một lòng chống quân thù cứu quốc. Ông biết dùng người hiền tài, coi binh sĩ như tay chân, thể hiện đức tính : Nhân, Nghĩa, Trí, Tín, Dũng.

Sau khi đánh đuổi quân Nguyên - Mông ra khỏi bờ cõi, Trần Hưng Đạo về trí sĩ ở trang viên tại Vạn Kiếp, các vua Trần thường đến vấn kế ông. Ông mất ngày 8 tháng 10 năm 1300, thọ 70 tuổi, được phong

tặng tước Thái Sư Thượng Phụ Thượng Quốc Công Nhân Vũ Hưng Đạo Vương.

Tượng Trần Hưng Đạo

2- Quân Nguyên Mông xâm lăng VN lần thứ 1 năm 1225:

a - Vài nét về quân Mông cổ:

Dân Mông Cổ ở phía bắc nước Tàu, thời đó vào khoảng 3 triệu người, là dân du mục, hiếu chiến, có tài đặc biệt là bắn cung, cưỡi ngựa, vận chuyển binh sĩ hết sức mau lẹ. Lối đánh của quân Mông Cổ là khi lâm trận, đội kỵ binh của họ tiến nhanh như chớp nhoáng rồi biến mất, rồi lại xuất hiện như vũ bão sau lưng địch, khiến đối phương điên đảo, trở mình không kịp, bị rối loạn cả chiến lược, chiến thuật.

Nguyên Thái Tổ là Thành Cát Tư Hản tấn công Tân Cương, Ba Tư (Iran), Hung Gia Lợi. Đầu thế kỷ thứ 13, Hồi quốc đang thịnh đạt và là một Đế quốc rộng lớn gồm Ba Tư, Tiểu Á, Tế Á và Cận Đông, chiều ngang

kéo dài từ Ấn Độ đến Bagdad, chiều dài từ bờ biển Aral tới vịnh Ba Tư. Quân Mông Cổ tới, bốn chục vạn binh của Hồi Giáo Mohamed tan tành và kinh đô cũng ra tro bụi. Đế Quốc Hồi tan vỡ từ thuở ấy. Tháng chạp năm 1237 đến tháng năm 1238, bốn phần năm lãnh thổ Liên Xô cũng lọt vào tay Mông Cổ.

Khi quân Mông Cổ tràn qua Âu châu, các nước Tây Âu nghe tin nầy vô cùng hoảng sợ, Giáo Hoàng Innoccent IV và vua Louis nước Pháp phải cử người sang cầu hòa. Nhưng khi quân Mông Cổ sang xâm lăng nước Nam thì bị Trần Hưng Đạo 3 lần đánh lui.

b - Trần Thái Tông, Trần Hưng Đạo đánh thắng quân Mông Cổ:

Hốt Tất Liệt lên ngôi, đổi thành nhà Nguyên, là Nguyên Thế Tổ, đem quân đánh chiếm nhà Tống bên Tàu. Từ đó cả nước Tàu bị Mông Cổ cai trị.

Khi Hốt Tất Liệt đem quân đánh nhà Tống, có sai một đạo binh đánh lấy nước Nam ta. Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai bảo vua Trần Thái Tông về thần phục Mông Cổ, đặt nhiều điều kiện khắc nghiệt, phải sang chầu Mông Cổ, hằng năm phải triều cống, nộp sổ đinh, sổ điền.... Trần Thái Tông chẳng những không chịu, mà còn bắt giam sứ Mông Cổ, rồi sai Trần Quốc Tuấn tức Trần Hưng Đạo đem quân giữ phía Bắc. Lúc bấy giờ là năm 1257.

Mông Cổ tức giận, kéo binh từ Vân Nam theo đường sông Thao Giang thuộc Hưng Hóa, xuống đánh Thăng Long. Trần Hưng Đạo quân ít, phải lui về Sơn Tây. Vua Trần Thái Tông tự cầm quân ra trận, nhưng cũng chống không nổi, phải bỏ kinh đô rút về Hưng Yên. Quân Mông Cổ chiếm Thăng Long, tiến xuống Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ vào thành, thấy 3 sứ giả Mông Cổ còn bị trói, giam trong ngục. Ngột Lương Hợp

Thai tức giận, cho quân cướp phá, giết cả nam phụ lão ấu trong thành, không chừa một người nào.

Trước thế nguy, vua Thái Tông hỏi ý kiến Trần Thủ Độ nên hòa hay chiến, Trần Thủ Độ trả lời rằng:

"Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin Bệ hạ đừng lo".

Chẳng bao lâu, quân Mông Cổ không quen thủy thổ nước ta, khí trời nóng bức, bị bệnh tật, mệt mỏi. Trần Thái Tông tiến binh lên đánh Đông Bộ Đầu, quân Mông Cổ chạy đi Qui Hóa, bị chận đánh một lần nữa, quân Mông Cổ thoát chạy về Vân Nam. Vì mỏi mệt, đi đường không cướp phá gì.

Tuy thua trận phải rút lui về, vua Mông Cổ sai sứ bắt nước Nam phải triều cống. Vua Thái Tông sai Lê Phụ Trần sang sứ, xin 3 năm sang cống một lần.

3 -Quân Nguyên Mông xâm chiếm VN lần thứ 2 năm 1285:

a - Tham vọng của quân Nguyên:

Sau khi chiếm Trung Quốc, Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt muốn mở rộng đế quốc Mông Cổ về phía Nam, tấn công chinh phục Đông Nam Á. Quân Nguyên Mông giỏi về trận mạc địa bộ, thiện chiến vùng thảo nguyên, nơi hoang dã, không giỏi về rừng núi, về thủy chiến.

Nhà Nguyên muốn chiếm Đông Nam Á, tấn công Nam Dương, rồi tiến đánh Ấn Độ, với tham vọng chiếm cứ toàn bộ Á châu. Muốn thực hiện cuộc Nam tiến, nhà Nguyên phải đánh nước Nam rồi tấn công các nước khác. Nhà Nguyên sai Sài Thung sang hạch hỏi vua Trần Nhân Tông, buộc nhà vua đích thân sang chầu. Vua Nhân Tông trả lời không thể đi được, vì không quen thủy thổ, nên cử Trịnh Đình Toàn và Đỗ Quốc Kế sang sứ, hai ông bị nhà Nguyên giữ lại.

b -Nhà Trần chuẩn bị:

-Hội Nghị Bình Than:

Tình hình càng ngày càng căng thẳng, chiến tranh thế nào cũng xảy ra, Trần Nhân Tông họp các vương hầu và tướng lãnh tại Bình Than (Chí Linh) vào tháng 10 năm 1282 để bàn kế hoạch chống giặc. Tháng 10 năm sau 1283, nhà vua đề cử Trần Hưng Đạo làm Quốc Công Tiết Chế, thống lãnh toàn quân, điều động các tướng lãnh chỉ huy đơn vị, ngăn chặn quân thù. Năm 1284, Trần Nhân Tông ra lệnh tổ chức duyệt binh lớn ở Đông Bộ Đầu, dưới quyền điều khiển của Trần Hưng Đạo. Sau đó chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu, để chống lại cuộc xâm lăng của quân Nguyên.

- Hội Nghị Diên Hồng:

Được tin nhà Nguyên chuẩn bị binh mã sang xâm lăng nước ta, vua Nhân Tông cử Trần Phủ sang thương thuyết, đề nghị hoãn binh, nhưng nhà Nguyên không chịu. Trần Nhân Tông triệu mời các bô lão trong nước, đến họp tại điện Diên Hồng để hỏi ý kiến, tất cả đều một lòng quyết chiến chống quân xâm lược.

c - Chiến tranh Nguyên - Việt:

+ Quân Nguyên tấn công, quân Việt rút lui:

Thái tử nhà Nguyên là Thoát Hoan đem binh mã tấn công Đại Việt theo 3 đường:

- Thứ nhất, Thoát Hoan dẫn đại binh vào nước ta bằng đường Lạng Sơn, theo thung lũng sông Thương, tiến vào Thăng Long.

- Thứ nhì, tướng Nạp Tốc Lạt Đinh dẫn bộ binh từ Vân Nam theo đường sông Chảy đi xuống, song song với sông Hồng.

- Thứ ba, Toa Đô dẫn thủy quân từ bờ biển Chiêm Thành đánh lên Đại Việt. Ba cánh quân Nguyên

tạo thế gọng kềm, giáp công 3 mặt, ép quân Việt vào giữa.

Quân của Thoát Hoan tràn qua Lạng Sơn, đánh Kỳ Cấp, Khả Ly và Lộc Châu, quân Nam phải rút về Chi Lăng. Thóat Hoan dẫn đại binh đánh Chi Lăng, Trần Hưng Đạo, Dã Tượng, Yết Kiêu lui về Vạn Kiếp. Vua Nhân Tông đáp thuyền nhỏ đến Hải Dương, cho mời Trần Hưng Đạo đến bàn việc: *"Thế giặc mạnh như vậy, ta chống không được, nên hòa hay đánh"*. Trần Hưng Đạo khẳng khái trả lời rằng:

"Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng".

Cánh quân của Nạp Tốc Lạt Đinh tràn qua Yên Bình, Yên Bái, chú của vua Nhân Tông là Trần Nhật Duật chống cự không được, phải rút lui về mạn xuôi.

Thoát Hoan uy hiếp Thăng Long, quân Nguyên tấn công Vạn Kiếp, Trần Hưng Đạo lại rút lui, rước vua và Thượng Hoàng vào Thanh Hóa. Mặt trận phía Nam do Thượng Tướng Trần Quang Khải, đem quân đóng những chỗ hiểm yếu ở Nghệ An, để chận đường quân Toa Đô tiến ra phía Bắc.

+ Chiến thuật Trần Hưng Đạo:

Quân Nam phản công, quân Nguyên thua chạy về nước:

- Trận Hàm Tử:

Toa Đô bị Trần Quang Khải cầm chân, càng ngày càng cạn lương thực, Toa Đô theo đường biển tiến ra Bắc. Trần Hưng Đạo đề nghị vua Nhân Tông cử các tướng Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái ra chận đánh Hưng Yên. Trong quân của Trần Nhật Duật có người Tống xin tòng chinh, mặc sắc phục quân Tống. Quân Nguyên tưởng nhà Tống đã phục quốc, gởi quân Tống sang giúp nước Việt, nên mất tinh thần bỏ chạy.

- Trận Chương Dương:

Trần Hưng Đạo chỉ huy tấn công quân Nguyên

Trần Nhật Duật chặn đường Toa Đô, không cho liên lạc với Thoát Hoan đang đóng quân ở Thăng Long.

Trần Hưng Đạo bàn, nên lợi dụng lòng hăng hái của quân sĩ và sự túng quẩn của địch, đánh mạnh lấy lại Thăng Long. Tiến cử Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản, Nguyễn Khoái, khởi động tấn công, đánh tan thuyền của quân Nguyên ở bến Chương Dương, thuộc Hà Nội ngày nay, rồi đuổi đánh quân Nguyên đến chân thành Thăng Long. Thoát Hoan cầm quân ra trận, bị phục binh của Trần Quang Khải chặn đánh, phải bỏ Thăng Long, vượt sông Hồng chạy đi Bắc Ninh. Trần Quang Khải vào kinh thành mở tiệc khao quân, nhân tiệc vui có làm bài thơ :

"Đoạt sáo Chương Dương độ

Cầm Hồ Hàm Tử quan

Thái bình nghi nổ lực

Vạn cổ thử giang san"

Dịch là:

"Chương Dương cướp giáo giặc

Hàm Tử bắt quân thù

Thái bình thêm gắng sức

Nước non ấy ngàn thu"

- Trận Tây Kết:

Khi Thoát Hoan rời Thăng Long vượt sông Như Nguyệt ngày mùng 6 tháng 5 năm Ất Dậu thì Trần Quốc Toản đem quân đuổi theo, trong trận đánh ông bị tử trận. Vua nghe tin, thương tiếc, phong ông là Hoài Văn Vương Trần Quốc Toản.

Được tin Thoát Hoan thua trận, Toa Đô lui về Tây Kết, phía nam Hàm Tử, Trần Hưng Đạo lại xin vua tự mình đem quân đánh Toa Đô, rồi tiến đánh Thoát Hoan. Vua Nhân Tông đồng ý và cho Trần Hưng Đạo toàn quyền điều động.

Quân ta đánh hăng quá, quân Nguyên địch không nổi, Toa Đô và Ô Mã Nhi đem quân lên bộ chạy ra biển, bị quân ta vây đánh, Toa Đô trúng đạn chết, Ô Mã Nhi chạy vào Thanh Hóa, rồi tìm thuyền về Trung Quốc.

- Trận Vạn Kiếp:

Thoát Hoan đóng quân ở Bắc Giang, nghe tin Toa Đô tử trận, Ô Mã Nhi đã trốn về Tàu, tướng sĩ đều ngã lòng. Hưng Đạo Vương biết Thoát Hoan tất phải chạy, liền cử Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão đem 3 vạn quân phục sẵn tại bãi sậy, bên sông Vạn Kiếp. Ông sai hai con là Hưng Võ Vương Nghiễn và Hưng Hiếu Vương Úy, đem binh chặn đường quân Nguyên rút về Tư Minh bên Tàu. Hưng Đạo Vương tự dẫn đại quân đến Bắc Giang đánh quân Nguyên, quân Nguyên thua chạy đến Vạn Kiếp, bị phục binh của Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão đánh cho một trận. Tướng nhà Nguyên là Lý Hằng bị tên bắn chết, sau đó Lý Quán cũng bị chết. Thoát Hoan phải chui vào ống đồng, để lên xe,

bắt quân sĩ kéo chạy.

Thế là đại quân của Thóa Hoan lúc đầu mới sang lừng lẫy bao nhiêu, bây giờ tan nát bấy nhiêu. Trong 6 tháng, từ tháng chạp năm 1284 đến tháng 6 năm 1285, Đại Việt đuổi 50 vạn quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, chỉnh đốn giang sơn lại như cũ, cũng nhờ Trần Hưng Đạo có tài Đại tướng, cầm quân vững chải, mưu lược hơn người, phối hợp với các tướng nhà Trần, dụng binh biết đợi thời cơ, kích động lòng trung nghĩa của tướng sĩ, ai nấy đều hết lòng giúp nước, đánh tan quân Nguyên, đuổi quân thù ra khỏi bờ cõi.

4 - Quân Nguyên - Mông xâm lăng VN lần thứ 3 năm 1288:

a - Nhà Nguyên quyết tâm trả thù:

Nguyên Thế Tổ Hốt Tất Liệt thấy bọn Thoát Hoan bại trận về, giận lắm, muốn đem chém tất cả, nhưng quần thần can ngăn mãi mới thôi. Nhà Nguyên đình việc đi đánh Nhật Bản, hạ lịnh đóng thêm 300 chiến thuyền, truyền hịch 3 tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, tụ tập binh sĩ, định đến tháng 8 sẽ cất quân, sang đánh nước Nam để báo thù. Quan trong triều và quan các tỉnh phía Nam, đề nghị cho quân sĩ nghỉ ngơi ít lâu rồi sẽ xuất chinh, vua Mông Cổ nghe theo.

Tháng 2 năm 1287, nhà Nguyên động binh, cuộc viễn chinh lần nầy tổ chức khá chu đáo. Tổng chỉ huy quân Nguyên vẫn là Thoát Hoan, dưới quyền có các tướng Áo Lỗ Xích, Ô Mã Nhi, Trình Bằng Phi, Phàn Tiếp, Trương Văn Hổ.

b - Nhà Trần chuẩn bị:

Sau ngoại giao mềm mỏng của nhà Trần đối với nhà Nguyên bị thất bại, vua Nhân Tông ra lịnh cho các vương hầu chiêu mộ và luyện tập binh mã, mời Hưng Đạo Vương hỏi ý, Trần Hưng Đạo trả lời: *"Quân ta đã*

quen việc chiến trận, quân Nguyên thì sợ đi xa. Vả lại chúng còn sợ sự thảm bại kỳ trước, không còn chí chiến đấu, theo thần thấy, phá được chúng là điều chắc chắn."

Vua Nhân Tông liền ra lệnh cho Trần Hưng Đạo đốc thúc các vương hầu, chế tạo thuyền bè, điều động binh sĩ, chuẩn bị đánh quân Nguyên.

Cuộc duyệt binh được tái tổ chức vào giữa năm 1287. Trần Hưng Đạo cử Trần Nhật Duật và Nguyễn Khoái trấn giữ Lạng Sơn, Trần Khánh Dư bảo vệ Quảng Yên, Lê Phụ Trần đem quân đóng giữ Nghệ An, còn tự mình giữ trung quân bảo vệ Thăng Long.

c -Chiến tranh Nguyên - Việt:

- Quân Nguyên tấn công:

- Thoát Hoan dẫn đại binh, Trương Ngọc, Lưu Khuê điều khiển bộ binh, thủy binh, 500 chiến thuyền, 70 thuyền vận tải, chuyên chở lương thực, vũ khí, đi đường Khâm Châu, Liêm Chàu tiến đánh nước Nam.

- Trịnh Bằng Phi, Lỗ Đức dẫn quân đi đường bộ.

- Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, thống lãnh thủy quân tiến về hướng nam.

- Vạn hộ Trương Văn Hổ tải 17 vạn thạch lương theo đường bể.

Đội quân Mông Cổ tiến vào nước ta như vũ bão. Tướng nước ta là Nhân Đức hầu Trần Đa mai phục ở Lạng Sơn phải lui binh.

Trong những ngày đầu, cũng như các lần trước, quân Mông Cổ tấn công rất mạnh và rất hăng, quân ta phải lui về Vạn Kiếp. Thoát Hoan chiếm núi Phả Lại và Chí Linh, rồi phái Trịnh Bằng Phi đem quân tấn công Vạn Kiếp. Mặt khác, Thoát Hoan cử Ô Mã Nhi, A Bát Xích, dẫn một cánh quân từ sông Lục Đầu đánh xuống

sông Hồng, mục đích đánh chiếm kinh thành Thăng Long.

- Quân Nam phản công:

Khi tin tức từ biên thùy tới tấp báo về Thăng Long, các quan xin tuyển thêm binh. Hưng Đạo Vương bình tĩnh nói: *"Quân cốt giỏi chứ không cốt nhiều".*

Với tư cách Tổng chỉ huy, Trần Hưng Đạo phân phối quân đội đi các nơi như sau :

- Trần Nhật Duật, Nguyễn Khoái đem 3 vạn quân đón giặc ở Lạng Sơn.

- Trần Quốc Toản, Lê Phụ Trần đem 3 vạn quân giữ Nghệ An.

- Tại biên giới Việt - Hoa, ba đồn Sa, Từ, Trúc được thiết lập, vì quân ta biết rằng bộ binh của Thoát Hoan thế nào cũng xâm nhập cổng ngõ nầy.

- Trần Hưng Đạo đóng đại quân ở Vạn Kiếp, trên ngọn Phú Sơn . Căn cứ nầy coi như trung tâm hành quân của nước Nam , rất thuận tiện về giao thông thủy bộ, điều động quân đội đi các nơi.

Sau nhiều lần giao chiến dữ dội, quân ta chống trả kịch liệt. Ngày 30 tháng chạp năm 1287, Thoát Hoan

Đền thờ Trần Hưng Đạo

sai Trịnh Bằng Phi, A Lý và Lưu Giang đánh Vạn Kiếp, lấy làm căn cứ. Ở đây lực lượng của Hưng Đạo Vương đã rút gần hết về giữ Thăng Long. Ô Mã Nhi, A Bát Xích hợp quân, vượt sông Cái tiến vào Thăng Long, Hưng Đạo Vương chống trả kịch liệt, Thượng Hoàng và Nhân Tông phải lánh vào Thanh Hóa.

Ngày mùng 4 tháng giêng năm 1288, Thoát Hoan lui binh về Bắc Giang, Hải Dương, Vạn Kiếp, sau cuộc tấn công vô hiệu vào Thăng Long. Ngày 8 tháng giêng, giặc thua trận tại Đại Bảng thuộc tỉnh Hải Dương, quân ta thu được 300 chiến thuyền.

- Trận Vân Đồn:

Lương thực sắp cạn, thuyền lương do Trương Văn Hổ áp tải vẫn chưa thấy đến, Thoát Hoan hạ lệnh cho Ô Mã Nhi cấp tốc đi tìm, gặp sự chống cự của Trần Khánh Dư. Ô Mã Nhi cố đánh, quân Trần Khánh Dư bị bại. Nghe thủy quân Vân Đồn bị bại, vua sai quan ra truy tội, Trần Khánh Dư xin cho lập công chuộc tội.

Ô Mã Nhi gặp được Trương Văn Hổ, rồi cùng nhau trở vào đất liền.

Ô Mã Nhi đắc thắng đi trước rất nhanh, Trương Văn Hổ chở thuyền lương đi chậm, bị Trần Khánh Dư quay lại mai phục đánh úp, chiếm được nhiều khí giới và toàn bộ lương thục của địch.

Đây là trận thắng quyết định chiến trường năm 1288, vì quân Thoát Hoan thiếu lương, bắt buộc phải tìm đường rút quân. Trần Khánh Dư báo tin thắng trận, chiếm được lương thực, thu nhiều khí giới, làm mất nguồn hy vọng quân lương của Mông Cổ. Thượng Hoàng bàn với Trần Hưng Đạo, thả một số tù binh về báo cho Thoát Hoan hay, với đòn tâm lý nầy, quân Nguyên xôn xao, nao núng tinh thần, có bụng muốn về Tàu.

- Trận Bạch Đằng:

Tháng 3 năm 1288, lương thảo mỗi ngày một cạn, các tướng Nguyên bàn với Thoát Hoan nên rút quân, vì thành trì không có, lương thực lại cạn. Thời tiết hết xuân sang hạ, khí trời nóng nực, ở lại không lợi, chi bằng rút quân về, rồi sau sẽ liệu kế khác.

Thoát Hoan thấy quân thế của Hưng Đạo Vương mạnh lắm, chưa thể phá được, bèn nghe lời các tướng, sai Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch Đằng về trước. Đường bộ thì sai Trình Bằng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu, định ngày rút quân.

Hưng Đạo Vương đoán biết trước, bèn sai Nguyễn Khoái dẫn binh đi đường tắt lên thượng lưu sông Bạch Đằng, lấy gỗ đẽo nhọn, bịt sắt đóng khắp giữa dòng sông, rồi phục binh . Lúc thủy triều lên thì đem binh ra khiêu chiến, nhử cho giặc qua chỗ đóng cọc, khi nước thủy triều xuống, quay binh lại dốc sức mà đánh. Lại sai Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa đem quân phục kích quân Nguyên ở Nội Bảng.

Nguyễn Khoái khiêu chiến Ô Mã Nhi trên sông Bạch Đằng rồi bỏ chạy, Ô Mã Nhi đuổi theo, Nguyễn Khoái nhử quân Nguyên qua khỏi chỗ đóng cọc, rồi quay thuyền lại, đánh rất hăng. Quân của Trần Hưng Đạo cũng vừa tiếp đến. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thấy quân ta thế mạnh, mới quay thuyền trở lại, đến khúc sông có cọc thì nước thủy triều đã rút xuống, thuyền quân Nguyên vướng mắc phải cọc, đổ nghiêng ngửa, đắm vỡ rất nhiều. Quan quân thừa thắng đánh rất hăng, quân Nguyên chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị bắt. Quân ta thu được trên 400 chiến thuyền và bắt được nhiều binh sĩ.

Chiến thắng Bạch Đằng là kết quả của sự phối hợp tác chiến hiệu quả giữa thủy quân và bộ binh, giữa quân chủ lực với các đội dân binh, giữa các lực lượng tham chiến về thời gian và không gian.

- Quân Nam toàn thắng:

Thoát Hoan nghe tin thủy quân vỡ tan, liền ra lệnh Trình Bằng Phi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, Trương Quân, Trương Ngọc, đi đường bộ rút lui. Quân Nguyên chạy đến ải Nội Bảng, bị phục binh Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh, chém chết Trương Quân. Các tướng Nguyên khác Trình Bằng Phi, A Bát Xich, Trương Ngọc, Áo Lỗ Xích, giữ gìn Thoát Hoan, đi đường tắt về Tư Minh bên Tàu.

Hưng Đạo Vương thống lãnh quân Nam đánh đuổi quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi, rước Thượng Hoàng và Nhân Tông về kinh sư. Khi về đến Hưng Long, vua Nhân Tông đem các tướng Nguyên bị bắt Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc vào làm lễ hiến phù ở trước Chiêu Lăng.

Nhân thấy giang sơn lại được như cũ, Thánh Tông Thượng Hoàng làm 2 câu thơ:

Xã tắc luỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu

dịch:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông thiên cổ vững kim âu

- Hưng Đạo Vương trong lòng dân Việt:

Quân Mông Cổ 3 lần xâm chiếm nước ta: năm 1258, 1285,1288, đều bị dân Việt đánh bại, công lao đó phần lớn là do đại công của Trần Hưng Đạo.

- Năm 1984, các nhà bác học và quân sự thế giới họp

tại Luân Đôn, Anh quốc đã đánh giá Trần Hưng Đạo là 1 trong 10 nhà quân sự tài ba nhất thế giới.

- Người Việt tôn kính, thường gọi Trần Hưng Đạo là Đức Thánh Trần, lập đền thờ nhiều nơi trong nước.

- Trước năm 1975, VNCH in hình Trần Hưng Đạo trên giấy bạc 500 đồng, để tỏ lòng kính trọng. Hằng năm dân chúng làm lễ tưởng niệm Đức Thánh Trần ngày 8 tháng 10 ở nhiều nơi.

- Hải quân và ngành Hàng Hải tôn ngài là Thánh Tổ Trần Hưng Đạo, ghi lại thân thế và sự nghiệp oai hùng chống giặc ngoại xâm phương Bắc, để tỏ lòng tôn kính và biết ơn ngài.

Trần Hưng Đạo là vị anh hùng dân tộc, là thiên tài quân sự, đã 3 lần đánh tan quân xâm lược Nguyên - Mông, có công lớn với Tổ quốc Việt Nam, là gương sáng cho thế hệ con cháu tương lai, lòng tràn đầy nhiệt huyết, đang vùng dậy khắp nơi, đứng lên trong công cuộc giữ nước và xây dựng đất nước.

Nhà thơ Khiêm Đức làm bài thơ ca ngợi công đức của Trần Hưng Đạo, sự tài trí, lòng yêu nước, gương trung liệt, dẹp thù nhà, một lòng quyết chiến chống quân xâm lược:

Bình sanh làm tướng chết làm thần
Công nghiệp sáng ngời vạn tiết xuân
Lấy máu Toa Đô đền nợ nước
Nương dòng Vạn Kiếp rửa thù dân
Sông Đằng bến cũ đâm thuyền địch
Đất Việt tôi trung gánh bụi trần
Hưng Đạo quyền cao nhưng chẳng lạm
Thác rồi hiển thánh lại thi ân

Triều Phong Đặng Đức Bích

Tài liệu tham khảo:

Đại Nam Nhất Thống Chí - *Nguyễn Tạo*

Hoàng Lê Nhất Thống Chí - *Ngô Thời Chí*

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - *Ngô Sĩ Liên*

Việt Nam Sử Lược - *Trần Trọng Kim*

Việt Sử Đại Cương - *Trần Gia Phụng*

Việt Sử Toàn Thư - *Phạm Văn Sơn*

Việt Sử Cương Mục Tiết Yếu - *Đặng X Bảng*

Công cha nghĩa mẹ

Công Cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Ngày nào bập bẹ, ê a,
Ngày nay mừng thọ Mẹ Cha cửu tuần.
Cám công dưỡng dục muôn phần,
Sinh thành ơn ấy con hằng khắc ghi.
Dìu con từ chập chững đi,
Một đời tận tụy, mấy khi thanh nhàn.
Mẹ Cha nay hưởng tuổi vàng,
Xin đầy hạnh phúc, xin tràn niềm vui.

ĐẶNG THỊ MINH TÂM

Mừng
Lưu Đại Nhân Lão Hữu

Nhân hội bạn Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Pétrus Ký Bắc California tổ chức buổi ra mắt sách ***80 Tuổi Kể Chuyện Mình*** *của Giáo Sư Lưu Khôn dịch từ tác phẩm* **Bá Thập Tự Tự** *của Lâm Ngữ Đường, viết bài này để kính tặng dịch giả.*

TRÁC NHƯ

Chiều Mạnh Thu, trời Cali trong biếc,
Gió nhẹ đưa, lá vàng chửa vèo bay:
Người xôn xao, nhộn nhịp đến nơi này,
Kịp phó hội, tân thời Đằng Vương Các.

Trẻ mười sáu, tài hoa đời kinh ngạc,
Cão bát tuần, ích tráng ít ai đương:
Nhớ Tôn Sư, bách tuế vẫn như thường,
Chuyện văn học cuộn cuồn, tuôn khôn dứt.

Nay lão huynh noi theo gương người trước,
Vẫn miệt mài, mặt ngọc vướng tâm tư:
Tới tuổi này chưa " tự tự" được ư!
Hay tìm kiếm người xưa, lời tâm sự?

Gặp gỡ hôm nay, lớp người có đủ,
Chuyện văn chương, một nhịp con tim:
Mừng lão huynh đã gắng công tìm,
Đem trần thuyết bạn văn cùng thưởng thức.

Thung Lũng Hoa Vàng
Ngày Chủ Nhật, 20 tháng 10, 2013

TRÁC NHƯ

Xuân Giáp Ngọ

Trang Sưu Tầm & Tìm Hiểu

Trang Sưu Tầm & Tìm Hiểu nhằm đón nhận những sưu tầm và tìm hiểu về nhiều lãnh vực như Khoa học, Lịch sử, Nghệ thuật, Văn chương, Tôn giáo, Y tế, Âm nhạc, v.v. Trang nầy có mục đích khuyến khích sự tò mò, tìm kiếm và cống hiến độc giả những kiến thức hữu ích. Trong khuôn khổ giới hạn số trang của Đặc san, bài viết xin giới hạn 12 trang trở lại. Chúng tôi hân hoan đón nhận sự đóng góp của quí vị và các bạn.

Ban Biên Tập

Những Đặc Điểm
Của Hiến Pháp Hoa Kỳ

Quách Tứ

Nhiều người tự hỏi làm thế nào một Hiến pháp được viết từ năm 1787 vẫn còn áp dụng được đến ngày nay. Quốc gia Hoa kỳ đã phát triển từ một xã hội với 4 triệu dân và lãnh thổ là 13 Tiểu bang, vừa tuyên bố độc lập và thoát khỏi sự thống trị của Anh Quốc, đã vươn lên và ngày nay trở thành một Quốc gia công nghiệp hàng đầu Thế giới với 50 Tiểu bang và 313 triệu dân. Trải qua trên 200 năm, Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn còn hữu hiệu và tồn tại trong một quốc gia thay đổi và phát triển không ngừng. Có hai sự kiện liên hệ đến sự tồn tại lâu dài của Hiến pháp. Thứ nhất, chính những ý tưởng tự do, tôn trọng nhân quyền và nguyên tắc tổ chức các cơ cấu chính

quyền dân chủ của Hiến pháp, đã đóng góp vào sự trường tồn này. Thứ hai, các nhà Lập hiến Hoa Kỳ đã nghĩ đến việc tồn tại lâu dài của Hiến pháp qua thời gian và sự tiến triển của xã hội, nên đã dự liệu thủ tục tu chính Hiến pháp (Điều 5) bằng những Tu chính án, để thêm vào và mở rộng ý nghĩa của Hiến pháp. Do đó, Hiến pháp đã không trở thành một tài liệu lỗi thời, mà là một văn kiện pháp lý sống, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội Hoa Kỳ. Chúng ta hãy lần lượt xem xét tiến trình hình thành, nội dung và những đặc điểm của Hiến pháp.

Tiến Trình Hình Thành Hiến Pháp Hoa Kỳ

Hiến pháp Hoa Kỳ bắt nguồn từ những ý tưởng của Tuyên Ngôn Độc Lập (The Declaration of Independence). Tuyên ngôn Độc Lập đã khẳng định những điều sau: Người Mỹ thuộc địa muốn tách khỏi sự thống trị của Anh Quốc và thành lập một tân quốc gia. Người dân tin tưởng rằng họ có những quyền tự nhiên của con người mà chính quyền không thể tước đoạt được, đó là quyền sống, quyền hưởng tự do và mưu cầu hạnh phúc. Chính quyền được tồn tại để bảo vệ những quyền này. Nếu chính quyền không làm được nhiệm vụ thì người dân có quyền thay đổi hay loại bỏ để tạo dựng một chính quyền mới.

Sau khi Tuyên Ngôn Độc Lập được Quốc hội Đại lục (Continental Congress) chấp thuận và công bố vào ngày 4 tháng 7 năm 1776, người Mỹ nhận ra rằng họ đã không có một chính quyền Trung ương đủ mạnh, để điều hành mọi công việc của tân Quốc gia. Mỗi Tiểu bang thời bấy giờ đều có chính quyền riêng và điều hành guồng máy chính trị riêng rẽ. Có nhiều tranh luận đã xảy ra trong Quốc hội Đại lục, là cần có một văn

kiện pháp lý hợp pháp để tổ chức chính quyền và điều hành công việc nước. Để đáp ứng nhu cầu này, tháng 11 năm 1777, Quốc hội Đại lục đã thông qua Điều Khoản Liên Minh (Articles of the Confederation) được xem là Hiến pháp đầu tiên của Hoa Kỳ.

Chẳng bao lâu, sau khi áp dụng những Điều Khoản Liên Minh, người Mỹ nhận thấy những yếu kém của Điều Khoản này về nhiều lãnh vực. Điều Khoản Liên Minh đã tạo một Liên minh lỏng lẻo giữa 13 Tiểu bang, chính quyền yếu kém vì không có Tổng Thống đứng đầu để thi hành luật. Tổ chức chính quyền trung ương chỉ có một ngành Lập pháp (Quốc hội), không có Hành pháp và Tư Pháp, Quốc hội Đại lục không có quyền gì đối với các Tiểu bang và công dân. Đặc biệt là vấn đề thuế khóa và kinh tế đã đưa đến những cuộc phản đối và nổi loạn, như cuộc nổi loạn của những nông gia do Daniel Shays lãnh đạo. Chính quyền cũng gặp trở ngại trong việc tổ chức quân đội, điều hành nội thương giữa các Tiểu bang và ký kết các hiệp ước.

Vào giữa những năm 1780, phần đông các nhà lãnh đạo chính trị đều đồng ý cần có sự thay đổi về văn kiện pháp lý. Tháng giêng năm 1787, Quốc hội Đại lục mời mỗi Tiểu bang gởi các phái đoàn đến dự Đại hội ở Philadelphia. Mục đích của Đại hội là tu chính các Điều Khoản Liên Minh. Đến tháng 5 năm 1787, Đại hội họp ở Sảnh đường Độc lập Thành phố Philadelphia. Hầu hết các phái đoàn là những người có học thức, trẻ, tuổi trung bình 40, từng giữ những chức vụ trong lập pháp và hành pháp của các Tiểu bang, như Benjamin Franklin, James Madison và vị Anh hùng lãnh đạo cuộc Chiến tranh Cách mạng George Washington được mời làm Chủ tịch Đại hội. Một số khuôn mặt lớn có tiếng nói quan trọng như như John Adams và Thomas

Jefferson đã vắng mặt, vì bận công cán ngoại giao ở Anh và Pháp.

Trong Đại hội có nhiều sự bất đồng và chia rẽ giữa các phái đoàn. Một số phái đoàn đề nghị chỉ thay đổi một phần nhỏ của Điều Khoản Liên Minh, những phái đoàn khác đòi hủy bỏ và viết Hiến pháp mới. Sau một tháng tranh luận, các phái đoàn đã không thể đồng ý về vấn đề đại diện trong chính quyền. Đại hội trở nên bế tắc (deadlock).

Cuối cùng, Roger Sherman thuộc phái đoàn Connecticut đề nghị một kế hoạch hòa giải (a compromise plan). Theo kế hoạch này, ngành hành pháp được chia làm hai viện: Thượng viện và Hạ viện; mỗi Tiểu bang không phân biệt lớn hay nhỏ, có hai đại diện ở Thượng viện. Đề nghị này đã làm vừa lòng các Tiểu bang nhỏ, vì họ có tiếng nói bình đẳng trong ngành Lập pháp. Ở Hạ viện, số đại diện tùy thuộc vào dân số của mỗi Tiểu bang. Đề nghị này làm thõa mãn những Tiểu bang lớn, có dân số đông sẽ có nhiều đại diện ở Hạ viện. Phần đông các phái đoàn đều đồng ý với đề nghị trên và được xem đây là một cuộc Đại hòa giải (the Great Compromise).

Đa số phái đoàn Đại hội đồng ý là không tu chính Điều Khoản Liên Minh, mà phải soạn thảo một Hiến pháp mới. Sau 4 tháng, bản thảo cuối cùng được hoàn tất tháng 9 năm 1787. Có 3 phái đoàn trong số 42 phái đoàn từ chối ký. Sau cùng, Hiến pháp được công bố để được sự phê chuẩn (ratification) của 13 Tiểu bang, thì gặp phải sự chống đối của phe Chống Liên bang (Antifederalists). Phe này cho rằng Hiến pháp đã trao quá nhiều quyền hành cho chính quyền Trung ương, và không có một tiết mục (section) nào bảo

đảm quyền cá nhân. Lập luận chính của phe Chống Liên bang là người Mỹ đã chiến đấu trong cuộc Chiến tranh Cách Mạng để bảo vệ quyền tự do, nay trong Hiến pháp phải có một Đạo luật Nhân quyền ghi rõ những quyền này. Phe chống đối gồm những người giàu có, một số là anh hùng của cuộc Chiến tranh Cách mạng, như George Mason, Samuel Adams, Patrick Henry, Richard Henry Lee. Phe này phải đương đầu với phe Liên bang (Federalists) ủng hộ tân Hiến pháp gồm: James Madison, George Washington, Benjamin Franklin, Alexander Hamilton và John Jay. Những người này cho rằng Hoa Kỳ cần có một chính quyền Trung ương mạnh, và tin tưởng rằng Hiến pháp sẽ đem lại sự thăng bằng quyền lực. Phe này chủ trương rằng phải thận trọng trong việc hoà giải những quan điểm chính trị khác nhau.

Hai phe tiếp tục tranh luận và bênh vực quan điểm của mình. Mỗi phe đi diễn thuyết, đăng các bài xã luận trên báo, phân phát các truyền đơn. Phe Chống Liên bang tuyên bố thẳng thừng rằng Hiến pháp sẽ đưa chính quyền vào tay một số ít người có quyền lực. Phe Liên bang (Federalists), đứng đầu trong cuộc tranh luận này là James Madison và Paul Revere đã viết: "Về đề nghị cấu trúc chính quyền đã được tính toán kỹ để bảo đảm quyền tự do, che chở tài sản, và bảo đảm an toàn những quyền của công dân Hoa Kỳ." Phe nầy cố tạo niềm tin cho mọi người rằng việc thay đổi cấu trúc của chính quyền là cần thiết, và thuyết phục người dân đừng lo sợ là Hiến pháp sẽ trao cho chính quyền Liên bang quá nhiều quyền lực và tước đoạt quyền của các Tiểu bang.

Theo nguyên tắc, nếu 9 trong 13 Tiểu bang phê chuẩn thuận thì Hiến pháp sẽ bắt đầu có hiệu lực. Một

số Tiểu bang còn nghi ngờ, và đòi hỏi phải được một sự hứa hẹn là một Đạo luật Nhân quyền, sẽ được thêm vào Hiến pháp trước khi phê chuẩn. Để hòa giải, phe Liên bang đồng ý rằng khi Quốc hội họp phiên đầu tiên sẽ bắt đầu soạn thảo Đạo luật Nhân quyền (The Bill of Rights) để thêm vào Hiến pháp.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 1787, Delaware là Tiểu bang đầu tiên phê chuẩn, đến tháng 6 năm 1788, New Hampshire là Tiểu bang thứ 9 phê chuẩn thuận. Tương lai của Hoa Kỳ vẫn còn trong ngờ vực, vì Hiến pháp là một văn kiện quan trọng, cần phải được cả 13 Tiểu bang chấp thuận. Hai Tiểu bang lớn là New York và Virginia vẫn đứng ngoài không chịu phê chuẩn. Patrick Henry của Virginia cho rằng: "Sẽ không có kiểm soát và thăng bằng quyền lực thật sự trong chính quyền." Nhưng phe Liên bang gồm có Washington và Madison của Virginia đã tạo nên một "ngọn thủy triều" ủng hộ Hiến pháp, và Tiểu bang Virginia đã chấp thuận phê chuẩn vào cuối tháng 6 năm 1788. Tiểu bang New York vẫn còn tranh luận thêm một tháng nữa. Tháng 7 năm 1788, sau cuộc Đại hội, Tiểu bang nầy đã đồng ý phê chuẩn, Hai Tiểu bang phê chuẩn sau cùng khi Hiến pháp đã có hiệu lực, Tiểu bang North Carolina phê chuẩn trong tháng 11. Tiểu bang Rhode Island là Tiểu bang phê chuẩn cuối cùng năm 1790.

James Madison, thuộc Tiểu bang Virginia, được xem là Cha Đẻ của Hiến pháp Hoa Kỳ (Father of the Constitution). Ảnh hưởng của Ông rất lớn trong suốt Đại hội Lập hiến. Madison đem đến Đại hội một kế hoạch phải tạo dựng một chính quyền mới và mạnh. Ông đã không vắng mặt một ngày nào trong suốt thời gian Đại hội. Ông ngồi nghe và ghi chép những ý kiến phát biểu và tranh luận. Đại hội đã chú ý thảo luận về

những ý tưởng được ghi trong sổ ghi chú (Madison's notes). Chính những bài viết của Ông đã được đăng trên báo để giải thích, trấn an và khuyến khích sự phê chuẩn Hiến pháp bằng cách tổ chức đại hội để lấy ý kiến toàn dân. James Madison đã trở thành Tổng Thống thứ 4 của Hoa Kỳ.

Khi người dân Mỹ nghe tin Hiến pháp đã được chấp thuận, họ cử hành lễ mừng. Thành phố Philadelphia cử hành lễ vào ngày 4 tháng 7 năm 1788. Khi mặt trời vừa lên, nhà thờ kéo chuông, tàu thủy ở hải cảng bắn ca-nông ăn mừng, những đoàn diễn hành do các Cựu chiến binh trong cuộc Chiến tranh Cách mạng dẫn đầu. Quốc gia Hoa Kỳ đã tổ chức cuộc bầu cử đầu tiên theo Hiến pháp vào tháng Giêng năm 1789. Tổng Thống đầu tiên được lựa chọn là George Washington, Phó Tổng Thống là John Adams. Quốc hội đầu tiên gồm 59 Dân biểu và 26 Thượng nghị sĩ họp ở New York, Thủ đô đầu tiên của Hoa Kỳ.

Nội Dung Và Những Đặc Điểm Của Hiến Pháp Hoa Kỳ

Khi soạn thảo Hiến pháp, các nhà Lập hiến đã được ảnh hưởng bởi những tư tưởng dân chủ của những triết gia và nhà tư tưởng trên thế giới như **John Locke.** Năm 1690 triết gia người Anh, John Locke đã xuất bản hai tập sách về chính quyền. Locke đã lý luận rằng con người khi sinh ra đã có những quyền tự nhiên mà không ai có quyền tước đoạt, đó là quyền sống, quyền được hưởng tự do, và có tài sản. Về chính quyền, Locke cho rằng có một khế ước giữa người cầm quyền và người dân, nếu chính quyền vi phạm những quyền tự nhiên của con người, thì người dân sẽ đứng lên chống lại chính quyền. Trong những năm 1700, nhà tư tưởng

người Pháp **Montesquieu**, trong cuốn sách *Tinh Thần Luật Pháp* (The Spirit of Laws), Ông cảnh cáo rằng: "Quá nhiều quyền hành trong tay một người có thể nguy hiểm." Để tránh tình trạng nầy, Montesquieu chủ trương quyền lực của chính quyền phải được phân chia làm ba ngành: ngành Lập pháp, ngành Hành Pháp, và ngành Tư pháp. Nguyên tắc nầy được gọi là *Nguyên Tắc Phân Quyền* (Separation of Powers).

Hiến pháp Hoa Kỳ được viết năm 1787, được phê chuẩn (ratified) năm 1788 và có Hiệu lực năm 1789. Đây là một văn kiện pháp lý ngắn nhất và tồn tại lâu đời nhất thế giới. Hiến pháp Hoa Kỳ chỉ có 4,300 chữ (của bản chính) và 3,100 chữ (của 27 Tu chính án) (viết theo chữ số Mỹ). Một đặc điểm của Hiến pháp Hoa Kỳ là khi đọc hết văn kiện pháp lý này chúng ta **không tìm thấy một từ Dân chủ (Democracy)** nào trong nội dung. Thế nhưng, chính Hiến pháp đã tạo dựng một Chính quyền Dân chủ và những nguyên tắc căn bản của Dân chủ. Mười Tu chính án đầu tiên được gọi là Đạo luật Nhân quyền (The Bill of Rights) vì nó bảo đảm những quyền tự do căn bản của con người không ai có quyền tước đoạt. Những quyền tự do căn bản đó là: quyền tự do ngôn luận, tín ngưỡng, hội họp, báo chí v.v. Nội dung Hiến pháp gồm phần Mở đầu (Preamble) và 7 Điều khoản (Articles), cùng 27 Tu chính án (Amendments). Phần Mở đầu ngắn, chỉ có 3 dòng chữ trên nguyên bản, nhưng đã nói rõ mục đích của Hiến pháp. Sau đây là nguyên văn:

"We the people of the United States, in Order to form a more perfect Union, establish Justice, insure domestic tranquility, provide the common defense, promote the general Welfare, and insure the Blessings of Liberty to ourselves and our Posterity, do ordain and establish this

Constitution for the United States of America."

(Chúng tôi nhân dân Hoa Kỳ, nhằm xây dựng một Liên bang hoàn hảo, thiết lập công lý, bảo đảm nội an, thiết lập quốc phòng chung, phát triển an sinh, và bảo đảm tự do cho thế hệ hiện nay và cho hậu thế, với sứ mạng thiết lập Hiến pháp nầy cho Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ.)

Các Nhà Lập hiến Hoa Kỳ đã mở đầu Hiếp pháp với cụm từ **"We the People of the United States"** (Chúng tôi Nhân dân Hoa Kỳ) thiết lập Hiến pháp này, đã khẳng định Hiến pháp nầy là của nhân dân Hoa Kỳ, nhân dân tạo dựng chính quyền và trao quyền hành cho chính quyền. Lời mở đầu tuy ngắn gọn nhưng đã liệt kê 6 mục tiêu của chính quyền Hoa Kỳ:

1. **Xây dựng một Liên bang hoàn hảo** - Các nhà Lập hiến tin tưởng các Tiểu bang cần được điều hành như một quốc gia riêng rẽ và hợp tác trong những vấn đề chính yếu. Hiến pháp đã tạo quyền lực hài hòa giữa chính quyền Liên bang và Tiểu bang qua nguyên tắc tản quyền (Division of Powers).
2. **Thiết lập công lý** - Chính quyền phải đối xử với mọi công dân bình đẳng. Hiến pháp thiết lập một hệ thống Tòa án để bảo vệ quyền người dân.
3. **Bảo đảm nội an** - Hiến pháp cấu trúc một chính quyền trung ương mạnh để giữ an ninh cho người dân.
4. **Thiết lập quốc phòng chung** - Chính quyền Liên bang có thẩm quyền duy trì Quân đội để bảo vệ đất nước.
5. **Phát triển an sinh** - Chính quyền có thể giúp

phát triển thịnh vượng bằng cách giữ gìn trật tự, bảo vệ tự do, điều hành thương mại và phá sản và cấp những đặc quyền để khuyến khích khoa học và kỹ thuật.

6. **Bảo vệ tự do cho thế hệ hiện nay và cho hậu thế** - Những quyền căn bản của người dân hôm nay và các thế hệ mai sau sẽ không bị vi phạm hay tước đoạt.

Hiến pháp Hoa kỳ gồm 7 nguyên tắc chính:

1. **Chủ quyền thuộc về toàn dân** (Popular sovereignty) - chính quyền do dân bầu ra, nhận được quyền lực từ sự thỏa thuận của người dân (the consent of the governed). Người dân có thẩm quyền tối hậu để điều khiển chính quyền.
2. **Cộng hòa** (Republicanism) - Chính quyền có tính cách đại diện. Người dân là nguồn gốc của quyền lực và lựa chọn đại diện trong chính quyền qua bầu cử.
3. **Chính quyền hạn chế** (Limited government) - Chính quyền không thể nắm mọi quyền hành. Điều I của Hiến pháp qui định những quyền mà chính quyền có và những quyền không thuộc về chính quyền. Chính quyền hạn chế là áp dụng Qui luật của Luật pháp (Rule of law) – nghĩa là, không một cá nhân hay phe nhóm nào trên pháp luật.
4. **Liên bang** (Federalism) - Một hệ thống chính quyền mà quyền lực được phân chia giữa chính quyền Liên bang và chính quyền các Tiểu bang. Chẳng hạn, Liên bang có quyền quyền phát hành tiền tệ, điều hành thương mại giữa các Tiểu bang và ngoại thương, duy trì Quân đội, tuyên chiến, thương thuyết và ký các Hiệp ước Quốc tế, chấp

nhận các Tiểu bang mới vào Liên bang, tổ chức Bưu điện và tiêu chuẩn đo lường, giúp các Tiểu bang chống ngoại xâm và nội loạn.

Các Tiểu bang có quyền thiết lập hệ thống trường công lập, làm luật hôn thú và ly dị, điều hành thương mại trong Tiểu bang, thành lập những cơ quan duy trì an ninh công cộng. Theo Tu chính án thứ 10, những quyền không được minh thị giao cho Liên bang thì thuộc về Tiểu bang.

Liên bang và Tiểu bang cùng chia xẻ những quyền sau đây: thu thuế và vay mượn tiền bạc, thiết lập các hệ thống Toà án, ban hành những nguyên tắc thiết lập ngân hàng, thiết lập và cung cấp chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội. Thiết lập hệ thống và luật giao thông.

5. Phân quyền (Separation of Powers) - Sự phân quyền giữa ba ngành: Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Ngành Lập pháp thuộc về Quốc hội có nhiệm vụ làm luật (makes the laws) và thông qua các luật. Ngành Hành pháp, đứng đầu là Tổng Thống, có nhiệm vụ thi hành luật pháp (carries out the laws). Ngành Tư pháp thuộc về Tối Cao Pháp Viện và các Tòa án Liên bang, có nhiệm vụ giải thích và áp dụng luật (interprets and applies laws).

6. Kiểm soát và thăng bằng (Checks and balances) - Một hệ thống trong đó mỗi ngành của chính quyền có thể kiểm soát hay hạn chế quyền của hai ngành kia. Đây là một nguyên tắc đặc thù của Hiến pháp Hoa Kỳ, không một ngành nào nắm quá nhiều quyền để khống chế chính quyền. Sự kiểm soát (checks) sẽ tạo nên một thế thăng bằng (balances) của quyền lực.

Theo Hiến pháp, Quốc hội được chia làm hai viện: Thượng viện và Hạ viện, hai viện có quyền kiểm soát lẫn nhau bằng cách từ chối thông qua những đạo luật của viện kia. Khi Quốc hội thông qua một dự luật phải được chuyển đến Tổng Thống ký để trở thành luật, Tổng Thống có quyền phủ quyết (veto) không ký và trả về Quốc hội. Quốc hội có quyền đảo ngược (override) quyết định của Tổng Thống bằng 2/3 số phiếu lưỡng viện thì dự luật trở thành luật và đương nhiên có hiệu lực. Quốc hội có quyền truy tố và xét xử Tổng Thống trong trường hợp phạm pháp. Đối với ngành Tư pháp, Quốc hội có quyền hợp thức hóa sự bổ nhiệm các Thẩm phán Liên bang của Tổng Thống. Quốc hội có quyền đề nghị những Tu chính để đảo ngược những phán quyết của ngành Tư pháp.

Tối Cao Pháp Viện có thể kiểm soát Quốc hội và Tổng Thống bằng phán quyết một luật hay chính sách vi hiến (a law or policy goes against the Constitution). Tổng Thống có quyền bổ nhiệm các Thẩm phán Tối Cao Pháp Viện và các Tòa án Liên bang và Quốc hội có quyền hợp thức hóa, có thể xem là sự kiểm soát của Hành pháp và Lập pháp đối với Tư pháp.

7. Những quyền cá nhân (Individual rights) - Các quyền và tự do cá nhân được bảo vệ bởi Đạo luật Nhân quyền (10 Tu chính án đầu tiên), trong đó có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp và tôn giáo. Mười bảy Tu chính án kế tiếp cộng thêm những quyền và điều chỉnh một vài phần của Hiến pháp đã qui định bỏ chính sách nô lệ, bảo đảm quyền bầu cử cho mọi công dân.

Một Hiến Pháp Sống

Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn hữu hiệu đến ngày nay do tính cách uyển chuyển. Nó cho phép chính quyền đối phó với những vấn đề mà các nhà Lập hiến không lượng định trước được. Điều 5 của Hiến pháp dự liệu thủ tục Tu chính như sau: Nếu 2/3 lưỡng viện xét thấy cần thì Quốc hội sẽ đề nghị Tu chính Hiến pháp này. Nếu Cơ quan Lập pháp của 2/3 các Tiểu bang yêu cầu thì Quốc hội triệu tập một Đại hội để Tu chính Hiến pháp. Trong cả hai trường hợp những đề nghị Tu chính sẽ có hiệu lực toàn diện và trở thành một phần của Hiến pháp nếu được sự phê chuẩn của cơ quan Lập pháp của 3/4 các Tiểu bang.

Phần cuối của Điều I tiết 8, được gọi là **Mệnh Đề Uyển Chuyển** (Elastic clause) cho phép Quốc hội thiết lập luật pháp cần thiết và thích hợp để hành xử những quyền hạn của chính quyền. Mệnh đề nầy cho Quốc hội quyền suy diễn (implied powers), hay là những quyền không được Hiến pháp định nghĩa rõ (or powers not specifically defined in the Constitution).

Điều VI tiết 2 của Hiến pháp Hoa Kỳ có mệnh đề tối thượng (Supremacy clause) đã minh thị: "Hiến pháp này, và những Luật pháp của Hoa Kỳ sẽ là Luật Tối Thượng của Đất Nước." (This Constitution, and the Laws of the United States shall be **the supreme Law of the Land**.)

Thay lời kết

Lịch sử thường lưu lại những mẫu mực hoặc dấu ấn cho hậu thế. Hiến pháp Hoa Kỳ, một văn kiện pháp lý đã tồn tại trên 200 năm, đã đưa đất nước này từ ngày con ngựa kéo xe thổ mộ trong 13 Tiểu bang vừa tuyên bố độc lập, đến ngày nay với tiềm thủy đỉnh nguyên tử, phi thuyền không gian. Từ một đất nước với nền nông nghiệp thô sơ đến một một quốc gia công nghiệp

hàng đầu thế giới. Một nước với dân số dưới 4 triệu dân, đến ngày nay 313 triệu dân vẫn có một cuộc sống sung túc so với nhiều quốc gia khác.

Tiến trình hình thành và phê chuẩn Hiến pháp đã cho chúng ta thấy rõ tính cách dân chủ của một đất nước từ nguyên thủy. Chính Hiến pháp Hoa Kỳ, với ý thức thực tiễn của người Mỹ đã đưa đất nước này qua bao thử thách, từ ngày mới lập quốc đến cuộc Nội chiến, Thế giới chiến, đại Khủng hoảng Kinh tế, và các cuộc chiến mà Hoa Kỳ đã liên lụy với nhiều nước trên Thế giới.

Ngày nay, Hoa Kỳ vẫn đứng vững và nắm vai trò lãnh đạo thế giới. Trải qua một lịch sử lâu dài và biến đổi, nhưng Hiến pháp Hoa Kỳ đã không trở nên già nua, lỗi thời, nằm yên nghỉ trên các giá sách buồn tẻ của các thư viện chỉ dùng để tra cứu. Mà hôm nay, Hiến pháp Hoa Kỳ vẫn là một tài liệu pháp lý sống, thích hợp trong mọi tình huống thay đổi của xã hội.

Đây chính là sự kết tinh trí óc của những nhà Lập hiến (The Founders of Constitution) và đầu óc thực tế của một dân tộc đã đưa Hoa Kỳ trở thành một cường quốc.

Quách Tứ

Tài liệu tham khảo:

- The Constitution of the United States
- The Challenge of Democracy by Janda, Berry, and Goldeman
- We the People - Center for Civic Education, California
- American Journey by Appleby, Brinkley, Broussard, and McPherson
- American Government by William A. McClenaghan

Lăng mộ TĂNG BẠT HỔ trong khu nhà thờ PHAN BỘI CHÂU

Tăng Bạt Hổ

Trời đất bỡn cợt anh hùng sao?
Mười tám tuổi đã tỏ mặt anh hào
Đất nước đổ máu đào
Anh hùng tuôn đổ lệ.

Ai bạt hổ đến khóc ở Xiêm?
Ai khóc ở Trung quốc?
Lại khóc ở Nga
Ai đùng đùng đến Đông Kinh mà khóc lớn?
Giữa buổi đại yến mừng thắng trận
Rượu sake chưa say
Ai đã say vì tình Tổ Quốc?
Giữa đất Phù Tang
Làm rạng danh nòi giống da vàng.

Tạo hoá đố kỵ tài năng sao?
Sao đã để cơn gió Đông Du ào ạt thổi
Lại để cho cơn gió thu cuốn dòng lệ tuôn trào?
Giữa dòng Hương Giang
Một chiếc thuyền nan
Nát tan gan vàng
Hồn thiêng còn lưu luyến đất Thần Kinh.

Saigon, 2009
Cao Thu Cúc

Tăng Bạt Hổ (1858-1908)
Tên thật: Tăng Doãn Văn

Đếm bước tha hương

Tôi ngồi đếm bước tha hương
Nghe trong tâm tưởng lệ sương chảy dài
Đàn xưa lắng nhịp bi ai
Dạt dào biển nhớ cho dài ngày đi
Quê hương còn lại những gì
Nửa vòng thế kỷ sân si vẫn là
Gôm dùm tôi nắng quê nhà
Cho tôi mơ chút mùa xa nắng chiều
Quê người chỉ thấy cô liêu
Quê xa vời vợi lại nhiều vấn vương
Tình người là nghĩa yêu thương
Tình quê là nghĩa mười phương góp về
Ôi đau thương lắm ê chề !
Người không thoát được cơn mê đã là
Cũng từ chinh chiến bước ra
Buồn vui chính tại tâm ta, tâm người
Một vòng mộng huyễn biển trời
Bài thơ hoài niệm ý đời chơi vơi
Xuân về hoa thắm xuân ơi
Cho tôi đếm được bước đời lưu vong.

*** Hồ Thị Binh Thư**

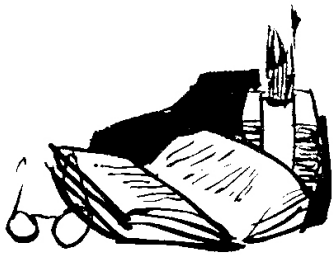

Hai chữ Thói Xạo

Bùi Thúc Khán

Có người nói: *"Trong văn chương quan trọng nhất là kỹ thuật, sẽ chẳng làm nên gì cả nếu không có một bút pháp óng ả, trau chuốt khác người và hơn người."*

Lại có người nói: *"Văn chương phải bình dị, viết bình dị mới khó, tỉa tót từng chữ, nắn nót từng câu, cái việc ấy ai làm chẳng được"*

Hai quan niệm trên hoàn toàn khác nhau, ngược chiều nhau, nhưng cũng là những con đường đưa mỗi người, mỗi phía đi đến đích: thành công trong sự nghiệp văn chương bằng sự đài các hoặc bằng sự bình dị. Điều đó chứng tỏ cái đẹp trong văn chương rất rộng rãi, đa dạng và muôn hình muôn vẻ.

Chúng ta được biết nhiều nhân vật thường đề cao sự bình dị. Cao Bá Quát có lần ví hương vị của Thơ với hương vị của Trà, cả hai đều cần sự chân chất: *"Uống trà không nên ướp Hoa, ướp hoa sẽ mất chân vị của Trà. Thưởng thức hương thơm cần thanh và thực, không để các mùi thơm khác làm mất bản chất."*

Ngô Thì Sĩ thì kể: *"Khi nhỏ tuổi học làm thơ, tôi*

tuân theo tôn chỉ bình dị" (Tiểu tử học thi thì, bình dị tuân chỉ quy).

Có những nhân vật khác lại đòi hỏi thơ phải THÔI XAO, chạm trổ, tô sức huy hoàng. Chẳng hạng, Nguyễn Công Trứ nói: *"Trót nợ cùng Thơ phải chuốt lời."* Xưa người ta thường nhắc đến câu nói của thi hào Đỗ Phủ: *"Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu"* (chữ dùng không kinh người, chết không yên).

Dù là bình dị hay chải chuốt cả hai đều là kết quả của một một thời gian dài làm việc nhọc nhằn, miệt mài trên chữ nghĩa. Bình dị nhưng phải công phu. Công phu để được bình dị. Ngô thì Sĩ rất mực đề cao phong cách bình dị trong thơ lại là người làm thơ một cách vô cùng vất vả:

"Xuân cảnh thiệm nùng ngâm hứng loạn,

Thôi xao bất giác tịch dương tây"

(Trước cảnh Xuân nồng nàn, thi hứng dào dạt, cầm bút làm thơ nhưng cứ sửa chữa mãi. Thôi Xao mãi, mặt trời lặn lúc nào không hay.)

Qua đoạn viết trên, chúng ta thấy hai chữ THÔI XAO được nói đến mấy lần. Nhiều người nghĩ hai chữ đó nói về sự lựa lọc, chải chuốt, tìm chữ đặt câu trong văn thơ. Đúng vậy, nhưng thực ra cũng chỉ là nghĩa bóng. Hai chữ THÔI XAO (推敲) mang tính giai thoại và thoáng nét điển tích..qua chuyện kể sau đây:

GIẢ ĐẢO (779-843), một nhà thơ đời Đường và cũng là một nhà Sư, nhân đêm trăng đi dạo cảnh đã khẩu chiếm hai câu thơ:

Điểu túc trì biên thụ	鳥 宿 池 邊 樹
Tăng thôi nguyệt hạ môn	僧 推 月 下 門

(Chim ngủ trên cây bên ao,

Thầy Tăng đẩy cửa dưới trăng)

Thôi có nghĩa là xô hay đẩy. Giả Đảo muốn đổi chữ Thôi ra Xao *(gõ hay khua động)* nhưng còn phân vân chưa quyết nên vừa đi vừa ngẫm nghĩ về hai chữ đó, không kịp tránh đường cho một vị quan lớn đang du hành thưởng nguyệt. Quân lính dẫn vào trình diện vị quan lớn đó, biết là nhà thơ HÀN DŨ (768-824), sau này là một vĩ nhân trong Đường Tống Bát Đại Gia. Hàn Dũ cảm thông góp ý nên dùng chữ XAO thay cho chữ THÔI và khuyên Giả Đảo đổi y phục để theo cử nghiệp. Giả Đảo thi Tiến sĩ nhiều lần nhưng không đậu. Năm 821 vì làm thơ chỉ trích Tể Tướng Bùi Độ nên Giả Đảo bị trục xuất khỏi kinh thành. Đời Văn Tông có làm quan nhưng cũng vì làm thơ phê phán Thời Chính nên ông lại bị biếm đi Trường Giang, Phổ Châu.

Giả Đảo tự Lãng Thiên, hiệu Kiệt Thạch Sơn Nhân, người Phạm Đương (nay thuộc tỉnh Hà Bắc). Thời trẻ có đi thi nhưng không đậu, vào chùa làm Tăng, pháp danh Vô Bản, đến kinh đô ngụ tại chùa Thanh Long

Thơ Giả Đảo bí hiểm, lạ lùng, cô độc. Ông quá say sưa với việc gọt dũa câu chữ. Người đời thường nhắc đến bài tứ tuyệt của ông:

Nhị cú tam niên đắc
Nhất ngâm song lệ lưu.
Tri âm như bất thưởng
Qui ngoạ cố sơn thu!
(Ba năm làm được hai câu,
Mỗi lần đọc cả đôi châu lệ mờ
Tri âm chẳng thưởng thức ru,
Ta về khểnh với núi Thu thuở nào!)

Có người nhận định: Giả Đảo thỉnh thoảng có những câu rất nổi nhưng nhìn toàn bài thì thấy ý nghèo.

Điều đáng nói nữa, có một số bài thơ ngắn, ông không khổ công đẽo gọt mà lại hay như Độ Tang Càn, Kiếm Khách.

Tôi có đọc ở đâu đó, chuyện một nhà Nho cũng là khách văn chương, thấy có người chép câu thơ của Giả Đảo *"Điểu túc trì trung thụ"* (thay vì biên thụ) nên tìm đến nhà thơ Quách Tấn hỏi xem chữ nào đúng với nguyên tác. Quách tiên sinh thoáng nghĩ một chút rồi trả lời:

"Tôi không thấy bản thảo của Lãng Thiên, nên không dám quả quyết. Nhưng theo tôi, chữ "Trung" mới thích đáng. Phàm người sống cùng ngoại cảnh khi đi hay ngó ngay hoặc ngó lên; người sống với nội tâm lúc nào cũng ngó xuống. Giả Đảo là một nhà Sư sống với nội tâm nhiều hơn ngoại cảnh. Đi ngang qua ao thấy bóng cây chiếu xuống nước, đồng thời nghe tiếng chim ngái ngủ vẳng bên tai thì tâm hồn rung cảm, tiếng chim bên tai tức thì giao duyên cùng bóng cây trước mắt, tạo thành hình ảnh *"Điểu túc trì trung thụ"* mang sắc thái tâm hồn của nhà thơ. Cảnh "*Chim ngủ trên cây bên ao"* là cảnh thường. *"Cảnh chim ngủ trên cây trong ao"* là cảnh phi thường.

Thơ của Giả Đảo có tiếng là hiểm quái. Hình, ảnh, cảnh, tượng trong thơ tất nhiên phải là những hình ảnh, những cảnh tượng phi thường. Vì vậy nên tôi tin rằng chữ "Trung" là chữ của Giả Đảo.

Mời các bạn đọc lại hai câu thơ của Giả Đảo để suy ngẫm thêm về các chữ Thôi hay Xao, Biên hay Trung, và biết đâu lại có những khám phá mới lạ và thú vị khác.

Nam California, Đầu Thu Quý Tỵ 2013

BÙI THÚC KHÁN

Ngày về

Ta về đây! một buổi chiều tắt nắng
Thời gian dài trôi dạt bến bờ xa
Chân bước nhẹ những lối mòn ngày cũ
Thấy chạnh lòng, trăm mối bận lòng ta
Những kỷ niệm nhạt nhòa trong tâm tưởng
Kéo thời gian tìm lại chút hương thừa
Đây phố cũ! tình xưa,chim sải cánh
Đây con đường! chân thấy lạ ngày xưa
Đây sông nước! con thuyền không bến đậu
Đây biển xanh! sao sóng vỗ hững hờ?
Đây nắng lên! không còn hồng đôi má
Đã nhạt nhoà hương sắc những ngày qua
Đây trăng sáng! không dành cho hò hẹn
Cảnh thanh bình thời thơ ấu đã qua
Đây sông núi, hồn thiêng còn mãi mãi...
Kiếm cung xưa nay đã phủ bụi mờ?
Bốn ngàn năm biết bao nhiêu hưng, phế ...
Tình quê hương chôn chặt trái tim ta.

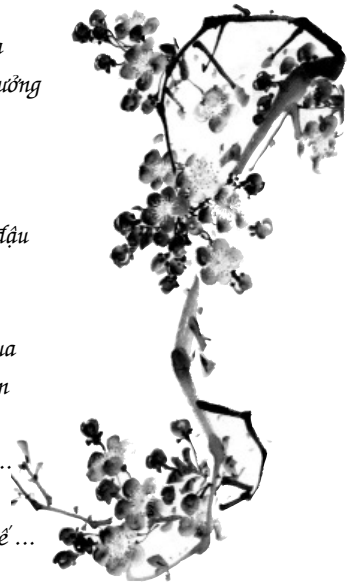

Nguyễn Ngọc An
(Los Angeles)

Xuân về nhớ bạn

Xuân về mặc khách nhớ tao nhân.
Cánh én giao tình quyện thiết thân.
Nước dẫu cách trăng, tình nước đậm.
Trăng tuy xa nước, bóng trăng gần.
Chi Lan nương tựa xông hương ngát.
Hàn Mạc kết liên tạo tứ thần.
Vườn hạnh hương thơ luôn phảng phất.
Muôn đời tùng cúc vẫn hoài xuân.

Tạ Chương Trĩ

Sơ lược về hát bội

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Tuồng là bản ca kịch cổ truyền của dân tộc, viết theo lối hợp thể gồm văn vần như thơ lục bát (chính thức và biến thể), song thất lục bát, tứ tuyệt (vần trơn hay vần có bình đối), thất ngôn bát cú Đường luật, nói lối; văn xuôi như trong hường và kẽ; và thể câu đối. Đề tài tuồng thường dựa vào lịch sử, truyện tích xưa và đề cao gương trung hiếu tiết nghĩa.

Mô hình nghệ thuật này người Miền Bắc gọi là Hát tuồng, ở Miền Trung và Nam nói là Hát bội. Một lối hát bài bản, có lớp lang, các đào kép dùng điệu bộ đặc biệt mang tính cách tượng trưng và ước lệ để diễn tả nội dung của vở tuồng.

I- SỰ HÌNH THÀNH

Hát bội có từ lâu, theo Đào Tấn bộ môn này có dấu vết manh nha từ thời Đinh (968- 980), Lê (980- 1009), Lý (1010- 1225), đến đời Trần (1225- 1400) mới hoàn thành, vì đã hội đủ ba yếu tố: ca, múa và diễn câu chuyện [1].

Thật vậy, dưới thời Lê Đại Hành, niên hiệu Thiên Phúc thứ 6, ngày rằm tháng bảy năm Ất Dậu (985), lễ sinh nhật của vua, lấy tre làm núi giả đặt trên thuyền gọi là Nam Sơn, rồi bày trò vui đua thuyền, sau thành thường lệ [2]. Đời Lý Nhân Tông, niên hiệu Thiên Phù

thứ 4, ngày 25 tháng giêng năm Quý Mão (1123), nhân ngày sinh nhật của vua, làm nhà múa có bánh xe đẩy để cho cung nữ múa hát và dâng rượu [3]. Dựng sân khấu ca múa và ý niệm về kịch nghệ bắt đầu từ đấy.

Sang nhà Trần (1225- 1400), đời Trần Nhân Tông, năm Ất Dậu (1285) quân Nguyên do Toa Đô chỉ huy sang chiếm nước ta, bị Hưng Đạo Vương đánh bại phải tháo chạy về Tàu. Quân ta bắt sống rất nhiều tàn binh, trong đó có kép hát Lý Nguyên Cát. Được nhà Trần hậu đãi, Lý Nguyên Cát đã truyền cho vũ công của triều đình môn hát bội [4]. Song chỉ học về hình thức như quy tắc hóa trang, cách phục sức, lối dàn cảnh, diễn điệu bộ nhân vật; nhưng không rập khuôn hẳn theo Tàu. Còn về nội dung như nhạc đệm, giọng hát, lời tuồng đều theo âm điệu có sẵn của nước ta; chỉ có điệu hát khách (hát Bắc) là ảnh hưởng phần nào của Tàu mà thôi. Tóm lại, bộ môn này, chúng ta chỉ du nhập cái khung sườn nghệ thuật của Tàu rồi đẽo gọt những góc cạnh không phù hợp để có một dáng dấp mới mang phong vị sắc thái Việt Nam.

Cũng theo Đào Tấn [5], tuồng trong thời kỳ này bắt đầu thịnh hành và chia làm 12 loại vai tuồng: Trung thần, liệt sĩ, hiếu nghĩa, liêm sỉ, suất gian (nạt kẻ gian), mạ sàm (mắng kẻ gièm pha), trục thần (bề tôi bị đuổi), cô tử (con mồ côi), thần đầu (đầu thần), quỷ diện (mặt quỷ), yên hoa (chốn yên hoa), phấn đại (nơi son phấn). Tuồng đang đi vào giai đoạn trưởng thành với đủ các yếu tố nghệ thuật như ca, múa và diễn truyện.

Sang đầu đời Lê (1428- 1459) bộ môn này tiến lên một bước dài vì văn chương và âm nhạc tuồng được coi trọng. Nhưng đến đời Lê Thánh Tông (1460- 1497) nghệ thuật sân khấu nói chung, hát bội nói riêng bị loại ra khỏi cung đình, giới cầm ca bị khinh rẻ và liệt diễn viên vào hạng "xướng ca vô loại."

Vào thời Lê Trịnh, Đào Duy Từ (1572- 1634) gốc người Thanh Hóa, là con của kép hát, phải đổi sang họ Vũ của mẹ để đi thi. Ông đậu được Á nguyên, vào thi Hội xong, chờ xướng danh, nhưng bị phát giác, bộ Lễ rút lại văn bằng và lột áo mão cân đai [6]. Ông phẫn uất, vào xứ Đàng Trong theo Chúa Nguyễn, lập nghiệp tại phủ Hoài Nhơn, nay là tỉnh Bình Định. Những lúc rỗi rảnh, ông sửa điệu tuồng hát cho hợp với giọng địa phương và truyền bá nghệ thuật này. Vì thế, miền đất Hoài Nhơn trở thành chiếc nôi của nền hát bội Xứ Đàng Trong.

II- TÌM HIỂU DANH XƯNG

"Hát bội" hay "hát bộ" đã gây nhiều tranh cãi bất phân thắng bại trong giới văn học, làm nhiều người phân vân không biết phải gọi thế nào cho đúng.

Tiêu biểu cho phe chủ trương dùng danh từ "hát bộ" có Đoàn Nồng, trong tác phẩm Sự Tích và Nghệ Thuật Hát Bộ, Văn Học Tùng Thư xb, Mai Lĩnh, 1942.

Nhưng theo Huỳnh Tịnh Paulus Của, Đại Nam Quốc Âm Tự, Sài Gòn, Imprimerie Rey, Curiol, 1895; là quyển từ điển tiếng Việt xưa nhất vẫn dùng từ ngữ "hát bội." Sách đã dẫn, nơi trang 67, định nghĩa chữ "bội" là "hơn, bằng hai" và các từ kép của "bội" là "gia bội, quá bội, trò bội, bội bè, hát bội." Tác giả giải thích: *"Hát bội là con hát, kẻ làm nghề ca hát."*

Cũng theo J. F. M. Genibrel, Dictionnaire Annammite Francais, in tại Sài gòn năm 1898, nơi trang 47, đã chép: "Bội: bằng hai = double" và các từ kép như: "Bội bè = Comédie; Bội nhị = Doubler; Bội số = Multiple; Hát bội = Jouer la comedie."

Và Hội Khai Trí Tiến Đức, Việt Nam Tự Điển, Hà Nội, nhà in Trung Bắc Tân Văn, năm 1931, nơi trang 56, cũng chép "Bội là cuộc diễn trò, cuộc hát tuồng:

Hát bội." Các quyển từ điển trên không có chữ "hát bộ."

Trong Vè Chàng Lía, bài vè xưa nhất của Bình Định có từ thời chúa Nguyễn, nơi câu 1185 đến câu 1188, cũng đã gọi bộ môn nghệ thuật này là hát bội:

Lía ta đẹp dạ chi tày

Truyền cho làm tiệc vui vầy với nhau

Tính ưa ***hát bội*** *xiết bao*

Giao cho bộ hạ lo sao việc này.

Trong thơ văn, Phan Văn Trị tức Cử Trị (1830- 1910) qua bài Hát Bội thể thất ngôn bát cú Đường luật, ở câu thúc và kết (hai câu cuối), cũng đã dùng lối đồng âm dị nghĩa để xác định bộ môn này có tên là hát bội:

Hèn chi chúng nói ***bội*** *là* ***bạc****,*

Bôi mặt đánh nhau cú lại thoi.

Căn cứ vào các văn liệu trên, cho thấy từ ngữ "hát bội" đã có từ lâu. Lối hát này đòi hỏi rất nhiều công sức của diễn viên, từ cách hóa trang đến giọng hát, và nhất là điệu bộ đều phải gia tăng gấp bội, thể hiện đúng ý nghĩa của bộ môn này nên người ta gọi là hát bội.

Còn tiếng "hát bộ" có lẽ xuất hiện sau biến cố nghệ thuật sân khấu vào năm 1915 tại Vĩnh Long, khi ông Tống Hữu Định đã sáng kiến đưa hát cải lương lên sân khấu, trình diễn bài Tứ Đại Oán với các vai Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt Nga; diễn viên vừa ca vừa làm dáng điệu của nhân vật. Và cải lương là nghệ thuật sân khấu tả chân, diễn viên phải nhập vai, nghĩa là thủ vai nào chỉ cần nhại cho giống hệt dáng điệu nhân vật đó ở ngoài đời là được.

Vì vậy, có người muốn phân biệt giữa cải lương tả thực, và hát tuồng đòi hỏi diễn viên phải múa bộ nghĩa là mỗi cử chỉ, phong cách của từng nhân vật phải theo

quy ước tượng trưng và ước lệ, nên mới gọi là hát bộ. Nhưng để giữ giá trị lịch sử và ý nghĩa của từ nguyên, chúng ta nên gọi bộ môn này là hát bội.

III- THÀNH VIÊN CHÍNH TRONG GÁNH HÁT BỘI

Gánh hát là một tổ chức gồm diễn viên chuyên nghiệp và những người điều hành, họp thành đoàn, chuyên đi trình diễn lưu động, và được phân quyền phân nhiệm rõ ràng:

1- Ông Bầu:

Người làm chủ gánh hát gọi là Ông Bầu, trước kia người ta dùng tên của ông bầu đặt tên cho gánh hát, nay các gánh hát thường có tên riêng. Với những ông bầu thông chữ nghĩa lại có trình độ cao về hát bội, có thể kiêm luôn vai trò thầy tuồng và chỉ cần tìm người phụ tá.

2 -Thầy Tuồng:

Người thứ hai trong cấp điều hành gánh hát là Thầy Tuồng. Nhân vật này rất quan trọng vì nắm vai trò đạo diễn và cai quản nội bộ. Thầy tuồng phải là người thông thái chữ Nho, rành âm luật điệu hát, có trình độ về nghệ thuật sân khấu, biết soạn tuồng mới và thông thuộc các tuồng tích. Thầy tuồng có quyền tuyển dụng hoặc sa thải đào kép, chỉ định phân vai, tổ chức tập tuồng và đào tạo diễn viên. Ngay cả ông bầu cũng phải hỏi ý kiến thầy tuồng về phương diện chuyên môn trước khi có quyết định. Một gánh hát tầm thường hay nổi tiếng là do tài đạo diễn của thầy tuồng, vì vậy không những được thành viên trong gánh hát kính nể mà khán giả cũng mến phục.

3- Chú Nhưng:

Nhân vật thứ ba trong ban điều hành là Chú Nhưng. Nhiệm vụ chính của "nhưng" là nhắc tuồng. Khi diễn

xuất, người này đứng sẵn trong màn cánh gà, nếu có diễn viên nào quên lời tuồng thì kịp thời nhắc ngay. Tài khéo của chú nhưng là nhắc tuồng không lộ liễu, không tạo gượng ép cho diễn viên, tùy ứng biến nhắc gợi nhớ hay nhắc cả câu.

4 -Diễn viên:

Đây là thành phần đông đảo nhất và chịu trách nhiệm trực tiếp cuộc trình diễn, gồm có đào, kép và những vai phụ như thị tì, tiểu đồng, gia đinh, quân lính, hề, lâu la.

a/ Kép:

Trong các tuồng cổ, kép đóng các vai: vua, hoàng tử, phò mã, quan văn hay võ, tôi trung hay nịnh, tướng phiên, học sanh, pháp sư, tiên ông... Kép được phân làm 3 loại:

- Kép đỏ: diễn những vai trung thần như Địch Thanh trong tuồng Ngũ Hổ Bình Tây (còn gọi là Liêu), vai Thái sư Văn Trọng trong tuồng Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan, vai Từ Thứ trong tuồng Tân Dã Đồn.

- Kép rằn hay kép xéo: diễn những vai tướng trung như Tiết Cương trong tuồng Hộ Sanh Đàn, vai Tạ Ngọc Lân trong tuồng Khuê Các Anh Hùng (tên cũ Tam Nữ Đồ Vương), Châu Thương trong tuồng Cổ Thành, Đổng Kim Lân và Khương Linh Tá trong tuồng Sơn Hậu.

- Kép trắng hay kép mốc: diễn những vai nịnh thần và gian thần như vai Bàng Hồng trong tuồng Diễn Võ Đình, vai Tạ Thiên Lăng (Thái sư) và bốn người em là Tạ Ôn Đình, Tạ Lôi Phong, Tạ Lôi Nhược, Tạ Lôi Phong Vân trong tuồng Sơn Hậu.

b/ Đào:

Bao gồm các diễn viên đóng vai hoàng hậu, cung phi, công chúa, tiểu thư, nữ tướng... Tùy theo hành

trạng của nhân vật, đào hát phân làm 4 loại:

- Đào thương diễn những vai tiết nữ như Lan Anh trong tuồng Hộ Sanh Đàn.

- Đào độc diễn những vai gian dâm ác phụ như Đát Kỷ trong tuồng Trầm Hương Các.

- Đào lẳng diễn những vai lẳng lơ, gợi tình như Điêu Thuyền trong tuồng Phụng Nghi Đình.

- Đào điên diễn những vai người bị bệnh tâm thần, phải tỏ ra hành động và lời lẽ không bình thường, như Phương Cơ trong tuồng Khuê Các Anh Hùng. Trong các vai tuồng, đào điên khó đóng nhất.

H 1. Kép hát (bên phải) đang trình diễn.
Ảnh tài liệu xưa.

IV - HÌNH THỨC CỦA HÁT BỘI

Hát bội là nghệ thuật sân khấu lấy nguyên tắc tượng trưng và truyền thống làm gốc. Sân khấu cũng có màn, trướng, chấn nhưng không cần tranh vẽ phù hợp với khung cảnh trong tuồng. Phông làm vách ngăn giữa sân khấu và hậu trường, hai bên có cửa thông vô buồng gọi là nghi môn, bên tay phải của khán giả là cửa sanh có đề chữ "xuất", bên trái là cửa tử có chữ "nhập." Sát vách và ở giữa đặt một cái bàn, hai bên là ghế ngồi và cách bày biện đơn giản như vậy cho suốt cả buổi diễn.

Trang trí trên sân khấu với sự tưởng tượng dồi dào, lấy nghệ thuật ước lệ làm căn bản. Muốn có cảnh

thành trì hay núi non, chỉ cần một cái rương lớn, trên đặt vài cái ghế, diễn viên vừa hát vừa xăn tay áo, mặt nhăn lại tỏ vẻ khó nhọc để diễn tả sự trèo thành hay vượt đèo. Chiếc roi, tượng trưng cho con ngựa, diễn viên cầm roi bên tay phải là biểu hiệu đang cỡi ngựa, tay trái co vào dũi ra như đang cầm cương và tùy động tác nhanh chậm, thể hiện ngựa đang phi, tế hay nước kiệu. Diễn viên còn dùng điệu bộ thể hiện động tác lên ngựa, xuống ngựa, ngã ngựa, dắt ngựa đi vòng qua núi, lội suối, cứu ngựa bị nạn, và cột dây cương ngựa vào gốc cây... Với cảnh đi thuyền, diễn viên đứng giữa, trước và sau có hai người làm động tác chèo. Nếu có bốn người đứng bốn góc, cầm cờ đuôi nheo chúc đầu phía trước là dấu hiệu xe đang chạy.

H 2: Đào hát bội, ảnh tài liệu xưa.

Y phục cũng theo quy ước truyền thống. Chẳng hạn, vua mặc áo cẩm bào màu vàng, thêu rồng năm móng, đầu đội hoàng đế quan 3 tầng 2 tua. Hoàng hậu mặc áo nữ mãng bào, đội mũ trân châu thêu chín con phụng, có tua. Tướng triều đình, mặc áo giáp đội kim khôi; tướng Phiên cũng đội kim khôi nhưng có thêm hai lông trĩ dài. Đại thần mặc triều phục màu đỏ hay tía, thêu rồng bốn móng, đội mũ cánh chuồn đính nhiều trân châu. Hia có hai loại, mũi cong vểnh dành cho vua và quan văn, mũi cụt và bằng dành cho quan

võ vì dễ xoay trở khi múa thương đao. Hài cũng chia làm hai loại, ưng chủy (mỏ chim ưng) và thể hài (mũi cụt).

H 3: Mặt nạ Quan Công, Trương Phi, Châu Thương,
Tiết Cương, Dư Hồng, Lưu Khánh,
Công tử bột, Triệu Đình Long (kép trắng), Lão Tiều.
Việt Thao chụp, 1995.

Các nhân vật trong hát bội thường mang râu, còn trẻ râu đen, già râu bạc. Râu năm chòm dành cho Quan Công hay các vai vua, tể tướng. Râu ba chòm dành cho triều thần. Tướng nóng nảy và dữ tợn mang râu đen và quắn. Tướng Phiên có râu đỏ hoe. Nịnh thần mang râu liên tu lên tới mép tai, nên có câu "mặt mốc râu rìa". Bọn hạ cấp nịnh bợ thì râu chuột.

Việc hóa trang trong hát bội đòi hỏi nhiều công phu và tốn thì giờ. Nếu ít đào kép, nên dùng mặt nạ cho tiện thay đổi vai tuồng, nhưng diễn xuất không linh hoạt, vì diễn viên không thể thay đổi nét mặt (vận dụng cơ bắp để nhăn mặt, nhíu mày) cho phù hợp với nội dung từng câu hát. Nếu đoàn hát có đủ nhân sự, vẽ mặt là cách hóa trang tốt nhất vì diễn viên dễ nhập vai, tức là tự đặt mình vào nhân vật mà họ đang đóng. Cách hóa trang ở mỗi nhân vật đều được quy định và bất di dịch, đào kép thường chuyên lãnh một vai nào đó, trở thành quen thuộc nên

tự vẽ mặt cho mình. Màu sắc vẽ mặt cũng được quy định, màu vàng óng dùng cho nhân vật thần thánh, mặt đỏ hay hồng và lán mịn dành cho người trung, mặt trắng mốc và xù xì dành cho các vai gian xảo nịnh bợ, màu đen tượng trưng cho nhân vật chất phát, ngay thẳng nhưng nóng nảy.

V - GIỌNG HÁT BỘI

Hát bội có nhiều giọng, sẽ phân tích ở loạt bài khảo cứu riêng, trong phạm vi bài này chỉ liệt kê tổng quát:

- ***Hát Nam,*** đào kép cất giọng xuân hoặc ai để hát, thường là những câu thơ lục bát. Giọng Xuân buồn nhẹ, giọng Ai não nề. Trước khi hát Nam phải khai mào bằng nói lối, nếu dùng giọng Lối xuân mở vĩ thì hát Nam xuân, trái lại mở Lối ai thì bắt qua hát Nam ai. Còn có giọng Nam dựng, Nam tẩu, Nam biệt, Nam thoàn và các điệu hỗn hợp Lý Nam qua Ai, Nam bán Xuân Ai.

H 4: Mặt nạ Bao Công, Kép con, Kim Hùng, Triệu Văn Hoán, Tạ Ngọc Lân, Bát Vương, Mạnh Lương, Trụ Vương, Dương Chấn Tử, Tư Cung. Việt Thao chụp, 1995.

- ***Hát khách***, dù vui hay buồn, giọng vẫn hùng hồn, thường là thơ Đường luật hay phú. Giọng khách có năm điệu: Khách thi, phú, tử, tẩu mã, tửu; ngoài ra có điệu hỗn hợp Khách Nam liên xướng.

- ***Nói lối*** là dẫn đường, cần nói chậm vừa ra bộ tịch cho phù hợp với nội dung câu nói và thể hiện bản chất của vai tuồng. Nói lối cũng phân làm sáu loại: Lối xuân, ai, lụy, xẵng, thường, hường.

- ***Xướng*** là cất giọng nói lớn, có bốn loại: Xướng thường, biệt, lãng, rượu.

- ***Ngâm*** dùng giọng ngân dài và trầm bổng của ngâm thơ.

- ***Thán*** là cất lên giọng rền rĩ, than thở.

- ***Oán*** phải thể hiện giọng đắng cay, bi hận.

- ***Bán Thán*** bán Oán là điệu hỗn hợp.

H 5: Mặt nạ Kim Lân, Linh Tá, Tạ Ôn Đình, Tạ Lôi Phong,Tạ Lôi Nhược, Đào Tam Xuân, Trịnh Ân, Mao Ất, Bạt Hổ, Triệu Khuông Dẫn. Việt Thao chụp, 1995.

- ***Ban*** được dùng khi công bố một việc gì, gồm Thoại ban, Quân ban.

- ***Bạch*** là giọng để bày tỏ

- ***Lý*** là điệu hát của dân gian, với các điệu Lý đào điên, Lý quân canh, Lý năm canh, Lý thương nhau, Lý ai, Lý con sáo, Lý mọi, Lý Đồng Nai.

- Ngoài ra còn có Tán, Giáo đầu và Chúc văn, hát bài, hát bả trạo, hát đưa linh, phường, điệu ru con, điệu thài, hô thần chú, hường, vĩ, láy, đệm.

VI - CÁC LOẠI NHẠC CỤ

Bộ môn hát bội không thể thiếu các nhạc cụ sau đây:

1- Trống:

Loại nhạc cụ có thân hình ống, bằng gỗ, hai đầu bịt da trâu căng rất thẳng. Hát bội, tiếng trống là vai trò quan trọng, mang tính ước lệ và quy định, biểu tả thời gian và không gian. Diễn tuồng, nghe tiếng trống thu không là biết trời sắp tối, trống tan canh là trời sáng, trống khắc canh và sang canh là đang đêm khuya. Tiếng trống còn báo hiệu có giặc giã, chiến trận, có ma quỷ hiện hồn, hay thần tiên giáng thế. Ngoài ra còn có tiếng trống đi đêm, trống rọi đèn, trống sững siếng (báo hung tin), trống trực diện (gặp chướng ngại vật), trống khóc mặt (khóc bằng nét mặt và đôi mắt). Căn cứ vào kích thước, phương pháp tác động và trường hợp sử dụng, trống có bảy loại:

a/ Trống chầu, lớn nhất, kê dựng đứng trên giá thấp đơn, dùng một roi chầu, còn gọi là dùi, bổ từ trên xuống giữa mặt trống, dành cho vị khán giả có uy tín nhất, mời điều khiển cuộc hát. Đánh chầu là cả một một nghệ thuật, người sành điệu hát bội mới dám cầm chầu, nên gọi là đả cổ pháp, gồm ba phương cách. Thứ nhất, thủ pháp điều khiển, như khai, vãn, hối thúc, thậm chí đình chỉ cuộc hát. Thứ hai, thủ pháp điểm xuyết là tiếng trống chấm câu có tác dụng nghỉ hơi như các dấu phẩy, chấm... trong câu văn, giúp cho diễn viên nhả chữ nhả câu, luyến láy theo tiết tấu của làn điệu. Thứ ba, thủ pháp phê phán, như thưởng, phạt, khen, chê. Đây là một đặc điểm của hát bội, khán giả nghe hát hay không vỗ tay trầm trồ khen ngợi, gặp lúc hát dở cũng không xầm xì chê bai, mọi việc phê phán đã có tiếng trống chầu định đoạt. Vì thế, rạp hát dù đông nghẹt người vẫn im phăng phắc, đến nỗi con muỗi bay cũng nghe.

b/ Trống quân, lớn thứ nhì, có móc treo, hoặc đặt nằm ngang trên giá đứng kép, dùng một roi chầu phạt ngang vào vòng tròn vẽ giữa mặt trống, và có thể tác động cả hai mặt; dùng khi diễn vua ra đại triều, hoặc báo hiệu giáo tuồng.

c/ Trống cái, có mặt lớn như trống chầu nhưng thân dẹp, đặt nằm ngửa trên giá, dùng một roi chầu và để báo hiệu cho diễn viên phải bắt qua nói lối hay chuyển qua hát Nam.

d/ Trống chiến là trống cỡ trung bình, có dây buộc hai khuy, đeo vào cổ, hay đặt trên giá nhỏ, dùng hai roi chầu, sử dụng lúc đánh giặc hay múa hát.

đ/ Trống cơm, mặt nhỏ, thân dài và thon, có dây chằng dọc theo thân kéo cho da trống căng thẳng, có dây đeo ngang, dùng ngón tay và hai bàn tay tác động lên hai mặt trống, phụ với đàn để đưa hơi khi diễn viên hát Nam xuân hay Nam ai.

e/ Trống tốc, còn gọi là trống bắc cấu, nhỏ như trống cơm, thân trống bầu và ngắn hơn, có dây đeo dọc, dùng tay tác động trên một mặt trống khi các quan lâm triều hoặc lúc văn tuồng.

g/ Trống tum, nhỏ, dẹp, có cán, tay trái cầm trống, tay phải gõ dùi vào mặt trống; dùng trong lúc các quan đi đường.

2/ Nhạc khí bằng đồng, gồm: Đồng la, hai mặt tròn, rỗng ruột, có quai treo trên giá. Phèn la, mặt tròn, có quai xách. Chập chõa là hai miếng đồng hình tròn, ở giữa có quai nắm, cụng vào nhau phát ra âm thanh, dùng hòa âm với trống bắc cấu, tức trống tốc.

3/ Sanh là hai miếng gỗ, đập vào nhau để gõ nhịp.

4/ Kèn là ống bằng đồng, dọc theo thân có đục nhiều lỗ, đầu trước loe to ra, đầu sau túm lại có lưỡi gà,

MỘT SỐ MẶT NẠ TUỒNG TIÊU BIỂU

khi thổi phát ra âm thanh có sức gợi cảm, dùng giữa hai câu hát Nam, hay đệm khi hát Khách.

5/ Ống sáo là một lóng trúc dài, bịt kín một đầu, có đục nhiều lỗ; thổi hòa âm với tiếng đàn khi hát Nam và hát Khách.

6/ Đàn có nhiều loại: Đờn cò gồm một cần dài tra vào cái ống bịt da kỳ đà, có hai dây căng thẳng, và một cái cung cũng có dây căng thẳng; dây dàn và dây cung trượt lên nhau phát ra âm thanh. Đờn líu, như đờn cò nhưng nhỏ hơn. Đờn tam có ba dây, bụng đàn nhỏ, cần đàn không có phiếm. Đờn sến cũng ba dây nhưng bụng đàn lớn và hình hoa thị, cần đàn gắn phiếm. Đờn kìm chỉ có hai dây, cũng có gắn phiếm, mặt đàn hình tròn.

VII - PHÂN LOẠI TUỒNG

Tùy theo nội dung đề tài và nơi sử dụng, tuồng hát bội phân thành ba loại: tuồng pho, tuồng đồ và tuồng ngự.

1- Tuồng pho:

Thường mang tính bi hùng, bao gồm những kịch bản dựa vào lịch sử, diễn lại một triều đại, một biến cố của quốc gia, hành trạng của nhân vật lịch sử, một sự tích của dân tộc. Cốt truyện phải có thật trong lịch sử, đôi khi có thể hư cấu một số chi tiết để được thi vị hóa, nhưng không làm mất đi cái căn bản của sự việc. Trước kia các đề tài của tuồng pho thường trích trong sử sách của Trung Hoa như Đông Châu Liệt Quốc, Tam Quốc Diễn Nghĩa... để soạn tuồng Sơn Hậu, Ngũ Hổ Bình Tây, Mạnh Lệ Quân, Chung Vô Diệm.... Gần đây, tuồng pho thường nhắm vào lịch sử Việt Nam như tuồng Trưng Nữ vương, Ngô Quyền, Hưng Đạo Chống Nguyên, Trần Bình Trọng, Lam Sơn, Tượng Kỳ Thí Xa... Tuồng pho thường dài, chia làm nhiều hồi, mỗi hồi

diễn một đêm; đôi khi cũng có những tuồng ngắn, vừa đủ diễn trong một đêm như tuồng Hộ Sanh Đàn, Trầm Hương Các, Tân Dã Đồn...

2 - Tuồng đồ:

Cốt truyện do tác giả đặt ra như tuồng Mượn Áo Mất Vợ, Nghiêu Sò Ốc Hến...; hay dựa vào một truyện cổ như tuồng Lưu Bình - Dương Lễ, tuồng Lục Vân Tiên... Về nội dung, đề tài của tuồng đồ phản ảnh hiện thực đời sống của quần chúng, thường đả kích những thói hư tật xấu của xã hội, vạch mặt hạng người bất lương, châm biếm bọn tham quan ô lại hiếp đáp dân lành, ca tụng những bậc hiền nhân quân tử, đề cao tấm lòng trung hiếu tình nghĩa. Kết cấu theo quy luật người ngay mắc nạn, kẻ gian vui cười, nhưng kết thúc bao giờ cũng có hậu, đem lại sự hài lòng cho người xem. Về kịch bản, tuồng đồ ngắn chỉ diễn trong một đêm, văn chương ít dùng chữ Hán và điển tích, tránh ý tưởng cao siêu; trái lại vận dụng tối đa ca dao tục ngữ, câu văn nhẹ nhàng dễ hiểu và xen vào lời nói của hề chọc cười, tuy không hài quá nhiều như trong hát chèo nhưng cũng đủ để cho màn tuồng đầy sinh động.

3 - Tuồng ngự:

Là loại tuồng dành cho vua xem và có ba nguồn gốc.

Thứ nhất, nguyên là tuồng pho hay tuồng đồ đặc sắc, được tuyển chọn và chỉnh đốn lần chót, rồi đem diễn cho vua xem.

Thứ hai, tuồng soạn dành cho vua và triều đình thưởng thức như Vạn Bửu Trình Tường (108 hồi), Quần Trân Hiến Thụy (3 hồi), Tứ Quốc Lai Vương (3 hồi)... Loại tuồng này quá dài, diễn nhiều đêm, lại nhiều nhân vật, cần đội ngũ đào kép đông đảo, ngoài dân gian không đủ phí tổn để thực hiện.

Thứ ba, loại tuồng soạn riêng để chúc thọ cho vua như tuồng Quần Tiên Hiến Thọ, chỉ hát cho vua xem, lời lẽ toàn chữ Hán, nhưng vẫn mang phong cách Việt Nam qua các điệu hát Nam, hát Khách, Bạch, Xướng, Tán, Ngâm...

Trong lịch sử hát bội, tuồng ngự dài nhất là Vạn Bửu Trình Tường, diễn 108 đêm mới hết.

VIII - KỊCH TÁC GIA VÀ VĂN BẢN TUỒNG

Tuồng hát bội thịnh hành trong thế kỷ 19 và tiền bán thế kỷ 20. Cao điểm nhất là thời các triều vua Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái (1848- 1907).

Số người soạn tuồng và số lượng tuồng rất nhiều nhưng chưa tìm đủ tài liệu để liệt kê danh sách và tổng kết được. Trong phạm vi bài này chỉ có thể nêu vài kịch tác gia và một số tuồng tiêu biểu:

A - Ở Miền Bắc:

01/ Từ Diễn Đồng (1866- 1918), hiệu là Long Tài; người làng Hạ Hồi, phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thành phố Hà Nội. Năm 1906, ông đỗ Tú tài Hán học, mở trường dạy học và bốc thuốc. Tác phẩm ông hiện còn 10 bài thơ Nôm và tuồng hát *Nguyễn Trãi.*

02/ Nguyễn Hữu Tiến (1874- 1941), bút hiệu Đông Châu; quê quán làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông, nay thuộc thành phố Hà Nội. Vốn thông Nho học, ông là cộng tác viên đầu tiên và kỳ cựu của tạp chí *Nam Phong.* Ngoài các tác phẩm dịch thuật và nghiên cứu văn học, ông có soạn tuồng hát bội *Đông A Song Phụng* (1916).

03/ Hoàng Tăng Bí (1883- 1939), tự Nguyên Phu, hiệu Tiểu Mai; người xã Đông Ngạc, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông (nay thuộc thành phố Hà Nội). Năm 1906, ông đỗ Á nguyên, năm 1910 đỗ Phó bảng. Ông là chí sĩ, danh sĩ cận đại, có soạn ba tuồng hát bội: *Đệ Bát*

Tài Tử Hoa Tiên Ký (Hà Nội, Mạc Đình Tư xuất bản, 1913); *Nghĩa Nặng Tình Sầu* tức tuồng Trọng Thủy Mị Châu (Hà Nội, nhà in Nghiêm Hàm, 1926); *Thù Chồng Nợ Nước* tuồng Trưng Trắc Trưng Nhị (Hà Nội, Tân Dân xuất bản, 1927).

04/ Tản Đà (1888- 1939), tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu, người làng Khê Thượng, huyện Bất Bạc, tỉnh Sơn Tây, nay là huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Ông sống bằng nghề viết văn, đã làm chủ bút các báo *Hữu Thanh, An Nam Tạp Chí.* Ngoài các thi tập, tiểu thuyết, luận thuyết, giáo khoa, dịch sách; ông còn soạn 2 bản tuồng: *Tây Thi và Lưu Nguyễn Nhập Thiên Thai.*

B - Ở Miền Trung:

05/ Diên Khánh Vương (con của Minh Mạng?) với tuồng *Vạn Bửu Trình Tường* (toàn pho 108 hồi, mỗi hồi diễn một đêm) soạn 40 hồi đầu và viết lại tuồng *Lý Phụng Đình.*

06/ Đào Tấn (1845- 1907), tự Chỉ Thúc, hiệu Mộng Mai và Tô Giang, biệt hiệu Tiểu Linh Phong và Mai Tăng. Quê quán thôn Vinh Thạnh, xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Cử nhân khoa Đinh Mão (1868), làm quan trải ba triều Tự Đức, Đồng Khánh, Thành Thái; hai lần Thừa Thiên phủ doãn, hai lần Tổng đốc An Tĩnh, hai lần Thượng thư bộ Công sung Cơ Mật Viện Đại Thần, tước Vinh Quang Tử.

Ông thuộc nhóm cảm tình Cần Vương, làm thơ *Ức Phan San, Khốc Phan Đình Nguyên*, viết câu đối điếu Mai xuân Thưởng, Phan Đình Phùng và Đề Niên. Ngoài thơ, văn, từ, câu đối, ông còn sáng tác hay nhuận sắc khoảng 40 tuồng hát bội: *Tân Dã Đồn* (1863); *Đăng Khấu, Bình Địch và Tam Bảo Thái Giám Thủ Bửu* (1872); *Tứ Quốc Lai Vương và Quần Trân Hiến Thụy* (1878), *Vạn Bửu Trình Tường* (nguyên Diên Khánh Vương soạn 40 hồi đầu, Đào Tấn cùng với Ngô Quý

Đồng và Võ Đình Phương soạn tiếp 68 hồi chót, xong năm 1878), *Diễn Võ Đình* (1889); *Cổ Thành, Trầm Hương Các, Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan và Hộ Sanh Đàn* (1898- 1902); nhuận sắc các tuồng *Sơn Hậu, Khuê Các Anh Hùng* (tên cũ *Tam Nữ Đồ Vương*), *Đào Phi Phụng* (tên cũ *Nguyệt Tâm - Phi Phụng*), *Ngũ Hổ Bình Tây, Lã Bố Hý Điêu Thuyền, Học Lâm.*

07/ Đặng Văn Thám, người làng Lương Bình, xã Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định; đỗ Tú tài khoa Quý Mão (1903) nên thường gọi là Tú Thám. Theo Đào Tấn, tuồng của Nguyễn Bá Huân và Nguyễn Trọng Trì nghiêng về cương, còn tuồng của Đặng Văn Thám lại nghiêng về nhu [7]. Và ông là một trong những người soạn tuồng nổi tiếng của Bình Định. Rất tiếc, tuồng của ông bị thất lạc, nay chỉ còn vở *Du Long Hí Phụng và Phụng Nghi Đình*, nhiều câu độc đáo khó hát, phải kén chọn đào kép, nhưng hễ hát được thì hay vô cùng. Chẳng hạn câu Vương Doãn bảo Điêu Thuyền, dùng mỹ nhân kế gợi tình Đổng Trác *(Phụng Nghi Đình)*

Lấy má đào mà lăng líu trước gió tình,

Dầu mặt sắt cũng uốn mềm trong lửa dục.

08/ Hàm Thuận (con vua Minh Mạng) soạn *Bình Hoài Truyện*

09/ Hoàng Cao Khải (1850- 1933), tên cũ Hoàng Văn Khải, hiệu Thái Xuyên; người làng Đông Thái, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 1868, đỗ Cử nhân, sơ bổ Huấn đạo huyện Thọ Xương. Ông cộng tác đắc lực với chính quyền Bảo hộ, làm quan đến chức Khâm sai Kinh lược Bắc Kỳ, về triều lần lượt lãnh chức Thượng thư bộ Binh, Phụ chánh Đại thần, Thái tử Thái phó, Văn minh điện Đại học sĩ, tước Duyên Mậu Quận Công. Ông có tài văn học, ngoài việc trứ tác, còn soạn tuồng *Tây Nam Đắc Bằng, Trung Hiếu Thần Tiên, Tượng Kỳ*

Thí Xa (Cờ tướng thí xe, diễn truyện Võ Tánh và Ngô Tùng Châu tử tiết tại thành Bình Định).

10/ Hoàng Châu Ký (1921- ?) người làng Kim Bảng, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Ông soạn các tuồng: *Đường Về Vụ Quang, Cao Doãn, Ngọn Lửa Hồng* Sơn (cùng Tống Phước Hổ cải biên, rút tuồng *Tam Nữ Đồ Vương* 3 hồi còn 1 hồi), *Chân Dung Nguyễn Huệ*.

11/ Nghè Lễ Cẩm Lậu (?) huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Võ Như Luông, Võ Nguyên Luông*.

12/ Ngô Quý Đồng, tiểu tự Ấu Chuyên, hiệu Nại Am; người làng Lang Xá, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Ông đỗ Cử nhân năm 1867, sung chức Nội các, làm quan đến chức Bố chánh Quảng Bình và chết ở quân thứ Sơn Tây. Theo Đào Tấn, ông Ngô Quý Đồng có soạn tuồng *Chung Vô Diệm* [8] và soạn một số hồi trong 108 hồi của pho tuồng *Vạn Bửu Trình Tường* [9].

13/ Nguyễn Bá Huân (1853- 1915), danh sĩ cận đại, tự là Ôn Thanh, hiệu Mộ Chân Sơn Nhân, sau có thêm hiệu Ái Cúc Ẩn Sĩ. Quê quán ông ở thôn Vân Sơn, xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Ông nổi tiếng hay chữ, nhưng gặp thời nhiễu nhương, sống ẩn dật và tham gia Phong trào Cần Vương của tỉnh nhà. Những năm Đào Tấn về hưu (1904- 1907) ông cùng em là Nguyễn Trọng Trì thường lui tới để đàm đạo văn chương. Ngoài những tác phẩm viết về Tây Sơn, ông còn soạn tuồng Tây Sơn Tiềm Long Lục, đưa cho Đào Tấn xem và góp ý [10].

14/ Nguyễn Bá Nghi (1807- 1870) danh sĩ đời Minh Mạng, hiệu Sư Phần Tử; người làng Thi Phổ, xã Lạc Phố, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1831, ông đỗ Cử nhân, năm sau đậu Phó bảng, làm quan đến chức Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, Hiệp biện Đại học

sĩ. Ngoài các tác phẩm về văn học, ông có soạn tuồng *Quần Tiên Hiến Thọ.*

15/ Nguyễn Diêu, hiệu là Quỳnh Phủ; người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông đỗ Tú tài khoa Tân Dậu (1861), mở trường dạy học. Đào Tấn là học trò của cụ Tú Nhơn Ân về học chữ và học nghề. *Tân Dã Đồn* là tuồng hát đầu tay của Đào Tấn soạn lúc 19 tuổi, đang thọ giáo ở nhà cụ Tú. Ngoài thơ văn, Nguyễn Diêu còn là nhà soạn tuồng nổi tiếng, có tác phẩm *Hí Khúc Tạp Ký* (nghiên cứu nghệ thuật hát bội) và các tuồng hát: *Liễu Đố* (tuồng đồ), *Ngũ Hổ Bình Tây, Văn Vệ Quốc, Võ Tam Tư Trảm Nguyệt Cô.* Theo Quách Tấn, ông còn soạn tuồng *Nhất Tiễn Song Điểu* (tức tuồng Trảm Trịnh Ân). Đào Tấn dâng bản tuồng *Ngũ Hổ Bình Tây* lên vua Tự Đức ngự lãm. "Nhà vua khen là diệu từ và muốn đặc cách cho cụ Tú được đi thi Hội. Nhưng lúc bấy giờ cụ đã già yếu không hưởng được quân ân." [11]

16/ Nguyễn Dương Hương (tức Ấm Hổ), người làng Bất Nhị, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông soạn tuồng *Công Rùa Cua Rồng, Cóc Sáo Cáo Sóc, Mạnh Lệ Quân, Ngũ Hổ Bình Nam, Ngũ Thử Loạn Triều.*

17/ Nguyễn Dũng Hiệp soạn tuồng *Thạch Sanh;*

18/ Nguyễn Hiển Dĩnh (1853- 1926), biểu tự Tô Tân; người làng An Quán, xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; đỗ Tù Tài, làm quan tới chức Tuần phủ Quảng Trị và Thị lang bộ Lễ. Ông say mê hát bội, là một đạo diễn nổi tiếng, đã sáng tác, nhuận sắc hoặc phóng tác hơn 20 tuồng: *Bạch Kỳ Châu, Đường Võ Hậu, Long Châu- Lý Ân, Lục Vân Tiên, Lưỡng Quốc Trá Hôn, Lý Mã Hiền, Nhạc Phi Phá Lỗ, Nữ Vương Xá Môn, Phong Ba Đình, Sơn Hồ Ngạc, Tam Hoàng Tử, Tam Nữ Đồ Vương* (hồi 3 và nhuận sắc hồi 1), *Tiết Nhân Quý Ra Đời, Triệu Đình Vân, Triệu Khuông Dẫn*

Cưỡi Ngựa Đất, Trương Đồ Nhục, Tứ Quốc Lai Vương (hồi 3 và 4), *Viên Long Viên Hổ, Võ Hùng Hưng* (còn gọi là Ngoại Tổ Dâng Đầu).

19/ Nguyễn Hiển Thạc, thường gọi là Nghè Thạc, con Nguyễn Hiển Dĩnh, soạn tuồng *Phật Tổ Giáng Sinh, Mượn Áo Mất Vợ.*

20/ Nguyễn Kim Hùng (1931- 1983) quê quán ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, soạn tuồng *Trần Bình Trọng* (1962), *Ngọn Tiểu Kỳ* (Trần Quốc Toản), *Đô Đốc Bùi Thị Xuân.*

21/ Nguyễn Phúc Ưng Bình (1877- 1961) hiệu Thúc Giạ Thị, hay Thúc Giạ; người làng Vĩ Dạ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên. Ông là con của Hiệp tá Nguyễn Phúc Hồng Thiết, cháu nội của Nguyễn Phúc Miên Trinh tức thi hào Tuy Lý Vương. Ưng Bình đỗ Cử nhân Hán học năm 1909, làm quan đến chức Bố chánh Hà Tĩnh. Năm 1933, về hưu được thăng hàm Thượng thư, Hiệp tá Đại học sĩ. Ngoài số lượng thơ đồ sộ, ông còn soạn tuồng hát bội *Lộ Địch* (1936) và tuồng *Tào Lao* (1937) là vở tuồng hài dựa theo 21 truyện cổ Việt Nam.

22/ Nguyễn Trọng Trì (1854- 1922), danh sĩ cận đại, là con của Tú tài Nguyễn Khuê và là em của Nguyễn Bá Huân, quê quán ở thôn Vân Sơn. Năm 1876, ông đỗ Cử nhân hạng ưu tại trường thi Bình Định, sơ bổ chức Tư vụ tại triều. Vua Tự Đức mất, triều đình Huế ký Hòa ước năm Quý Mùi (1883), chịu nhận Pháp bảo hộ, ông bỏ quan về quê. Năm 1885, Kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn, ông gia nhập Phong trào Cần Vương tỉnh Bình Định của Nguyên soái Mai Xuân Thưởng, lãnh chức Hiệp trấn thứ Hương Sơn. Sau, phong trào tan rã, ông lánh nạn một thời gian, rồi về quê sống đời ẩn dật. Ngoài những tác phẩm viết về Tây Sơn, ông có soạn hai tuồng hát bội *Phụng Hoàng Anh và Lý Phụng*

Đình.

23/ Phạm Hoàng Chinh (1926- 1989) người xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định, đã soạn lại các tuồng: *Giai Nhân Trong Thời Loạn, Tam Hùng Kiệt, Tiêu Anh Phụng;* và nhuận sắc các tuồng: *Chàng Cóc, Huê Dung Lộ, Phạm Công Cúc Hoa, Phụng Kỳ Soán Đế, Tam Chiến Lữ Bố, Xử Án Bàng Quý Phi.*

24/ Phạm Phú Thuần người làng Điện Phong, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng Phan Đình Phùng, Ngũ Viên Báo Sở.

25/ Phan Bội Châu (1867- 1940), chí sĩ danh sĩ, tên cũ Phan Văn San, hiệu Sào Nam, các biệt hiệu khác: Hải Thu, Thị Hán, Độc Tĩnh Tử, Hãn Mạn Tử. Quê quán thôn Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1900 đỗ Giải nguyên, năm 1904 thành lập hội Duy Tân, năm sau cùng Tăng Bạt Hổ sang Trung Hoa rồi Nhật Bản gây dựng Phong trào Đông Du. Năm 1908, bị trục xuất khỏi Nhật, ông trở lại Tàu rồi sang Thái Lan lo cho việc phục quốc. Năm 1911, ông thành lập hội Việt Nam Quang Phục, đến năm 1922 cải tổ thành đảng Việt Nam Quốc Dân. Năm 1926, ông bị mật vụ Pháp bắt cóc tại Thượng Hải, đưa về Việt Nam, kết án khổ sai chung thân. Cả nước dấy lên phong trào đòi ân xá, Toàn quyền Varenne phải thuận theo nhưng buộc an trí ở Bến Ngự (Huế) cho đến mãn đời. Về sự nghiệp văn học, ông có trên 30 tác phẩm, ngoài ra còn soạn tuồng *Trưng Nữ Vương.*

26/ Phan Châu Trinh (1872- 1926), chí sĩ danh sĩ, tự Tử Cán, hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã; người thôn Tây Hồ (trước là Tây Lộc), xã Tam Lộc, thị xã Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Năm 1900 ông đỗ Cử nhân, năm sau đậu Phó bảng được bổ làm Thừa biện bộ Lễ. Năm 1905, từ quan, dấn thân vào con đường tranh đấu độc lập bất bạo động. Ông vào Nam rồi ra Bắc tìm đồng chí, lập

Đông Kinh Nghĩa Thục, thăm căn cứ Đề Thám. Năm 1906, ông bí mật đi Nhật hội kiến Phan Bội Châu. Năm 1908, ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kết án đày Côn Đảo. Năm 1911, hội Nhân Quyền ở Pháp can thiệp, ông được phóng thích nhưng vẫn bị quản thúc tại Mỹ Tho, rồi sang Pháp. Năm 1914, ông bị bắt giam 9 tháng ở ngục La Santé. Năm 1925, về nước, ngụ tại Sài Gòn, trong thời gian này ông diễn thuyết hai lần và năm sau thì mất. Về sự nghiệp văn học, ông biên soạn trên 10 tác phẩm có giá trị, ngoài ra lúc ở Côn Đảo, ông cùng với Huỳnh Thúc Kháng và Phan Thúc Duyện soạn tuồng *Trưng Nữ Vương Bình Ngũ Lãnh* (1910).

27/ Phan Xuân Chỉ người Hội An tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Tào Tháo Đâm Trần Thị* (thất thủ Uyển Thành), *Tào Tháo Sát Đổng Phi, Dự Nhượng Đả Long Bào, Chiêu Quân Cống Hồ, Mạnh Lệ Quân, Nga Mao Oán*.

28/ Phan Xuân Thận (thân phụ của Phan Xuân Chỉ), đỗ Tú tài, soạn tuồng P*hụng Nghi Đình, Trảm Trịnh Ân*.

29/ Tống Phước Phổ (1902- 1991) người xã Điện Phương, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; nguyên làm thư ký Sở Đạc điền Hội An. Ông soạn 41 tuồng hát bội, những vở tiêu biểu, từ năm 1920- 1930: *Anh Hùng Náo Tam Môn Nhai, Chung Vô Diệm, Lâm Sanh Xuân Nương, Lưu Kim Đính, Mạnh Lệ Quân, Nhứt Khí Châu Du, Phạm Công Cúc Hoa, Tào Tháo Sát Đổng Hậu, Tống Từ Vân, Trạng Cóc, Tru Thê Sát Tử, Tứ Hung Phạm Trường An, Vạn Hoa Lâu;* từ 1931- 1945: *Ai Lên Phố Cát, Cờ Trắng Rừng Xanh, Đã Không Duyên Kiếp, Gươm Tình Đẫm Máu, Hoàng Quốc Ấn, Khúc Đường Quan, Hững Hờ, Khối Hận Gươm Tình, Lòng Già Yêu Nước, Mối Tơ Vương, Nước Mắt Mài Gươm, Quạt Mồ Tháo Nêm, Thanh Xà Bạch Xà, Tiếng Phật Gọi Hồn, Tội Của*

H 6: Kép Tả Giang nhập vai Lã Bố, vở Phụng Nghi Đình, diễn năm 1960. Ảnh từ Vi.wikipedia

Ai, Trưng Nữ Vương, Vì Nghĩa Quên Mình; từ 1946- 1963: *Đường Lên Yên Thế, Công Chúa An Tư, Hồng Môn Hội Ẩm, Hưng Đạo Chống Nguyên, Lam Sơn Khởi Nghĩa, Ngọn Lửa Hồng Sơn* (cải biên với Hoàng Châu Ký), *Ngô Quyền, Tây Sơn Đánh Nguyễn, Tây Sơn Tụ Nghĩa, Thủy Chiến Rạch Gầm, Lý Thường Kiệt*.

30/ Trương Nguyên người làng Long Hội, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, soạn tuồng *Lưu Bình - Dương Lễ*.

31/ Võ Đình Phương người làng Tân Thạnh, huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định; đỗ Cử nhân năm 1868, có soạn một phần tuồng *Vạn Bửu Trình Tường*.

32/ Võ Sĩ Thừa (1929- ?), quê quán ở Bình Định, soạn tuồng *Tình Và Tội*, soạn lại tuồng *Mạnh Lệ Quân,* chuyển thể tuồng *Tiết Giao Trả Ngọc* (tác giả Văn Trọng Hùng).

C - Ở Miền Nam:

33/ Bùi Hữu Nghĩa (1807- 1872), tự Nghi Chi, hiệu Liễu Lâm chủ nhân, quê ở làng Long Tuyền, tỉnh Cần Thơ. Năm 1835, ông đỗ Giải nguyên trường thi Gia Định lúc 28 tuổi, nên người đời thường gọi Thủ Khoa Nghĩa. Là một danh sĩ, ngoài các bài thơ và văn tế, ông còn để lại tuồng ***Kim Thạch Kỳ Duyên***, nổi tiếng về

văn chương và nghệ thuật.

34/ Đặng Lễ Nghi, theo Nguyễn Q. Thắng [12]: Đặng Lễ Nghi không phải một người mà tên gọi chung bao gồm ông chủ nhà xuất bản và một số tác giả như: Đặng Lễ Nghi, Đinh Thái Sơn biệt hiệu Phát Toán, Lê Văn Thinh biệt hiệu Lê Phước Thành; họ đã phóng tác hoặc phiên âm Hán Nôm ra Quốc ngữ trên 50 tác phẩm, trong đó có các tuồng *San Hậu* (1908), *Tiên Bửu Thơ Tuồng* (1908), *Kim Long Xích Phụng* (1913), *Lục Văn Long* (1928), *Đinh Lưu Tú* (1929), *Tam Quốc* (1929).

35/ Hồ Biểu Chánh (1884- 1958), tên thật là Hồ Văn Trung, tự Biểu Chánh, hiệu Thứ Tiên; ở làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, nay thuộc Tiền Giang. Xuất thân từ Ký lục, thăng dần đến Đốc phủ sứ. Ông sáng tác hơn 100 quyển sách, gồm nhiều thể loại: 64 tiểu thuyết, 8 đoản thiên, 3 truyện ngắn, 23 biên khảo, 6 hồi ký, 3 tùy bút và phê bình, 3 tập thơ, 2 dịch thuật, 3 hài kịch, 3 cải lương, 4 tuồng hát bội là *Thanh Lệ Kỳ Duyên* (1926- 1941), *Công Chúa Kén Chồng* (1945), *Xả Sanh Thủ Nghĩa* (1945), *Trương Công Định Quy Thần* (1945).

36/ Nguyễn Bá Thời và Hoàng Minh Tự đồng soạn lại tuồng *Sơn Hậu.*

37/ Nguyễn Đình Chiêm (1869- 1935), tự Trọng Vĩnh, hiệu Sơn Đẩu; người làng Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông là con thứ bảy của Nguyễn Đình Chiểu và là em của nữ sĩ Sương Nguyệt Ánh. Ngoài việc sáng tác và dịch thơ, ông còn soạn hai tuồng hát bội có giá trị văn chương: *Phong Ba Đình và Phấn Trang Lầu.*

38/ Trương Minh Ký, còn có tên là Trương Minh Ngôn (1855- 1900), tự Thế Tải, hiệu Mai Nham; quán làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định, nay thuộc quận V (Sài Gòn). Ông là một nhà giáo, nhà

H 7: Đào kép đang tự hóa trang ở hậu trường.
Ảnh tài liệu xưa.

nghiên cứu đã để lại 25 tác phẩm, trong đó có ba tuồng hát: tuồng *Joseph* (1887), *Phong Thần - Bá Ấp Khảo Dạy Đờn* (1896) và *Kim Vân Kiều* (1896).

D - Tác gia và tuồng hát chưa xác định rõ:

Còn nhiều nhà soạn tuồng khác chưa khảo hết được như Cao Hoài Đức (?) với tuồng *Đào Tam Xuân Loạn Trào*; Hồ Quý Thiều người làng An Truyền, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, làm quan đến chức Bố chánh; Kính Chỉ có tuồng *Tô Võ Chăn Dê;* Trần Hàn người huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; Võ Duy Tịnh người Quảng Ngãi, làm quan đến chức Tham tri.

Lại có nhiều tuồng còn lưu hành nhưng không biết tác giả là ai như tuồng *An Trào Kiếm, Bao Công Tra Án Quách Què, Đường Chinh Tây, Giang Tả Cầu Hôn, Huê Dung Lộ, Lê Lợi, Mạnh Lương Bắt Ngựa, Nguyệt Tâm Phi Phụng, Phụng Kỳ Soán Đế, Sơn Hậu* (nguyên tác), *Tam Chiến Lữ Bố, Tam Hùng Kiệt, Tam Khí Chu Du, Thạch Sanh - Lý Thông, Tiết Đinh San Chinh Tây, Tiết*

Giao Đoạt Ngọc Nguyệt Cô, Tống Nhạc Phi, Tống Tửu Đơn Hùng Tín, Triệt Giang, Xử Án Bàng Quý Phi.

Ngoài ra còn có bảy tuồng hát không còn lưu hành, ngờ là của Đào Tấn, cần có thêm tài liệu mới xác định được, đó là tuồng *Bát Chùy Đại Náo Châu Tiên Trấn, Liễu Hạng Hoa Cù, Ngu Doãn Văn Đại Phá Kim Binh, Phong Ba đình, Quỳnh Lâu Diễm Mộng, Tống Sử, Trinh Trung Báo Quốc.*

Riêng số lượng tuồng trong thế kỷ 19, tạm thời có thể biết được qua lời của Nguyễn Bá Huân chép trong *Mộ Chân Sơn Nhân Thi Văn Từ Tập:* "Những năm gần đây, em tôi (Nguyễn Trọng Trì) sưu tầm được hơn một trăm hai mươi vở tuồng gộp thành một tập mời ông Đào (Đào Tấn) đọc. Ba tháng sau ông nói với hai anh em tôi rằng: 'Công lao của ông Vân Sơn rất to lớn: Đã sưu tầm được số lượng tuồng từ cuối đời Tây Sơn trở lại đây (1792-1907) nhiều đến thế, làm cho những người thích xem tuồng ở châu ta (tỉnh Bình Định) có được cái di sản hết sức phong phú. Trong tập này có nhiều vở rất hay, thơ từ uyển chuyển, đẹp đẽ, tình tiết trong sáng, mới mẻ, khiến tôi đọc không chán vậy. Nhân lúc rảnh, tôi tạm chia thành mấy loại, các vở như *Hỏa Ngưu Trận, Tín Lăng Quân, Huyền Vũ Môn, Hồng Môn Yến, Cửu Lý Sơn* đều là những vở viết về sử; các vở như *Phấn Trang Lâu* (Phấn Trang Lầu), *Vạn Hoa Lâu, Mộc Dương Thành, Vu Thiếu Bảo, Bát Bảo Trận, Đặng Thành Long* là loại tuồng tiểu thuyết; các vở *Mộc Hoa Lê, Song Phượng Kỳ Tình, Quỳnh Lâu Mộng, Tô Mộng Lan* là loại tuồng tài tử giai nhân. Trừ ba loại này ra, có nhiều vở do hư cấu mà thành, như các tuồng: *Tam Đả Bàn Long Tự* (Ba lần đánh chùa Bàn Long), *Tiếu Trung Hữu Đao* (Trong tiếng cười có lưỡi dao), *Mỹ Nhân Nhất Tiếu* (Người đẹp một lần cười), *Đại Giang Đông Khứ* (Sông rộng chảy về Đông), *Thôi Song Vọng*

Nguyệt (Đẩy cửa sổ nhìn trăng)." [13]

Đ - Tuồng hát có nhiều kịch bản của nhiều tác giả:

Các tuồng hát bội *"Lý Phụng Đình, Phong Ba Đình, Phụng Nghi Đình, Trảm Trịnh Ân"* đều có hai hay ba bản khác nhau, do các tác giả viết riêng rẽ.

- Tuồng "*Lý Phụng Đình"* của Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì (Bình Định), còn một bản nữa Khuyết danh.

- Tuồng *"Phụng Nghi Đình"* ngoài bản nổi tiếng của Đặng Văn Thám (Bình Định) viết, còn một bản nữa do Phan Xuân Thận (Quảng Nam) soạn. Có người lại cho rằng của một danh sĩ trong Nam.

- Tuồng *"Phong Ba Đình"* tương truyền là của Đào Tấn (Bình Định), một bản khác do Nguyễn Đình Chiêm (Bến Tre) soạn, còn bản nữa của Nguyễn Hiển Dĩnh (Quảng Nam) không rõ sáng tác hay phóng tác hoặc nhuận sắc.

- Tuồng *"Trảm Trịnh Ân"* có đến 3 kịch bản: Một, do Nguyễn Diêu (Bình Định) viết, đặt tên là *"Nhất Tiễn Song Điêu"* (theo Quách Tấn); một kịch bản khác có tên *"Tống Thái Tổ Túy Sát Trịnh Ân"* còn gọi là *"Đào Tam Xuân"* của Phan Xuân Thận (Quảng Nam); một bản nữa lấy nhan đề *"Tống Thái Tổ Trảm Trịnh Ân"* của soạn giả Miền Nam.

IX - VAI TRÒ CỦA HÁT BỘI XƯA VÀ NAY

Ưu thế của hát bội là khán giả có thể xem nhiều lần một vở tuồng mà không chán, thậm chí có người còn thuộc lòng cả lời tuồng. Thế nhưng, mỗi lần diễn, người xem vẫn thấy mới vì họ luôn luôn khám phá những cái hay cái tuyệt kỹ múa bộ của diễn viên, thể hiện qua ca dao:

Bầu Đông đóng Lý Phụng Đình

Dẫu chồng có đánh thì mình cũng đi.

Một lợi điểm nữa, tiếng trống của hát bội dồn dập vang xa như thúc giục, như mời gọi, làm náo nức lòng người. Bởi thế, bộ môn này có sức thu hút người xem, ca dao cũng đã chứng minh:

Tai nghe trống chiến
Không khiến cũng đi
Nghe tiếng trống chầu,
Đâm đầu mà chạy.

Hát bội còn là phương tiện tải đạo tốt nhất, môi trường giáo hóa hữu hiệu nhất, đi vào lòng người bằng nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Kết thúc tuồng bao giờ cũng có hậu, quần chúng xem tuồng vừa giải trí, vừa là bài đức dục thực tiễn thấm nhuần đạo lý.

Lại nữa, dù hát bội với chủ trương tượng trưng và ước lệ, quy luật gò bó, văn chương bác học, nặng nề điển tích và chữ Hán, đòi hỏi khán giả phải có trình độ về nghệ thuật và Nho học mới hiểu hết ý nghĩa của lời tuồng. Tuy nhiên bộ môn này vẫn phổ biến, được lớp bình dân ưa thích, vì hát bội còn có thứ ngôn ngữ riêng qua từng động tác của nhân vật, khiến người xem có thể lãnh hội và thưởng thức được.

Nhưng rồi, một biến cố lớn đến với hát bội, năm 1911 tài tử Nguyễn Tống Triều có sáng kiến đưa dàn nhạc cổ điển lên sân khấu tại Mỹ Tho, đến năm 1915, ông Tống Hữu Định tại sân khấu ở Vĩnh Long đã cho trình diễn bài Tứ Đại Oán; bộ môn cải lương ra đời và phát triển mạnh ở Nam Kỳ. Hát bội không còn thế độc tôn, đành chịu phân chia lãnh thổ để cùng nhau tồn tại: Miền Bắc là vương quốc của Hát chèo, Miền Trung vẫn còn giang sơn của Hát bội và Miền Nam nơi lập quốc của Cải lương với nhiều hứa hẹn.

Trong khuôn khổ trang báo, bài này chỉ là khung sườn của hát bội, xin hẹn kỳ khác với loạt bài *Giọng*

H 8: Đào kép hóa trang xong, ảnh tài liệu xưa.

Điệu Chính, Giọng Điệu Phụ Trong Văn Học Tuồng, Hát Bội Bình Định.

San Jose, ngày 12- 03- 2005

Bổ chính lần 4: 20- 01- 2010

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Đào Tấn; *Hí Trường Tùy Bút,* Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa (Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981); sđd trang 112 và109: *"Ngã quốc chi hí khúc, tại Đinh, Lê, Lý tam triều dĩ kiến ngân tích. Nhập Trần tắc thủy cụ quy mô. Sở vị hí khúc, nhất định hội hữu tam trọng điểm: ca, vũ, diễn sự cố."* (Tuồng ở nước ta, từ ba triều Đinh, Lê, Lý đã có dấu vết, đến đời Trần mới có đủ quy mô. Gọi là tuồng, nhất định gồm ba điểm quan trọng: Ca, múa, diễn câu chuyện.)

[2,3] Quốc Sử Viện Triều Lê; *Đại Việt Sử Ký Toàn*

Thư, quyển I và III, kỷ Tiền Lê và Lý; bản dịch của Ngô Đức Thọ, tập 1 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993); trang 223 và 292.

[4] Quốc Sử Quán Triều Nguyễn; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục,* quyển X; tổ biên dịch Hoa Bằng, tập 1 (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1998); trang 636.

[5] Đào Tấn; *Hí Trường Tùy Bút,* Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa (Qui Nhơn, Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981); trang 8.

[6] Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huề; *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo* (Sài Gòn, Văn Khoa, 1962); trang 195-196.

[7] Đào Tấn; cùng tác phẩm; trang 94 và 93: *"Công* (Nguyễn Bá Huân) *dữ lịnh đệ chi hí khúc đa thiên ư cương giả dã. Chí ư Đặng quân Văn Thám chi giai tác đa thiên ư nhu giả dã."* (Ông và lịnh đệ {em của ông} soạn tuồng phần nhiều nghiêng về cương. Còn như những tác phẩm hay của ông Đặng Văn Thám phần nhiều lại nghiêng về nhu.)

[8] Cùng tác phẩm; trang 40 và 39: *"Cận nhật, Ngô công Quý Đồng tân soạn 'Chung Vô Diệm' nhất khúc, kỳ chủ dốc tài năng quán triệt trung nghĩa siêu nhân, đản công diễn chi thời, quan giả khán Chung thị chi diện nhi phản cảm chi."* (Gần đây ông Ngô Quý Đồng mới soạn tuồng Chung Vô Diệm, nhân vật chính tài năng tuyệt vời, trung nghĩa hơn người nhưng lúc công diễn, người xem thấy nét mặt họ Chung thì sinh phản cảm.)

[9] Sách đã dẫn; trang 48 và 47: *"Vạn Bửu Trình Tường hữu nhất bách linh bát quyển, mỗi quyển phân vi nhị hồi , cộng nhị bách thập lục hồi. Ngô công Quý Đồng soạn nhị thập bát quyển. Võ công Đình Phương*

soạn tam thập lục quyển. Kỳ dư thị ngô chi chuyết tác dã." (Vạn Bửu Trình Tường có một trăm lẻ tám quyển. Mỗi quyển chia làm hai hồi. Cọng lại 216. Ông Ngô Quý Đồng soạn 28 quyển. Ông Vũ Đình Phương soạn 36 quyển. Còn lại là tác phẩm vụng về của tôi.)

[10] Sách đã dẫn; trang 93 và 92: *"Khứ niên, dư soạn 'Tây Sơn Tiềm Long Lục' tất, thỉnh Đào công độc chi nhi tứ kỳ phủ chính. Nhứt nguyệt chi hậu, Đào công đối dư viết: 'Công chi giai tác cực cảm độc giả chi tâm. Sử tiền đại chi anh hùng tái sinh ư công chi hoa bút, thị hãn kiến chi công dã..."* (Năm ngoái, tôi soạn tuồng 'Tây Sơn Tiềm Long Lục' mời ông Đào đọc và xin lời sửa chữa của ông. Một tháng sau, ông Đào nói với tôi rằng: Tác phẩm hay của ông rất rung động lòng người đọc. Các bậc anh hùng đời trước được sống lại dưới cây bút hoa của ông đó là công lao hiếm thấy vậy...)

[11] Quách Tấn; *Nước Non Bình Định* (Sài Gòn, Nam Cường, 1967); trang 416.

[12] Nguyễn Q. Thắng; *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam* (Sài Gòn, nxb Văn Hóa – TT, 1999); trang 180.

[13] Đào Tấn; cùng tác phẩm; trích đoạn nơi trang 95.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- CAO XUÂN DỤC; *Quốc Triều Hương Khoa Lục,* Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Thị Lâm dịch, Cao Tự Thanh hiệu đính giới thiệu; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1993.

- QUỐC SỬ VIỆN TRIỀU LÊ; *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, bản Chính Hòa, quyển I và III, kỷ Tiền Lê và Lý; bản dịch của Ngô Đức Thọ, tập 1; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993.

- ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG; *Đào Tấn Cuộc Đời Và Sự Nghiệp*; Tập san Văn Uyển (San Jose, California), số 11 & 12 (Hè Thu 1994) năm thứ VI; trang 70- 103.

- . . . . . ; *Đào Tấn Trong Nền Ca Kịch Cổ Điển Việt Nam;* Đặc san Xuân Canh Tuất 1970 (Trường Trung Học Bán Công An Nhơn Bình Định xuất bản); trang 8- 17.

- ĐÀO TẤN; *Hí Trường Tùy Bút,* Nguyễn Thế Triết và Đinh Văn Tuấn sưu tầm phiên âm dịch nghĩa; Qui Nhơn,Ty Văn Hóa và Thông Tin Nghĩa Bình xuất bản, 1981.

- . . . . . ; tuồng *Hộ Sanh Đàn,* Trúc Tiên phiên âm, Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính sắp xếp; Nghĩa Bình, nxb Sân Khấu, 1987.

- . . . . . ; tuồng *Trầm Hương Các,* Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn phiên âm khảo dị hiệu đính và sắp xếp; chi tiết xuất bản như trên.

- . . . . . ; tuồng *Tân Dã Đồn,* Vũ Ngọc Liễn và Phan Hiền phiên âm, Vũ Ngọc Liễn chú thích khảo dị, Mạc Như Tòng và Tống Phước Hổ hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- . . . . . ; tuồng *Cổ Thành,* Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị sắp xếp hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- . . . . . ; tuồng *Diễn Võ Đình,* Phạm Phú Tiết chú giải, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính sắp xếp; chi tiết xuất bản như trên.

- . . . . . ; tuồng *Hoàng Phi Hổ Quá Giới Bài Quan*, Vũ Ngọc Liễn khảo dị chú thích sắp xếp và hiệu đính; chi tiết xuất bản như trên.

- ĐỖ BẰNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỀ; *Việt Nam Ca Trù Biên Khảo;* Sài Gòn, nhà in Văn Khoa, 1962.

- HỒ ĐẮC BÍCH và các tgk; *Giáo Trình Đào Tạo*

Diễn Viên Bậc Trung Cấp Nghệ Thuật Hát Tuồng; Trường Trung Học Văn Hóa Nghệ Thuật Bình Định, 1995.

- KHUYẾT DANH; tuồng *Khuê Các Anh Hùng*, Đào Tấn nhuận sắc, Quách Tấn sưu tầm, Vũ Ngọc Liễn khảo dị hiệu đính, Vũ Ngọc Liễn và Đỗ văn Hỷ chú thích; Nghĩa Bình, nxb Sân Khấu, 1987.

- KHUYẾT DANH; tuồng *Sơn Hậu diễn truyện,* Đào Tấn nhuận sắc, Hoàng Văn Hòe phiên âm và chú giải; Sài Gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1971.

- NGUYỄN DIÊU; tuồng *Ngũ Hổ Bình Tây,* Đào Tấn nhuận sắc, Trần Văn Hương và Lê Ngọc Trụ sao chép và trình bày; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản,1970.

- NGUYỄN Q. THẮNG; T*ừ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*; Sài Gòn, nxb Văn Hóa – TT, 1999.

- PHẠM PHÚ TIẾT (di cảo); *Hội Thoại Về Nghệ Thuật Tuồng*, Hoàng Chương sưu tầm và giới thiệu; Hà Nội, nxb Văn Hóa, 1987.

- QUÁCH TẤN; *Nước Non Bình Định;* Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.

- QUÁCH TẤN - QUÁCH GIAO; *Đào Tấn Và Hát Bội Bình Định;* Không đề nơi, nxb Văn Hóa Dân Tộc, 2007.

- QUỐC SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN; *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, quyển X; tổ biên dịch Hoa Bằng, tập 1; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1998.

- TRẦN VĂN KHẢI; *Nghệ Thuật Sân Khấu Việt Nam;* Sài Gòn, Khai Trí xb, 1970.

- VŨ NGỌC LIỄN; *Kẻ Sĩ Đất Thang Mộc*; Qui Nhơn, nxb Đà Nẵng, 1997.

▼

Gọi nắng

(Thương về các nạn nhân bão lụt ở quê nhà)

Ươm nỗi nhớ ngồi đây ta gọi nắng
Chiều dần trôi mây phủ phía hiên ngoài
Ấm nước reo chi, bếp hồng tắt vội
Gói mì vô tội, trách chợ đường xa
Ngày đã sang sông, đêm chậm ghé nhà
Bầy vịt đói nghếch mồm đang gọi cửa
Thu đã úa còn đây dăm ba bữa
Mới gọi cho con sóc chẳng thèm tha
Thương nỗi nhớ đâm chồi đầy vất vả
Gọi nắng về... ôi nắng! nắng ở đâu?
Ngày lại ngày trời vẫn mãi mưa ngâu
Lá gục chết, vàng che bao mắt đỏ

Nghe giọt đắng lòng đau thương kẻ khó
Mùa nước to đập vỡ cuốn trôi sông
Xác dân oan trôi dạt vướng ven đồng
Bầy kên kên đậu chờ chia rỉa thịt
Những vành khăn tang trên đầu trẻ nít
Ánh mắt lạc thần, bàn chân run rẩy
Nước lên cao, nhà trôi... đâu còn thấy
Bàn tay đưa cố vói níu trời cao
Ai nghe chăng... cứu tôi với đồng bào!
Hòa dông bão nước gào theo gió thét

Đâu phải trời kia ít thương nhiều ghét
Bỡi đời là bể khổ hố lầm than
Từ kẻ khó cho đến cửa nhà quan
Rồi kết cuộc xuôi tay đều sẽ hết

Ươm nỗi nhớ ngồi đây nghe giá rét
Chiều dần trôi mây tủ phía hiên ngoài...

Chu Hà

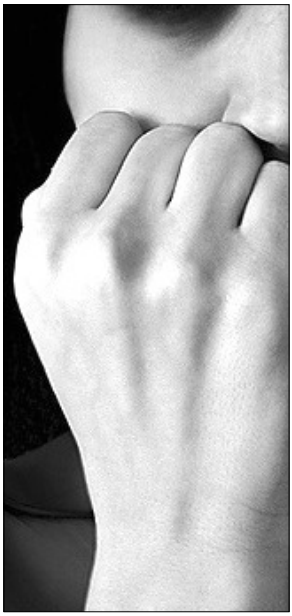

Xuân tha phương

Chiều rưng giọt nắng phía trời xa
Có kẻ bơ vơ ngấn lệ nhòa.
Rắn dạ nghìn thương nơi đất mẹ
Mềm lòng vạn nhớ chốn quê cha.
Người nghe Tết đến mừng khôn xiết
Ta thấy Xuân sang vui gọi là.
Nâng chén quan hà trông cố quốc
Niềm đau viễn xứ ngập hồn ta.

Hoài Hương Nguyễn thị Thọ

THƠ XƯỚNG HỌA

Bài Xướng:

Mong mùa Xuân lại

Tội ác Bắc phương đã khắc bia,
Ngàn năm đô hộ Việt xưa kia.
Láng giềng bành trướng dư đồ xé,
Hữu nghị tóm thâu chín đoạn chia.
Theo Mác còng lưng chưa ngóc cổ,
Phò Mao tóp bụng mãi cùn ria.
Cầu mong trở gió mùa Xuân lại,
Cờ đỏ sao vàng giẫm dưới hia./.

Dieu Nguyen

Bài Họa:

Nguyện cầu

Hà chính nghìn năm để miệng bia,
Người người nguyền rủa rợ Hồ kia.
Hoàng, Trường, hải đảo đều câm miệng,
Bản Giốc, Nam Quan, cũng cắt chia.
Giặc phán một lời ghi tạc dạ,
Dân than vạn tiếng để ngoài ria.
Nguyện cầu dân Việt vươn hùng khí,
Tiến bước với đời bảy dặm hia./.

Đàm Nguyễn Chí Minh
Houston, TX

Bài Họa:

Liềm tan búa nát

Thuộc địa bao năm đã tạc bia,
Chư hầu nô lệ bọn Tàu kia.
Vinh quang ngậm miệng non sông cắt
Hổ thẹn im mồm biển đảo chia.
Mười sáu chữ vàng nên mất nước,
Muôn ngàn bảng đỏ rụng râu ria.
Có ngày dân chúng đồng vùng dậy
Liềm búa tan tành, nát mũ hia./.
Bảng đỏ=bỏ đảng
Hà Quế Linh, TX

Bài Họa:

Tội ác ngụy quyền cộng sản

Dân tộc Việt Nam đã tạc bia
Tội đồ cộng sản vẫn còn kia
Nam Quan, Bản Giốc cho Tàu cộng
Biển đảo, Hoàng sa đã cắt chia
Hối lộ, chúng giàu sang phí phạm
Tham ô, dân khổ đói cùn ria
Một ngày nào đó dân vùng dậy
Đạp nát ngụy quyền dưới gót hia./.
Hà Thúc Hùng, VA.

Bài Họa:

Quân phò giặc

Một đám cầm quyền chỉ nhậu bia,
Chẳng lo kẻ cướp Bắc phương kia.
Nam Quan, Bản Giốc xê dời mất,
Biển đảo, Trường Sơn cắt đứt chia.
Do Bác cúi đầu dâng Tổ Quốc,
Nên Mao vểnh mặt vuốt hàm ria.
Toàn dân đánh đuổi quân phò giặc,
Tống chúng sang Tàu lột mũ hia./.

Hoài Hương, CA

Bài Họa:

Tinh thần dân tộc

Mê linh tiếng trống đáng ghi bia,
Bắc thuộc dân ta khổ lắm kia.
Trưng, Triệu, Đông Tây vang tiếng sấm,
Quang Trung Nam Bắc hết phân chia.
Đánh tan bành trướng, tung quyền cước,
Dẹp gọn nội thù, gỡ mặt ria.
Gương tốt nghìn thu còn sáng chói,
Thế mà lãnh đạo ở đâu hia?./.

Mỹ Vân, Tacoma.

Bài họa:

Sẽ có ngày mới

Tội của giặc Tàu đã tạc bia,
Chúng từng xâm lược Việt Nam kia.
Lân bang tham vọng lấn điền thổ,
Hàng xóm âm mưu chiếm biển chia.
Thuyết Mác khô môi sầu rụng tóc,
Theo Mao rổng bụng đói queo ria.
Không lâu sẽ có mùa Xuân mới,
Cờ máu hại dân đạp gót hia. ./.

Đỗ Hùng , CA.

Bài họa:

Ước mong ngày đó

Tội nghiệp dân lành đứng chịu bia,
Ngàn lần cực khổ hẳn xưa kia.
Cơm no chẳng đủ ngày hai bữa,
Bánh vẽ bày trò sẵn để chia.
Đảng vẫn hô hào luôn đổi mới,
Dân thì đợi mãi đến queo ria.
Ước mong ngày đó cho mau đến,
Lật đổ bạo quyền giẫm nát hia. ./.

Thanh Vân . WA

Bài họa:

Bám đảng cầu danh

Bán nước cầu vinh sẽ bắn bia,
Đem dâng đất biển bọn Tàu kia.
Cao nguyên, cạnh Bắc đem cho hết,
Hải đảo, giáp Đông cũng cắt chia.
Bốn đứa chóp bu toàn lú lẫn,
Một bầy lãnh đạo rặc râu ria.
Cầu danh, bám đảng, phò Kinh Bắc,
Luồn cúi Tập Bình rớt mũ hia. ./.

An Khê. CA.

Võ Bình Định

NGUYỄN NGỌC AN

- Kính dâng hương hồn Bác tôi, Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ.
- Kính tặng anh tôi, Võ Sư Phan Thọ.
- Thân tặng hương hồn bạn tôi, anh Nguyễn Thế Triết.
- Thân tặng các bạn tôi: Võ Sư Trần Dần, Võ Sư Đinh văn Tuấn, Võ Sư Kim Đình.
- Thân tặng em tôi, Võ sĩ Đỗ Hượt.

Từ khi Vương Quốc Chiêm Thành bị xoá sổ ở Bình Định, người miền Ngoài đã bắt đầu kéo vào đây lập nghiệp. Họ định cư ở rải rác khắp nơi, từ đồng bằng đến vùng rừng núi hoang vu, xa thẳm. "*Từ thuở mang gươm đi mở cõi*" ấy, họ đã gặp không biết bao nhiêu gian lao, nguy hiểm và thử thách. Mồ hôi, nước mắt, và ngay cả tính mạng đã đổ xuống vùng đất mới này.

Bệnh tật ở vùng thâm sâu, cùng cốc là kẻ thù nguy hiểm nhất. Chúng tấn công mọi người, không loại trừ

một ai. Những trận dịch bệnh đã làm cho xóm làng tiêu điều, xơ xác. Chúng gieo rắc tang tóc cho mọi gia đình, người chết không chôn kịp. Sau một trận dịch bệnh, làng xóm chỉ còn vài chục người sống sót, thay vì vài ba trăm người như trước. Đó là cảnh của làng tôi, làng Thủ Thiện, thuộc xã Bình Nghi, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định hơn 200 năm về trước. Phía ngoại tôi, một đại gia đình gồm trên 20 người, chỉ ông Cố ngoại tôi còn sống sót sau những trận dịch bệnh như thế.

Bên cạnh bệnh tật, thú dữ là nỗi sợ hãi thường xuyên của người dân. Chúng tấn công xóm làng suốt ngày đêm. Những đàn voi rừng ra làng phá hoại hoa màu, vào tận vườn nhà ăn phá chuối, hay giật sập nhà cửa. Cọp vào làng tìm mồi, rượt đuổi gia súc ngay giữa ban ngày, thậm chí còn vồ chết cả người. Phía ngoại tôi, có người bị cọp vồ chết. May thay, nhờ có tiếng trống mõ của dân làng, cọp chạy vào rừng, bỏ lại xác chết. Chỉ gần đây thôi, vào những năm 1930-1940, cọp còn vào làng tìm bắt gia súc. Khi ăn no, chúng ngủ quên ngoài soi mía ở chân tháp Thủ Thiện. Heo rừng vào làng như vào chỗ không người. Dân làng chỉ dám đứng xa xua đuổi. Tiếng trống, mõ vang lên nhưng chúng vẫn ung dung, không sợ sệt. Tôi biết chỉ có hai người dám đánh và hạ được heo rừng, đó là cậu tôi (tôi thường gọi bác) - Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ và người anh bà con của tôi, võ sư Phan Thọ.

Cũng ở vùng đất mới vô luật pháp này, bọn trộm cướp thường xuyên lộng hành. Ở đây chỉ có luật rừng: mạnh được, yếu thua. Các phú hào là điểm ngắm của bọn bất lương. Ban đêm, chúng treo vồ đập phá cửa, xông vào nhà đánh đập người, vơ vét tài sản. Người nào chống cự sẽ bị giết chết. Vào những năm mất mùa, nạn đói xảy ra. Người đói đi ăn xin, vất vưởng khắp nơi. Nhà giàu thì cửa đóng then cài, bên trong phòng

thủ cẩn mật. Ở ngoài đồng ruộng, bọn bất lương cướp lúa. Đó là thảm cảnh thường xảy ra ở nông thôn, đặc biệt là những năm 1940. Hai người cậu tôi, Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ và cha Đinh Tuấn, cùng cha tôi, ba người phải cầm "roi" ra đồng giữ lúa cho bà con.

Võ Bình Định đã ra đời trong những hoàn cảnh đó của xã hội Bình Định trong thời kỳ còn hỗn man luật pháp. Võ Bình Định, đó là nghệ thuật chiến đấu để tự bảo vệ bản thân, gia đình, làng xóm, và rộng lớn hơn, chống ngoại xâm, bảo vệ tổ quốc. Thật vậy, Võ Bình Định là nghệ thuật chiến đấu hữu hiệu nhất khi con người chưa có súng đạn. Võ Bình Định gồm đủ 18 ban võ nghệ, nhưng bình thường, người Bình Định chỉ luyện tập tay chân *(Quyền),* cây, gậy *(Côn)*, hay *Cung, Kiếm.*

Có người hỏi tôi, "Nghe đồn võ Bình Định rất hay, nhưng hay ở chỗ nào?" Võ Bình Định không phải tự nhiên mà nổi tiếng. Đó là công sức, trí tuệ đóng góp của bao nhiêu thế hệ đã và đang dấn thân vào con đường võ thuật. Câu hỏi bao trùm cả chiều dài của võ thuật, từ khi nó mới được khai sinh đến ngày nay. Võ Bình Định không tự mãn, kiêu căng. Nó đã đi từ xóm làng hẻo lánh, nông thôn của những người dân chân lấm tay bùn với cuộc sống đạm bạc, đức tính tính khiêm nhường và nó đã vươn vai ra khắp thế giới như một nghệ thuật chiến đấu độc đáo có sức thuyết phục cao.

Xuất phát từ những ngày xa xưa, Võ Bình Định được võ sư lừng danh truyền dạy, Đại Võ Sư Đinh Văn Nhung, người Bắc Hà. Ông là võ tướng của vua Lê. Đại Võ Sư bất mãn trước cảnh chuyên quyền của Chúa Trịnh nên trao ấn từ quan, vào Nam sống ẩn danh, xa lánh thế sự. Đại Võ Sư vào định cư tại làng An Vinh thuộc xã Bình An, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Tại

miền đất mới này, Đại Võ Sư truyền dạy võ thuật gồm đủ 18 ban võ nghệ, đặc biệt là 4 ban, đó là *Quyền, Côn, Cung, Kiếm*. Môn sinh của Đại Võ Sư rất nhiều, họ là những dân làng ở địa phương, dần dần tiếng vang lan rộng ra khắp nơi, vì vậy học trò của Đại Võ Sư từ những miền đất xa đến xin thụ giáo. Họ từ đất Thuận Hoá cho đến vùng biên trấn miền Nam. Người đệ tử xuất sắc nhất của Đại Võ Sư là vị anh hùng Nguyễn Huệ, làu thông võ nghệ và binh pháp. Ngày Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa, Nguyễn Huệ nhận lãnh chức Tướng Soái điều khiển ba quân khi tuổi mới đôi mươi. Cả kim cổ, đông, tây chưa có vị anh hùng nào trăm trận trăm thắng như Nguyễn Huệ:

"...Tướng anh hùng lấy kiếm vẽ giang sơn.

Dựng nghiệp lớn từ chân không, áo vải..."

(Trích *"Trường Tôi"* của người viết).

Đám tướng lãnh, quân binh thiện chiến của Nguyễn Huệ phần lớn xuất phát các lò Võ Bình Định, đặc biệt là Võ Tây Sơn Sau khi nhà Tây Sơn bị tiêu diệt, Nguyễn Ánh đã trả thù hèn hạ những người của tiên triều, Võ Bình Định bị cấm đoán. Vì vậy Võ Bình Định đã làm kẻ "ẩn sĩ" cả trăm năm, không được quảng bá rộng rãi trong dân chúng như trước. Võ Bình Định chỉ được truyền dạy kín đáo trong phạm vi gia đình, hay bà con, bạn bè thân thích. Bước sang thế kỷ XX, Võ Bình Định mới được khởi động lại với lớp võ sư lừng danh trong thiên hạ như Đại Võ Sư Cai Bảy, Đoàn Phong, Hương Kiểm Mỹ, Hồ Ngạnh, ... (xếp theo tuổi tác, nhưng nếu xếp theo thứ bậc thì ai cũng phải công nhận người thanh niên khoản 20 tuổi đã thủ đài trước các quan văn võ tại triều đình Huế, đó là Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ, được xếp hạng đầu).

Người học Võ Bình Định, trước tiên phải rèn luyện

thể lực. Võ phải *"Dũng"*. Dũng là sức mạnh của cơ bắp, qua đòn đấm, đá của chân tay, hay sự tổng hợp sức mạnh qua đòn thế của toàn thân. Cái *Dũng* còn là sức mạnh của nội tâm, sức mạnh của trí lực. Muốn đạt được cái Dũng, võ sinh phải luyện tập kiên trì từ năm này qua năm nọ. Môn sinh của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ phải chạy qua lại trên bãi cát sông Côn, bơi lội qua dòng nước sông này vào mùa nước xuống. Võ sinh phải đứng trụ chân ngựa thấp, mím môi chịu đựng thời gian tàn cây nhang. Muốn tay chân cứng rắn ư? Phải đánh vào bao cát, đánh vào tường xi măng. Tay phải cứng như đá, chân phải mạnh, vai phải nâng được người lên cao để ném xa. Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đánh lún hết cả cùi tay vào nền đất cứng, mỗi cú đánh của Đại Võ Sư làm gãy một cây chuối. Vì vậy khi mới tuổi 18, 20, Đại Võ Sư nhận lãnh trách nhiệm của đoàn Bình Định so tài với một con "bò mộng" đàng ngoài, đã từng vô địch nhiều năm trước tại triều đình Huế. Đại Võ Sư đã giành được chiến thắng, đem lại danh dự cho làng võ Tây Sơn Bình Định.

Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đã luyện tập thâu đêm, suốt sáng, từ năm này sang năm nọ, từ tuổi thiếu niên cho đến trọn cả cuộc đời. Khi đã 70, 80 tuổi, Đại Võ Sư còn đủ sức múa một bài côn với cây xà beng nặng, hay đi một đường kiếm đủ sức thu hồn người xem. Trong chiến đấu, sức mạnh sung mãn làm ta tự tin trong mọi cuộc so tài, thử sức. Khi Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đến Vĩnh Thạnh xin Đại Võ Sư người Hoa tên là Beo "chỉ giáo", đó là hình thức thách đấu trong võ nghệ. Đại Võ Sư người Hoa này ở tuổi trung niên, từng thọ giáo tại Thiếu Lâm Tự, tất nhiên ông làu thông võ nghệ, trong khi Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ lúc ấy mới chỉ mười tám, đôi mươi. Đại Võ Sư Beo chưa từng gặp ai dám "to gan sờ dái ngựa" như người thanh niên này. Đại Võ Sư Beo chấp nhận "chỉ giáo", nhưng phải

thử sức cậu thanh niên này trước khi so quyền. Ông cột con ngựa giữa lối đi vào nhà, người thanh niên đi sau con ngựa. Đại Võ Sư xuống ngựa và ung dung vào nhà để mặc cậu thanh niên ở đằng sau con ngựa. Khi cậu thanh niên lách mình qua con ngựa để vào trong, con ngựa vung chân sau đá mạnh như trời giáng, người thanh niên hai tay bẻ gãy chân ngựa, vai nâng con ngựa ném lên hàng rào. Sức mạnh của các Đại Võ Sư đã đi vào huyền thoại: Đại Võ Sư Cai Bảy đánh gãy sừng trâu, Đại Võ Sư Đoàn Phong một tay nâng lư đồng nặng đi quanh sân tập, Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đánh đòn mông làm xê dịch cây cột hạng nhất nhà cậu tôi (cha Đinh Tuấn) một khoảng 4 cm (đòn đánh này anh Phan Thọ kịp thời tránh né trong lúc bác dạy anh các đòn thế để đánh bại võ sư Đại Hàn).

Khi mới gia nhập vào môn phái, các võ sinh phải tập bài *Ngũ Hành*, đó là 5 thế võ căn bản hình thành võ thuật, cũng như sự hình thành của vũ trụ: *Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.* Lúc đầu, võ sinh chỉ tập 5, 10 động tác cho mỗi thế võ. Ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm, các động tác này tăng lên đến 50, 100, 200, 300, 400, 500, ... lần cho mỗi thế võ. Khi ra đòn, âm thanh của tay chân phát ra như gió thoảng, đòn thu vào nhẹ nhàng như mây bay, động tác nhanh nhẹn như sấm chớp. Người Bình Định, từ những xóm làng ở nông thôn sống bằng nghề nông nên sức lực có thừa, rất hợp với môn võ này, môn võ cần đến sức mạnh, sự dẻo dai và bền bĩ.

Bên cạnh cái *Dũng* của thể lực và ý chí, Võ Bình Định cần cái *"Trí"*. Đó là sự phán đoán, ứng xử kịp thời trước mọi tình huống trên sàn đấu. Phải ra đòn làm sao cho đúng lúc, không sai sót, không để một kẽ hở khiến đối thủ có thể lợi dụng được. Võ Bình Định là phương pháp chiến đấu hữu hiệu. Phương pháp chiến

đấu ấy là *"Võ Lý"*. *Võ Lý* của Võ Bình Định, đặc biệt là môn phái *Võ Động* của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ vô cùng phong phú, đáp ứng mọi tình huống chiến đấu trước mọi đối thủ, vô hiệu hoá mọi cuộc tấn công. Điều đơn giản nhất của môn phái *Võ Động* là lấy tấn công để phòng thủ, lấy phòng thủ để tấn công, công thủ phải liên hoàn trong một tổng thể chiến đấu. Chính vì đạt được *Võ Lý* uyên thâm đó, Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đã năm lần, mười lượt chiến thắng các đối thủ nặng ký Tây, Tàu, Nhật, Miên, Lào, Đại Hàn. Cũng nhờ *Võ Lý* uyên thâm đó, Võ Sư Phan Thọ, môn đệ của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ đã chiến thắng các võ sư đệ ngũ đẳng huyền đai Đại Hàn 70-80 ký, trong khi anh Phan Thọ chỉ cân nặng trên dưới 50 ký. Võ sĩ Đỗ Hượt (vai em của tôi) cũng chiến thắng các võ sư Đại Hàn trong những hoàn cảnh thập tử nhất sinh.

Phân tích các thế võ của võ thuật Bình Định, người viết chỉ lượt qua vài khái niệm căn bản của võ lý, một hình thức "cỡi ngựa xem hoa":

Đòn tấn công và phòng thủ phải đủ mạnh để vượt trội sức chịu đựng của đối thủ.

Võ Lý phải thông. Cuộc tấn công nào cũng phải có sự chuẩn bị thật chu đáo, dù là chỉ trong giây lát. Hãy xác định mục tiêu tấn công tùy thuộc vào từng đối thủ. Hãy đưa đối thủ vào thế bị động, tự mãn và sơ hở trong phòng vệ. Hãy ra đòn tấn công đúng lúc, khi đối thủ ở vào điểm tĩnh hay khi lực tấn công của đối thủ rơi vào điểm 0.

Trong cuộc tấn công, hay phòng thủ, mọi động tác phải phối hợp liên hoàn giữa tay, chân, ... Đây là thế võ tấn công anh Phan Thọ đã chiến thắng các võ sư Đại Hàn trước và sau năm 1975. Chân ngựa phải nhanh nhẹn và linh hoạt để làm thay đổi mục tiêu của đối thủ và vô hiệu hóa đòn tấn của đối thủ. Ở môn phái *Võ*

Động, chân ngựa lướt trên sàn đài như những bánh xe lăn trong suốt trận đấu làm hoang mang đối thủ. Phản công từ phòng thủ và ngược lại. Nếu Lý Tiểu Long có *Tiệt Quyền Đạo* thì Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ có *Võ Động,* những thế võ nhằm vô hiệu hoá các đòn thế của đối thủ.

Võ Bình Định không phân tâm khi chiến đấu. Ngay từ những ngày đầu luyện tập, võ sinh phải thật cẩn trọng, không khinh thường đối thủ, không chủ quan, không sơ suất trong phòng thủ và tấn công, ngay cả khi luyện tập và giao đấu với các võ sinh đồng môn.

Võ Bình Định lấy sở trường chống sở đoản. Để có sở trường đó, quá trình luyện tập phải thật công phu. Một đòn sở trường phải được luyện tập nhiều năm mới tinh luyện. Thường một võ sư có một vài đòn tinh luyện. Hãy thăm dò để biết sở trường, sở đoản của đối thủ, sau đó mới ra đòn quyết định. Thường hãy để cho đối thủ tấn công trước. Kẻ tấn công bao giờ cũng có ít nhiều sơ hở, và hãy tấn công vào chỗ sơ hở đó bằng những đòn tổng lực. Những đòn như thế bao giờ cũng đem lại chiến thắng. Đòn *Tam Tinh* của Đại Võ Sư Đoàn Phong được tiếp theo bằng những đòn chân mạnh đến độ sập tường. Đòn *Mộc* của Đại Võ Sư Cai Bảy được tiếp theo bằng đòn vai với chân ngựa tiến. Đòn *Mộc* của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ được tiếp theo bằng đòn *Hỏa* với chân ngựa ngang,. Chính nhờ học được những đòn thế thâm sâu như vậy từ Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ, võ sư Phan Thọ đã chiến thắng võ sư Đại Hàn.

Võ Bình Định rất khó, bởi nó có nhiều đòn rất phức tạp. Nó phức tạp đến độ một võ sinh phải bỏ ra hàng chục năm mới có được phản xạ tự nhiên. Võ Bình Định có nhiều hư đòn nhằm thực hiện những đòn tấn công thực sự. Trong võ thuật những hư đòn như thế gọi là

đòn lận: *quyền lận, roi lận, kiếm lận.*

Võ Bình Định tiếp cận đối thủ bằng những đòn ngắn tổng lực lợi hại. Dù tiếp cận đối thủ ở cự ly nào, Võ Bình Định vẫn giữ chân bám chặt sàn đài để lấy thế tấn công.

Võ Bình Định có chân lý thâm sâu: *"Roi tiên, Quyền tiếp",* có người lại nói *"Roi liên, Quyền tiếp",* cả hai đều đúng. Roi tiên: đánh roi phải phát chiêu trước để lấy lợi thế. Kẻ tấn công bằng đường roi bao giờ cũng đều giữ thế áp đảo trước người giữ thế thủ; Roi liên: đường roi phải liên tiếp, không bao giờ ngừng nghỉ trong suốt trận đấu. *Quyền tiếp*: đường quyền phải tiếp nối liên hồi, đưa đối thủ vào thế bị động, thất thủ.

Võ Bình Định có những địa danh nổi tiếng, với những Đại Võ Sư lừng danh: *"Roi Thuận Truyền, Quyền An Vinh": Roi Thuận Truyền* với Đai Võ Sư Hồ Ngạnh, và *Quyền An Vinh* với Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ. Trong môn phái *Võ Động*, tương truyền rằng Đại Võ Sư Đinh Văn Nhung, chẳng những là Tổ sư của môn phái này tại An Vinh mà còn là Tổ sư của đường roi Thuận Truyền.

Võ Bình Định chỉ được truyền dạy cho môn sinh biết trọng nghĩa, khinh tài, có đạo đức, có tinh thần bất khuất, hào hiệp, biết cứu giúp người yếu thế, kẻ khốn cùng. Với tinh thần thượng võ ấy, tấm lòng hào hiệp ấy, đạo đức trong sáng ấy, môn đệ của Đại Võ Sư Đinh Văn Nhung, Anh hùng Nguyễn Huệ-Đại Đế Quang Trung, người đã tha tội chết cho tướng tài Gia Long, thay vì trả thù hèn hạ như Nguyễn Ánh về sau này. Các Võ Sư Bình Định, thảy đều tôn trọng đạo lý của tổ tiên. Tuy cuộc sống vật chất có thiếu thốn, chật hẹp, nhưng tấm lòng rộng mở bao la.

Võ Bình Định còn có môn *Võ Y* độc đáo mà nhiều

môn phái khác không có. Những tổn thương trong luyện tập, trong giao đấu đều được cứu chữa kịp thời. Các võ sư thường có những bài thuốc gia truyền để chữa trị môn sinh hay dân chúng mỗi khi họ có nhu cầu. Những đòn đánh bầm da, nát thịt, gãy xương có thể được chữa trị bằng *Võ Y*. Những bài thuốc gia truyền của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ nổi tiếng khắp Nam, Bắc.

Võ Bình Định là phái võ gia truyền từ xưa đến nay. Võ sư thương ai là truyền cho người ấy. Trường lớp chỉ dạy những bài căn bản chung chung của võ thuật, không phân tích sâu về Võ Lý, vì vậy những đòn thế thâm sâu, bí truyền không được phổ biến sâu rộng. Tuy vậy, các võ sinh ở trường lớp ít nhất cũng học được môn võ thể dục.

Có người bi quan cho rằng Võ Bình Định có nguy cơ mai một. Điều đó có thể đúng, cũng có thể sai:

Võ Bình Định không thể mai một được bởi lẽ người Bình Định vẫn còn đam mê nó, trân trọng nó và coi nó như một báu vật do cha ông truyền lại cho con cháu. Võ Bình Định là sợi dây kết nối giữa mọi người với nhau trong tình ruột thịt gia đình, dòng họ, cộng đồng hay quốc gia. Ngày nay, lớp trẻ luyện tập võ thuật, chúng có kiến thức, có óc sáng tạo nên có lợi thế hơn để phát triển ngành nghệ thuật này.

Võ Bình Định có thể mai một bởi lẽ nó là một nghệ thuật chiến đấu bí truyền. Ngày nay khó tìm ra ai là người học được trọn vẹn đòn *Tam Tinh* của Đại Võ Sư Đoàn Phong khi người con của Đại Võ Sư đã qua đời. Đòn Kim của Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ cũng khó tìm ra nguyên lý khi đám con, cháu của Đại Võ Sư cũng đều đã qua đời... Tôi từng đề nghị các võ sư Bình Định hiện nay xin chính quyền mở trường võ với qui mô lớn tại tỉnh nhà. Trường võ được tổ chức có khoa học với

các võ sư kinh nghiệm, lòng đầy nhiệt huyết giảng dạy, nhưng tới nay vẫn chưa tới đâu. Con đường hiện đại hoá Võ Bình Định còn nhiều gian nan, thử thách.

Lớp Võ Sư làu thông 18 ban võ nghệ chỉ còn duy nhất một người cho cả nước, nay đã 88 tuổi, đó là Võ sư Phan Thọ. Nhiều võ sư khác đã qui tiên: Đại Võ Sư Hương Kiểm Mỹ, Võ Sư Năm Lòng, Võ Sư Hà Trọng Sơn, ... Vốn quý sẽ không còn tồn tại bao lâu nữa. Ước mong sao những ai có tâm huyết, mỗi người một bàn tay, một khối óc, một trái tim, cùng nhau vun xới cho nghệ thuật chiến đấu này của Bình Định không ngừng phát triển để khỏi hổ thẹn với tiền nhân, những người đã vang bóng một thời.

Los Angeles ngày 25/10/2013

Nguyễn Ngọc An

Nửa hồn quê xa

Tháng Tư nắng Hạ vàng rưng mắt
Loáng ánh trăng liềm thấm lạnh môi
Nghe ấm đất người lòng quặn thắt
Hồn quê rạn vỡ mảnh trời đôi !

Phủ manh áo nửa đời lưu lạc
Dỗ giấc cô miên, nửa mộng sầu
Quê cũ vàng tay trời lửa Hạ
Gương mòn soi tóc đợi mùa ngâu

Đất Mẹ mùa nầy trời khô hạn
Nứt nẻ tình người khát tự do
Cây cỏ rụi mầm, chim bỏ cội
Con rời vú Mẹ chửa lần no

Đêm đêm ai vỗ bồn ngâm vịnh
Nào phải Trang Chu chốn ngục tù
Tin vợ lìa trần lay động cửa
Gọi vầng trăng vỡ khóc ma tru !

Người điên quên cả trời ly hận
Xé áo tung hô chạy băng đồng
Chân ngủ trong cùm, hồn ớn lạnh
Nhổ nghìn tóc rối hỏi cao xanh

Máu rựng da đầu. Tim đá tạc
Cười trên vành mắt hố quầng sâu
Nghêu ngao bài hát hồn ngơ ngác
Nửa chén lưng cơm cũng nhiệm màu !

Tháng Tư em khóc bên gành đá
Đợi chị vay từng bữa gạo thưng
Cháo lỏng mỗi ngày thay sữa Mẹ
Chị làm Từ Mẫu sớm còng lưng !

Vu Lan tháng Bảy dậy cô hồn
Ngập nỗi oan cừu thủy mộ chôn
Hương khói đàn tràng mờ biển động
Mã vàng thay lá đổ trường sơn !

Đêm Đông đắp nửa phần chăn lạnh
Nửa phía quê nhà, nửa quạnh xa
Em vẫn chờ người bên nửa mảnh
Chăn mòn . Sao mãi lạnh tình ta !?

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Phóng sự bằng hình
các sinh hoạt của hội trong năm qua

TIỆC XUÂN QUÝ TỴ 2013

Múa lân mừng Xuân

Quí Chị Trong Hội Tây Sơn trình bày hợp ca

Quí Chị Trong Hội Tây Sơn trình bày hợp ca

Quí Chị Trong Hội Tây Sơn trình bày hợp ca

Nghệ sĩ bộ môn Hát bội cổ truyền Bình Định trình bày trích đoạn Nguyễn Trải biệt Phi Khanh rất xuất sắc.

Ông Hội Trưởng Phan Thanh Hùng trao tặng bằng tưởng lệ cảm ơn nghệ sĩ Võ Sơn.

Cựu Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình cùng ông Thị Trưởng thành phố Milpitas Jose Esteves chúc tết đồng hương Bình Định.

Nghệ sĩ Việt Ngữ đệm keyboard

Các chị Đỗ Ngọc, Để trình bày vũ khúc muá nón trong bài Đón Xuân

Chụp hình lưu niệm với các quan khách aí mộ

Các chị Cúc, Ngữ, Để

Hình ảnh sinh hoạt của Ban Chấp Hành

Ban chấp hành họp định kỳ

Từ trái qua phải, hàng ngồi: Ô. Nguyễn Mai, Ô. Nguyễn Diêu, Ô. Trương Toại, Ô. Phan Minh Lượng, Ô. Nguyễn Mỹ, Ô. Đào Đức Chương, Ô. Đặng Đức Thông, Bà Nguyễn Mỹ, Bà Trương Toại

Từ trái qua phải, hàng đứng: Ô. Đường Anh Đồng, Ô. Nguyễn Bình, Ô. Nguyễn Cẩm Mậu, Ô. Đặng Đức Bích, Ô. Nguyễn Bá Thư, Ô. Trương Thế Phiệt, Ô. Quách Tứ, Bà Đào Đức Chương

Từ trái qua phải: Ô. Trương Toại, Ô. Đặng Đức Bích, Ô. Đào Đức Chương, Ô. Tony Dinh, Ô. Quách Tứ, Ô. Phan Thanh Hùng, Ô. Nguyễn Bá Thư

BẢN TRÍCH YẾU ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Nội dung và tinh thần của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California ban hành ngày 01/08/2003 vẫn được triệt để tôn trọng và chưa có điều nào được thay đổi. Tuy nhiên vì khuôn khổ của tờ Đặc San Xuân chúng tôi xin phép trích ra một số điều lệ chính yếu trong bản Điều lệ thành lập Hội để xác định lập trường và tôn chỉ của Ban Báo Chí. Qúi vị có thể tham khảo bản chính được in trong các Đặc San Xuân của Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California 2011 và 2012.

CHƯƠNG I - TỔNG QUÁT

Điều 1 -Mục đích:

Đề cao và thắt chặt tình đoàn kết, tương thân tương trợ giữa đồng hương Bình Định hiện đang sống tại vùng Bắc Cali, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, tuổi tác.

Điều 2 - Tôn Chỉ:

Hoạt động của Hội nhằm phát huy tình đồng hương, ái hữu trong cộng đồng người Việt tỵ nạn Cộng Sản tại hải ngoại.Hội đồng hương Tây Sơn Bình Định Bắc California là một Hội đoàn bất vụ lợi, có lập trường quốc gia vững chắc, tham gia với các Hội đoàn bạn có chung lập trường, không chấp nhận cộng sản dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 3 - Danh xưng:

Danh xưng của Hội là:

HỘI TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

(Trích từ Chương 1 của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Ban Hành Ngày 01/08/2003)

CHƯƠNG IX - TU CHÍNH

Điều 1 - Nhất thiết không được Tu chính điều 1 và điều 2 của Chương I. mỗi điều, khoản khác của bản điều lệ này có thể được tu chính theo đề nghị của ít nhất 15 Hội viên chính thức hoặc ba phần tư thành viên Ban Chấp Hành.

(Trích từ Chương IX của Bản Điều Lệ Thành Lập Hội Ban Hành Ngày 01/08/2003)

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ
ĐẶC SAN TÂY SƠN BÌNH ĐỊNH XUÂN GIÁP NGỌ 2014

Danh Sách Ân Nhân:

Ban Biên Tập Đặc San Bình Định chân thành cảm tạ Quí Ân nhân đã ủng hộ tài chánh cho Đặc San. Sự ủng hộ của Quí vị đã giúp chúng tôi một phần trong việc trang trải chi phí ấn loát. Đó là một khích lệ lớn cho Ban Biên Tập chúng tôi làm tròn nhiệm vụ phục vụ Đồng hương và Thân hữu.

Ban Biên Tập

1:_ Ô/B Đào Đức Chương (San Jose) $50.00
2:_ Ô/B Quách Tứ (Stockton) $50.00
3:_ Ô/B Nguyễn Mai (San Jose) $50.00
4:_ Ô/B Nguyễn Bình (San Jose) $50.00
5:_ Ô/B Diệp Thanh Sang (Texas) $100.00
6:_ Ô/B Ngyễn Mỹ, Diệu Hiền, Diệu Hậu (San Jose) $200.00
7:_ Ô/B Nguyễn Bá Thư (San Jose) $50.00
8:_ Ô/B Bùi Đắc Bảo (Tacoma, Wa) $50.00
9:_ Ô/B Trương Thế Phiệt (San Jose) $100.00
10:_ Ô/B Phan Thanh Hùng (San Jose) $100.00
11:_ Ô/B Đỗ Thái Hùng (Oklamaha) $100.00
12:_ BS Linda Phan (San Jose) $100.00
13:_ Ô/B Nguyễn Cẩm Mậu (Union City) $100.00
14:_ Ô/B Đặng Đức Thông (San Jose) $50.00
15:_ Ô/B Đặng Đức Bích (San Jose) $50.00
16:_ Bà Nguyễn Thị Để (San Jose) $50.00
17:_ Ô/B Đỗ Hùng (Hayward, Ca) $100.00
18:_ Ô/B Lý Loan (Minoseta) $50.00
19:_ Ô/B Hà Khôi (Texas) $50.00
20:_ Ô Đặng Hiếu Kính (Virginia) $120.00
21:_ Bs Jeanette Trương (Santa Clara, Ca) $100.00
22:_ Thien Tu Trương (Colorado) $100.00
23:_ Ô. Trương văn Quý (Tacoma,Wa) $50.00
24:_ Bà QP Hứa Tự Cư (Nam Cali) $50.00
25:_ Ô/B Cao Văn Phổ (San Jose) $50.00
26:_ Ô/B Nguyễn Thế Hiệp (Riverbank, Ca) $50.00
27:_ Ô Nguyễn Diêu (San Jose) $50.00
28:_ Ô/B Hoàng & Nghê (San Jose) $50.00
29:_ Ô/B Tạ Chí Hùng (San Pablo, Ca) $50.00
30:_ Một ân nhân ẩn danh (San Jose) $50.00
31:_ Ô/B Trương Gia Thông (Santa Clara, Ca) $100.00

Tổng cộng: $2,270.00

Nổi lửa lên

HÀ THÚC HÙNG

Hỡi cháu con Lạc Hồng xứ Việt !
Có nghe chăng đất nước lâm nguy ?
Bọn cộng Tàu lăm le cướp nước
Mẹ Việt Nam lệ ngập tràn mi
Bọn cộng nô tội đồ dân tộc
Quyết phen nầy bán nước cầu vinh
Lũ Việt gian đê hèn phản bội
Giống nòi chín mươi triệu sinh linh
Chúng ôm chân kẻ thù phương bắc
Từ muôn đời nuôi mộng xâm lăng
Chúng sợ nhất là ngày mất đảng
Sợ nhân dân hạch tội tham tàn.
Chúng tham ô hối lộ đầy túi
Hút máu dân lành tận tủy xương
Tội ác cộng thù chồng chất mãi
Làm cho đất nước lắm đau thương

Thẳng tay đàn áp người yêu nước
Đấu tranh cho dân chủ nhân quyền
Cho vẹn toàn giang sơn gấm vóc
Cho tiền đồ Tổ Quốc thiêng liêng
Hãy đứng lên hàng triệu cánh tay !
Lửa căm hờn sôi sục hôm nay
Thác Bản Giốc ,Nam Quan đã mất
Hoàng ,Trường Sa giặc chiếm bao ngày.
Mau đứng lên con dân nước VIỆT
Nổi lửa lên ta đốt ngụy quyền
Quét sạch bọn tham tàn cộng phỉ
Bảo toàn mảnh đất VIỆT thiêng liêng
Sơn hà nguy biến khắp nơi nơi
Đất nước thân yêu sắp mất rồi
Gấp đi thôi, xuống đường tranh đấu
Kẻo bức dư đồ rách tả tơi .
Giành lấy quê hương ta quyết giữ
Vẹn toàn bờ cõi của cha ông
Ngăn mộng xâm lăng từ Hán tộc
Việt Nam đất nước của Tiên Rồng
Mau mau thức dậy cứu quê hương
Nổi lửa lên cùng khắp bốn phương
Đứng lên đốt rụi quân cầm thú
Cộng sản tham tàn bọn quỷ vương

Hà thúc Hùng
Virginia, tháng 9/2013

Đầu Xuân kể chuyện quê hương

PHÚ XUÂN

Khi ở bậc tiểu học, những ai đã đọc và học bài "Mưa dầm vui cho ai, buồn cho ai" trong sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư, mới thấm thía cái cảnh mưa dầm gió bấc ở miền Trung.

Quê tôi ở một quận thuộc tỉnh Bình Định, nằm trong một thung lũng, có quốc lộ 19 chạy ngang qua và con sông Côn chảy quanh co dọc theo làng như một con rắn.

Hàng năm, sau khi gặt hái mùa tháng tám xong là lúc bắt đầu mưa gió, lụt lội, đường sá bùn lầy và thời tiết lạnh lẽo. Trong những tháng mưa, thế nào cũng có vài trận lụt, vì thế mà dân làng mới có câu "ông không tha bà không tha trận lụt hai mươi ba tháng mười".

Đối với tôi, vì tuổi còn nhỏ chưa biết lo, nên chỉ biết vui chơi trong những tháng mưa nầy. Mưa lụt mới có dịp thả sõng chèo đi rong chơi với các anh em bà con trong họ. Những tháng mưa gió, bà má tôi thường hay đúc món bánh xèo để mời bà con đến ăn. Bánh xèo mà bà má tôi đúc nó rất đơn giản. Tôi thấy bà dùng đũa kẹp một miếng thịt heo mỡ bằng một ngón tay thoa đều trên khuông nóng bánh xèo, hoặc nếu dùng dầu đậu phụng thì bà dùng tay chuối chấm dầu

thoa vào khuông, rồi bỏ vào đó món thịt gà bầm nhỏ cả xương lẫn thịt cộng thêm gia vị vừa ăn, trộn với giá sống (loại giá trúc) và sau chót đổ bột bánh vào và đậy nắp vung lại. Khi bánh chín, bánh được vớt ra và sắp từng lớp trên một cái rổ có lót lá chuối. Đôi khi bà đúc bánh xèo với món tôm đồng. Không biết vì không khí trong sạch hay vì món ăn thơm ngon mà cái mùi bánh xèo nó bay thật xa, có thể nói là thơm cả xóm, khi mũi đánh hơi thơm là nước miếng cứ chảy ròng. Món bánh xèo đã ngon nhưng tôi còn nhớ một món ngon khác nữa là món "Xôi chim nhát". Chim nhát là loại chim lớn bằng cườm tay, chân dài và sống ngoài đồng ruộng. Ban ngày chúng tìm thức ăn trên các luống cày, tối lại chúng cũng ngủ nơi đó hoặc trên các bờ ruộng. Vì mưa lạnh, lúc ngủ, loại chim nầy thường hay rúc đầu trong cánh để tránh mưa và lạnh. Khi bắt chim nhát người ta dùng một cái lưới tròn, đường kính khoảng một thước tây làm bằng dây gai cột dính vào một cái sào bằng cây trúc. Tôi còn nhớ trong làng tôi có một người chuyên đi rập những con chim nầy để bán. Ông ta dùng đèn khối để soi chim.

Nói đến món xôi chim nhát, ôi thôi, chưa ăn mà nước miếng nó đã chảy ròng ròng. Trước hết, chim nhát được nhổ lông và thui sơ cho sạch hết những lông non còn sót lại. Bầm nhỏ cả thịt lẫn xương. Xào chín với các món gia vị như hành, tiêu, ớt, tỏi, nêm nếm cho vừa ăn. Xôi được hấp bằng một cái chõ để khi xôi chín được rời chứ không nhão như cách nấu bằng nồi. Khi xôi trong chõ đã chín, lấy thịt xào trộn vào. Lúc đó mùi xôi nếp cộng với mùi thịt xào tạo thành mùi thơm bay tận cả đầu xóm đến cuối xóm.

Ngoài món ăn đặc sản xôi chim nhát, quê tôi còn có món chim mía chiên dòn cũng rất độc đáo. Quý vị nào có dịp đến quận Bình Khê, Bình Định (quận Tây

Sơn bây giờ) nhớ ghé Phú Phong để thưởng thức món chim mía chiên dòn này. Chim mía sống trong các ruộng mía và Bình Khê là thổ sản mía.

Món chim mía chiên dòn được bán trong các quán bên đường tại quận lỵ cho khách ngược xuôi trên quốc lộ 19 trong lúc xe ngừng để đổ xăng và để tài xế nghỉ xả hơi. Vì còn nhỏ, tôi chưa có dịp đi "kéo ghế" nơi các quán nầy cho đến lúc lớn lên mới thưởng thức được món chim mía chiên dòn nhân dịp chuyến đi tháp tùng phái đoàn truyền hình Tây Đức thăm ấp chiến lược cùng ông tỉnh trưởng tỉnh nhà được ông quận trưởng địa phương mời dùng cơm trưa trong đó có món chim mía.

Trong những ngày có món ăn đặc biệt, gia đình tôi thường mời người em của ông nội tôi mà tôi gọi bằng ông đến ăn. Ông nội tôi mất sớm khi thân sinh của tôi còn nhỏ. Dịp nầy, sau khi ăn uống xong, ông thường hay kể những chuyện cũ của đời ông cho tôi nghe. Thời của ông học chữ Hán là chính, còn học tiếng Pháp là phụ. Ông từng tham gia phong trào kháng Pháp với lãnh tụ Mai Xuân Thưởng (1). Khi chưa tham gia phong trào, một hôm ông thấy mấy ông Tây kiểm lâm bắt gặp một số dân làng đi chặt củi về bán cho mấy lò làm gạch để nung gạch. Khi thấy Tây kiểm lâm, những người chặt củi bỏ gánh chạy trốn, Tây kiểm lâm lấy rựa chặt củi của họ và lấy hai cái rựa chặt vào nhau để rựa bị mẻ nay mai họ sẽ không còn rựa để chặt củi nữa. Một hôm, ông tôi theo chơi với một người chăn vịt, gặp một ông Tây kiểm lâm cưỡi ngựa đi tuần, ông xổ câu tiếng Pháp "Où allez vous?" (Ông đi đâu đó ?) Ông Tây gặp người nói tiếng Tây khoái quá nên đứng lại nói chuyện với ông. Hai bên nói chuyện và đến lúc ông tôi có bao nhiêu chữ nghĩa xổ hết. Bí quá! ông nói "Allez! cochon" (Cút đi! đồ con heo). Sẵn roi cưỡi ngựa,

ông Tây kiểm lâm phết cho ông tôi mấy phát. Ông tôi có sẵn cây sào chăn vịt thọt cho ông Tây một thọt rồi bỏ chạy. Nhờ chạy chân không nên ông chạy được trên các bờ ruộng. Còn ông Tây thì chạy không kịp vì ruộng sình lầy ngựa chạy không được. Vừa chạy đến đầu làng, ông tôi thấy một ông tá điền đứng cong lưng, hai tay chống nơi hai đầu gối, ông tôi nhảy phóc lên lưng và được ông tá điền cõng về nhà trốn dưới gầm vựa lúa. Ông Tây vào đình làng và đánh mõ, xã trưởng trong làng đến nhưng không ai biết tiếng Tây. Ông xã trưởng cho người đến mời ông tôi đến thông dịch, nhưng người nhà nói ông tôi đi vắng không có ở nhà. Sau khi ông Tây đi rồi, xã trưởng đến gặp ông tôi và trách rằng trong làng chỉ có cậu biết tiếng Tây mà cậu không chịu giúp khi Tây về làng. Ông tôi chỉ cười khúc khích không trả lời. Sau đó, có người điềm chỉ nên Tây bắt ông tra khảo, ông vẫn chối không nhận tội. Tây đã dùng kềm đốt nóng rồi kẹp vào bắp đùi ông nhưng ông vẫn cắn răng chịu trận. Ông có cho tôi xem những vết thẹo to tổ bố trên đùi ông. Tôi hỏi ông sao ông dám đụng đến bọn Tây. Ông nói rằng mấy thằng Tây quan thuế và Tây kiểm lâm chuyên mang dùi cui, cưỡi ngựa đi hù dọa dân lành trong làng chứ chúng đâu có súng ống gì đâu mà phải sợ chúng.

Chuyện quê hương còn nữa và xin hẹn kể tiếp vào kỳ đặc san năm tới.

Phú Xuân

Xuân 2014

Theo Wikipedia: Mai Xuân Thưởng là sĩ phu và lãnh tụ phong trào kháng Pháp (1860-1887).

Lạc Lối Tình Xuân

Bây giờ giữa tháng Chạp
Với nguyên nỗi buồn tôi
Phương trời xa cùng tận
Tình vương vấn bên đời
*

Biển - Mình tôi chới với
Lặng lẽ cõi hồng trần
Đời như vướng gai nhọn
Lạc rồi lối Tình Xuân
*

Nắng buồn giữa tháng Chạp
Đông se lạnh giáp năm
Tình đen giờ nhật thực
Nhuộm tối thời thanh xuân
*

Tìm trong đêm cô tịch
Hư ảo những canh dài
Thẫn thờ theo ngày tháng
Cõi buồn dấu tình phai.
*

Nỗi buồn nào da diết
Ảnh hình trong giấc mơ
Đã vạn lần in dấu
Sắt se lòng ngu ngơ.
*

Dấu tình trong đôi mắt
Giấc đêm nào ngủ yên
Buồn gieo neo chất ngất
Buồn ơi!... Đừng qua Giêng!

Phạm Thị Minh-Hưng

Tình ca Xuân

Nàng băng tuyết lạnh lùng qua nẻo khác,
Nắng chan hòa ấm áp đợi Xuân sang,
Gió nhẹ hôn cành lá biếc mơn man,
Sương đọng hạt trong ngần, cây nẩy lộc,
Kìa Mai, Cúc rực ánh vàng bên gốc,
Cây Đào già e ấp nụ hồng tươi,
Lan tỏa hương tô sắc thắm cho đời,
Xanh, đỏ, tím cùng đón chào Xuân mới,
Xuân đến đây rồi, Xuân đến nơi nơi,
Mạch sống vơi đầy, hồn Hoa gieo rắc……
Ánh Xuân tươi

Phạm Thị Minh-Hưng

VĂN HÓA CHÍNH TRỊ:
Trận chiến biển đảo

NGUYỄN VIỆT NHO

DẪN NHẬP

Từ năm 2.000 mở đầu thiên niên kỷ mới cho đến nay, tình hình chính trị thế giới diễn biến mỗi lúc mỗi sôi động khó lường.

Sau nạn khủng bố 911 đánh sập Tween Tower ở Mỹ do Hồi Giáo cực đoan gây ra, là thời kỳ mở đầu cho các căng thẳng khắp nơi trên thế giới, bắt đầu ở Trung Đông, Nam Á, Bắc Phi đến biển Đông.

Đến nay các vùng bất ổn do sắc tộc và tôn giáo tuy chưa được giải quyết dứt điểm nhưng ít ra, vào thời điểm nầy, đã thấy được hướng giải quyết: Các cuộc cách mạng hướng đến dân chủ, phế bỏ độc tài đã và đang liên tục xảy ra: như Sadam Hussein đã bị treo cổ, Muamma Gaddafi bị bắt trong ống cống và bị giết. Miến điện từ bỏ Tàu Chệt, dẹp bỏ chế độ độc tài quân phiệt đi dần vào con đường dân chủ. Ấn độ bỏ Tàu mà quay sang Mỹ, rồi Iran, Pakistan mới đây cũng đang muốn đi theo con đường nầy.

Qua cục diện diễn ra ở các vùng nầy ta nhận thấy có mấy điều hay đáng ghi nhận của cái gọi là Smart Power của Tổng Thống Obama:

- Mỹ đã từng bước thành công trong việc cắt các cái vòi bạch tuộc, mà Tàu đã khổ công cấy ở đây trong nhiều thập niên qua, như vậy Mỹ đã không tốn quá nhiều nhân lực, vật lực mà thu được kết quả mong muốn

- Từng bước đặt được nền tảng "dân chúng tự phát" để phế bỏ độc tài dưới nhiều hình thức, để đi vào kiến tạo dân chủ, nhân quyền, nghĩa là đã từng bước mở đường cho những quốc gia trong vùng đi vào "Trật Tự Thế Giới Mới"

- Mỹ đang trên bước đường thành công đặt nền móng dân chủ dẫn vào con đường toàn cầu hóa và tháo gỡ ngòi nổ chiến tranh lớn ở các vùng nầy.

Nhưng cái căn gốc tạo bất ổn thế giới là đảng Đảng Cộng Sản Trung Quốc với chủ trương chuyên chế sắt máu, với hơn một tỉ ba dân mang giòng máu tự coi mình là con trời (Thiên tử), tự cho mình cái quyền "bình thiên hạ", mình là nước trung tâm điểm (Trung Quốc), các nước khác chỉ là phiên dậu, mang di, chư hầu vẫn còn nguyên! Và, chừng nào cái gốc đó còn thì Thế giới vẫn còn nguy hiểm, còn bất ổn!

Thế nên, cái gốc đó phải được bứng đi và như thế, chiến tranh lớn tất phải xảy ra, cần thiết xảy ra để giải quyết dứt khoát một lần cho xong để nhân loại bước vào Toàn Cấu Hóa... **Cuộc chiến đó đang ngày một xích lại gần bởi sự tranh chấp không thể nhân nhượng về biển đảo giữa Tàu và các nước trong vùng**

Trong tình hình gay cấn hiện nay, đứng trước những cái mà các quốc gia liên hệ gọi là *"quyền lợi cốt lõi", "quyền lợi quốc gia", "chủ quyền không thể bàn cãi"* của mỗi bên, liệu chừng **chiến tranh có thể tránh khỏi được không? Có thể tương nhượng, chia phần không? Và, nếu không, chiến tranh sẽ diễn ra ở đâu? Giữa những nước nào ? Ở mức độ nào ?** Và, nhiều câu hỏi như thế nữa, đã được đặt ra và khó có được lời giải đáp thích ứng...

Hôm nay, t**ôi nhìn vào 'Thiên Thư', thấy được cái**

***"thiên thư định phận"* cho mỗi nước trong vùng** *(tuyệt nhiên định phận tại Thiên Thư* _ Lý Thường Kiệt), **giờ muốn đưa ra, để trả lời những câu hỏi trên, để hầu quí vị...**

Cũng muốn thưa trước, lối luận sự nầy giảm phần tư duy, tư kiến và cũng không phải là mới mẻ gì, vì, trong quá khứ cũng đã có nhiều người khác vận dụng nó, như: Nhà phân tâm học người Đức, ông Jung (1) thường dùng Dịch để hỏi những vấn nạn không biết ngỏ cùng ai. Cụ Trạng Trình Nguyễn Bính Khiếm dựa vào Đồ Thư mà viết sấm tiên tri (2), Lý Thường Kiệt dựa vào "Thiên Thư" mà đưa ra lời hịch như một tuyên ngôn độc lập cho Đại Việt (3). Ông Thu Giang Nguyễn Duy Cần thì tin *"Thông Dịch là thông Sự Lý Sự Vật"* (4)

LUẬN SỰ DỰA TRÊN VIỆT LÝ

Việt Dịch là môn Dịch Lý được trình bày không bằng ngôn ngữ mà trình bằng 'triết tự văn hóa' là dấu hiệu Càn (___), Khôn (_ _), hoặc bằng 'chữ số nòng (0) nọc (1)' cùng một số đồ hình để chưng ra Đạo Lý Việt hay Việt Lý như mới đây tôi đã nói đến trong bài 'LUẬN CÔNG TỘI VÕ NGUYÊN GIÁP VÀ ĐẢNG CSVN QUA VIỆT LÝ', giờ xin được thông qua và đi thẳng vào luận sự qua cái "Thiên Thư" là 2 đồ hình Bát Quái Tiên Thiên và Hậu Thiên, như hình dưới:

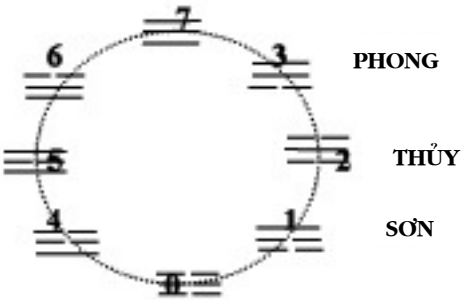

THIÊN THƯ TIÊN THIÊN BÁT QUÁI (TTBQ)

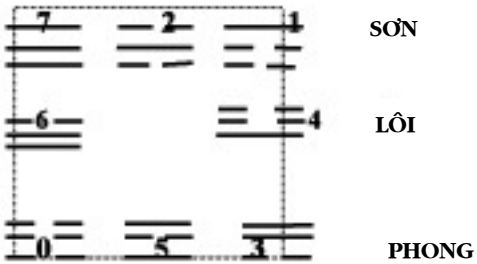

THIÊN THƯ HẬU THIÊN BÁT QUÁI (HTBQ)

II. 1. GIẢI THÍCH ĐỒ HÌNH

1 _ Hai hình Tiên Thiên và Hậu Thiên được vẽ lại trên hai hình vuông tròn mà thứ tự sắp xếp các con lý số vẫn giữ nguyên như cũ: TTBQ hình tròn, HTBQ hình vuông. TT: chỉ ra định tính và định luật; HT: nhằm định hình và định vị cùng ý nghĩa mỗi phương vị của vật chất trong không gian.

2 _ Các con số hệ thập phân từ 1 đến 7 trên hai đồ hình được thêm vào để dễ đối chiếu với các con Lý Số tương ứng, nhằm độc giả dễ nhận ra những điều cần trình bày.

3 _ Khi hai hình đem chồng lên nhau, bởi một vuông, một tròn, nên các con số nằm chính hướng Đông, Tây, Nam, Bắc trùng lập lên nhau hình thành các con Trùng Quái (tức quái số hệ 64 Quái của Kinh Dịch), sẽ cho ra hai con Lý Số chỉ ra Thiên Định (tròn trên vuông, trong bài nầy là con Thủy Lôi Truân) và vuông trên tròn (nhân định, trên bài nầy là Lôi Thủy Giải) cho trường hợp Phi luật Tân).

Còn các hướng ĐB, ĐN, TB, TN chồng thến nào (vuông trên tròn hay tròn trên vuông cũng chỉ cho ra một con Lý số duy nhất bởi các con số trên các góc

trên hình vuông sẽ luôn nằng ngoài, làm ngoại quái.

Cần lưu ý: Mọi số phận, mọi kết quả, tốt xấu, thành công hay thất bại do hai yếu tố đóng góp vào, đó là yếu tố khách quan theo qui luật chi phối bên ngoài gọi là thiên định và yếu tố tự nội, do chính tác nhân ta làm, gọi là nhân định. Cái Nhân định cũng không kém phần quan trọng như Nguyễn Du nói: *"Có Trời mà cũng có ta"* và *"Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều"!*

4 _ Trong bài viết nầy, ta **cần chú ý vào các hướng: ĐB, Đ và ĐN của BQHT**, ứng với các vùng biển thuộc 3 quốc gia có tranh chấp nghiêm trọng với Tàu:

A) **Hướng Đông Bắc là con CẤN** ☶ xác định vị trí Nhật Bản

B) Hướng Đông là con CHẤN: ☳ xác định vị trí Phi Luật Tận

C) Đông Nam là con TỐN ☴ : xác định vị trí Việt Nam.

Giờ ta đem TTBQ chồng lên HT: Việc chồng nầy sẽ hình thành các con Lý Số tương ứng với các phương nầy có các nước Nhật, Phi, Việt và sẽ cho ra các trùng quái, chưng ra cái định số cho các nước liên hệ. Và, các con lý số cũng chỉ ra phương sách tốt nhất mà các nước nầy cần thực hiện, ta sẽ thấy ở các phần dưới. Riêng Phi ta cần chồng hai lần: 1) tròn trên vuông; 2) vuông trên tròn, để hình thành hai con Lý Số Thiên Định và Nhân định

5_ Thực hiện việc chồng hình, xem hình:

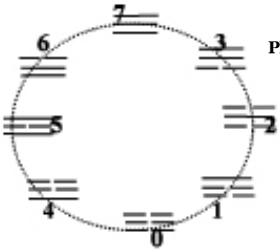

PHONG >>> 1/3 SƠN PHONG CỔ (NHẬT)

THỦY>>> 2/4 THỦY LÔI TRUÂN & 4/2 LÔI THỦY GIẢ (PHI)
(TT/HT) (HT/TT)

SƠN >>> 3/1 PHONG/SƠN TIỆM (VIỆT)

TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

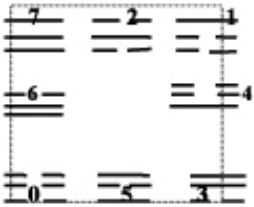

SƠN (ứng với vị trí của Nhật)

LÔI (ứng với vị trí của Phi)

PHONG (ứng với vị trí của Việt)

HẬU THIÊN BÁT QUÁI

_ Ba con Lý số có được khi chồng hình BQTT và HTBQ:

***ĐB: Sơn Phong Cổ :** **1/3 ứng với Nhật Bản**

***ĐÔNG: Thủy Lôi Truân** **2/4 & Lôi Thủy**

Giải **4/2 Ứng với Phi Luật Tân**

***ĐN: Phong Sơn Tiệm** **3/1 ứng với Việt Nam**

Quan chiêm ba con lý số trên là luận bàn trên cơ sở Thiên Thư, xong đem đối chiếu với hiện thực diễn biến,

đây là nội dung bài viết này. Ta lần lược LÝ giải:

II.2. GIẢI NGHĨA QUÁI SỐ ÁP DỤNG CHO NHẬT, CHO PHI VÀ CHO VIỆT:

II.2.1 VỊ TRÍ NHẬT, PHI, VIỆT TRONG VÙNG CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

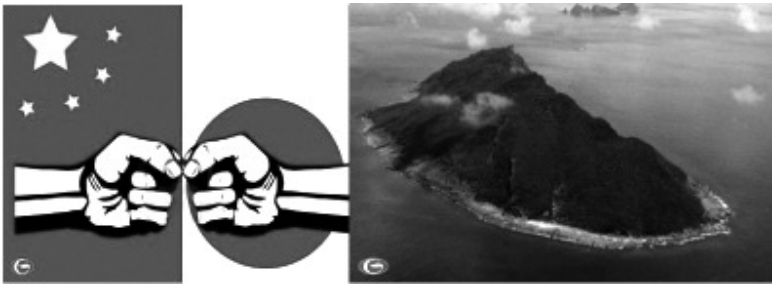

Senkaku/Điếu Ngư Đài

II.2.1. Ý NGHĨA QUÁI SỐ ĐỊNH PHẬN CHO NHẬT BẢN: CON SƠN PHONG CỔ

Như trên vừa nói, con Phong Sơn Cổ có được do đem hai hình TT và HT chồng lên nhau, Cấn trên HT nằm ở góc hình vuông nên luôn nằm lọt ngoài của hợp quái, thành ra cho dù TT chồng trên HT hay làm ngược lại, ta cũng chỉ có một kết quả là con Sơn Phong Cổ.

@ QUAN CHIÊM SƠN PHONG CỔ ÁP DỤNG CHO

NHẬT BẢN:

Quan chiêm là từ ngữ của Dịch học: Quan còn đọc là QUÁN, lý số là con 3 PHONG ĐỊA QUÁN (000 011). Phong Địa Quán là quan sát sự vật (ở đây là con Phong Sơn Cổ) thể hiện ra. Cách nhìn Quán là nhìn dưới cái nhìn tâm thông thoáng, không khiên cưỡng, không tiên kiến, định kiến, gọi là tâm không: Trong CÁCH QUAN CHIÊM nầy ta hãy quan chiêm con số Sơn Phong Cổ:

Con Cổ nằm Đông Bắc đồ hình (xem hình) nên ứng với thực địa là nước Nhật Bản. Sơn Phong Cổ (011 001) có hai nghĩa: **Cổ là đổ nát** và **Cổ là công việc** (Hễ đổ nát thì phải xây dựng lại, trùng tu lại, nên Cổ có ý nữa: Cổ là có công việc, có việc làm).

Quái số nầy chưng ra tượng: Ngoại quái Sơn (núi) là hành thổ tức Địa/Đất và Phong là Tốn, hành Mộc. Gộp chung hai ý chưng ra tượng hình của đất (Sơn/Địa), là đất bám trên cây (Phong, mộc). Đất ở đây là đất bám vào cây, không vững nên tượng ý là đổ nát (Đất/Sơn/Cấn chỉ ra tượng ổn định, vững bền nhưng Cổ là đất bám vào cây nên dễ đi đến đổ nát)

Giải theo lối khác, cũng dựa vào tượng của số chưng ra, nữa là: Sơn là đất núi, tượng hình của cấu trúc cứng, vững bền, nặng nề, chắc chắn mà được xây dựng trên nền tảng không vững 'Phong' (nằm dưới, có tượng trống, thoáng, có lỗ hổng, chứa đầy khí). Hậu quả của cấu trúc nền không vững nầy là sẽ sập đổ, nên Sơn Phong có ý tượng là đổ nát. Giống như xây nhà trên cát vậy!

Trong ý nầy, tượng số áp dụng cho Nhật Bản mang nghĩa là: Nhật Bản sẽ bị đổ nát và sau khi đổ nát sẽ được xây dụng lại đẹp đẽ hơn, to lớn hơn, hùng mạnh hơn. Đó là cái tượng con Cổ chưng ra cho Nhật Bản. Điều nầy sẽ được thấy rõ hơn nữa khi đi sâu vào tượng

quái, là quan chiêm tượng Thoán (Thoán từ) và các tượng hào (hào từ) của Cổ.

Thoán và hào từ của Sơn Phong Cổ:

Thoán Từ: *"Cổ: Nguyên hanh, lợi thiệp đại xuyên. Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật"* (Đổ nát: Làm lại thì tốt, làm việc lớn thì lợi (vượt qua sông lớn). Cần tính toán cho thật kỹ: tính trước khi hành động để chuẩn bị và tính đến hậu quả (trước 3 ngày và sau 3 ngày).

Bàn rộng ra câu: *"Tiên giáp tam nhật, hậu giáp tam nhật"* có hai ý: 1) Ngày Giáp là ngày khởi sự, ngày khởi đầu 12 con giáp (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quí). Mà, trước ngày Giáp 3 ngày là Tân, mà Tân là mới hay làm mới; sau 3 ngày của Giáp là Đinh, mà đinh là vững chắc *(đinh ninh, thập bát thành đinh).* Câu nầy mang ý cần đắn đo, suy nghĩ kỹ càng, cần xét nguyên nhân, xét đến tương lai hay hậu quả của việc làm cho thật kỹ.

- Trong câu trên có chữ số 3 (3 ngày) và được nhắc đến 2 lần: Hai lần nhằm vào ý nhấn mạnh và con 3 như là một huyền số mà con Lý Số của nó là 000 011 tức Phong Địa Quán. Quán có nghĩa là xem xét những gì nó thể hiện ra, nó chưng ra để theo đó mà có hành động đúng đắn.

- Tóm tắt, thoán từ của CỔ khuyên: Đổ nát mà làm lại thì nên, thì tốt, cần xông pha vào hiểm nguy rồi sẽ có lợi. Như vậy **quái số Sơn Phong Cổ chưng ra cái định số giành cho Nhật Bản và khuyên Nhật Bản nên tính toán thật kỹ, phải ĐÁNH và Đánh rồi sẽ có lợi** *(lợi thiệp đại xuyên).*

Hào Từ: Quái cổ có số 6 hào, hết 5 hào khuyên cần **sửa cái lỗi của cha mẹ**, nhất là hào 4 và hào 5 nói rõ: **Sửa lỗi cha không được dụ dự, nếu làm thế** (do dự)

sẽ bị hối tiếc (Lục tứ: dụ phụ chi Cổ, vãng kiến lận) **và hào 5 nói: sửa lỗi cha rồi ra sẽ được tiếng khen** (lục ngũ: Can phụ chi cổ, dụng dự); còn hào 6 khuyên đừng xu nịnh bề trên (không vọng ngoại, chớ lệ thuộc nhiều vào Mỹ) mà cần giữ tư cách trong thời Cổ (Nên đọc thêm quái Cổ trong Kinh Dịch).

- Chốt lại, Phong Sơn Cổ ứng với Nhật Bản, khiến ta đặc biệt lưu ý toàn quẻ cả thoán từ và hào từ sẽ thấy đều mang ý là: **Ở thời điểm nầy, Nhật Bản muốn phát triển, muốn cường thịnh, Dịch Số CỔ khuyên phải chữa lỗi cha ông, phải đánh không do dự và chỉ có làm thế mới được tiếng khen, mới bảo tồn đất nước và phát triển lớn mạnh trong tương lai.**

@/ ĐỐI CHIẾU SƠN PHONG CỔ VỚI HIỆN THỰC ĐANG BIẾN DIỄN VỚI NHẬT:

Như trên đã thấy, Nhật hôm nay phải không được do dự trong việc sửa lại lỗi của cha mẹ. Lỗi ấy là: Vào đầu thập niên 1945, Nhật đứng về phía phe trục Đức Ý Nhật, mở ra cuộc chiến với phe Đồng Minh, bị đánh bại và phải đầu hàng ngày 2 tháng 9 năm 1945. Nhật bị đặt dưới sự giám sát của quân đội Mỹ, dưới quyền chỉ huy của tướng Douglas MacArthur và chịu chấp nhận bản hiến pháp "hòa bình" áp đặt mà điều 9 của HP ngăn cấm Nhật phát triển quân sự, không được tuyên chiến với nước ngoài. Tình hình ngày nay có khác, đứng trước sự xâm lấn biển đảo của TC, không lẽ bó tay ? Vì lẽ đó mà thiên thư BQ mới chỉ ra rằng: không được do dự trong việc sửa lại lỗi của cha và mẹ. Lời khuyên của Dịch hợp thời và chính xác thay!

Để tiến hành việc sửa lỗi của quá khứ của lịch sử, Nhật đang làm gì ? Ta đã và đang thấy tình hình thực sự đẩy Nhật đang từng bước nhập cuộc giải trừ quốc nạn bởi Tàu, cho mình và cho các nước đang có tranh

chấp với Tàu, như:

- Nhật tăng cường khả năng quốc phòng: máy bay, tàu chiến tối tân, được liên tục ra đời

- Nhật đang cổ động sửa đổi HP để bỏ điều 9

- Nhật giao trách nhiệm to lớn hơn cho lực lượng phòng vệ

- Nhật đặt đất nước trong tình trạng sẵn sàng chiến tranh như 'tay đã để tay lên cò súng': Nhật ký kết liên minh với nhiều nước và tuyên bố thẳng thừng là để chống Tàu và liên tục tập trận bắn đạn thật. Cụ thể:

* Ngày 20/10, Nhật Bản đã thông qua kế hoạch cho phép Lực lượng Tự vệ trên không bắn hạ các máy bay không người lái (UAV) nước ngoài xâm phạm không phận quần đảo tranh chấp trên biển Hoa Đông nếu các cảnh báo của lực lượng này bị phớt lờ.

* Ngày 23/10/13: TQ thông báo tập trận bắn đạn thật ở vùng biển Okinawa, ngày 25/10 tàu chiến Nhật "đột nhập" khu tập trận ở gần khu TC tập trận và ở lại đó 3 ngày. Nhiều lược máy bay lên xua đuổi không quân TC đến gần Senkakụ

* Cả Trung Nhật đều cương, đều đã bị gài vào thế, tình trạng chiến Nhật Trung sẽ xảy ra bất kỳ lúc nào. Đứng trước thái độ cương cứng của Nhật, TC cũng hung hăng và cương cứng chẳng kém: Tàu liên tục cho Tàu chiến và máy bay đến gần Nhật và lên giọng cảnh báo: Nếu Nhật Bản bắn hạ máy bay của Trung Quốc, đó sẽ là *"sự khiêu khích nghiêm trọng và là một hành động dẫn đến chiến tranh"*.

Trên thực tiễn, Tàu bị gài thế cần con đường thông ra biển để đáp ứng tình hình phát triển lớn mạnh của Tàu: Đụng với Phi thì quá xa bờ mà mà cũng không

mở ra con đường cần yếu nầy. Còn với VN thì, trên thực tế coi như của Tàu, lãnh đạo VN đang nằm dưới sự điều động của Tàu, nếu đánh chắc gì dựng được một nhà nước triệt để theo Tàu như hiện tại, thì ngu gì mà làm việc ấy! Và, trong giới chóp bu của Tàu, giới quân sự Tàu còn nhiều uy thế trong Đảng, tất nhiên chiều hướng hiếu chiến đang còn thắng thế; hơn nữa, Tàu cần đánh để ổn định xã hội Tàu, để có lý do dẹp chống đối, nội loạn, đàn áp các vùng muốn ly khai. Đó là thế cái thế đã gài cho Tàu.

Còn đối với Nhật, Nhật cần đánh để *"chữa lỗi cho cha mẹ",* cần đánh để mở mang phát triển, đánh để đóng vai trò cường quốc trong vùng...

Tạm kết phần nầy: *Giải quyết Hán nạn bành trướng ngày nay là công việc chẳng riêng cho Việt tộc mà là việc chung của cả thế giới mà Nhật là nổ lực chính và Mỹ, Ấn, Úc cùng Tây phương là những nước đứng sau hổ trợ. Trên hiện thực, diễn tiến tình hình cũng đã không khác điều mà quái Cổ rút từ thiên thư BQ đã chứng ra.*

II.2.2. Ý NGHĨA LÝ SỐ ĐỊNH PHẬN PHI LUẬT TÂN: CON THỦY LÔI TRUÂN VÀ LÔI THỦY GIẢI:

Lý số **định phận cho Phi** có hai con tùy vào việc chồng hình: Đem TT chồng trên HT thì ra con **Thủy Lôi Truân**, và nếu HT chồng trên TT thì có được con **Lôi Thủy Giải.**

***ĐÔNG: Thủy Lôi Truân ứng với Philippines**

Truân ngoại quái là Khảm, nội quái là Chấn/Lôi: Khảm là nước, cũng còn có nghĩa là khó khăn nguy hiểm (thủy tai) và Lôi là nổ ra, sinh sôi nẩy nở tràn lan, nhiều. Lôi là con 100 hay con 36 được chuyển sang hệ Dịch Số (100 100). Gộp chung, Truân chưng ra ý tượng: Thủy Lôi có nghĩa là đầy rẫy khó khăn, truân chuyên.

Một lối giải cách nữa là: Lôi là hành động, vậy Thủy Lôi Truân là hành động trong tình cảnh khó khăn để giải tỏa cái khó khăn (Thủy) đó.

Thoán từ: *Truân: Nguyên, hanh, lợi, trinh, vật dụng hữu du vãng, lợi kiến hầu (Gặp lúc gian truân, có thể hanh thông lắm (nguyên hanh), nếu giữ chính đường (trinh), nên làm gì thì đừng vội vàng, tìm người tài giỏi giúp mình thì lợi (lợi kiến hầu).*

Quẻ nầy quả ứng cho Phi: Phi là là một nước quá yếu kém so với Tàu Cộng, tranh chấp biển với Tàu quả là vấn đề quá nguy hiểm cho **Phi**, như vậy **tiến hành tranh chấp phải giữ đúng đường và con đường đó là không vội vàng, rồi tìm người tài giỏi để giúp mình mới lợi** (lợi kiến hầu). Trên hiện thực Phi đã làm như vậy: Phi Mỹ đã là đồng Minh Chiến lược từ lâu, đó là điểm lợi cho Phi, thế nên Phi đã nhờ Mỹ, cho Tàu chiến Mỹ tới lui, Phi đã nhờ Liên Hiệp Quốc can thiệp, đã đưa v/đ tranh chấp biển ra tòa án quốc tế. Xin tóm gọn lại ý nghĩa con Lôi dành cho Phi:

"Buổi truân chuyên nhưng nhiều thuận tiện

Đủ nguyên hanh và cả lợi trinh

Nhưng đừng vội vã coi khinh

Tìm người đến giúp việc mình mới nên"

- Lôi Thủy Giải: ứng với Phi

Con Lý Số thứ hai ứng với Phi là Lôi Thủy Giải: Giải là giải tỏa, giải nạn; tượng quẻ chưng ra là: Nội tình nguy hiểm (quái Khảm, nội quái), cần điều kiện khách quan bên ngoài nổ ra (Lôi ngoại quái) thì giải được nạn cho mình, thành tốt.

Thoán Từ viết là: *Giải, lợi Tây Nam, vô sở vãng, kỳ lai phục, cát. Hữu du vãng, túc, cát.*

Đại khái tượng ý là:

"Trừ hiểm nguy số Lôi Thuỷ Giải:

Đường Tây Nam vạn đại dung thân (1)

Biển Đông sóng dậy phải cần (2)

Nên giữ nếp cũ muôn dân được nhờ"

(1): Trong thoán từ có viết: *"lợi Tây Nam":* Tây Nam là con Khôn của HTBQ, mà Khôn là mềm dẻo, nhu thuận. Ý nầy khuyên: Phi phải hành động uyển chuyển, mềm dẻo, khôn ngoan trong việc giải nạn.

Cũng may cho Phi, với phong thủy chính trị, Tàu cách Phi khá xa, TC sẽ ở thế bất lợi cho không quân tham chiến từ đất liền xuất trận và về hải quân Tàu còn kém xa Mỹ. Nếu Mỹ tích cực hổ trợ cho Phi (để cho hải lộ quốc tế được an ninh), thì Tàu đánh Phi Tàu sớm thua là cái chắc: Đó là quan chiêm trên thực tế.

(2): Giải quyết xung đột Tàu Việt, Tàu Phi rất cần biển Đông dậy sóng nhưng phúc cho dân Phi, và dân Việt tranh chấp biển của 2 nước nầy với Tàu không dẫn tới chiến tranh mà *"bất chiến tự nhiên thành"* vì cuộc chiến nhất định xảy ra giữa Tàu Nhật.

Thật thế, Tàu Việt cũng không có chiến tranh ngoài biển như ta sẽ thấy khi khảo sát con lý số ứng với VN như bên dưới:

II.2.3. Ý NGHĨA QUÁI SỐ ĐỊNH PHẬN VIỆT NAM: CON SƠN PHONG TIỆM

Sau khi chồng hai hình BQ lên nhau, ta có được con Phong Sơn Tiệm nằm phía Đông Nam đồ hình, tương ứng với VN. Điều nầy có nghĩa, quan chiêm con Tiệm được "Thiên Thư" BQ chưng ra, ta sẽ thấy được định số (Số được định sẵn) giành cho VN.

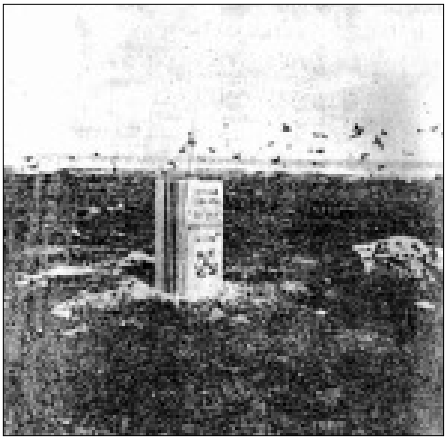

Bia chủ quyền Việt Nam dựng trên đảo Trường Sa, quần đảo Trường Sa (1961)

Lịch sử đây, chứng tích đây
Nhìn vào thì biết đảo nầy của ai
Giặc phương Bắc cướp công khai
Đem ra hội nghị rớt đài, đương nhiên!

@ QUAN CHIÊM QUÁI SỐ SƠN PHONG TIỆM ÁP DỤNG CHO VN:

Phong Sơn Tiệm (001 011): Tiệm là tiệm tiến hay tiến từ từ. Trong kinh Dịch dùng con chim Hồng làm biểu tượng để gợi ra tượng hình tượng ý của quái tượng Tiệm. Chim hồng là loài chim mà dòng Việt chọn làm vật biểu cho giống nòi Lạc Việt: Đây là một trong những giống chim thiên di, hễ giá lạnh đông về, chim rời bỏ xứ Bắc mà xuôi Nam tìm nắng ấm

Về vật biểu nầy, Ngu Í Nguyễn Hữu Ngư vào khoảng thập niên sáu mươi thế kỷ 20, có làm một bài thơ rất hay, ví dân Việt như loài chim hồng, tạm thời phải xuôi Nam khi băng giá về trên đất Bắc. Tôi đã đọc những

hơn 50 năm rồi bài thơ ấy mà nay vẫn còn nằm lòng:

"Mặt đất Bắc nặng dày băng tuyết
Sự sống còn le lói như ma trơi
Giống chim Hồng, chim Lạc khắp nơi nơi
Vội vỗ cánh xuôi Nam tìm nắng ấm
Và tự hẹn đến mùa Xuân khoe thắm
Người tung tăng và chim véo von ca
Sẽ cùng nhau ngược giòng Nam tiến
Trở về thăm quê cũ đợi ai mà"

Bài thơ như là lời tiên tri về Việt Nam y hệt như con Phong Sơn Tiệm: Tiệm dùng biểu tượng chim hồng cho tất cả 6 tượng hào, thì thoạt nhìn vào, ta đủ thấy là ứng hợp cho VN rồi!

Hãy **đi sâu vào "quan, chiêm" thoán từ và các hào từ, rồi sau đó đem đối chiếu với thực tế tình hình và tình thế đặc trưng của VN, thì mới thấy bái phục 'Bùa Bát Quái' và bái phục ý của bài thơ!**

Tiệm tượng hình là cây (Phong ngoại quái) mọc trên đất (Sơn nội quái): Cây mọc trên núi lớn lên, vượt lên cao từ từ, từ từ (tiệm tiến).

Thoán từ (*) viết: *"Tiệm: nữ qui, cát, lợi trinh"* (Tiến lần lần như gái về nhà chồng, tốt, giữ chính đáng thì lợi)

Nội quái Cấn mang ý là: tâm cần tĩnh, không nôn nóng, bọp chọp thì mới không bị vấp ngã. Ngoại quái Tốn, Tốn là: lịch lãm, thuận theo. Tiệm càng tốt bởi có hào 2 và hào 5 làm chủ ngoại quái và nội quái đều trung chính cả: Hành động theo tượng nầy thì tu được thân và nêu được gương sáng cho người và cải sửa được phong tục như đại tượng truyện viết: *"Quân tử dĩ cư hiền, thiện tục"* (Nguyễn Hiến Lê, Kinh Dịch Đạo

Của Người Quân tủ trang 394). Ý Quái Tiệm khuyên VN phải kiên trì mà hành động khôn ngoan, lịch lãm và từ từ, không nên vội vã.

Thoán từ chưng bày thời quái và hào từ chưng ra thời kỳ phát triển từ khởi thủy đến chung cuộc, từ hào 1 đến hào 6, rất hợp cho VN:

Hào 1(*), sơ lục: *"Hồng tiệm vu can, tiểu nhân lệ, hữu ngôn, vô cửu" (hào 1, âm: Con chim hồng tiến tới bờ nước, non dại (tiểu nhân) cho là nguy, than thở, nhưng không lỗi).*

Hiểu rộng ra: Con chim hồng ám chỉ VN, non yếu, kẹt cứng trước sự lớn mạnh và hung ác của Tàu Cộng. Đứng trước mối nguy vong nầy, người dân buồn rầu than thở, điều ấy không là lỗi (bởi vì thuộc sơ hào chỉ dân chúng và sự thế mới bắt đầu, nằm sơ hào)

Hào 2, lục nhị: *"Hồng thị vu bàn, ẩm thực khản khản, cát" (hào 2 âm: chim hồng tiến tới phiến đá lớn, ăn uống thảnh thơi tốt"*

Hào nầy trung chính, được hào 5 ngoại quái cũng trung chính tiếp sức nên tốt, nhưng nằm trong thời Tiệm thì cũng chỉ là có chiều hướng thuận lợi thôi, nên vẫn chưa thoát khỏi thế nguy hiểm trước mắt.

Hào 2 làm chủ nội quái, chỉ giới cầm quyền trong nước, làm chủ sự, nhưng là hào âm, ý chỉ hèn nhác và vọng ngoại (trông nhờ hào 5 ngoại quái) nhờ bên ngoài đỡ đần mà sống cao sang, nên gọi là: *"Ẩm thực khản khản" _ ăn uống thảnh thơi).* Điều nầy nói lên là đám cầm quyền trong nước sống còn, nhờ sự đỡ đần của ngoại bang, sống sung túc nhờ nước ngoài...

Hào 3, cửu tam: *"Hồng tiệm vu lục, phu chinh bất phục, phụ dựng bất dục, hung; lợi ngự khấu" (hào 3 dương; chim hồng tiến tới đất bằng, chồng đi xa không về, vợ đẻ con mà không nuôi, xấu; đuổi cướp thì có*

lợi)

Hào 3 dương nằm nội quái chỉ bọn chóp bu nắm quyền lực bên nhà, đầy hung hăng, gặp thời, được yên vị (hào dương, nằm dương vị, tiến tới đất bằng) nhưng là thứ bất trung (không là h.2 hay h.5). Chồng đi xa (vọng ngoại vì tính dương cương cứ muốn trèo lên mãi (h.3) không lo cho vợ hào (h. 2) và con (h.1), chỉ những người yêu nước và dân chúng, nên xấu; nên đuổi cướp (trừ cái bất chính, chống giặc Tàu) mới lợi: Đây cũng là bài học cho các thế lực đỏ trong nước, trong thời Tiệm.

Hào 4, lục tứ: *Hồng tiệm vu mộc, hoặc đắc kì giốc, vô cửu (Chim hồng nhảy lên trên cây, may tìm được cành thẳng mà đậu, không có lỗi).*

Hào 4 nằm ngoại quái, chim hồng đã bay ra ngoài, vẫn được yên ổn ở trên vị thế cao (cành thẳng), điều đó không gì là lỗi nhưng bởi chim hồng là giống sống dưới nước chứ không phải trên cây nên không mấy hợp. Chỉ việc không chịu trở về với (h.1 nội quái) là đất nước và dân chúng, đó mới là cái lỗi.

Hào 5, cửu ngũ: *Hồng tiệm vu lăng, phu tam tuế bất dựng, chung mạc chi thắng, cát (Chiêm hồng lên gò cao, vợ ba năm không sinh đẻ, nhưng cuối cùng không gì thắng nổi chính đáng, tốt)*

Hào 5 dương, trung chính, nhưng trong thời quái tiệm (từ từ không thể nhanh được) nên sự kết hợp hào 5 với hào 2 (như việc vợ chồng) tuy hợp nhưng không thể nhanh, cũng gặp nhiều trở lực (bị h.4 âm, chỉ kẻ xấu, ngăn cản) nhưng dù gì đi nữa, cuối cùng vẫn tốt vì có trng chính.

Liên hệ thực tế VN, **sự xung đột người Việt quốc nội và hải ngại, cũng như VN và các nước phương Tây** (h.5 và h.2 đều trung chính) **gặp nhiều trở ngại**

nhưng cuối cùng sẽ giải quyết tốt. Điều nầy cũng dễ hiểu, cái trở lực ngăn cản 2 và 5, với quái Tiệm, là h. 4 dương (không trung , không chính), **đối với hiện thực là bị TC cản mũi kì đà**, nhưng những trở lực sẽ không còn nữa khi Trung Nhật đụng độ và TC thua như đã bàn trong quái Sơn Phong Cổ.

Hào 6, thượng cửu: *Hồng tiệm vu quì, kì vũ khả dụng vi nghi, cát (Hào thượng trên cùng, dương: Chim hồng bay bổng đường mây, lông (rớt) có thể lấy trang điểm tốt)*

Đối chiếu với VN, cuối thời kỳ Tiệm, VN tuy không chiến (bất chiến), cũng thành công (tự nhiên thành) do đã có cuộc chiến Nhật Trung giải quyết xong và sẽ đưa ra quốc tế để giải quyết v/đ biển đảo.

VN sau đó sẽ phát triển tốt đẹp (như chim hồng bay bổng đường mây), có thể làm khuôn mẫu cho nhiều nước (khả dụng vi nghi)

@ ĐỐI CHIẾU QUÁI PHONG SƠN TIỆM VỚI HIỆN THỰC VN

Trên hiện thực, từ khi có đảng CSVN làm công cụ tay sai của Tàu, lên nắm quyền điều hành đất nước (Điều 4 HP giành qyền lãnh đạo cho đảng, VN bị cột chặt trong vòng kìm tỏa rất thâm độc và tinh vi của Tàu, khiến không tìm ra được lối thoát). Trong hoàn cảnh đó, Việt Nam mất chủ quyền từ đó, cuộc sống người dân rất cơ cực, khổ đau, kêu than nhưng lại không lỗi, vì trong thời Tiệm và trong hoàn cảnh đó chẳng làm gì hơn được nên quẻ nói là "vô cửu" (không lỗi). Và, không lỗi nữa là trong thời tiệm (tiến chậm), người dân đã kiên trì chịu đựng mà không nổi loạn quật cường, dễ bị đàn áp như ở Thiên An Môn bên Tàu, như thế là hợp với hào 1 của quái Tiệm, hợp với "bất chiến tự nhiên thành", hợp với thời quẻ và hợp với sự sắp xếp

của siêu quyền lực (Nói điều nầy không đồng nghĩa với ý thụ động và vô vô cảm mà phải hành động cương quyết nhưng ôn hòa, hợp với thời vị. Cũng có nghĩa là phải từng bước, trước tiên cần loại bỏ nội thù mới trừ được ngoại xâm. Đến hôm nay điều này không khó vì dân đã bị dồn vào thế cùng nên không sợ CS nữa)

III. KẾT LUẬN

Tất cả đều bị được gài thế! Nhưng ai đã gài thế ? Dưới cái nhìn chiến lược của tây phương dựa vào vị thế địa dư, cái thế đó là thế gài do địa dư tính nên cần có con đường phải chọn để hành động chính trị cho phù hợp, người ta gọi con đường chính trị đó là Địa Chính Trị (geopolitics). Đông phương cũng dựa vào "núi sông thiên định đặt bày" (Cụ Trạng NBK), gọi là cái "hồn thiên sông núi" của địa dư, lại còn dựa vào Đạo học, Dịch học nữa để thấy thế gài và con đường tốt nhất để giải trừ: Con **Đường Đạo học là hướng đi tra cứu Lẽ Biến Dịch của chính sự vật trong trời đất (Càn Khôn) được con Lý Số Càn (___), Khôn (_ _) chưng ra.**

Các Đạo gia tiên khởi đã lấy cái tượng Càn Khôn Trời Đất, là các dấu chỉ của gigns và symbols, như Càn (___), Khôn (_ _) hay nòng (0), nọc (1) được ấn ký trong sự vật, và mô phỏng theo đó để lập ra các con Lý Số (reason numbers) và các đồ hình của Dịch (Yin Yan Road Maps), gọi là cái "Thiên Thư Định Phận" (Lý Thường Kiệt: Định phận tại Thiên Thư). Cái Thiên Thư nầy huyền thoại Việt gọi là Sách Ước không chữ (Sách Ước Trinh Nguyên: *"Sách Ước trinh nguyên không một chữ")*

Các 'Thiên Thư' chưng ra Đạo Biến Dịch, nên các Đạo gia hay những người thông Dịch thấy được Đạo

Lý, nên có khả năng tiên tri. Chính cụ Trạng nói rằng ông viết Sấm Truyền nhờ Đồ Thư và ông đã ông đã toán việc (tính việc dựa trên những con lý số) như thần! Ông đã thấy việc 500 năm trước và 500 năm sau trong đó có lời tiên tri về sự kiện biển Đông hôm nay: Ông nói, ***"kình ngư hải ngoại huyết lưu hồng".*** Và, theo đó, **hải ngoại không mang nghĩa là ngoài biển mà là biển ngoài: chiến tranh không xảy ra khu vực hải nội** (Hải chiến không xảy ra ở biển Việt Nam (biển Đông) **mà xảy ra ở biển ngoài, biển Nhật Bản** (hải ngoại)! Thế nên mới có câu Sấm tiếp theo của Ngài nữa là ***"Bất chiến tự nhiên thành"*** **để xác định VN không đánh cũng thành côn**g (đương nhiên là Nhật phải đánh, như đã viết ở phần Sơn Phong Cổ).

Tất cả nằm trong thế cài, thế cài nầy nảy sinh từ *"núi sông thiên thiên định đặt bày"*(5) và muốn rõ, hãy tra cứu trên Đồ Thư Sách Ước: *"Đồ thư một quyển xem ngay mới rành"* (6).

Ngày nay, trong lãnh vực chính trị liên quốc gia, mọi hành động nhằm gỡ ra thế cài đó, như là cái thế thời Xuân Thu Chiến Quốc bên Tàu: *"Thế chiến quốc, thế Xuân Thu, gặp thời thế, phải thế"!* (7)

Toán việc **chính trị dựa trên sông núi thiên nhiên đặt bày, cùng dựa vào Việt Lý, Việt Dịch Dịch, tôi tạm gọi cái chính trị đó là: PHONG THỦY CHÍNH TRỊ.**

Qua cái nhìn phong thủy chính trị nầy tôi xin khẳng định: **Hải chiến Nhật Tàu tất phải xảy ra: Tàu sẽ thua, Nhật dưới sự yểm trợ của đồng minh** (tuy không tham chiến trực tiếp), **sẽ thắng để Thế giới sẽ bước vào kỷ nguyên mới của hòa bình, phát triển và phồn thịnh.**

Riêng VN, nhiệm vụ con dân Việt là cần sớm cúng

cố nội lực mà văn hóa là trọng tâm, loại bỏ CS là nhiệm vụ trước mắt để sớm hướng đến xây dựng Dân Chủ, Dân Quyền, Nhân Quyền và Nhân Bản với Nhân Vị là Người đứng giữa Trời Đất *"Trung lập nhi bất ỷ cường chi kiểu"* (Đứng giữa Trời Đất mà không cậy vào, cách đứng như vậy hùng mạnh thay!). Lối hướng đến đó chẳng những cho VN mà cho cả CON NGƯỜI hay nhân loại nói chung!

San Jose, ngày 7 tháng 11, 2013.

CƯỚC CHÚ:

(1): Jung: Carl G. Jung: Nhà phân tâm học người Đức đã cùng cộng tác cùng ông Richard Wilhelm (lấy tên tiếng Hán là Vệ Lễ Hiền), đã bắt nhịp cầu cho hai cõi Đông Tây. Hai ông rất mê Kinh Dịch (Book of Changes) và tin tưởng vào bói Dịch, hai ông đã có công rất lớn trong việc đem Dịch của phương Đông truyền bá sang Tây phương.

(2): Trạng Trình Nguyễn Bính Khiêm (1491 _ 1585), tên húy là Nguyễn Văn Đạt, tự là Hanh Phủ, hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ. Ông đã dựa vào hai hình Đồ Thư (Hà Đồ, Lạc Thư) mà viết ra Sấm Trạng để đời:

"Nước Nam từ thuở Hồng Bàng
Đổi thay cuộc thế, gian san chuyển vần
Đinh, Lê, Lý Trần thuở trước
Đã bao lần vận nước đổi thay
Núi sông thiên định đặt bày
Đồ Thư một quyển, xem ngay mới rành".

(3): *"Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

Tuyệt nhiên định phận tại Thiên Thư

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khang thủ bại hư"

Lý Thường Kiệt

(4): "Chưa từng thấy ai không thông Dịch mà thông Sự Lý Sự Vật, muốn thông Sự Lý Sự vật phải thông Dịch" Nguyễn Duy Cần (1907 _ 1998) tại làng Điều Hoà, tổng Thuận Trị, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Ông là một học giả lớn của Nam Việt Nam trước 75, chẳng những nhiều tác phẩm mà còn có chiều sâu về ảnh hưởng trên phương diện học thuật.

(5), (6): Trạng Trình NBK.

(7): Ngô Thời Nhậm (NTN), tự là Hy Doãn, hiệu là Đạt Hiên, con của Ngô Thời Sĩ, đậu tiến sĩ năm 1775, đầu Ngyễn Huệ và được phong làm Tả thị Lang Bộ lại. Bởi có mối tư thù với Đặng Trần Thường (D(TT)dưới trướng của Gia Long, nên khi nhà Tây Sơn suy vong, NTN bị ĐTT đánh roi có tẩm thuốc độc mà chết. Giữa hai Ông Nhậm và Thường có 2 câu đối rất hay:

NTN thất thế bị bắt ông nói: "Thế chiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế, thế thời, phải thế"!

Ỷ ở vào thế thắng ĐTT đáp: "Ai công hầu, ai khanh tướng, trong trần ai, ai dễ, biết ai"!

Cái hay là đối đáp rất chỉnh với lại cái lối chơi chữ ở đây nữa.

(*): Các lời giải thoán từ và hào từ hầu hết phỏng theo Nguyễn Hiến Lê _ Kinh Dịch Đạo của Người Quân Tử _ NXB Văn Học 1994 ▼

Vịnh con ngựa

Vì đời, nợ nước mới mang cương
Máu thấm tình thâm, thấm đạo thường
Trống vọng trường xa ngờ trống trận
Quân đề trại kế ngỡ quân lương
Thương thời Lê, Nguyễn lòng xao xuyến
Nhớ thuở Trần, Đinh dạ vấn vương
Phù Đổng hẹn xưa vang vọng mãi
Đêm nằm rộn rã tiếng quê hương

Chu Hà

Sau Cơn Mưa

Linh Vang

Huy bị thương nặng ở Pleiku. Em trai chàng đến nhà cho biết, sợ chàng không qua khỏi. Chàng muốn được gặp Tưởng Dung lần cuối, và nó hỏi ý kiến của tôi, chị nghĩ sao? Lúc đó, Tưởng Dung đang sống hạnh phúc bên chồng và mang bầu đứa con đầu lòng. Tôi không biết tính sao. Làm sao mà Tưởng Dung đi gặp Huy được? Ở cương vị gì? Thêm nữa Huy đâu có nằm ở một bệnh viện ngay Saigon nơi Dung có thể đến thăm mà không cần một lời giải thích cho sự vắng mặt của nó ở nhà? Từ ngày Tưởng Dung lấy chồng, nó không bao giờ hỏi thăm tôi về chàng. Tôi cũng không bao giờ hỏi nó sao nó bỏ Huy. Lúc nó lấy chồng, tôi đang dạy học ở Nha Trang. Có nhiều lý do trong đó, vừa nhận nhiệm sở mới là một, tôi đã không về dự đám cưới của nó được. Lúc mở bì thiệp hồng, tôi cứ đinh ninh chàng là chú rể. Không biết chuyện gì đã xảy ra. Họ yêu nhau thắm thiết như vậy. Tôi hay theo Tưởng Dung đến nhà chàng chơi. Trước nhà có cây ổi sai trái. Mẹ chàng hay hái những trái to để dành cho Tưởng Dung và mong nó đến. Thấy rõ là bà cụ yêu mến Tưởng Dung, săn sóc nó như đã nhìn nhận nó là dâu con. Tôi cũng được cho đọc những lá thư tình thắm

thiết chàng viết từ ngoài tiền đồn xa xôi gửi về. Nghe kể lại đám cưới lớn lắm. Chú rể là dân du học ở Mỹ về, đang làm giám đốc một hãng xuất nhập cảng. Hai bên gia đình chỉ quen biết trước đó không lâu.

Sau một ngày suy nghĩ, tôi nhờ một đồng nghiệp dạy thế cho vài ngày và tôi tức tốc lấy vé máy bay đi ngay lên Pleiku thăm chàng. Trông chàng hốc hác lắm vì bị mất nhiều máu, tuy vậy bác sĩ cho biết vết thương không mấy gì nguy hiểm, bảo tôi đừng lo. Chàng có vẻ buồn khi biết Tưởng Dung không lên thăm chàng được. Tôi muốn nhắc cho chàng nhớ là chàng đừng mong chờ một sự việc chẳng bao giờ xảy ra được, vì bây giờ Tưởng Dung đã có chồng con. Nhưng tôi không bao giờ mở miệng nói lên điều đó được. Tôi bóc cam cho chàng ăn, ngồi canh chừng chàng ngủ. Ai cũng tưởng tôi là người yêu hay em gái của chàng. Họ cười nói là chàng may mắn hơn họ, và chắc là với sự săn sóc tận tâm, yêu thương đó, chàng sẽ mau lành bệnh.

Chàng đã ngủ say. Bệnh viện yên lặng. Chiều xuống dần ở dưới thung lũng. Sương mù phủ trắng. Tôi ngồi nhìn núi đồi lờ mờ qua khung cửa sổ, và lúc này bình tâm nghĩ lại mới hay hành động hấp tấp của tôi ngày hôm đó là do...yêu. Tôi đã yêu Huy! Cũng đừng lấy cớ là vì Tưởng Dung không đi thăm chàng được, tôi phải thay thế nó đi săn sóc chàng. Cho dù tôi cố dấu lòng. Bởi vì tôi không muốn mang tiếng yêu chàng. Bộ hết người đi yêu sao? Tôi cố giải thích lý do việc làm của mình. Huy là bạn. Vì qua Tưởng Dung với những lần đi chơi chung, tôi tự cho là mình có bổn phận an ủi giúp đỡ chàng, thế thôi. Nhưng nghĩ sao thì nghĩ, cao nguyên mây mù giăng lối, tôi thấy lòng mình cũng rối như tơ trời.

...Có phải vì bị thương tưởng như sắp chết hay vì cô đơn bởi tình phụ mà sau đó Huy hỏi tôi làm vợ. Em có chịu làm vợ anh không? Câu hỏi bất ngờ, cả chàng lẫn

tôi đều sửng sốt, bối rối. Chàng cần một cái phao để bám, sợ tôi từ chối. Lan không phải trả lời ngay. Lan cứ nghĩ kỹ lại đi. Tôi hỏi lại. Tưởng Dung sẽ nghĩ sao? Chàng thở dài, anh không cần biết cô ấy nghĩ sao, điều quan trọng là em nghĩ thế nào chuyện chúng mình. Anh lính tráng như em thấy đó, tay trắng chẳng có gì. Lúc đó còn trẻ, mới ra đời, quan niệm sống vẫn còn lý tưởng lắm, tôi tự hào là đồng lương cô giáo ba mươi ngàn một tháng đủ nuôi sống mình, nên không màng chuyện giàu nghèo.

Định mệnh nào đã trói buộc hai chúng tôi? Chúng tôi lấy nhau như hai kẻ cô đơn cần có nhau. Để rồi cùng chịu một hôn nhân không có hạnh phúc. Hình ảnh Tưởng Dung cứ lởn vởn trong tâm trí chàng và tâm trí tôi. Chàng còn yêu Tưởng Dung và lấy tôi chỉ là muốn điền vào chỗ trống vắng. Biết vậy, tôi càng lồng lộn gây gổ với chàng. Những giọt nước mắt ngắn dài của tôi chỉ làm cho chàng thêm khó chịu. Lấy cớ chiến trường sôi bỏng, đất nước đang cần chàng, chàng ít về nhà để khỏi phải thấy mặt tôi! Năm năm ăn ở với nhau, không có con. Rồi 75, Cộng Sản vào. Chàng đi cải tạo. Tôi ở nhà theo em gái đi buôn chợ trời, bươn chải kiếm miếng ăn, bỏ hẳn nghề dạy vì lương cô giáo bấy giờ không đủ sống. Lúc đó nghe nói Tưởng Dung đã theo chồng chạy được ra ngoại quốc. Từ ngày tôi lấy Huy, tôi chẳng còn liên lạc với nó. Tôi thì có tâm trạng của tôi vẫn nghĩ bạn bè không hiểu sẽ cười cho tôi là lấy bồ của bạn làm chồng, đồ cũ người ta bỏ ra, mình đem về xài. Tôi mặc cảm nên tránh bạn bè là có lý do. Còn Tưởng Dung không liên lạc với tôi vì nó bây giờ đã sống một đời giàu có sung sướng, chồng có chức tước, làm nó cũng thành bà này bà nọ.

Chồng đi cải tạo, tôi vẫn thủy chung, góp nhặt dành dụm ít đồng vài tháng lặn lội đi thăm nuôi chồng. Hoàn cảnh khó khăn, đời nhiều cám dỗ thường làm

những cặp vợ chồng vốn đã không có hạnh phúc lại càng dễ bỏ nhau hơn, huống gì lại không có con ràng buộc với nhau nữa. Nhưng trường hợp của tôi với Huy thì lại khác. Tôi yêu chàng hơn mỗi khi đi thăm chàng thấy cảnh khổ của chàng. Ăn uống thiếu thốn, thuốc men không đủ, chàng ốm xương xương trong manh áo không đủ ấm. Trên chuyến xe đò trở về, tôi miên man nghĩ tới chàng. Liệu chàng chịu nổi cho tới ngày được trả về với tôi? Buồn quá, nước mắt cứ ứa ra, chảy dài xuống má.

Ngày tháng trôi qua, Huy được trả về. Chúng tôi bắt đầu lại. Vợ chồng lên Long Khánh làm rẫy. Từ lúc em trai Huy vượt biên mất tích, tôi về ở với mẹ Huy-dạo ấy Huy còn trong tù cải tạo. Bây giờ bà vẫn ở với chúng tôi. Tôi trồng rau cỏ, bí bầu quanh nhà, rồi nuôi bầy gà và heo. Hai con heo kêu eng éc trong nhà bếp. Rồi thằng Long ra đời. Nuôi một con dê cho sữa cho con tôi bú. Tôi cứ sợ con tôi ra đời sớm quá trong hoàn cảnh còn thiếu thốn như vậy thì sẽ ốm yếu, èo uột vì thiếu dinh dưỡng, nhưng mà trái lại nhờ Trời nuôi, nó lớn như thổi. Sau đó là thêm thằng Khánh. Tên chúng nó là vùng đất chúng đã được sinh ra và nuôi lớn, chúng tôi đặt tên để kỷ niệm. Khi chúng đủ lớn thì sau giờ học phụ mẹ dắt bò đi ăn cỏ, đứa buổi sáng đứa buổi chiều. Khi ấy nhà nào có một con bò là đã thuộc loại nhà khá, đằng này nhà chúng tôi đã có được ba con bò...Căn nhà nhỏ ấm cúng. Lâu lâu Huy đi buôn thuốc rê về bỏ mối cho bạn hàng lời chút đỉnh, mẹ già, vợ chồng, con cái có một bữa ăn ngon.

* *

Chỉ tình cờ thôi chứ chúng tôi không biết trước là Tưởng Dung cũng ở thành phố này. La Conner tương đối nhỏ nên chỉ vài ngày sau là Tưởng Dung tìm đến thăm gia đình chúng tôi. Chuyện xưa cũng đã thật xưa nên hôm gặp lại nó thật tình tôi cũng mừng lắm, coi nó

như người thân, vì chúng tôi đi diện "đầu trọc", không có người bảo lãnh. Mới đến chưa có xe cộ, đường xe buýt còn lạ, nên tôi để nó chở tôi đi chợ mua thức ăn, đến văn phòng này văn phòng nọ lo giấy tờ, dẫn dùm các con tôi vào trường...

Khánh khai với tôi:

-Mẹ, dì Dung tốt với tụi con lắm mẹ! Dì hỏi tụi con thích cái gì, thì dì sẽ mua cho. Con thích đi chơi với dì trên xe màu đỏ thật đẹp, thơm ơi là thơm đó mẹ...

Long ra điều hiểu biết:

-Xe mới là phải thơm rồi!

Khánh còn nhỏ chưa biết gì nên ngây thơ nói ra những gì nó nghĩ. Nhưng lời thỏ thẻ non dại của con làm tôi đau lòng. Bao nhiêu năm kẹt ở lại, đời sống vật chất thiếu thốn, đẻ ra lớn lên chẳng thấy cái gì, nên bây giờ gặp cái gì tụi nó cũng thích, cũng trầm trồ. Thích bữa cơm có thịt, thích được mặc quần áo đẹp, và thích được chở đi chơi trên xe hơi. Dung sành tâm lý bọn trẻ, mỗi lần đến thăm đều mang nhiều đồ chơi, bánh kẹo cho các con tôi, dù rằng nhiều lần tôi đã năn nỉ nó đừng làm như vậy, tôi không muốn các con tôi có những thứ không cần thiết một cách dễ dàng. Nhưng Dung cứ lờ đi nói, con nít ở Mỹ đứa nào cũng có cả phòng đồ chơi, có vậy đầu óc chúng mới phát triển được.

Long được mười một tuổi. Nó khôn hơn em nó nhiều. Thích thì có thích, nhưng biết mẹ không bằng lòng là nó không nhận những gì Dung dụ cho. Tôi nghĩ Long cảm biết nỗi lòng của tôi. Một phần, nó hay gần gũi mẹ, mẹ nói là biết nghe và một phần khác, hình như nó còn mơ hồ biết có điều gì xảy ra giữa bố mẹ nó và người đàn bà xinh đẹp, giàu có hay đến thăm gia đình nó. Với Dung, nó cũng không vồn vã, thân thiện, chỉ lễ phép vừa đủ, để khỏi bị mẹ la.

* *

Một hôm bất ngờ Dung nói với tôi:

-Anh Huy không bao giờ yêu Lan, Lan không biết sao? Dung mà bằng lòng thì ảnh sẽ ly dị Lan tức khắc!

Dung nói như là khẳng định, tôi tái mặt lắp bắp hỏi:

-Ảnh ảnh nói với Dung... như vậy à?

-Không! Nhưng Dung biết sớm muộn gì ảnh cũng sẽ bỏ Lan mà theo Dung... Nếu Lan bằng lòng Dung sẽ bỏ tiền ra "down" một căn nhà nhỏ cho mẹ con Lan ở, nhưng tiền hằng tháng thì Lan phải tự đi làm trả.

Tưởng Dung qua Mỹ năm 75, trước tôi 19 năm, dĩ nhiên là Dung hơn tôi mọi mặt. Dung nói rành tiếng Mỹ, biết lái xe đi đây đi đó, có công ăn việc làm tốt, ở nhà sang trọng đắt cả mấy trăm ngàn tiền đô. Tôi tự so sánh và rồi thấy tủi thân. Lại nữa, Tưởng Dung trẻ đẹp hơn tôi nhiều nhờ những năm tháng sống sung sướng, không phải lo chuyện cơm gạo từng bữa. Nó ăn mặc áo quần đẹp, xài nước hoa thơm phưng phức, da dẻ mát mẻ căng tròn. Tôi chỉ là một mụ mán mường! Nó đang tung tiền để phá hoại hạnh phúc của tôi. Còn về tình cảm, hồi trước Huy yêu Dung, lấy tôi rồi 5 năm sau chàng vẫn còn thương nhớ Dung, đời sống hai chúng tôi chỉ mới hạnh phúc sau khi chàng đi cải tạo về. Những ngỡ chàng mãi mãi là của tôi. Ít nhất qua cử chỉ chàng đối xử với tôi. Nếu so về vật chất, dĩ nhiên là tôi thua rồi nếu chàng phải chọn lựa. Dung ly dị chồng, tình cảm không còn bị ràng buộc, dễ quá mà, ai cấm cản ngọn lửa xưa bồng phát trở lại, và tình cũ không rủ cũng tới. Như bài hát Mười Năm Tình Cũ mà tôi cứ nghe trong cuộn băng Vũ Khanh hát " ...Mười năm không gặp tưởng tình đã cũ. Mười năm cách biệt tình đành quên lãng Đành nhủ lòng thôi giã từ kỷ niệm Cho qua bao năm mộng buồn quên dấu. Như anh hôm

nay thấy lòng tiếc nhớ..."

Tôi còn đang chết trân, thì Dung đã nói tiếp:

-Nói thật với Lan, cỡ ảnh qua Mỹ muộn màng không còn khả năng làm ăn được gì nữa đâu! Rồi thì Lan cũng khổ vì ảnh, nếu mà ảnh không thích nghi được với đời sống mới. Đàn bà mình còn xoay xở sống được, Lan có ảnh chỉ vấn víu chân Lan thôi, vì đằng nào thì Lan cũng là người phải lo gia đình, chứ ảnh ở tù lâu vậy thân xác mệt mỏi lắm rồi mà trí óc lại hao mòn còn nhớ được gì mà học hành kiếm một nghề nuôi vợ, nuôi con. Có khi lại không bình thường, mát mát, khùng điên!

Vừa nghe Dung nói tôi đã tối tăm mặt mũi rồi, đâu còn để ý mà đặt câu hỏi nếu Huy không còn làm ăn gì được nữa, ngay cả cái bằng lái xe, Huy còn phải học thi lại, thì Tưởng Dung đi giành Huy với tôi làm gì!

*

* *

-... Em có điên không? Mình HO mới qua chân ướt chân ráo xứ người. Cổ đến giúp mình, nghĩ chỗ quen biết cũ mình để cổ giúp vậy thôi. Nếu biết trước sẽ có sự hiểu lầm như vậy, anh đã nhờ anh em khác qua trước giúp đỡ rồi. Bảy năm (anh) đi cải tạo, em đã không bỏ anh. Không lý nào bây giờ ở Mỹ anh lại bỏ em. Em trưởng thành, em chín chắn, em can đảm vượt qua hết những thống khổ, đâu còn là người vợ chỉ biết dỗi hờn và khóc lóc mà mới nghe Tưởng Dung nói em đã tin. Em phải biết Tưởng Dung không phải là người tốt, nói về tháo vát giỏi dang cô ấy là người vô tích sự, cho cô ấy kẹt lại cô ấy đói mục xương lâu rồi, còn nói về đức hạnh cô ấy không bằng một góc của em. Trước 75, cô ấy không bỏ anh vì anh nghèo thì sau 75 cô ấy cũng bỏ anh theo cán bộ không bao lâu sau khi anh đi cải tạo. Những ngày trong tù Cộng Sản, anh đã nghiền ngẫm ra điều đó, trong lòng anh hay nhủ thầm là anh cám ơn em, tiếc là anh chưa bao giờ mở lời...cho em

hiểu lòng anh. Lâu nay anh đối xử với em thế nào chắc em đã hiểu. Em đừng dễ tin người ta...

Tôi gục đầu vào ngực chồng thổn thức, bờ vai vẫn còn run rẩy. Chàng phải siết chặt người tôi để tôi khỏi run. Một chút nữa là tôi đã đánh mất hạnh phúc do chính tôi phải đổ bao nhiêu mồ hôi, nước mắt mới gầy dựng được. Hạnh phúc đó không tự dưng mà có. Mà là những cố gắng của cả chàng và tôi. Tưởng Dung hẳn không biết vậy, nên đang lúc nó buồn nó nhảy vào giựt chàng làm trò vui, bởi vì nó có tiền. Nhưng trên đời này đâu phải lúc nào tiền cũng đem lại những thứ mình muốn.

-Em cũng biết có bao giờ anh riêng tư gặp cô ấy, lần nào thì cũng có em. Cô ấy muốn gì thì anh không biết. Nhưng về phần anh, anh không có vô tình hay hữu ý hứa hẹn gì hết, em phải biết như vậy. Sống là phải nhìn vào hiện tại và tương lai, là em là các con. Anh không ngu dại mà cứ níu kéo cái dĩ vãng vốn đã chẳng vui gì. Anh là người có phước em đã mang hạnh phúc đến cho anh. Em đã cho anh hai đứa con trai khôi ngô tuấn tú.

Chàng nâng mặt tôi lên, chùi nước mắt cho tôi, rồi chàng cười nói đùa:

-Em có nghĩ là kiếp trước anh khéo tu không nên anh mới gặp em, dính với em, chứ không phải với bà Tưởng Dung?

Tôi nghe tim mình đập loạn như thể người ta mới biết yêu lần đầu!

*

* *

Khi chuẩn bị đi xa, tôi tưởng là tụi nhỏ sẽ phản đối và nhất là Khánh chắc sẽ đòi "ở lại" với dì Dung. Hóa ra tuổi trẻ vì ham cái mới cái lạ nên đứa nào cũng hăng hái về chuyến đi và rồi chẳng bao lâu ở vùng Seattle này tụi nó đã quên hẳn dì Dung. Chúng đi học

và có bạn mới. Bên anh chị Phiên có một cháu trai út suýt soát cũng bằng tuổi hai con tôi nên cả ba làm bạn với nhau dễ dàng. Một tuần sau khi mọi việc nhà cửa ổn định, anh Phiên đưa Huy đi giới thiệu một cái giốp trong hãng của anh và Huy được họ nhận ngay trong ngày. Tôi nhận may vá ở nhà. Đời sống kha khá, tháng tháng có dư chút đỉnh, tôi đi nhà băng mua một cái money order gửi tiền về cho mẹ của Huy. Bà là bà mẹ chồng tốt. Tôi về ở với bà từ ngày em của Huy vượt biên mất tích, Huy đi cải tạo chưa về. Bà đối xử với tôi thể như tôi là con ruột của bà, nhiều người không rõ sự liên hệ tưởng Huy mới là rể của bà, thật tức cười. Rồi cũng chính bà sau này nuôi đẻ cho tôi khi hai đứa con của chúng tôi ra đời. Bà hơ lửa, bà bôi gừng, bà lau chùi, bà đút cơm. Giá tôi về ở với bà ngay lúc hai đứa mới lấy nhau, chắc chúng tôi đã không có những năm tháng vợ chồng lạnh lùng với nhau. Bà đã có công trong hạnh phúc của tôi với chàng. Chúng tôi tiếc là đã không đưa bà đi được.

Nắng tháng năm ấm áp, scotchbroom nở vàng, một vùng trời rực rỡ. Lũ chim quyên nhảy nhót kiếm ăn trên thảm cỏ xanh biếc. Tôi ngừng may nhìn chim thấy mình hạnh phúc tràn đầy. Chúng tôi đã ăn được trái cây ngọt từ cây trái do chính chúng tôi trồng và vun bón. Tôi tin tưởng sau cơn mưa cây cối sẽ xanh tươi hơn, đẹp đẽ hơn. Các con của chúng tôi sẽ có cơ hội ăn học thành tài, một đời sống sáng sủa, sung sướng, no ấm ở xứ này.

Chợt nghĩ tới Tưởng Dung, tôi thấy con đường nó đi cô đơn quá. Không chồng đã đành, nó cũng không có con - hai đứa con sống theo kiểu Mỹ cũng đã bỏ mẹ. Nhưng tôi sẽ không thương hại cho nó, bởi vì con người không tự mình bỏ công săn sóc cây thì không nên đòi hưởng trái ngọt.

Linh-Vang

Tiếc Thương

Kính viếng Tiềm linh
Cố Thi sĩ Lam Giang

Tôi về vào cổng Long Vân
Thăm Nguyễn Quang Trứ - Lam Giang sĩ hiền
Ô hay ! Anh đã quy Tiên
Mà tôi cứ ngỡ còn miền trần gian!
Vội vàng ra chốn nghĩa trang
Thắp Anh ngọn nến, cây nhang tỏ tình
Vân Sơn Tây Tái hiện hình
Tây Sơn Hùng Khí, địa linh nhân hùng
Tân Thư Quân Chánh nỗi lòng
Của người yêu Nước, yêu Dân soạn thành.
Vua Quang Trung, sách cuối cùng
Truyện Hay Sử Việt hàng hàng gấm tranh.

Muốn kêu một tiếng thất thanh
Tiếc thương một bậc: Anh hiền Lam Giang
Không nhung phục, chẳng khoa danh
Mà lòng thông thánh, chí thành sắt son
Ngàn năm thọ với Nước Non.

Saigon, Xuân Canh Dần 2010
Thái Tẩu

- Thi sĩ Lam Giang mất ngày 07.09.2009 tại Saigon. Thọ 91 tuổi. An nghỉ tại Nghĩa trang Chùa Hoằng Pháp Hóc Môn.
- Những cụm từ in nghiêng là tiêu đề các tác phẩm của Lam Giang.

Tóc mai sợi vắn sợi dài

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Phượng cho xe vào garage. Trước khi bước xuống xe, nàng nhìn vào gương chiếu hậu lần cuối cùng, hất hất mái tóc vừa mới uốn ngắn, mỉm cười thỏa mãn.

Đẩy cửa vào nhà, Phượng nhí nhảnh đến trước mặt chồng hỏi:

- Mình xem em cắt mái tóc ngắn thế nầy có đẹp không ?

Cường đang đọc lại cuốn sách "Rèn Nhân Cách" của tác giả Hoàng Xuân Việt mang từ Việt Nam qua Mỹ bỏ nằm ụ trên kệ sách mấy năm rồi mà không có thì giờ rảnh rỗi để nghiền ngẫm. Hôm nay nhân ngày lễ, ông lấy được một tuần lễ Vacation đầu tiên sau bao năm lận đận với công việc làm ở hãng. Nghe vợ hỏi, Cường đặt cuốn sách lên bàn, ngước mắt nhìn vợ đang tươi tỉnh chờ đợi ở chồng một lời khen.

Tỏ vẻ khó chịu, Cường nhíu hàng lông mày rậm như hai con sâu róm bám trên đôi mắt sáng quắc đầy cương nghị mà ngày xưa lũ học trò trung học sợ ông Thầy Dạy Triết còn hơn sợ Thầy Giám Thị. Thấy ánh mắt chồng nhìn mình, Phượng biết ngay là ông ấy không bằng lòng. Nàng cắn môi bước vào phòng đóng

cửa lại. Những giọt nước mắt tủi thân rơi lả chả trên ngực áo nàng. Lấy nhau đã mười mấy năm rồi, Phượng lạ gì cái tính bảo thủ của chồng dầy như lớp khiên chống đỡ đường tên mũi dáo của lính trận thời trung cổ. Cuộc sống trên đất nước văn minh mà cứ co mình trong vỏ ốc. Đành rằng công việc làm hàng ngày đã cuốn hút ông. Nhưng tại sao ông buộc vợ phải sống lệ thuộc theo ý mình như thời đại của mấy ông thầy đồ hủ nho. Bạn bè ở hãng cứ chê nàng ăn mặc quê mùa. Đầu tóc thì búi cao trông như mụ chủ tiệm cầm đồ bệ rạc ở tỉnh lẻ. Đã mấy lần Phượng xin chồng cắt tóc ngắn nhưng nhất định Cường không cho lại còn lên giọng triết lý:

- Xin em để lại cho anh chút gì dáng dấp Việt Nam, đó là hình ảnh ngày xưa của cô bé "Phượng Hồng". Với mái tóc dài của em đã một thời khiến cho tim anh xao xuyến.

Khi nghe chồng nhắc đến kỷ niệm thuở còn trung học ở quê nhà là nàng mềm lòng ngay. Nhưng dưới sự tác động khá mạnh mẽ của bạn bè hàng ngày tại sở làm nhiều lúc khiến cho nàng xiêu lòng. Chúng nó bu quanh, đứa bàn để tóc cách nầy, đứa cho ý kiến kiểu kia .

Con bé Kim ngắm nghía khuôn mặt Phượng hồi lâu, bảo:

- Khuôn mặt trái soan của bồ mà cắt tóc ngắn, uốn úp vào sẽ tôn thêm vẽ đẹp thùy mị ra đấy.

Con Mai, bạn thân nhất tự động xổ mái tóc Phượng xuống, gom phần tóc dài dấu phía sau gáy của nàng rồi tiếp:

- Đúng đấy, uốn theo kiểu nầy thì "Phượng Hồng " sẽ biến thành " Phượng Đỏ có chàng tới hỏi". Con nhỏ Mai nhái theo đầu đề cuốn tiểu thuyết của Viên Linh:

"Hạ Đỏ Có Chàng Tới Hỏi" rồi cười ha hả.

Phượng cũng thường tâm sự với chúng bạn :

- Ông xã mình khó tính lắm. Từ vấn đề ăn mặc cũng như trang điểm hễ khác một chút là ông ấy cằn nhằn mãi.

- Ôi, ở Mỹ mà, Lady first. Nhỏ Kim tán vào - Bạn cứ làm trước báo cáo sau. Biết đâu mái tóc mới làm bồ trẻ ra càng khiến cho ông giáo sư triết lại mê vợ "ngất ngư con tàu đi".

Vã mấy tháng qua nàng cố tình tránh né. Chiều nay lũ bạn đẩy Phượng vào tiệm uốn tóc gọi là "đi tham khảo". Cuối cùng, nàng quyết định hớt ngắn mái tóc. Quả thật, chúng nó nhận xét không sai, trông Phượng trẻ ra, tươi mát và thêm phần nhí nhảnh.

* * *

Khi thầy Cường bước vào lớp học, tiếng ồn ào như vỡ chợ chợt im bặt. Chỉ một vài tiếng nói lẻ loi còn sót lại ở cuối lớp là đủ cho đôi lông mày thầy nhíu lại cùng với ánh mắt nghiêm nghị phóng về hướng có tiếng ồn là trật tự lập tức vãn hồi.

Đứng trên bục giảng thầy bảo:

- Trước hết tôi khen các em đã giữ được tính tự trọng mà thầy đặt niềm tin lớp thầy không nằm trong nhóm "nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò". Các em là lớp đàn anh, đàn chị của trường . Hết niên khóa nầy các em sẽ thực sự trưởng thành chuẩn bị bước vào đời trên mọi nẻo đường. Hãy làm gương cho các lớp đàn em noi theo.

Thầy Cường áp dụng luật lệ trong lớp của thầy phụ trách rất khác lạ. Em nào vi phạm kỷ luật, không làm đầy đủ bài tập, thầy không hề cho zero trong sổ điểm mà bắt nhảy xỏm, hít đất hoặc chạy vòng quanh sân

trường. Tùy theo lỗi sai phạm mà các em tự ấn định số lượng hình phạt sao cho xứng hợp. Riêng bài tập thiếu, thầy buộc ngồi tại lớp làm cho xong mới được ra về. Đó là hình phạt đặc biệt "rất lính" của lớp thầy Cường đã được Ban giám đốc nhà trường chấp thuận.

Sau bốn năm phục vụ trong quân ngũ, Cường được biệt phái về dạy lại trường cũ. Ông thấy hình phạt đó vừa tăng sức chịu đựng cho học sinh vừa khiến cho các em ngại ngùng trước mặt học sinh toàn trường. Nhờ thế mà các em luôn luôn tự nguyện giữ kỷ luật và chuyên cần học tập .

Hồi còn là học trò, biết bao nam sinh mê mệt mái tóc Phượng. Mái tóc đen dày chảy mượt mà quá thắt lưng. Làn da hồng hào trắng mịn càng làm nổi bật thêm đôi mắt bồ câu đen lay láy giữa đám nữ sinh tuổi còn mơn mởn. Cái giọng "Bắc Kỳ" như chư chim hót đã làm cho lắm kẻ trồng cây si. Mấy anh chàng đệ nhất A1 đã làm thơ dán trước cửa lớp ca ngợi mái tóc nàng:

"Ôi, mái tóc mượt mà tràn lối mộng.

Để hồn thơ đậu bờ bến si mê.

Cõi trời hoang réo gọi áng mây về

Cũng lặng lẽ, tần ngần bên suối tóc...".

Nữ sinh cùng lớp có lắm người ganh tỵ trước những câu thơ tán tỉnh đó. Riêng Phượng chẳng hề rung động. Vậy mà vài câu thơ tình của thi sĩ Nguyên Sa được đọc lên từ giọng trầm ấm của thầy Cường đã khiến cho con tim Phượng phải nhiều đêm thao thức:

"Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc.

Áo nàng xanh anh mến lá sân trường.

Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương.

Anh thay mực cho vừa màu áo tím...".

Từ đó, mỗi tuần Phượng thay một màu áo. Lần lượt áo dài màu vàng, đến màu xanh và tuần kế là màu tím. Bạn học cùng lớp ít người để ý nhưng có lẽ thầy Cường là người nhạy bén về Tâm lý, hiểu rõ tình cảm kín đáo của cô học trò.

Buổi học đầu tiên, học sinh tỏ ra chẳng thiện cảm chút nào với ông thầy có cặp chân mày chữ nhất trông khó đăm đăm. Tuy nhiên, nội tâm thầy lại rất dễ cảm xúc. Có lẽ Phượng đã nhìn thấy một tâm hồn thi nhân nằm trong lớp vỏ khô khan, chai lỳ của ông thầy dạy triết.

Lớp Đệ nhất A2 có hai nữ sinh trùng tên. Đó là Nguyễn Thị Phượng và Trần thị Phượng. Để phân biệt hai Phượng, bạn bè trong lớp gọi Phượng họ Trần là "Phượng Đỏ" còn Phượng họ Nguyễn là "Phượng Hồng". Phượng Đỏ có mái tóc cắt ngắn thoạt trông như nữ minh tinh Thẩm Thúy Hằng. Phượng Hồng thì tóc dài như nữ nghệ sĩ Thanh Nga. Cả hai cô nàng được sắp hạng hoa khôi nên kỵ nhau như nước với lửa. Ngày đó Phượng Hồng yêu thầm thầy Cường. Ngược lại, Phượng Đỏ thì trề môi trước cái cung cách "rắn như thép"của ông thầy chẳng khác gì một anh chàng lính trận.

* * *

Chỉ còn hai tháng nữa là hai lớp đệ nhất dự thi lấy bằng Tú Tài. Đột nhiên trường đóng cửa và sau đó là cảnh chạy loạn. Rồi miền Nam Việt nam thay đổi hoàn toàn nếp sống theo chế độ mới. Đời sống ngày một khó khăn. Bố mẹ mất hết tiền hưu trí, Nguyễn thị Phượng bỏ học theo bạn bè đi buôn hàng chuyến để giúp đỡ gia đình trong thời gạo châu củi quế.

Một hôm, trên chuyến xe đò đi Đà lạt, bất ngờ Phượng gặp thầy Cường. Cả hai đều xúc động.

Thầy trò ngồi trong một tiệm giải khát tại Định Quán lúc xe ghé vào ăn trưa. Phượng nêu thắc mắc:

- Sao thầy không bị tập trung cải tạo như những giáo viên biệt phái khác mà đến giờ nầy họ vẫn chưa được thả về ?

Thay vì trả lời, Cường hỏi :

- Phượng còn nhớ trò Nguyễn Văn Bảy đệ nhất A2 không ?

Phượng nhìn đăm đăm thầy Cường:

- Làm sao quên được. Cùng lớp với em mà thầy.

Nàng nhớ lại một ngày đầu năm học đệ Nhất. Thầy Cường đang giảng bài, chợt hai người cảnh sát và một an ninh quân đội xuất hiện trước cửa lớp đòi vào khám xét. Thầy Cường chận lại yêu cầu họ phải xin phép Ban giám đốc trường trước đã. Trong lúc thầy đưa quý vị đó xuống văn phòng thì trò Nguyễn Văn Bảy bất ngờ phóng qua cửa sổ chạy mất dạng. Khi toán an ninh được phép vào lớp kiểm tra từng học sinh thì không tìm được tên Nguyễn Văn Bảy mà họ cho biết là tên hoạt động nội tuyến VC. Cả lớp đều sửng sốt nhưng chẳng một ai dám hé môi.

Chủ quán bưng hai ly nước chanh đặt trên bàn khiến cho Phượng sực tỉnh. Nàng mời thầy uống nước rồi lên tiếng hỏi:

- Có phải Nguyễn Văn Bảy nhảy qua cửa sổ không thầy ?

Cường gục đầu:

- Đúng. Sau ngày "giải phóng" Bảy về giữ chức vụ Trưởng phòng Giáo dục huyện. Tôi trình diện gặp anh ấy.

Bảy nói:

- Diện giáo chức biệt phái phải cải tạo 6 năm. Nhưng thầy đã có công cứu thoát cán bộ cách mạng nên em đề nghị cấp trên cho thầy đi học lớp chính trị một năm. Sau đó thầy được tiếp tục dạy trở lại.

- Hiện giờ thầy dạy ở đâu? Phượng hỏi.

- Chẳng được dạy đâu cả. Sau sáu tháng học chính trị, họ chuyển qua trại cải tạo, ngồi tù thêm ba năm, lý do "sĩ quan ngụy" biệt phái. Hiện giờ tôi và người bạn làm đường kết tinh tại khu kinh tế mới Tân Hội thuộc huyện Đức Trọng.

- Thầy có mang theo vợ con lên đó?

- Tôi vẫn chưa lập gia đình.

- Thế thầy đợi đến bao giờ nữa ?

- Đến khi nào mộng ước của tôi thực hiện xong.

Cái mộng ước thầm kín của thầy Cường đã được sự tiếp tay của cô học trò ngày xưa. Hai người tổ chức vượt biển thành công và đã làm lễ thành hôn tại đảo Pulau Bidong. Hiện giờ họ đã có hai mặt con trên đất Mỹ nầy.

* * *

Cường đẩy cửa bước vào phòng thấy vợ ôm mặt khóc, ông bực mình quát to:

- Cô còn chưa thỏa mãn sao. Muốn đi thẩm mỹ viện nữa chắc ?

Phượng lấy giấy tissue lau nước mắt, nhìn chồng giận dữ :

- Tôi cấm ông hạ nhục tôi đấy nhé. Đã mười mấy năm nay tôi nhường nhịn ông đến kiệt sức rồi. Ông chồng nào cũng chiều vợ, chỉ có ông bắt vợ chiều chồng. Ông độc đoán, khắt khe đến tàn nhẫn.

Cường biện giải:

- Đó là nghệ thuật giáo dục con cái . Mẹ cha phải làm gương cho chúng nó trong nếp sống hàng ngày,

- Ông đòi hỏi người mẹ phải sống khổ hạnh như người tu hành sao?

- Có cả tôi trong đó nữa, Cường xen vào

- Cô nên nhớ tôi không hề ăn chơi buông thả, trụy lạc. Tôi cố giữ cốt cách của một giáo sư ngày xưa nữa đấy, Cường gằn từng tiếng.

Phượng cười chế giễu:

- Cái đầu ông chỉ gôm lại một cục: "Giáo sư", cái tước vị hào nhoáng mà không có thực lực ở đất Mỹ nầy. Muốn làm giáo sư đích thực hãy học lấy cho được bằng Ph.D.

Câu nầy đã xúc phạm lòng tự ái của Cường không ít. Chàng cau mặt, quay lưng đóng sầm cửa lại. Những ngày mới định cư ở đất nước nầy, chàng có ý định vào đại học để lấy cho được bằng cử nhân Triết, nhưng rồi bận rộn với con cái và công ăn việc làm. Vốn liếng Anh ngữ của Cường rất giới hạn, chỉ vừa đủ giao dịch hàng ngày với những người bản xứ. Cường và vợ ghi tên vào học College được một năm nhưng cái bầu của vợ càng ngày càng lớn gây nhiều trở ngại, hai người đành bỏ học.

Phượng biết câu nói vừa rồi đã xúc phạm khá nặng nề đối với chồng. Nhưng tại ông ấy miệt thị nàng. Người vợ nào lại không muốn làm đẹp cho chồng.

Với dáng hình thon gọn cùng với gương mặt thanh tú, loại áo quần nào Phượng mặc vào đều hợp cả. Những lần tham dự tiệc tùng cưới hỏi, nàng rất muốn mặc bộ áo đầm dạ hội hở vai để hợp cùng chúng bạn. Nhưng Cường nhất định không cho, buộc nàng phải mặc áo dài. Ông ấy lập luận:

- Trong các loại áo quần phái nữ trên thế giới, chỉ có chiếc áo dài Việt Nam là đẹp hơn cả. Nó vừa kín đáo vừa khoe trọn vẹn dáng nét mỹ miều của người phụ nữ . Phơi bày cái sắc đẹp da thịt của người đàn bà chỉ là kích thích thị hiếu dục tính trong phần rất nhỏ của khía cạnh thẩm mỹ mà thôi. Còn mình đang có mái tóc dài, đẹp mượt mà óng ả tại sao không giữ lấy mà cắt bỏ đi thay vào mái tóc uốn khô khốc, cong queo. Phượng biết đó là cách lý luận của người đặc sệt óc thủ cựu nên lặng thinh cho qua chuyện. Lần nầy thì quá lắm. Ông xem vợ như đứa học trò tiểu học, cướp hết cả quyền tự chủ. Càng nhìn cảnh bạn bè được chồng chiều chuộng, được mua sắm tự do chẳng có một ràng buộc nào, càng khiến Phượng tức tối thêm.

"Mặc kệ, muốn ra sao thì ra", nàng nghĩ thầm, rồi lên xe dạo quanh một vòng đến nhà Mai để tinh thần bớt căng thẳng. Nàng xem như làm một "cuộc cách mạng" trong đời sống vợ chồng.

"Quả thật mình đã quá khắt khe với vợ. Nhưng hôm nay sao cô ta tỏ ra bướng bỉnh lại bỏ nhà đi trong giờ dùng cơm tối. Có hẹn hò với ai chăng ?" Cường nhủ thầm rồi nằm dài trên ghế sô-pha chờ đợi.

Mãi đến 12 giờ khuya Phượng mới quay về. Vừa bước vào trong nhà là bị Cường mắng ngay:

- Cô không phải là người vợ hiền, không xứng đáng là bà mẹ gương mẫu. Cô đã bị bè bạn rủ rê làm hư hỏng cả rồi !

Phượng đốp chát:

- Hư hỏng thì bỏ tôi đi. Không còn xứng đáng làm vợ ông thì ly dị !

Cường trố mắt nhìn Phượng trước thái độ thẳng thừng và cách trả đũa bất ngờ của vợ mà từ xưa không hề có. Ông lặng lẽ lấy va-li xếp một ít áo quần mang

ra xe rồi lái xe đi giữa đêm khuya.

Nàng gieo mình trên ghế sô-pha, tê điếng cả tâm hồn.

Cường đi rồi, mỗi buổi sáng Phượng phải dậy sớm hơn để chở con đến trường học. Chiều đi làm về phải thay Cường đến đón chúng. Cảnh trống vắng, cô đơn đã làm cho nàng mất ngủ. Mỗi lần con hỏi sao bố chưa về là lòng nàng càng thấy xót xa.

* * *

Một tuần lễ sau, bất ngờ Phượng nhận được cú điện thoại của Cúc, cô em gái từ Việt Nam gọi sang. Bên kia đầu giây tiếng Cúc vang lên khẩn cấp :

- Chị Hai ơi, chuyện gì đã xảy ra mà vợ chồng chị đi đến ly dị?

Phương ngạc nhiên hỏi:

- Ai nói với em thế ?

- Anh Cường chứ ai.

- Ông ấy gọi em à ?

- Không, anh Cường về Việt Nam

Phượng khựng lại một giây, rồi tiếp:

- Thấy chán nhau mà phải ép mình sống chung thì trở nên cực hình.

- Hèn chi mà anh Cường bảo em gọi chị gởi đơn ly dị về Việt Nam để anh ấy ký. Sẵn dịp anh tìm vợ ở đây luôn thể.

- Ôi, đầu đã hai thứ tóc, muối nhiều hơn tiêu mà đòi cưới vợ, ham hố! Muốn làm trò cười cho thiên hạ chăng.

- Lầm to rồi chị Hai ơi, chưa gì mà đã có người bám chân anh Cường rồi đó. Họ có tiền, sẵn sàng nuôi

anh ấy năm nầy qua năm khác, chỉ cần bảo lãnh họ qua được Hoa Kỳ thôi.

- Mầy nói thật hay đùa vậy Cúc.

- Chuyện một đời người em đâu dám đùa cợt với chị Hai.

- Thế con đĩ nào níu kéo anh ấy?

- Của chị buông ra thì người ta hứng có tội lỗi gì đâu mà bảo níu với kéo. Anh Hai ở đây là vàng ròng đấy, Việt kiều mà!

- Nhưng tao hỏi mầy đứa nào muốn lấy ảnh, nói nhanh ?

- Người đó có xa lạ gì với chị đâu!

- Nó tên gì ?

- Chị Phượng, Trần Thị Phượng, hồi học cùng lớp 12 với chị.

Phượng cười mũi :

- Tưởng ai. Ngờ đâu con "Phượng Đỏ Mõ Dài"! Ngày đó, mỗi lần thấy ông Cường là nó trề môi trước mặt tao chê anh chàng thô kệch như nông dân.

- "Đừng tin những gì con gái nói..." Biết đâu ngày đó chị Phượng Đỏ nói ra nói vào để chị Hai tránh xa thầy Cường cho bà ấy thế chân, chẳng hạn như bây giờ vậy.

- Ông Cường về Việt Nam bao lâu rồi?

- Gần một tuần lễ. Chị Hai ơi, thế nào chị cũng phải gởi gấp đơn ly dị cho anh Cường nhé.

- Hay nhỉ, mầy là em gái tao lại đi bênh vực người ngoài.

- Sao lại người ngoài. Dù thế nào đi nữa anh Cường cũng là "cựu" anh rể em, là cha đẻ hai đứa cháu thân

yêu của em bên Mỹ mà.

- Nhưng tại sao mầy xúi anh Cường lấy con quỷ Phượng Đỏ. Tao mà thấy mặt nó ở trên đất Mỹ nầy chắc tao tự tử chết để lại hai đứa con côi. Mầy nói với anh Cường lấy ai cũng được trừ cái bản mặt con đó ra. Tao sẽ không gởi đơn ly dị, ông ấy phải về Mỹ giải quyết.

- Nhưng mà chị Phượng Đỏ thúc anh Cường tổ chức buổi tiệc ra mắt đấy.

- Nhất định không được, mầy bảo ông Cường gọi điện cho tao gấp.

Phượng gác điện thoại, lòng rối bời. Chỉ một cơn giận hờn mà sinh ra đổ vỡ. Khuya hôm ấy nếu Cường không bỏ đi, thế nào nàng cũng xin lỗi chồng để làm hòa. Suốt ba đêm, Phượng trằn trọc không hề chợp mắt. Nàng nghĩ đến những ngày tháng không chồng. Cảnh cô đơn, lạnh lẽo trong gia đình sẽ đưa đến hậu quả nào đây. Nhất là hai đứa con bỗng nhiên không cha khiến tim nàng quặn thắt. Mình có bước thêm bước nữa, thì lại cảnh con anh, con em, con của chúng ta. Rồi lại sinh ra những bất hòa mới.

Từ hôm đó, ngày nào Phượng cũng gọi về Việt Nam để gặp Cường cho kỳ được, nhưng không có ai bắt phôn.

* * *

Đêm nay, cơn rét chợt đổ về. Ngoài đường tuyết bắt đầu rơi. Hai đứa con đã ngủ từ lâu, Phượng cố dỗ giấc ngủ để lấy sức cho ngày mai đến sở làm. Nhưng mắt nàng cứ mở thao láo hết nhìn trần nhà lại nhìn đồng hồ. Chợt tiếng điện thoại reo vang. Phượng với tay lên đầu giường bắt phôn:

- Alô, tôi nghe.

- Xin cho gặp cô Phượng Hồng.

- Anh Cường, sao anh không về, em gọi anh suốt mấy ngày nay mà chẳng ai bắt phôn.

- Thì bây giờ anh gọi lại em đây.

- Anh đang ở đâu vậy?

- Ở trước cửa nhà.

Phượng vất chiếc điện thoại lên bàn, vội vàng ra mở cửa. Cường vừa bước vào nhà, chưa kịp đặt va-li thì Phượng đã nhào đến ôm lấy chồng, gục mặt vào ngực Cường khóc rấm rứt. Dòng nước mắt vừa mừng vui, vừa hối hận của vợ đã khiến cho Cường mỉm cười. Tiếng tít tít liên hồi của tổng đài điện thoại báo hiệu điện thoại chưa off. Phượng lau nước mắt nhìn chồng rồi đến tắt phôn :

- Anh về sao không báo cho em đến phi trường đón.

- Có đi đâu xa mà cần đến hãng hàng không .

- Anh về Việt Nam mà.

- Cô Phượng Hồng cản mũi kỳ đà thì làm sao Phượng Đỏ dám đụng đến thầy Cường. Đó chẳng qua là sáng kiến của Cúc. Cô em gái biết rõ bài tẩy của bà chị ruột mình mới được cái màn đối thoại vô cùng hấp dẫn qua điện thoại đấy chứ.

Phượng sà vào lòng chồng, bẹo vào má Cường mắng yêu "Ông già mắc dịch", rồi hai người hôn nhau.

Ngoài trời tuyết rơi trắng xóa dưới cơn bão tuyết từ lục địa Canada thổi qua, nhưng cơn bão trong ngôi nhà vợ chồng Cường Phượng đã yên ắng, trở lại cảnh ấm êm. Hạnh phúc lại được vun bồi nhờ vợ chồng hiểu rõ nhau hơn./

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Thất trận

Thất trận ta vào tù
Tương lai thật mịt mù
Dân Nam mình nhục nhã
Núi sông buồn thâm u.

Ôi ! Chính sách khoan hồng
Cải tạo trong cùm gông
Dạ dày qua hộ khẩu
Đói lòng buồn mênh mông

Nước mất mất tất cả
Nó cướp của mọi nhà
Đừng nghe gì nó nói
Nhìn kỹ nó ba hoa.

Nguyễn Công Lượng
(Trại 15NV, Long Thành tháng 4/1976)

Trong trại tù Xuyên Mộc

Rừng sâu nghe tiếng ve kêu
Ta thằng thất trận mang nhiều suy tư
Bạn tù tài trí có dư
Cũng đành ôm hận sầu như vận về
Sương chiều nặng hạt khó bay
Gió nhiều nên tiếng ca hay dễ chìm
Thanh tao ít được người tin
Làm sao bày tỏ nỗi niềm thiết tha !

Nguyễn Công Lượng
(Xuyên Mộc , tháng giêng 1979)

Trong tù nhớ nhà

Lá rơi khơi động nỗi buồn
Rừng sâu xa cách xóm thôn quê nhà
Nằm nghe gió lộng chiều tà
Nỗi niềm gởi lá đến nhà hay không !?

Nguyễn Công Lượng
(Xuyên Mộc, tháng giêng 1979)

RỪNG VÀNG

DIEU NGUYEN

Xã Bình Phú thuộc huyện Bình Khê nay là huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Phía Bắc giáp sông Côn, phía Nam giáp dãy núi Trường-sơn có một nhánh chạy xuống hướng Đông. Vùng núi nầy có rất nhiều tài nguyên dồi dào và quý giá, nhờ vậy mà người nông thôn ở địa phương sau vụ mùa gặt hái, cày cấy xong , người ta vô trong núi để tìm kiếm những lợi tức khác.

Đường đi vô núi phải đi bộ vì đường dốc và nhỏ, nếu đi trong ngày thì họ mang cơm theo ăn trưa. Nếu họ đi xa đến ba bốn ngày thì đem theo gạo mắm, nồi son để nấu ăn và ngủ lại trong rừng. Những công việc làm trong ngày như : Bức mây, đốt than, đốn củi, bẻ lá nón, hoặc hái trái cây, những thứ nầy đem ra chợ bán cũng khá tiền.

Mây thì đủ loại mây: Mây rắc sợi nhỏ bằng đầu đũa dùng để cột thúng, rổ, rá. Mây hèo còn gọi là mây thiên vì nó rất dài bò lên tới đọt các cây cao, mây hèo lớn bằng ngón chân cái, khi dùng phải chẻ ra làm tư, làm sáu, dùng làm nhà, cột sõng ghe, cũng loại mây nầy người ta lấy phần dưới gốc cứng để làm roi đánh trâu bò khi cày bừa, nên gọi là mây roi cày.

Lá nón, là loại lá dùng để chằm nón, người ta cắt lá non, còn búp chưa nở xòe ra, đem về nhà đạp giẫm cho nó bung ra rồi phơi khô, khi chằm nón họ vuốt

ũi thẳng từng lá. Lá nón già thì dùng để chằm áo tơi gọi áo tơi lá, che mưa che gió. Áo tơi nầy rất ấm, nước mưa không thấm. Do đó có câu: " Trăm áo gấm không bằng tấm áo tơi".

Trái cây:

Trái cây trong núi có đủ thứ trái, ăn rất ngon, bán được nhiều tiền. Loại trái ăn chơi, có loại trái vừa ăn chơi vừa còn làm thuốc nữa. Loại trái ăn chơi như : Trái sim, trái chà là, trái trà viên (chà viên),trái mừng quân, trái gắm, tái cám, trái chua giống trái dâu ở trong miền Nam, trái trâm, trái đát, trái quăn. Những trái nầy tùy theo mùa mới có. Hiện nay tại đảo Phú Quốc người ta ép trái sim làm rượu bổ trị bệnh. Vấn đề kết quả thế nào không rõ.

Trái cây vừa ăn chơi, vừa làm thuốc như: Trái xoay (xay), trái nầy bằng ngón tay cái, lúc gần chín ngoài vỏ ngã màu hơi vàng nâu, ăn cả vỏ vì bóc vỏ không được vị chua chua, người ta gọi là xoay da bò. Khi trái thật chín vỏ ngã màu nhung đen có lớp lông tơ li ti mịn, dễ bóc vỏ, ăn lớp cơm bên trong ngon ngọt, vỏ ăn hơi chát chát. Do đó người Hoa Chợ Lớn thu mua trái nầy về làm rượu chát nên bán rất có giá. Hạt của trái xoay người ta ngâm nước bóc vỏ cứng nấu chè ăn cũng ngon.

Trái ươi (ư) trái nầy lớn hơn ngón tay cái khi nó già ngã màu nâu vỏ nhăn nhúm không trơn tru, gặp gió thì nó rụng xuống đất. Đặc biệt trái nầy trên cuốn có cái cánh mỏng xòe giống như cái dù che chở trái cây bên trong. Nhờ cái cánh dù che chở nên khi gặp mưa trái ươi không bị ướt. Người ta đi lượm ươi rơi rụng gọi là ươi bay, không chặt cây ngã xuống để hái vì trái còn dính vào cành nó chưa già, khi ngâm nước nó không nở cơm ở bên trong. Chính cơm nầy người ta lấy để

ăn, muốn ăn người ta cắt hai đầu trái ươi bỏ vào nước âm ấm , sau 20 phút thì ươi nở lớp cơm bên trong, bỏ lớp lụa bên ngoài và hột, chỉ lấy phần cơm để ăn với đường rất mát và ngon, ăn ươi rất thông đường đại tiện, người nào bị kiết lỵ ăn ươi sẽ dứt. Do trái ươi có dược tính mát nên mấy tiệm thuốc Bắc thường thu mua trái nầy để làm vị thuốc. Nghe nói hiện nay người ta không đi lượm ươi, mà người ta muốn mau có tiền, ham lợi nên không có ý thức , họ đốn cây ngã xuống hái trái xanh, non già gì cũng hái hết, đem về họ phơi khô nhộm nâu giống như ươi già để bán. Người ta đâu có biết thời gian từ cây con đến khi có trái, lâu đến 20-30 năm mới có quả.

Nói về các loại cây quý.

Cây gió, cây nầy thân mềm, gỗ không thể dùng cất nhà, hoặc làm củi vì nó không cháy thành ngọn lửa mà chỉ ngún lùi lùi. Nhưng cây gió cho ta một vật quý giá hơn vàng, đó là bắp trầm, trầm hương mà ngày xưa Vua Chúa bắt dân đi tìm đem về cống hiến. Bắp trầm là một khối cây đặc như bánh sáp rất cứng giống như bắp chuối, màu đen mun, có mùi hương thơm nên người ta gọi là trầm hương.

Thân cây gió chỗ nào bị tì vết hủ mục hoặc chỗ cành bị gãy lâu ngày chỗ hủ mục lớn dần, những con kiến chui vào ăn chất ngọt. Chính chỗ hủ mục đó là nơi tích tụ tất cả các ngọn gió đáp vào, gió độc, gió lành gì nó cũng hút vào đó cả, kết hợp với chất đặc biệt của cây lâu ngày tạo thành khối đen rất cứng và có mùi thơm, do đó người ta gọi cây nầy là cây gió là vậy. Ngoài bắp trầm , xung quanh bắp có lẫn lộn chút màu đen lẫn thân cây màu trắng và có mùi thơm gọi là kỳ nam dùng làm thuốc đau bụng. Phần trắng thân cây người ta xay thành bột để làm nhang vì nó cũng phản phất mùi hương trầm.

Ngày xưa người ta đi tìm trầm là đi tìm cây gió, thấy cây nào có chỗ bị hủ mục ở thân hay ở cành và thấy có con kiến bò vào ra chỗ hủ mục thì người ta mới chặt ngã rồi từ từ băm tìm chỗ có trầm. Ngày nay nghe nói người ta vì tiền , không ý thức như ngày xưa, miễn là gặp được cây gió dù lớn hay nhỏ gì họ cũng đốn ngã để tìm trầm. Do vậy hiện tại trong núi không còn cây gió nào thật là tai hại.

Cây dầu rái.

Cây dầu rái, thân mềm, gỗ không dùng được, thân nó chứa một chất mủ giống cây cao su, nhưng chất mủ nầy đặc, dẻo rờ dính tay rửa nước không ra chỉ dùng dầu lửa hoặc dầu phụng lau mới sạch. Dầu rái dùng để trét ghe sõng. Đặc biệt loại cây nầy chỉ có trong rừng sâu núi cao, nó mọc trong một vùng gần nhau, không phải núi nào cũng có cây nầy. Có nơi cây cho nhiều dầu và tốt như vùng núi Đồng Dầu thuộc thôn Phú Mỹ, có nơi cây có ít dầu như vùng núi Đồng Sim thuộc thôn Phú Hòa. Khi mùa gió Nam (mùa hè) cây không có mủ.

Mặc dù ở trong núi rừng mênh mông nhưng số cây dầu rái của người nào khai thác đầu tiên là của người đó. Lưu lại con cháu sau nầy cũng được hưởng, người khác không được xâm chiếm. Muốn lấy dầu rái người ta phải đi cả ngày đường mới tới nơi, leo đèo xuống dốc, đi gành đá lội sông,vì vậy họ phải ở lại ba bốn đêm trong núi. Công việc đầu tiên họ làm là dùng cái rìu vạt vào thân cây một mảnh, tùy cây lớn nhỏ mà mở miệng rộng hẹp. Xong đốt lửa chỗ miệng nầy cho nóng để dầu rái chảy ra, dưới gốc khoét cái lỗ dưới đất để hứng dầu. Ngày hôm sau họ trở lại múc dầu đổ vào thùng. Cây dầu rái mọc dọc theo sườn núi, có cây mọc dưới suối có cây mọc trên đỉnh cao do vậy người đi thu gom dầu rất vất vả. Thùng đựng dầu hình tròn,

cái quai xách làm bằng sợi mây hèo to bằng ngón chân cái uốn cong lại mới chịu đựng được sức nặng của dầu vì tỷ trọng của dầu rất nặng. Không xách nổi, họ phải dùng cánh tay cong lại móc vào đi thu gom cho đầy thùng. Khi đầy hai thùng họ mới làm gánh, gánh về nhà. Nghề nầy rất cực khổ, chịu đựng sức nóng khi đốt lửa và hít phải khói. Nhưng họ cũng được vui vẻ khi đi gom dầu có người đàn bà theo sau mót số cặn bã lẫn lộn dầu với lá khô đất cát, loại nầy họ đem về lấy lá nón già quấn tròn bằng bắp tay cột hai đầu dùng làm đèn thắp sáng gọi là đèn khấu, chỉ thắp ở ngoài trời ngoài sân khi đập lúa hoặc giã gạo hát hò hoặc trong nhà bếp vì khói quá nhiều. Để dầu rái lắng xuống, lớp trên mặt có lớp dầu màu vàng vàng trong, người ta dùng phết trên nón lá để bảo quản cái nón bền chắc. Nếu người nào bị nứt gót chân về mùa Đông thì bôi lớp dầu nầy hết liền.

Ngân sách xã Bình Phú được dồi dào, đủ chi trả lương cho nhân viên trong xã ấp, và các chi phí khác mà còn thặng dư hằng năm có khi lên đến ba bốn trăm ngàn, phải đem nạp về Tỉnh, cũng nhờ một phần nguồn lợi dầu rái nầy, vì núi rừng đó thuộc về địa phương của xã.

Hiện nay trong rừng núi người dân cho biết không còn một cây gỗ tạp nào, vì người ta đã khai phá lấy gỗ xuất khẩu, thì những loại cây gỗ quí như: Trắc cẩm lai, cà te, trâm xe, gõ, hương, gụ, v.v.. đâu còn nữa ? Họ lấy đất rừng cho Tàu thuê làm nông trường thì thử hỏi rừng vàng biển bạc nay còn đâu?./.

San Jose, 10/30/13

DIEU NGUYEN

THƠ XƯỚNG HỌA

***Đặng Đức Bích** phụ trách*

Bài Xướng:

Đêm mơ

Đêm ấy ta cùng lạc cõi mơ
Thuyền trôi lờ lững bến sương mờ
Chèo khua nước bạc, sông huyền ảo
Trăng rải bờ lau, gió phất phơ
Ngàn ánh ngân vàng trong đáy mắt
Một trời sao sáng giữa hồn thơ
Em run giọng hát, lời tha thiết
Anh ngấm men tình, say ngẩn ngơ

NHƯ THIỀN

Sau đây là các bài họa
(sắp theo thứ tự thời gian nhận bài)

Họa 1:

Nụ cười đầu

Tới độ con tim rộn giấc mơ
Nụ hoa thoạt hiện khó phai mờ
Xuân tìm ngơ ngác sông xanh biếc
Đông ngóng bẽ bàng núi bạc phơ
Hồn mộng chập chờn tơ với tưởng
Tâm tư lãng đãng nhạc cùng thơ
Một cười sao khéo đeo đai thế!
Đâu biết trùng phùng lại ngó ngơ?

TRÁC NHƯ

Họa 2:

Giấc mơ

Lạc cõi đào nguyên gợi giấc mơ
Huyền huyền ảo ảo ánh trăng mờ
Thuyền trôi cuối bãi chèo lơ lửng
Trăng quyện đầu non gió phất phơ
Tiên nữ soi mình lay bóng nước
Thi nhân chuyển bút kết vần thơ
Giật mình mới biết đêm nằm mộng
Tỉnh giấc chiêm bao tiếc ngẩn ngơ

TRIỀU PHONG ĐẶNG ĐỨC BÍCH

Họa 3:

Ta mãi mơ

Xứ lạ nghìn trùng ta mãi mơ
Về thăm Đà Lạt phủ sương mờ
Hàng thông réo gọi lời tha thiết
Thác nước trông chờ mái phơ
Lữ khách mơ màng vào cảnh mộng
Thi nhân đắm đuối thả hồn thơ
Buôn chiều lam khói êm đềm quá
Giờ cách xa rồi nhớ ngẩn ngơ

NGUYỄN TRỌNG KHIÊM

Họa 4:

Bến mơ

Ta sẽ dìu em đến bến mơ
Bên dòng suối mát,dưới trăng mờ
Lung linh đáy nước, trời xanh thẳm
Thấp thoáng bên bờ, lá phất phơ
Gió thoảng hương tình, khơi ý nhạc
Mây trôi hờ hững, gợi hồn thơ
Mời em sánh bước lên thuyền ái
Động mái chèo tình, chớ ngẩn ngơ

BÙI VĂN LUÔNG

Họa 5:

Đêm hò hẹn

Một chiếc thuyền con đậu bến mơ
Không gian tĩnh mịch phủ sương mờ
Vầng trăng soi bóng làn da trắng
Đáy nước in hình mái tóc phơ
Tay ngọc lả lơi vài khúc nhạc
Vóc ngà xao xuyến mấy vần thơ
Canh tàn trở gót về cung quế
Mặc khách si tình đứng ngẩn ngơ

NGÔ ĐÌNH PHÙNG

Họa 6:

Suối mơ

Cảnh đẹp đêm thu hẹn suối mơ
Rừng phong thay sắc ẩn sương mờ
Trăng non khuất bóng màng u tối
Gió nhẹ lay cành lá phất phơ
Tiếng hát giao tình nâng cốc rượu
Giọng ngâm truyền cảm dệt vần thơ
Mãi mê say đắm người trong mộng
Sực tỉnh bàng hoàng dạ ngẩn ngơ

NGUYÊN VŨ

Họa 7:

Đảng mơ

Thế giới đại đồng lắm kẻ mơ.
Cố tìm tới đích lại lu mờ.
Kết đoàn mê hoặc đầu non trẻ.
Ra đảng chán chường tóc bạc phơ.
Đất nước thụt lùi vì lạc lối.
Quê hương chậm tiến bỡi ngây thơ.
Bao năm đổi mới càng thê thảm.
Lãnh đạo óc tôm lĩ ngốc ngơ

DIÊU NGUYỄN

Họa 8:

Ước mơ

Suốt cả một đời anh ước mơ
Dáng kiều tha thướt khó phai mờ
Tương tư từ độ còn xanh tóc
Vương vấn tới thời đã bạc phơ
Quê cũ luôn in bao ý mộng
Xứ người vẫn đượm lắm hồn thơ
Đường đời tuy đã chia đôi ngả
Vẫn nhớ về em dạ ngẩn ngơ

HÀ THÚC HÙNG

Họa 9:

Cứ mơ

Ngày đó lắm người ôm giấc mơ
Cứ coi Tổ Quốc tợ sương mờ
Tôn thờ Vô Sản theo huyền ảo
Sát hại sanh linh phải phất phơ
Nay đã đổi đời chưa sáng mắt
Hay là còn mộng mãi ngây thơ?
Ai người dân Việt còn tha thiết
Hay cố quên đi ngoảnh mặt ngơ?

THÁI HUY LONG

Họa 10:

Cả đời ước mơ

Đến muộn âm thầm mỏi ước mơ
Cô đơn tĩnh mịch lũng sương mờ
Tay ôm suối bạc hồn phiêu lãng
Má tựa phong vàng tóc bạc phơ
Những tưởng cùng người hòa mộng ảo
Nào ngờ dõi bóng lạc rừng thơ
Ơ xa tiếng hát liêu trai lạ
Rót mật vào lòng bớt ngẩn ngơ.

HUY LỮ

Họa 11:

Yêu người trong mộng

Đêm ngủ say nồng chợp giấc mơ
Thấy nàng Tiên nữ dưới trăng mờ
Buông lơi suối tóc vương nhè nhẹ
Kiều diễm hình hài lất phất phơ
Mắt liếc đưa tình khơi nỗi nhớ
Môi cười gợi ý lắng hồn thơ
Hỡi người trong mộng yêu em qúa
Em đến cho lòng anh ngẩn ngơ

THÀNH LÊ

Họa 12

Thiền sư và sư tử

Mê Thiền cho lắm để nằm mơ
Đời mộng là đây thế giới mờ
Trăng ghẹo mày xanh mi biếc biếc
Nước đùa đầu bạc tóc phơ phơ
Cô em yếm thắm dìu quân tử
Hảo hán râu hùm dựa tiểu thơ
Sư Tử gầm gừ xua tỉnh mộng
Thiền Sư rét rét giả ngu ngơ

CHU HÀ

Họa 13:

Nhớ bạn

Trằn trọc thâu canh lại mộng mơ
Bóng hình bạn cũ dáng lờ mờ
Thương người thục nữ thân vàng ngọc
Nhớ kẻ quần thoa tóc bạc phơ
Nghĩa trọng bao ngày theo ký bút
Ơn sâu năm tháng gởi thi thơ
Cho nên mới biết lòng chung thủy
Tình nghĩa như vầy ai dám ngơ

MỸ VÂN TẠ CHƯƠNG CAN

Họa 14 :

Đất hứa

Đất hứa rằng đây của ước mơ
Rạng danh xứ sở chẳng phai mờ
Tiền nhân gầy dựng chân mòn gót
Hậu thế tô bồi tóc bạc phơ
Đúng bậc siêu cường hùng mạnh nhất
Tự do dân chủ dệt nên thơ
Khắp nơi mọi giới đều nô nức
Lập nghiệp nơi nầy chẳng ngẩn ngơ

ĐỖ THANH PHONG

Họa 15 :

Bến mơ

Anh dắt em vào tận bến mơ
Sương giăng núi biếc phủ mây mờ
Một vầng trăng khuyết treo lơ lửng
Vài chiếc lá vàng rụng phất phơ
Suối hát rì rào vào biển mộng
Chim ca thánh thót vọng lời thơ
Bến mơ trước mặt ta chờ đó
Hạnh phúc tràn đầy dạ ngẩn ngơ.

HƯ VÔ

Vì ta là LÍNH CHIẾN

HÀ QUẾ LINH

Đã 37 năm giã từ vũ khí trong ê chề nhục nhã. Phải trãi qua bao nhiêu trại giam khổ sai, đọa đày đói rách, rồi làm công dân hạng bét, ngày đêm bị rình rập, khó dễ và cuối cùng mang thân phận ly hương.

Quê hương đó, sao ta không được sống?

Mang hận thù, lê lết khắp năm châu !

Cũng vì TA LÀ LÍNH CHIẾN, lắm lúc nhớ đến đời binh nghiệp, làm trai thời loạn và bị đày ải qua các đơn vị nhất là Đại đội B 40 HỖN HỢP. Tôi phải nhắm mắt, ôn lại những hình ảnh vùng phi quân sự mà tôi đã dọc ngang như những con mèo bắt chuột trong đêm khuya.

Cái tên đại đội B40 HỖN HỢP nghe sao dài lê thê và có vẻ hài hước cải lương. Nó không nằm trong hệ thống quân giai, không thuộc tiểu đoàn nào cả, được thành lập giữa năm 1966 để phù hợp với chiến trường vùng phi quân sự.

Một đại đội bất hợp pháp, hoạt động quân sự trong vùng phi quân sự, lén lút trốn tránh, lính không ra lính,

dân chẳng ra dân và tôi là người Đại-đội trưởng đầu tiên khi thành lập.

Từ một sĩ quan CTCT đại đội 1 Dân Sự Vụ ở Đà-Nẵng thấy chuyện bất bình, đã ra tay nghiã hiệp giúp đám học sinh Quế sơn Quảng nam, phản đối vụ Chi trưởng Công an Cảnh sát bắn chết học sinh. Tôi đã tổ chức cuộc phục kích trong đêm khuya bắt y và giao cho học sinh, nên bị Thiếu-tướng Tôn Thất Xứng phạt với lý do : Vô kỷ luật. Bị trục xuất khỏi ngành CTCT ---- 30 ngày trọng cấm---- trừng giới 1 năm---phục vụ đơn vị tác chiến. Sau đó tôi được đưa ra trung đoàn 2 Bến Hải Đông-Hà để thi hành kỷ luật, trừng giới lên Khe Sanh, Làng Vây, Lao Bảo và đi sâu vào đất Lào hơn 15 km sống với tiểu đoàn 101 Hoàng Gia Lào do một Đại tá chỉ huy. Ông vừa là Tiểu-Đoàn trưởng vừa là Quận-Trưởng cai trị dân cư trong vùng. Tiểu-đoàn này tồn tại được nhờ sự yểm trợ cuả VN, vì nó bị cô lập, không có đường tiếp tế. Đường bộ chạy về Thủ-đô Lào phải qua thành phố Tchepone, nhưng thành phố này bọn Pathet Lào và VC chiếm đóng, chỉ còn con đường tiếp tế bằng không vận qua sân bay Khe Sanh VN, rồi chở ngược đường bộ vào đất Lào.

Năm 1965 Thiếu tướng Nguyễn Chánh Thi tư lệnh sư đoàn 1 kiêm khu 11 chiến thuật, đã tích cực yểm trợ cho tiểu đoàn này, lợi dụng nhờ nó làm tiền đồn biên giới cho VN. Tôi sống ở đây, theo một toán công tác đặc biệt tình báo VN, mới đầu tưởng họ là lính Lào, họ hướng dẫn tôi cách sống, phong tục và tôi cũng thành một sĩ quan Lào nói tiếng Việt. Tôi phải dùng 4 ngôn ngữ cùng một lúc Việt, Anh, Pháp và body language càng nói nhiều càng mỏi tay. Doanh trại tiểu đoàn là những dãy nhà tole lụp xụp, trên một ngọn đồi, không hầm hố, kẽm gai, súng đạn được cất vào kho, chỉ trừ anh lính gát cổng mới có súng. Binh sĩ nằm ngủ trên nhà sàn cao khỏi mặt đất . Vị Đại tá di chuyển bằng

chiếc xe dodge, ra đường dân chúng gặp phải quì rạp, hai tay xá lạy, rất phong kiến.

Nhân ngày lễ tạt nước (tết Lào)vào trung tuần tháng tư những sĩ quan VN là những ông vua con, được tiếp đãi tử tế trên nhà sàn. Tiếp khách do một toán thiếu nữ chưa chồng đến dâng rượu. Họ quì rạp dưới chân, đưa khay rượu lên khỏi trán, mời mỗi chúng tôi phải uống cho mỗi nàng 1 ly. Họ di chuyển bằng cách quì 2 đầu gối khi nào mời hết rượu họ mới dám đứng lên. (chúng tôi ngồi trên ghế vòng quanh vách nhà sàn.) Tiếp đến vị Đại tá tổ chức một bữa cơm trưa đãi khách (số sĩ quan VN này thuộc tiểu đoàn 2/2 đóng tại căn cứ Làng Vây) có nhiệm vụ yểm trợ và cố vấn cho tiểu đoàn 101 Hoàng gia Lào nhân dịp lễ lên thăm. Lối ăn của họ đơn sơ, rau sống là những nhánh rau rừng rửa sạch để cả bó trên bàn, xôi đựng trong những giỏ đan bằng tre, canh đựng trong tô có thìa để múc, xôi họ dùng tay bốc. Riêng với Sĩ quan VN họ cho chén đũa và cơm. Phong tục họ cũng nhiều cái lạ, tôi không dám nói phong tục của cả xứ Lào, đây là một làng nhỏ cách VN 15 km nghèo, quê mùa, nhưng so ra họ văn minh nhiều hơn dân tộc thiểu số VN dọc theo biên giới. Khi vào tiệc những cô gái làng ăn mặc xinh đẹp chia nhau ngồi rải rác theo 2 dãy ghế của chiếc bàn dài. Chàng thượng sĩ Tánh tình báo VN đã sống ở đây khá lâu nói với chúng tôi, muốn ngồi bên cô gái nào cũng được nếu mình thích, đến bên cô ấy làm quen và chuyện trò.

Trong khi đang ăn tôi được một cô gái Lào xinh xắn, e ấp đến cạnh tôi nở nụ cười duyên dáng líu lo một tràng tiếng Lào và đưa vào miệng tôi một thìa cơm vo thành viên tròn và một ít đồ mặn kèm theo. Tôi ngạc nhiên không hiểu, liếc nhìn sang thượng sĩ Tánh cầu cứu, vì nhiều lần về phép má tôi và bà Ngoại có dặn chớ lăng nhăng với gái Lào nó thư trứng thúi, kim

may, lưỡi cày trong bụng nếu mầy bỏ nó. Tôi muốn từ chối sợ cô nàng bỏ buà, nhưng thượng sĩ Tánh bảo cứ ăn đi và giải thích. Đó là một cử chỉ tỏ tình của thiếu nữ Lào, nếu chấp nhận thì làm như vậy đáp lễ, nếu không cũng không sao. Thấy nàng vừa xinh vừa yểu điệu thơm ngát như cành phong lan tinh khiết cuả núi rừng, bỏ lỡ sẽ hối tiếc. Được trớn tôi đáp lễ ngay và kéo chiếc ghế của mình lại ngồi kề bên nàng, kể từ đó tôi lại có mối tình Việt Lào lãng mạn nhưng cũng đầy thương đau.

Thỉnh thoảng nàng dẫn tôi đi lể chùa, vừa đến cổng chùa nàng ra dấu lấy mũ xuống, vòng tay trước ngực, đi đứng nghiêm trang, tôi đi như một chú tiểu theo chân ni cô. Trong chánh điện trống rỗng đơn sơ, không hình tượng rườm rà loè loẹt, nhưng phiá sau chùa đầy nhóc các chú tiểu, đọc kinh, xem sách, học bài.

Người Lào rất hiếu khách, vào nhà họ có gì mời ăn nấy, họ cho tôi ăn xoài xanh chấm muối (muối ở đây rất hiếm, 1 bao muối đổi lấy 1 radio Phi líp) giã với loại rau rừng trông sền sệt đen đen tôi không dám chấm, ăn xoài không muối chua quẳn lưởi. Ăn xong 2 vợ chồng chủ nhà vác rựa, mang gùi đi làm rẫy bỏ lại tôi với cô con gái của họ trò chuyện, vận dụng mọi ngôn ngữ để truyền đạt ý tưởng cho nàng hiểu và dần dần chúng tôi không cần nói cũng hiểu. Cứ mỗi lần gặp nhau, nàng cột vào cổ tay tôi một sợi chỉ trắng to đánh dấu tình yêu và chúc lành. Vào trong làng thấy nhà nào phía dưới sàn có bao nhiêu khung cửi dệt vải biết nhà đó có bao nhiêu cô gái chưa chồng.

Một kỷ niệm khó quên trong đêm múa hát, họ cho các sĩ quan VN bốc thăm trúng tên cô gái nào được đưa lại đứng kề bên cô ấy, đẹp xấu may rủi . Khi kèn trống, phèn la nổi lên với giọng hát các ca sĩ vườn trầm bổng, chúng tôi rộn ràng quấn quít bên nhau, vòng

quanh bên ánh lửa bập bùng, chúng tôi chỉ biết làm theo, bước tới vài bước, thụt lui vài bước vung tay bên này, ngã người bên kia, lắm lúc sai nhịp cười nghiêng ngã. Lúc dồn dập như băng rừng vượt suối, lúc êm ả nhẹ nhàng như ngắm cảnh hồ thu. Sau mỗi màn vũ lại cụng ly nhau giao hữu lính Việt gái Lào.

Tôi đã say đắm trong chuổi ngày gọi là trừng giới, xem như một chuyến du lịch không tốn tiền, không cần thông hành, chiếu khán. Hết thời hạn lưu đày phải trở về trong sự luyến tiếc. Ở đây chưa có dấu vết chiến tranh, một làng quê thanh bình, khác hẳn với bên kia biên giới VN từ Lao Bảo, Làng Vây, Khe Sanh, Rào Quán đã nhuộm màu tang tóc của chiến tranh. Tôi phải bỏ lại mối tình lãng mạn với cô gái Lào thơ ngây, mộc mạc. Tôi bùi ngùi, luyến tiếc nhìn nàng thiểu não vẫy tay chào tạm biệt trông theo, khi xe tôi từ từ xuống núi, xa dần sau lớp bụi đỏ che mờ. Tôi hẹn nàng trở lại nhưng đành thất hứa.!! vì chiến tranh mỗi ngày một leo thang. Đường bộ bị cắt đứt, phải vận chuyển bằng hàng không từ Đông Hà lên Khe Sanh, trăm ngàn cách trở, biên giới mờ xa...

Lính mà em..!

***

Vùng phi quân sự Demilitarized zone (DMZ) từ Dốc miếu ra đến cầu Bến Hải (Hiền Lương) trên trục lộ số 1 vào khoảng trên 6 km và từ đó kéo về hướng Đông tới biển Cửa Tùng và hướng Tây đến tận biên giới Lào gần 100 km một vùng rộng lớn do Nha cảnh sát Đặc biệt Trung Lương chịu trách nhiệm an ninh, với mấy khẩu rulo bụp xẹt làm gì có sức mạnh để trị bọn du kích, kinh tài, cán bộ từ bờ Bắc xâm nhập ngang nhiên vào bờ Nam hoạt động chống phá, thu thuế, ám sát cán bộ xã ấp,, dụ dỗ thanh niên thoát ly sang bờ bắc, tuyên truyền, địch vận..

Để chống lại tình trạng nầy,Thiếu-tá Vũ văn Giai Trung đoàn Trưởng, Trung đoàn2 Bến Hải quyết định thành lập Đại Đội B40 Hổn Hợp và tôi là người Đại đội trưởng đầu tiên. Thành phần Đ/Đ có 4 Trung đội.

Một trung đội nghiã quân do quận Gio Linh đưa tới (trung đội này là dân địa phương là đầu giây mối nhợ để tôi giăng mạng lưới tình báo, theo dõi các hoạt động cơ sở địch trong vùng.)

Ba trung đội chủ lực của Trung đoàn 2 đưa ra, Từ hạ sĩ quan đến binh sĩ toàn là đầu trâu mặt ngựa, đâm cha chém chú, khó trị vì đủ các binh chủng, nhảy dù, thủy quân lục chiến, biệt động quân, lao công đào binh được phục hồi và các binh sĩ bị phạt từ các đơn vị khác đưa ra Trung đoàn 2,và tôi cũng là tên đã thi hành xong lệnh trừng giới từ đất Lào về. Thật đúng với cái tên HỖN HỢP. Có lẽ để tránh cái danh từ Đ/Đ Trừng Giới nghe nặng tai, giống như tội phạm, làm mất cái oai hùng của người lính xăm mình hiên ngang đở đạn, vùng hỏa tuyến, nên cho cái tên mỹ miều nhẹ nhàng hơn, hoá ra tôi lại bị trừng giới lần thứ 2.

Vũ khí được che dấu, quân phục cởi bỏ, ăn mặc tư do giả dạng làm thanh niên chiến đấu trong làng. Né tránh khi có tin nhân viên kiểm soát đình chiến (KSĐC) đi làm nhiệm vụ. Hoạt động chính về ban đêm phục kích, bắt cóc, theo dõi tóm gọn những cán bộ ban ngày trốn bên bờ Bắc tối đến lẻn về bờ Nam họat động.

Những ngày đầu tiên tôi làm quen với đồn cảnh sát ở đầu cầu Bến Hải, họ đưa tôi lên cầu, tức khắc công an áo vàng bên kia cũng bước lên cầu. Nếu thấy bên này bao nhiêu người thì bên kia bấy nhiêu người và lúc nào cũng gặp nhau giữa cầu.

Lúc mới phân chia Nam Bắc nửa cầu bờ Bắc sơn màu đỏ, nửa cầu phiá Nam màu xanh, sau một thời gian, không hiểu thế nào CS sơn phủ màu xanh lên,

lâu ngày không tu bổ, sơn xanh bị tróc ra, lòi màu đỏ nhem nhuốc, loang lỗ tệ hại. Có lẽ màu đỏ trông khát máu quá,hiếu chiến, tàn bạo quá, trong khi đó nửa cầu bờ Nam màu xanh dịu hiền, thanh bình vì lẽ đó đảng CS muốn mỵ dân nên sơn cùng màu xanh để che đậy cái bản chất xảo trá, lường gạt . Miệng nói bảo vệ hòa bình, mà tay chân động thủ, đưa người và vũ khí vào Nam. Phỉnh phờ dân lành với khẩu hiệu "chống Mỹ cứu nước", trong lúc chính mình ngửa tay, nhận viện trợ súng đạn Nga Tàu đem về chém giết đồng bào ruột thịt miền Nam.

Tôi đề nghị họ cho đi tham quan đầu cầu bờ Bắc (không được bước chân xuống đất). Mặt cầu lót ván, chiều dài mỗi bên 89m, rất ngạc nhiên khi thấy đường lên cầu là những nấc thang tam cấp. Tôi hỏi khẽ anh cảnh sát phe ta, được giải thích, trước đây có một xe chở công nhân sửa đường vụt chạy qua cầu xin tỵ nạn tìm tự do, nên sau đó đường lên cầu được sửa lại, để tránh trường hợp vượt biên trái phép. Đảng CS miệng nói một đàng làm một nẻo. "Không có gì quí hơn độc lập tự do", nhưng trên thực tế lại ngăn sông cấm chợ. Nếu xã hội tốt, đầy đủ tự do hạnh phúc làm gì có cảnh chạy trốn của công nhân làm đường.

Từ đầu cầu nhìn ngược về hướng thượng lưu, đoạn sông phía trên chia làm 2 nhánh, nhánh phiá Bắc tả ngạn chi lưu Sa Lung thuộc phần riêng của CS có chiếc phà đưa nhân viên qua lại bởi 2 người kéo chiếc dây giữa 2 bờ sông. Sau ngày phát động phong trào "một người làm việc bằng hai", chiếc phà này giảm bớt một nhân viên. Những lúc gió to, hay mưa lũ chiếc phà cứ vật vờ xoay qua xoay lại trông thảm hại cho nhân viên kéo phà. Tại sao cái đỉnh cao trí tuệ lại ngu dốt, máy móc đến thế, bình thường 15 phút một chuyến nếu 2 người kéo, bây giờ phải mất 30 phút mà chiếc phà vẫn còn lờ đờ giữa dòng, chưa nói đến khi mưa to, gió lớn.

Nên miền Bắc có ca dao « Mỗi người làm một thành hai để cho cán bộ mua đài mua xe. Mỗi người làm một thành ba để cho chủ nhiệm xây nhà lát sân ! »

Dân tình trong vùng phi quân sự (Trung Lương) dọc sát bờ sông hoặc vùng xa trên núi Bến Tắt, Cồn Thiên (bờ Nam), họ xa lạ với chúng tôi, lúc nào cũng lầm lủi né tránh. Có lần hết lương thực, năn nỉ họ bán cho con gà, tôi trả giá có thể gấp đôi nhưng khôn là khôn (không) tức mình cho lính bắn và sau đó trả tiền sòng phẳng họ lấy, tôi dùng tình cảm và tâm lý để tìm hiểu thì ra, họ rất thương và mến quân đội Cộng Hòa, nhưng không dám ra mặt. Nếu bên kia biết được bán gà cho địch, khi chúng tôi rút đi, tối về họ sẽ bị khó dễ, mang tội tiếp tế cho địch, có thể bị ám sát để làm gương cho kẻ khác. Tội nghiệp cho dân họ phải sống giữa 2 lằn đạn. Từ đó muốn mua cái gì của dân, tôi phải cho lính đóng kịch hùng hổ, dọa nạt và sau lưng trả tiền sòng phẳng, để tránh thảm họa đổ lên đầu dân vô tội. Còn những người buôn bán ở chợ, bọn cán bộ tuyên truyền dùng thủ đoạn khác. Có một hôm tôi hỏi người đi chợ về giá 10 đồng một con cua, bảo lính ra mua thì họ tăng giá gấp 3 hoặc 4 lần, tôi năn nĩ cách mấy họ cũng không không tức mình bảo lính bưng đổ xuống sông, cái mụ mà đanh đá nhứt trong đám, trị một tên đầu sỏ, mấy chị kia thấy vậy kêu lại bán với giá bình thường 10 đồng. Hỏi tại sao, các chị nói nhỏ, cán bộ CS bảo tăng giá cho lính Cộng Hoà khỏi mua (Ở đây tôi là tư lệnh tiền trảm hậu tấu). Cũng vì thế tôi phải mang tên Thiếu úy ác ôn mặc dù tôi nghiêm cấm lính không được phá phách, xâm phạm tài sản cuả đồng bào. Tôi đã từng sống trong chế độ cộng sản trong thời kháng chiến chống Pháp thấy cái ưu ,khuyết điểm của bộ đội cụ Hồ, làm mọi hành động để thu phục nhân tâm, hơn nữa tôi là sĩ quan CTCT.

Đối với dân chúng bên kia bờ Bắc, họ sống rất âm

thầm, sinh hoạt di chuyển dưới giao thông hào, họ bị kiểm soát gắt gao. Những em bé chăn bò, chiều cho bò xuống sông uống nước, không bao giờ được ngó về phương Nam, phải xây mặt về hướng Bắc trong khi chờ bò uống nước xong, lầm lũi đưa bò về. Chúng tôi gợi chuyện nhứt quyết không xây mặt lại.

Dọc theo bờ sông cách khoảng 300 mét VC dựng một giàn phát thanh trên 30 ống loa 24/24 hướng về Nam ra rã suốt ngày đêm, điếc tai loạn óc, lắm lúc hết tin tức chúng lại kêu tên tôi ra đay nghiến doạ nạt: THIẾU ÚY H.K ÁC ÔN NỢ MÁU PHẢI ĐỀN BẰNG NỢ MÁU. Nổi khùng tôi cho M79 bịt miệng thúi chúng lại, nhưng ngày sau chúng lại "vũ như cẩn"

Từ ngày phân chia đất nước 1954, sau 10 năm tôi được đổi ra đây 1964 dọc theo vùng giới tuyến rất nhiều thay đổi được kể lại, đó là 2 lá cờ bên đỏ bên vàng. Mới đầu cờ vàng lớn hơn, trụ cờ cao hơn, thấy thế miền Bắc tức mình đập phá xây lại cờ đỏ to hơn và trụ cờ cao hơn, cứ thế 2 bên thi nhau đập phá,và cuối cùng ngày tôi được chứng kiến cờ đỏ cao, lớn hơn cờ vàng. Đài phát thanh Bến hải, bờ Nam phóng thanh có giờ giấc, trụ loa phát thanh dọc theo bờ sông ít hơn, cường độ âm thanh mạnh hơn, ngược lại bờ Bắc ra rã cả ngày đêm trụ loa phóng thanh nhiều hơn và kiên cố hơn. Bên kia gọi là chọi cờ, chọi màu sắc và chọi âm thanh, chọi loa.

Có những đêm trăng sáng, nằm trên đỉnh Cồn Thiên nhìn qua Vĩnh Linh, một vùng trời sáng rực vì máy bay Mỹ đang hùng hổ oanh kích. Một nỗi buồn vui trộn lẫn trong lòng tôi lúc này. Tôi rất khâm phục những phi công Mỹ, gan dạ, tài tình khéo léo dùng chiến thuật khác lạ để thả bom. Họ đâm thẳng từ trời cao trong bóng tối che khuất của dù đèn, gần thẳng góc với mặt đất lao xuống, vừa ló dạng ra vùng đèn

sáng vội vàng cất đầu lên ngay trong lưới phòng không nổ như pháo bông, đường bay hình chử V. Dưới đất là một biển lửa. Tôi thầm cầu nguyện những trái bom nặng ký ấy, có đầu chíp thông minh đánh trúng vào cơ cấu đầu não địch, kho vũ khí lương thực, để quân dân miền Nam bớt đổ máu và những người dân vô tội miền Bắc bớt tan thương. Nhưng không khỏi một thoáng buồn vì dòng máu dân tộc lại kêu gào. Nếu những quả bom Mỹ thả rớt vào dân làng thì nỗi đau này sẽ đánh động đồng bào ruột thịt cùng dòng máu Tiên Rồng cả Nam lẫn Bắc.! Máu chảy ruột mềm... nhiễu điều phủ lấy giá gương... ! Oan nghiệp này từ kiếp nào đã đổ ụp lên dân tộc VN với súng đạn ngoại bang Nga, Tàu, Mỹ.. !

Càng đi sâu vào vùng quê người dân nói giọng thổ âm nên khó nghe. Vào một nhà thấy người đàn bà chửa tôi hỏi chồng bà ở đâu? được đáp lại "dôn miền sang nát ngoài rào" tôi lắc đầu không hiểu, tưởng người đàn bà nầy là dân tộc thiểu số, khẽ gọi cậu lính người Quảng Trị hỏi bà ta nói gì? Chồng bả gánh nước ngoài sông, hoặc những câu "hai cấy dôn đập chắc ngoài cươi" là hai vợ chồng đánh lộn ngoài sân ", uống mén nát cho mát cái rọt" tức uống miếng nước cho mát cái ruột... Một hôm chúng tôi kéo quân về làng Võ Xá nhìn vào căn nhà bên đường thấy thấp thoáng một cô gái ngồi bên khung cửa sổ học bài, tôi cho lệnh dừng quân, bung ra lục soát và bố trí xong cho nghỉ ngơi cơm nước. Phần tôi la cà vào nhà nàng và mượn nơi đây đóng quân tạm thời. Nàng e thẹn chào tôi, bước vào nhà nhìn lên tường thấy những tấm hình xinh xắn của nàng và một hình chàng trai mặc đồ sinh viên sĩ quan Đà Lạt, tôi khẽ hỏi có phải bồ không? Nàng mỉm cười không nói. Giữa chốn quê mùa, héo hắt, cày lên sỏi đá này lại có một bông Sim tím hoang dã tinh khiết lại muốn cột chân thằng lãng tử ba gai này chăng?.

Được biết nàng là nữ sinh trung học Nguyễn Hoàng Quảng Trị. Cuối tuần nàng về nhà với cha mẹ và tôi cũng đợi ngày ấy kéo quân về lân la hít thở và chiêm ngưỡng mùi hương hoa rừng cỏ nội. Nhà nàng nằm sát bờ sông, phiá sau bờ tre bao bọc và bến nước, bọn trẻ chăn bò thường cho bò về đây uống nước trước khi về chuồng. Mùa khô nước cạn có thể lội qua lội về dễ dàng và chính nơi nầy tôi đã phục kích bắt nhiều tên cán bộ.

Mỗi lần về vùng này tôi rải quân lục soát rất cẩn thận, nấu ăn và nghỉ ngơi, tôi móc võng ngoài bờ tre sau nhà, thấy vậy nàng lại ra mời vào nhà nằm nghĩ, và bảo mấy chú lính tà lọt vào trong nhà bếp nấu ăn, cần gì nàng sẽ giúp, cứ thế lần lần quen nhau đến một ngày tà lọt của tôi khỏi cần nấu ăn, cứ ghé vào nhà nàng là có sẵn một bữa cơm sốt dẻo ngon miệng. Gặp nhau thì vui vui, xa nhau lại nhớ nhớ trông trông. Có lẽ đây là tâm trạng chung của những chàng trai lính chiến độc thân, lây lất trên địa đầu giới tuyến. Rồi một ngày tình yêu đến lúc nào không hay và cơn bệnh tương tư bắt đầu phát tán nếu về không gặp nàng. Một hôm tôi kéo quân về ghé lại nhà không gặp, chỉ thấy cha mẹ nàng ngồi khóc, liền hỏi, nhà có chuyện gì buồn hả bác ? Mẹ nàng vừa khóc vừa nói « con Hoa nó đi học về ngang qua đồn cảnh sát Trung Lương bị mấy ổng bắt rồi". Máu nóng tôi bừng lên, vì trước đây tôi đã không có cảm tình với cảnh sát, nó ngồi mát ăn bát vàng con gái đẹp ở thành phố, nó là bầy ong bướm bao vây chiếm hữu, phỏng tay trên, còn đâu cho những thằng lính tác chiến như tôi, chỉ hưởng xái, hưởng thừa.

Bây giờ tại địa đầu giới tuyến vùng đất chết, xác xơ vì chiến tranh họa hoằn mới có được một cành hoa thơm chúng cũng muốn đưa bàn tay nhem nhúa định ngắc đi. Tôi bị trừng giới ra đây cũng vì tên chi trưởng

Công an Cảnh sát Quế Sơn gò một nữ sinh học đệ ngũ, người anh ruột đệ tam, học sinh Trần Quí Cáp Hội An thấy vậy, không đồng ý phản đối, nên y tìm cách giết chết, học sinh các trường trung học trong tỉnh kéo nhau về Quế Sơn biểu tình và tôi người dẫn học sinh phục kích bắt y. Vì vậy đã gây cho tôi ấn tượng không đẹp giữa Cảnh sát và học trò.

Tôi tức tốc kéo quân vào bao vây, ra tối hậu thư phải thả người nếu không ,sẽ nổ súng. Một sĩ quan cảnh sát mang lon 2 bông cúc trắng, tự xưng Quận Trưởng thượng hạng, Giám đốc Nha CS Đặc biệt Trung-Lương, nhã nhặn nói với tôi cô ấy là tình báo, địch vận Cộng sản. Tin sét đánh, ngỡ ngàng, tôi không tin, có bao giờ nàng nói về cọng sản đâu, lại nữa hình treo trong nhà anh em toàn là lính quốc gia, là nữ sinh, tôi cho đây là cái cớ để bắt người đẹp. Nên tôi xin bảo lãnh với tư cách vợ chưa cưới.

Dưới áp lực quân sự cuả tôi, nàng được thả ra và sau đó mất dạng. Mỗi lần ghé lại nhà hỏi, cha mẹ nàng nói: "ở đây nó sợ, nên cho vào Saigòn học.". Một nghi ngờ, tại sao nàng không cho tôi hay ? Hỏi ra mới biết đã bị đưa sang bờ Bắc và chính nàng là địch vận mỹ nhân kế bị cảnh sát phát hiện. Một dấu hỏi lớn tại sao nàng không giết tôi, cố tình thì cái chết của tôi dể như trở bàn tay khi ở nhà nàng, hoặc gài bẩy tôi rơi vào ổ phục kích để bắt sống hoặc ám sát không một chút khó khăn. Có lẽ cái máu CS không đủ đậm đặc để chống lại nhịp đập cuả trái tim, nàng không thể tự mình bóp trái tim mình cho nghẹt thở đành buông tha tội chết cho thằng ác ôn này chăng? Hay nàng đã thấy tình yêu cháy bỏng của tôi, bảo vệ bằng mọi giá buộc cảnh sát phải thả người, bất chấp những hình phạt kỹ luật sau này.

Theo tôi nghĩ nàng bị đưa về Bắc vì không đủ can

đảm đem bàn tay búp măng học trò nhúng vào máu, lại là máu của ân nhân, của người yêu, thà bị đảng phạt để còn ngửa mặt làm người.

Cuối cùng tôi cũng bị phạt, bàn giao Đ/Đ cho sĩ quan khác, đổi về tiểu đoàn 3/2 đóng trên đồi 46 Gio Linh, kế cận vùng phi quân sự (đồn Dốc Miếu). Đây là căn cứ hoả lực cấp tiểu đoàn đã từng bị tấn công bất ngờ trong đêm. Bờ rào phía Nam C/C là dãy nhà của tổ Kiểm soát đình chiến, tưởng đây là mặt an toàn nhứt nên phòng thủ lơ là dồn hoả lực về 3 hướng phiá trước, không ngờ tổ KSĐC là nơi ém quân của CS, có hầm bí mật. Nửa đêm chúng trào ra bung những tấm cót đan bằng tre lên bờ rào kẽm gai đạp lên tràn vào bất ngờ tấn công. Một hành vi bao che CS bị phơi bày, tổ KSĐC tức tốc bỏ trốn chạy vào Huế.

Kể từ đó vùng DMZ được sang bằng thành chiến địa, oanh kích tự do với bờ rào điện tử Mc Namara, dân chúng phải di dời vào các quận kế cận Gio linh, Đông- hà và Cam-Lộ.

Căn cứ hoả lực đồi 46 Gio-Linh lại tiếp nhận thêm tiểu đoàn TQLC Mỹ, từ Đà-nẵng ra, không đầy 1 tiếng đồng hồ sau, trận mưa pháo kích từ bờ Bắc trút lên đầu lính Mỹ trong khi quân Mỹ chưa kịp đào hầm phòng thủ. Tội nghiệp cho những cậu lính trẻ ngơ ngát chưa có kinh nghiệm chiến đấu, chưa hình dung được chiến trường VN như thế nào, chạy hổn loạn, la gào ầm ỷ. Pháo binh Mỹ và ta lập tức phản pháo, và cứ thế bánh ít trao đi bánh qui trao lại. Tiểu đoàn 3/2 chúng tôi kế bên cùng một ngọn đồi cũng bị vạ lây (tháng 4 năm 67). Đạn pháo rớt vào miệng hầm trung tâm hành quân của tiểu đoàn (là lô cốt xây chìm trước 54 của Pháp để lại), tôi Trưởng ban 3 thoát nạn, Đ/U Trưởng ban 2 tử thương (bị phạt đổi ra mới 5 ngày) Đ/u tiểu đoàn trưởng Nguyễn hữu Thông bị thương nhẹ (sau này là

Đ/tá Trung đoàn Trưởng 42 Sư 22 mất tích năm 75 trên bờ biển Qui nhơn)

Những buổi chiều buồn, tôi lên đài quan sát, lấy ống kính nhìn về cầu Hiền Lương, rẽ về trái, làng Võ Xá, nép mình bên bờ sông, có lũy tre xanh bao bọc, để nhớ về một bông Sim tím lạc loài, dạt qua bờ Bắc, có an toàn không, hay bị trù dập vì không thi hành lệnh giết người của đảng. Bỗng tiếng hát đau thương uất hận của Phương hoài Tâm trên đài phát thanh Bến hải bờ Nam vọng về "Toàn dân thương Trung-Lương, toàn quốc thương Gio-Linh, thương Bến-Hải thương cầu Hiền-Lương". Tôi lơ đãng nhìn lên bầu trời xám xịt, đầy mây, một đàn cò trắng vội vàng bay về tổ, tôi lẩm bẩm, rồi còn ai thương mình đây?

Đối với bên kia, mình là tên ác ôn, họ tìm mọi cách để giết, đối với bên này mình là thằng lính bất trị, bị đày ra cõi chết, suốt mùa chinh chiến, nhưng có lẽ ở hiền gặp lành, Trời Phật,Chúa, thương tình che chở cái thằng coi kỷ luật quân đội như trò chơi, nên phải mang lon chuẩn úy 3 năm. Trước ngày giải ngũ, cấp trên thương tình xét lại hồ sơ, trả thiếu úy hồi tố được 1 năm 6 tháng gọi là an ủi.

Đã từng ưởn ngực đứng trước hàng quân nhận lãnh huy chương Anh dũng bội tinh sao vàng, sao bạc, nhưng trong quân bạ giãi ngũ chẳng có sao nào, vì họ nghĩ nó không cần khi trở về làm dân cho nó cũng vô ích. Họ đánh cắp chia nhau để có điểm sớm lên lon, sống trên xương máu đồng đội.

Khi mang balô ra Trung đoàn 2 Bến Hải thi hành lệnh phạt, tôi đã mất đi một đóa Hồng tinh khiết ban sơ, thơ mộng, cùng quê Quế Sơn là nữ sinh Trần quí Cáp Hội An. Thấy cái chết cận kề, nên nàng vội sang sông, tìm tổ ấm an toàn với đồng nghiệp. Tình yêu này mang từ quê nhà ra phố thị rồi vỡ vụn trong chiến

tranh !. Rồi một cánh lan rừng thanh bạch, nồng hương xứ Vạn Voi chớp nhoáng cũng tan theo sương chiều gió núi, vì trường sơn cách trở, biên giới ngàn xa.

Và cuối cùng cánh hoa Sim tím, chưa nở rộ cũng vội tàn phai, trên đồng khô cỏ cháy, trôi trên dòng sông lịch sử tận địa đầu giới tuyến. Tôi chết lặng giữa lằn ranh tình yêu và thù địch đầy trái ngang.

Tôi phải nhận những hình phạt chồng chất, đày ải từ đơn vị này sang đơn vị khác.

Đồng khóa 15 Thủ Đức giải ngũ với cấp bậc Trung úy, được về hậu cứ nghỉ trước 1 tháng, còn tôi Thiếu uý phải dẫn quân đi cứu viện tận đèo Phú-gia, Lăng- Cô, Thừa-Thiên với Tiểu đoàn 2/2 do Đ/u Hà thúc Giác Tiểu đoàn trưởng, trong trận phục kích đoàn xe từ Đà nẵng ra Huế của quân đoàn 1 gây thiệt hại đáng kể cho quân ta. Đến ngày giải ngũ 30 tháng 7 năm 67 mới được cho về hậu cứ ở Đông-Hà, trả vũ khí, quân trang. Nhận giấy giải ngũ do Thiếu tá Vũ văn Giai Trung đoàn Trưởng ký.

Nhìn lại hai bàn tay trắng, nhẹ tênh, nợ tang bồng, trai thời loạn tưởng như trả xong, giã từ vũ khí nhưng trong lòng nặng triễu nợ tình, trả cho ai đây, ba mối tình ba cành Hoa thơm nối tiếp nhau rơi rụng, suốt mùa binh đao khói lửa.

Tôi cuối đầu chấp nhận lấy số phận hẩm hiu mà tạo hóa đã an bài, tự an ủi.

VÌ ANH LÀ LÍNH CHIẾN và nhủ thầm

"Tình vẫn đẹp khi tình còn dang dở

Đời mất vui, khi đã vẹn câu thề. "./. (HDZ)

Hà quế Linh

Hai mươi năm xa xứ

Hai mươi năm bỏ chốn quê nhà,
Lưu lạc phương trời vạn dặm xa.
Đêm đến, ngại nhìn vầng nguyệt khuyết,
Ngày đi, lặng ngắm ánh dương tà.
Đông về, tuyết trắng giăng đầy lối,
Xuân tới, nắng hồng trải rực hoa.
Nhớ lại quãng đời nhiều bất hạnh,
Bàng hoàng sau mấy trận phong ba.

Ngô Đình Phùng

Tuổi già

Công danh, sự nghiệp bỏ lâu rồi,
Bạn với trăng hoa, với đất trời.
Vi tính, kho tàng nhiều chuyện lạ,
Gia đình, mái ấm lắm niềm vui.
Cuối tuần con cháu về đông đúc,
Đầu tháng lương tiền sống thảnh thơi.
Lưu lạc xứ người âu số mệnh,
Tự do, êm ấm, cảm ơn đời.

Ngô Đình Phùng

Truyền Thuyết NHÀ TÂY SƠN KHỞI NGHĨA

* Nguyễn Công Lượng

Truyền thuyết là những câu chuyện truyền miệng từ đời nầy sang đời khác. Là truyện dân gian về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử, thường mang nhiều yếu tố thần kỳ. Những truyền thuyết về "Con Rồng Cháu Tiên" , "Thánh Gióng", "Hồ Hoàn Kiếm", "Thành Thăng Long". đều được ghi lại trong Việt Sử nước nhà. Lại có những truyền thuyết không được ghi vào chính sử, chỉ nghe truyền miệng hoặc đọc được ở những tác phẩm thuộc loại địa phương chí mà thôi. Nhà Tây Sơn có nhiều truyền thuyết, bởi vì sau khi vua Quang Trung mất 1792, cho đến 1802 bị Nguyễn Ánh lật đổ và thi hành một chính sách trả thù khốc liệt thì sử liệu viết về nhà Tây Sơn hầu như bị tiêu hủy hoàn toàn. Bài viết nầy, nhân kỷ niệm 225 năm chiến thắng Đống Đa dưới sự chỉ huy của Đại Đế Quang Trung đã đánh đuổi được quân xâm lược phương Bắc ra khỏi cõi bờ tránh được một lần đô hộ mới, xin ghi lại những truyền thuyết về

nhà Tây Sơn giới hạn trong giai đoạn buổi đầu khởi nghĩa, không phải như nhà văn Quách Tấn đã viết trong Non Nước Bình Định "Nghe vậy kể lại vậy, ai tin được thì tin cho vui" mà chỉ ước mong rằng mỗi câu chuyện sẽ đem lại cho độc giả một cái nhìn mới về một giai đoạn lịch sử đã qua, giải thich cho ta nhiều điều cần biết về mọi lãnh vực như văn hóa, xã hội, địa danh, phong tục, giáo dục của một thời và cuối cùng cho chúng ta những bài học lịch sử cần suy ngẫm.

Nhìn lại lịch sử nước nhà trong giai đoạn Trịnh Nguyễn phân tranh lấy sông Gianh làm ranh giới Bắc Nam (1600 – 1789) thì ở miền Bắc có vua Lê, chúa Trịnh nhưng giềng mối triều đình ngày một sa sút, hư đốn bởi vua chỉ làm vì còn chúa thì quá lộng hành. Lại thêm thiên tai và dịch bệnh nên dân chúng rất điêu linh và thống khổ. Trong Nam thì cũng chẳng hơn gì. Chúa Định Vương (1765 – 1778) mới 12 tuổi, nên chính quyền nằm trong tay của Quốc Phó Trương Phúc Loan, chỉ biết bán quan buôn ngục, chính sự bất lương làm cho dân chúng cơ cực vì đói kém và áp bức vì bạo quyền. Trước một hoàn cảnh đen tối như vậy ai lại không muốn đứng lên đáp ứng nguyện vọng của toàn dân là lật đổ một chế độ thối nát để đưa dân chúng ra khỏi cảnh lầm than. Cũng đã có biết bao cuộc nổi dậy mà chính quyền đương thời gọi là "giặc giã nổi lên khắp nơi" và đã có mấy ai được thành công? Phải đợi đến năm 1771 ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ ở đất Tây Sơn đứng lên kết hợp toàn dân làm một cuộc nổi dậy và lật đổ được ngai vàng của chúa Nguyễn ở Đàng Trong rồi tiến ra diệt Trịnh ở Đàng Ngoài, phù Lê để trấn an dân chúng, thì đất nước mới chuyển mình sang một kỷ nguyên mới, một nhịp sống mới của thời đại xuất phát từ hai nguồn: Một nền thượng võ dân giả của Đàng Trong và một nền văn hiến uyên thâm của Đàng Ngoài hội nhập và

đầy sinh lực tạo cho Phú Xuân có một sức sống kỳ diệu mà lịch sử dân tộc lần đầu tiên bắt gặp, tạo nên một phong cách riêng của Tây Sơn. Câu hỏi được đặt ra là : Nơi rừng núi hoang vu như đất Tây Sơn lúc bấy giờ với những nông dân áo vải như ba anh em nhà Tây Sơn thì làm cách nào để được thành công trong công cuộc đội đá vá trời là lật đổ được các triều đại mà họ đã từng đánh nhau nhiều trận kịch chiến và kéo dài trong suốt trăm năm ? Những câu chuyện truyền kỳ sau đây mong rằng có thể trả lời được phần nào câu hỏi trên mặc dầu có những sự thật mà ngày nay có biết bao nhà nghiên cứu cố gằng tìm tòi nhưng chưa lý giải hết được về những truyền thuyết dựng nghiệp của nhà Tây Sơn.

Thật vậy, không biết do một sự tình cờ của lịch sử hay là do cơ duyên thiên định mà bỗng dưng tại làng An Thái (thuộc huyện Bình Khê ngày nay) xuất hiện một danh sĩ mở trường dạy học cả văn lẫn võ đúng vào lúc ba anh em nhà họ Nguyễn đất Tây Sơn đang cần một sự giáo dục cho tuổi thơ. Danh sĩ đó chính là thầy giáo Hiến. Ông ta vốn là bạn thân vừa là môn khách của quan nội hữu Trương Văn Hạnh, tức là một trong tứ trụ triều đình của chúa Nguyễn ở kinh thành Phú Xuân, ngang hàng với quan ngoại tả Trương Phúc Loan. Hạnh lại là thầy dạy học cho Nguyễn Phúc Côn (phụ thân của Nguyễn Phúc Ánh, sau là vua Gia Long). Khi Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát từ trần năm 1765. Nguyễn Phúc Côn đáng lẽ được kế vị ngôi chúa, nhưng bị Trương Phúc Loan bắt giam và đồng thời giết luôn hai người thầy của Nguyễn Phúc Côn là Trương Văn Hạnh và Lê Cao Kỷ để đưa người con trai thứ 16 của Võ Vương là Nguyễn Phúc Thuần lên thay tức là Định Vương. Giáo Hiến thấy nguy do liên hệ với Hạnh,liền bỏ Phú Xuân trốn vào ấp An Thái, Quy Ninh (phủ Quy Nhơn) rồi mở trường dạy học. Điều nầy chứng tỏ Giáo Hiến không phải là một nhân vật tầm thường, mà là

người biết nhiều chính sự và nắm rõ nội tình tại triều đình Phú Xuân. Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đã đến thụ giáo với thầy giáo Hiến . Tương truyển rằng giáo Hiến luôn nhắc nhở và khích động anh em Nguyễn Nhạc rằng: "Sấm có câu: Tây khởi nghĩa Bắc thu công, các con là người Tây Sơn hãy gắng lên. Tây khởi nghĩa có nghĩa là khởi nghĩa ở đất Tây Sơn và Bắc thu công có nghĩa là sẽ lập chiến công nơi phía Bắc tức là kinh thành Phú Xuân và Thăng Long. Như vậy chính giáo Hiến là người đang ôm mộng lớn cho nên tất nhiên ông phải đem hết sở học và kiến thức của mình để truyền thụ cho đệ tử, mặc dù cái thực trạng về trường ốc thời bấy giờ như Cao Bá Quát diễn tả "học trò năm đứa nửa người, nửa ngợm nửa đười ươi." hay là ngày nay có những kẻ ngông cuồng viết những bài lếu láo cho rằng trình độ của vua Quang trung chỉ ở cấp bậc binh nhì. Nhưng với chiến thắng Đống Đa đánh bại 20 vạn quân Thanh ra khỏi đất nước chỉ trong 10 ngày và những năm cai trị đất nước sau đó từ ngoại giao đến nội trị đủ kết luận rằng anh em nhà Tây Sơn đã có đủ thực tài về cả văn lẫn võ được truyền thụ từ thầy giao Hiến.

Truyện cũng kể rằng:

Niên hiệu Cảnh Hưng triều Lê (1740 – 1786), trong khoảng Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1765 – 1777) trị vì miền Nam, có một thầy địa lý Trung Hoa, tục gọi là thầy địa Tàu, thường ngày cứ đi đi lại lại trong vùng Tây Sơn. Nguyễn Nhạc theo rình xem. Một hôm thấy thầy địa đến Hoành Sơn, dùng hai cây trúc cành lá xanh tốt và giống in nhau, đem cắm nơi triền phía Đông, một cây ngoài Bắc, một cây trong Nam, rồi bỏ đó mà đi thẳng.

Biết rằng vùng Tây Sơn là một đại địa, và thầy địa Tàu không tìm ra huyệt tinh nên tìm cách để thử huyệt

khí. Nguyễn Nhạc bèn lưu ý đến nơi trồng hai cây trúc và ngày ngày đến thăm chừng. Cách mấy hôm sau, cây trúc phía Bắc héo lá rồi khô dần. Còn cây bên Nam, đến ba tháng vẫn còn sống và tươi tốt như lúc mới trồng. Đó là chứng ứng cho biết rằng long huyệt nằm ở đó. Nguyễn Nhạc hết sức mừng, bèn nhổ cây khô đem cắm vào chỗ cây sống, và đưa cây sống cắm chỗ cây khô.

Mười hôm sau, tính đúng 100 ngày từ khi trồng trúc, thầy địa Tàu trở lại. Thấy hai cây trúc đều chết cả hai, thầy địa nhún vai trề môi, bỏ đi không thèm trở lại nữa. Bởi thầy cho rằng đó chỉ là "giã cuộc" mà thôi. Nguyễn Nhạc bèn về bốc mộ ông thân sinh đem táng nơi chân cây trúc phía Nam.

Lại có người bảo rằng:

Thầy địa lý Tàu vốn quen thân với Nguyễn Nhạc. Lúc đến vùng Tây Sơn "tìm long điểm huyệt", thường tá túc nơi nhà họ Nguyễn, và chính Nguyễn Nhạc là người dẫn lộ cho thầy Tàu. Họ đã đi khắp cả vùng núi Tây Sơn, thầy chỉ chú ý đến hòn Hoành Sơn. Thầy đi qua đi lại không biết mấy lần, hết đặt địa bàn ở chỗ nầy thì đem đặt ở chỗ khác, ngắm nghía, tính toán, có vẻ đắc ý lắm. Đoạn thầy bỏ đi đâu mất biệt. Hơn một năm sau thầy trở lại và cũng ghé nghỉ nơi nhà Nguyễn Nhạc. Lần nầy ngoài chiếc địa bàn, thầy còn mang theo một chiếc tráp nhỏ, bọc trong một chiếc khăn điều.

Đoán biết rằng thầy Tàu đã tìm được "Huyệt đại phát" nơi Hoành Sơn nên về Tàu hốt cốt tiền nhân đem qua chôn, Nguyễn Nhạc bèn tìm cách đánh đổi. Nhưng làm sao đánh đổi được, vì thầy Tàu không bao giờ rời chiếc tráp ra, thậm chí cả những lúc "đi sông đi bãi". Nguyễn Nhạc bèn đóng một chiếc tráp giống hệt chiếc tráp của thầy địa, và hốt cốt ông thân sinh đựng vào, rồi đem dấu sẵn nơi chân Hoành Sơn

Đến ngày đã định, thầy Tàu lén mang chiếc tráp cùng địa bàn đi lên Hoành Sơn. Vừa đến chân núi thì một con cọp tàu cau to lớn ở trong bụi, gầm lên một tiếng, nhảy ra vồ. Thầy Tàu hết hồn, quăng tráp và địa bàn mà chạy. Hồi lâu không thấy cọp đuổi theo, liền quay trở lại chỗ cũ. Thấy chiếc tráp và địa bàn còn lăn lóc đó, thầy mừng như chết đi sống lại, vội nhặt lại rồi trực chỉ lên nơi long huyệt đã tìm ra. Chốn cất xong thầy hớn hở trở về Trung Quốc, không ngờ chiếc trap thầy đã chôn vốn đựng di hài Nguyễn Phi Phúc và con cọp kia chỉ có lốt ngoài mà thôi.

Hai thuyết trên không biết thuyết nào đúng, chỉ khác nhau ở chi tiết. Cả hai đều đồng một điểm chính là mộ của Nguyễn Phi Phúc chôn ở Hoành Sơn, song không biết ở chỗ nào. Chỉ nghe truyền rằng một gối đầu lên dãy núi phía Tây Nam và lấy hòn Hương Sơn ở Kiên Thạnh (Bình Khê) làm nội án, hòn Mò O (An Nhơn) làm ngoại án. Hai hòn nầy nằm xiêng xiêng hướng Đông Bắc hòn Hoành Sơn. Vì có mộ của Nguyễn Phi Phúc, nên hòn Hoành Sơn sau nầy được tôn xưng là Thiếu Tổ.

Các thầy địa lý Việt Nam cũng như Trung Hoa đều công nhận đất Hoành Sơn là đại địa, vì tổng cuộc của vùng đất Tây Sơn được gọi là "đất loa thành" và tiểu cuộc có nào bút nào nghiên nào ấn nào kiếm, nào cổ nào chung, ở bên tả bên hữu. Trước mặt trên ba nổng gò, đá mọc giăng hàng giống như những toán quân đứng chầu chực. Và xa xa có hổ phục long bàn.

Và cũng kể từ đó các hòn núi ở vùng Bình Khê được mang những cái tên Hòn Ấn, Hòn Kiếm, Chung Sơn, Cổ Sơn, núi Ông Nhạc, núi Ông Bình. Có người đã bảo rằng núi được mệnh danh như thế không phải do hình dáng mà do một sự kiện lịch sử.

Truyền rằng:

Sau khi chiếm được long huyệt ở Hoành Sơn thì ba anh em Nguyễn Nhạc vùng phát tướng. Gương mặt trông sáng rỡ, và việc học hành, võ cũng như văn tiến bộ lạ thường. Và trước những lời khích động của thầy Giáo Hiến cho việc mưu đồ đại sự, ba anh em trở về Kiên Thành lo việc chiêu mộ hào kiệt.

Vùng đất Tây Sơn xưa kia núi rừng rậm rạp, chuyện thần linh quỷ dữ lan tràn khắp đó đây. Để quy tụ lòng dân, Nguyễn Nhạc bèn lợi dụng óc mê tín của quần chúng để gây thanh thế cho đại cuộc của mình.

Hòn Trưng Sơn ở Phú Lạc tuy ở gần thôn xóm, nhưng ít ai dám lên vì sợ "mả mẹ chàng Lía" và nhất là sợ cọp. Thỉnh thoảng Nguyễn Nhạc cho người tâm phúc lên núi, nửa đêm nổi trống nổi chiêng. Người quanh vùng cho rằng hồn chàng Lía về cúng mẹ, người thì bảo quỷ thần mở hội vui. Kẻ bàn người tán, không mấy lúc tiếng bay tận ngàn xa, một thành mười, mười thành trăm. Hòn Trưng Sơn từ xưa đã có tiếng càng thêm nổi tiếng.

Một hôm nhà Nguyễn Nhạc có kỵ. Khách khứa đông đúc. Cổ bàn vừa ăn xong thì trời đã khuya. Những người ở xa đều phải nghỉ lại, còn người chung quanh thì lục tục ra về. Bỗng trên Trưng Sơn, tiếng trống tiếng chiêng vang dội, và trong bóng cây trên đỉnh, ánh lửa lập lòe. Ai nấy đều kinh dị. Nguyễn Nhạc rủ người lên xem thử "quỷ thần làm trò gì". Phần đông đều e ngại. Chỉ bốn năm tay lực sĩ xin theo.

Nai nịt gọn gàng, chân vũ hài, tay trường kiếm, đoàn người lần lần bước lên đỉnh Trưng Sơn. Khi gần đến đỉnh, trong ánh lửa mập mờ hiện ra một ông lão râu ba chòm bạc phếu, đầu đội mũ cánh chuồn, mình khoác áo đại bào, chân đi hia bộ dạng giống hệt một ông lão quan văn trong các vở tuồng hát bội. Ai nấy đều ớn lạnh vì sợ, và không ai bảo ai, mọi người đều

dừng lại một lượt. Ông lão cất tiếng bảo:

- Trong anh em có ai là Nguyễn Nhạc chăng ? Nếu có thì hãy lại gần đây nghe lệnh. Còn các người khác thì hãy đứng yên.

Nguyễn Nhạc run sợ bước ra, đến quỳ trước mặt ông lão. Ông lão phất tay áo, lấy ra một tờ chiếu rồi đọc lớn:

- Ngọc Hoàng sắc mạng Nguyễn Nhạc vi quốc vương

Đoạn trao tờ chiếu cho Nguyễn Nhạc rồi quay bước đi vào trong bóng tối.

Từ ấy tin đồn khắp nơi, và ngôi quốc vương của Nguyễn Nhạc nằm vững trong tâm trí quần chúng. Trong đám sĩ phu, trừ cụ giáo Hiến, không mấy ai biết đó là kế của Nguyễn Nhạc.

Chưa lấy làm đủ, Nguyễn Nhạc còn tìm một thanh bảo kiếm và đúc một quả ấn vàng, rồi đem dấu trong vùng núi Trinh Tường.

Một hôm cùng bộ hạ ở An Khê về, đến Hoành Sơn thì ngựa của Nguyễn Nhạc lồng lên, rồi thẳng cổ chạy nước đại. Nhưng không rẽ ra hướng Bắc để qua sông về Kiên Thành, lại chạy về hướng Đông Nam. Đến chân núi phía trong Gò Sặt, cương ngựa bị đứt, Nguyễn Nhạc té nhào, trặc chân không đứng dậy nổi. Đám tùy tùng chạy đến xoa bóp hồi lâu mới đỡ. Khi đứng dậy để lên ngựa trở về, Nguyễn Nhạc chợt thấy chuôi kiếm ló ra nơi nách đá trên sườn núi. Sai người lên lấy thì là một thanh kiếm xưa lưỡi sáng như nước. Ai nấy đều mừng là "của trời ban".

Về nhà Nguyễn nhạc nói cùng hai em và thuộc hạ:

- Ngọc Hoàng đã sắc phong ta làm quốc vương, lẽ

tất nhiên phải ban ấn kiếm. Nay kiếm đã có rồi, ta phải đi tìm ấn.

Đoạn tổ chức ngay lễ cầu đảo tại chân núi Hoành Sơn. Cầu đảo ba đêm ngày. Đêm làm lễ, ngày cho người đi tìm khắp nơi. Đã hai ngày liền, hàng trăm người chia nhau đi khắp các khe núi chung quanh Hoành Sơn, mà không có kết quả. Đêm thứ ba, lúc nửa đêm, chiêng trống hành lễ vừa dứt, thì một vòi lửa như một lằn pháo thăng thiên bay xẹt từ Hòn Một đến Hòn Giải thì rơi xuống. Tiếp đó một tiếng nổ nhỏ như tiếng pháo tre, rồi một tiếng nổ lớn có phần dữ dội làm chấn động cả vùng. Ai nấy đều thất kinh. Sáng sớm Nguyễn Nhạc đem người đến Hòn Giải xem, thì thấy sườn núi phía Nam có một vùng như bị sét đánh lở và nám đen. Trèo lên xem thì một quả ấn vàng nằm trong kẻ đá tại nơi bị lở. Ai nấy đều tin là "ấn trời ban".

Việc được kiếm được ấn thêm vào việc Ngọc Hoàng ban sắc phong vương làm cho thiên hạ tin một trăm phần trăm rằng "Nguyễn Nhạc quả có chơn mệnh". Nhân việc được kiếm và ấn mà từ đó núi được mệnh danh là Kiếm Sơn và Ấn Sơn, tức hòn Kiếm, hòn Ấn.

Nhà Tây Sơn, trước khi khởi nghiệp đã dùng dãy núi Tây Sơn làm căn cứ quân sự. Và đạo quân tiên phong gồm hầu hết người Thượng. Tất cả các bộ lạc ở quanh vùng đều theo về. Duy chỉ có người Xà Đàng không phục. Để cho họ tin mình là người nhà Trời sai xuống trị thiên hạ, Nguyễn Nhạc dùng giỏ bội để gánh nước, bằng cách dùng giấy bổi quét dầu và phất ở bên trong lòng giỏ. Rồi mỗi buổi sáng gánh đôi giỏ xuống khe múc nước về. Người Thượng đứng xa trông thấy nước không chảy ra các lỗ giỏ, đều cho Nguyễn Nhạc là kỳ nhân. Nhưng viên chúa Xà Đàng cho rằng có phù phép, chớ không phải chơn mạng đế vương.

Nhân trên núi Hiển Hách có bầy ngựa rừng, hễ thấy

bóng người liền chạy trốn. Người chúa Xà Đàng bảo Nguyễn Nhạc nếu gọi được bầy ngựa ấy chạy đến thì mới thật là người Trời. Nguyễn Nhạc về mua một con ngựa cái tơ thật tốt, tập luyện thật khôn, hễ nghe tiếng hú thì chạy đến. Đoạn đem thả ngựa vào núi cho theo bầy ngựa rừng. Ngựa rừng xúm lại "ve vãn" và luôn luôn kèm bên chân. Nguyễn Nhạc cất tiếng hú, ngựa cái chạy đến. Bầy ngựa rừng cũng chạy theo, nhưng vừa thấy bóng người thì quay trở lui. Song chạy một đoạn xa xa, ngảnh lại trông, thấy ngựa cái vẫn đứng với người một cách thân mật, thì dừng lại đứng ngó. Nguyễn Nhạc lấy cỏ bỏ cho ngựa cái ăn, rồi bỏ ra về. Bầy ngựa rừng liền kéo đến ăn cỏ. Hôm sau Nguyễn Nhạc liền đến hú và lấy cỏ cho ngựa ăn. Bầy ngựa rừng thấy người không có ý làm hại giống nòi, lần lần làm quen Nguyễn Nhạc bèn đến tìm chúa Xà Đàng, hẹn ngày và nơi gọi ngựa.

Đến kỳ hạn, Nguyễn Nhạc cùng chúa Xà Đàng và một ít bộ hạ đến núi Hiển Hách. Nguyễn Nhạc đứng giữa hai tảng đá dựng cao lút đầu người, và bảo chúa Xà Đàng cùng bộ hạ núp phía sau, im hơi lặng tiếng. Đoạn cất tiếng hú. Nghe tiếng chủ hú, ngựa cái từ trong rừng sâu chạy ra. Bầy ngựa rừng chạy theo sau. Nguyễn Nhạc lấy cỏ cho ăn. Đã quen người quen lệ, bầy ngựa rừng không chút sợ hãi. Nguyễn Nhạc vuốt ve ngựa cái rồi từ từ đến gần bầy ngựa, vuốt mỏ vuốt lưng, hết con nầy đến con khác

Người Xà Đàng thấy Nguyễn Nhạc "gọi" được bầy ngựa rừng, thì tin rằng là "Người Trời", nên thần phục và chịu theo đánh giặc.

Nghĩa binh tuyển được bao nhiêu đều đem về dinh trại cất trên hai ngọn núi để tập luyện, ngọn ông Nhạc trấn thủ sau được gọi là núi ông Nhạc và ngọn ông Bình (tức Nguyễn Huệ) trấn giữ thì được gọi là núi ông

Bình.

Nhà Tây Sơn cử binh khởi nghĩa năm Tân Mão (1771), đại binh hai trại kéo đến đèo An Khê làm lễ tế cờ khởi nghĩa gần cây Cầy và cây Ké. Cho nên mỗi lần nhắc đến nhà Tây Sơn người đời thường bảo "Cây Ké phất cờ, cây Cầy khí cổ". Khi đại binh vừa qua khỏi nghẹo cây Khế thì một con rắn thân lớn bằng cột nhà, sắc đen nhánh từ trên cây Khế bò xuống nằm chận ngang đường đi. Binh mã sợ khộng dám tiến. Nguyễn Nhạc liền xuống ngựa, tuốt gươm đến chém, lấy máu đề cờ. Nhớ đến tích Hán Cao Tổ chém rắn khởi nghĩa, tướng sĩ tin là điềm lành nên nức lòng phấn đấu. Tế cờ xong liền tiến binh.

Năm Quý Tị (1773), Nguyễn Nhạc đánh lấy ấp Kiên Thành, rồi mở rộng ảnh hưởng, chia những vùng chiếm đóng thành ba trại. Trại thứ nhất do Nguyễn Nhạc cai quản gồm hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn. Thứ nhì do Nguyễn Thung làm chủ trại coi huyện Tuy Viễn. Thứ ba do Huyền Khê phụ trách, lo việc cung cấp lương thực. Khi thế lực đủ mạnh, Nguyễn Nhạc quyết định chiếm thành Quy Nhơn. Nguyễn Nhạc là người can đảm và mưu trí nên việc hạ thành Quy Nhơn để khởi thanh thế đã là một câu chuyện kỳ thú : Bữa ấy, sau một cuộc mật bàn cử sự, Nguyễn Nhạc cắt đặt mọi việc cho quân gia với một mệnh lệnh nghiêm minh. Rồi tự vào ngồi trong cũi, Nhạc sai thủ hạ, mỗi người ngầm dấu một thanh đoản đao, lễ mễ khiêng "Ông tướng trá hàng" lên phủ lỵ. Những tiếng luân báo truyền từ miệng người nọ đến người kia rồi lọt đến tai tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên: "Bắt sống được Biện Nhạc rồi! Đem nộp quan Tuần để lãnh thưởng!" Cửa thành mở, Nhạc được lọt vào trong thành với mấy tên đồ đảng. Đêm đến, Nhạc phá cũi , nhẩy ra làm nội ứng, mở toang cửa thành đốt pháo làm hiệu. Một cánh quân Tây

Sơn do Nguyễn Thung cầm đầu ập vào, đốt dinh trại, giết tướng sĩ, làm cho cả thành tan vỡ vì một trận đánh bất ngờ! Khiến quan quân trở tay không kịp. Trong cơn hoảng sợ, Nguyễn Khắc Tuyên không kịp đóng ngựa, vội bỏ thành trì chạy trốn. Thành Quy Nhơn lọt vào tay quân Tây Sơn, từ đấy quân Tây Sơn có một căn cứ vững chắc để xuất phát đi các nơi khác.

Quân Tây Sơn bốn lần vào đánh đất Gia Định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân của Tiêm La (Thái Lan) do Nguyễn Ánh rước vào, chỉ còn mấy trăm người lủi thủi về nước; sau lại ra Bắc Hà dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng. Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều đình bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nối nhau chuyên quyền, đến nỗi một lần nữa triều đình thành ra tán loạn. Dẫu thế mặc lòng, khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Quốc Giám để giữ tông miếu tiền triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc. Thế mà vua Chiêu Thống cùng bà Hoàng Thái Hậu lại sang Tàu cầu viện, để nhà Thanh có cớ đem quân sang xâm chiếm nước Nam ta. Cứ theo như tờ mật dụ của vua Càn Long nhà Thanh thì bề ngoài nước ta chưa mất hẳn, nhưng kỳ thật đã bị người Tàu chiếm mất rồi. Chính vì vậy mà ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng Đế, truyền hịch đi khắp nơi, đường đường chính chính, đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy về nước, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ khiếp đởm. Tưởng từ xưa tới nay nước ta chưa có võ công nào lẫm liệt như vậy.

Trên đây là truyền thuyết về nhà Tây Sơn trong giai đoạn khởi nghĩa. Những câu chuyện trên chắc chắn được kể lại sau khi nhà Tây Sơn đã cáo chung. Vì

luyến tiếc một triều đại có những vị lãnh đạo đã đem lại những công trạng to lớn cho đất nước mà người đời thêu dệt nên những chuyện thần kỳ hay đó là những sự kiện có thật ? Nhưng nếu xem lại những bức thư của các giao sĩ và những nhà quân sự phương tây đến Việt Nam trong giai đoạn nầy cũng giúp cho chúng ta có những cái nhìn thật rõ hơn :

- Lời tường thuật của giao sĩ Diego de Jumilla: "Phong trào Tây Sơn đã bắt đầu hoạt động mạnh vào tháng tư năm 1773. Quân đội Tây Sơn đã từ miền núi phóng xuống thôn quê, vào các chợ búa giữa ban ngày. Họ có đủ gươm, giáo, súng, nỏ nhưng không hại tính mạng và tài sản của ai hết. Trái lại họ tuyên ngôn làm các việc công bằng, thẳng thắn, chỉ trừ khử bọn tham quan lại nhũng, những kẻ trọc phú lưu manh và trộm cướp. Họ lấy của người giàu trên phân phát cho kẻ nghèo, chỉ dành cho họ một phần nào thóc gạo mà thôi. Ai chống lại họ giết, biết điều họ thôi".

- La Bartette một giáo sĩ truyền đạo lâu đời ở Thuận Hóa trong một bức thư gởi cho Letondal ngày 11 tháng 6 năm 1788 có đoạn viết: "quân Tây Sơn đôi khi điều động được từ 200 đến 300.000 quân, thực sự thì đa số bọn họ bị cưỡng bức, nhưng tất cả đều quyết tử, kẻ nào nhìn về phía sau trận địa lập tức bị chém đầu" và ở một đoạn khác "Tôi không rõ cuộc viễn chinh của người Pháp khi nào sẽ xảy ra, nhưng tôi sợ rằng quân Pháp của chúng ta vì khinh thường bọn nầy (Tây Sơn) và không am hiểu tường tận về cách hành binh của họ và sẽ không đủ sức mạnh thì có thể trở thành nạn nhân bi thảm"

- Chaigneau, một sĩ quan hải quân Pháp theo Nguyễn Ánh đã từng va chạm với quân Tây Sơn đã viết: "trước khi nhìn thấy thủy quân của địch tôi rất xem thường nhưng tôi bảo đảm với các ông rằng đó là sai lầm. Họ

có những thuyền chiến mang từ 50 đến 60 đại bác cở lớn và có một lối hành binh thật tài tình"

Triều đại Tây Sơn tuy ngắn ngủi (1771-1801) nhưng truyền thuyết thì thật nhiều. Bởi thế gần đây đề tài về nhà Tây Sơn với những chiến công tuyệt vời, tài thao lược của Quang Trung trên khắp các chiến trường, những chính sách để cải cách và xây dựng đất nước, khả năng đối ngoại và sử dụng nhân tài được thêu dệt như những chuyện thần thánh, chứa nhiều bí ẩn kỳ diệu, trở thành đối tượng tìm hiểu của nhiều ngành khoa học, đã cuốn hút sự say mê nghiên cứu của nhiều người.

**** Nguyễn Công Lượng***

(California, 11.11.2013)

Sách Tham Khảo:

- Việt Nam Sử Lược, Lệ Thần Trần Trọng Kim, Cơ Sở Xuất Bản Đại Nam, 1971

- Việt Sử Toàn Thư, Phạm Văn Sơn, Tủ Sách Sử Học, Cơ Sở Xuất Bản Đại Nam, 1960.

- Non Nước Bình Định, Quách Tấn, Nam Cường Xuất Bản, 1967.

- Quang Trung Anh Hùng Dân Tộc, Hoa Bằng, Xuất Bản Bốn Phương, 1951.

- Những Khám Phá Về Hoàng Đế Quang Trung, Đỗ Bang, 1988.

- Nhà Tây Sơn, Trần Gia Phụng, Non Nước Xuất bản, 2005.

- Nhân Vật Bình Định, Lộc Xuyên Đặng Quý Địch, Soạn Giả Xuất Bản, 1971.

- Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Ngô Thời Chí, Bản Dịch của Ngô tất Tố, Tự Do, 1958 ▼

Thăm quê

Cách xa nửa quả địa cầu
Về thăm quê cũ nơi tôi chào đời.
Cố hương kỷ niệm một thời
Tuổi còn thơ ấu rong chơi bạn bè.
Búng bi dưới đất luỹ tre
Ve sầu, chim hót trưa hè nắng chang.
Mùa gặt đồng lúa chín vàng
Cỏ non bờ ruộng trâu đàn no say.
Nắng trưa đi tắm hằng ngày
Côn Giang nước biếc trâu say lặn chìm.
Tình quê cuộc sống im lìm
Chiều xuân gió mát én diều lượn bay.
Vọng nghe tiếng hát hò hay
Dưới trăng tát nước bên ngay đầu làng.
Lớn lên thôi học đi làm
Tuổi vào mười chín bước sang quân trường.
Đời lính phiêu bạc bốn phương
Bảy lăm dâu bể chiến trường buông thua.
Từ ấy đẩy đưa vào tù
Thả ra được tái định cư Hoa Kỳ.
Nay về thăm lại cố tri
Người còn kẻ mất ra đi biệt đời.
Cảnh vật cũng lắm đổi dời
Người tăng, nhà cất khắp nơi thêm nhiều.
Dân quê khó khăn đủ điều
Ruộng chia có ít, chỉ tiêu không tiền.
Cuộc sống hối hả bon chen
Hố sâu ngăn cách sang hèn quá xa.

Xuân Giáp Ngọ

Lầu đài của Đảng nhà ta
Nghèo nàn khổ sở đều là thuộc dân.
Tham-ô hối lộ tràn lan
Từ trên xuống dưới đồng sàn tương lân.
Những người chính kiến bất đồng
Chống Tàu, đòi dân chủ, còng bắt ngay.
Dân oan khiếu kiện hàng ngày
Đất thu bán lãi, trả vay bất đồng
Vô cùng xã hội bất công
Chính quyền chiếm lợi, người dân khốn cùng.
Tương lai sẽ mẫu số chung
Độc tài cai trị ngày cùng không xa./.

ĐỖ HÙNG

Chuyển mùa

Sáng nay gió bấc đã ngừng sang.
Mưa lụt mùa đông cũng đã tàn.
Rải rác cỏ cây rơi rụng lá.
Lưa thưa đất đá đổ ven đàng.
Đông qua hư hại còn lưu lại.
Xuân đến hồi sinh có nắng vàng.
Hoa nở, ban mai phơi sắc biếc.
Khoe màu nẩy lộc đón Xuân sang.

ĐỖ HÙNG

Năm Ngọ
tản mạn về con ngựa

LÝ LOAN

TỔNG QUAN VỀ NGỰA:

1} Sơ lược hình dáng:

Ngựa là loài vật có vú {mammal} hình dài thon, bụng không phình lớn ra như trâu bò. Chân ngựa cao và chỉ có một móng. Ngựa thuộc họ Equidae {equidae family}. Ngựa có màu sắc khác nhau như nâu, đỏ sẫm, vằn, trắng. Ngựa có bờm lông dài trên cổ chạy từ đầu tới gần lưng, lông đuôi ngựa dài để đuổi ruồi muỗi. Sức nặng trung bình của loại ngựa nhỏ con khoảng 500 pounds [227kg], loại lớn con nặng 2200pounds. [1000kg].

Chiều cao của ngựa được tính bằng Hand và đo từ vai [chỗ lưng cao phía trên hai chân trước] xuống sát mặt đất. Hand là đơn vị chuẩn dài 4 inches=10cm. Loại nhỏ con như con Pony cao chừng 14.2 hand =1.42m. Loại lớn con cao chừng 18 hands=1.80m. Ngựa sống trung bình 18 năm.

2} Nuôi dưỡng [feeding]

Ngựa ăn cỏ, lúa mạch, các loại thảo mộc không giống trâu bò ngựa chỉ có một bao tử đơn thuần nhưng

nhờ ruột non và ruột già phát triển lớn và dài hơn nên tiêu hoá được nhiều cỏ rơm. Ngựa cái sinh đẻ xong còn yếu nên người ta cho ăn bồi dưỡng bằng cháo, sữa, bắp , đậu. Ngựa thường dùng để đua, để cưỡi kéo xe chở đồ nặng. Ngựa thiếu sinh tố khoáng chất [mineral] sẽ sinh bệnh, người ta theo dõi bệnh của nó qua nhịp tim đập, nhiệt độ vv,...

Khi nghỉ ngơi bình thường ngựa thở từ 8 đến 16 lần/phút, nhịp tim đập 36-40lần/1phút. Thân nhiệt đo từ 36 độ -38 độ C tương đương từ 95-100 độ F. Ngựa có bộ răng tốt cân đối cả hai hàm nên khi cỏ và thức ăn được đưa vào miệng nhờ môi, lưỡi, răng nanh, tức thì được răng hàm nghiền nát như caí máy xay thức ăn ra nhuyễn dễ tiêu hóa. Bộ răng ngựa được viết theo công thức [formula] sau đây: {C3+N1+T4+S3 /C3+N1+T4+S3} * 2= 44.

C răng cửa, N răng nanh, T răng hàm trước, S răng hàm sau.

3} Nguồn gốc;

Ngựa có nguồn gốc ở vào thời tiền sử [prehistoric], Dr. William Ridgeway ở đại học Cambridge và Dr. J. Cossar Ewart của đại học Edinburgh đã dựa vào các chứng tích hiển nhiên như là những bộ hài cốt, những hình khắc trên gỗ, đá và những bức tranh cổ trên tường để kết luận; Có 3 nguồn gốc lịch sử căn bản của loài ngựa được tìm ra:

A] Libyan horse của Bắc Phi châu xuất hiện 1000 năm BC. Con ngựa Barbs và Arabians là hậu duệ của loại trên.

B] Ngựa thường thấy ở Âu Châu và Thượng Á châu [Upper Asia], đại diện là loại ngựa Mongolian .

C] Ngựa Celtic ở Bắc Âu. Ngựa có tên khoa học là Equus Caballus, có bà con với La và Lừa. Lúc đầu

người ta săn ngựa để ăn thịt, sau đem về nuôi trong nhà như trâu, bò, chó. Người ta huấn luyện ngựa để kéo xe, tải đồ, cỡi. Thời gian ngựa được nuôi trong nhà chưa được rõ, nhưng người ta ghi nhận đã có xe ngựa [Chariot horses] ở Hy lạp [Greece] cả ngàn năm trước Thiên Chúa và ở Egypt khoảng 400 năm sau.

Thời xưa đường sá chưa có người ta dùng ngựa để đi qua rừng, đồng ruộng. Đến thế kỷ thứ 4 móng ngựa sắt [iron horseshoe] mới được phát minh ở Greece và Rome để ngựa khỏi đau chân và mòn móng khi đi trên đất cứng

4} Công Dụng Con ngựa;

Thời Trung cổ [Middle Ages] ngựa được dùng để kéo xe, chở đồ, ngựa còn dùng để cưỡi khi ra trận mạc, kéo súng tải đạn [Artillery carriages]. Từ khi thuốc súng [gunpowder] được phát minh năm 1650 và kỷ nghệ cơ giới phát triển thì việc dùng ngựa trong chiến tranh không còn thông dụng. Và ngựa được sử dụng làm trò giải trí như đua ngựa, [horse racing], đi săn bắn, chăn bò, dùng trong nông trại.

Ngựa được thiến khi chúng còn nhỏ từ 6 đến 12 tháng tuổi, mục đích cho ngựa được thuần tính, hiền lành, không dở chứng, dễ điều khiển. Trong Olympic games người ta còn duy trì môn cưỡi ngựa [Equestrian].

Người ta còn dùng tên của ngựa để đặt tên cho đồ vật, sự việc, cây cỏ v.v.., nhìn hơi giống phần nào thân thể của ngựa, ví dụ như sau;

-Vành móng ngựa; nơi bị can đứng trước tòa án.

-Đại tư mã; quan thời xưa coi việc quân cơ trong triều gồm voi ngưa, an ninh trật tự.

-Con bọ ngựa; [horse fly]; to hơn ruồi, biết bay, hút máu loài vật như trâu bò.

-Cây đuôi ngựa; [horsetail]., thân lá giống cái đuôi ngựa, thường mọc ở nơi ẩm ướt, quanh hồ ao.

-Cây cải ngựa; horseradish., lá xòe, hoa trắng, củ có mùi thơm làm gia vị.

Trong thời đại vua chúa phong kiến Trung hoa và Việt Nam, ngựa được dùng cho các quan chức trong triều và hàng quí tộc mà thôi, nên các cô gái thường mơ:

"ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau"

hoặc *"Chồng tôi cưỡi ngựa vinh qui*

hai bên có lính hầu đi dẹp đàng "

5} MÃ LỰC [horsepower]

Mã lực còn gọi là sức ngựa. Người Việt Nam ở quê nhà hay hỏi nhau; máy bơm nước này mấy ngựa? Máy tàu kia mấy ngựa? Máy cày nọ mấy ngựa. Họ chỉ biết nhiều ngựa thì mạnh, ít ngựa thì yếu.

Theo hệ thống của người Anh [English system] thì mã lực được viết tắt là HP [horsepower]. 1HP=33,000 foot pounds/minute hay là HP=550 foot pounds/second [giây]. Đó là sức cần để nâng một khối nặng 550pounds lên cao một foot trong thời gian 1 giây đồng hồ . Trị số nầy được lập ra bởi kỹ sư người Scottish tên là James Watt ở thế kỷ 18, sau khi so sánh sức của máy hơi nước [steam engines] với sức ngựa chở đồ nặng. Nay thì so với máy auto, máy chạy điện, chạy bằng gas turbine engine thì 50% nhiều hơn mức mà một ngựa trung bình có thể chịu đựng trong một ngày làm việc.

Các máy móc chế tạo tại Anh, Mỹ thì ta nhìn thấy chữ HP, còn các máy làm tại Pháp, Âu châu thì sẽ thấy chữ CV [cheval vapeur].

Một Mã lực [HP] tương đương với sức của 10 người trung bình. Trên thế giới tính về điện thì 1hp=746 watts,

về nhiệt năng thì bằng 2,545 BTU [British Thermal Units] trong một giờ. Đơn vị khác của HP là Metric Horse power bằng 4,500kg/mét/ minute = 32,549 foot/ pounds/minute=0.9863HP.

6} CÁC LOẠI NGỰA:

Ngựa có nhiều loại, nhưng người ta có thể chia ra 4 loại sau đây:

A] Pony breeds; loại nầy nhỏ con thường có ở Mỹ như con Welsh, Shetland, Connemara, con Welsh có nguồn gốc ở xứ Wales.

B] Light horse, như con Byerly Turk, Darley Arabian và Godolphin Barb.

C] Draft horse; có sức kéo [pulling power] từ 1500-2000 lb tương đương 680-907kg. Xương cứng, nặng, than to rộng [widebody], thường dùng trong nông trại [farmwork] như con Percheron, nguồn gốc ở Pháp, con Suffolks gốc ở Anh.

D] Coach horse; loại ngựa kéo xe chở đồ nặng như con Hackney, Cleveland Bay, French coach, Russian Orloff, Yorkshire và American Carriage horse.

7} SỰ SINH SẢN CỦA NGỰA { Breeding}.

Sự sinh sản thiên nhiên của ngựa là mùa xuân và đầu mùa hạ. Hầu hết các ngựa cái không chịu đực vào mùa đông. Tuổi dậy thì của ngựa là 1 tuổi nhưng gần ba tuổi mới sinh đẻ. Giai đoạn chịu đực là 5-6 ngày. Trứng rụng hai ngày trước khi giai đoạn chịu đực chấm dứt. Ngựa đực khoảng 15 tháng mới trưởng thành về tình dục [reach sexual maturity], nhưng đến 4 tuổi thì kết quả tốt nhất. Ngựa đực mỗi lần xạ tinh đến hàng triệu tinh trùng [Spermatozoa] nhưng hợp với trứng để thành phôi thai trong tử cung [uterus] chỉ có một vài tinh trùng mà thôi. Ngày nay người ta có thể làm thụ tinh nhân tạo [artificial insemination] cho

ngựa. {Theo Encyclopedia of Science & Technology.. Mc Graw Hill}.

II- NGỰA TRONG VĂN CHƯƠNG VIỆT NAM.

1} Văn Chương bình dân; Gồm những câu tục ngữ, phương ngôn không rõ tác giả là ai và được lưu truyền trong dân gian qua nhiều đời mà nay chúng ta còn nghe;

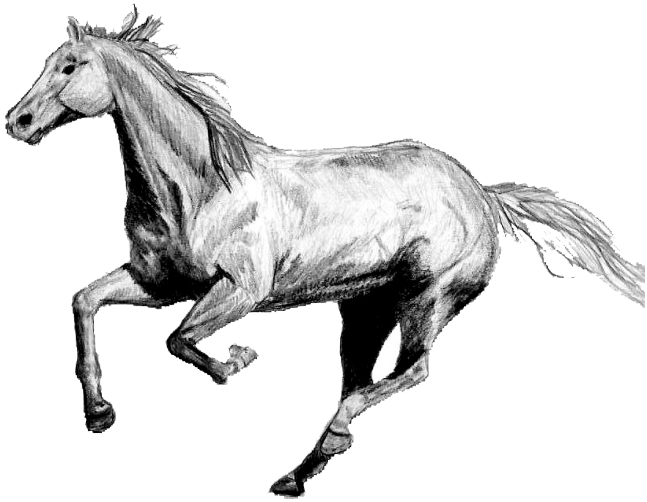

Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ,

- ngựa quen đường cũ,

- thẳng ruột ngựa

- ngựa về ngược

- ngựa nản chân bon,

-ngựa con háu đá, ngựa mạ háu ăn

Trên đây là điển hình vài câu tục ngữ có dính dáng đến ngựa, Sau đây là mấy câu ca dao:

- Bậu có chồng như ngựa có yên

Anh đây lẻ bạn như chim quyên lạc bầy

- Chàng mà phụ thiếp thì thôi

Dẫu chàng lên ngựa xuống voi mặc chàng.

- Ngựa hay chẳng quản đường dài

nước kiệu mới biết tài trai anh hùng.

- Đường daì ngựa chạy biệt tăm

người thương có nghĩa trăm năm cũng về.

- Có chồng như ngựa có cương

đắng cay cũng chịu, ghét thương cũng nhờ

2} Ngựa trong Văn chương Bác học;

Con ngựa được nhắc tới trong nhiều tác phẩm văn chương nổi tiếng như truyện Kiều, Cung oán ngâm khúc, Chinh phụ ngâm v.v..

"tuyết in sắc ngựa câu dòn

cỏ pha màu áo nhuộm non da trời"

"Bóng tà như giục cơn buồn

khách đà lên ngựa người còn ghé theo" [kIỀU]

"dập dìu tài tử giai nhân

ngựa xe như nước áo quần như nêm"

[Kiều].

Trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Nguyễn gia Thiều người ta cũng thấy bóng dáng con ngựa:

"mồi phú quí dỉ làng xa mã

bả vinh hoa lừa gả công khanh

giấc Nam Kha khéo bất bình

bừng con mắt dậy, thấy mình tay không"

xin hảy nghe tiếp:

"Tạo hoá gây chi cuộc hí trường

đến nay thấm thoắt mấy tinh sương

lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

nền cũ lâu đài bong tịch dương" [Bà Huyện thanh Quan

Trong tác phẩm Chinh Phụ Ngâm của bà Đoàn thị Điểm chúng ta thấy có những câu như sau liên quan đến hình ảnh con ngựa:

"Chí làm trai dặm nghìn da ngựa

gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao

giã nhà đeo bức chiến bào

thét roi cầu Vị ào ào gió thu "

và:

"Đưa chàng lòng dặc dặc buồn

bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền"

3 }-Ngựa trong Điển tích Chim Việt ngựa Hồ: Cổ nhân có câu :

Hồ mã tê bắc phong,

Việt điểu sào nam chi,

Ý nói ngựa nước Hồ khi thấy gió bắc thổi tới thì nó hí vang lên chứng tỏ nó nhớ tới xứ Bắc, nơi ngựa được sinh ra và lớn lên. Con chim nước Việt thì luôn luôn tìm cành ở phía Nam mà đậu, vì phía Nam là quê hương của nó nên mãi mãi không quên.

4} -Giai Thoại về ngựa: Sau khi thắng trận Bạch Đằng năm 1288 và đuổi sạch quân Nguyên ra khỏi đất nước, vua Trần Nhân Tông mở tiệc khao quân gọi là Thái bình Diên yến, trong lúc tiệc vui có người báo với vua là chân các con ngựa đá đứng chầu trước cung điện có lấm bùn. Vua ứng khẩu ngâm hai câu thơ:

"Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

Sơn hà thiên cổ điện kim âu"

[xã tắc đôi phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng]

[GTVHVN-Nguyễn Ngọc Phách.

5] CHUYỆN CỔ TÍCH LỊCH SỬ: Con ngựa sắt ở làng Phù Đổng .

Đời vua Hùng Vương thứ 6 có giặc phương Bắc xăm lược không ai đánh dẹp được, vua cho truyền rao trong dân chúng để cầu hiền tài ra đánh giặc giúp nước cứu dân. Khi sứ đi ngang qua làng Phù Đổng [còn gọi là làng Dóng] thuộc tỉnh Bắc Ninh thì một đứa bé 3 tuổi lâu nay chỉ nằm không ngồi dậy được, bỗng nhiên ngồi bật dậy và cho mời sứ vào hỏi chuyện. Đứa bé xin sứ về tâu vua cho đúc một con ngựa sắt và một cây roi vàng để đi dẹp giặc.Vua có ý nghi ngờ nhưng vẫn thỏa mãn yêu cầu của đứa bé. Khi đã có ngựa và roi đem tới, đứa bé hét lớn rồi nhảy lên mình ngựa quất ngựa bay đi.

Nội trong ngày thì giặc bị tiêu diệt. Dẹp giặc xong thì đứa bé cởi bỏ xiêm áo và ngựa sắt tại núi Linh Sơn rồi biến mất. Ngày nay còn đền thờ ở núi ấy [theo Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca của Lê Ngô Cát].

6] Con ngựa Kiền Trắc: Nó đã đưa Thái Tử Tất Đạt Đa lìa bỏ cung vàng điện ngọc để tìm đường giải thoát cho chúng sanh khỏi lầm mê khổ hải .

Và con Bạch Mã theo thầy Trần Huyền Trang [Tam Tạng] qua Tây Trúc thỉnh kinh. Đó là con Tiểu bạch long Tam thái Tử của Long Vương bị thầy trò Tam Tạng hàng phục. Tuy là những huyền thoại nhưng được nhiều người biết qua kinh điển.

7} CON NGỰA trong sấm Trạng Trình Nguyễn Bĩnh Khiêm. Mấy câu sấm như sau:

"Long vĩ, xà đầu khởi chiến tranh

Can qua xứ xứ cảnh đao binh,

Mã đề, dương cước anh hùng tận

Thân, Dậu niên lai kiến thái bình"

Theo mấy câu trên khó đoán chính xác vào năm nào. Nhưng người ta cho rằng nó ứng vào hai thời kỳ, cách nhau 12 năm [Nhâm ngọ 1942-Giáp ngọ 1954]. Thời kỳ 1 ứng vào thế chiến II [1939-1945]

-Hai câu đầu: cuối năm Thìn [1940], đầu năm Tỵ [1941] khởi chiến tranh giữa phe trục Đức, Ý, Nhật và phe Đồng Minh gồm Anh, Pháp, Mỹ, Nga và một số nước nhỏ ở Âu Châu, Phi Châu bị Đức, Ý xăm lăng.

–Câu 3: Năm ngựa [Nhâm ngọ] 1942, năm Quí mùi 1943 các nước Đức, Ý bị thua Đồng minh [anh hùng tận].

-Câu 4: Năm Giáp thân 1944 và năm Ất dậu 1945 thì phe trục hoàn toàn bại trận cả Âu sang Á sau khi Nhật bị quả bom nguyên tử đầu tiên thả xuống Hiroshima ngày 6 tháng 8 năm 1945 do Đại tá Paul W. Tibbetts chỉ huy chiếc phi cơ B29. Sức nổ của bom công phá khoảng rộng 4 square miles làm thiệt mạng hơn 60,000 người. Sau đó 3 ngày, ngày 9/8/45 một quả bom thứ hai được thả xuống thành phố cảng [port city] Nagasaki làm thiệt mạng 36,000 người. Ngày 14/8/45 Nhật hoàng

tuyên bố đầu hang.

Đại Tướng Douglas Mac Arthur chấp nhận nghi thức đầu hàng trên bong tàu chiến Missouri ngày 2/9/45.

Phe trục hoàn toàn tan rã, nhân dân thế giới mới được "kiến thái bình".

Cũng từ đó chiến tranh lạnh [cold war] đã bắt đầu nỗ ra giữa Mỹ và Sô Viết do Stalin lãnh đạo, chỉ vì Stalin tức giận Tổng thống Mỹ Truman không nói cho "Hắn" biết trước khi thả bom Atomic.

Thời kỳ 2 ứng vào Việt Nam, từ đầu năm Quí tỵ, xà đầu 1953 và cuối năm rồng 1952. Hai năm này Việt cộng tấn công nhiều nơi, đặc biệt là ở các tỉnh Trung Châu Bắc Bộ, quân Pháp hoàn toàn bị động. Tướng De Lattre de Tassigny bị tử thương, tướng Salan lên thay thế. Mùa Thu 1953 tướng Navarre thay thế tướng Salan. Chiến sự ngày một sôi động. Kết cục là tướng De Castries chỉ huy cứ điểm Điện Biên Phủ phải ra đầu hàng, chấm dứt sự hiện diện của quân đội viễn chinh Pháp trên đất Việt Nam vào 7/5/54. Năm Giáp ngọ 1954 năm con ngựa, đất nước bị chia đôi, quân Pháp rút khỏi Việt Nam, an ninh chưa hoàn toàn ổn định vì còn sự chống đối của các phe nhóm và các giáo phái đối với chính phủ mới là chính phủ của chí sĩ Ngô Đình Diệm ở Miền Nam. Năm 1955 Ất mùi, anh hùng tận, Pháp về nước, các phe nhóm đã được chính phủ dẹp yên.

Đất nước được thanh bình trên cả hai miền Nam-Bắc quốc- cộng.

Đó là thời gian "kiến thái bình" trải dài qua các năm Bính thân 1956 và Đinh dậu 1957.

8} –CON NGỰA TRONG LỤC SÚC Tranh Công.

Chuyện kể 6 con vật nuôi trong nhà như trâu, chó,

ngựa dê, gà, lợn [heo]. Sau khi nghe trâu và chó chê mình trước mặt chủ, ngựa tỏ thái độ:

"Ngựa nghe nói tím gan, nổi phổi,
Liền chạy ra hầm hí vang tai;
Ớ! Này này ta bảo chúng bây
Đố mặt ai dài bằng mặt ngựa?
Tuy rằng thú cũng hai giống thú,
Thú như tao ai dám phen lê?
Tao đã từng đi quán, về quê,
Đã nhiều trận đánh Nam, dẹp Bắc
Mỏi gối nưng phò xã tắc
Mòn lưng cúi đội vương công,
Ngày ngày chầu chực sân rồng
Bữa bữa dựa kề loan giá
Ông Cao Tổ năm năm thượng mã
Mới dựng nên cơ nghiệp Lưu gia
Ông Quan Công sáu ải thoát qua
Nhờ cậy có Thanh Long, Xích Thố
Đã nhiều thuở ngăn thành , thủ phủ
Lại ghe phen đột phá, xông tên
Đường xa xôi ngàn dặm quan sơn
Ngựa phi đệ một giờ liền thấu
Nếu tao chẳng lo việc nước,
Giặc đến nhà ai để chúng bay?
Thật biết một mà chẳng biết mười,
Chớ lừng lẫy, cậy tài cậy thế !.."
[lục súc tranh công].

III - VÀI SỰ KIỆN QUAN TRỌNG XẢY RA TRÊN THẾ GIỚI trong năm NGỰA:

+ Năm Canh Ngọ- 1930;

Việt Nam Quốc Dân Đảng do Nguyễn Thái Học cầm đầu đã phát động cuộc khởi nghĩa nhằm lật đổ chế độ thực dân Pháp [10 /02/ 1930]. Việc lớn bất thành, 13 liệt sĩ bị bắt và bị thực dân Pháp đưa lên đoạn đầu đài ở Yên Báy [17/6/1930.

+Năm Nhâm Ngọ 1942.

Thế chiến I nước Mỹ đứng ngoài vòng chiến [1914-1918]. Thế chiến II Mỹ thật sự tham chiến. Quốc hội Mỹ thông qua luật War Powers Act năm 1942 cho phép chính phủ dồn phần lớn nỗ lực sản xuất dụng cụ chiến tranh như vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng. Tháng 8/1942 quân Mỹ tấn công quân Nhật ở Thái Bình Dương và chiếm các đảo Gavutu, Tulagi, Guadalcanal. Trận đánh ở Guadalcanal dữ dội nhất kéo dài 6 tháng. Cuối cùng quân Nhật phải rời bỏ đảo. Các trận thủy chiến xẩy ra vào ngày 4-6 june /1942. Quân Nhật dồn nỗ lực chiếm đảo Midway nhưng thất bại.

Về phía Tây liên quân Anh -Mỹ đổ bộ lên Oran, Algeria, Vichy và nhiều nơi khác do Đức Quốc Xã [Nazi] chiếm đóng ở Âu châu, và do Fascist Ý của Mussolini kiểm soát ở Bắc Phi Châu. Lo ngại về sự thành công trong việc phát triển vũ khí nguyên tử của

Đức, Albert Einstein và nhiều nhà bác học thuyết phục [persuaded] Tổng Thống Roosevelt cho bắt đầu một nỗ lực nghiên cứu khoa học, do đó dự án Manhattan ra đời. Cơ quan nghiên cứu và phát triển khoa học do Dr. Vannevar Bush cầm đầu và gồm có nhiều giáo sư đại học hợp tác. Dr. Arthur Compton tìm ra đầu tiên phản ứng dây chuyền của Uranium [chain reaction in uranium].

Tháng 12 /1942, dưới sự hướng dẫn của J. Robert Oppenheimer và General Leslie R. Groves cộng với nhiều tiện nghi và phí khoảng 2 tỷ Mỹ kim, hợp cùng sự nỗ lực làm việc của 125 ngàn công nhân các loại, sau 2 năm một trái bom Nguyên tử [Atomic bomb] đầu tiên được nỗ thử thành công tại Alamogordo, New Mexico, làm mọi người bàng hoàng lo sợ. [theo American History, Rana K. Williamson, Ph.D.]

+Năm Giáp Ngọ --1954:

Ngày 20/7/1954, một sự kiện lịch sử trọng đại đối với đất nước mà người Việt Nam chúng ta khó quên, đó là ngày mà Pháp và Việt cộng ký hiệp định Geneve chia đôi nước Việt nam thành hai miền Nam, Bắc theo vĩ tuyến 17. Hàng triệu người lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rốn ở miền Bắc để di cư vào Miền Nam tìm tự do.

+Năm Bính Ngọ--1966

Quân Mỹ vaò tham chiến ở Miền Nam Việt Nam,

Oanh tạc trả đũa Miền Bắc.

Bà Indira Gandhi được bầu làm Thủ tướng nước Ấn Độ .

Cách mạng văn hóa cuả Trung Cộng tạo nên hổn loạn cho xã hội đỏ.

+Năm Mậu Ngọ -- 1978:

Đặng Tiểu Bình trở thành nhà lãnh đạo Trung

cộng.

Quân, Cán, Chính VNCH còn đang bị khổ sai đói khát trong các trại lao động cải tạo. Ngoài xã hội nhiều người tiếp tục vượt biên, vượt biển tìm tự do.

+Năm Canh Ngọ--1990:

Chiến tranh vùng vịnh nổ ra, bão Sa mạc.

Chủ nghĩa Cộng sản thoái trào ở nhiều nước Đông Âu, bức tường Bá Linh bị sụp đổ trước đó [1989]. Liên Bang Sô viết tan ra từng mảnh.

Chiến tranh lạnh chấm dứt. Nhưng ngày nay hầu như muốn tái phát bởi tổng thống 3 nhiệm kỳ Putin, tên cầm đầu KGB của thời Sô viết, đang ôm mộng làm bá chủ của thời Liên xô.

+Năm Giáp Ngọ -- 2014:

Năm này trùng can Giáp và chi Ngọ với năm 1954, cách nhau:2 014-1954 = 60 năm [gọi là lục thập hoa giáp].

Năm nầy còn đang mới, nên chưa thấy gì quan trọng xẩy ra. Hy vọng không còn cảnh chết chóc đau khổ vì bom đạn như những năm qua ở Trung dông và nhiều nơi trên thế giới.

Ngừơi mang tuổi Giáp Ngọ năm nay thuộc kim mạng [sa trung kim], tuổi thuộc hỏa, vàng và lửa khắc nhau, nên nhẫn nhục và đề phòng mọi việc sẽ tai qua nạn khỏi.

Chúc quí vị xa gần một năm mới an khang hạnh phúc, công việc làm ăn được thuận tiện *"Mã đáo thành công".*

LÝ LOAN.

Xứ Vạn Hồ, những ngày đông tuyết trắng.

Bài thơ tâm tình

Gửi Người dòng ký ức
Một bài thơ tâm tình
Khắc sâu trong tiềm thức
Ghi dấu chút hương thơ

Ta hoài say mê viết
Dù miệng đời nghiệt oan
Dù mặn môi, thua thiệt
Nguồn thơ chẳng phai tàn

Bao năm trường mài miệt
Giòng đời bỗng ngược trôi
Xô ta vào tăm tối
Trong ngọn sóng ngất trời

Trở mùa tim se thắt
Cô đơn phủ hiên thềm
Hoàng hôn chìm yên giấc
Mình ta với bóng đêm

Không gian mờ sương lạnh
Tâm trí sao mung lung
Nửa kiếp người trôi giạt
Nửa kiếp ngập khốn cùng

Đôi lần ta chùn bước.
Có ý rời văn chương
Dù thơ là nguồn sống
Là muôn thuở diệu hương

Gian truân thời xa cũ
Ta không thể nào quên
Những bọt bèo, giông tố...
Ôi trần thế ưu phiền

Tháng ngày xưa thân ái
Buồn vui nếm đủ đầy
Ghi lòng kỷ niệm đẹp
Thắt thêu vào cánh mây

Gửi về Người thân thiết
Cảm mến dòng thơ ta
Trong ta Người mãi mãi
Đậm sâu không nhạt nhòa

Xin Tri Ân khắc dạ
Quý Anh Chị, Bạn hiền
Quý Độc Giả yêu dấu
Tấm ân tình trung kiên.

Chúc Anh
Dec. 2012

Nhớ về!

Thời gian qua hồi ức,
Luyến lưu một chữ tình
Đã ươm đời nhận thức
Biền biệt cỏi trời thơ

Có những dòng em viết
Muốn xóa sạch nổi oan
Những tin đồn thất thiệt,
Cho ân oán tiêu tàn

Bút thơ sầu mãi miết
Rãi dòng mực sương trôi
Bóng thơ đời sớm tối
Ngất ngư song xô trời!

Con tim như quặn thắt
Nghe dế khóc bên thềm
Não lòng trăn trở giấc
Tình yêu chết trong đêm

Có một chiều sương lạnh
Gió xoay chiều mông lung
Như cỏi lòng trôi giạt,
Ta yêu em khôn cùng!

Có những lần song bước
Chung nhau tiếng văn chương
Cùng nhìn nhau sức sống
Cùng hướng về cố hương!

Ôi! Con đường xưa cũ
Bàn tay ấy sao quên!
Dáng em chiều giông tố
Môi hôn nén muộn phiền

Bàn tay nào thân ái
Ngón tay nhỏ đong đầy
Mái tóc dài tuyệt đẹp
Gió thổi xõa đường mây

Những ngày xưa thấm thiết,
Còn đọng ẫn trong ta!
Mắt em tròn đen mãi
Những nhớ nhung nhạt nhòa!

Nhớ quê hương trong dạ
Thương kỷ niệm hòa hiền
Dòng sông xưa lưu dấu!
Giữ được lòng trung kiên?

letamanh
12-5-12

Cảnh già nhớ lại

Chín mốt năm nay, tám tám tròn,
Hạ sinh năm gái, một trai con,
Kết thêm sáu vị con đa diện,
Vui sống tình son, cảm nước non...

Sực nhớ ngày xanh dưới mái trường,
Nhớ Sông Vân quạnh, đậm tình thương,
Mẹ già hôm sớm hai vai nặng,
Nuôi dưỡng con đàn biết mấy sương!..

Cánh Cộng vào Nam hai chục năm,
Dựng xây gia sự, thách gian nan,
Lại xa phen nữa, xa quê Mẹ,
Lập nghiệp vuông tròn, nhớ tứ thân...

Nghề mọn chuyên tâm vững mái chèo,
Nuôi con, bế cháu, chắt noi theo,
Nếp xưa Cha Chú gieo nhân hạnh,
Tháng lụn ngày qua, tiếng suối reo...

Đường đời khổ lụy, luật tăng trừ,
Nhân quả xưa nay, sóng thực hư,
Hướng thiện tâm tư vui cảnh ngộ,
Vị lai, hiện tại, chúc nhàn cư

Trúc Nhi ký ức
Chiều thu Quý Tỵ

TAM QUAN
Những nét đặc thù!

Lê Anh Dũng

Nói đến Tam quan thì người ta liên tưởng đến những hàng dừa nối nhau, bạt ngàn không dứt! Nói đúng hơn là một rừng đặc biệt toàn dừa và dừa! Ít khi có những giống cây khác chen vào... Làm cho tiếng rạt rào của sóng biển được đặc biệt quyện với những tiếng ngân nga từ những cành lá dừa vi vu độc quyền ngự trị! Có ai đó, nếu không phải là dân Tam quan, vào một ngày đẹp trời, được đứng bên dòng sông Cửu Lợi, ngắm làn nước trong veo và nghe tiếng thì thầm, quyện gió nồm mát lạnh thịt da... giữa tiếng lá dừa xào xạc vẫy chào! Lúc ấy mới thấy hết những tê mê, cảm giác lâng lâng như đang du ta vào cõi mộng!...

Vì Tam quan đẹp như thế, nên thơ như thế, cho nên mới nẩy sinh ra những thi sĩ và văn sĩ miệt vườn, chỉ mong có dịp là hạ bút ca tụng cái góc nhỏ quê hương thân yêu của mình, nơi có quốc lộ số một chạy ngang và nhánh Trường sơn nối dài ra biển, bãi cát trắng xóa không nơi nào sánh kịp...! Người ta thường bảo rằng dân Tam quan giàu có nhất vùng! Người ta cũng thường nói là gái Tam quan đẹp và có làn da trắng mịn, hấp dẫn, mát hơn nước dừa!... Ai bảo rằng dân Tam quan không biết nịnh đàn bà con gái! Cánh mày râu coi thế, cái gì cũng quê quê, nhưng nghề nịnh "bà" thì không chê được đâu nhé!

Nếu nói đến Tam Quan mà không đề cập đến một hệ thống sông ngòi ngoằn ngoèo, len lỏi khắp chốn thì thật là thiếu sót! Nhưng đã nói đến những dòng sông nhỏ nhắn, nước chảy trong veo vào mùa hè, đục ngầu đầy đất phù sa vào mùa mưa; mà không nói đến cái thú đi soi, đi bắt ếch, chụp cá đối, chận đăng... thì thật là phiến diện vô cùng!

Tất cả những dòng sông nhỏ của Tam quan đều nối với nhau và cùng đổ về biển. Cửa biển Tam quan không lớn lắm, nước chảy về, dựa vào sườn núi phía Bắc. Đó là nhánh của Trường Sơn chạy suốt từ phía Tây, cắt quốc lộ số 1, có tên là đèo Bình Đê và vươn dài ra đến biển như cánh tay thiên thần. Cánh tay thiên thần thò ra trùng dương xanh mát, chấm dứt bằng một chấm phá tuyệt vời. Người ta đặt cho nét chấm phá đó một cái tên rất trừu tượng: Gành Gà. Chẳng ai hiểu tại sao!

Vì thế cho nên nguồn nước của những con sông đổ về biển, mơn man tắm rửa một sườn núi xanh rì và nhả ra phía Nam một bãi cát trắng phau, chạy dài đến tận cửa An Giủ của dòng Lại Giang xa tít... Tất cả nước của những dòng sông, trước khi thoát ra biển đều dồn về vịnh nhỏ, phình ra như diều của một con chàng bè đang no cá! Cái vịnh nhỏ ấy chạy xà quần và để cho những cồn đất cắt xén thành những ốc đảo đẹp như những hòn ngọc vươn vãi dưới cánh tay thiên thần, soi bóng những hàng dừa nước mặn cong cong. Đó là các thôn Trường Xuân, Công Thạnh. Xa về phía Nam, dọc theo một nhánh sông khác là một thành phố nhỏ như trong bức tranh từ tiên giới. Thành phố được trang trí chấm phá từng bóng dừa xanh dọc theo một con lộ tráng nhựa.

Thời phồn thịnh, nó cũng là một thành phố có đầy đủ tiêu chuẩn của kết hợp chủng tộc. Nó cũng đầy

tiếng Tàu, tiếng Việt trộn nhau như thang thuốc Bắc, nó cũng đầy khách thập phương đến mua bán đủ thứ trên đời và đem đi những đặc sản liên quan đến dừa và cá mắm... Một thành phố nhỏ pha trộn tạp-pí-lù, nào là chùa Tàu thờ Quan Công, nào là chùa Phật và nhà thờ của Tòa thánh Cao Đài... Từ thành phố ngược về Tây, chúng ta bị choáng ngợp bởi mấy nóc giáo đường cao vút, kiến trúc rập khuôn những nóc nhà thờ Pháp đầy huyền thoại, vượt hẳn lên trời thoát khỏi những đọt dừa cao của xóm đạo Gia Hựu... Xa về phía Nam là chằng chịt những ngọn dừa bao phủ lấy thôn Cửu Lợi, Đại Đồng, An Thái, Trung Trinh, Đại Hóa... Dừa chen với dừa và sông chen trong bóng dừa, cùng tắm mát và nuôi sống bao nhiêu lớp người Tam Quan!

Đó là hệ thống tự nhiên của dòng sông Tam quan. Dòng sông có một đặc tính vừa mặn vừa ngọt, vừa đục vừa trong. Nơi nào có chất phèn thì vừa chua vừa chát... Nó cũng giống như những con người sanh ra từ đó! Quanh năm uống nước gánh về từ xa. Giếng Truông nuôi sống cả một thành phố, những giếng đào từ bãi cát mới ngọt lòng người! Nước sông Tam Quan chỉ để làm muối... Mùa hè nước trong veo, lòng sông không có nơi nào sâu lắm và cũng chẳng có gì nguy hiểm để những ai mê tắm phải sợ hãi mà không ngụp lặn trong làn nước mặn từ biển hòa với cái ngọt từ nguồn...

Miền Bắc Bình Định, Quận Hoài Nhơn là lớn nhất. Vì địa thế và con người cũng như an ninh, nên sau nầy Hoài Nhơn tách ra làm hai quận - Hoài Nhơn và Tam Quan - Nhưng trước hết chúng ta thử đặt vấn đề tại sao trong huyện Hoài Nhơn có bao nhiêu xã đều đặt tên bằng chữ phía trước là Hoài mà chỉ có một mình Tam Quan và Bồng Sơn là cô độc một mình với cái tên kỳ cục thế? Trong huyện Hoài Nhơn, chúng ta có các xã: Hoài Ân, Hoài Xuân, Hoài Thanh, Hoài Tân, Hoài Hương, Hoài Mỹ... Những chữ "Hoài" nghe ra có vẻ

nhớ thương, có vẻ chờ mong một cái gì đó trong tương lai... Nhưng Bồng Sơn hay Tam Quan thì không thế. "Bồng bế nhau lên nó ở non", thơ của Trần Tế Xương nghe ra không hợp với Bồng Sơn - Có lẽ bồng bế nhau Nam tiến theo tổ tiên để có ngày nay thì đúng hơn –

Còn Tam Quan thì sao? Xem ra từ đèo Bình Đê trở vào, một địa danh không có gì như tên gọi. Ba cánh cửa, cổng Tam quan, ba con đường... Đều chẳng có di tích nào trước và sau trong lịch sử để làm tiền đề cho cái tên gọi. Thế mà chúng ta vẫn có Tam Quan của rừng dừa, của nghề dầu dừa, của kỹ nghệ dây dừa và thủ công họ nhà dừa nổi tiếng cả nước!

Có một thời cả nước, Bắc Trung Nam đều dùng giây dừa Tam Quan. Từ sợi giây cột nhỏ nhất đến sợi neo to bằng cùm chân để neo tàu neo ghe. Dụng cụ thủ công từ tấm thảm chùi chân, gáo múc nước bằng sọ dừa, vỏ bình trà bằng vỏ dừa... Có một thời người ta còn khéo tay dùng sọ dừa làm ra muỗng ăn cơm, chén tô, bát... Thôi thì chúng ta sẽ tuần tự xem coi cái xứ Tam quan nổi tiếng như thế, có xứng đáng như thế nào hay không trong giòng văn hóa cả nước!

Con Người

Dĩ nhiên, tất cả những gì chúng ta vừa nói, nếu không có bàn tay và khối óc con người thì chắc chắn sẽ không có tất cả. Người Tam quan - như chúng ta đã nói trên - Đều là những kết hợp từ nhiều nguồn trong lòng dân tộc Việt Nam. Có lẽ Tam Quan được thành lập cùng lúc với Phủ Hoài nhơn trong cuộc Nam tiến. Nhưng khi đã định cư trong rừng dừa, uống nước địa phương lâu ngày, mọi người đều nói tiếng Tam Quan.

Thế nào là tiếng Tam Quan?

Đây là một giọng nói đặc biệt, cũng như người Bình Định nói chung, nhưng dĩ nhiên là cũng mang màu sắc hoàn toàn địa phương một chút. Tiếng "Nẫu" được nói

trên đầu môi nhiều người chính gốc. chữ "Tr" trở thành "Ch". Ví dụ như chữ "Trảng" được gọi thành "chảng", chữ "đau" lại được nói là "đeo", đi "thăm" thì được gọi là đi "thêm"...

Về con người tiêu biểu Tam Quan, thời xa xưa còn để lại dấu vết về Đào Duy Từ. Hiện nay ngôi mộ của Ông nằm tại Tam Quan, nhưng không ai chăm sóc. Cảnh điêu tàn giữa cây cối xen nhau mọc chằng chịt, những tảng đá ong bị năm tháng xói mòn hư hao không người bảo quản... Công đức của Đào Duy Từ thì có rất nhiều sách đã nói về ông. Vả lại ông là một công thần, một người trong lịch sử Việt một thời vang danh, Tam Quan chỉ là nơi cư trú ban đầu và cuối cùng của cuộc đời một Công Thần nhà Nguyễn gốc gác từ Đàng Ngoài...

Người dân Tam Quan có óc cầu tiến và hiếu khách. Chính vì thế mà văn minh tiến bộ bên ngoài mới được nhập vào Việt Nam là Tam Quan hầu như học hỏi được tức thời, áp dụng ngay. Bằng chứng là phong trào Hướng Đạo Việt Nam đã có ở Tam Quan sớm nhất. Bằng chứng là kỷ nghệ làm xà phòng bằng nước tro và sút được dân Tam Quan áp dụng một thời làm nền kinh tế địa phương phát triển. Đó là xà phòng nội hóa "có chất lượng" nhất trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Một trong những người Tam Quan có công đưa Tam Quan lên hàng những địa danh nổi tiếng là một thanh niên trí thức từng du học tại Pháp. Ở đây, tôi xin giới thiệu một nhân vật rất Tam Quan, có công đem "văn minh" vào xứ dừa, có công tổ chức, hướng dẫn và lãnh đạo phong trào thanh niên Tam Quan theo kịp trào lưu văn minh thời 1930-1944. Đó là ông Huỳnh Văn Trân, người ta thường gọi tắc là Nghị Trân.

Ông học chữ Nho lúc nhỏ, lớn lên vào Sài Gòn học trường Tabert. Sau khi đậu Sơ Học- Primaire- về Huế

học trung học tại trường Dòng Pellerin. Năm 1926 xuất dương du học tại Pháp bốn năm. Sau đó về nước làm nghề tự do, mở các pharmacies, làm thầu khoán... Tháp tùng Giám Mục Lê Hữu Từ tham dự Đại hội Thánh Thể Công Giáo XXXIII tại Phi Luật Tân năm 1936. Năm 1937, Đắc cử Dân Biểu Trung Kỳ, Đắc cử luôn Nghị Sĩ Đại Hội Đồng kinh tế Lý Tài Đông Dương (nên mới có tên là Nghị Trân).

Ông Huỳnh Văn Trân có công đem phong trào Hướng Đạo vào Tam Quan năm 1936. Phong trào Hướng Đạo do ông khởi xướng, đã làm cho giới thanh thiếu niên Tam Quan hăng hái tham gia. Sau 1954, Hướng Đạo Tam Quan vẫn tiếp tục vững mạnh. Ông còn có công đem làn gió thể thao về vùng xứ dừa bằng cách thành lập hội Tam Quan thể thao (Tam Quan sport), xin chính quyền địa phương lập sân vận động Tam Quan. Thành lập đội bóng đá, tập luyện và đi thi tài các nơi. Ngoài ra ông còn cổ xúy thành lập đoàn văn nghệ biểu diễn cho đồng bào địa phương và lưu diễn tại các nơi xa như Phù Mỹ, An Lương... Ông cũng là người cổ xúy lập hội Truyền Bá Quốc Ngữ, cổ động dân chúng Tam Quan thi đua học chữ quốc ngữ! Năm 1943, Tân Việt Hội ra đời, cổ động đổi mới xã hội, đổi mới con người để theo kịp đà văn minh của nhân loại... Hàng năm ông cũng giành nhiều phần thưởng có giá trị để khuyến khích con em học giỏi trong các trường tiểu học địa phương.

Tóm lại, Ông Nghị Trân- Huỳnh Văn Trân - là một người Tam Quan tiêu biểu, một nhân vật đáng được nhắc đến. Ông đã có công thổi làn gió văn minh vào xứ dừa, làm cho các thế hệ kế tiếp sau nầy vẫn luôn tự hào về một Tam Quan, tuy hẻo lánh, nhưng văn minh!

Xuân Giáp Ngọ

Ông qua đời năm 1983 hưởng thọ 78 tuổi. (Dựa theo tài liệu từ chính con và rể của ông Huỳnh Văn Trân, được đăng trong ĐS Lại Giang năm 1999).

Tài nguyên

Bây giờ chúng ta hãy xem người ta làm gì với những cây dừa bạt ngàn, nguồn lợi chính của Tam Quan. Rừng dừa trải dài, ngút ngàn, san sát hầu như bất tận. Nói là nhiều thì cũng hơi quá đáng. Dừa TAM QUAN làm sao qua mặt được BẾN TRE, SÔNG CẦU... Nhưng tại sao lại có câu ca dao:

"Ai đâu công uổng công thừa,

Ai đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan"

Hai câu thơ trên chẳng còn nói lên được gì, chẳng có gì đặc biệt để người ta thấy cái đặc biệt của Tam Quan. Dừa Tam Quan tuy ít hơn các nơi khác, người Tam Quan tuy không sôi nổi... nhưng miền cát trắng hiền hòa ấy chứa đựng những đặc thù không nơi nào có được. Nếu không phải là người sinh ra tại Tam Quan, đặc biệt là thôn CỬU LỢI thì không thể nào biết được những gì xảy ra một cách âm thầm, đầy sức hấp dẫn và mãnh liệt dưới bóng mát của rừng dừa Tam Quan...

Tôi còn nhớ hồi ấy, khoảng năm 1958; tôi đang học lớp đệ lục tại trường TĂNG BẠT HỔ, Bồng Sơn. Tôi phải trọ học gần trường, chỉ cuối tuần mới về nhà bằng chiếc xe đạp cũ. Hè năm ấy, tôi rủ các bạn cùng lớp về quê tôi tắm biển và thưởng thức hương vị đặc biệt của vùng đất nổi tiếng sanh ra những người đẹp, có làn da trắng với mái tóc dài óng ả ngang vai... Nhà tôi ở ngay bờ sông đầu cầu Cộng Hòa, thuộc thôn Cửu Lợi. Sau khi đi tắm biển và đạp xe một vòng, chúng tôi về nhà thưởng thức món tôm nướng chính tay chúng tôi bắt dưới đìa và quạt lửa nướng ngoài trời. Lại có cả cây đàn guitar với ánh lửa bập bùng, bầu trời trong vắt,

vầng trăng mùa hè đầy quyến rũ.

Khuya hôm ấy, ba đứa ngủ trên chiếc phản gõ nhà trên. Khoảng bốn giờ sáng, Nguyễn Đình Phước người Hoài Ân, đánh thức tôi dậy, hốt hoảng và thều thào bên tai tôi: "Dậy!.. dậy, có cướp..." Tôi hỏi "Cướp ở đâu? sao mày biết?" "Tao nghe tiếng mõ báo động cả xóm đó... mầy không nghe sao". Phạm Văn Dư người thôn Đại Đồng, nằm bên trái tôi, cằn nhằn: "Ồn quá! để người ta ngủ. Cướp với kiếc..." Tôi lắng nghe những âm thanh quen thuộc phát ra khắp xóm. Những âm thanh thân thương ấy thường phát ra rải rác rồi đồng bộ từ ba giờ sáng đến lúc mặt trời lên. Tôi hỏi Phước: "Mày giải thích cho tao nghe, cướp ở đâu, sao mày biết?"

Trong bóng đêm, tiếng Phước khẩn cấp: "Tiếng mõ đó, mày điếc hay sao không nghe!!!" À! thì ra những tiếng cốc cốc liên hồi và khắp nơi đã làm cho anh chàng nhà quê này sợ. Tôi giải thích: "Không phải mõ báo động cướp, đó là tiếng đập xơ của dân làm dây dừa ấy mà..." Phước càng không hiểu: "Là thế nào?" Tôi bảo hắn "Ngủ đi, ngày mai tao đưa mày đi xem và giải thích, bây giờ có nói mày cũng không hiểu được".

Sáng ra, trên đường chạy bộ ra biển, ba chúng tôi ghé vào các nhà bên cạnh đường đi, chào các bác, các cô đang làm việc và bắt đầu giải thích từ đầu cho anh chàng sợ cướp đêm qua...

Cái đặc biệt của Tam Quan là DỪA. Đúng rồi! Nhưng không phải trái dừa mà là vỏ trái dừa. Trái dừa thì người ta dùng vào nhiều chuyện, ở đâu cũng làm được. Ví dụ như làm dầu dừa, các phó sản của cơm dừa... Bến Tre đã có nhà máy làm dầu dừa theo dây chuyền kỹ nghệ trong lúc Tam Quan, còn lẹt đẹt theo lối cổ truyền. Nhưng riêng về việc tận dụng vỏ trái dừa bên ngoài thì không đâu sánh với CỬU LỢI, TAM QUAN.

Nếu có dịp, các bạn đến viếng Tam Quan vào ngày nắng đẹp. Dưới những tàn dừa rợp bóng là cả một sức sống mạnh liệt. Mỗi người Tam Quan đều có việc làm, từ người lớn đến trẻ em. Sự sinh hoạt nhộn nhịp đầy sức quyến rũ ấy, lại điểm thêm những nụ cười hiếu khách của các thiếu nữ có làn da trắng ngà, được mệnh danh là da tắm nước dừa...

Trái dừa lúc còn non được người ta dùng để làm nước giải khát. Có nhiều loại dừa: Dừa Xiêm, dừa bung, dừa lửa. Chỉ có loại dừa bung là được đặc biệt dùng để làm dầu, phần vỏ bên ngoài dùng làm giây dừa hoặc làm thảm chùi chân. Trái dừa phải để già mới hái. Có những người chuyên làm nghề hái dừa mướn, họ leo lên thân cây dừa rất thần tình. Họ leo rất nhanh, hái rất nhanh, làm cỏ cây dừa thật sạch. Trái vỏ dừa thật già và thật khô mới được dùng để làm giây dừa. Người ta mướn thợ lóc vỏ dừa. Vỏ phải được lóc cẩn thận, không được đứt, bể vụn. Dĩ nhiên là trái cơm dừa bên trong dùng để làm dầu dừa... Vỏ dừa khô được người ta lấy vồ (loại búa bằng gỗ) dần cho mềm, sau đó đem ngâm nước (ngâm nước mặn mới tốt). Sau một vài ngày vỏ dừa mềm ra, người ta mới đem kê trên phiến đá, dùng dùi cui bằng gỗ để đập cho mềm.

Trong lúc đập mềm miếng vỏ dừa người ta giũ cho sạch các cặn bã bám vào để chỉ còn những sợi cước đục mầu nâu trông đẹp mắt... Thường thường người ta làm việc này từ ba giờ sáng cho đến sáng để kịp đem phơi khô trong nắng mai. Việc làm này thường là những người có sức lực đảm trách. Các cô gái từ mười ba đến hai mươi hay các cụ già thường đảm trách chặng thứ hai. Đó là phần tiếp xơ. Chặng thứ hai này là công việc đầy kỹ thuật. Người ta se xơ dừa làm nhiều lọn nhỏ, lấy hai tay se và nối các lọn nhỏ ấy lại thành một sợi giây dài, sợi giây càng dài, người ta lại quấn thành trái to hơn hoặc bằng quả banh... Nhiều trái banh như thế,

gánh đem ra chợ bán.

Bây giờ lại đến chặng quan trọng thứ ba. Muốn thực hiện phần này, phải có sức khỏe. Dụng cụ để làm cũng giống như khung cửi dệt vải, khác một điều là tất cả đều làm ngoài trời. Để các bạn dễ tưởng tượng, xin các bạn hãy lấy một sợi chỉ, se lại cho săn và sau đó cho chúng dính quyện vào nhau nhiều lần. Các bạn sẽ có một sợi rất chắc bền... Công việc làm giây dừa tương tự như vậy. Người ta đem những trái banh sợi giây nhỏ mua về từ ngoài chợ tùy theo dài ngắn theo đơn đặt hàng, người ta đóng cọc dọc theo đường lộ nhỏ trong xóm. Giăng những sợi dây con ấy lại thành từng chùm lớn nhỏ tùy theo ước tính cho sợi dây neo sau khi hoàn thành. Có rất nhiều loại dây. Dây dùng trong nhà hoặc gánh gồng thì nhỏ, những dây dùng để neo ghe tàu thì rất lớn. Có sợi lớn khoảng cổ tay người lớn, có khi lớn hơn theo đơn đặt hàng của các tỉnh miền Tây, vùng sông Cửu Long. Những chàng trai lực lưỡng được điều động để dùng sức hai cánh tay quay hàng loạt các "tay quay" bằng gỗ. Động tác này làm cho những lọn dây nhỏ quyện vào nhau, săn lại. Sau hết, người ta cho ba sợi lớn ấy vào một và kết thành sợi dây neo đúng theo nghĩa của nó bằng "trái khế". Việc còn lại là cuốn sợi neo thành kiện và chờ ngày đưa đi bán.

Việc đem sản phẩm đi bán rất là đa dạng và được chia ra nhiều thời kỳ.

Thời kỳ Pháp thuộc thì việc chuyên chở hoàn toàn bằng ghe bầu, dọc theo bờ biển từ Bắc xuống Nam. Từ Saigon, Nam Vang, Lục Tỉnh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng... không nơi nào là không có vết chân của ghe buôn dầu dừa, dây dừa, thảm sơ dừa Tam Quan. Sản phẩm độc đáo không nơi nào làm được.

Sau 1954, cuộc buôn bán lại có phần rộn rịp hơn nữa. Tam Quan trên bến dưới thuyền, nhà cửa mọc lên

san sát. Cuộc sống trù phú nhờ những xe tải hạng nặng liên tục chở dây dừa, dầu dừa và các phó sản khác đi khắp các miền đất nước và đem lại cho TAM QUAN một bộ mặt trù phú nhộn nhịp đầy sức hấp dẫn...

Công kỹ nghệ

Dưới tàng những cánh lá, thơm nức mùi hoa dừa buổi sáng, người ta sẽ không khỏi ngạc nhiên thấy quyện trong sương mai những làn khói tỏa từ những lò làm dầu dừa lẫn khuất trong xóm thôn sầm uất... Người ta cũng sẽ thích thú chứng kiến ngay bên vệ đường những cư dân lực lưỡng quay những sợi dây neo bằng xơ dừa, dệt những tấm chùi chân cũng bằng xơ dừa! Những chiếc võng bằng xơ dừa cũng được khéo léo kết từng lọn nhỏ bằng tay mà thành... Những tay uống trà rất ưa thích dùng vỏ trái dừa khô làm vỏ bình để giữ ấm nước trà nhiều giờ hơn bất cứ những loại tương tự làm bằng vải độn bông gòn!

Khắp nơi, thoáng bóng thiếu nữ tiếp xơ dừa thành sợi và giăng đầy lối đi. Họ đã giăng dây dừa như những con tằm giăng tơ, xe những đoạn ngắn thành dài như tằm xe kén... và làn da đặc biệt nước dừa xiêm ẩn hiện trong mái tóc dài óng ả bờ vai!

Nghề làm dầu dừa thủ công rất phát đạt ở Tam Quan. Người ta đã áp dụng nhiều kỹ thuật và sáng kiến để tận dụng hết chất dinh dưởng của cây dừa và quả dừa. Sau đây chúng ta hãy thưởng thức xem người Tam Quan sản xuất dầu dừa bằng cách nào. Chúng ta thử quan sát một vòng những gì làm cho chúng ta thích thú dưới cái bóng mát của rừng dừa! Không có máy móc và phương tiện, người dân Tam quan làm thế nào sản xuất được dầu dừa! Riêng cái khoản này người ta cũng đã thích thú về những bàn tay sáng tạo và nhẫn nại của cư dân Tam quan.

Dừa thì phải có cây cao cây thấp, cây cong và

những cây uốn mình soi bóng khỏi bờ sông... Thế cho nên thu hoạch trái dừa hàng tháng cũng không phải là chuyện dễ dàng! Những người trai lực lưỡng đảm nhận việc leo trèo từng thân cây dừa, đốn từng buồng dừa đã già, chặt bỏ những tàu lá không cần thiết... là những chuyên viên đặc biệt.

Quanh năm suốt tháng họ được các chủ vườn dừa mướn và trả lương theo số lượng trái dừa họ hái được. Có thể không lúc nào thợ hái dừa rảnh rang, hết vườn cây nầy đến mẩu vườn khác, từ gần đến xa! Họ đã chọn nghề nầy để sống. Có lúc, có nơi cũng xảy ra tai nạn chết người hay gãy tay, gãy chân tùy theo họ bị rớt từ cây cao hay thấp! Sanh nghề tử nghiệp mà lị!

Dừa Tam quan có nhiều loại. Loại dành để làm dầu dừa là loại dừa bung to sọ, dày cơm. Những loại dừa xiêm, dừa dâu thường để làm nước giải khát và ít được ưa chuộng, ít được trồng! Nếu cả rừng dừa Tam quan chỉ dùng để giải khát thì sẽ chẳng thể nào và đưa đi đâu xử dụng cho hết trừ trường hợp xuất cảng! Người dân nơi đây từ già đến trẻ đều sống về những nghề liên quan đến dừa!

Riêng trái dừa bung già, thứ trái cây đặc biệt dùng sản xuất ra dầu dừa thì Tam quan trồng hàng hà sa số! Nếu muốn hái để làm dầu thì dừa phải thật già, sau khi hái về phải để một thời gian ít nhất là mười ngày cho trái dừa có đủ thời gian ổn định lượng dầu. Dừa già để lâu cỡ ba tháng trở lên, chúng sẽ mọc mộng, vỏ trái dừa chuyển thành màu sẫm.

Người ta có thể lựa từ những trái có mầm tốt để làm giống, trồng lên những vườn dừa con bên cạnh những thân cây già cỗi...! Những thân dừa già được đốn xuống, làm cột kèo nhà ở, lá dừa được dùng bện thành tranh lợp nhà, vỏ trái dừa lột ra để dệt thành giây dừa bán khắp các vùng trên toàn đất nước. Những

thứ khác linh tinh dùng làm củi chụm bếp. Có một loại than bằng sọ dừa thật đượm và nóng, được ưa chuộng trên thị trường than củi...!

Người ta lóc vỏ trái dừa bằng một cái mác. Mác là tên một dụng cụ giống như con dao nhọn, nhưng rất dày, không bén, chỉ nhọn phía trên đầu mác, có cán dài. Trái dừa được cẩn thận lột từng miếng vỏ, cố giữ cho vỏ không hư để dùng làm dây dừa. Sọ dừa được đập ra thành hai phần và người ta cạy cơm dừa thành từng miếng đủ to để dễ cầm, mài trên một bàn mài! Những năm 1950 đến 1960, tất cả đều mài cơm dừa bằng tay. Sau này có máy xay nên khâu nầy được máy móc hóa! Chiếc bàn mài là một miếng đồng hay thau hình chữ nhật. Người ta dùng đục nhọn bằng thép, đục trên tấm vuông nầy những vết xước vừa phải để cho cơm dừa cũng được mài ra nhỏ vừa phải. Hàng ngàn trái dừa được lóc một lúc, hàng tấn cơm dừa được mài ra... Và người ta cho xác cơm dừa mài xong vào một chiếc giỏ bằng tre đan rất dày. Một người có sức mạnh bước vào giỏ. Xác cơm dừa lún gần hết đôi chân anh. Người ta cho nước từng gàu vào giỏ trong lúc anh ta cố sức đạp mạnh và đi chung quanh trong giỏ để chất nước đục màu trắng theo nước chảy ra ngoài, giống như một người đang lội trong bùn ngập quá đầu gối. Họ làm như thế cho đến khi chất nước chảy ra không còn màu trắng đục mà thành nước trong mới ngưng. Xác cơm dừa còn lại trong giỏ dùng để nuôi heo. Chất nước đục màu trắng được cho vào các vại bằng sành.

Sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ, toàn thể chất dừa màu trắng nổi lên mặt nước bên trong vại một lớp dày. Người ta hớt chất bọt trắng ấy, cho vào những chảo gang to, đặt trên những lò lửa, đốt nóng bằng vật liệu của dừa... Chất bọt màu trắng nầy sôi lên biến thành mầu vàng. Dầu xuất hiện lẫn trong xác bọt màu thâm thẩm! Đây mới chỉ là giai đoạn sơ chế mà thôi. Sau khi

để nguội, người ta vớt những thứ lềnh bềnh trong chảo, phía trên là dầu và xác bọt dầu, phía dưới là nước hơi đục. Nước phía dưới dùng cho heo uống!

Dầu mầu vàng lẫn với những tạp chất khác được vớt ra, tất cả cho vào một chảo đun nóng tối đa. Vừa đun vừa quậy bằng một cây dầm bằng gỗ tốt. Cứ thế cho đến khi không còn nước, nước bốc hơi và những tạp chất cô đọng lại mới thôi! Bấy giờ trong chảo toàn là dầu dừa màu vàng, sôi sùng sục lẫn với xác dầu. Thoạt trông giống như những vạc dầu dưới diêm vương đang chực chờ nuốt chửng những thân hình tử tội! Người ta gọi là dầu đã tới. Tất cả được cho vào một miếng vải dày. Sau đó người ta đem bọc vải ấy đặt vào nơi ép. Dụng cụ để ép dầu rất đặc biệt và cũng không dễ diễn tả cho mọi người hiểu và tưởng tượng thông suốt... Nó gồm hai trụ cây đục thông hai lỗ hình vuông sao cho một đòn dài bằng gỗ khác, chạy suốt qua! Hai trụ ấy cao khoảng ba mét, một mét chôn xuống đất, còn lại ngay mặt đất là một tấm gỗ lớn, dày có đục đường mương chạy vòng tròn. Mục đích đường mương nầy là để dẫn dầu trong lúc ép, chạy vào nơi nhất định! Người ta đem bọc vải dầu và tạp chất để trên miếng gỗ có đục mương dẫn dầu, bao bên ngoài vải nhiều lớp áo dừa để vải không bị rách trong quá trình ép! Áo dừa là một loại thu hoạch từ trên cây dừa, nó có hình dạng như những miếng vải thô dệt vội và cứng... Những miếng này bao thân dừa giữa những tàu lá và buồng trái ở phần ngọn dừa...

Làm xong công việc bao bọc vải bằng áo dừa, người ta đặt lên trên bao ấy một tấm gỗ khác hình tròn. Trên cùng là chiếc đòn gỗ dài thông suốt qua hai lỗ của hai trụ hai bên. Người ta đặt hai cái nêm gỗ vào hai lỗ bên trên cây đòn và dùng vồ lớn cũng bằng gỗ đập vào hai chiếc nêm! Hai người cầm vồ phải là hai người có sức khỏe. Hệ thống ép dầu được vận hành và chất

dầu mầu vàng óng ả chạy tròn trong đường mương dẫn vào một chiếc lọ hứng phía dưới... Thường thì dầu dừa được đựng vào thùng và hàn nút rất kỹ để di chuyển xa! Những năm trước người ta dùng thùng dầu hôi con sò hay con gà làm tiêu chuẩn đựng và cân dầu. Khoảng một nghìn trái dừa, tinh chế được hai thùng! Sau khi ép lấy hết dầu, trong bọc vải còn lại một chất có hình tròn dày khoảng nửa tấc tây hay mỏng hơn. Người ta gọi đó là bánh dầu! Ăn vào vừa béo, vừa thơm, nếu cắn thêm một miếng đường thẻ, uống bát nước chè tươi nữa là đủ bộ tuyệt cú mèo! Người ta cũng dùng bánh dầu nuôi heo và làm phân bón rất tốt...

Xác cơm dừa và nước, sau khi được lấy hết tinh chất, người ta dùng làm thức ăn cho heo. Người dân Tam quan nuôi heo cũng không giống bất cứ một nơi nào! Heo mà họ nuôi là loại heo cỏ, heo mọi. Không ai thích ăn thịt heo có thân hình to và nặng cỡ một trăm ký lô trở lên. Chính vì thế, ít khi chúng ta thấy xuất hiện những chàng trư lấy giống từ ngoại quốc to dềnh dàng mà các nơi khác ưa nuôi và bán thịt!

Đó là những con heo mọi khôn ngoan không kém chó trong nhà. Chúng được thả rông ngoài vườn, tự do đi lại không hạn chế bất cứ đâu trong lãnh thổ mà chúng thích! Chuồng của chúng là nơi hằng đêm chúng về ăn uống và nghỉ ngơi. Sáng sớm, chúng kêu eng éc gọi chủ cho ăn và sau đó chun ra khỏi chuồng đi rong chơi khắp ngã! Chúng ăn những xác cơm dừa sau khi người ta lấy hết tinh chất! Chúng cũng được uống nước chua, loại nước sau khi người ta lấy hết chất dầu trong quá trình thủy phân...! Nhà nhà thả heo rong chơi khắp chốn, nhưng chưa nghe ai than phiền heo mình nuôi về lộn chuồng nhà người khác. Heo biết được ai là chủ của nó và đâu là chuồng mà nó cư trú trong đêm! Chúng sinh sản cũng theo thiên nhiên, nghĩa là lấy nhau ngoài đồng, có khi sanh sản trong chuồng hay ngay cả ở các

bụi cây trong làng! Sanh xong, chúng nằm tại chỗ cho con bú. Chủ tìm gọi và chúng trả lời bằng những tiếng kêu ịt ịt! Sau một tuần lễ mẹ con mạnh khỏe, chúng dắt nhau về chuồng... Heo cũng là giống ăn tạp, nên trong lúc rong chơi đây đó, chúng tìm ăn bất cứ thứ gì chúng thích kể cả chất thải của người! Dân Tam quan nuôi heo dễ dàng như thế, chẳng có gì tốn kém và cũng không phải bận rộn... Có một nghề rất đặc biệt nẩy sinh ra từ những chú heo thả rong. Đó là nghề lượm phân heo! Người ta xách giỏ đi gắp những phân thải của các chú lợn, đem đến một nơi nghĩa địa nào đó phơi khô, vô bao bán cho nhà nông bón ruộng...

Nhưng kể từ "Thuở trời đất nổi cơn gió bụi...!" thì dân Tam quan và rừng dừa Tam quan cũng trải qua một giai đoạn trăn trở biển dâu! Rừng dừa xưa không còn ngọn và những cánh rừng dừa con sau 1975 lại bắt đầu như những vòng định mệnh...! Con người Tam quan cũng lưu lạc khắp năm châu! Bàn tay và khối óc người Tam quan bây giờ chuyên chở nhiều ưu tư và làm những nghề khác nhau trên toàn thế giới! Nghề dầu dừa và dây dừa bằng thủ công không biết bây giờ có ai còn nối tiếp. Máy móc, kỹ thuật hóa đến đâu hay vẫn những bàn tay gầy lóc từng trái dừa, những thân hình thiếu ăn còng lưng mài xác cơm dừa... Heo có còn chạy rông tự tìm thức ăn, người vẫn chẳng cần đến nhà vệ sinh như những ngày xưa ấy!

Xà phòng nước tro

Tôi cũng giới thiệu sơ qua để các quí vị hình dung công nghệ làm xà phòng bằng dầu dừa nổi tiếng một thời. Khi "Cách Mạng mùa Thu" đổ ập về... Dân Tam Quan thiếu thốn đủ điều. Nhờ trái dừa nuôi sống, nhờ tất cả từ dừa mà vươn lên. Tam Quan được ông Huỳnh Văn Trân hường dẫn cách làm xà phòng bằng chính những tài nguyên của Tam Quan. Tro củi từ cây dừa,

sọ dừa, vỏ dừa là nguồn chính. Người ta ngâm tro vào trong những chum vại có vòi phía dưới. Nước tro sẽ chảy ra từ từ trong veo màu vàng sậm như nước trà đậm. Sau đó người ta cho nước tro vào chảo lớn nấu cô đặc lại. Trong quá trình cô đặc, người ta dùng ống độ (loại ống độ với nước lã là 0 độ, hồi đó tự chế - tự chế ống độ dễ thôi!) để đo và cho dầu dừa vào với tỷ lệ được định sẵn. Người ta còn cho vào dung dịch nầy một tỉ lệ sút (chất base). Chất nầy được đặt mua bên "vùng bị chiếm" Người ta cứ chụm lửa riu riu đến khi dung dịch nầy "tới" thì đổ vào khuôn lớn. Sau đó người ta cắt ra thành bánh vuông, cho vào khuôn đóng thành cục xà phòng có hiệu, có tên nơi sản xuất và bao nhiêu phần trăm lượng dầu. Người ta đem xà phòng đi bán khắp vùng Bình Định Quãng Ngãi, Phú Yên... Ba má tôi cũng là một trong những "lò" sản xuất xà phòng hiệu "Con Bướm" nổi tiếng đến nổi có người thân quen, là bạn nối khố của Ba tôi mượn khuôn về làm giả mạo để rồi kiện tụng một thời gian dài... Nói tóm lại, Tam Quan là một địa danh nổi tiếng về nhiều vấn đề khiến cho những ai sanh ra và lớn lên tại Tam Quan đều rất lấy làm hãnh diện.

Thủy hải sản

Tam Quan có một bờ biển chạy dài từ cửa An Giũ đến Sa Huỳnh. Bãi cát trằng phau ít tạp chất. Bãi cát này có thể so sánh với bãi cát Cam Ranh dùng trong công nghệ thủy tinh. Nước biển Tam Quan trong ngần và không có bùn. Tôm cá biển Tam Quan vì thế mà không bị hôi bùn hôi rong như thủy sản của những vùng vịnh có bùn phù sa. Thủy sản Tam Quan cũng đủ loại như những vùng biển khác. Người dân chuyên nghề biển có ghe đi khơi, có ghe câu gần bờ. Nghề biển, sống theo con nước là nghề nhờ Hà Bá quanh năm vất vả. Tôm cá thâu hoạch được thường đem đi các chợ gần bán bằng cách gánh từng gánh do người

trong gia đình. Khi xưa, chưa có nước đá nên người ta thường làm thế nào đem đến chợ bán gấp, chậm thì cá bị ươn thối. Sau này trên mỗi ghe thuyền đều có hầm chứa đá. Cho nên kỷ nghệ nghề biển cũng có phần hưng thịnh. Nghề làm nước mắm ở Tam Quan cũng rất phát đạt. Người ta thường lấy cá cơm làm mắm. Các loại cá khác cũng thịnh hành chủ yếu là để pha chế thành nước mắm bán cho dân chúng tiêu dùng...

Bây giờ chúng ta thử du ngoạn trên dòng sông Tam quan, thưởng thức những gì mà dân Tam Quan thường ca tụng như là thiên đường của tuổi hoa niên... Dừa chen với dừa và sông chen trong bóng dừa, cùng tắm mát và nuôi sống bao nhiêu lớp người Tam Quan!

Bây giờ ta thử quan sát hệ thống sông ngòi. Đó là hệ thống tự nhiên của dòng sông Tam quan. Dòng sông có một đặc tính vừa mặn vừa ngọt, vừa đục vừa trong. Nơi nào có chất phèn thì vừa chua vừa chát... Nó cũng giống như những con người sanh ra từ đó! Quanh năm uống nước gánh về từ xa. Giếng Truông nuôi sống cả một thành phố, những giếng đào từ bãi cát mới ngọt lòng người! Nước sông Tam Quan chỉ để làm muối... Mùa hè nước trong veo, lòng sông không có nơi nào sâu lắm và cũng chẳng có gì nguy hiểm để những ai mê tắm phải sợ hãi mà không ngụp lặn trong làn nước mặn từ biển hòa với cái ngọt từ nguồn...

Chỉ cần một ngọn đèn dầu nhỏ, được che gió bằng những nan tre đan kín, một chiếc nôm và cái đụt là bạn có thể lội xuống dòng sông bắt đầu một thú đam mê không sao cưỡng được: Soi cá! Ban đêm toàn bộ những loài thủy sản đều lờ đờ mê ngủ. Cá hay tôm đều chậm chạp và rất dễ bắt. Bạn chỉ cần soi ánh đèn dầu vào làn nước trong veo, sâu khoảng đến đầu gối, bạn sẽ thấy rất rõ những gì đang diễn ra từ mặt nước đến đáy nước. Bạn sẽ làm gì khi thấy một con cá bống

lớn khoảng cùm tay bạn, đang nằm bất động trong tầm chiếc nôm bắt cá bạn đang cầm trên tay! Bạn sẽ hành động ra sao khi thấy trước mặt bạn một con tôm sú màu xanh đậm có quầng trắng, to bằng chiếc dùi cui cảnh sát, đang tự nhiên bò, không cần biết có bạn đang chong đèn bắt nó. Bạn làm thế nào để bắt một con cua to cỡ hai bàn tay bạn đang nằm im mời mọc... Và bạn phải làm gì khi thấy hàng đàn cá đối to có, nhỏ có thi nhau bơi qua và không hề sợ sệt quấn lấy chân bạn! Nước trong veo, trời xanh biếc đầy sao và ánh trăng... Có thể bạn đang đắm chìm trong mộng và trong một giấc mơ dài tuổi thơ từ đó...

Chỉ cần một cọng sống lá dừa, một khúc dây mi hay dây la đờn mandoline bị đứt. Bạn sẽ biến nó thành một dụng cụ bắt tôm thoải mái và thích thú vô cùng. Khi cái móc bằng dây đờn được móc vào mắt một con tôm, con tôm búng ra giãy dụa. Tay bạn quằn qua quằn lại theo con tôm, cuối cùng bạn xách nó lên khỏi mặt nước. Con tôm búng chành chạch trong giỏ đụt và bạn lại thấy một con khác đang đậu vào vách đá...

Có thể bạn sẽ là một ngư ông! Ngồi dưới chân một chiếc cầu trong đêm đầy trăng. Bạn móc một con gián đất vào lưỡi câu, thả nó lơ lửng vào lòng con nước đang lờ đờ chảy. Vừa nhấm nháp ly trà pha đậm, nghe tiếng gió thầm thì qua những hàng dừa đang e ấp dưới trăng... Trong chốc lát, con cá hanh khoảng bàn tay bạn đòi bạn phải cong tay và giãn hai chân để lôi nó lên bờ. Cái thích thú nhất là lúc cần câu động đậy cong vòng, tay bạn phải nhịp nhàng, khi giùn khi thẳng theo chiều đi của con mồi để khỏi phải đứt giây câu... Nếu không thế, có khi "...Đứt nhợ, vênh râu ngồi bờ..." thì cũng quê lắm phải không!

Nhưng nếu đến mùa mưa giông tháng ba mà không xách đèn đi soi ếch thì cũng là một điều thiếu sót.

Tháng ba, ếch mập và hăng. Mỗi khi sau cơn mưa giông, trời tối om, các anh chị ếch nhái, ễnh ương, chàng hiu, chẫu chuột... đều ra khỏi hang tìm nhau để làm tình! Ngọn đèn của bạn soi qua, ánh sáng bất ngờ ấy không làm cho các cô cậu ếch bừng tỉnh cơn mê. Chúng ôm nhau cứng đến nỗi bạn bắt chúng và bỏ vào đụt, chúng cũng chưa tỉnh để thả nhau ra! Tình yêu lúc đó cao độ mà lị! Thế cho nên bạn cứ thoải mái lựa cặp nào to nhất để bắt. Bảo đảm với bạn là các cô chú ếch lúc mê ly, không cần biết điều gì đang xảy ra. Không biết con người, khi nổi cơn mê, có giống loài ếch không nhỉ!

Nếu bạn ngồi trên một con thuyền nhỏ tẻo teo như trong thơ Nguyễn Khuyến để thả rập cua thì thật là tuyệt cú mèo! Từ ngữ thả rập có nghĩa là đi bẫy cua. Nhưng thế nào là bẫy cua? Cái bẫy cua hay tiếng địa phương gọi là cái rập, gồm một miếng lưới nhỏ khoảng hai tấc vuông, căng bằng hai thanh tre chéo nhau. Bạn cột vào mấy cục đá cho nó có thể chìm xuống đáy sông. Chính giữa chéo của hai thanh tre, bạn cột một dây dừa dài, cuối cùng của sợi dây là một cái phao bằng vỏ dừa. Chính giữa cái bẫy, bạn cột một miếng mồi mà cua rất thích là bầy nhầy hay ruột của heo bò hơi có mùi thối. Trên con thuyền bé ấy, bạn có chừng khoảng hai hay ba chục cái rập như thế là có thể bắt đầu một cuộc ngao du trên dòng sông huyền thoại. Chèo thuyền ra giữa dòng và cứ một khoảng cách vừa phải, bạn thả xuống lòng sông một cái bẫy. Sau khi thả hết mấy mươi cái bẫy, bạn có thể đàng hoàng chèo thuyền chui vào một bóng cây nào đó bên bờ để làm thơ hay đọc sách... Chừng một giờ sau, bạn có thể chèo thuyền thơ đến bên những chiếc phao đang nổi trên mặt nước. Bạn từ từ thu ngắn dây và thế nào cũng thấy một chú cua ham mồi đang nằm gọn trong cái bẫy của bạn...

Sau những cơn mưa, nước sông nửa đục nửa trong, nửa mặn nửa ngọt. Cá đối là loại sống ở biển nhưng thích vào nơi nước xạ hai gần các cửa sông, đầm và vịnh... Nước xạ hai nửa trong nửa đục, nửa ngọt nửa mặn mang nhiều chất cho những loài cá ăn rong rêu. Cá đối là một trong những loại ăn rong, thích những nơi nào có đất lở hay nhiều bọt...

Lợi dụng những đặc tính ấy, người ta tìm cách bắt cá đối. Dụng cụ để bắt cá đối thật là giản dị. Người ta kiếm một miếng lưới cá phế thải nhỏ, mỗi bề độ một mét rưỡi, căng thật thẳng với hai thanh tre uốn cong chéo nhau. Tìm một khúc tre nhỏ, dài độ ba mét làm cáng. Miếng lưới căng thẳng có sức cản nước, nên mỗi khi được người ta đập mạnh xuống mặt nước là sùi bọt và phát ra tiếng kêu giống như đất lở...!

Sau cơn mưa, trời tối, bạn và một vài người nữa cùng đi bắt cá đối. Bạn khó mà đi một mình vì đêm tối trời bạn sẽ sợ ma. Vả lại bạn phải đi âm thầm không được để cho cá thấy được ánh sáng. Một người xách giỏ đựng cá, một người vác cái chụp - dụng cụ bắt cá đối tả ở trên - và một người nữa cầm đèn pin để lượm cá. Đèn pin không được tỏa ánh sáng ra ngoài... Len lỏi giữa những bụi cây bần, cây đước, nơi nào có một khoảng trống vừa một thước rưỡi vuông là bạn chụp đánh ào thật mạnh. Tấm lưới sẽ phát ra tiếng kêu giống như đất lở, đồng thời bọt bèo nổi lên. Những con cá đối từ chung quanh liền vượt đến... Bạn đếm từ một đến mười là mạnh tay giật cái chụp lên thật lẹ. Cá có thể sẽ văng lên bờ hay còn trong lưới tùy theo sức mạnh của bạn. Việc lượm những con cá đang nhảy đành đạch trên bờ là việc của hai chàng hộ tống...

Người dân thôn Cửu Lợi có cách bắt cá đối, cá cồi, cá măng còn độc đáo hơn nữa. Có thể nói cách bắt cá theo kiểu nầy, chỉ có tại Tam Quan! Ngoài những đặc

tính đã tả ở trên, cá đối còn có một đặc tính khác rất ngông cuồng. Trên đường đi của bầy cá, nếu có vật gì cản chúng, chúng liền nhảy qua để đi tiếp theo lộ trình đã hoạch định. Sông nước Tam quan là nơi những bầy cá đối hàng nghìn con tung hoành ngang dọc. Chúng rong chơi và làm tình dưới làn nước trong leo lẻo... Lợi dụng dòng sông lúc thủy triều xuống để bắt những bầy cá đối béo mập là việc làm của cả tập thể đồng bào trong các xóm ven bờ.

Khi thủy triều xuống, lòng sông nước cạn. Bạn có thể lội qua lội lại giữa những khúc sông mà không ướt quần cũng không cần cởi quần! Vì thế cho nên khi người ta đem những tấm nan tre đan vào nhau bằng dây dừa, chận ngang dòng sông. Xa khoảng một cây số là một đoạn khác cũng chặn ngang bằng những lưới tre như trên. Thế là đàn cá bị kẹt vào giữa. Lúc bấy giờ cả làng ra bắt cá bằng mọi phương tiện. Ai có nhá thì dùng nhá, ai có nom thì dùng nom...

Tất cả lội xuống khúc giữa, hai đầu là hai đoạn bị chận lại. Phía sau hàng rào bằng lưới tre là những con thuyền chờ sẵn để đón hàng ngàn chú cá đối nhảy lên hay những chiếc giàn cũng bằng tre đợi sẵn. Thích thú nhất là bạn ngồi xem cá đối nhảy lên thuyền hay lên giàn hứng. Bạn không thể nào tả được cái cảm giác khi chứng kiến một màu trắng phau toàn là cá tự nhảy lên thuyền để làm thức ăn cho người! Người ta quậy phá khúc sông đó đến chừng nào cảm thấy đã bắt hết các loài thủy tặc tại chỗ mới thôi.

Thời nào cũng thế, thời chín năm kháng chiến thì các khúc sông nầy được chính quyền xã thôn cho đấu thầu để kiếm tiền gây quỹ. Sau 1954 cũng theo qui củ đó mà làm. Việc phân dòng sông thành nhiều đoạn để đấu thầu kể cả đi soi cá hàng đêm tránh việc tranh chấp kiện tụng. Tuy thế cũng không tránh được việc

xách đèn soi lộn khúc sông mình không đấu thầu hay vào các đìa cá người ta đang thả nuôi để mò trộm... Mỗi năm đều có lệ đấu thầu các lòng sông và buôn bán con cháu thủy tề ngay khi chưa bắt được!

Thuở thiếu thời, khi mùa hè hoa phượng đỏ sân trường, cũng là lúc chúng tôi háo hức về lại Tam Quan để thưởng thức món cá nướng hay tôm cua do chính tay mình bắt được. Cái thú cầm đèn soi cá hay đứng bên hàng đăng lưới tre cùng bà con bắt cá là một cái thú không bao giờ quên được... Mai nầy, nếu có còn sức khỏe, có thể ta sẽ phải có một lần chống gậy về quê hương cũ, ngồi trên bờ sông xưa để xem đàn con cháu làm ăn theo kiểu cũ bằng chân tay như ta thời mấy mươi năm trước; hay đã kịp thời máy móc hóa, áp dụng khoa học vào đời sống...

Ngày ấy có thể là ngày mà chẳng còn ai nhận ra ta là ai, bạn là ai... Quê hương đổi thay như lúc Lưu Nguyễn khi về lại trần gian... Nhưng có một điều chắc chắn là dòng sông vẫn mang nước vừa mặn vừa ngọt, vừa chua vừa chát, cá tôm vẫn giống cá tôm năm nào. Ngọn dừa vẫn sẽ vẫy tay chào ta như lúc ta còn là một chú nhỏ đen đúa, ngày đêm bận chiếc quần đùi rách, đi tìm những con cá nhỏ ven sông... Nhớ những năm dài chín năm kháng chiến. Nhớ những đêm không trăng sao, hai cha con cởi quần vắt vai bơi qua sông tìm bắt cá đối, nuôi sống bao nhiêu miệng ăn trong gia đình.

Bờ biển dài California và những dòng sông không có nước. Những thành phố vĩ đại bạn có thể đã lái xe qua... Bạn có bao giờ ngồi trên những chiếc cầu bắc dài ra biển để câu cá thì bạn sẽ thấy cái cảm giác mơn man trào dâng kỷ niệm từ một xó xóm nghèo thuở thiếu thời! Riêng tôi, tôi hứa sẽ có một ngày chống gậy về lại bên dòng sông xưa nghe thủy triều lên xuống

và thưởng thức món cá đối nướng chấm với mắm nhĩ vừa nhỏ giọt từ vòi chum mắm cá cơm thơm phức mùi quê hương...

Đặc sản

Bây giờ thì tác giả xin phép được mời khách thưởng thức món ăn đặc biệt Tam Quan. Khách sẽ ra về với một kỷ niệm không quên về một địa danh trong đại gia đình Bình Định xa tít mãi tận phía Bắc của một tỉnh to lớn và đầy sinh lực.

Người dân đất Thần kinh là một trong những người yêu quê hương. Họ diễn tả đủ mọi thể loại và đủ mọi hướng để giới thiệu trọn vẹn cái đẹp, cái thơ, cái ngon, cái đặc biệt của xứ Huế. Từ con đò Vỹ Dạ, chén cơm hến, tô bún bò, đến hoàng thành... từ lăng tẩm uy nghi đến những đặc tính về trai gái của thủ đô một thời! Họ đã thành công hoàn toàn, có ai vì thế mà chê bai họ đâu.

Thế cho nên chúng ta viết về cái quê nghèo đầy kỷ niệm của chúng ta là một bổn phận! Nơi chốn nào, dù nghèo đến đâu, cũng mang nặng tình mẹ muôn đời đã ru ta từ những lời ru của mẹ, từ những thì thầm của lũy tre xanh, của ngọn dừa râm mát và những đợt sóng vỗ bờ thì thầm tình tự... Chẳng có nơi nào không có những đặc biệt cần giới thiệu với người thời sau. Nhất là ta được dịp nói lên cho mọi người cùng đọc những gì ta suy nghĩ từ lúc còn là một em bé quê mùa, chân đất...

Trở về lại với xó quê hiền hòa và rợp bóng dừa xanh của riêng tác giả. Hầu như chẳng bao giờ tôi có thể viết hết được những gì đọng lại trong tôi về nơi ấy. Tôi chỉ mở ra một cánh cửa hẹp giới thiệu đơn giản một vài lãnh vực mà riêng tôi cảm nhận được. Tam Quan không giản dị và thơ mộng đơn thuần như tôi thường kể. Các bạn cứ nhìn những người Tam Quan

đang tha phương cầu thực trên khắp năm châu thì các bạn cũng thông cảm cho tôi rằng: Dân Tam Quan cũng chẳng vừa gì...!

Vợ chồng tôi mời các bạn cùng ăn cơm Tam Quan với mắm cá thu, quẹt rau, thịt heo mọi luộc và bánh tráng mì nước dừa nướng. Trước hết thì chúng ta quan sát bà xã trong bếp đang làm gì. Trên bàn chúng ta thấy gạo đã vo sẵn, trên bếp thì một soong nước gần sôi. Không phải nước thường đâu nhé mà là nước và cơm dừa nạo tươi vừa hái trên cây. Dừa được chặt ra lấy nước và cơm dừa non đóng trên thành. Tất cả cho vào nấu. Dừa nạo có nghĩa là trái dừa còn non, cơm dừa mới đóng bợn cơm trên thành sọ dừa... Nước dừa nạo sôi lên thì bà xã tôi đổ gạo vào sao cho đều và không bị sít cháy. Vừa cho gạo vào soong vừa lấy đũa bếp quậy đều để cơm dừa non quyện với gạo.

Sau khi đậy nắp, để cho sôi một dạo, xem thử nước có nhiều không. Nếu nhiều quá thì múc bớt đi sao cho khi cơm chín không nhão. Nhớ cho một tí muối hầm vào để trung hòa... Mới nghe đến đó, bạn thấy thế nào về nồi cơm Tam Quan bạn sắp thưởng thức?

Có người thắc mắc rằng sao không đổ gạo vào trái dừa nấu cho ngon! Xin thưa rằng đó cũng là một cách làm cầu kỳ lúc chúng ta có một đống lửa than lớn hay lửa trại. Vì sọ của trái dừa non rất mềm, không thể lóc ra làm nồi nấu. Còn nếu dùng luôn cả vỏ ngoài thì nấu cơm rất lâu mới chín. Vì thế cho nên muốn đãi khách cầu kỳ như thế phải có năng lượng cao... Thôi thì nếu muốn cũng được. Ta cứ nấu theo kiểu bà xã tôi đang nấu. Khi nấu xong ta cho vào trong những trái dừa đã nạo sẵn để mỗi người cầm mỗi trái cho vui...!

Món ăn tiếp theo mà chúng ta thấy đang để trên bàn ăn là mắm cá thu. Sẵn đây ta xem thử cái món độc đáo nầy đã chế biến như thế nào mà gọi là đặc sản của

Tam Quan. Các bạn cứ tưởng tượng đang có một con cá thu mặn trước mặt. Cá thu nguyên con đem muối và sau một thời gian lấy nước mắm... Xác con cá thu còn nguyên, nhưng là cá mắm chứ không phải cá thu thường. Con cá mắm thu nầy được cắt ra từng khúc và lấy muỗng cào hết thịt cho vào một tô để sẵn. Thịt cá thu mắm bây giờ rất mặn.

Bên cạnh là một khúc thịt heo luộc, trọng lượng thịt tương đương với trọng lượng thịt cá thu mắm. Phía trên bàn chúng ta thấy một miếng mỡ to, trọng lượng cũng tương đương đã luộc có màu trắng hếu đang chào mời. Chưa hết! Ngoài sân đang phơi một mâm trái thơm chín xắt lát, phơi heo héo thôi. Củ tỏi cho nhiều vào và ớt trái màu đỏ nữa nhé!

Bây giờ là lúc các bạn quan sát cách chế biến mắm thu. Bạn có thấy một người lực lưỡng đang ngồi cầm chày bên cái cối đá to không! Đó chính là người thay máy móc điều chế món ăn ngon miệng cho ta. Trước hết, bạn cho món trái thơm phơi heo héo vào cối. Anh chàng trai bắt đầu giã nhỏ và nhuyễn. Sau khi lấy món trái thơm nhuyễn ra khỏi cối, bạn cho tỏi ớt vào, thịt heo luộc được xắt nhỏ cho vào giã cũng nhuyễn rồi lấy ra. Mỡ luộc cho vào cối quết, sau đó là thịt cá mắm thu... Nhớ chuẩn bị sẵn tiêu nữa cho thơm! Nếu có máy xay để thay cối giã thì tuyệt cú mèo!

Bây giờ các món đã được làm nhuyễn trên được chúng ta trộn lại cũng trong cái cối đá. Lấy chày đảo sao cho nó đều và dẻo nhẹo. Nước mỡ quyện với thịt heo và trái thơm cùng thịt cá thu mặn... Thành một món ăn quẹt đặc biệt của Tam Quan. Các bạn có thể cho vào thẩu lọ hay thố để dành ăn lần mà không bao giờ sợ hư vì trong đó có mỡ heo bảo quản! Các bạn thắc mắc là sao không cho thêm ít đường hay bột ngọt phải không. Đừng lo! Trái thơm ngọt ngào đã thay thế

những gia vị ấy. Thơm không những làm cho mắm thu có vị đặc biệt mà còn làm bán mùi mắm cá trở thành thơm tho dễ hấp dẫn khách sành ăn... Trên thương trường, dân sản xuất bán mắm cá thu thường ham lời, cho thơm vào nhiều quá, hay bớt thịt và mỡ... Cho nên chất lượng và mùi vị không thể sánh với món mắm chính tay gia đình ta chế biến được...

Thế là trên bàn ăn, chúng ta có được hai món. Một là cơm nước dừa nạo, hai là mắm cá thu. Bây giờ là một món mà bất cứ người nào sanh ra và lớn lên ở Bình Định đều phải biết. Đó là bánh tráng. Nhưng tại sao gọi là đặc biệt? Bạn có thể đi đến bất cứ nhà nào trong vùng Bình Định, nếu bạn được mời ăn giỗ hay ăn tiệc, thậm chí ăn cơm thường...

Món đầu tiên để gọi là mời chào xã giao cho tự nhiên là: Mời ăn bánh tráng. Bánh tráng được nướng giòn và để nguyên cái úp lên món ăn thành đồ che chắn. Khi bắt đầu ăn, người chủ mời khách một cách thân mật bằng những tiếng bẻ giòn tan của bánh tráng nướng trên tay và trong môi, để sau đó nhờ thế mà câu chuyện thêm giòn...

Bánh tráng thường thì đâu cũng có, Bình Định nổi tiếng về bánh tráng mì. Đó là sản phẩm làm toàn bằng củ mì. Thế cho nên có người nói đến Bình Định đã cười pha trò rằng: Xứ củ mì! Thế nhưng bánh tráng mì Tam Quan thì không đơn thuần như thế. Nó được mang danh là bánh tráng mì nước dừa. Xứ dừa mà lị! Muốn làm bánh tráng mì nước dừa, người ta mài củ mì tươi và dùng luôn cả xác. Xác củ mì mài được dùng trộn với bột mì theo tỉ lệ ít nhiều tùy theo nhà sản xuất. Cơm của trái dừa già mài nhuyễn trộn với bột và xác khoai mì. Hành hương và muối được cho vào để bánh tráng thơm, vị vừa dễ ăn. Khác với bánh tráng củ mì thường, bánh tráng có nước dừa rất dày, phơi khô...

Muốn ăn bánh tráng loại nầy chúng ta cần có một lò lửa than cho thật tốt. Nướng bánh tráng mì nước dừa cũng là một nghệ thuật chứ không phải bình thường, vì bản chất nó dày và khó nướng. Nướng bánh phải nổi đều và vàng. Nếu bánh nướng không nổi mà bị chai, khi ăn không dòn mà chỉ dai nhách làm khách có cảm tưởng là ăn nhằm miếng da bò khô! Khi nướng bánh tráng mì nước dừa xong, trên bàn bạn có được ba đặc sản. Bạn cần một đĩa rau đủ loại phải không, bạn cần một đĩa thịt ba chỉ luộc nữa. Đừng lo! Dân Tam Quan ăn thịt heo mọi chứ ít khi chịu ăn thịt heo to con màu trắng thường được gọi là heo Tây! Thịt heo mọi nuôi trong nhà, thịt heo mọi mua ngoài chợ đều thơm ngon mùi Tam Quan...

Một hai ba! Mời bạn ngồi vào bàn ăn. Thay vì tôi và bà xã tôi mời bạn cầm đũa thì tôi mời bạn thưởng thức bánh tráng mì nước dừa nướng khai khẩu. Thay vì mời bạn uống bia hay rượu chát cho tình đồng hương thắm thiết, chúng tôi mời bạn cùng nâng ly nước dừa nạo tươi vừa hái ở góc vườn...

Ôi! Quê hương ta đó, hãy nhớ và hãy tin rằng có một ngày về lại để ôn những kỷ niệm còn giăng mắc trong ta. Món ăn riêng biệt của quê hương ta có thể nó không đúng khẩu vị với những khách mời khó tính nhưng đối với ta, nó là món ăn từ thuở thiếu thời, trong lòng chỉ muốn ôm trọn quê hương nghèo của mình, ở đó và chết cũng ở đó. Thế mà ước nguyện bé nhỏ ấy lại không thể nào thành sự thật... Hỡi những con dân Tam Quan đang rải khắp địa cầu! Hãy tự hào rằng mình đã được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất tuy hẻo lánh và nghèo... Nhưng tình yêu và tình dân dộc trong ta vẫn luôn hướng về!

Lê Anh Dũng

Thơ nhạc vào thu

Một mình ta với cây đàn,
Ngâm nga giọng hát nhẹ nhàng trời mây,
Lá vàng xào xạc đâu đây,
Thu về lá rụng tràn đầy ngoài hiên,
Nhớ tình khúc Ngô Thụy Miên,
Mùa thu năm ấy anh quen được nàng,
Thu đi trong nắng hanh vàng,
Thương anh Đoàn Chuẩn, ngỡ ngàng long đong,
Thu Quyến Rũ với chờ mong,
Người mơ chẳng đến nỗi lòng buồn hiu,
Bài ca Lá Đổ Muôn Chiều,
Hoa rơi tơi tả càng nhiều bang khuâng,
Thu đi đã biết bao lần,
Ta nghe thổn thức, sầu dâng ngập lòng.

Lê Công Thành

Khung hẹp!

Mỹ Hiệp

Qua khung cửa kính nhìn xuống công viên, ngày nào Hoa cũng thấy người đàn ông chậm chạp từng bước với cái walker. Đi khoảng vài mét ông dừng và ngồi trên ghế. Đó có phải là hình ảnh của mình trong tương lai? Tuổi nhận medicare chưa tới mà trăm thứ bệnh đã tới tấp ồ ạt tấn công. Nhiều hiện tượng lạ xãy ra chung quanh như đá trời khổng lồ rớt xuống quả đất, chỗ thì bỗng dưng đất sụp, lôi luôn nhà cửa xuống hố sâu, chỗ thì gió cuốn hàng trăm ngôi nhà, nơi nước dâng, nơi khô hạn. Dường như cơ thể Hoa cũng bị xáo trộn như chiếc lá bị lốc xoáy trong cơn bão, đau đớn phải vào bệnh viện. Họ hút máu đi thử nghiệm ba ngày liên tục và cho biết đĩa đệm cổ bị kẹt cần phải mổ. Nghe bác sĩ phụ trách ca mổ trình bày tiến trình ông sẽ thực hiện, tôi phải hốt hoảng la to: " Không, dễ sợ quá, tôi không mổ đâu!"

Chồng và con Hoa thì lúc nào cũng bàn và đồng ý khuyên Hoa mổ. Nếu họ không nhắc tới thì Hoa an tâm vui vẻ, nhưng khi nghe đến sự việc nầy, Hoa như con thú đang bị hành hạ - hải sợ - lo âu – điên tiết và cố vùng vẫy ra khỏi sự ép chế nầy! Hoa đã thấy đứa con gái trước nhà ở chung cư Ấn Quang Sài Gòn uống dầu nóng tự tử, cái chết đến chỉ vài giờ mà thôi; nếu phải chọn, Hoa chọn việc nầy chứ không để người xung

quanh phải nuôi bệnh cho chị từ năm này qua năm nọ. Hoa viết di chúc để lại phòng khi thình lình có bất trắc. Có một điều chị tin tưởng là khoảng mười năm trước đây, qua một đêm thức dậy, tay chị không nhúc nhích, không thể nhấc lên chải tóc hay mặc áo được. Duyên may có người cho chị số phôn và hẹn gặp ông thầy thuốc cho uống lá cây, thảo dược. Toa thuốc ông hốt hoàn toàn không có vị thuốc bắc nào.

Khi vào khám bệnh, ông gọi chồng Hoa cùng vào nghe bệnh tình của chị. Câu dầu tiên ông nói: " Chúc mừng cô không có bệnh gì hết, bệnh này là bệnh nhõng nhẽo, ban ngày làm mọi việc, đêm than mỏi mệt, không nói nhỏng nhẻo là không đúng, biết bao bệnh nan y nguy hiểm. Khi tiết trời thay đổi sang mùa nóng qua lạnh rồi lạnh chuyển nóng; người mình chuyển hoán theo là thuận chứ có nghịch đâu!" – "Thưa thầy, hiện tại tay tôi không nhấc lên được, chân tôi tự nhiên sưng vù nơi gót, bác sĩ đề nghị tôi đi mổ để mài xương mà!" – thầy trả lời: "Cứ để tự nhiên, một ngày nào đó, qua đêm thức dậy, tất cả mọi thứ trở lại bình thường nhưng (ông ngừng một phút, nhìn tôi đắn đo, ông nói tiếp) – Về sau có một lần phải mổ xẻ."

"Tại sao vậy thầy? tôi bị gì phải mổ?"

"Nghẽn một mạch"

Sau đó mọi việc xảy ra như lời thầy nói. Tôi bị bệnh tuyến giáp trạng và đành chấp nhận. Bởi tôi tin đó là số mệnh và con người như phải nằm trong quỹ đạo an bài của hóa công. Nhưng cơn đau hành hạ thể xác hàng đêm chưa được giải quyết. tôi chưa chịu mổ là xong việc sao! Thế là xoay qua chữa bệnh theo phương pháp vật lý trị liệu và châm cứu. Ông xã tôi gặp bạn hiền nào cũng hỏi tìm thầy giỏi, nhưng họ không nhớ rõ địa chỉ, nên vợ chồng cứ lái xe lòng vòng từ sáng đến chiều cũng tìm chưa ra, vì anh bạn cũng chưa một lần đến đó, cũng chỉ nghe qua bạn bè lúc uống cà phê với nhau thôi!

Cuối cùng ông chồng bảo vợ: "Hôm em nằm nhà thương, anh đi mua tô mì hoành thánh thấy chỗ "pain center", mình đến đó xem sao!" Hoa đồng ý. Nơi đây họ nhận medicare, nhưng chị thì chưa có, trả tiền mặt giá 40 đô mỗi lần chữa trị. Chị vào đó trước tiên là châm cứu, thứ đến là massage, thứ ba là chuyên viên nắn xương cổ. Hoa mừng là sau nửa giờ, ra về ngủ được một giấc ngon lành. Mỗi tuần chị đến đó ba lần. Ba tuần sau, ông thầy châm cứu đưa cho chị tấm danh thiếp, ông bảo cuối tuần đến chỗ tiệm của ông sẽ châm cứu kỹ hơn và giác hơi, chứ bệnh bà chữa kiểu nầy không hết đâu. Chị hỏi: "Ở dây cũng do thầy châm cứu, tới tiệm của thầy cũng do tay thầy, khác chỗ nào?" – " Khác chứ!" –"Nhưng chỗ nầy còn có massage nữa" – " Đàn ông ưa massage chứ đàn bà đâu có ưa!". Nói rồi ông rút điện, rút kim lập tức. Từ hôm ấy, chị không đến chỗ đó nữa và mừng thầm là ông ta chưa châm cho chị vào huyệt nào đó để thành què luôn và phải đến chỗ của ông chữa trị dài hạn!

Chưa tìm ra nơi chữa bệnh. Lúc các cháu đi học và ông bà già rổi rảnh lái xe lòng vòng. Đang nhìn cảnh trí bên đường, xe chạy vụt qua, Hoa thoáng đọc tên nơi chị muốn tìm. Cách nhà độ ba phút lái xe, chị chọn nơi nầy làm nơi chửa bệnh. Ở đây không có massage mà có châm cứu, chạy điện và bác sĩ dạy cách tập thở, tập vận động theo phương pháp dưỡng sinh. Sau khi chụp hình xương sống, bác sĩ cho biết không rõ lý do gì, bộ xương sống không bình thường, có lẽ lúc nhỏ ngồi viết không đúng cách. Hiện tại, xương ngực bị lép, trước tiên phải tập thở cho thông, cho xương ngực nở ra.

Từ nhỏ ba tôi dạy, tôi không làm được, lớn lên chồng tôi dạy hít thở khi đi bộ. Tôi cũng không làm được, nó nghẽn ngay lồng ngực chứ không phải mình không biết.

Không có gì là không được khi ta quyết chí, đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì

lòng người ngại núi e sông! – chị nhìn tôi và làm theo! - Ông Bác Sĩ vùa nói vừa làm dộng tác.

Dạ tôi nhìn và hít vào, nhưng như có vật gì chận không cho hơi vô nên đành thở phì ra ngay.

Đừng nản chí, cố lên vì thành lồng ngực bị teo, bộ máy hô hấp của con người gồm hai lá phổi và những bộ phận trung gian để dẫn không khí ra vào hai lá phổi. Thân người được chia làm hai phần, phần trên là lồng ngực, phần dưới là bụng. Hai vùng nầy ngăn cách bởi "hoành cách mô". Sự co giãn của lồng ngực và hoành cách mô đóng vai trò chính trong tiến trình hít thở không khí. Khi hít hơi vào, hai lá phổi bắt đầu nở lớn dần dần. Không khí thở ra là bước sau cùng cần thiết trong tiến trình hô hấp. Hai lá phổi co thắt nhỏ lại dần dần cùng lúc với lồng ngực hạ xuống rồi hơi thở lại bình thường. Chị làm theo hướng dẫn của tôi: - Hít vào: hai tay ôm sát vào bụng, hít hơi vào từ từ bằng đường mũi, càng nhiều hơi có thể. Hít và đưa hơi xuống đến lúc bụng dưới phồng to cứng lên – Giữ hơi lại vài giây đồng hồ trước khi thở ra. Để phổi chứa tối đa dưỡng khí. – Thở ra: miệng thở ra từ từ, với hai môi khép nhẹ lại để lỗ trống vừa đủ hơi thoát ra, cho đến khi bụng dưới trở lại bình thường và phổi ép hết thán khí ra ngoài.

Tiếp tục lập lại, hít vào thở ra như thế trong năm lần cho mỗi chu kỳ. Trong ngày chúng ta có thể thực hiện ba hoặc bốn chu kỳ. (theo phương pháp dưỡng sinh quan hiện đại của TS Vũ Đức Âu Vĩnh Hiển, HD Hoa Kỳ)

Ra về Hoa cố gắng tập và cuối cùng sự nghẽn khí ở phổi được phá vỡ, bắt đầu thấy lên cân. Chị đi mua quyển sách đọc kỹ và tự tập theo sự hướng dẫn có hình vẽ do một hữu duyên tình cờ.

oOo

Sáng nay bác sĩ D nhận bệnh nhân mới, ông cầm

bút viết tên ngày tháng năm sanh của bệnh nhân trên mảnh giấy, đọc đi đọc lại vài lần rồi lẩm bẩm, cùng năm sanh, nhưng mình lớn hơn vài tháng. Ông quay nhìn bệnh nhân và nói một câu không ăn nhập vào đâu. Ngay cách xưng hô, lúc cô, lúc chị, lúc bà. Ông lúng túng bởi bệnh nhân nầy chưa già để ông gọi là bà và ông cũng không muốn người đàn bà đang đau bệnh mang mặc cảm mình già lắm. Là chị cũng không êm, có nghĩa là lớn hơn ông. Sự thật người đối diện chưa phải là già hơn ông, là cô chăng! Đâu phải mười tám hai mươi như con cháu!

Ông thấy mình lẩm cẩm thật rồi. Ông bác sĩ lẩm bẩm tên bệnh nhân, ông đọc lại vài lần, nhiều lần để tìm tòi trong ký ức một tên tuổi mà dường như có lần ông tự hứa sẽ có một ngày ông phải trả nợ. Một món nợ vô tình. Đêm nay ông cảm thấy khó tìm được giấc ngủ; ông hít sâu thở ra làm nhiều lần, cố xua tan nổi thắc mắc tự nhiên đến, từ lúc gặp bà bệnh nhân kỳ bí.

Sau ba năm "cải tạo" tại trại Đồng Bò, D nhận giấy ra trại. Chưa tới tuổi ba mươi, chưa lập gia đình, người yêu chẳng biết lưu lạc nơi nào. Anh và Thùy Hương đã lạc nhau trong những ngày dầu sôi lửa bỏng. Nàng cùng gia đình di tản vô Nam trước ngày Cộng Sản chiếm Nha Trang. D kẹt trong đơn vị, rồi đứt phim, rồi bịn rịn mẹ già. Cuối cùng anh phải trình diện tại Nha Trang. Trong tù, chàng không thể nào có được tin tức của Thùy Dương. Qua gia đình chàng, không ai rỏ nàng đã đi đâu!

Về sống với mẹ chưa đến tuần lễ, một hôm, mẹ kề vào tai nói nhỏ "con phải đi thôi." – "Đi đâu hả mẹ?" – Đi ra Hòn Chồng sống với anh chị Hai để tránh con mắt dòm ngó, họ sẽ đưa con đi kinh tế mới chứ không để con yên thân đâu. Rồi anh chị và mẹ sẽ tìm đường dây cho con vượt biên. D đã làm theo ý mẹ.

Anh Hai có chiếc xe lambretta chạy đường Đồng Đế - Nha Trang. Buổi chiều xe về đậu nghỉ. D mượn chạy

vài cuốc kiếm tiền tiêu vặt, cà phê thuốc lá tạm ổn. Sáng nay nghe anh Hai dặn phải sẵn sàng khi có lệnh là đi, có lẽ một hai ngày nữa thôi. Nghe tin này D hồi hợp lo âu, nghĩ lại mình là lính, sao nhút nhát thế kia. Có lẽ hình ảnh mẹ già làm anh khó xử, ra đi biết bao giờ gặp lại mẹ. Đầu óc lơ mơ, con người như kẻ mất hồn. Thời gian ở nhà chờ đợi làm anh khó thở, nên anh xách xe chạy khách. Mục đích không phải kiếm tiền như hằng ngày mà để trấn tĩnh, tìm ra sự bình an.

Nhưng oái ăm, ngay chính hôm đó, đầu óc hoang mang, anh đã gây tai nạn, trước Tháp Bà. Tai nạn không chết ai nhưng làm bị thương hành khách khi anh lạc tay lái đâm đầu vô chiếc cam nhông lớn. Người đàn bà nạn nhân cỡ tuổi anh. Lúc đầu anh định đưa chị ấy lên Thành cho người quen bó bột để tránh phiền phức khai báo tên tuổi, sợ lộ lái xe không bằng lái, mới " cải tạo" về. Nhưng người chung quanh làm dữ bắt anh phải đưa chị ấy vào Dân Y Viện để bác sĩ khám nghiệm. thôi đành vậy. Vào bệnh viện anh đành thành thật cho nạn nhân biết: "Tôi là người bị tù mới về, mượn xe của ông anh kiếm tiền tiêu, không ngờ gây tai nạn, mong chị hiểu hoàn cảnh của tôi." – " Tôi và anh cùng cảnh ngộ. Chồng tôi đi tù chưa về, anh an tâm xem như phần số mình phải vậy. tôi không gây khó khăn cho anh đâu. Anh về ngay đi, không cần ở đây.

Anh ra về mà lòng ray rứt. D cũng không cho ai biết việc nầy. Ba hôm sau không chịu nổi, ám ảnh dày vò sự vô tâm thiếu trách nhiệm của mình, anh trở lại bệnh viện thì người đàn bà cũng đã rời khỏi. Anh hỏi thăm tên tuổi và dịa chỉ nơi bệnh viện, D liền mua ít bánh đi thăm. Nhà chị ta cách Nha Trang ba chục cây số. Đến tận nơi, nhìn cảnh ngộ người đàn bà, một mẹ già, ba con thơ, chồng tù chưa về, tay băng bột treo lơ lửng trên cổ. D thấy mình nặng lòng, tội lỗi mình gây ra lớn hơn, nhưng khi nghe người đàn bà xua đuổi: " Anh đừng bao giờ đến đây nữa, bánh trái, thăm viếng chẳng

có giá trị gì đối với tôi, biết đâu còn gây phiền toái cho tôi nhiều hơn, tôi không cần những thứ nầy."

D ra về và cũng chính đêm hôm dó anh phải ra đi. Cuộc vượt biên trót lọt âm thầm. rồi tuần tự mọi việc xuôi chèo mát mái. Đến Mỹ lại vùi đầu vào việc học. Hình ảnh người đàn bà thương tật cũng theo thời gian xóa nhòa trong anh. Ba mươi năm sau, nhân dịp về quê hương thọ tang mẹ, tìm đến nhà người thiếu phụ mà chàng vô tình gây tai họa năm xưa, trong thâm tâm không mong gặp lại chị ta. Chàng hy vọng chị đã cùng chồng định cư Hoa kỳ theo diện tù chính trị.

Cảnh vật hoàn toàn đã đổi thay sau ba mươi năm trở lại. D không tài nào tìm ra con dường dẫn vào nhà chị. Căn nhà chẳng còn nữạ Anh trở về Mỹ, lòng cầu nguyện gia đình chị bình yên. Hôm nay bổng dưng người bệnh xuất hiện hao hao giống người đàn bà đó. Khi trị liệu, nắn kéo xương tay thì mới biết tay phải người bệnh bị gãy.

" Bác Sĩ cẩn thận đó!"

D pha trò: " Chắc hồi trẻ chồng cỏng bà té gảy tay hả?"

" Không phải, tai nạn ở Việt Nam"

Nửa năm sau, qua nhiều lần chữa trị bệnh, chồng chị đem tặng tập Đặc San, trong đó có bài viết " Thuở Xa Xưa". Chị viết lại những chuỗi ngày sống nơi quê ngoại, tả lại cảnh củ.

"Tôi đã biết 100% chính chị là nạn nhân trong chiếc xe do tôi gây tai nạn. Nghe chị than: " sao đời tôi gặp nhiều tai ương bệnh hoạn" Tôi pha trò: " Về làm bài thơ rồi đốt liệng tung lên trời để giải nạn"

"Vâng, tôi sẽ làm!"

Ông Bác Sĩ nói nho nhỏ như nói với chính mình:

" Tôi cũng sẽ làm! Cầu mong chị sống bình an trong sự đùm bọc thương yêu của Thượng Đế"

Mỹ Hiệp

Mùa Xuân 2013

Trở lại quê nhà

Mãi cơm áo, mãi lao đao tù hãm,
Trở lại quê nhà nắng hốc khói bay;
Mẹ ngồi đó dáng Trường sơn sầu thẳm
Đợi buổi tương phùng, đợi cuộc đổi thay

Bằng hữu ơi! ta đếm tháng đếm ngày,
Chén rượu trao tay,nửa mừng nửa tủi;
Nghiêng đổ lòng nhau biển đời tăm tối,
Có cái gì trong mắt hỗng cay cay

Quê hương đó vẫn trời xanh vời vợi,
Vẫn lối mòn hến cũ, nhịp cầu xưa
Mà nghi ngút nỗi buồn lên tiếng gọi,
Áo giang hồ đẫm ướt giọt lòng mưa.

Nghiêng đầu xuống và cúi thêm chút nữa,
Hồn cỏ hoa sỏi đá cũng hơ phờ.
Đêm thao thức dòng trăng như dòng sữa,
Mọi cảnh đời muốn chép lại thành thơ:

Chị nhà giáo ngày xưa má thắm,
Giờ bán than nghiêng nón dấu cuộc đời
Tôi lặng lẽ mà nghe lòng thăm thẳm,
Ngước nhìn trời... xem chiếc lá vàng rơi!

Xuân Giáp Ngọ

Ngày đó chiến tranh, anh làm thơ dạy học,
Thanh bình về bỗng hóa kiếp phu xe;
Cuối chợ đầu đường, nhà xăm, quán cóc,
Anh vẫn làm thơ thách đố kẻ thù.
(Thơ rạng ngời đường kiếm buổi Xuân Thu)

Còn anh nữa vẫn ngẩng đầu nhìn thẳng,
Bao năm rồi rừng núi cũng quê hương;
Nặng kiếp tù đày, nhẹ lòng mây trắng,
Cùng Núi Sông chia sớt nỗi đoạn trường

Trở lại thăm anh, cảnh nhà hiu quạnh,
Mẹ còng lưng ngồi đợi bóng chiều rơi
Kể từ thuở giang sơn này đổi gánh,
Thân phận người đã bèo dạt mây trôi.

Nhà bạn đó sao cửa ngoài khóa chặt,
Dấu niêm phong nét chữ vẫn chưa mờ;
Tôi lặng lẽ nguyện cầu rồi nghiêng mắt:
Nắng bên thềm vàng lạnh đến hoang sơ

Những đứa trẻ tuổi lên mười, lên tám,
Vác bao không lững thững bước vào đời;
Đống rác thối buộc phận người tù hãm
Cuộc sinh tồn quằn quại vẫn trôi xuôi

Mùa gặt về trên cánh đồng quen thuộc,
Lúa rạ thơm lừng, dân vẫn không no;
Gió Bấc trái mùa kéo về rét mướt,
Tang khó cuộc đời trời đất biết cho!

Mỏi mệt bơ phờ đoàn người rách nát
Trên cánh đồng hợp tác trắng thương đau.
Mơ tiếng sáo diều chiều quê bát ngát,
Một chút thanh bình ai biết về đâu?

Vì đã quyết em chối từ cầm súng,
Nên sân tàu, bến chợ ngủ phơi sương;
Em đang chết giữa cuộc đời đang sống!
Chỉ dùm em ánh sáng một con đường.

Xuân Giáp Ngọ

Là công nhân không tiền may áo Tết,
Cơm không no, em hương phấn dư thừa;
Anh sợ quá có cái gì vừa chết,
Trong lòng anh hoa rụng buổi chiều mưa

Yêu Tự do, giờ đây anh người "có tội"
Một bàn chân gửi lại chiến trường xa.
Đời khập khễnh theo nhịp đàn nhức nhối,
Ngửa mũ chờ bên mỗi chuyến tàu qua

Bên đường đi ghé về thăm xóm cũ,
Bà con quen nay trôi dạt phương nào?
Trên cành gạo ngỡ ngàng con tu hú,
Gọi xuân về? Xuân vẫn mãi bay cao!

Trong vườn xưa ngôi tự đường hoang lạnh,
Mộ cha nằm cỏ úa nắng chiều hong.
Vì bi phẫn những thói đời góc cạnh,
Quê nha`này anh gửi lại cha trông

Ngôi cổ tự, niềm tin yêu một thuở,
Nay ghé về gọi mãi chẳng ai nghe,
Bên cổng chùa tượng cụ Hồ vạm vỡ,
Dáng lom khom đưa năm ngón tay xòe

Trường làng đó một thời xanh bóng mát,
Tiếng heo kêu giục giã bước chân vào,
Đây biển đề: Trại chăn nuôi hợp tác;
Nét sơn mờ giãy giụa lá cờ sao

Trở lại quê nhà, đường phượng đỏ,
Ngày đã vào thu, nắng vẫn già,
Ngồi lại bên nhau tâm sự nhỏ:
Chuyện cuộc đời, chuyện của chúng ta.

Qui nhơn, mùa Thu 1979
Lê Công Minh

Bà LÊ CHÂN

Hán xưa quận huyện nước ta
Có trang kỳ nữ, gọi Bà Lê Chân
Lên hai, giặc giết phụ thân
Mười hai, mẹ lại từ trần cô ai!
Dặn chú thím, phó gia tài
Nhờ nuôi dạy cháu, quan hoài trông thương
Ai hay đơn bạc thói thường
Gia tài chiếm hết, tính đường phân ly
Cực lòng, Bà phải ra đi
Làm lều Mả trận, gần kề mộ Cha
Ngày vào thôn ổ các nhà
Làm thuê, vá mướn để mà mưu sinh,
Tối về Mả trận một mình
Thương Cha, nhớ Mẹ, xót tình thơ ngây
Gậy cài cửa nắm trong tay
Đánh vung cây cối nhảy bay qua lều
Tập tành vũ nghệ cao siêu
Định ngày đánh Hán cho tiêu dạ thù
Sau làm Đại Tướng tiền khu
Giúp Bà Trưng quyết chinh tru tiễu bình
Dựng nền độc lập quang vinh
Oai nghiêng trời Hán, công thành ngàn thu
Chúng ta cương quyết cần cù
Noi gương tự lập, công phu tất thành
Chẳng cầu tư lợi tư danh
Xây nền độc lập cho thành là vinh
Chớ nên co gối cúi mình
Làm thân tôi tớ, như hình ngựa trâu
Sức đang mạnh, tuổi đang giàu
Muôn lòng đoàn kết, khá khâu được trời
Tẩy xong trọc loạn mấy đời
Làm nên thiên tải, nhất thời kỳ công
Đàn bà chí khí đàn ông
Trẻ con chí khí anh hùng mới hay!

Phụ huynh: NGUYỄN VĂN DIỄN

Chú thích: *Bà Lê Chân là nữ tướng của Hai Bà Trưng. Cha là Lê Đạo, Mẹ là Trần thị Châu. Bà là người có nhan sắc, giỏi võ nghệ và thơ văn. Tiếng đồn đến tai Tô Định. Tô Định toan lấy Bà làm thiếp. Nhưng Cha Mẹ bà cự tuyệt, do đó họ đã bị sát hại. Bà Lê Chân được coi là người có công khai khẩn, lập nên vùng đất, sau phát triển thành TP Hải Phòng hiện nay. Tượng của Nữ tướng Lê Chân được dựng tại thành phố này. (Theo Wikipedia).*

Viễn tượng trong ngày sụp đổ

của chế độ Cộng Sản Việt Nam

Hà thúc Hùng

Ngày xưa có lần Đức Khổng Tử cùng người học trò của ngài là thầy Tử Cống, đi ngang qua một vùng ven núi, dân cư thưa thớt. Chợt ngài thấy có một người đàn bà đang ngồi khóc thảm thiết bên vệ đường. Ngài dừng lại và sai người học trò của ngài đến hỏi xem vì sao người đàn bà ấy lại than khóc?

Sau đó thầy Tử Cống trở lại trình với ngài: người đàn bà đó nói rằng trước đây chồng bà đã bị cọp vồ ăn thịt. Mới đây con trai bà lại cũng bị cọp vồ ăn thịt nữa. Thầy Tử Cống có hỏi bà ta là tại sao bà không nghĩ đến việc di chuyển gia đình đến một nơi khác sinh sống, mà lại vẫn tiếp tục sống ở vùng đất khô cằn và nguy hiểm nầy. Người đàn bà ấy trả lời rằng: mặc dù ở đây đất núi khô cằn, làm ăn vất vả nghèo khó, thêm nạn thú dữ đe dọa. Nhưng được một cái là chính quyền đối với dân chúng không đến nổi bạo tàn, áp bức và cướp giựt của dân. Sợ rằng đến nơi khác có thể gặp những người cầm quyền độc ác phi nhân thì lại càng khổ hơn. Sau khi nghe thầy Tử Cống trình bày, Đức

Khổng Tử đã kết luận rằng: người dân luôn luôn khiếp sợ sự tàn bạo phi luân của nhà cầm quyền hơn là sự nguy hiểm đến từ mọi phía khác, hay sự nghèo khó vì đất đai khô cằn... Bởi vì sao? Nếu bị nghèo khó người ta cố gắng làm việc nhiều hơn, để đủ nuôi sống bản thân và gia đình. Thú dữ hay bệnh tật người ta cũng có thể đề phòng được. Nhưng sự tàn bạo, áp bức, cướp bóc với hành động phi nhân của nhà cầm quyền cai trị, thì không có cách nào để đề phòng được. Điều nầy đã được xác minh trong cuộc trốn chạy của hàng triệu người Việt Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, bằng mọi cách để vượt thoát khỏi chế độ bạo tàn, khát máu, phi nhân của chế độ CSVN. Họ trốn chạy trên những chiếc thuyền nan nhỏ bé vượt đại dương đầy sóng gió, bão táp, hải tặc... hoặc đi bộ trên những đoạn đường rừng biên giới có thể gặp bọn bộ đội, công an biên phòng Việt cộng. Cũng có thể gặp bọn cộng sản Miên Pol Pot. Gặp bọn nào thì người tỵ nạn cũng sẽ bị giết cả. Nhưng những người đi tìm tự do vẫn cứ ra đi. Mặc dù 50% những người vượt biên, vượt biển đã bỏ xác trên rừng hoặc dưới đáy biển. Họ vẫn quyết tâm ra đi trong sự chết để hy vọng tìm được sự sống, tránh thảm hoạ cộng sản. Những người CSVN hiện nay không còn nhân tính. Họ cai trị bằng chính sách bạo tàn sắt máu, nhằm để trấn áp dân chúng những người tranh đấu đòi hỏi tự do, nhân quyền, hòng gây sự khiếp sợ cho mọi người. Dù người dân chưa dám hành động mạnh mẽ để lật đổ tức thời ngụy quyền cộng sản. Nhưng họ đã dám căm thù và sự căm thùmỗi ngày mỗi chồng chất cao vời vợi. Vì vậy chế độ bạo ngược CSVN nhất định phải sụp đổ. Sự sụp đổ sẽ xảy ra trong một tương lai không quá xa. Ta có thể ví chế độ CSVN như là một chiếc bong bóng, mà sự căm hận của người dân, như là những luồng hơi bơm vào chiếc bong bóng ấy. Chiếc bong bóng mỗi ngày, sẽ mỗi căng phồng thêm và một

lúc nào đó,c hiếc bong bóng sẽ nổ tung ra. Ngày đó sẽ đến và một trong hai kịch bản sau đây sẽ xuất hiện:

Kịch bản thứ nhất sẽ xuất hiện, giống như sự sụp của chế độ cộng sản Đông Âu, sự sụp đổ nhẹ nhàng êm dịu, nếu người cộng sản còn một chút tư cách và nhân tính để hiểu rằng chế độ nầy đã đi ngược lại với nguyện vọng của toàn dân. Và họ đã ý thức rằng họ đã gây nhiều tội ác trong thời gian cai trị đất nước, không được nhân dân ủng hộ, thì họ nên rời bỏ độc quyền cai trị. Nghĩa là điều 4 hiến pháp phải được xóa bỏ.

Bằng ngược lại, họ vẫn khư khư tiếp tục trấn áp dân chúng, để tiếp tục độc quyền lãnh đạo, tiếp tục cướp bóc tài sản của dân chúng, đàn áp, tham nhũng vơ vét tài sản quốc gia... Nghĩa là họ không biết sám hối, thì kịch bản thứ hai sẽ xuất hiện. Sự sụp đổ kèm theo nỗi căm hờn, giận dữ tột cùng của người dân, bị áp bức từ lâu sẽ bùng lên một cách mãnh liệt. Đó là một kịch bản đẫm máu, mà người cộng sản sẽ không còn đất sống.

Hơn nửa thế kỷ, CSVN cai trị đất nước đã gây ra quá nhiều tội ác:

-Tội bán nước. Đây là tội ác nặng nhất, một hành động đưa dân tộc vào vòng nô lệ của bọn xâm lăng Hán tộc, một kẻ thù truyền kiếp của dân tộc Việt nam. Từ ngàn xưa đã luôn luôn nuôi mộng thôn tính nước ta, mà các bậc tiền nhân đã phải tốn nhiều xương máu và tâm não để đánh đuổi quân thù phương Bắc, giữ gìn đất nước cho đến ngày hôm nay. Ngay từ bây giờ, nếu người cộng sản chưa chịu đứng về phía nhân dân, để dựa vào sức mạnh của nhân dân, chống lại kẻ thù xâm lược, giữ gìn bờ cõi non sông, thì tội ác nầy khó được dân tộc Việt nam tha thứ. Cách đây 55 năm, người cộng sản đã bán đứng quần đảo Hoàng sa và Trường sa của Việt nam cho Trung cộng. Sự bán nước

có văn tự rành rành, không còn chối cải được. Đó là công hàm 1958 do Phạm văn Đồng ký theo lệnh của Hồ chí Minh và tập đoàn đảng lao động Việt nam, tiền thân của đảng cộng sản hiện nay. Thế rồi cách nay hơn một thập niên, chúng lại lén lút bán thêm một phần lãnh hải và lãnh thổ của Việt nam. Chúng nhường một phần lãnh hải rộng lớn của vịnh Bắc bộ và âm thầm cùng với bọn xâm lăng Trung cộng di dời cọc mốc về phía Việt nam, để nhường cho Tàu cộng thác Bản Dốc và ải Nam Quan. Hành động bán nước của đảng Việt cộng là để đổi lấy sự tồn tại cho đảng CSVN, do quan thầy Tàu cộng che chở. Nhưng lòng tham lam của nòi Hán tộc không chỉ có bấy nhiêu đất đai, lảnh hải đó, mà tham vọng của chúng là thâu tóm toàn thể đất nước Việt nam, để sát nhập vào Trung hoa lục địa, thành một tỉnh hay một huyện của chúng.

Những vùng Trung cộng khai thác bauxite ở cao nguyên Trung phần là những vùng bất khả xâm phạm đối với người Việt nam. Bọn Trung cộng muốn làm gì trong đó thì làm, không ai kiểm soát được. Bọn chúng đã đưa vào nhiều ngàn công nhân trá hình để làm việc ở đó. Nhưng thực chất là những đơn vị hồng quân Trung cộng được khoát áo công nhân. Chúng có thể xây dựng những cơ sở chiến lược quân sự bên trong, những kho tích trữ vũ khí, lương thực, quân trang, quân dụng, để cần dùng khi hữu sự cho mục đích xâm lăng Việt nam. Tương tự như vậy ở các vùng rừng thuê dài hạn. Sẽ mọc lên bên trong đó những khu phố Tàu, những đường hầm công sự chiến đấu qui mô, mà người Việt nam không thể kiểm soát được. Hay nói một cách khác là không được quyền kiểm soát. Hiện nay tại thị xã Dĩ an, Bình dương đã xuất hiện một khu phố Tàu rộng lớn. Các bảng hiệu hoàn toàn bằng chữ Tàu. Các cửa hàng quán ăn, buôn bán giữa người Tàu với nhau, dùng tiền Nhân dân tệ của Trung cộng. Họ

không bán bất cứ cái gì cho người Việt nam. Nơi đây rất nhiều người Trung hoa cư trú bất hợp pháp. Ở đây dường như không có chính quyền Việt nam kiểm soát, tình trạng an ninh vô cùng phức tạp. Hiện nay những người Tàu cư trú bất hợp pháp và những công nhân Trung cộng đang tìm cách lấy vợ Việt nam. Đây chính là kế hoạch tằm ăn dâu của Trung cộng, để từng bước dần dần đồng hoá dân tộc Việt nam, với mưu đồ lâu dài là xóa tên Việt nam trên bản đồ thế giới. Đây là tội ác tày trời mà nhân dân Việt nam không thể nào tha thứ được, nếu CSVN vẫn còn ngoan cố tiếp tục trấn áp những người dân yêu Tổ quốc, biểu lộ ý chí chống quân xâm lăng để giữ nước.

-Tội cướp bóc tài sản của nhân dân. Từ khi nắm được chính quyền tại miền Bắc 1954 và sau nầy tại miền Nam 1975, cộng sản đã thẳng tay cướp bóc tài sản, tiền, vàng bạc và đất đai, nhà cửa của nhân dân một cách trắng trợn, không cần che giấu. Chúng đánh tư sản thương nghiệp bằng cách đánh một thứ thuế, gọi là thuế siêu ngạch. Nghĩa là phải đóng thuế từ những năm mà giới thương gia đang sống dưới chính thể VNCH. Mục đích của chúng là để cho người thọ thuế không thể nào đủ tiền để đóng thuế. Vì số tiền thuế nhiều hơn cả hàng hóa, tiền bạc, tài sản, nhà cửa họ đang có. Và như vậy VC cứ đương nhiên tịch thu tất cả, xong đuổi họ ra khỏi thành phố với hai bàn tay trắng. Lại thêm những lần đổi tiền để cướp tất cả tiền bạc của dân chúng. Với việc làm nầy, chúng vừa vơ vét của dân, vừa bần cùng hóa nhân dân, cột chặt bao tử của họ, để dễ bề cai trị sắt máu. Vì mọi người phải lo cái đói, đâu còn hơi sức để đấu tranh chống lại bạo quyền?. Chúng cướp tất cả đất đai, nhà cửa, ruộng vườn của dân mà nhiều thế hệ của giòng họ đã từng sống trên mảnh đất đó. Chúng ban hành luật nhà đất vô cùng phi lý: tất cả đất đai đều thuộc quyền sở hữu

của nhà nước. Người dân được phép xây cất ngôi nhà trên mảnh đất đó. Nhưng khi nhà nước cần thì nhà nước có quyền lấy lại chỗ đất đó. Sự bồi thường chỉ có tính cách tượng trưng gần như không có gì. Đây là lối hành xử của kẻ cướp mà trong tay có súng đạn và nhà tù...

_Tội tham nhũng, hối lộ. Sự tham nhũng hối lộ của bọn đảng viên cộng sản từ trung ương đến địa phương, gần như công khai. Vì tất cả đều tham nhũng, hối lộ thì còn ai sợ ai nữa? Bọn chúng đã trở thành những tên tư bản đỏ, sự giàu có ngoài sức tưởng tượng của người dân. Chúng giàu từ năm ba tỷ đến ít nhất là vài trăm triệu USD. Bọn cán bộ trung ương đã gởi tiền vào ngân hàng ngoại quốc khắp nơi trên thế giới. Sự tham nhũng ghê gớm, chưa từng thấy trong lịch sử. Tài liệu tham nhũng của CSVN đã rành rành ra đó. Một đứa trẻ con ở VN cũng có thể biết được, khỏi cần phải trưng bày ra đây cho tốn thêm giấy mực.

_Tội phát động cuộc đấu tranh giai cấp để gây hận thù và chia rẽ dân tộc để dễ cai trị.

Liền sau hiệp định Genève, chưa đầy một năm cộng sản miền Bắc đã cho tiến hành cuộc cải cách ruộng đất đẫm máu, vô cùng tàn ác và man rợ nhất trong lịch sử loài người. Chúng hạ nhục nạn nhân cho đến tận cùng, trước khi sát hại họ, bằng những hình thức dã man nhất. Hơn 200 ngàn người vô tội bị sát hại, chưa kể những thân nhân trong gia đình họ bị bao vây kinh tế cho đến nỗi cả gia đình họ phải bị chết đói. Cuộc cải cách ruộng đất đến nay đã trải qua gần sáu thập niên mà vết thương thỉnh thoảng vẫn còn đau nhức trong lòng người dân miền Bắc.

_Tội phá hoại nền tảng đạo đức cổ truyền của dân tộc. Cộng sản không những tìm cách chia rẽ từ gia đình nầy với gia đình khác, mà chúng còn tìm cách chia

rẽ những người trong cùng một gia đình ruột thịt với nhau. Chúng vừa hăm dọa, vừa phĩnh gạt dụ dỗ để tạo ra cảnh con tố cha, vợ tố chồng,c on cháu tố ông bà, bạn bè tố lẫn nhau... Tiêu biểu sau đây một trường hợp cười ra nước mắt: trong chiến dịch cải cách ruộng đất, chúng đặt ra quy luật, những người bị qui chụp cho tội danh là địa chủ, cường hào ác bá, phải quỳ trước đám đông, cho từng người lên đứng trước mặt tố giác và hạch tội. Người nông dân phải gọi người bị kết tội là địa chủ bằng MẦY và xưng là TAO chứ không được gọi bằng danh từ nào khác. Còn người bị gọi là địa chủ, hay cường hào ác bá phải gọi những người đứng trước mặt đang tố giác mình bằng ÔNG hoặc BÀ dù người đó nhỏ tuổi hơn mình bao nhiêu cũng vậy. Hôm ấy có trường hợp một cô gái, con ruột của người địa chủ đang quỳ trước đấu trường, bị đẩy lên để hạch tội cha mình. Bởi vì bọn cán bộ đội cải cách đã hăm dọa cô ta rằng :nếu không chịu đứng lên tố cáo cha mình bằng những tội danh vu khống mà chúng đã mớm cho cô ta, thì cha ruột của cô sẽ bị tử hình. Nếu cô ta chịu đứng lên tố cáo thì tội của cha cô sẽ được giảm nhe.Cô gái lên đứng trước mặt cha mình và hỏi rằng: Mầy có biết tao là ai không? Người cha trả lời rằng: Thưa bà, bà là con của con. Câu hỏi thứ hai mà người con gái hỏi cha mình là: "Mầy có biết tại sao mầy đã bóc lột bần cố nông không? Và người cha đã trả lời rằng: Thưa bà con biết. Con bóc lột là để nuôi bà.... Còn nhiều và rất nhiều trường hợp tương tự như vậy,nhưng ai cũng biết không cần phải nêu ra đây nữa. Nền đạo đức của dân tộc Việt nam từ ngàn xưa vô cùng tốt đẹp. Trẻ con từ nhỏ đã được học đức dục: Tiên học lễ, hậu học văn. Nhưng nay người cộng sản đã cố tình làm đảo lộn luân thường đạo lý, gây sụp đổ nền tảng gia đình.

_Tội toa rập với bọn Tàu cộng, là kẻ thù truyền kiếp của dân tộc, để chống lại nhân dân Việt nam.

Chúng triệt để vâng lời bọn Tàu cộng để thẳng tay trấn áp những người dân yêu nước biểu lộ ý chí gìn giữ quê hương. Đáng lẽ ra, chúng phải phối hợp với nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân, để chống lại sự xâm lăng của ngoại bang để gìn giữ đất nước. Có như vậy những cuộc xuống đường rầm rộ, những tiếng nói bất khuất của dân tộc, sẽ vang dội đến tai cộng đồng thế giới. Những nhân vật và tổ chức quan tâm đến công pháp quốc tế sẽ can thiệp và bọn xâm lược sẽ phải chùng tay. Đàng nầy bọn CSVN đã làm ngược lại. Cứ 100 người biểu tình chống Trung cộng thì chúng lại huy động 200 người vừa công an vừa bọn xã hội đen du thủ du thực, để trấn áp đánh đập dân chúng, bắt giam theo lệnh của quan thầy Trung cộng. Vì vậy bọn xâm lăng Trung cộng mỗi ngày mỗi hung hăng khiêu khích, để tiến hành kế hoạch xâm lược của chúng, với sự cộng tác đắc lực của bọn đầy tớ CSVN. Đây là một tội ác khó tha thứ.

CSVN một bọn người bất xứng trong vai trò lãnh đạo đất nước. Một bọn người vừa ngu xuẩn, vừa hèn nhát, quỳ gối run sợ trước kẻ thù của dân tộc, nhưng lại tàn bạo với đồng bào ruột thịt. Để mặc cho bọn Tàu ô sách nhiễu ngư dân Việt nam. Thậm chí đến nỗi không dám gọi đúng tên tàu Trung cộng mà chỉ gọi là tàu lạ. Mặc dù những chiếc tàu đó mang cờ Trung cộng rành rành trước mặt mọi người.

Tiếng súng đã ngừng nổ trên quê hương từ 38 năm qua. Nhưng cuộc chiến đấu của dân tộc Việt nam để loại trừ chế độ bạo tàn của CSVN vẫn đang tiếp diễn, cho đến khi nào chế độ độc tài toàn trị đó bị tiêu diệt. Sự trấn áp tàn bạo sắt máu bằng luật rừng đối với những người yêu nước, chỉ có tính cách giai đoạn tạm thời,được ngày nào hay ngày nấy cho CSVN, những kẻ đang ngồi trên lưng cọp. Người ta có nói rằng chiếm được đất không bằng chiếm được lòng dân. Cộng sản

chỉ chiếm được đất nhưng không hề chiếm được lòng dân. Họ đang hứng chịu sự uất ức căm thù tột cùng của người dân, càng ngày càng chồng chất. Đã đến lúc, sự căm hờn tràn ngập, người dân không còn biết sợ hãi nữa. Họ hiểu rằng cuộc tranh đấu nào cũng phải đòi hỏi một sự hy sinh, để mang lại chiến thắng cuối cùng. Và dân tộc Việt nam sẽ chấp nhận tất cả để đạt đến thắng lợi đó. Sự nổi loạn của người dân, để đứng lên lật đổ một bạo quyền phi nhân, không những chỉ là cái quyền tuyệt đối của người dân, mà còn là một bổn phận thiêng liêng đối với tổ quốc. Ngày nào còn sự hiện diện của bạo quyền cộng sản trên quê hương Việt nam, ngày đó vẫn còn tiếp diễn cuộc tranh đấu, của đồng bào Việt nam hải ngoại và quốc nội, để lật đổ chế độ phi nhân cộng sản giành lại tự do và sự toàn vẹn đất nước.

Sự sụp đổ của chế độ CSVN là một điều chắc chắn như 2 với 2 là 4, không thể tránh khỏi. Nhưng nó sụp đổ như thế nào và kịch bản nào sẽ xuất hiện. Điều đó còn tùy thuộc nơi thái độ của người cộng sản trước khi quá trễ. Như đã nói ở trên là người cộng sản ngay từ bây giờ, nếu còn lại một chút tư cách và nhân tính, hãy tự động xóa bỏ độc quyền cai trị đất nước, để người dân được quyền chọn lựa những người xứng đáng, dẫn dắt dân tộc đi trên con đường tự do và hạnh phúc. Bằng ngược lại thì ngày sụp đổ của chế độ CSVN, kèm theo với kịch bản thứ hai sẽ xuất hiện. Đó là một kịch bản đẫm máu.Vì sự căm thù giận dữ của người dân đã bị gò ép lâu ngày, bấy giờ sẽ bùng nổ quá mạnh, mà một chính quyền lâm thời trong những ngày đầu tiên, không thể nào ngăn cản được hành động đang hăng máu của người dân. Những người CSVN phải hiểu rằng đó là một hậu quả không thể lường trước được.

Hà thúc Hùng

Mom

CASSANDRA HỒNG MAI TROSSET

"Mom" is not just a three letter word.
Thinking that way would just be absurd;
When I was a tot,
"Mama" was the one word that I use a lot.

The word had no meaning to me,
Until I reached the age of three;
"Mommy" was the name I called you.
I remember I thought I was one when I was actually two.

You took me everywhere.
As if I was your little teddy bear,
You never spoiled with stuff.
That's why I was never so tough.

It was things you did,
That made me a good kid.
You've spoiled me with time.
You made me want to climb.

Oh! How I dreamed that you were a dermatologist so my skin would be happy.
But seriously if it wasn't for you I would've had ten thousand cavities!
You were always so generous.
You never did things just for your benefit.

It is past 2012.
"Mom" is what you are now called.
When I look at today.
You are like the glowing sun that brightens the day.

You alway wake up before me.
Bright and early as I should be.
You can dance, you can sing;
You can do almost anything!

You inspire me everyday.
You are the light that leads the way.
"Mom" is not just a three little word, It's one that means the world (to me).

Cassandra Hồng Mai Trương

Tỉnh giấc mơ trăng

HOÀI ÂN

Hôm nay mặt trời đã lên thật cao, vượt ngọn cau sau nhà, mà vẫn không thấy nóng lên chút nào cả. Ông Ba cuốc đất, làm vườn từ sáng đến khi cái đói bắt đầu bò trong bụng ông mới ngừng tay và cởi cái áo thấm ướt mồ hôi vắt lên cây để ngồi nghỉ trên cục đá. Ông Ba năm nay gần 40 tuổi, mặc dầu cuộc sống của một nông dân rất thiếu thốn, nhưng trông ông rất khỏe, tay chân chắc chắn, nước da màu cua đồng. Cả một góc rừng này là của ông, ông muốn khai phá bao nhiêu cũng được. Bên cạnh cái bìa rừng, lằn ranh đất nhà ông và khu rừng rải rác những nấm mồ, những cái mả bằng đá ong rỗ chằng rỗ chịt, cũ rích, cũ rác, nằm rải rác mỗi nơi một đống. Có đêm ông Ba nhìn ra như có lửa bay từ cái mả này qua cái mả khác. Ông có cái cảm giác ban đêm như mấy cái mả xích lại gần hơn ban ngày, để thì thầm. Hàng xóm chả có ai, ngoài cái nhà của ông bà, chung quanh đây không có cái nhà nào, không gian và thời gian chỉ có hai vợ chồng ông, xa xa về phía tay trái là xóm chài Ghềnh Ráng.

Ông Ba vừa vắt cái áo lên vai, vừa lững thững đi vào nhà, bà Ba đang dọn bữa ăn trên cái chõng ở mái hiên chờ ông vào, bữa ăn chỉ có rau muống hay rau lang luột, vài con cá mòi khô mà vợ ông đã trao đổi ở cái chợ chồm hổm dưới chân núi, lâu lâu mới giết thịt một con gà. Ông Ba rất khoẻ! Có lẽ nhờ lao động, ông cuốc đất suốt ngày ngoài vườn. Chỗ này ông vun vồng, trồng khoai lang, rau muống, vài cây chuối tụm vào một chỗ sau chuồng heo, còn phần lớn trồng khoai mì. Ngược lại với ông, mặc dầu nhỏ hơn ông năm tuổi, nhưng trông bà hôm hem như con cá mòi. Có những lúc đêm khuya trằn trọc, hưng phấn nổi lên, ông ôm lấy bà Ba, nhưng bị bà đẩy ra, bà chả ham thú gì chuyện vợ chồng sau những năm tháng ban đầu, nhất là sau lần hư thai, làm bà đau ốm triền miên, bà kinh hãi chuyện vợ chồng. Ông Ba hỏi bà sao không ăn cơm luôn, bà bảo không muốn ăn.

Vừa ăn, ông Ba vừa suy nghĩ, ông còn có một cái rẫy ở bên kia mé rừng, đường đi tới đó phải bằng xe đạp, ngoằn ngèo theo mé rừng, mất một thời gian bằng vun vồng năm luống mì. Trước khi tới cái rẫy mì của ông, có một cái nhà tranh duy nhất, chung quanh nhà là cái vườn mít rộng cả mẫu. Mỗi lần đạp xe đạp trở về từ rẫy, đi qua cái vườn mít vào lúc chạng vạng tối, mùi mít thơm phưng phức, cám dỗ ông làm kẻ trộm, ông Ba thường leo lên cây mít, hái trộm một trái chở trên xe đạp đem về. Nhưng cái quyến rũ nhất, khiến ông tò mò khi đứng trên nhánh mít, nhìn vào căn nhà xa ngoài tầm mắt, ông thấy có một người đàn bà mặc bộ đồ đen đang cầm cái chổi quyét sân, có nhiều lúc người đàn bà cúi xuống, chổng cái mông đen lán lên trời, xa qúa không nhìn thấy rõ, nhưng ông tưởng tượng phải là người đàn bà đẹp!

Hôm nay vào Thu, mặt trời lặn sớm, trăng lờ mờ

đủ sáng để ông Ba rời rẫy, đạp xe về nhà, khi đạp xe tới vườn mít, mùi mít chín bốc lên thơm phức, tràn ngập không gian. Cũng như mọi lần, ông lựa cây mít gần nhà nhất leo lên, đứng trên nhánh mít nhìn vào căn nhà, ông thấy người đàn bà đang quyét sân. Chăm chú nhìn người đàn bà, nhiều lúc muốn trượt chân rớt xuông đất, gây nên tiếng sột xoạt như tiếng chim vỗ cánh, ông Ba có cảm giác như người đàn bà hay biết có kẻ trộm, vì ông thấy người đàn bà dừng chổi đứng nghe. Ông Ba thấy sờ sợ nên hái vội một trái, cột trên cái bọt ba ga sau xe, đạp thẳng về nhà. Phần vì mùi mít bốc thơm phưng phức, phần vì đói bụng, nên ông Ba dừng xe, lấy dao cắt trái mít ra làm hai, ngồi bên lề đường ăn một nửa, nửa còn lại, ông cẩn thận, sợ bụi đất bay lên, lấy dây cao su cột nửa trái mít phần cắt lên trên để tránh bụi đất bay lên bám vào. Đi được vài trăm thước, bỗng nhiên Ông Ba thấy một người đàn bà tuyệt đẹp, mặc bộ đồ đen đứng bên đường, đưa tay ngoắc ông dừng, xin quá giang xuống xóm chợ mua đồ gia vị. Chưa kịp ông Ba trả lời, người đàn bà đã nhảy tót lên cái bọt ba ga ngồi sau lưng ông. Không hiểu ông run hay cái xe đạp run, nhiều lúc ông lạng quạng tay lái, xe đạp muốn ngã. Tuy vậy, ông cảm thấy hưng phấn tột độ vì có người đàn bà sau lưng, có trăng lung linh, có gió thoảng rì rào, có hơi ấm sau lưng Bổng nhiên Ông Ba nghe tiếng nói thóat ra, cái tiếng nói nghe the thé, ẹt ẹt như chồn cáo, tuy nhiên ông nghe rất rõ: "Tao là người đàn bà, chủ cái vườn mít mà mày hái trộm hằng đêm, đêm nay tao trừng phạt mầy, tao bẻ cổ mầy, tao đâm chết mày, nhưng tao quên đem theo con daọmầy hái mít của tao nữa, tao quyết không tha." Ông Ba run bần bật vì biết đang đèo con ma sau lưng, khi qua cây đa cỗ thụ có những nhánh cong queo như những con trăn bò ra giữa đường, ông nghe một tiếng rít như pháo thăng thiên, bay lên nhành cây, ông

biết con ma đã bay lên nhành cây rồi và cái xe không còn nặng nề như trước nữa. Ông Ba vừa sợ, vừa ra sức đạp xe như bay về nhà. Trời ban đêm lạnh mà ông đổ mồ hôi hột, mặt tái mét.

Cũng như mọi lần, bà Ba ra ngõ đón ông, nhưng lần này trên trái mít có cái quần đàn bà, nó không giống cái quần đàn bà nào trên thế gian này, dính đầy mủ mít, vẫn còn hơi ấm của người. Bà Ba hỏi cái quần của ai. ông bảo mới mua ở chợ. Ông suy nghĩ: cái quần này của con ma, vì con ma ngồi trên trái mít vừa cắt, cái quần bị dính chặt vào mủ mít, lúc con ma bay vút lên ngọn cây, cái quần bị mủ mít giữ lại.

Ngày hôm sau, bà Ba đem cái quần ra giặt, phơi khô và những ngày kế tiếp bà chỉ mặc đi ngủ về đêm. Thật là vô cùng bất ngờ, ông Ba thấy bà Ba leo lên nằm trên mình, chủ động làm việc mây mưa. Ông Ba thấy lạ lắm! cái cơ thể bà Ba mập mạp, tròn trịa, ấm áp, trắng phau phau. Cái lưng mềm mại, lông tơ mát rợi như tơ lụa ... Ôm bà Ba, ông có cái cảm giá khoái lạc tột độ, như ôm một con cọp con hiền hòa, mướt rượt, lăn lộn.. Một lần qua đêm, không phải, đến hai ba lần. Thật khác xa cái thân cá mòi của bà Ba. suốt ngày ông Ba chỉ mong đến tối, đến cái lúc bà Ba mặc cái quần đó vào.

Cả tháng nay ông Ba lơ là với việc cuốc đất, trồng khoai, lát cuốc của ông không còn sâu nữa, chỉ còn một nửa lát thôi. Người ông mệt mỏi, ông có cái cảm giác đang chết lâm sàn. Những bụi khoai mì ăn gần hết mà không trồng thêm được bụi nào. Ngước mắt nhìn vào mái hiên, ông Ba thấy cái quần bà Ba treo phơi ở mái hiên, đang bay phất phơ trong gió, bà Ba thì đang quyét nhà. Bỗng nhiên ông thấy ớn lạnh, ông Ba chợt nhớ đến con ma, chủ cái vườn mít. Trời chạng vạng

tối, ông Ba đạp xe đến cây đa cổ thụ bên đường để xem con ma còn đó hay đã đi mất. Con ma vẫn còn đó, nhưng con ma già, xấu xí, chỉ có áo chớ không có quần. Ông Ba đánh bạo hỏi:

Sao bà vẫn chưa đi à, chưa về lại vườn mít của bà?

- Mầy lấy mất cái quần của tao làm sao tao đi. Tao là ma, bộ không biết xấu hổ hay sao? Một ngày của mầy là một trăm năm của tao. Bây giờ tao già, xấu xí tao không thể đi ra ngoài mà không có quần. Mầy đem trả cái quần không thì tao sẽ đi tìm mầy với con vợ mầy, bẻ cổ cho chết lũ mầy.

Ngày hôm sau Ông Ba lén lấy cái quần của vợ đem trả cho con ma. Ông vừa đụng đến cái quần thì ông có cái cảm giác như đang động đất, căn nhà, giường chõng rung chuyển ầm ầm, đất đai nứt nẹÔng Ba ôm ghì lấy cái cột nhà.

Tích tắc trong vài giây, cơn địa chấn đã qua, ông Ba hú hồn gọi bà Ba ơi ới. Bà Ba vẫn thản nhiên, lui cui quyét cái sân trước, như không hề có chuyện gì xảy ra. Ông Ba thì nằm trên cái võng vắt ngang giữa hai cái cột nhà, cái quần đen bạc màu của bà Ba phơi khô, phất phơ trong gió ở mái hiên. Thì ra ông nằm mộng, bị mộc đè.

HOÀI ÂN.

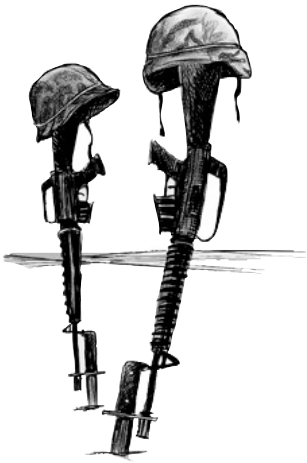

AN UNSUNG HERO

(In the memory of 58,159 U.S. soldiers who devoted their lives for freedom against the Communist Block - Soviet Union, China, and North Vietnam during the Vietnam War.)

You were from the other side of Pacific Ocean
the United States of America
the country of freedom
of modern cities and skyscrapers
of Statue de la Liberté holding the torch of flame.

You left behind your loved ones
the pregnant wife
and one year old child just learning how to talk
You gave up your peaceful life
full of convenience and comfort
came here to fight the bloody war against
those heartless evils
the cold-blooded North Vietnamese communists
and their masters in Beijing 'n Moscow
full of feudal ideology
to paint the whole world
Red.

Xuân Giáp Ngọ

You held the symbol of freedom
stripes and stars on your flag
against the red hammer and sickle
icon of totalitarianism 'n dictatorship.

You were under attacks
by tropical heat, mosquitoes, bugs, flies
'n camouflaged guerrillas with hit-and-run tactic
Communist terrorists cowardly trapped with TNT explosives
detonated themselves as live bombs
for suicide attacks at crowded markets, theaters, coffee shops,
nightclubs, trains, buses, 'n school yards
killed their own people: children, civilians, and innocent victims
just to take your live away.

My American friend - the unsung hero
you were no longer here but still rested peacefully in my heart
I lost my country
became driftwood
in exile.

We lost the battle but won the war
Our fight had never been wasted
I led to the collapse of Soviet Union
and shattered forever
the fanatical dream of the communists' pipe dream
Oh Red globalization!

Now you could rest in peace
and smile
at last.

Thao Chuong
2008-11-08

The Tunnel

Years have passed,
I am finally a man.
From a boy with little wisdom,
I've now learn to stand.
When I look back the tunnel,
It is so clear.
A path once so dark, so long, so drear.
Is now filled with light and infinite joy and bliss,
But none came without hardship,
And struggle.
It is this,
That my father taught me:
Bitter is part of life and must be embraced.
Sweetness can sometimes be so magical,
That it can ruin your taste.
Within all man is a luminous glow,
That is our guide,
That we must learn to love,
Follow, abide.
And at the end of the tunnel,
It you and I.
Just as you told me, Dearest Father of mine.

Thiên Tứ

NGÔ THÌ NHẬM
BẬC ĐẠI TRÍ THỜI TÂY SƠN

Bùi Phong Khê

Trong chiến thắng Đống Đa Mùa Xuân Kỷ Dậu (1789) của Vua Quang Trung là Quân Dân nước ta đánh tan 20 vạn quân Thanh xâm lược, những ai quan tâm theo dõi đều để ý đến một nhân vật " bán văn bán võ" đã đóng góp những ý kiến mang giá trị chiến lược. Đó là Ngô Thì Nhậm (có người gọi là Ngô Thời Nhiệm vì sự kỵ húy nào đó).

Trong cả triều đại Nguyễn Tây Sơn, Ngô Thì Nhậm còn là một khuôn mặt tiêu biểu cho những sắc thái tiến bộ nhất của dân tộc, có thể so sánh với bậc Anh hùng Nguyễn Trãi, 360 năm trước.

Ngô thì Nhậm kiêm nhiệm nhiều trách vụ trong các địa hạt chính trị, ngoại giao, quân sự, lại là một nhà biên soạn sử học, một triết gia trong khi vẫn trứ tác thơ phú và soạn thảo các bài chiếu biểu cho Quang Trung Hoàng Đế. Cuối đời, ông lập Thiền Viện tiếp nối nền

Thiền Trúc Lâm từ Trần Nhân Tông năm trăm năm trước, được Phật gia tôn là Trúc Lâm Đệ Tứ Tổ, sau 3 vị Tổ khai sáng là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, Pháp loa Đồng Kiên Cương và Huyền Quang Lý Đạo Tái.

Ngô Thì Nhậm sinh ngày 11 tháng 9 năm Bính Dần tức ngày 25 tháng 11 năm 1746 tại làng Tả Thanh Oai, thuộc huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông (nay là ngoại ô Hà Nội). Ông tự là Hy Doãn, hiệu Đạt Hiên, khi về trí sĩ lập Thiền viện có đạo hiệu là Hải Lượng Đại Thiền Sư. Trưởng nam của nhà thơ và Sử gia Ngô Thì Sĩ (1726-1780), một danh sĩ của đất Bắc Hà, ham chuộng đạo Phật. Ngô Thì Sĩ là con Ngô Thì Ức, người mở đầu việc sưu tập các sáng tác trong Họ thành tác phẩm "Ngô Gia Văn Phái", nhưng mất sớm khi Ngô Thì Sĩ mới lên 10 tuổi.

Từ năm 15 tuổi, Ngô Thì Nhậm được học với thân sinh, nổi tiếng thông minh ham học. Năm 1772 dự khảo thí ở Quốc Tử Giám, ông đỗ ưu hạng, Năm 1775 đỗ Tiến sĩ Đệ tam giáp cùng khoá với em rể là Phan Huy Ích. Ra làm quan ông kiêm thông văn võ, về sau thăng Đốc Đồng Kinh Bắc và Thái Nguyên. Năm 1782, Thăng Long có loạn kiêu binh, cuộc đời ông đi vào một khúc quanh khi ông phải trốn về quê vợ lánh nạn ở Sơn Nam (Thái Bình thời nay), gần 6 năm.

Năm 1788 khi Quang Trung Hoàng Đế còn là Nguyễn Huệ vượt ra Bắc lần thư hai, đã nghe danh ngợi khen Ngô Thì Nhậm là "giọng văn học Bắc Hà thông thạo việc đời" và mời ông hợp tác với câu "Có lẽ ý Trời muốn để dành người cho ta dùng". Cùng các tướng võ là Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Nội hầu Phan văn Lân, ông phụ trách việc cai trị Bắc Hà trong chức Tả Thị Lang Bộ Lại, được phong tước Tĩnh Phái Hầu. Cuối

năm 1788 khi quân Mãn Thanh tràn qua xâm lấn, ông khuyên các tướng sĩ rút quân về Đèo Tam Điệp để bảo toàn lực lượng, nuôi kiêu chí của giặc mà chờ Vua Quang Trung phản công.

Sau lễ đăng quang lên ngôi Cửu ngũ, cuối năm 1788 Vua Quang Trung hạ lệnh tiến quân ra Bắc đánh đuổi quân xâm lược. Tại cứ điểm Tam Điệp, Vua Quang Trung phủ dụ tướng sĩ:

"Bắc Hà mới yên, lòng người chưa phục, Thăng Long là nơi bị đánh cả bốn mặt, không có sông núi để nương tựa. Các người đóng quân trơ trọi ở đấy, quân Thanh kéo sang, người trong kinh kỳ làm nội ứng thì làm sao mà đối phó được?

"Các người đã biết nhẫn nhục để tránh mũi nhọn của giặc, chia quân ra chận giữ các nơi hiểm yếu, bên trong thì kích thích lòng quân, bên ngoài làm cho giặc kiêu căng, kế ấy là rất đúng.

"Thoạt nghe tinh quân rút về Tam Điệp, ta đã đoán là mưu của Ngô Thì Nhậm, quả không sai.

" Lần này ta thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã định sẵn. Chẳng qua mười ngày ta có thể đuổi được quân Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn, sau khi bị thua một trận ắt lấy làm hổ thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc của dân, nỡ nào mà làm vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mười năm nữa cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng bấy giờ nước giàu quân mạnh, ta có sợ gì chúng!"

Sau chiến thắng Đống Đa, Ngô Thì Nhậm được giao trách nhiệm tiến hành phương sách ngoại giao với triều

đình Mãn Thanh nhằm hoà giải mối quan hệ và làm cho vua Càn Long phải khâm phục và kính nể Việt Nam mà dẹp bỏ ý định trả thù. Chúng ta có thể nhìn thấy tính cách tương đồng trong đường lối đối ngoại của Vua Quang Trung và Ngô Thì Nhậm đối chiếu với đường lối ngoại giao của Vua Lê Thái Tổ và Nguyễn Trãi sau đại phá quân Minh ngày xưa. Những ý tứ, lời lẽ trong các văn từ giao dịch với đối phương của Nguyễn Trãi và Ngô Thời Nhậm có nhiều nét đồng dạng, thể hiện kinh nghiệm, tinh hoa của nhân tài quốc gia, dân tộc trong các cuộc chống ngoại xâm. Trong triều Quang Trung, Ngô Thì Nhậm còn giữ cả chức vụ Thượng Thư Bộ Binh, chấn chỉnh, kiện toàn binh bị đề phòng cả nhà Thanh lẫn quân Nguyễn Ánh ở Gia Định. Hai năm sau, Ngô Thì Nhậm vừa là Thượng Thư Bô Binh vừa kiêm Tổng Tài Quốc Sử quán, cùng với quan Trung Thư Lệnh Trần Văn Kỹ soạn thảo nhiều văn kiện chính trị thời Quang Trung bằng các bài Chiếu, bài Biểu.

Tháng 8, 1972 Vua Quang Trung thăng hà, ông đại diện triều đình ta qua tới Yên Kinh báo tang và cầu phong cho Vua Quang Toản, hiệu Cảnh Thịnh. Sau Quang Trung Hoàng đế, tài năng và sở học của ông không được tận dụng, ông lui về chuyên trách việc chép sử và chỉ còn giữ chức Giám Tri Văn Miếu Bắc Thành (thành Thăng Long) lo việc sửa sang nhà học và mở các khoa thi. Tình hình chính trị thời Cảnh Thịnh suy đồi vì những lục đục giữa các quan nên khoảng 1797-1798 Ngô Thì Nhậm xin cáo quan về mở Thiền Viện Trúc Lâm ở Phường Bích Câu và nghiên cứu, viết sách, thuyết giảng về Đạo Thiền.

Năm 1802 Nguyễn Ánh chiếm Thăng Long, triều Tây Sơn sụp đổ. Cùng Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Phạn, Ngô Thì Nhậm bị bắt đưa ra Văn Miếu đánh đòn. Trước đó vì nóng lòng được triều Mãn Thanh phong

Vương, Nguyễn Ánh muốn đích thân lên tới cửa Nam quan nhận lễ cầu phong nên gọi Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích vào trong trướng hỏi ý Ngô Thì Nhậm trả lời: Việc Vua ta đến cửa Nam Quan xin phong là điều chưa từng nghe nói. Nguyễn Ánh xấu hổ, lệnh cho Đặng Trần Thường đánh ông đến chết. Ông mất ngày 16 tháng 02 năm Quý Hợi tức ngày 7 tháng 03 năm 1803.

Ngô thì Nhậm viết rất nhiều, đủ loại thơ văn, khảo cứu, sử sách và những văn từ chính trị, ngoại giao lẫn kinh kệ và thuyết giảng về giáo lý Phật, Nho. Tác phẩm của ông bị thất truyền khá nhiều nhưng cũng còn lại một khối lớn chưa được khai dụng đúng mực.

Thơ văn chữ Hán của ông có giá trị nghệ thuật không thua kém bất cứ một tác giả nào từ Phan Huy Ích đến Nguyễn Du hay Cao Bá Quát mà còn phản ảnh cả trí tuệ khoáng đạt và tâm tư thiết tha với sinh dân, với đất nước, với bậc lãnh đạo anh hùng Quang Trung, người ông hết sức kính trọng và tận tụy phục vụ.

`Cuộc đời Ngô Thì Nhậm là tấm gương sáng cho người đời sau về tinh thần tích cực tranh đấu cho dân, cho nước. Thảm kịch xảy ra vào cuối đời ông thường làm cho chúng ta xót xa, đau buồn.!

Nam California, Tháng 10, 2013

Bùi Phong Khê

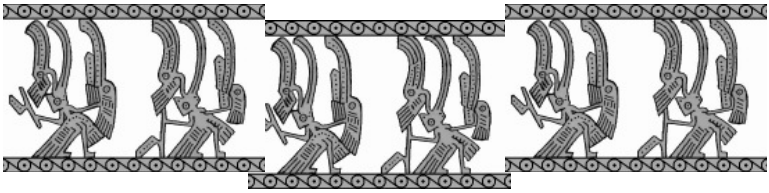

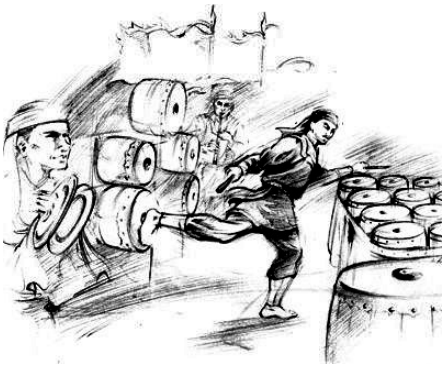

Trống trận – Qui Nhơn

Trống trận voi xung theo điệu nhạc,
Chà quân thù tan nát tựa cành khô,
Kỳ Nữ hiên ngang dẫu chết không mồ,
Danh sử ấy thơm hơn trầm núi Tượng.

Thà chịu kiếp "Bại Binh Chi Tướng,"
tự hào hơn kẻ thắng một lòng son.
Lịch sử sang trang: - Bao tủi nhục cang thường.
Người Bình Định buốt xương vì gió Bấc.

Đêm Cách Thử ghe trở mình thức giấc,
lửa chài khuya sương muối mặn hương đồng.
Ai qua biển không nghe lòng ngây ngất,
hẹn ngày về đẹp lắm hỡi non sông.

Qui Nhơn đó những chuỗi ngày thơ dại,
đường lá me bay khắp nẻo phong trần.
Lần sách cũ thấy lòng thêm tê tái,
chiều mộ Hàn sóng dập mấy phù vân.

Phan tấn Thiện

Vườn khuya
giữa mùa Xuân

Đêm thanh vắng, ra vườn sen lặng ngắm,
Ánh trăng suông, nhẹ chiếu hạt sương đêm,
Hoa ngạt ngào, gợi nhớ cảnh điền viên;
Thời cha mẹ, anh chị em dưới gối

Lòng quặn thắt, đây vườn khuya trăng giọi,
Tàu chuối xanh, hàng cau vút, cánh dơi bay;
Tiếng khoan hò, xóm vắng dội đâu đây,
Trong gió thoảng, hương đưa êm dịu thế.

Lời dịu dàng, các con nghe Mẹ kể:
"Chuyện ngày xưa, Ông Ngoại viếng nhà ta,

Ngồi kiệu trần, tay gậy trúc, tập thơ hoa;
Kiệu băng lướt, bao đồng quê nắng xế.

Cảnh thiên nhiên, bút thần chưa dễ vẽ,
Qua Ba Mương, qua vực thẳm Ông Đô;
Đến Cây Da, đây hiền tế cơ đồ,
Đề thơ tặng mấy câu khen thắngcảnh:
" Thị náo cư di tĩnh,
Môn cao tâm tự ti
Thử trung hữu kỳ sĩ,
Hà tất vấn nhân tri."
(Đào Tiên Công)
Ba nâng niu bảo vật tối hy kỳ,
Cảm chân ái, tri âm, lời khí khái.

Tiệc hoa đặt, chén mời, bè bạn lại,
Ánh tọa đăng, ngôi nhà cũ sáng lòa;
Bao êm đềm dĩ vãng đã trôi qua,
Còn chăng chút dư hương len dìu dịu.

Rồi Mẹ tôi, trải tháng ngày nặng trĩu,
Tiếng đỗ quyên, lẻ bạn đốt tâm tư;
Chống gậy tre lần dạo trước thềm xưa,
Ngâm câu vịnh tình thơ buồn khóc bạn:

"Tay đan áo ấm, lòng thêm lạnh,
Thấm giọt hoài-nhân, dấu chỉ mờ"
(Trúc Mẫu)

Bóng Mẹ tôi, trái sống áo trắng nhờ ,
Nét xương quạnh, khuôn mặt buồn chan chứa;
Ngày lại ngày, với chị hiền lần lữa,
Sống đạm thanh, nuôi bầy nhỏ dại khờ.

Nhà quạnh hiu, lợi nhuận thật đơn sơ,
Sao kéo nổi chuỗi ngày xanh khắc khổ?
Con khôn lớn, tình thương càng gắn bó,
Quý Mẹ hiền, giàu hy sinh đức độ;
Sống vì con, bao nắng dãi mưa tràn.

Tấc lòng son, "bút mặc" với "trường can"
Văn thi đượm, thắm tình người tiết phụ;
Viết cho con mấy tập lời cẩm tú,
Ấp ủ lòng thương quý trẻ gần, xa.

Nghĩ càng nao tình mẫu biệt thiết tha,
Câu "tử dục dưỡng, nhi thân bất tại",
Cánh tiêu hạc một bay không trở lại
Xé lòng tôi chua xót mối thương bi.

Xin Ơn trên ban Phước Lộc độ trì,
Cho vơi nhẹ nỗi lòng người trần luỵ...

Trúc Nhi

Cảnh già nhớ lại

Chín mốt năm nay, tám tám tròn,
Hạ sinh năm gái, một trai con,
Kết thêm sáu vị con đa diện,
Vui sống tình son, cảm nước non...

Sực nhớ ngày xanh dưới mái trường,
Nhớ Sông Vân quạnh, đậm tình thương,
Mẹ già hôm sớm hai vai nặng,
Nuôi dưỡng con đàn biết mấy sương!..

Cánh Cộng vào Nam hai chục năm,
Dựng xây gia sự, thách gian nan,
Lại xa phen nữa, xa quê Mẹ,
Lập nghiệp vuông tròn, nhớ tứ thân...

Nghề mọn chuyên tâm vững mái chèo,
Nuôi con, bế cháu, chắt noi theo,
Nếp xưa Cha Chú gieo nhân hạnh,
Tháng lụn ngày qua, tiếng suối reo...

Đường đời khổ lụy, luật tăng trừ,
Nhân quả xưa nay, sóng thực hư,
Hướng thiện tâm tư vui cảnh ngộ
Vị lai, hiện tại, chúc nhàn cư

Trúc Nhi ký ức
Chiều thu Quý Tỵ

Vãn cảnh hoài chi

Cửu nhất minh thiên bát bát toàn,
Đơn nam viết hữu, ngũ kiều hoan,
Nhập gia tăng lục nhơn đa diện,
Cộng lực đồng cư lạc thuỷ san.

Hốt ức thiếu thì, ức học viên,
Vân giang tịnh thuỷ, thậm tình liên,
Lão thân triêu mộ, song kiên đảm,
Tôn tử thê noa vạn tuyết thiên.

Tỵ ác tầm Nam, trấp nhất xuân,
Kiến lai gia sự chấp gian truân,
Hựu dao thiên dịch, ly hương tích,
Tái tạo gia môn, ức tứ thân.

Tiểu xảo tinh cơ, hảo hướng thuyền
Thê nhi tôn tử hý thung huyên,
Tiên gia đường thực lương nhân hạnh,
Tuế nguyệt niên trường, khe điểm thanh.

Thế lộ kham kha, hưng phế ba
Quả, nhơn, bất dịch, bạch thư đa,
Thiên lương tâm tưởng, hy tân cảnh,
Lai nhật vô thường chúc Phúc sa.

Trúc Nhi
Tháng 12, năm 2013

Ngũ Vị Hương

Nguyễn văn Thinh

Nhất dương chỉ.
Nhị thiên đường.
Tam tông miếu.
Tứ đổ tường.
Ngũ vị hương.

"Anh thấy đó! Cái quán không có gì bề thế. Cũng thường thường vậy thôi, xấu nữa là khác. Vậy mà đông khỏi biết! Anh có thấy xe đậu đầy ắp bên ngoài không? Tiệm chả quảng cáo quảng kiết gì hết! Cái bảng hiệu cũng do ông chủ vẽ, con số 5 với chữ Hương, sơn đỏ chót mới nhìn tưởng tháu, nhưng nhìn kỹ thì uốn éo lên xuống như bài quyền. Ông chủ tiệm là con nhà võ thứ thiệt! Chịu khó làm ăn, không tứ đổ tường! Anh nhìn ổng kìa, cầm dao cầm đũa làm món ăn mà cứ như múa quyền. Bà vợ thì hiền khô, ít nói, nhưng chế biến mấy món ăn thì khỏi nói, số một trên đời không ai bằng! Còn năm cô con gái thì biết nói sao đây... mỗi cô mỗi vẻ, không cô nào giống cô nào,như tờ lịch Tam tông miếu. Hễ đã nói tới quán nầy, ai đi ngang qua không đói cũng phải dừng. Không phải mình tui, hình như ai cũng vậy! Không hiểu tại sao?"

Lời của anh tài xế cứ đều đều rót vào tai, nhưng mắt tôi không ngừng theo dõi từng động tác, từng cử chỉ, từng bộ điệu của năm cô con gái ông bà chủ quán. Có cái gì đó gần gũi mà xa xăm lôi cuốn không thể nào tả được. Năm cô như năm tảng màu, năm nốt

nhạc, hay đúng hơn năm mùi vị trong đĩa thức ăn, trộn lẫn hòa quyện vào nhau mà thành một cái gì đó mới lạ mà lôi cuốn đến thèm thuồng. Có phải đây là lý do tại sao?

NHẤT HƯƠNG

Ông chủ quán gốc gác người địa phương, dòng dõi con nhà võ, quê quán làng An-Vinh, An-Thái, tỉnh Bình- Định. Được cha truyền gần hết món nghề võ, ông cha ỷ y có người nối nghiệp, ai ngờ thằng con có máu nghệ sĩ giang hồ, năm lên 16 tuổi đã xin cha mẹ thoát ly theo gánh Mãi Võ Sơn Đông. Hai ông bà can không được thằng con lãng tử, bà mẹ chỉ biết khóc ròng, còn ông cha sau một đêm hai cha con tâm sự, ông mới đem ngón Nhất Dương Chỉ và những đòn phép bí truyền còn lại mà dạy hết cho con để hộ thân.

Theo gánh Sơn đông mãi võ bán Cao đơn hoàn tán, nhị thiên đường, xuyên tâm liên, tiêu ban lộ, đi khắp mọi miền đất nước. Chàng trai trẻ có máu nghệ sĩ giang hồ, đầy mình võ nghệ. Ngày xưa nước mắt mẹ già không ngăn nổi bước chân của chàng nhưng nay lại ngã gục vì cái liếc mắt đưa tình của cô hàng phở Hà Nội. Chàng dừng bước giang hồ, xăn tay áo phụ người đẹp bưng phở, lau bàn,!

Mồng một Xuân năm Giáp Ngọ, đứa con gái đầu tiên của chàng ra đời. Người chồng ngồi đọc bài thơ Xuân "Đình tiền tạc dạ nhất chi mai, đêm qua sân trước một cành mai" của Thiền sư Mãn Giác, mà cảm xúc trào dâng, định lòng đặt tên cho đứa con đầu là Nhất Chi Mai. Bà vợ khăn khăn không chịu, bảo trùng tên Bà Cố, nên ông giữ chữ Nhất mà thêm tên vợ vào thành NHẤT-HƯƠNG là tên đứa con thứ nhất.

NHỊ HƯƠNG

Năm Nhất Hương vừa tròn 5 tuổi, hai vợ chồng bồng bế con xuôi Nam. Cái máu giang hồ của anh chồng trẻ lại trổi dậy!

Cái xứ Thăng-Long ngàn năm văn vật, băm sáu phố phường không giữ được chân anh chồng, nhưng dòng sông Hương, cầu Trường Tiền, chùa Thiên Mụ đã giữ được chân bà vợ trẻ ở lại. Hai vợ chồng chọn xứ Huế làm đất dừng chân, gầy dựng lại cái quán phở Hà Nội làm nơi sinh sống qua ngày.

Khi cô bé Nhất Hương Bắc Kỳ nho nhỏ săm soi chiếc áo dài chuẩn bị lên Trung học, cũng là lúc cô bé NHỊ HƯƠNG thứ hai ra đời. Quán phở Hà Nội giờ lại thêm món Bún Bò Huế đặc sản địa phương, ngoài giọng Bắc kỳ " vâng ạ" của hai mẹ con bà chủ quán, " chừ" thêm tiếng Huế trọ trẹ "chi mô rứa" của con bé lon

ton .

TAM HƯƠNG

Khi Nhị Hương lên tám, mùa hè năm ấy mặt trời tự dưng to rầm đỏ rực, đổ lửa chói chang, đồng khô lúa cháy, cây cỏ xác xơ!

Cả gia đình cái quán phở Hà Nội Bún Bò Huế lại bồng bế dắt díu nhau mà đi. Bà chủ quán lạch bạch ôm theo cái bụng bầu đứa con kế tiếp. Lần đi này không phải vì cái máu giang hồ của ông chồng lãng tử, mà ông muốn đi thật xa, thật xa, xa tít tận phương Nam nơi đồng ruộng cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi!

Con sông Cửu Long giờ lại giữ chân ông chồng ở lại. Ông chọn Mỹ Tho làm miền đất hứa. TAM HƯƠNG, đứa con thứ ba ra đời sau một thời gian nằm trong bụng mẹ theo hai chị rong rủi xuôi Nam.

Cái quán phở Hà Nội, Bún Bò Huế giờ trôi dạt mãi tận đất phương Nam màu mỡ. Ông chồng cảm cái tình sông, tình người, tình đất, coi như đây là điểm đặt chân cuối cùng, bèn cho thêm món nhậu vào cái thực đơn. Bà vợ và cô con gái lớn lại kết cái tô hủ tiểu Mỹ Tho mặn mà bắt mắt. Quán phở Hà Nội Bún Bò Huế giờ lại thêm Hủ Tiếu Mỹ Tho với cái giọng miền Nam chả chớt, mồm mép tía lia của cô hầu bàn mới, kèm với câu hò mái đẩy, điệu lý con sáo , câu vọng cổ xàng xê của bà con chòm xóm.

TỨ HƯƠNG

Cây muốn lặng mà gió chẳng dừng!

Ngọn gió Lào năm Đinh Tỵ lại cuốn cả gia đình cái quán phở Hà Nội, Bún Bò Huế, Hủ Tiếu Mỹ Tho lên mút tận trên cao. Không có con sông nào để cho bà vợ và cô con gái đầu lòng nhớ lại con sông Hồng xa xưa, con sông Hương trong đầu cô con gái thứ hai, hay dòng Cửu Long giang uốn khúc gợi trong đầu của cô bé Tam Hương. Nơi đây chỉ có đồi nối đồi, cây liền cây, con đường đất đỏ và bạt ngàn những luống trà xanh.

Cái quán phở Hà Nội Bún Bò Huế, Hủ Tiếu Mỹ Tho giờ biệt tăm biệt tích. Cái quán cà phê xập xệ với bát trà tươi mở liếp đón mời. Ba cô gái tên Hương giờ bỏ tô bỏ muổng đi làm cô hái trà điêu luyện. Ông chủ quán bỏ dao bỏ thớt cầm cuốc đi quyền. Còn bà chủ thì sao? Bà trông coi cái quán cà phê, trà tươi mà giờ lại ôm đồm thêm cái bầu thứ bốn. Cô bé TỨ HƯƠNG ra đời giữa một đêm có sấm chớp, mưa gió bão bùng và trời bỗng nhiên trở lạnh cắt da xé thịt.

NGŨ VỊ HƯƠNG

Chán cái cảnh lãng bạt, tha hương, rày đây mai đó, hai vợ chồng mới tìm chỗ yên tĩnh dừng chân dưỡng già. Không thích phố xá ồn ào náo nhiệt, chán biển, chán hồ,chán sông, chán núi. Hai người mới quay lại quê hương đất võ, lấy tiền dành dụm mua mảnh đất cất căn nhà nhỏ và mở một cái quán ăn để sống qua ngày.

Tiệm ăn mở được vài năm thì sinh ra đứa con thứ năm. Lại là con gái nữa. Bao nhiêu năm cố kiếm một mụn con trai nối dõi tông đường mà không xong! Hai vợ chồng đành yên lòng chấp nhận số phần trời cho, không than cũng không trách, coi như đứa cuối cùng, mới đặt tên Út Hương.

Định đặt tên xong mới thấy tội nghiệp cho đứa con gái út. Bốn con chị tên đều có vần có điệu, có thứ tự trước sau. Nó cũng là con sao mà khác được, không khéo sau nầy tủi thân xấu hổ bạn bè!

Hai vợ chồng mới ngồi buồn buồn ôn lại quãng đời bôn ba xuôi ngược. Nhớ lại cái tình mặn mà của vợ chồng, cái ngọt ngào của gia đình đầm ấm, cái cay đắng chua chát của những lần dời nhà bỏ xứ ra đi. Đứa con đầu lót chữ Nhất, con thứ hai lót chữ Nhị, con thứ ba chữ Tam, con kế chữ Tứ, thì con út này cũng không ngoại lệ. Cho nó lót chữ Ngũ và để kỷ niệm cả một quãng đời dài bôn ba sóng gió, đầy dẫy đắng cay chua ngọt mặn mà này, nên cho nó đặc biệt thêm một chữ nữa là chữ Vị sau chữ Ngũ, tức NGŨ VỊ HƯƠNG.

Ngũ Vị Hương càng lớn càng khác xa bốn cô Hương chị. Bậm trợn mà dữ dằn. Ông chủ quán sau bao nhiêu năm phiêu bạt giang hồ, bao nhiêu năm chờ đợi, giờ mới được thở phào nhẹ nhỏm. Ông đã tìm được truyền nhân.

Năm vị mặn, ngọt, chua, cay và đắng, trong gói bột gia vị NGŨ VỊ HƯƠNG như năm mùi vị của cuộc đời!

Nhìn kỹ lại năm cô Hương con ông bà chủ quán, tôi thấy như đâu đây cái vị ngọt ngào trong cô Hương chị cả, cái mặn mà thuỳ mị trong cô Hương thứ hai, cái vị đắng u buồn, xa xăm, bí ẩn trong cô Hương thứ bốn. Còn hai vị còn lại, vị chua của chanh và vị cay của ớt, nên dành cho hai cô còn lại cái vị nào đây? Cái cô Hương thứ ba mồm mép lanh chanh hay cái cô Hương út ét nhỏ nhắn xinh xắn như trái ớt hiểm còn xanh chưa chín mọng mà đã cay nồng nóng hổi./.

Houston, tháng 6 năm 2010.

Nguyễn văn Thinh

Năm Ngọ nói chuyện ngựa

Ông NGUYỄN- NHẠC DỰ BẦY "NGỰA TRỜI" & NHỮNG CON "CHIẾN MÃ"THỜI TÂY SƠN

Thái Tẩu

Theo Âm lịch, mỗi năm cầm tinh một con vật tiêu biểu. Năm nay, theo Dương lịch là năm 2014, theo Âm lịch là năm Giáp Ngọ, cầm tinh con ngựa của thập nhị chi Tý Sửu Dần Mẹo Thìn Tỵ Ngọ.

Thông thường năm con vật nào, nói chuyện con vật ấy. Vậy tôi xin được lược kể hầu quí độc giả trong buổi đầu Xuân nhàn nhã về chuyện Ông Nguyễn Nhạc dụ bầy "Ngựa Trời" trên núi Hiển Hách và những con "chiến mã" thời Tây Sơn (1771-1802).

Ông Nguyễn Nhạc là con trưởng của ông Hồ Phi Phúc và bà Nguyễn thị Đồng.

Ông sinh năm Quí Hợi (1743) tại làng Kiên Mỹ xã Bình Thành huyện Bình Khê nay thuộc khuôn viên Điện Tây Sơn, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Đã hơn 200 năm mà nay trong khuôn viên Điện vẫn còn "cây me" già cành lá sum sê và "giếng nước" trong của gia đình ông bà Hồ Phi Phúc thuở xưa.

Ông Nhạc là anh cả trong ba anh em nhà Tây Sơn. Ông là người có công đầu và công lớn nhất trong Phong

trào Tây Sơn vào cuối thế kỷ thứ 18. Nhưng vì hào quang chiến thắng trận Đống Đa quá oanh liệt trong lịch sử dân tộc của người em kế là Vua Quang Trung NGUYỄN HUỆ vào mùa Xuân năm Kỷ Dậu 1789 mà danh Ông Trung Ương Hoàng Đế Thái Đức NGUYỄN NHẠC ít nhiều bị lu mờ.

Ông Nguyễn Nhạc là người đa mưu túc trí, rất am tường về tình thế lại hiểu biết sâu sắc và nhạy bén về tình người. Do vậy mà Ông đã thành công rất nhiều về mặt tâm lý chiến, đã tập hợp được đông đảo sức mạnh đồng bào Kinh Thượng cũng như hàng trí thức, phú hào theo giúp nhà Tây Sơn khởi nghĩa.

Theo dân thoại Bình Định cũng như sách báo viết về nhà Tây Sơn đều thuật lại rằng thuở tiềm long, để thu phục người dân tộc thiểu số miền Tây Nguyên nhất là vùng Tây Sơn Thượng đạo tức vùng An Khê, An Túc ngày nay theo về với nhà Tây Sơn, Ông Nguyễn Nhạc đã có những công tác Thượng vận như sau.

Ông Nhạc vốn biết người Thượng có tài bắn cung, ná rất giỏi, có sức mạnh và sự chịu đựng bền bỉ, khi đã tin vào ai thì hết lòng trung thành, chắc chắn một dạ như đinh đóng cột. Để họ tin rằng Ông là người của Trời sai xuống trị vì thiên hạ, Ông bèn nghĩ ra kế dùng "giỏ bội" để gánh nước. Giỏ bội thường đan bằng tre hoặc giang hoặc nứa, lớn nhỏ cao thấp tùy người sử dụng . Mặt giỏ là những lỗ trống to bằng ngón chân cái. Giỏ bội nhà nông thường dùng để gánh mạ, mì, lang, sắn hay gánh cỏ làm sao có thể gánh được nước? Thế mà Ông Nhạc lại gánh nước mới tài. Bởi lẽ Ông dùng một loại dầu rái trong (tức là dầu lấy ra từ cây dầu rái trên rừng thường dùng để trét ghe thuyền) phết đều trên mặt một loại giấy trắng mỏng để khô rồi đem lót vào bên trong của giỏ bội như một thứ ny lông mỏng ngày nay.

Làm xong, thử kỹ. Ông Nhạc dùng đôi giỏ bội nầy xuống suối mà gánh nước và ông cố ý đi ngang qua các buôn làng Thượng, nhất là Thượng bộ tộc Xà Đàng (Sédang) ở vùng An Khê vốn không phục nhà Tây Sơn. Người Thượng đứng xa trông thấy Ông Nhạc gánh nước bằng giỏ bội mà không thấy nước chảy ra ngoài đều cho Ông Nhạc là kỳ nhân - Người Trời. Ca dao địa phương còn truyền tụng câu:

Ông Nhạc là con Người Trời

Gánh nước bằng bội không rơi hột nào.

Riêng viên chúa Xà Đàng thì còn nghi ngờ cho là bùa phép, y giương giương tự phụ nói với thuộc hạ rằng "Nếu ông Nhạc có tài thì hãy dụ bầy thiên mã của trời trên núi kia (chỉ núi Hiển Hách) trở về, khi đó ta sẽ đem cả làng theo hết". Nghe tin, Ông Nhạc mỉm cười rồi suy nghĩ.

Các bộ tộc Thượng như Bana (Banard) Rađê (Rhadé) Giarai (Djarai) thì họ đã tin Ông là Người Trời vì họ đã nghe qua những câu chuyện như một đêm nọ vào nửa khuya. Trời đã giáng hạ trên đỉnh Tây Sơn ban cho Ông Nhạc làm Vua nước Nam, hay chuyện Trời ban cho Ông ấn kiếm và cả bút nghiên. Kỳ nầy, Ông quyết tâm phải lập kế dụ cho bằng được bầy ngựa Trời để lôi kéo thêm bộ tộc Xà Đàng. Bộ tộc nầy rất đông mà trở về với Ông thì vùng Tây nguyên mới thực là đất của Tây Sơn.

ÔNG NGUYỄN NHẠC DỤ BẦY NGỰA TRỜI

Ngựa rừng trên nú Hiển Hách (còn gọi là Hảnh Hót) mà người thượng thường gọi ngựa Trời (hay ngựa Thần) rất nhát hễ trông thấy bóng người là túa chạy. Gia đình Ông Nguyễn Nhạc lúc bấy giờ có nuôi ngựa và được Đinh lão ở Bằng-Châu huấn luyện về cách

nuôi ngựa nên đã có kinh nghiệm về nuôi ngựa, thuần dưỡng ngựa. Ông Nhạc mới nghĩ ra kế là dùng ngựa cái để dụ ngựa rừng, Ông bèn đi khắp nơi tìm mua một số ngựa cái tơ, khỏe, đẹp đem về nuôi trong tàu. Hằng ngày Ông đích thân chăm sóc như bỏ cỏ tươi cho ăn, pha nước đường cho uống, tắm rửa, chải lông vuốt ve, trìu mến mà nhất là tập luyện sao cho ngựa có thói quen hễ nghe tiếng hú của chủ thì tìm chạy đến. Khi ngựa đã được tập luyện thuần phục, khôn ngoan, Ông Nhạc mới kín đáo đem thả trên núi Hiển Hách.

Bầy ngựa nhà vừa thả thì bầy ngựa rừng thấy lạ liền chạy đến lân la làm quen, ve vãn. Vài ba hôm sau thì ngựa nhà và ngựa rừng quen thân nhau, Ông Nhạc mới lần mò lên núi Hiển Hách và cất tiếng hú. Nghe tiếng hú quen thuộc, bầy ngựa nhà tìm chạy đến, bầy ngựa rừng vội vã chạy theo nhưng khi nhác trông thấy bóng người thì bầy ngựa rừng vội vã tháo chạy lui. Ông bỏ cỏ cho ngựa nhà ăn, vuốt ve rồi ra về. Bầy ngựa rừng tuy bỏ chạy nhưng ngó chừng, khi thấy vắng người thì mon men tìm đến ăn cỏ với bầy ngựa nhà rồi đùa giỡn, hí gọi thật là thân thiết.

Hôm sau Ông Nhạc lại trở lên. Bầy ngựa rừng vừa thấy bóng người cũng lại bỏ chạy. Nhưng lần này có con chạy rồi chốc chốc lại dừng ngoái đầu nhìn lại, có con thì dạn hơn men men đến gần, vì thấy người không làm hại gì và có lẽ cũng vì đã say mê các nàng ngựa trẻ đẹp, nghe theo tiếng gọi mà trở nên dạn dĩ không còn sợ sệt người nữa.

Hôm sau và nhiều hôm sau nữa, khi thấy bầy ngựa rừng kể cả con ngựa chúa đàn đã dạn dĩ, quen thân như bầy ngựa nhà, Ông Nhạc mới kỳ hẹn với chúa Xà Đàng và thuộc hạ, nếu muốn biết Ông là người thế nào thì hãy đến xem Ông gọi bầy Ngựa Trời sẽ rõ.

Một buổi sáng trời xanh trong, nắng đẹp, gió mát.

Rừng Hiển Hách cây lá xào xạc vui tươi, chim chóc líu lo. Chúa Xà Đàng và thuộc hạ đến núp sau những tảng đá cao, tản mác trong các bụi cây, tất cả im phăng phắc, hồi hộp chờ xem. Ông Nguyễn Nhạc ung dung tiến ra đứng giữa trảng rừng cất tiếng hú. Tiếng hú thanh, trong ngân vang vừa dứt thì bầy ngựa từ các nơi lần lượt kéo đến vây quanh Ông. Có con lân la đến bên Ông hểnh mỏ, vểnh tai, vẫy đuôi như mừng, như nói. Ông bỏ cỏ tươi cho cả bầy ngựa ăn rồi Ông tuần tự vuốt mỏ con nầy, vò đầu con kia, nắm kỳ con nọ, rờ rẫm, vuốt ve châu thân ngựa kể cả con ngựa chúa đàn, thân thiết, trìu mến trước sự thán phục của chúa Xà Đàng và thuộc hạ.

Thế là sau hôm đó, chúa Xà Đàng giữ lời hứa đem cả bộ tộc về giúp nhà Tây Sơn và bắt chước người Gia-rai gọi Ông Ngạc là "Vua Trời". Chúa Xà Đàng ấy tên là Bok Kiơm sau này đã được Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc tin dùng ban thưởng một con ngựa, một cây roi bịt vàng, một ngọn giáo bằng bạc, một chiếc nón lông đen chớp bạc, quai tua điều và đề cử làm tướng lo việc sơn phòng vùng An Khê, Pleiku, Kontum. Trong trận hạ thành Qui Nhơn, Bok Kiơm đã dẫn đầu một toán quân nửa đêm bắc thang xông lên thành giết chết lính gác, đốt thành phối hợp với quân ba mặt ập vào hạ thành Qui Nhơn vào lúc trời vừa tưng mửng sáng.

Cũng cần nói thêm trong buổi đầu khởi nghĩa, nhà Tây Sơn đã giúp đỡ và đối xử tốt với người thiếu số. Do đó đã thu phục được hầu hết các bộ tộc trên vùng Tây Nguyên tham gia đông đảo vào Phong trào cả nhân lực, tài, vật lực. Và theo tài liệu các giáo sĩ đương thời cũng cho biết hầu hết các quản tượng trong các đàn voi chiến dưới sự chỉ huy của Nữ chủ tướng Bùi Thị Xuân, là người dân tộc thiểu số. Mãi về sau này khi nhà Tây Sơn suy vong, Nguyễn Ánh đã cho sứ giả đến dụ các

tộc trưởng quy phục triều đình. Chẳng những họ không theo mà còn bắt giữ sứ giả của nhà Nguyễn giết đi để tỏ lòng trung thành với chủ cũ. Ở Tà Nía trong một nhà rông gần đây còn tìm thấy một túi muối, một túi gạo. Tương truyền rằng đây là kỷ vật ghi nhớ công ơn Bok, Nhạc đã cấp phát gạo muối, trâu bò, giống má cho dân làng vùng nầy khi lâm cảmh thiếu thốn, đói khổ.

TÂY SƠN NGŨ THẦN MÃ

Ngày xưa cũng như ngày nay, ngựa là con vật nuôi trong nhà khôn ngoan, hiền lành và trung hậu giúp người trong việc di chuyển (cỡi) chuyên chở (xe ngựa, xe thồ) hay biểu diễn nghệ thuật (đua). Ngoài ra, ngày xưa, ngựa còn là con chiến mã giúp các tướng soái xông pha trận mạc da ngựa bọc thây. Bởi vậy người và ngựa, ngựa với người gắn bó nhau mật thiết, hỗ tương nhau như tay chân. Ngựa nhờ người mà vang danh, người nhờ ngựa mà tả xung hữu đột, tung hoành tứ phương, danh lưu thiên cổ. Ngày xưa, Thái Tử Tất Đạt Đa có con ngựa Kiền Trắc, Thầy Huyền Trang có con Bạch Mã, Ngài Quan Vân Trường có con Xích Thố, đại Khánh Lương Vương có con Nhật Nguyệt Tiêu Sương Mậvà gần đây trong thời Tây Sơn (1771-1802) ở Bình Định có 5 con ngựa chiến nổi danh mà người đời tôn vinh là Thần Mã.

Theo cuốn "Tây Sơn Nhân Vật Chí" của Đinh Sĩ An, người Bình Khê tỉnh Bình Định là một nhân vật nổi danh về văn học đã từng được Vua Quang Trung trọng dụng kể lại 5 con Thần Mã đó là Bạch Long, Xích Kỳ, Ô Du, Ngân Câu, và Hồng lư. Được gọi là Thần Mã vì 5 con ngựa chiến nầy vừa có dáng đẹp, dõng mãnh, tài năng lại có lòng trung nghĩa với chủ ở thời Tây Sơn. Và, mãi về sau này khi nhà Tây Sơn mất, người Bình Định vẫn tưởng nhớ và coi như một con vật linh thiêng

cũng như người: Sanh vi Tướng, tử vi Thần.

Bạch Long Câu của Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc.

Bạch Long Câu chính là con ngựa chúa đàn trong bầy ngựa rừng trên núi Hiển Hách đã được Ông Nguyễn Nhạc dụ về như vừa nói ở trên và thuần dưỡng, tập luyện trở thành một con chiến mã rất tinh khôn, nhanh nhẹn và giỏi dang chiến trận.

Bạch Long Câu là một con tuấn mã chân cao, bụng thon, dáng đẹp và dõng mãnh. Lông trắng như tuyết, bờm và đuôi lông dài mượt như tơ, chạy nhanh như gió, nhẹ nhàng như bay. Lúc ngựa phi xa trông như một làn mây trắng vút qua. Con Bạch Long nầy đã gắn bó với Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc như hình với bóng suốt cả cuộc trường chinh, khi vào Nam, lúc ra Bắc, diệt chúa Trịnh, thắng chúa Nguyễn, đuổi quân Xiêm, tả xung hữu đột từ Đệ Nhất Trại Chủ đến Tây Sơn Hiệu Trưởng Tiên Phong Tướng Quân, rồi Tây Sơn Vương và cuối cùng là Trung Ương Hoàng Đế Thái Đức Nguyễn Nhạc. Người địa phương kính trọng ba Vua Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, đồng thời cũng quí mến các con chiến mã của Ba Vua, nên ca dao địa phương có câu:

Nhông nhông ngựa Ông đã về

Cắt cỏ Gò Đề cho ngựa (các) Ông ăn.

Nhưng rồi năm 1793, khi Vua Thái Đức thăng hà, con Bạch Long cũng xổng chuồng chạy mất. Một thời gian sau, thỉnh thoảng vào những buổi chiều tà, hay những đêm trăng non, thấp thoáng trên vùng Hoành Sơn lại thấy một con ngựa trắng xuất hiện vẫn dáng vẻ dõng mãnh quen thuộc thuở nào nhưng có khác là tiếng hí sao mà áo não thê lương đến kỳ lạ. Người ta nghi rằng đó là hồn con Bạch Long của Vua Thái Đức

nhớ chủ mà hiện về thăm. Tương truyền, mộ của Vua Thái Đức táng trên vùng núi nầy. Từ đó về sau người trong vùng không còn ai dám nuôi ngựa trắng nữa và vinh danh con chiến mã Bạch Long là Thần Mã.

Xích Kỳ Mã của Đại Đô Đốc Nguyễn Văn Tuyết.

Ông Nguyễn Văn Tuyết người thôn An Nhơn, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Lúc nhỏ Ông đã có sức mạnh phi thường, tính hay ngỗ nghịch ưa đánh nhau với lũ trẻ trong làng. Sau lớn lên nhờ võ sư Trần Kim Hùng ở thôn Trường Định cùng huyện thấy Ông có tư chất thông minh, lại có sức mạnh hơn người nên đã dốc lòng truyền dạy võ nghệ và những kinh nghiệm của giới giang hồ, võ lâm đồng thời cũng khuyên Ông đem tài năng ra giúp nước.

Kịp đến, nghe tin đồn chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát có con tuấn mã lông màu đỏ tía, bờm kỳ và đuôi lông đen huyền vốn dòng Bắc Thảo loại thiên lý mã có sức chạy vạn dặm không đổ mồ hôi, không chồn vó là cống phẩm của nước Cao Miên, chúa Võ Vương rất mực yêu thích. Nhân một chuyến tuần thú phương Nam đến Qui Nhơn thì bị Nguyễn Văn Tuyết ngay trong đêm đó xông vào chuồng bắt rồi cỡi thẳng lên An Khê đầu quân Tây Sơn. Tại đây Ông Tuyết lại có cơ duyên gặp cô Trần Thị Lan trong đoàn tượng binh của Nữ chủ tướng Bùi Thị Xuân là cháu nội của Sư phụ Trần Kim Hùng đang sống cùng chị là Trần Thị Huệ vợ của Ông Nguyễn Nhạc, cùng nhau kết duyên vợ chồng.

Khi Ông Nguyễn Huệ xưng Vương thì Ông Nguyễn Văn Tuyết được phong Tả Đô Đôc cùng với Hữu Đô Đốc tháp tùng Vua đi chinh chiến đó đây. Tháng 10 năm Mậu Thân (1788) Đô Đốc Tuyết đã cỡi con Xích Kỳ này ra Phú Xuân cấp báo tình hình là 3 đạo quân của Mãn Thanh đã tiến vào Thăng Long để quân Tây

Sơn kịp tạm lui binh.

Ngày 25 tháng 11, Ông Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng Đế, Đô Đốc Tuyết được phong chức Đại Đô Đốc giao nhiêm vụ kinh lược Hải Dương, tiếp ứng mặt Đông. Ngày 4 tháng Giêng năm Kỷ Dậu (1789), Đại Đô Đốc Tuyết đã đồng loạt với các cánh quân khác tiến công đạo quân Mãn Thanh đóng ở Hải Dương. Diệt xong giặc ngoại xâm, Đại Đô Tuyết cùng con Xích Kỳ trở về Phú Xuân thì nghe tin Vua Quang Trung băng hà. Ông cùng bà Bùi Thị Xuân phò Vua Cảnh Thịnh lo trấn giữ kinh thành. Sau hai vợ chồng được cử ra giữ Bắc thành.

Năm Nhâm Tuất (1802), Đại Đô Đốc Tuyết cùng phu nhân hộ giá Vua Bảo Hưng cùng cung quyến qua sông Nhị Hà lên phương Bắc đến Xương An thì bị vây. Con Xích Kỳ cùng Đại Đô Đốc xông pha chiến trận phá vòng vây, chẳng may cả hai đều trúng đạn tử trận. Đó là ngày 16 tháng Sáu năm Nhâm Tuất (1802).

Con Ô Du của Tướng Đặng Xuân Phong.

Ông Đặng Xuân Phong người làng Dõng Hòa, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định là một tráng sĩ trẻ. Ông có một con ngựa sắc lông đen nhánh như mun nên gọi là Ô Du. Bốn chân thon nhỏ như chân nai, lúc đi thì khoan thai uyển chuyển như cọp, lúc chạy thì thoăn thoắt như bay. Thường ngày Ông tay cầm côn đồng, vai mang cung sắt, mình cỡi Ô Du từ thôn Thuận Nghĩa chạy lên Phú Lạc vào núi Trung Sơn để săn bắn và luyện võ. Ông giỏi võ, thích cỡi ngựa lại có tài bắn cung. Một hôm cao hứng đang cỡi ngựa có đàn quạ đen bay ngang qua, Ông bèn giương cung bắn 5 phát, 5 con quạ rụng xuống như 5 quả chín. Nữ tướng Bùi Thị Xuân thấy vậy liền tiến cử Ông Đặng lên Tây Sơn Vương, Ông Đặng được thu dụng và sau đó cử đi Quảng Nam đánh giặc lập công.

Nhờ con Ô Du nhanh nhẹn mà tướng Đặng Xuân Phong lập ngay chiến công đầu là đã đánh lấy Thăng Bình rồi ruổi quân phi ngựa như gió ra giết được hai tướng giặc Tôn Thất Quyền và Tôn Thất Xuân. Năm Nhâm Tý (1792) Vua Quang Trung thăng hà, tướng Đặng Xuân Phong cùng với Võ Xuân Đài phi ngựa mang lễ vật từ Phú Xuân ra phúng điếu.

Năm Cảnh Thịnh thứ ba, Tướng Đặng Xuân Phong được thăng chức Thái Phó ban tước Huyện Công Tuy Viễn. Sau khi Nguyễn Bảo con Vua Thái Đức bị giết, Thái Phó Đặng liền từ quan lui về Dõng Hòa dưỡng lão rồi âm thầm bỏ đi nơi khác cùng với con Ô Du.

Con Ngân Câu của Nữ Tướng Bùi Thị Xuân.

Bà Bùi Thị Xuân người thôn Xuân hòa, gần thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định. Bà là con gái của ông Bùi Đắc Chí (cũng có người cho là bà con ông Bùi Đắc Kế), là vợ của Thiếu phó Trần Quang Diệu.

Thuở nhỏ Bà rất xinh đẹp, nữ công khéo, viết chữ đẹp nhưng tính tình muốn làm con trai: thích học võ, múa kiếm, chèo thuyền, cỡi ngựa. Mỗi lần nghe các bậc lão Nho bàn chuyện với thân phụ mình về chuyện Hai Bà Trưng cỡi voi ra trận đánh tan quân Tô Định, Bà Triệu sức địch muôn người cùng anh nổi dậy đánh quân Ngô, chuyện nàng Lương Hồng Ngọc mang kiếm lên ngựa cùng chồng là Hàn Thế Trung ra trận đánh tan quân Kim trên sông Dương Tử hay Hoa Mộc Lan giả dạng con trai thay cha tòng quân đánh giặc trên sông Hoàng Hà v.v.. thì Bà náo nức trong lòng cứ muốn có võ nghệ để làm nên việc lớn.

Bà giỏi võ nghệ là do một bà thầy ở An Vinh cảm tình truyền dạy và Bà có được con ngựa quí là do một phú ông họ Đinh ở thôn Lai Nghi tặng để đền ơn dạy

võ cho con gái ông ta khi Bà lập trường dạy võ ở quê nhà. Con ngựa ấy lông toàn sắc trắng nên gọi là Ngân Câu hay ngựa Kim. Vóc to, sức mạnh, có tài đi trong đêm tối như đi giữa ban ngày mặc dù trên đường đi có hầm hố, ụ gò, chướng ngại. Thấy vậy có người bảo rằng dưới chân ngựa có mắt sáng. Con ngựa này từ một con tuấn mã trở thành chiến mã là do tướng Lê Văn Bưu (sẽ nói ở phần sau) tập luyện cả ngựa lẫn voi. Cũng nhờ tài phi ngựa như bay mà con Ngân Câu đã giúp Bà chiến thắng trận Rạch Gầm chém bay đầu tướng Lục Côn của Xiêm như ngày xưa Quan Vân Trường cỡi Xích Thố chém Huê Hùng đời Tam Quốc bên Tàu.Cũng nhờ con Ngân Câu mà Nữ tướng Bùi Thị Xuân cứu được Vua Bửu Hưng trong trận Đâu Mâu. Lại cũng nhờ con Ngân Câu mà Bà Bùi từ Diễn Châu vượt đường dài đến Giáp Sơn tả xung hữu đột với kẻ thù cứu được chồng là tướng Trần Quang Diệu mang trọng bệnh bị bắt sống tại Hương Sơn đang áp giải. Bà dìu chồng trên lưng ngựa chạy về Thanh Hóa nhưng đến sông Thanh Chương thì con Ngân Câu bị trúng đạn tử thương. Hai vợ chồng vô cùng thương tiếc con Ngân Câu một con chiến mã tinh khôn, thiện chiến.

Ở đây chúng tôi chỉ nói đến con chiến mã Ngân Câu của Bà Bùi, mà không nói đến Bà là Chủ tướng của "Ngũ Phụng Thư" 5 người con gái tài giỏi thời Tây Sơn với đoàn voi trận, cũng như thái độ của Bà đối với chú là Bùi Đắc Tuyên lộng quyền và cái chết của chồng Bà là tướng Trần Quang Diệu cũng như mẹ con Bà một cách rất hiên ngang trước sự trả thù tàn khốc và man rợ của nhà Nguyễn Gia Miêu. Vì thế tên tuổi và hình ảnh của Bà luôn chói sáng cùng nhật nguyệt mà cụ Vân Sơn Nguyễn Trọng Trì khi viết về Bà trong bài "Bùi Phu Nhân ca" đã ca tụng:

Bạch mã trì khu cổ chiến trường

Tướng quân bách chiến thanh uy dương.

Ngựa Hồng Lư của Đô Đốc Lý Văn Bưu

Ông Lý Văn Bưu còn gọi là Mưu, người làng Đại Khoang, huyện Phù Cát tỉnh Bình Định. Ông sinh trưởng trong một gia đình giàu có chuyên nghề nuôi ngựa và buôn bán ngựa từ đời ông Cao tổ. Vì vậy mà ông Lý được gia đình rèn luyện về võ nghệ từ thuở ấu thơ để lâm thời chống trả bọn cướp bóc, bảo vệ tài sản gia đình. Lớn lên chẳng những Ông giỏi võ mà còn có biệt tài thuần dưỡng ngựa và cởi ngựa.

Các tay giang hồ hào kiệt thường đến với Ông rất nhiều một phần vì mến tài đức, võ nghệ, một phần vì muốn có ngựa tốt và một phần nữa cũng muốn nhờ cậy ông thuần dưỡng ngựa và truyền bí quyết điều khiển ngựa chứng.

Trong trại ngựa của Ông có hàng mấy trăm con, nhưng con ngựa mà Ông ưng ý nhất là con Hồng Lư vì sắc lông của nó toàn màu hồng tuyệt đẹp. Thoạt nhìn thì như ngựa bình thường chân cao lỏng khỏng, bụng thon ốm như đói cỏ. Nhưng khi nhìn kỹ thì thấy có nét đặc biệt, đầu như đầu lừa, tính tình hay trở chứng muốn đi thì đi, muốn chạy thì chạy chẳng ai điều khiển được, thuộc loại ngựa bất kham chỉ riêng chủ mới điều khiển được dễ dàng mà thôi. Ông Lý cởi ngựa ít khi dùng yên cương, Ông chỉ dùng đôi chân, khi thì bắp vế, lúc thì ống chân, gót chân. Hồng Lư tuy dị dạng nhưng chạy rất nhanh và bền bỉ. Khi ra trận Hồng Lư dường như có linh cảm ý chủ, tự tiến thối, lướt xông, quần thảo địch thủ đúng theo ý chủ. Một nhịp nhẹ của đôi chân chủ, Hồng Lư đã phi như bay vượt thoát mọi chướng ngại đuổi theo địch một cách dễ dàng. Một tiếng hí của Hồng Lư cất lên (trừ các con Thần Mã nói trên) các ngựa khác đều sợ cúp đuôi cụp tai cắm đầu bỏ chạy. Nhờ Hồng Lư mà Ông Lý Văn Bưu đã tổ chức

được một đoàn Chiến mã và một đội Sảo mã (kỵ binh nữ) đi tiên phong dò xét địch tình, kêu gọi quân lương, làm công tác chiến tranh chính trị cho quân Tây Sơn.

Khi nhà Tây Sơn khởi nghĩa, Ông Lý Văn Bưu được phong chức Đô Đốc. Đô Đốc Lý và con Hồng Lư lúc bấy giờ có mặt trên khắp chiến trường từ trận đánh với quân Xiêm năm 1784, tháp tùng Vua Quang Trung ra Bắc tảo trừ quân Thanh kéo vào Thăng Long đến các trận ở đồn Yên Quyết, Nhân Mục rồi Khương Thượng.

Sau khi Vua Quang Trung thăng hà, Bùi Đắc Tuyên lộng quyền, triều chính Tây Sơn đổ nát thì Đô Đốc Lý viện cớ tuổi già sức yếu từ quan lui về quê sống lại nghề cũ nơi mảnh đất quê hương thân yêu. Ngày ngày Ông cùng con Hồng Lư dạo quanh trên các núi đồi, gò đống, nhìn trời mây sông nước nhớ lại những nơi dựng nghiệp thuở xưa mà lòng thanh thản tự tại.

Ngoài 5 con ngựa chiến mà người đời thường gọi là "Tây Sơn Ngũ Thần Mã" Bình Định còn có con "Bằng Châu Kỳ Mã" và "Linh Phong Song Tuấn Mã".

BẰNG CHÂU KỲ MÃ là con ngựa của Ông Đinh Cường ở Bằng Châu thuộc An Nhơn, thường gọi là Ông Đinh lão (hay ông Chảng), thầy dạy võ của ba anh em nhà Tây Sơn. Tính Ông "chảng chảng ngang thiên". Con ngựa của ông cũng giống như con Bạch Long của Vua Thái Đức Nguyễn Nhạc, lông trắng như tuyết, chạy nhanh như gió thuộc loại thiên lý mã. Nhưng đặc biệt là hai con mắt đỏ ngầu như hai hòn than. Gặp sông sâu lửa cháy chủ giục, ngựa vẫn xông vào. Chủ lâm nạn, ngựa biết tìm đường chạy về nhà báo tin bằng cách dậm chân, hí rống.

LINH PHONG SONG TUẤN MÃ là con ngựa Hồng của Nguyên Soái Mai Xuân Thưởng (1860-1887)

thủ lãnh Cần Vương chống Pháp và con ngựa Ô (dòng Ô Du) của Quản Trấn Trần Tân thường gọi là Quản Nhã hay Quản Trần.

Đó là hai con ngựa thường đi song đôi với nhau thân thiết như đôi bạn nên gọi là Song Tuấn Mã và rất mực trung thành với chủ.

Chuyện kể rằng trong trận thủy bối ở Bầu Sấu, Mai Nguyên Soái bị trúng đạn máu ra ướt đẫm cả nhung y, con ngựa Hồng chở Mai Nguyên Soái nhào xuống Bầu Sấu lội một mạch sang bên kia bờ chạy thẳng về Phú Lạc. Sau ngựa Hồng theo Nguyên Soái vào Linh Đỗng ẩn thân rồi cùng Nguyên Soái ra quy hàng để cứu Mai mẫu. Trên bước đường hoạn nạn, ngựa Hồng luôn theo sát bên chủ chia sẻ buồn vui. Khi Mai Nguyên Soái bị bắt cầm tù thì ngựa Hồng bỏ ăn. Ai đến gần thì ngựa hí, cắn, đá dứt khoát không cho ai cỡi. Lúc Nguyên Soái ra pháp trường thọ hình ở Gò Chàm An Nhơn, ngựa Hồng cùng đến. Lúc Nguyên Soái thọ hình, ngựa Hồng cất vó hí lên lồng lộng giữa cơn mưa tầm tã rồi chạy thẳng về mật khu Linh Đỗng như uất ức.

Con ngựa Ô Du của Quản Trần cũng trung nghĩa không kém. Khi Quản Trần bị Tham Mậu bắt đem chôn sống vì tội xúc phạm danh dự cấp trên, con ngựa Ô liền chạy về nhà hí thảm thiết báo nguy. Khi Quản Trần chết, ngựa Ô đi theo linh cửu đưa chủ ra mộ, nước mắt ròng ròng. Chôn cất xong mọi người ra về, ngựa Ô ở lại không chịu về. Đói ra gò ăn cỏ qua loa, khát xuống bàu uống nước, đến ngày tuần thì chạy về nhà trong giây lát rồi cũng chạy ra mộ trở lại, tuần nào cũng thế. Đến ngày tuần chung thất (49 ngày), ngựa Ô chạy về nhà hí rống một tiếng dài rồi chạy ra mộ hí tiếp một tiếng nữa đoạn chạy thẳng lên Linh Đỗng sống với con ngựa Hồng của Mai Nguyên soái.

Thời gian lâu sau, người ta không còn thấy bóng

dáng ngựa Ô ngựa Hồng đâu nữa cả, song những đêm trăng sáng trời trong nơi mộ phần của Mai Nguyên Soái và của Quản Trần, thỉnh thoảng người ta nghe có tiếng ngựa hí âm vang vọng dài trong gió núi. Người địa phương đã ca rằng:

Ngựa đâu tiếng hí mơ màng

Người nay thổn thức can tràng người xưa.

Người xưa rõ ràng là những nhân vật lịch sử can trường, dặm nghìn da ngựa da ngựa bọc thây, nặng tình với Non sông, Dân tộc. Còn người nay, cứ mỗi lần cảo thơm lần giở lòng sao khỏi thổn thức, nhưng với hoàn cảnh hiện tại thì, than ôi!

Ta kiếm mẻ, ngựa què thân lưu lạc

Nhìn trăng tàn, cỏ úa, hận đêm thâu

Ta biết đi đâu? Ta sẽ về đâu?

Chí lớn ngậm ngùi, đường cùng, tóc bạc!

Nói thế, nhưng vẫn hy vọng một ngày mã đáo thành công, ca khúc khải hoàn.

Houston, đầu năm con Ngựa 2014

THÁI TẨU

Sách tham khảo:

- Nhân Vật Bình Định, Lộc Xuyên Đặng Quí Địch, soạn giả xuất bản 1971.

- Võ Nhân Bình Định, Quách Tấn, - Quách Giao, NXB Trẻ TP/HCM 2001.

- Các Ngôi Sao Tây Sơn, Nguyễn Văn Nhân, NXB Văn Nghệ TP/HCM 2001

- Danh Tướng Việt Nam, Nguyễn Khắc Thuần, NXB Giáo Dục TP/HCM 2001 ▼

Thơ Thiên Tâm ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH

Qua đèo ngang tức cảnh

Bước tới đèo Ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, rợ mấy nhà
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia
Dừng chân đứng lại, trời non nước
Một mảnh tình riêng, ta với ta

Bà Huyện Thanh Quan

Đọc thơ "Qua Đèo Ngang Tức Cảnh", mượn vận đời xưa viết chuyện nay

BÀI 1:

Chiều cuối tháng tư

Trời lặng. Mây xa nhuộm ánh tà
Mùa xuân. Cành biếc trĩu muôn hoa
Giục còi xe lửa còn tuôn khói
Lộng gió chiều hôm chạnh nhớ nhà
Đất khách ngậm ngùi niềm cố quốc
Xứ người thấm thía nỗi ly gia
Vời trông bóng xế qua đồi núi
Hiu hắt tình quê, ai thấu ta ?

Thiên Tâm

BÀI 2:

Trung thu cảm vịnh

Vẫn nghĩ rồi đây chính thắng tà
Nhưng tà như rắn độc mai hoa
Chúng khinh khi tổ, ô danh nước
Họ đọa đày dân, loạn phép nhà
Chủng tộc suy tàn không vệ quốc
Nhân sinh ly tán chẳng hồi gia
Trăng thu vằng vặc soi đêm tối
Lặng lẽ sau vườn đối bóng ta

Thiên Tâm

BÀI 3:

Bao giờ ?

Bao giờ chính nghĩa thắng gian tà
Hạnh phúc thanh bình lại nở hoa ?
Mấy chục năm làm dân lạc xứ
Phần ba kiếp sống cảnh xa nhà
Yêu nòi nên nhớ hờn vong quốc
Thương nước đừng quên hận phá gia
Sao được muôn lòng chung một dạ ?
Giải trừ tai họa núi sông ta!

Thiên Tâm

BÀI 4:

Mần thơ đường luật

Mần thơ Đường luật cứ tà tà
Nhắp rượu, trà ngon, bút vẽ hoa
Nghe gió lang thang lùa ngập phố
Nhìn trăng bàng bạc chiếu xiên nhà
Thường nhân đâu sánh hàng cao sĩ
Tài tử nào so bậc đại gia
Tâm sự bồi hồi đeo đẳng mãi
Ngâm nga than thở một mình ta

Thiên Tâm

BÀI 5:

Mong ước

Thơ như bom đạn diệt yêu tà
Bút vạn thần công bắn vãi hoa
Mỗi chữ bừng bừng non phún lửa
Từng câu sạt sạt biển lôi nhà
Nghiêng trời căm giận bầy khuynh quốc
Lệch đất đau hờn bọn táng gia
Sức mạnh văn chương mà được vậy
Hè nhau đuổi giặc, cứu dân ta

Thiên Tâm

Tưng bừng tiếng trống, thướt tha.... Dường quyền

Cao Thu Cúc

Hội Xuân Tây Sơn Bình Định 2013

Đây là mùa xuân thứ hai tôi sống ở San Jose. Mới cuối tháng một thôi mà đã bắt đầu nhận điện thoại, thơ mời tham dự đại hội mùa Xuân rồi. Cứ vào dự một lần thử xem, nghe họ giới thiện quan khách, mà nếu tôi chơi trò thi đếm sao như thuở nhỏ, hít một hơi thật dài rồi từ từ đếm, thì những hội đoàn của người Việt ở San Jose cũng chưa hết mà tôi đã hụt hơi, nói chi đến hội đoàn khắp nước Mỹ. Tôi đưa mười đầu ngón tay thử tính nhẩm: Tuần này dự Bùi Thị Xuân Trần Hưng Đạo, tuần kế tiếp Đồng Khánh Quốc Học, tuần sau nữa, Tây Sơn Bình Định, rồi Hội Huế, rồi Đồng Hương Quảng Trị, Gia Long Trưng Vương...Tôi phải tu mấy ngàn kiếp như Đức Phật thì mới có thể phóng thân đi dự cùng một lúc nhiều hội đoàn khác nhau mới đủ.

TIẾNG TRỐNG MÙA XUÂN

Bỏ qua phần nghi lễ, bỏ qua những sinh hoạt có tính cách nội bộ, bỏ qua phần sinh hoạt văn nghệ mà nhiều hội Xuân đã cố gắng luyện tập và trình diễn, tôi đặc biệt chú ý đến phần sinh hoạt khác thường của Hôi Tây Sơn Bình Định: Sau phần nghi thức mặc niệm là phần dâng hương tưởng nhớ những chiến sĩ hy sinh trong chiến dịch đánh quân Thanh cùng với vua Quang Trung năm kỷ dậu 1789. Tiếng trống trận năm xưa được dịp vang lên giữa mùa xuân đầm ấm đem lại cho lòng người một sự xao động, lòng phấn khích, một niềm kiêu hãnh, và bừng lên một chút ý chí trong niềm hy vọng đang lụi tàn.

Những chiếc trống nhỏ nhưng âm vang mạnh mẽ đã đã đem lại sức mạnh cho đoàn quân, điều khiển được cả ba quân, thì tôi nghĩ, người đánh trống hẳn phải là một người đặc biệt, một nghệ sĩ, một dũng tướng, đã đem hết tâm huyết, ý chí, sức mạnh và khát vọng của mình đặt vào trong tiếng trống đó. Tiếng trống đã đem lại chiến thắng Hà Hồi, Ngọc Hồi, Đống Đa... làm vẻ vang trang sử nước nhà và đã để lại một vết nhơ ngàn đời không rửa sạch cho bọn giặc phương Bắc. Đền thờ Sầm Nghi Đống (tướng nhà Thanh bị Tây Sơn đánh bại đã treo cổ tự tử ở núi Loa, Khương Thượng, gần thành Thăng Long) cũng là một vết nhơ còn mãi trên đất Việt Nam và đã từng bị một phụ nữ Việt Nam nhỏ bé chế diễu: *Ví đây đổi phận làm trai được/Thì sự anh hùng há bấy nhiêu!* (thơ Hồ Xuân Hương)

Giây phút gọi hồn người quá cố lại làm cho tôi nghĩ đến những nấm mồ vất vưỡng vô danh thời gian sau chiến trận, đã được một người trong dòng tôc họ Hoàng ở làng Bích Khê, Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đem về quy táng. Người có công đầu tiên là ông Hoàng Hữu Lợi, một nhà nho uyên bác đã cùng con là Hoàng Hữu Xứng lúc bấy giờ đang làm quan ở Thanh Hoá, quy táng nhiều hài cốt của những người đồng hương và các nghĩa sĩ thuộc quân đoàn Tây Sơn miền Thuận Quảng theo vua Quang Trung chinh phạt quân Thanh đã bỏ mình. Ông

Đàn Nghĩa Trũng ở làng Bích Khê, Quảng Trị

thuê người thu nhặt hơn 600 bộ hài cốt và đem về mai táng trong một khu đất của dòng họ Hoàng và gọi đó là Nghĩa Trũng. Từ đó đến nay, suốt mấy trăm năm trôi qua, Nghĩa Trũng vẫn được con cháu họ Hoàng hằng năm hương khói lễ bái vào ngày 25 tháng chạp, không năm nào dứt. Đàn Nghĩa Trũng ngày nay được xem là Nghĩa Trang Chiến Sĩ đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Những con người đã đem lại nét hào hùng cho tâm thức người Việt Nam, những người đã tan thành cát bụi hư vô vẫn còn đem lại cho ta niềm tự hào, những người mà ta mắc nợ vì niềm kiêu hãnh, lòng tự tôn, tự tin, hồn ở đâu bây giờ?

CON GÁI BÌNH ĐỊNH

Không kể khoảng thời gian lịch sử không rõ ràng, và nhiều lần thay đổi tên gọi, tên thành Bình Định được gọi chính thức vào đời Gia Long cho đến ngày nay. Bình Định là đất của anh em nhà Tây Sơn. Anh em Nguyễn Huệ đã có công sáng chế nhiều môn võ mang sắc thái

đặc biệt Việt Nam, và đất Bình Đinh nổi tiếng là đất võ, gái trai đều biết võ. Bình Định lại là quê hương của nữ tướng Bùi Thị Xuân anh hùng nên con gái Bình Định cũng được hưởng chút thơm lây.

Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định múa roi đi quyền.

Khi tôi đưa máy hình nhắm một cô gái duyên dáng xinh đẹp thì cô nghếch mặt lên và nói một cách đầy tự hào:

- Em là con gái Bình Định.

Một cô gái Bình Định khác tài năng hơn, cô là Xuân Tim, cô hát rất hay. Cô là giọng ca chính của sân khấu, khi hát bài quốc ca Mỹ cô hát với một giọng Mỹ rất hay. Mọi người vỗ tay tán thưởng cô rầm rầm. Tôi ghi được hình cô nhưng không ghi được linh hồn của cô. Cô nói:

- Em không nói chuyện được nhiều vì em phải giữ giọng để hát nhiều bài nữa.

Cô em xinh đẹp ơi, tôi tìm em nhiều lần nhưng không gặp. Thôi hãy để cho người đẹp giữ một chút bí ẩn riêng như vậy cô sẽ trở thành một hình ảnh có sức quyến rủ hơn.

Những cô gái Bình Định ngày nay khác xa hình ảnh các cô gái Bình Định thuở trước: lam lũ nghèo khó, ít hiểu biết. Những con người cam chịu số phận với quê hương đã không được quê hương ưu đãi. Họ phải ra đi tìm đường tự cứu lấy mình. Ngày nay họ đã trở thành những con người thành đạt đầy tự tin trên đất Mỹ. Họ đã xây dựng những gia đình hạnh phúc. Cứ nhìn họ từng cặp tay trong tay tiến vào hội trường, hay gặp họ bất cứ nơi đâu, lúc nào tôi cũng thấy nụ cười trên gương mặt rạng rỡ của họ. Cuộc sống, nghề nghiệp, kiến thức đã làm họ thay đổi hoàn toàn và họ cũng đã làm thay đổi được dư luận không mấy tốt đẹp của xã hội dành cho họ khi họ còn ở bên quê nhà:

Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Bình cầm roi rượt chồng.

Câu ca dao này ngày nay tôi phải đổi lại là:

Ai về San Jose mà coi
Con gái Bình Định lái xe Toyota đầy đường.

Tôi cũng là con gái Bình Định. Quê tôi ở làng Phú Long, một ngôi làng nhỏ nằm sát chân Núi Bà, ôm lấy hòn Vọng Phu như một chứng tích buồn của một thời lịch sử trải qua nhiều chinh chiến với các nước phương Nam; một làng nghèo nhất trong một xã nghèo nhất của tỉnh Bình Định. Vì vậy tôi cũng đã bỏ quê ra đi rất sớm. Nếu ngày nay có ai hỏi tôi nghĩ gì về câu ca dao trên thì tôi cũng sẵn sàng vui vẻ trả lời:

- Tôi không những "rượt" chồng mà còn "rượt" luôn bốn đứa con chạy quanh khu vườn trồng đầy hoa trong những dịp Xuân về gia đình sum họp.

Mùa Xuân đến nắng ấm chan hòa. Xuân trong lòng người, Xuân trong cây cỏ hoa lá, và những cuộc hội họp vui Xuân của cộng đồng người Việt Nam hãy còn nhiều phía trước.

San Jose, Ngày 12 tháng 3 năm 2013
Cao Thu Cúc

CỘNG HÒA
VÀ CÂY CÀ REM

HOÀI ÂN

Ông Tá nhận được điện thoại của Di, báo có mấy thằng bạn Qui nhơn, từ các tiểu bang khác cũng về Westminster tham dự liên trường. Ông Tá thì từ San Jose xuống. Còn hai ngày nữa mới đến ngày đại hội. Ông Tá mời tất cả 5 người bạn đi uống cà phê buổi sáng tại quán Mimosa, trên đường Bolsa. Bước vào quán, ngoài thằng Di ra, Ông Tá gặp thằng Hùng ở Pen, thằng Thư ở Seatle, thằng Bảo ở Tacoma. Tất cả 5 thằng, nay đã già. Thằng Thư mắt đỏ rực như không có con ngươi vì mắt mới mổ. Thằng Hùng đầu hói lán bóng, thằng Bảo lưng còng, mặt đầy đồi mồi. Năm thằng bạn ôm nhau, tay bắt, mặt mừng, kể cho nhau hàng ngàn câu chuyện: nào chuyện đá banh ở sân vận động, mà trái banh bằng gói giẻ rách, nào trường Nguyễn Huệ, trường Cường Để, những ngày đi lính, những ngày ở tù, những ngày ở tù trở về Qui nhơn, những ngày đi lao động Tân Vinh phá rừng trồng mì, những ngày làm lao động cho một xí nghiệp xây dựng thành phố, những ngày ở Mỹ

Thôi thì cả ngàn chuyện, nói hoài không hết! Khi chia tay, năm thằng bạn cho nhau số phôn, địa chỉ email, hứa liên lạc thường xuyên.

Bây giờ là 10 giờ sáng. Khi nắng ấm lên, Ông Tá bắt đầu đạp xe ra công viên cận nhà, vừa chơi, vừa tập thể dục. Công viên giờ này rất vắng người, vì người ta bận đi làm. Chỉ có ông Tá nghỉ hưu, mới ra đây giờ này. Sau khi đạp xe được 10 vòng, ông Tá dựng xe, ngồi nghỉ trên cái ghế gỗ. Ông Tá thích cái công viên này lắm. Tay landscape nào design cái công viên này quá đẹp! Đường trail thì có chỗ cao, chỗ thấp, bãi cỏ thì chỗ trũng, chỗ lồi, lượn sóng. Ở ngay góc phải có một lùm cây thông cổ thụ. Ở chính giữa ngả ba, về phía trái, có một cái vòng tròn, chính giữa có một cây gỗ Oak già, võ sần sùi, nứt nẻ. Có lẽ cây Oak này trên 100 năm. Giữa cái công viên là cái sân banh.

Ngồi trên cái ghế gỗ nghỉ mệt, Ông Tá chợt nhớ 2 tuần nữa bà vợ sẽ về Qui nhơn. Và ông cũng nhớ đến 5 người bạn, sau bao năm xa cách, mới gặp lại ở Westminster. Ông nhớ thằng Di đã nói: "Cái thời đệ nhất Cộng Hòa, người dân giàu hay nghèo, ai cũng có một giấc mơ và giấc mơ của người dân có thể thực hiện được. Bà có gánh bún bò, bà có gánh hàng rong, ông đạp xích lô, ba gác, có con học đại học, học bác sỹ, kỹ sư là chuyện bình thường. Ngay cả trong xã hội phong kiến, con người ở dưới đáy xã hội, nếu biết phấn đấu học hành thì có thể chuyển đổi thân phận, thành quan cai trị thiên hạ. Ông Tá thừa nhận thằng Di nói đúng. Cái thời đệ nhất Cọng Hòa cách tuyển chọn người đảm trách việc xã hội cũng giống như thời phong kiến, tuyển người cai trị qua thi cử, qua học vấn. Chuyện đó đúng quá đi thôi! Đó là công bằng xã hội. Cái đó là chân lý cho mọi thời đại, cho mọi xã hội, chỉ trừ cái xã hội Cộng Sản chết tiệt.

Một thời thơ ấu, như một cuốn phim chạy chầm chậm qua đầu ông.

Một ngày 1956 tại thành phố QN. Một buổi trưa đầy nắng gắt tại bến xe, người ta bu quanh thằng bé bán cà rem để mua cho được một cây cà rem. Đây là một hiện tượng lạ! lần đầu tiên thành phố có cà rem. Già trẻ, lớn bé đều có động tác giống nhau khi ăn cà rem: Ngước mặt lên trời, hả miệng càng to càng tốt, đút cây cà rem vào họng và chờ cho nó tan hết mới ngậm cái miệng lại. Trong tích tắc, hầu như người ta không kịp mút một hơi cho đã, cho thấm cái lạnh chạy tuột xuống cổ họng bởi vì cà rem mới "phát minh" lần đầu mềm quá, mềm đến nỗi cây cà rem không bao giờ đứng thẳng, mút mà nghe xào xạo có đá vụn trong miệng, có phần mằn mặn như có vị muối, phần vì cái nắng gay gắt, phần vì người ta háo hức, trong nháy mắt cây cà rem biến mất, chỉ còn lại cái cọng tre bằng nửa chiếc đũa chẻ làm đôi, vẫn còn nằm trong miệng. "Cà rem đây! Cà rem đây. Cà rem vừa nóng vừa dòn". Cái thằng quỉ nhỏ! Cái thằng Tá, có giọng rao làm mọi người cười rộ. Nó bán bánh mì buổi sáng, nó rao: bánh mì vừa nóng vừa dòn đây. Buổi trưa nó bán cà rem, nó cũng rao tỉnh queo, theo quán tính: cà rem nóng hổi vừa thổi vừa ăn : "cà rem lạnh, sao lại nóng, bộ cái tẹt mốt giữ nóng hay sao?", một người chỉnh. Người ta thấy lúc nào nó cũng ngậm cái cây cà rem mà không có cà rem, vừa cõng cái bình cà rem trên lưng gầy, vừa đi khắp cái bến xe này.

Ở ngay giữa cái bồn binh, ông Cảnh Sát đứng trên cái bục gỗ đang huýt còi, điều tiết xe đạp, chớ làm gì có xe cộ. Trông ông Cảnh Sát ngố làm sao! Chỉ thấy cái mũ Cát Kết che khuất cái mặt, quay qua quay lại, huýt còi rét rét, búa xua, phân luồng xe cộ. Nói là xe cộ, nhưng thật ra chỉ là xe đạp của lũ học trò vừa mới

tan trường túa ra. Bởi vì cái bồn binh là cái vòng tròn, xe cộ chỉ có chạy vòng quanh, chớ không có ngừng, nên ông cảnh sát quay như cái chong chóng. Ông cảnh sát là hình ảnh mới mẻ đối với người dân-mới như cây cà rem vậy-tượng trưng cho uy quyền của nền đệ nhất Cọng Hòa. Chính quyền là người cảnh sát này. Người cảnh sát này là chính quyền. Ông cảnh sát này không có súng và cũng không có cây dùi cui, đừng nói đến roi điện. Hỏi ổng, thì ổng nói súng mà làm gì, dùi cui mà làm chi, dân hiền quá mà! Cả thành phố hình như chỉ có một ông cảnh sát này. Ông cảnh sát rất trẻ, trẻ như nền đệ nhất Cộng Hòa. Người ta không thấy lính tráng đâu cả, xe cộ nhà binh lại càng không thấy. Bến xe là cái chỗ hổ lốn nhất mà ăn mày, du đảng và gái điếm cũng không thấy ở đây. Sao mà xã hội hiền hòa đến thế! Không thấy ai cầm dao rượt đánh nhau. Không thấy ai văng tục, chưởi rủa. Cái văn hóa của Pháp để lại, hay cái xã hội kèm với hai chữ Cộng Hòa mới mẽ, nó bắt đầu là như thế? Cai trị người dân sao dễ đến thế! Cám ơn bọn thực dân Pháp đã để lại một di sản văn hóa vĩ đại cho dân tộc. Thật là qúi hóa quá! trân trọng quá! Có lẽ hồi đó rất ít người dân hiểu Cộng Hòa có ý nghĩa gì. Điều đó cũng chả sao. Nó làm ngược những gì Cộng Sản làm là đúng rồi, là Cộng Hòa. (.....)

Xe cộ chở khách ở bến xe cũng chỉ là vài cái xe chạy bằng than, có cái bình chứa than nóng thật bự, dựng phía đàng sau xe. Khi cái xe đậu, thì cái bình hơi cũng nghỉ, đứng thở phì phà hơi nóng. Bến xe nhỏ xíu, chỉ có vài chiếc xe trông như con bọ hung khổng lồ, chạy bằng than với cái nồi áp xuất đặt đằng sau, ai mà sơ ý đặt tay vào cái nồi áp xuất thì bị phỏng ngay. Bến xe nham nhở với đá cục, đá hòn, có chỗ tráng nhựa có chỗ không, đi đứng phải cẩn thận, không thì trẹo bàn chân như chơi.

Ông Tám Khùng thì đang bị mấy thằng nhỏ chọc. Ông Tám Khùng tức giận, mặt đỏ gay, tay trái ôm một bó hoa héo, tay phải cầm cục gạch thật to, vừa đập thình thịch vào ngực vừa hét to: "cha mầy xe! Mẹ mầy xe!" Có thằng nhỏ chạy tới giựt bó hoa bỏ chạy. ông Tám Khùng càng giận dữ. Người ta bảo ông Tám Khùng cầm bó hoa héo để đi tìm người yêu, nhưng tìm hoài không thấy, nên ông vẫn đi lang thang. Có thể nói không ngoa: Ông Tám Khùng là biểu tượng của thành phố Qui nhơn, chớ không phải cái cầu Nhơn Hội. Có nhiều lúc thiếu vắng bóng dáng ông Tám Khùng ở một góc phố nào đó thì người ta nhắc: lâu quá không thấy ông Tám Khùng. Nói đến Qui nhơn mà không nhắc đến ông Tám Khùng là không biết gì về Qui nhơn cả. Ông Tám Khùng lúc nào cũng giữ khư khư bó hoa héo, chớ không trao ẩu cho một người nào. Thủy chung đến thế là cùng.

Nói đến Qui Nhơn, người ta thường nhắc đến quán bà Lâm Huế với mắm cá thu, đến Lâm Ký với bồ câu quay, đến quán Tùng với tôm nướng chấm sốt ma-son-ne. Nói về Qui nhơn, anh phải nhắc đến cà phê Dung với con nhỏ Bắc kỳ có cái răng khểnh và cà phê Lệ Đá với cô Thơ lộng lẫy trong cái áo lụa Hà Đông, khi cô ngôi xuống phô một mãng lưng trắng toát, gợi nhớ cho anh cái ý tìm vợ.

Thành phố QN lúc đó ồn ào nhất là cái bến xe, nhưng cũng chỉ ồn ào đến thế! Ông Tám Khùng đi rồi, cái ồn ào cũng biến mất.

Bến xe đi về hướng đầm Thị Nại có quán Bà Lâm Huế. Đi về hướng Võ Tánh có Tiệm thuốc bắc Nguyễn Cự, có bóng bàn Dư Ý, có tiệm giày AJS, có tiệm ảnh Bác Ái.

Đi về hướng Gia Long thì có chén, bát Minh Châu, thuốc bắc Dân Lợi, tiệm may Tân Thích. Sau này có

nhà sách Việt Long, Đại Chúng. Tại góc đường Gia Long và Phan Đình Phùng có tiệm bánh Hóa Hưng. Đi vòng ra Phan Bội Châu có tiệm kem Phi Điệp, có rạp xi nê Tân Châu v.v.

Một ngày thứ Bảy hay Chúa Nhật của thằng Tá, buổi sáng đi bán bánh mì, buổi trưa đi bán cà rem, năm giờ chiều thằng Tá mò về nhà. Nhà thằng Tá cũng ở ngay bến xe, trước nhà Thuận Hùng bán xe đạp. Ba thằng Tá không biết học ở đâu, lại biết cách làm cà rem, ông bày ra cho cả nhà làm. Ông mướn thợ hàn làm 50 chục cái khuông cà rem bằng tôn, rồi lấy tre chẻ mỏng bằng nửa chiếc đũa, lấy bột trộn với đường và bỏ màu vào. Thằng Tá giúp Ba, Má đổ bột và cắm cây tre vào khuông. Tất cả cà rem đem ngâm trong một cái thùng thiết chứa nước đá đã đập vụn có trộn muối trong 5 giờ thì có cà rem. Đem cà rem ra, nhúng lẹ vào nước rồi lắc nhè nhẹ rút cây cà rem ra, đem bỏ vào phích cho thằng Tá đi bán.

Cũng như những đứa trẻ khác, thằng Tá cũng được cha, mẹ cho cắp sách đến trường. Thằng Tá không biết giấc mơ của cha mẹ về nó như thế nào? Có phải là kỹ sư, bác sỹ gì không? Hay là học để biết chữ? Rồi cái nghề bán cà rem của nó không còn bởi vì cây trụ cột của nhà-Ba nó chết sớm. Phần thì thằng Tá mỗi ngày một lớn, và cái nghề làm cà rem dễ ợt nên nhiều người làm và làm càng ngon hơn cha nó, nên gia đình bỏ luôn. Thèm kem, người ta cứ tới ăn kem Phi Điệp, nhất là kem Flan không đâu ngon bằng.

Cứ thấy thành phố mỗi ngày một đông, buôn bán sầm uất, phố xá mỗi ngày một xây, thì người ta mới thấy cái chính quyền Cộng Hòa nó tốt đẹp làm sao! Ngay cả Ba, Má thằng Tá có cái nhà bị giải tỏa để làm quán cơm xã hôI, chính quyền Cộng Hòa đền cho hai lô đất ở đường Võ Tánh, Ông Bà không nhận vì

chê con đương Võ Tánh chỉ có đầy cát chớ không có đường, nên trông nó như con lươn bò giữa bãi cát. Con người Cộng Hòa mà: không ai tham lam cả! Ba nó cũng vậy thôi!

Bạn thằng Tá toàn là tụi học Nguyễn Huệ, Cường Để, Bồ Đề, Tân Bình, Nhân Thảo. Cái nền đệ nhất Cộng Hòa lập ra những cái trường này để tạo ra cái đội ngũ cán bộ có học hành, sau này đảm nhận những chức vụ quan trọng trong xã hội làm cho cái nền Cộng Hòa mỗi ngày một tốt đẹp hơn. Người ta thấy bắt đầu có ông Đốc Sự hành chánh, những ông Quận Trưởng, Quận Phó, Cảnh Sát Trưởng, Trưởng Ty. Đâu ngờ sau cái ngày đổi đời 30 tháng 4, một buổi sáng có gió đông bắc lạnh cắt da, dân Qui nhơn thấy một đoàn tù rách rưới, dài cả cây số đi dưới họng súng A.K, về hướng Gò Bồi đắp đê. Hoá ra các trường ở Qui Nhơn đã tạo ra những đoàn tù dài bất tận, trong đó có thằng Tá và những người bạn. Từ hướng đi ngược lại với đoàn tù, lại là đoàn tù khác, gồm có đàn ông, đàn bà, già trẻ, lớn bé gì cũng có. Họ bị cột tay cả xâu. Hỏi ra họ là tù vượt biên. Người ta cố nhìn trong đám tù binh, hay đám tù vượt biên có ông Tám Khùng hay không, nhưng không thấy. Ông Tám Khùng đời nào đi vượt biên, bởi vì vượt biên là bỏ người yêu ở lại, bó hoa chưa có người nhận. Thành phố- cũng gọi là Cộng Hòa- sao bây giờ có nhiều người cai trị quá, nhiều c ông an, cảnh sát qúa, trang bị súng đạn, dùi cui, roi điện đầy người. Xã hội mới cũng có cái tên Cộng Hòa, nhưng là cộng hòa mới. Đừng tưởng bở cái mới tốt hơn cái cũ nghe.

Một buổi trưa nắng chang chang, có mấy thằng công nhân xây dựng đang làm ở sân vận động Qui nhơn. Trong đám lao động đó có những thằng bạn của ông Tá làm quần quật như những tên nô lệ. Thằng nào cũng cái quần, cái áo lính Cộng Hòa rách tươm, mặt

mũi bẩn thiểu, thằng thì ngồi lê, ngồi lết dưới đất uốn những cây sắt sáu, thằng thì khiêng những tấm đanh, gát làm tam cấp- chỗ ngồi- cho sân vận động. Sân vận động mỗi ngày một cao, mỗi ngày một khó và nguy hiểm khi khiêng nhưng tấm đanh cement lên cao, trong khi phương tiện là những con người thường xuyên bị đói hành hạ. Sân vận động phải hoàn thành cuối năm để đoàn bóng đá Cuba anh em đến đá giao hữu. Thằng Di nói với mấy thằng bạn khiêng đanh:

- Tụi bay coi kìa, tụi nó mới treo cái khẩu hiệu đỏ lòm ở cổng đi vào: 30 năm có đảng, chấp cánh cho dân tộc ta bay.

- Tao còn thấy có cái câu khẩu hiệu: đảng như ánh sáng mặt trời.

- Thì ngày hôm qua Phạm Tuân bay lên mặt trăng chớ gì. Cán Bộ bảo mọi người ra ngước mắt lên trời mà xem Phạm Tuân bay.

- Dân tộc bay không biết trong đó có mầy không Di?

- Ngụy quân ai cho mầy bay.

- May quá, theo mầy thế là tao không được bay. Làm cái tấm đanh này chưa xong, cement dõm, không dính, sắt 6 nhỏ xíu lại còn ăn bớt, thế mà đảng muốn làm cánh cho dân tộc bay, thì chết thật.

- Thì đảng đâu có bay, chỉ có dân tộc bay, câu khẩu hiệu bay.

- Thằng nô lệ Bảo kia, mầy vô nói với Thủ trưởng có nhiều tấm đanh kích thước nhỏ hơn nên không thể gát lên được.

- Mầy Di, mầy gọi tụi tao là những thằng nô lệ, tụi tao đục mầy phù mỏ.

- Thì mầy là nô lệ, tao nói là nô lệ và tất cả dân

tộc này là nô lệ thì tao nói là nô lệ. Có nhiều cách để nhìn ra nô lệ. Đói khát và rách rưới là hai dấu hiệu nô lệ đầu tiên mày không thấy sao? Giàu có mà ác độc là chủ nô. Mày đòi đánh phù mỏ tao, mày không phải là nô lệ. Nô lệ và chủ nô không có nói chuyện một cách sòng phẳng như tao với mầy. Nô lệ có gì xấu đâu, tất cả, tất cả thành ra không có gì xấu hổ cả. Chỉ có con người làm ra nô lệ mới chó chết thôi. Tao biết bây giờ thằng Thủ trưởng đang ngồi nhậu. Mầy, Bảo, mầy vô ngồi cùng bàn, nhậu với thằng chủ nô, thì mầy đâu còn nô lệ nữa, nhưng mầy đáng xấu hổ hơn tao, mầy đáng xấu hổ hơn tao, mầy mập mà tụi tao ốm, mầy ăn mặc đẹp mà tụi tao rách rưới, mầy đạo đức giả trong lòng đầy nham hiểm.

Tao nói tụi mình là nô lệ cũng đúng thôi. Tụi mình xây cái sân vận động này khổ cực có khác gì tụi nô lệ thời La Mã xây cái Giác Đấu Trường cho tụi nô lệ đâm chém.

Thôi tụi mình nghỉ trưa nửa giờ đi, thằng Di nói. Tụi mình lại cái cây có bóng mát ngồi nghỉ. Tao thấy có cái xe bán cà rem đang rung chuông đàng kia, kêu lại tao bao. Thằng Di nói với thằng Bảo.

Một điều vô cùng ngạc nhiên đối với cả bọn là thằng bán cà rem lại là ông Tá, bạn của tụi nó. Tụi nó gặp nhau mừng muốn ôm nhau mà khóc. Một thời thơ ấu, hồn nhiên trở lại với tụi nó. Cả bọn đều thừa nhận: đời quả thật là bể dâu!

Để tao bao tụi bay. Ông Tá nói. Đi tù về tao không biết làm cái gì để sống, thuở nhỏ tao đi bán cà rem, học được ba tao cách làm cà rem nên tao làm cà rem để bán. Bây gìơ tao làm cà rem ngon hơn hồi xưa rất nhiều, ngon có thua gì cà rem Phi Điệp đâu.

Đang ăn cà rem, thì lại có người đàn bà mặc đồ cán

bộ đẩy một cái xe cà rem đến bán.

Thằng Di nói để tao tới mua một cây ăn thử, đề so sánh cà rem quốc doanh, của cái gọi là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghiã có hơn cà rem thằng Tá hay không.

- Này bà, bán cho một cây cà rem.

- Trông ông nôm nàm sao ấy, ông nàm gì ở lây.

Thằng Di nghe giọng nói biết bà cán bộ này ở ngoài Bắc vào, nên nói sổ sàng: Cũng gọi là kem nhưng kem quốc doanh có khác, dở hơn kem của ông kia. Ở cái thành phố Qui nhơn này trong thời còn cái Cộng Hòa cũ mà chúng tôi đã sống, dân làm cà rem ngon hơn cà rem của cái Cộng Hòa mới. Trong cái Cộng Hòa cũ, cái nghề bán cà rem dạo chỉ dành cho trẻ em nghèo khổ, bây giờ cái nghề này trong cái Cộng Hòa mới lại dành cho cán bộ lại làm sao? Tiền lời kinh doanh cà rem có đủ trả cho bà không? Bộ muốn quản ní luôn cơm của trẻ mồ côi hay sao?

- Hoan hô thằng Di đã quá khen kem của tao. Dưới thời Cộng Hòa mới, quả đất quay lùi.

- Tao bắt đầu bán cà rem 21 năm về trước, 21 năm về sau tao đi bán cà rem trở lại. Tao không già phải không? Ông Thần coi quản thời gian quên quay.

Ông Tá nói thật lớn với đám bạn bè: Ngày mai tao nghỉ bán cà rem, vì bán cà rem sẽ gây mâu thuẩn, cạnh tranh với bà cán bộ này. Tao sẽ đi đánh cá xa bờ, tao sẽ có những mẻ cá lớn, rồi tao sẽ giàu to.

Không biết đám bạn có hiểu những lời ông nói lúc đó không. Mãi đến khi gặp lại tụi nó hai hôm vừa rồi ở Westminster ông mới nói rõ: Ông đi vượt biên.

HOÀI ÂN

The Boomerang Portal

ANGELINE TRUONG

There once was a boy named Peter, he was short and had red hair. Peter was at the age of 10 though Peter didn't look 10 at all. He looked 8 years old. Peter lived in Tacos Town named after their founder Taco Angelo Supreme. Peter lived an average normal life; he played sports, video games, ate tacos..... but that was when the boomerang came into his life. It all started on a sunny 92 degrees Monday. It was a normal day for Peter until a new store called Dooms Day Top Shop opened that day. The shop looked very creepy like a haunted house; the manager was old, creepy and silent. When Peter walked in, the manager gave him a star then looked away. While Peter was looking around, something caught his eye. It was green with black strips with a notice on the back that said beware this was mystical power. Peter paid no attention to the writing and paid for it and left. When Peter got home and threw it then a portal to a different dimension when he stuck his head into it all, he saw only was beautiful thing tacos everywhere there was taco building, houses, and taco cars with little taco people everywhere they looked so good to eat. He walked in the the portal, but then he got stuck and the portal closed, and he was stuck there forever so he started to run around crazily and tripped on a rock, then woke up and he was in his bed. Then Peters mom came in saying he was knocked out on the grass but he thought it was real. The next day he flings the boomerang and it was all real and the Taco Mayor said in hand signals cause he only speaks taco language and he told then that he tripped on a rock from running. The Mayor said in hand signals that they took Peter back to Earth by saying the magic words I love tacos, then the portal will open and the Mayor said he could visit any time but throw the boomerang and say the password I love tacos.

ANGELINE TRUONG

THE CONCEPT OF ATTACHMENT THEORY IN CONJUNCTION WITH OBJECT RELATIONS

ARIANA T. UYEHARA

The centralized theme behind attachment theory emphasizes upon the notion of bonding that develops between an infant and its primary caretaker. The connection created is characterized by interaction patterns between both individuals; this is imperative in terms of fulfilling the infant' needs as well as encouraging healthy emotional development. John Bowlby, a British psychologist, psychiatrist and psychoanalyst, is considered the main contributor and creator in the notion of attachment formation between both infant and caregiver. Bowlby's research consisted of attachment in relation to impacting one's behavior; in a broad sense, children who form a secure attachment with caregivers were more likely to survive into adulthood. This form of survival is understood as a protective factor against psychopathology development. The presence of having an attachment with a primary caretaker, can be compared to supplying one with basic needs, such as food. Originally, the development of attachment theory was used as a framework where the concept of abnormal and normal attachments can be viewed and understood. Within the concept of attachment, a bond or tie between the child and its caretaker is likely to be asymmetric. Once an attachment is developed between infant and caregiver, their main priority is to seek safety and protection; this is why they attach to others instinctively. Infants will be more inclined to form attachments with any caregiver who is consistent, sensitive and responsive in social interactions to their

needs. Although it is typical for the primary figure to be a biological mother, this role can be filled by anybody who behaves in a mothering way, over a consistent time period. For example, attachment theory posits the mother as the primary caretaker, however, fathers or any other caretakers who provide a substantial amount of childcare and related social interaction on a regular basis, may also be considered principal attachment figure.

As mentioned previously, during the initial phase, infants become attached to caretakers who are responsive and sensitive, and consistent in caretaking. Within this period of time, the child's behavior towards the caregiver becomes organized on a goal directed basis in order to achieve the conditions that make it feel secure. Overtime, as the development of locomotion comes into place, as the infant will not only find the adult as an attachment figure but also a secure base to which they can explore from and eventually return to as well. Parental responses to the infant are imperative during this time period, as it eventually leads to the development of attachment patterns and in the long run, affect internal working models which influence the individual's thoughts, feelings and views in future relationships.

The concepts pertaining to attachment theory follow to a set of observable human behaviors that include: adaptiveness among human attachment behaviors, critical periods, robustness of development, experience as essential factor in the formulation of attachment, monotropy, social interactions as a cause of attachment, individual internal working models, occurrence of transactional processes, consequences of disruption, and developmental changes overtime.

Within the concept of adaptiveness, human attachment behaviors and emotions are seen to be common and adaptive; that is, selection of social behavior has evolved overtime to make individual or group survival more likely. This can be seen in attachment theory when toddlers stay near people they are familiar with for security. Bowlby considered this as a form of proximity seeking among infants towards attachment figures in the face of threat as a "set goal" within the attachment behavioral system. Ones capacity to sense potential dangerous conditions such as being unfamiliar or alone can activate the attachment behavioral system, which then causes the individual to seek proximity to their primary caretakers.

Furthermore, there is a critical period when changes in attachment take place, such as when the infant prefers a caregiver who is familiar over strangers; this period is likely to occur between the ages of 6 months, 2 years, 3 years. Although there exists a highly desirable selective attachment time frame, the length of time is noted to be broad and changes may not always be fixed or unchangeable. The attachment system among infants are seen as robust and the formation of bonds are considered to be easily developed. During the first months of living, infants have no preference for whom they form connections (i.e. biological parents versus strangers). However, over a period of time, inclinations for particular individuals are created based upon the behaviors which cater to the infant's needs. Initially, children have more than one person whom they direct their attachment behavior, each figure not considered to be treated alike.Over a span of time, a strong bias for attachment is directed towards one particular person, as the term monotropy is used to describe this bias of attachment. Despite the concept of attachment being

imperative to an infant's basic functional need (i.e. food), feeding and relief of pain are not considered the basis of attachment formations. The notion of a caregiver being sensitive and responsive to the infants needs, play a larger role in the formation of attachments. These early experiences with caregivers create a system of beliefs, memories, views, behaviors, etc. about one's self and others, also referred to as internal working models. As the system continues to develop over time, this enables the individual to deal with new types of social interactions. Internal working models are viewed as important aspects of attachment theory because they help the child differentiate among certain situations that they experience in life. Examples of internal working models include a child being able to distinguish how an infant should be treated differently when compared to an older child.

Attachment behaviors transform not only in relation to the aging process but also in ways shaped by relationships. A child's behavior when reuniting with a caregiver after a period of separation is determined by how the child was treated by the caregiver prior to the disconnection, as well as the history of effects the child had on the caregiver in the past. It is considered universal among babies to be faced with distress when separated from their primary caretakers. This pattern of distress can be seen as an initial protest, followed by despair and eventually, detachment and is commonly referred to as "separation anxiety"; a natural response among infants whom are attached to their caretakers. As the infant continues to develop, specific attachment behaviors once exhibited in infancy change overtime with age, as this is partly due to experience and situational factors.

Overall, the concept of attachment theory emphasizes on the different interpersonal styles that are ingrained in ones psyche through a child's prolonged interaction with their caregivers. These interpersonal styles not only shape how they view the world, but also influences their response towards their peers. According to Bowlby, certain schemas are created by children and are tailored specifically to maintain proximity to identifiable figures. In conjunction to the schemas created by children, the concept different child rearing styles influences the formation of certain attachment styles. Overtime, this attachment style is essentially used as a mechanism for negotiating social environments. The individual essentially act out self fulfilling prophesies as they elicit certain responses from peers that are similar throughout interpersonal relationships. These responses then reinforce the working model within the individual until it eventually becomes ingrained within the structure of the individual's personality. Details behind this concept will be further elaborated within subsequent sections regarding the notion of individual object relations. Thus, the importance of maintaining healthy, normal attachment styles may reduce the likelihood of an individual to experience certain psychopathologies.

Many of Bowlby's early formulations regarding the importance of emotional connections as a form of survival, the concept of working models and the notion of continuous development in children, were expanded upon by the research conducted by psychologist, Mary Ainsworth. Her research study known as the "Strange Situation", revealed the effects of attachment on an individual's behavior when separated from their mothers for a temporary period of time. The research was conducted among infants between the ages of 12-18 months, and identified different styles of attachment

or attachment patterns that infants maintained with their primary attachment figure. Based upon Ainsworth's work, three major styles of attachment were described: secure attachment, anxious-ambivalent attachment, and avoidant attachment. A later discovery of a fourth attachment style known as disorganized-insecure attachment was integrated subsequently. Infants who displayed a pattern of secure attachment towards their mother, were found to protest during times of departure. However upon their return, the infant found comfort and exhibited signs of warmth towards their caregiver, as they continued with their exploration. Patterns of anxious-ambivalent attachment, were seen when children exhibited signs of intense distress and were very distraught and protested during the time of their mothers departure. Upon their return, these children are found to be continuously distressed, even when they longed to be held for comfort. Characteristics of children who form an avoidant attachment tend to show avoidance towards caretakers. It was found that little or no distress was visible upon the departure of the caretaker, in addition to their return. This attachment style is seen as a mechanism of maintaining proximity from caretakers who may otherwise reject the infant. When given a choice between the preference of a caretaker or stranger, there appears to be none (Ainsworth, 972).

Finally, children with disorganized-insecure attachment demonstrate a confusing mixture of behavior and appear to be either disoriented, confused, etc. It was noted that children who display this form of attachment may either attempt to avoid or resist their caretaker.

Although both avoidant and anxious ambivalent children maintain a level of success in fulfilling their needs for care, this may be partially achieved through levels

of cognitive distortions. For example, a splitting defense mechanism may be exhibited to maintain attachment towards a caretaker who is either rejecting or abusive. Through the use of splitting, positive parental images are within ones conscious awareness as negative beliefs are out of one's conscious and are either internalized--where the child views themselves as the issue (in contrast to the idea of their caretakers lack of care for the situation) or attributed to something else. Thus, this form of defense mechanism allows infants to feel value and protected by caretakers even in light of negative situations.

As previously mentioned, the behavior of parents towards their children relate to the type of attachment style likely to be developed, as these styles of attachment begin to manifest once internalized within. As self fulfilling prophesies are enacted, this fosters the belief of the child's perception, thoughts and belief of the world and those around them. As the individuals development progresses, cognitive frameworks are then built upon these working models and seep into their interpersonal relationships with others. (Shorey, 3)

Overall, the study conducted by Mary Ainsworth not only supplied additional data to Bowlby's early formulations, but also demonstrated the importance of forming secure attachments during an early time period. It was noted that those who failed to form secure attachments early on, can face negative impacts within their childhood as this progresses into their adult years. Although adulthood attachment styles are not of the same nature as those seen within infancy, it is indicated that these initial attachment styles can impact future interpersonal relationships (i.e. intimate relationships) (Bretherton, 770).

Those who have been deprived a healthy attachment or opportunity to form a relationship with a caregiver (i.e. frequent changes in caregivers, extreme deficits in appropriate parenting),can experience a lack of attachment behavior, as this increases ones likelihood of developing maladaptive internal object relations in conjunction (Belsky, 790).

Object Relations

Although many contributions have been made by various theorists (i.e. Melanie Klein, William Ronald Fairbairn, Donald Winnicott, etc.) toward the development of object relations concepts, the main notion behind the this concept pertains to the early interpersonal relationships formed between caretaker and infant. The idea behind object relations formation is imperative in influencing the child's personality development within the future.

Object relations theory suggests the formation of the infant psyche based upon their interactions with part objects and the functions that they serve. Objects in this case are considered symbolic of either part of an individual or their entire being. As these interactions are experienced, not only does the infant understand what the caretaker is like, but generalizations of people are constructed as well. In this sense, the infant begins to learn and understand how to interact with their surroundings to have their needs met in the most efficient manner. As experiences of interactions are created between infant and caretaker, they can either be considered pleasant or unpleasant interactions. In a broad sense, an interaction between both individuals is considered pleasant when the infant's needs are met, as they consider the caretaker to be a good object. In contrast, when the infant's needs are not met, the

caretaker is considered a bad object and the interaction is deemed unpleasant. During a certain time frame when the infant begins to develop self-awareness, their perception of the good and bad object is eventually internalized, as they become a projection of the good and bad self. When an infant experiences a caretaker who does not satisfy their needs, not only is the caretaker thought of as a bad object, but the idea of the bad self is then activated within their mind. The perception of oneself created in this case may manifest as not feeling worthy of the love and care that is needed. On the other hand, if the caretaker is capable to adhering to the needs of the infant, the concept of good self is then activated as they feel worthy and cared for by others. The concept of good and bad self is imperative due to its impact on an individual's psyche, even throughout their adulthood years. For example, individuals who had received many good self-experience during their stages of infancy and childhood are more likely to develop a secure sense of self in life and are less likely to be anxious.Those whom encounter many bad self-experiences may experience splitting as mentioned prior. Individuals whom experience a significant amount of splitting may create two very separate views of themselves that are not integrated together into one individual. Although it is considered normal for an individual to undergo splitting, since there is no childhood experience to be considered flawless, the more splitting that an individual experiencesrelates to the extremity of mood swings experienced later in life. As a result of the self-perceptions created in oneỐs early years, this dictates one's interpersonal behavior patterns created later in life to meet certain needs. Individuals whom experience caretakers who are neglectful may develop the belief that they are not cared for by others

and are more likely to develop behavior patterns of being cold and neglectful towards their peers to fend for themselves. The underlying belief might include the individual perceiving themselves as not being worthy unless they are capable of taking care of their own needs. At this point, the past relationship between the infant and caretaker has become internalized, as the person feel that they have a standard they must live up to in their minds(the external object has now become internalized). Individuals who received abuse in the past may believe that they are victims that are likely to be taken advantage of by others, and are more inclined to develop behavior patterns of being aggressive or manipulative towards others to have their needs met. In contrast, those whom received care and love from caretakers in their past relationships are likely to develop beliefs that people are good and caring, as they have a tendency to create secure relationships with others. Moreover, they are likely to develop interpersonal behavior patterns of being caring and loving toward their peers. The underlying belief in this case, may include the individual feeling worthy of love and are comfortable with themselves as a person (Lopez, 250).

In conclusion, the concept of attachment theory overlaps extensively with different research findings, such as Mary Ainsworth study of the "Strange Situation". In turn, these concepts work in conjunction with the theory of object relations as well, in defining the formation of personality and psyche development influenced by early interpersonal relationships with ones caretaker.

The concepts of attachment theory and object relations are almost always found to be integrated within psychotherapy; it is imperative to understand the concept of attachment processes when working

with clients to gain a richer perspective upon current situations.

References

Ainsworth, M. D. S. (1968). Object relations, dependency, and attachment: A theoretical review of the infantỜmother relationship. *Child Development*, 40, 969-1025.

Ainsworth, M. D. S., & Bell, S. M. (1970). Attachment, exploration, and separation: Illustrated by the behavior of one-year-olds in a strange situation. *Child Development*, 41, 49-67.

Belsky, J., & Rovine, M. J. (1987). Temperament and attachmentsecurity in the Strange Situation: An empirical rapprochement. *Child Development,* 58, 787-795.

Blizard, R. A., & Bluhm, A. M. (1994). Attachment to the abuser: Integrating object-relations and trauma theories in treatment of abuse survivors. Psychotherapy: *Theory, Research, Practice, Training*, 31(3), 383-390. doi:10.1037/0033-3204.31.3.383

Bretherton, I. (1992). The origins of attachment theory: John Bowlby and Mary Ainsworth. *Developmental Psychology*, 28(5), 759-775. doi:10.1037/0012-1649.28.5.759

Lopez, F. G., Siffert, K. J., Thorne, B., Schoenecker, S., Castleberry, E., & Chaliman, R. (2013). Probing the relationship between self-object needs and adult attachment orientations. *Psychoanalytic Psychology*, 30(2), 247-263. doi:10.1037/a0032514

Shorey, H.S., & Snyder, C.R. (2006). The role of adult attachment styles in psychopathology and psychotherapy outcomes. *Review of General Psychology*, 10(1), 1-20. doi: 10.1037/1089-2680.10.1.1 ▼

General Renal Physiology

AMANDA TRUONG UYEHARA

The nephron is the main functioning unit of the kidney, consisting of a glomerulus and a network of tubules lined by epithelial cells. The glomerulus is composed of a tuft of capillaries enclosed by the Bowman's capsule that functions to filter water and solutes from the blood into the tubular component of the nephron to be converted to urine. Generally, formation of urine involves: glomerular filtration, tubular reabsorption, and tubular secretion (Sherwood, 2007). In short, any substance that is filtered or secreted, but not reabsorbed is excreted in the urine, while any substance filtered and subsequently reabsorbed (or not filtered at all) enters the venous blood and returns back into the systemic circulation. The glomerular membrane is made up of three unique layers that act as a fine sieve to retain blood cells and plasma proteins during filtration, while allowing for water and solutes to filter through (Sherwood, 2007). Thus, unfiltered systemic blood passes through all three of these layers during filtration to form an ultrafiltrate (Nlems, 2011) with similar composition to blood. Contents of this ultrafiltrate are collected by the BowmanỐs capsule and selectively reabsorbed (e.g. glucose, amino acids, minerals, water) or secreted (e.g. water, Na2+) as they pass down the tubules during the second phase of urine production. The filtration of blood by the glomerulus is driven passively by the principle forces of fluid dynamics. The physical forces involved in glomerular filtration are: glomerular capillary blood pressure, plasma colloid osmotic pressure, and

Bowman's capsule hydrostatic pressure (Sherwood, 2007). On average, 20-25% of the cardiac output is received by the kidney, despite the kidneys composing less that 1% of total body weight (Sherwood, 2007). The majority of blood flowing through the kidneys does not actually function to supply renal tissue, but to be adjusted and purified of metabolic wastes instead. The glomerular filtration rate (GFR), the volume of fluid filtered from the glomerular capillaries into the Bowman's capsule per unit time, is dependent on both the net filtration pressure and the filtration coefficient (Kf). This is depicted by the equation:

GFR = net filtration pressure x Kf

Because the net filtration pressure is the net difference of the opposing forces between the glomerular capillary plasma and Bowman's capsule fluid, changes in glomerular capillary blood pressure will affect the GFR. Hence, it is essential for glomerular blood flow to be consistently maintained at a constant level.

Regulation of GFR

GFR is controlled by both autoregulation via intrinsic regulatory mechanisms and through extrinsic sympathetic control. In general, autoregulation of the GFR aims at preventing spontaneous changes in GFR to insulate renal function from any variations in blood pressure, while protecting the glomerular capillaries from potential barotrauma (Rodger Loutzenhiser, 2002). Because arterial blood pressure provides the necessary force to drive blood into the glomerulus, the glomerular capillary blood pressure, and hence GFR, would increase proportionally with an increase in arterial pressure, assuming all other parameters remain constant.

There are two intrarenal mechanisms that mediate the autoregulation of GFR: a myogenic mechanism

(fast response) and tubuloglomerular feedback (slow response). Because two or more systems operating in parallel with appropriate parameters provides both high gain and stability, the myogenic and tubuloglomerular feedback systems work together to ensure overall effectiveness of autoregulation, keeping the mean arterial blood pressure range between 80-180mm Hg (Sherwood, 2007; Braam, 2007). The myogenic response during GFR autoregulation involves active contraction of vascular smooth muscle elicited by the stretch accompanying an increase in the transmural pressure (Braam, 2007). It is suggested that the main function of a myogenic response is to protect the glomerulus from the blood pressure power normally present at the normal pulse frequency (Rodger Loutzenhiser, 2002). The stretching of the afferent arteriole results in automatic constriction in response. Despite an increased arterial pressure, constriction of the arteriole limits blood flow to the glomerulus and returning the glomerular capillary blood pressure, and hence GFR, back to normal. Conversely, when pressure within the afferent arteriole is reduced, vasodilation of the unstretched vessel increases blood flow into the glomerulus to increase the GFR (Sherwood, 2007).

On the other hand, the tubuloglomerular feedback (TGF) mechanism is a slow response that entails a signal derived from the early distal tubule (Rodger Loutzenhiser, 2002). The system involves the juxtaglomerular apparatus, consisting of specialized vascular cells (the granular ells) and specialized tubular cells (the macula densa). A flow-dependent signal is sensed at the macula densa and alters the tone in the adjacent segment of the afferent arteriole via a mechanism that remains controversial, but most likely involves adenosine and/or ATP (Braam, 2007). By means of the TGF mechanism,

the tubule of a nephron is capable of monitoring salt levels of the fluid flowing through it, thus regulating the rate of filtration to maintain constant delivery of early distal tubular fluid and salt. When GFR is increased (secondary to an elevation in arterial pressure), more fluid is filtered and flows through the distal tubule. The macula densa cells, which can detect changes in the salt level of the fluid flowing past, responds to the rise in salt concentration delivered to the distal tubule by releasing adenosine (Braam, 2007). Adenosine acts as a paracrine on the adjacent afferent arteriole, causing it to constrict and consequently reduce glomerular blood flow in order to return the GFR to normal. Accordingly, when a decrease in sodium flows through the distal tubule due to a decline in GFR resulting from a fall in arterial pressure, the macula densa cells release less adenosine. As a result, vasodilation of the afferent arteriolar vasodilation increases GFR, restoring levels to normal. Although autoregulation significantly blunts the direct effects of inappropriate changes in arterial pressure on GFR, and subsequently water, solute, and waste excretions, it still has its limitations. When changes in mean arterial pressure fall outside the autoregulatory range (<80mm Hg or >180mm Hg), mygogenic and TGF feedback mechanisms cannot compensate for these dramatic changes directly. In effect, the glomerular capillary pressure and GFR decreases or increases in proportion to the change in arterial pressure.

In contrast to autoregulatory mechanisms, extrinsic sympathetic control of GFR aims at long-term regulation of arterial blood pressure. Mediated by sympathetic nervous system input to the afferent arterioles, the extrinsic control mechanism is able to override the autoregulatory responses in order to change GFR intentionally, regardless if the mean arterial blood

pressure is within the autoregulatory range. The parasympathetic nervous system does not exert any input on the kidneys (Sherwood, 2007). Sympathetic nerve fibers involved in extrinsic regulation innervate all blood vessels of the kidney. During normal daily activities, they exert little influence on GFR regulation. However, during periods of extreme blood loss (hypovolemia) or stress, sympathetic stimulation overrules autoregulatory mechanisms (Schrier, 2006). A fall in arterial blood pressure resulting from hypovolemia is detected by the arterial carotid sinus and aortic arc baroreceptors, initiating neural reflexes coordinated by the cardiovascular control center located within the brain stem and mediated through increased sympathetic activity to the heart and blood vessels (Sherwood, 2007). This increase in sympathetic discharge results in intense constriction of all renal blood vessels that increases both cardiac output and total peripheral resistance to help raise blood pressure towards normal. Despite having achieved normalized blood pressure, plasma volume remains reduced and must be returned to normal over time. This can be compensated through reduction of urine output to conserve fluids within the body via reduction of GFR. Reduction of GFR is attained through the action of the baroreceptor reflex. When the afferent arterioles supplying blood the glomerulus constricts in response to increased sympathetic activity, less blood flows into the glomerulus than normal. This reduces the glomerular capillary blood pressure, and in turn, decreases GFR and urine volume. Conversely, when blood pressure is elevated (e.g. during excessive liquid consumption), an opposite response occurs. The baroreceptors detect a rise in blood pressure and sympathetic vasoconstrictor activity to the arterioles is reduced, allowing for afferent arteriolar vasodilation to

occur. Consequently, increased blood flow into the glomeruli through dilated afferent arterioles increases the glomerular capillary blood pressure and GFR. As more fluid is filtered by the glomeruli, cardiac output increases accordingly. In addition, hormonally reduced tubular reabsorption of water and salt also increases urine volume to eliminate excess fluids from the body.

In addition to net filtration pressure, the rate of glomerular filtration also depends on the filtration coefficient (Kf). Kf normally does not change, except in disease cases in which the glomerular membrane becomes leakier than normal and under physiologic control (Sherwood, 2007). Because Kf depends on both the surface area and permeability of the glomerular membrane, Kf can be modified by contractile activity within the membrane.

Tubular Reabsorption

During filtration, the glomerular capillaries indiscriminately filter all plasma constituents together, except proteins. The resulting filtered fluid contains waste products and excess materials to be eliminated, as well as nutrients, electrolytes, and other vital substances. Thus, upon glomerular filtration, essential materials found in the glomerular filtrate are returned to the systemic circulation by tubular reabsorption, a highly selective process. Typically 124mL/min of the 125mL/min filtrate is reabsorbed: 99% filtered water, 100% filter glucose, and 99.5% filtered salt (Sherwood, 2007). During tubular reabsorption, the reabsorbed substances are discretely transferred from the tubular lumen into the peritubular capillaries, while metabolic wastes remain in the tubules to be excreted in the urine. These tubules have high reabsorptive capacity for substances needed by the body and little to no reabsorptive

capacity for substances of no value. In general, the quantity of each reabsorbed substance is equivalent to the amount necessary to maintain proper composition and volume of the internal fluid environment. Thus, absorptive capacity may vary depending on the body's needs. Two types of tubular reaborption can occur during urine formation: passive and active reabsorption. These mechanisms differ in their dependency for local energy expenditure during the reabsorption process. During passive reabsorption, no energy is required for the substance's net movement down electrochemical or osmotic gradients throughout all steps of transepithelial transport. Contrarily, active reabsorption occurs when any one of the steps in the transepithelial transport of a substance requires energy expenditure. This type of transport is necessary when the net movement of a substance from the tubular lumen to the plasma is against the electrochemical gradient. Substances that commonly require active transport include: electrolytes (e.g. Na+, PO43-) and organic nutrients (e.g. glucose, amino acids).

Sodium Reabsorption

99.5% of Na+ is reabsorbed during the tubular reabsorption stage of urine production at varying extents throughout different regions of the tubule (except at the descending limb of the loop of Henle). On average, 67% of Na+ is reabsorbed in the proximal tubule, 25% in the loop of Henle, and 8% in the distal and collecting tubules (Sherwood, 2007). Within each of these segments, sodium reabsorption plays unique roles: in the proximal tubules, sodium reabsorption is important in reabsorbing glucose, amino acids, water, Cl-, and urea; reabsorption at the ascending limb of the loop of Henle influences the kidney's ability to

concentrate urine; in the distal and collecting tubules, Na+ reabsorption impacts the regulation of ECF volume and K+ and H+ secretion.

Hormonal control of Na+ reabsorption occurs in the distal and collecting tubes via the action of the renin-angiotensin-aldosterone system (RAAS), a hormonal system acting in a negative-feedback fashion via a complex series of events (Nlems, 2011). The RAAS mechanism regulates Na+ through aldosterone, a hormone secreted by the adrenal cortex. Aldosterone functions to increase Na+ reabsorption by synthesizing additional Na+ channels into the luminal membranes and additional Na+-K+ ATPase carriers into the basolateral membranes of the distal and collecting tubular cells. As a result, an increased passive inward flux of Na+ into the tubular cells from the lumen and increased active pumping of Na+ out of the cells into the plasma causes an increase in Na+ reabsorption. Thus, the more aldosterone secreted, the less sodium is excreted in the urine. Control of aldosterone secretion involves the enzymatic hormone renin, and angiotensin. In response to reduced NaCl, ECF volume, and arterial blood pressure levels, renin is secreted by the granular cells of the juxtaglomerular apparatus. In turn, renin acts as an enzyme to activate angiotensinogen, a plasma protein synthesized by the liver that is always present at high concentrations in the plasma, into angiotensin I. Upon passing through the lungs via the pulmonary circulation, angiotensin I is subsequently converted into angiotensin II by angiotensin converting enzyme (ACE) produced in the lungs. Finally, Angiotensin II stimulates the adrenal cortex to secrete aldosterone, stimulating Na+ reabsorption by the kidneys. In effect, the retention of Na+ exerts an osmotic effect that promotes water retention in the ECF, resulting in a rise in arterial blood

pressure. Thus, RAAS is important for long-term control of arterial blood pressure. In addition to stimulating aldosterone secretion, angiotensin II also exerts multiple effects to help normalize NaCl, ECF volume, and blood pressureỞit can stimulate thirst, vasopressin, and vasoconstriction of systemic arterioles. Through these series of events, the RAAS pathway is able rectify the stimuli triggering the initial release of renin, specifically, salt depletion, plasma volume reduction, and decreased arterial blood pressure.

Urine Excretion and Clearance

Because physiologically useful substances are conserved by the urinary system via reabsorption, they do not appear in the urine. As a result, urine contains high concentrations of various metabolic waste products, in addition to any excess quantities of essential materials. Through the excretion of substances in the urine, the kidneys are capable of clearing the plasma of any wastes. Thus, plasma clearance is defined as the volume of plasma completely cleared of a particular substance by the kidneys per minute (Sherwood, 2007). Plasma clearance is an important measurement that expresses the kidneys's effectiveness in removing various substances from the blood, with varying clearance values depending on how the kidneys handle each substance. Thus, its measurement is more clinically useful as compared to the actual volume of waste removed in the urine (Schrier, 2006). For any particular plasma constituent, its plasma clearance is can be calculated as:

Substance urine concentration (mg/mL) x urine flow rate (mL/min)

Clearance rate (mL/min) = substance plasma concentration (mg/mL)

It is assumed that the plasma constituent is neither reabsorbed nor secreted, but rather filtered freely by the glomerulus (Fesler, 2011), and thus, its plasma clearance rate is equivalent to the GFR. However, if a substance is filtered and reabsorbed, but not secreted, its clearance rate is always less than the GFR. Alternately, if a substance is filtered and secreted, but not reabsorbed, its clearance rate is always greater than the GFR.

The GFR is considered the most important single index of renal function, thus, the search for a simple, yet reliable, approach for its measurements have been a common topic of study. Because GFR cannot be directly measured, clearance rates are extremely useful for indirectly estimating the GFR. To meet GFR estimator requirements, substances used must be filtered by the nephron and neither absorbed, excreted, or metabolized by the nephron. Both inulin and creatinine have posed as ideal filtration markers used to estimate GFR by clinicians (Hilton, 1969; Fesler, 2011). Inulin, a polysaccharide produced by various plant species, is neither secreted nor reabsorbed in any appreciable amount at the nephron, thus allowing for GFR to be calculated, rather than total renal filtration. To have its plasma clearance assessed, it is injected into the subject, which is eventually cleared from the plasma through glomerular filtration. Although inulin plasma clearance is fairly accurate and straightforward, it has its drawbacks. Because it must be injected and continuously infused throughout the assessment to maintain a constant plasma concentration, it poses as an inconvenient method of estimating GFR (Hilton, 1969). Creatinine, a byproduct of muscle metabolism, is an endogenous substance that is commonly used, instead, to roughly estimate the GFR. Since it is produced at a fairly constant rate, it acts as a more convenient

means of measuring GFR. However, although it is free filtered and not reabsorbed, it is slightly secreted by the proximal tubules and slightly overestimates the GFR (10-20%) (Fesler, 2011).

Fluid Balance and Urine Concentration

Regulation of ECF volume and ECF osmolarity are important for the maintenance of fluid balance in the body. The kidneys are capable of excreting urine of varying concentrations depending on the body's state of hydration. At normal fluid balance and solute concentration, the body fluids are considered isotonic with an osmolarity of 300mosm/L. Alternately, if there is an excess of water present relative to the solute load, the body fluids become too dilute and considered hypotonic (>300msm/L), while a water deficit relative to the solute load is too concentrated an d is hypertonic (<300mosm/L) (Sherwood, 2007). The unique anatomical arrangements and complex functional interactions between various nephron components in the renal medulla establishes a vertical osmotic gradient that enables the kidneys to produce urine with different ranges of concentration (100-1200mosm/L) via a medullary countercurrent system. The loop of Henle is composed of three distinct regions: the thin-walled descending limb, the thin-walled lower portion of the ascending limb, and the thick-walled upper portion of the ascending limb (Lote, 2000). The loop of Henle is arranged within the kidney such that both the long loops of Henle and the vasa recta of juxamedullary nephrons flow countercurrently, since the flow in the two loosely adjacent limbs of the loop moves in opposite directions. This functional organization, along with the permeability and transport characteristics of each tubular segment allows for production of urine at varying concentrations.

In general, the juxtamedullary nephrons's long loops of Henle establishes the vertical osmotic gradient via countercurrent multiplication, while their vasa recta preserves the gradient and the collecting ducts use the gradient.

Immediately upon filtration, uncontrolled osmotic reabsorption of filter water occurs in the proximal tubule secondary to active Na+ reabsorption. The fluid entering the loop of Henle is isotonic because 65% of the filtrate have been reabsorbed upon reaching the end of the proximal tubule, with 35% still remaining in the tubular lumen with the same osmolarity as body fluids. In addition, 15% of filtered water is obligatorily reabsorbed from the loop of Henle to establish and maintain the osmotic gradient. For water absorption to occur across any segment of the tubule, two requirements must be met: an osmotic gradient must exist across the tubule and the tubular segment must be permeable to water. The descending limb of the loop is highly permeable to water, but almost completely impermeable to solutes. As the filtrate travels down the descending loop, water flows from the loop into surrounding medium to be absorbed via osmosis, while solutes remain within the lumen. As the passive movement of water occurs down the descending limb, Na+ and Cl- becomes more concentrated within the lumen, until the osmolarities of the fluid in the descending limb and interstitial fluid becomes equilibrated. Thus, when the filtrate reaches the hairpin turn, it is isotonic with the surrounding medium. In contrast, the lower portion of the ascending branch of the loop of Henle is highly permeable to Na+ and Cl-, moderately permeable to urea, and almost completely impermeable to water. As a result, as the filtrate moves up the ascending limb into the less concentrated regions of the medulla, Na+ and Cl- passively diffuses across

the membrane. When the filtrate continues up the thicker upper portion of the ascending limb, Na and Cl are actively pumped out of the filtrate surrounding the lumen, maintaining the osmotic concentration gradient in the medulla. Thus, NaCl is concentrated in the medulla. It is due to the properties of these two transport systems that set up a concentration difference of NaCl along the length of the loop, with the highest concentrations at the bottom and the lowest concentration at the top. This mechanism of concentrating the filtrate fourfold down the descending limb, then progressively diluting the fluid up the ascending limb until it leaves at one third the concentration offers two benefits's the first is to establish a vertical osmotic gradient in the medullary interstitial fluid, which is, in turn, used by the collecting ducts to concentrate the tubular fluid such that a urine more concentrated than normal body fluids can be produced and excreted. Secondly, the kidneys are also able to excrete urine more dilute than normal body fluids due to the fact that the filtrate is hypotonic upon entering the distal parts of the tubule. Concentration of the urine can be clinically estimated by measuring the specific gravity of the urine. The specific gravity of a solution is defined as the weight of a given volume of the solution compared to that of an equal volume of distilled water (Rose, 1987). In normal urine, the specific gravity varies in a predictable fashion with the osmolality. In contrast to osmolality, which is solely dependent on the number of particles in the solution, specific gravity is proportional to both the number and weight of the particles present. The concentration of water is used as the reference for specific gravity, with a value of 1.00. This value will rise with each addition solute (Rose, 1987).

Upon obligatory water reabsorption from the proximal

tubule and the loop of Henle, 20% of the remaining filtered water in the lumen enters the distal and collecting tubules for variable reabsorption influenced by hormonal control (Sherwood, 2007). Because the distal and collecting tubules are impermeable to water, presence of vasopressin (or antidiuretic hormone) must be present. Vasopressin, secreted by the pituitary gland, functions to increase the permeability of the distal and collecting tubules to water, consequently controlling absorption of water through the tubular cells of the collecting duct walls. When vasopressin is secreted, more water is able to pass through the duct walls. Conversely, when no vasopressin is present, water cannot pass. Through a negative feedback mechanism, regulation of water reabsorption by vasopressin secretion in the final tubular segments occurs. Vasopressin secretion is stimulated by a water deficit when the ECF is too concentrated (hypertonic), while vasopressin secretion is inhibited by excess of water when the ECF is too dilute (hypotonic), allowing for surplus water to be eliminated in urine. Durinng times of dieresis, vasopressin promotes antidiuresis by reducing urine flow rate and producing hypertonic urine. Concentration of solutes in the blood is detected by osmoreceptors located in the hypothalamus of the brain, with nerve endings located in the posterior pituitary gland. Thus, vasopressin plays an important role in regulating ECF osmolarity via control of water balance by promoting water conservation or excess elimination relative to water deficiency and excess.

Variable Intake Effects on Fluid Balance

During isotonic fluid gain, such as ingestion of isotonic saline solution as conducted in this experiment, ECF volume increase without changing the concentration, hence osmolarity, of ECF solutes. Because the ECF

and ICF remain in osmotic equilibrium, no net fluid shift occurs between the two compartments and no net movement of water into or out of the cell occurs. As a result, the increase of ECF volume without change in plasma osmolarity during consumption of isotonic solution would increase GFR due to the inhibition of renin secretion, leading to increase urine output and sodium in proportion to the amount of solution ingested. In addition, decrease of sympathetic vasoconstrictor activity due to increased blood volume, and subsequently blood pressure, would also increase blood flow through the afferent arterioles, increasing the GFR. Thus, upon initial ingestion of the solution, urine flow rate and sodium output would increase, but will slowly decline over time without continual ingestion of fluid.

Hypotonicity associated with rapid ingestion of water can lead to hypotonicity, such that the kidneys are unable to eliminate the excess water quickly enough.

Acid-Base Regulation

Because fluctuations in [H+] can alter nerve, enzyme, and K+ activity, only a narrow pH range is compatible with life, thus, careful regulation of plasma pH is crucial. The arterial pH of blood is approximately 7.45, while the pH of venous blood is slightly more acidic (7.35) due to formation of H2CO3 from CO2 (Sherwood, 2007). H+ are derived from various sources within the body: carbonic acid formation, inorganic byproducts from nutrient metabolism, and organic acid byproducts from intermediary metabolism. To help maintain acid-base homeostasis, the kidneys adjust their rate of H+ excretion depending on the plasma [H+] or [CO2]. When the [H+] of the plasma passing through the peritubular capillaries is elevated above normal levels, the tubular cells respond by secreting increased amounts of H+

from the plasma into the tubular fluid to be excreted in the urine. Conversely, when [H+] are low, the kidneys reduce its secretion to conserve plasma [H+]. This acts as the only compensatory mechanism for levels of plasma [H+] since there is no reabsorptive mechanism for H+. In addition, the kidneys are able to conserve or excrete HCO3- depending on the plasma [H+].

Bibliography

Braam, W. A. (2007). Assessment of renal autoregulation. Am J Physiol Renal Physiol .

Brito-Ashurst, I. d. (2009). Bicarbonate Supplementation Slows Progression of CKD and Improves Nutritional Status. Journal of the American Society of Nephrology .

Fesler, P. (2011). Estimation of Glomerular Filtration Rate: What are the Pitfalls? Current Hypertension Rep .

Hilton, P. J. (1969). The Measurement of Glomerular Filtration Rate in Renal Disease. The Lancet .

Lote, C. J. (2000). Principles of Renal Physiology. Springer; 4th edition.

Nlems, M. (2011). Nutrition Therapy and Pathophysiology 2e. Wadsworth: Cengage Learning.

Rodger Loutzenhiser, A. B. (2002). Renal Myogenic Response: Kinetic Attributes and

Physiological Role. Circulation Research .

Rose, B. D. (1987). Pathophysiology of Renal Disease. McGraw-Hill Professional; 2 edition.

Schrier, R. W. (2006). Diseases of the Kidney and Urinary Tract . Lippincott Williams & Wilkins; 8th edition.

Sherwood, L. (2007). Human Physiology: From cells to systems. 6th ed. Belmont: Thomson Brooks/Cole.

AMANDA TRUONG UYEHARA

TỔNG KẾT CÁC SINH HOẠT CỦA HỘI TRONG NĂM 2013

Suốt thời gian qua, Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California đã tổ chức hai cuộc gặp mặt đồng hương hằng năm đó là buổi Hội Ngộ Mùa Hè và Tiệc Tân Niên hoặc Tất niên để mừng Xuân mới.

Thế nhưng những năm gần đây một số Ủy Viên trong Ban Chấp Hành bị ảnh hưởng bởi tình trạng sức khỏe nên công tác tổ chức cũng gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, Ban Chấp Hành quyết định tạm ngưng Picnic Hè cho đến khi điều kiện cho phép.

Sau đây là các sinh hoạt của Hội trong Năm 2013:

1: TIỆC TÂN NIÊN MỪNG XUÂN QÚY TỴ

Tiệc Tân Niên Mừng Xuân Quí Tỵ (2013) đã được tổ chức vào ngày 29 Tháng Giêng Năm Qúi Tỵ tức Ngày 10 Tháng 3 Năm 2013 Tại Nhà Hàng Phú Lâm thuộc Thành Phố San Jose. Một số đông Đồng Hương và Quan Khách đã hưởng ứng lời mời tham dự.

Sau đây là bản báo cáo tình trạng tài chánh của Hội:

1a: -THU:

Hằng năm trong dịp Tiệc Xuân, Hội đều kính biếu đến Quí Quan Khách và Đồng Hương tham dự tiệc cũng như tất cả Quí vị xa gần tờ Đặc San Xuân Bình Định như là một lời cám ơn. Để thực hiện việc in ấn, chúng tôi được sự ủng hộ nhiệt thành của Quí Ân Nhân cũng như các cơ sở thương mại qua việc tặng dử tài chánh và quảng cáo. Sau đây là các chi tiết được tường trình:

- Ân nhân ủng hộ: (*danh sách đã được đăng trong Đặc San Xuân Quí Tỵ trang 481)*.....$2,200.00

- Các cơ sở Quảng cáo: *(Danh sách đăng trong ĐS Xuân Quí Tỵ từ trang 479-480)*.....$2,700.00

- THU TẠI NHÀ HÀNG (10/3/2013)

- Tiệc Tân niên được 28 bàn.

Số tiền thu được là $9,230.00

- Anh Võ Sơn tặng lại cho Hội $300.00
- Anh Tony Đinh gởi đến một số tiền do quan khách gửi đến VP của Anh $510.00
- Trương Hồng Ân.....$100.00
- Đặng Hữu Ái..... $100.00

Tổng Thu: $15,140.00

2a:- CHI:

- Trả cho nhà hàng:.....$7,580.00
- Ban Nhạc $400.00
- Múa Lân $200.00
- Mua hoa bàn tiệc, đèn nhang *(trả cho bà Thái)*..... $100.00
- Tiền quảng cáo trên đài phát thanh là $80.00
- Tiền rượu.....$327.18
- Chi phí linh tinh.....$132.00
- Tiền in báo $3,100.00
- Tiền in thiệp mời $250.00
- Tiền layout.....$500.00
- Tiền mướn wireless microphone..... $50.00
- Tem bì thơ trả cho Tony.....$120.00

Tổng chi: $12,839.00

Tồn quỹ: $2,301.00

2: TIẾP TAY TRONG VIỆC TỔ CHỨC ĐẠI NHẠC HỘI CÁM ƠN ANH

Để tiếp tay với Ban Tổ chức Đại Nhạc Hội Cám Ơn Anh-Người Thương Binh VNCH Kỳ 7 được tổ chức tại San Jose vào ngày 28 Tháng 7 Năm 2013, Hội Tây Sơn Bình Định đã tham gia vào Ban Vận Động nhằm tìm kiếm sự yểm trợ tài chánh.

Được sự tiếp tay tích cực của Quí anh chị Đồng môn tại Học Viện QGHC và Đồng Hương Bình Định. Hội đã thu được một kết quả tài chánh đáng khích lệ. Sau đây, xin được tường trình kết quả trên cùng lời chân thành cảm ơn đến tất cả Quí vị.

- Số vé bán được:

Với sự tiếp tay tích cực của Quí chị trong Hội Tây Sơn Bình Định có tên sau: Chị Nguyễn thị Để, chị Đỗ Minh Ngọc, chị Nguyễn Cẩm Mậu, chị Phan thanh Hùng, đã bán được 200 vé ĐNH thu được:

$2,000.00.

- Ủng hộ:

Chị Nguyễn Mai Hương (SJ)	$100.00
A/C Nguyễn văn Viễn (WA)	$50.00
A/C Lê Phước Ninh (LA)	$50.00
A/C Đỗ Thái Hùng (OK)	$50.00
A/C Đèo văn Trấn (IA)	$20.00
A/C Ngô Văn Hoàn (IN)	$30.00
A/C Nguyễn Ngọc Bích (NY)	$20.00
A/C Trịnh Ngọc Chung (LA)	$50.00
A/C Trần Việt Long (SJ)	$50.00
A/C Vũ Ngọc Lộc (LA)	$50.00
Chị Fong T. Lê (FL)	$100.00
A/C La Quốc Chánh (MD)	$50.00
A/C Phan Thanh Hùng (SJ)	$100.00
A/C Đào Đức Chương (SJ)	$50.00
A/C Phan Minh Lượng (SJ)	$50.00
A/C Trần Công Tuấn (SJ)	$40.00
A/C Lê Minh Thiện (SJ)	$20.00
A/C Vũ Viết An (SJ)	$50.00
A/C Trần Đình Phương (SJ)	$20.00
Bác sĩ Linda Phan (SJ)	$200.00
Anh Quý (Bạn cô Ngọc) (SJ)	$20.00
	.....
Tổng số tiền ủng hộ là	**$1070.00**

Số tiền bán vé và tiền ủng hộ của tất cả mạnh thường quân đã được trao tận tay Anh Tony Dinh là thủ quỹ của Ban Tổ chức Đại Nhạc Hội.

Ban Tài Chánh Hội Tây Sơn Bình Định
Bắc Cali

DANH SÁCH ĐỒNG HƯƠNG BÌNH ĐỊNH BẮC CALIFORNIA

Thường liên lạc với Hội Tây Sơn Bình Định

Andy Lê
2937 Silverland St, San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-2118
Văn An
3770 Mc Kee Rd, # 17 San Jose, CA 95127.... (408) 254.1914
Trần Vĩnh Anh
1723 Pine Hollow Cir San Jose, CA 95133 ..... (408) 258.3215
Từ Thị Ba
19231 Monte Vista Dr. Saratoga, CA 95075.... (408) 395.2617
Đinh Thành Bài
661 Waddell Way, Modesto, CA 95357..... (209) 529.2354
Nguyễn Đình Bá
2960 Sunwood Dr. San Jose, CA 95111 ..... (408) 365.9534
Bùi Thúc Bảo
644 N. Abbott Ave. San Jose, CA..... (408) 945.8655
Đặng Đức Bích
4045 Chamberer Dr. San Jose, CA 95135 .....(408) 274.8699
Nguyễn Hoà Bình
2651 Luciana Dr., San Jose, CA95131 ..... (408) 621.2969
Nguyễn Bình
1518 Roberts Ave, San Jose, CA 95122..... (408) 259.8364
Nguyễn Bình
4777 Rue Le Man, San Jose, CA 95136..... (408) 578.2843
Lê Văn Bỗ
2366 18Th st, San Pablo, Ca 94806 ..... (510) 215-9150
Nguyễn Bường
2828 Brook Way, San Pablo, CA 94806..... (510) 222.7140

Võ Ngọc Bửu
3079 Seafield Ct, San Jose, CA 95148..... (510) 668.4255
Nguyễn Tường Chi
5101 Discovery Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 362.4515
Nguyễn Chuẩn
1758 Bevin Brook Dr., San Jose, CA 95112.... (408) 294.6683
Phạm Chương
1341 Vance Rd., San Jose, CA 95132..... (408) 923.6734
Đào Đức Chương
1519 Ivy Creek Cir., San Jose, CA 95121..... (408) 238.5900
Lê Chức
1616 Troon Ct., San Jose, CA 95116..... (408) 929.4948
Trần Chu
2620 Alvin Ave. #213 D San Jose, CA95121 . (408) 239.0560
Nguyễn Doãn Cung
1710 Alum Rock # 101 San Jose, CA95116 ...(408) 202-2271
Đặng Thị Kim Cúc
2744 Whispering Hills Dr. San Jose, CA..... (408) 238-54355
Nguyễn Cự
1468 Pomeroy Ave. San Jose, CA 95051..... (408) 985.2661
Nguyễn Thị Danh
5318 Surrey Ct., Newark, CA 94560..... (510) 713.2019
Trần Danh
1311 Eldamar Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 281.7640
Lê thanh Đào
2180 Jenni Ln, Tracy, CA 95377.....(909) 480-9889
Nguyễn Diêu
1520 E. Capital Exp. #50, San Jose, CA 95121 (408) 224.6807
Huỳnh Hữu Dụng
1182 Theoden Ct., San Jose, CA95121..... (408) 972.1339

Phạm Đính
1623 Jupiter Dr., Milpitas, CA 95035..... (408) 262.4833
Phạm Hữu Độ
1683 Hillsdale Ave., San Jose, CA 95124..... (408) 486.2029
Võ Đại
1409 Bird Ave.# 6, San Jose, CA95125 ..... (408) 393.2050
Đường Anh Đồng
2744 Whispering Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 238.5435
Nguyễn Thị Đàm
2342 William Dr., San Jose, CA 95050..... (408) 243.5435
BS Cai Văn Dung
259 Meridian Dr., San Jose, CA 95126..... (408) 294.5151
Đoàn Hữu Đức
1572 Virginia Pl., San Jose, CA 95116..... (408) 254.2832
Vũ Thị Đôn
4248 Silver Berry, San Jose, CA 95136..... (408) 227.6794
Trần Đình Giáp
172 Echo Ave., Campell, CA 95008 ..... (408) 866.4143
Võ Bá Hà
3990 Mount Wilson Dr., San Jose, Ca..... (408) 251.0490
Nguyễn Thu Hà
5748 Halleck Dr., San Jose, CA 95123 (408)...(408) 972-4581
Bùi Ngọc Hải
1301 Marry Carry Ln. San Jose, CA 95136..... (408) 436-9349
Phạm Ngọc Hải
1881 Quimby Rd., San Jose, CA 95122..... (408) 397-4298
Trương Hạnh
473 Cedro St., San Jose, CA 95111..... (408)281.4451
Phan Văn Hàm
155 Loehr St, Apt F, San Francisco, CA..... (415) 656-1781

Võ Hân

206 Turner Ct., San Jose, CA 95139..... (408) 226-3272

Lý Hào

2810 Cramer Cir, San Jose, CA 95110..... (408) 287-7008

Trương Thị Hậu

752 Vine Ct. # 7, San Jose, CA 95110 ..... (408)997-1686

Đặng Thị Hiên

1092 Topaz Ave. # 1, San Jose, CA 95117 ..... (408) 985-1246

Nguyễn Thế Hiệp

2206 Country Manor, Riverbank, CA 95367.... (209) 869-5961

Nguyễn Hiệp

4000 Madison Pointe Wy , Modesto, CA 95356 ..... (209) 526-2316

Nguyễn Đình Hinh

2624 17Th St, SanPablo, Ca 94806.....(510) 234-2006

Nguyễn Hoà

1703 24th Ave. # A, Oakland, CA 94601..... (510) 533-9259

Nguyễn Hoà

43541 Greenhills Way, Fremont, CA 94539.... (510) 657-2074

Thái Văn Hoà

1455 E. Calaveras # 10, Milpitas, CA ..... (408) 771-5146

Trần văn Hoàng

1142 Mesa Dr #02, San Jose, CA 95118.....(408)265-3788

Nguyễn Hoàng

3834 Brigadoon Way, San Jose, Ca 95121..... (408) 270-7806

Nguyễn Hoè

2924 Sunburst Dr, San jose , CA 95111..... (408) 225-8754

Hoàng Huân

2811 Glauser Dr., San Jose, CA 95133 ..... (408)972-4581

Nguyễn Huệ

4595 Pearl Ave, San Jose, CA 95136 ..... (408) 445-2633

Đỗ Hùng
22168 Prealta St., Hayward, CA 94541..... (510) 690-0504

Nguyễn Hùng
3001 Stevens Ln, San Jose, CA 95148..... (408) 292-8957

Phan Thanh Hùng
2077 Wendover Ln., San Jose, CA 95121 H.(408) 724-5326
..... C.(408) 387-3784

Nguyễn Hùng
1302 Isengard Ct., San Jose, CA 95121 .....(408) 292-8957

Phạm Hùng
420 Live Oak Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 956-8412

Võ Bá Hưng
1105 Cantara Ct., San Jose, CA 95127..... (408) 254-2030

Lê Đức Hưng
5323 Heinessy Dr., Stockton, CA 95217 ..... (209) 473-3093

Võ Hùng
3416 Blue Mountain Dr., San Jose, CA .....(408) 251.3741

Joseph Huỳnh
4264 Christian Dr., San Jose, CA 95135..... (408) 270-7482

Đinh Thành Hưng
1636 Image Dr. Antica, CA 95337.....(408) 520-4336

John Trần
2987 Almond Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 270-6964

Trần Trọng Khiêm
1624 Hollenbeck Ave. #2, Sunnyvale, CA ..... (408) 720-9677

Nguyễn Khoa
2071 Sheraton Dr., Santa Clara, Ca 95050..... (408) 243-3806

Trần Khôi
1863 Andrew Pl., San Jose, CA 95132 ..... (408) 251-3035

Hà Khôi
781 Feller Ave., San Jose, CA 95127..... (408) 259-5456

Thiếu Tướng Huỳnh Văn Lạc
3220 Carver Rd., Modesto, CA 95350..... (209) 523-0869
Huỳnh Ngọc Lan
2155 Lanai Ave # 108, San Jose, CA 95122.... (408) 937-7840
Lê Từ Như Lâm
399 Spence Ave., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 262-6260
Nguyễn Lân
942 Valencia Dr., Milpitas, Ca 95035..... (408) 946-2758
Võ Lang
2855 Senter Rd. # 102, SanJose, CA 95122..... (408) 224-1530
Lê Lợi
15203 Shinning Star Ln., San Leandro, CA..... (510) 351-4204
Trần Minh Lợi
3153 Via Venezia Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 580-7586
Nguyễn Kim Loan
563 Rudd Ct., San Jose, CA 95111 ..... (408) 365-1126
Nguyễn Long
532 Fifth Ave. # 6, San Francisco, CA ..... (415) 831-7064
Võ Thu Lương
5207 Sturla Dr. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-8186
Phan Minh Lượng
340 Grey Ghost Ave. San Jose, CA 95111..... (408) 291-9361
Bùi Mai
3278 Flintmont Rd., San Jose, CA 95148 ..... (408) 531-1570
Nguyễn Mai
2566 S. King Rd. # 138, San Jose, CA ..... (408) 532-0114
Nguyễn Cẩm Mậu
6283 Narcissus Ave., Newark, CA 94560..... (408) 518-1707
Lê Văn Minh
2933 Glencrow Pl. San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-5853

Nguyễn Mỹ
518 Hillbright Pl., San Jose, CA 95123..... (408) 365-1750
Võ Thị Nga
1129 Shaffield Ct., Stockton, CA 95210..... (209) 476-1638
Đặng Thu Nga
2863 Reidel Dr., San Jose, CA95135 ..... (408) 238-6971
Huỳnh Văn Ngọc
882 Water Walk Milpitas, Ca 95035..... (408) 941-9689
Đặng Văn Ngọc
29285 Lassen St., Hayward, CA 94544..... (510) 264-9369
Võ Tuyết Nhạn
2979 Castleton Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 238-8302
Trần Nghiêm
5973 Surl Ct, San Jose, CA 95138 ..... (408) 227-8302
Trần Văn Ngô
1694 Tully Rd # 1, San Jose, CA 95122 ..... (408) 223-1150
Phan Quang Nghiệp
469 Ezci Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 578-2938
GS Nguyễn Văn Nhuận
2654 Bonbon Dr., San Jose, CA 95148 ..... (408) 274-2804
BS Trương Thế Phiệt
1670 Goldenrain Dr., San Jose, CA 95136..... (408) 281-4067
Nguyễn Phong
247 Clareview Ct. San Jose, CA 95127..... (408) 258-5524
Cao văn Phổ
1580 Santee Dr, CA 95122..... (408) 288-7518
Nguyễn Văn Phú
424 Los Encinos Ave. San Jose, CA 95134 ..... (408) 324-1773
Lê Vĩnh Phúc
1555 Hill Top Ct., Milpitas, CA 95035 ..... (408) 942-9527

Vĩnh Phúc
1197 Angmar St., San Jose, CA 95111..... (408) 269-7017
Trần Thị Phúc
5919 Liklisk Ln # 104, San Jose, CA 95119 .... (408) 365-7729
Dương Phụng
411 Lewis Rd # 372, San Jose, CA 95111 ..... (408) 629-7428
Nguyễn Phước
778 S. Fifth St # C, San Jose, CA 95112..... (408) 293-8281
Nguyễn Bá Quảng
1049 Loupe Ave, San Jose, CA 95121 ..... (408) 578-2960
Nguyễn Đình Sang
P.O. Box 51017 San Jose, CA 95151 ..... (408) 454-2889
Lê Lam Sơn
340 Martil Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 454-2889
Giã Minh Sơn
5065 Bengal Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 281-0724
Lâm Sanh
53 Kenbrok , San Jose, CA 95111 .....(408)227-7735
Nguyễn Tân
2382 Bowers Ave # 4, Santa Clara, CA.....(408) 247-4562
Trần Thành
148 Finch Ct, Hercules, CA 94547 .....(510)799-5999
Trần Minh Thanh
3775 Kawai Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 227-5466
Lê Xuân Thạnh
1625 Hermocilla Way, San Jose, CA 95116 .... (408) 259-2802
Nguyễn Văn Thành
1510 Mayfield St., Sacaramento, CA 95835..... (916) 419-7227
Võ Thật
2517 S. King Rd., San Jose, CA95122..... (408) 274-8210

Nguyễn An Thạo
1875 Saint Andrews Pl., San Jose, CA ..... (408) 580-7586

Đoàn Hữu Thạnh
2066 Sierra Rd, San Jose, CA 95131 ..... (408) 272-1817

Huỳnh Lương Thiện
774 Geary St., San Francisco, CA 94109..... (415) 215-3794

Đỗ Chí Thoại
275 El Cajon Dr., San Jose, CA 95111 ..... (408) 972-9694

Đặng Đức Thông
2744 Whispering Hills Dr., San Jose, CA ..... (408) 238-5435

Bảo Tố
421 Giannotta Way, San Jose, CA 95133.....(408) 687-9126

Cao Xuân Thọ
1925 Osage Ave, CA 94545 .....(510)432-6913

Nguyễn Bá Thư
1048 S. 10th St., San Jose, CA 95112 ..... (408)293-4091

Lâm Sanh Thứ
218 Goldernrain Ct., San Jose, CA 95111 ..... (408) 281-4451

Ngô Thương
1112 Park Willow Ct., Milpitas, CA 95035..... (408) 263-6012

Nguyễn Thường
2586 Declaration Dr., San Jose, CA 95116..... (408) 394-2056

Nguyễn Văn Thường
1832 Rock Spring Dr. #2 San Jose, CA ..... (408)297-7514

Trương Thụy
259 Meridian Ave #18 San Jose, CA 95126 .... (408) 259-2394

Trần Thị Tính
3199 Teddington Dr., San Jose, CA 95148 .....(408) 259-6762

Đỗ Hữu Tín
4811 Plainfield Dr., San Jose, CA 95111..... (408) 972-8080

Bảo Tố
421 Giannotta Way San Jose, CA 95133 ..... (408) 678-9126
Nguyễn An Toàn
2231 Emerald Hill Dr., San Jose, CA 95131 ... (408) 259-6239
Trương Toại
3565 Sunnydays Ln, Santa Clara, Ca 95051 .... (408) 423-8552
Phạm Trước
968 Coventry Way, Milpitas, CA 95035..... (408) 946-5686
Nguyễn Trai
1500 Virginia Pl # 153, San Jose, CA95116 .... (408) 272-4636
Lê Trân
753 Terra Bella Dr. Milpitas, CA95035..... (408) 946-2344
Tạ Chương Trĩ
259 14th St. San Pablo, CA 94806 ..... (510) 215-9465
Nguyễn Văn Trợ
1067 Amberly Ln, San Jose, CA 95121..... (408) 528-6673
Truman Như
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA..... (408) 781-3181
Trần Trực
2866 Las Plumas Dr. San Jose, CA 95121..... (408) 227-2818
Lê Doãn Trưng
3016 Oak Bridge Dr., San Jose, CA 95121 ..... (408) 223-6322
Đoàn Ngọc Trường
4958 Wagonwheel Way, Richmond, CA ..... (510) 222-6675
Nguyễn Thiện Trường
427 S. 5th St # 7, San Jose, CA 95112 ..... (408) 920-0919
Trần Cẩm Tú
243 San Lion Dr. Vaccaville, CA 95688 ..... (707) 451-8048
Quách Tứ
1822 Praire Ln, Stockton, CA 95209..... (209) 598-9053

Bùi Tú
2976 Glen Crow Ct, San Jose, CA 95148..... (408) 270-4507

Phan Văn Tựu
812 Kyle St, San Jose, CA 95127 ..... (408) 929-5263

Huỳnh Bích Vân
1182 Theoden Ct., San Jose, CA 95121 ..... (408) 972-1542

Nguyễn Thái Vinh
422 Coloney Crest Dr., San Jose, CA 95123... (408) 224-3621

Dương Quang Vinh
1509 Platt Ave. Milpitas, CA 95035..... (408) 956-1365

Nguyễn Vinh
2987 Almond Ave., San Jose, CA 95148..... (408) 270-6964

Đinh Văn Xuân
3111 Mc Laughlin Ave., San Jose, CA ..... (408) 224-7100

Đặng Ngọc Yến
1539 Callo Creek Dr., San Jose, CA 95127..... (408) 347-1335

Trong danh sách địa chỉ và số phone của Đồng Hương Hội Tây Sơn Bình Định Bắc Cali đăng trong Đặc San này, có những người đã thay đổi địa chỉ nhưng chưa kịp thông báo cho chúng tôi để nhật tu. Kính xin Quý Đồng Hương vui lòng cho chúng tôi biết mỗi khi thay đổi địa chỉ hoặc số phone để có thể có những địa chỉ và số phone chính xác vào những lần phát hành kế tiếp. Danh sách này được xem như một bản niên giám nhỏ mà bạn bè, anh em thường dựa vào để thăm hỏi nhau.

Xin chân thành cám ơn sự hợp tác của Quý Đồng Hương.

Muốn thay đổi địa chỉ và số phone xin liên lạc email:
Taysonbinhdinh2012@yahoo.com

Chúc Mừng

Được hồng thiệp của
Ông Bà Trương Toại
báo tin Lễ Thành Hôn của Út Nam là:

TRƯƠNG GIA THIÊN TỨ

sánh duyên cùng

STANCU ANCUTA SIMONA

Út Nữ của Ông Bà Stancu Simon

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày Thứ Năm 22 tháng 8 năm 2013 tại Grand Lake, Colorado

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
thành thật chúc mừng gia đình Ông Bà Trương Toại
và cầu chúc cho Cô Dâu & Chú Rể

Trăm Năm Hạnh Phúc

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Chúc Mừng

Được hồng thiệp của
Ông Bà Nguyễn Bình
báo tin Lễ Thành Hôn của Thứ Nam là:

Nguyễn Phan Bảo Hội

sánh duyên cùng

Lê Thị Hoàng Yến

Trưởng Nữ của Bà Quả Phụ Lê Thị Ánh Tuyết

Hôn lễ sẽ cử hành vào ngày 8 tháng 9 năm 2013 tại San Jose, California

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
thành thật chúc mừng gia đình Ông Bà Nguyễn Bình
và cầu chúc cho Cô Dâu & Chú Rể

Trăm Năm Hạnh Phúc

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

CHÚC MỪNG

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Hân Hoan Chúc Mừng

ÔNG BÀ

ĐẶNG HIẾU KÍNH

Nhân dịp sinh nhật
và kỷ niệm
66 Năm Thành Hôn
Kính chúc Ông Bà sức khỏe dồi dào,
sống lâu trăm tuổi.

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Được tin buồn

Cụ Bà

NGUYỄN TƯỜNG CHI

Nhũ Danh TRƯƠNG THỊ LÀO

Pháp Danh ĐỨC MINH THÔNG

Đã tạ thế ngày 23 tháng 5 năm 2013
Nhằm ngày 14 tháng 4 năm Quý Tỵ
tại San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 91 Tuổi

Xin thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Nguyễn Tường Chi,
Pháp danh Đức Minh Thông sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California
nhận được tin buồn:

Ông NGUYỄN HÙNG

(Hùng Denver)

Pháp Danh VIÊN QUANG

Sinh năm Quý Mùi (1943) tại Hoài Nhơn, Bình Định, VN
Mãn phần lúc 7:40 AM ngày 9 tháng 7 năm 2013 tại Denver, Colorado

Hưởng Thọ 71 tuổi

Thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Ông Nguyễn Hùng sớm về cõi Tịnh Độ Niết Bàn.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

Nhận được tin buồn
Phu quân của Bà HUỲNH THỊ SANG, là:

Ông ĐỖ HỮU TÍN

Sinh ngày 4 tháng 12 năm 1932 tại Cát Chánh, Phù Cát, Bình Định
Đã tạ thế lúc 7:45 tối Thứ Bảy ngày 7 tháng 9 năm 2013
(Nhằm Mồng 3 tháng 8 năm Quý Tỵ)
tại thành phố San Jose, California, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 82 Tuổi

Xin trân trọng chia buồn cùng tang quyến và cầu nguyện hương linh người quá cố sớm về cõi Niết Bàn.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

PHÂN ƯU

Được tin buồn Thân mẫu của Ông Huỳnh Lương Thiện là:

Cụ Bà Quả Phụ

HUỲNH LƯƠNG NIỆM

Nhũ Danh NGUYỄN THỊ ĐỆ

Pháp Danh HỒNG TÂM

Đã tạ thế ngày 1 tháng 1 năm 2014
Nhằm ngày 1 tháng Chạp năm Quý Tỵ
tại Portland, Oregon, Hoa Kỳ

Hưởng Thọ 91 Tuổi

Xin thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến.
Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Huỳnh Lương Niệm,
Pháp danh Hồng Tâm sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California

THƯ CẢM TẠ

Hội Tây Sơn Bình Định Bắc California, trân trọng cảm tạ Quý thân chủ quảng cáo đã hết lòng giúp Hội có đủ tài chánh để trang trải in ấn Đặc San Xuân Bình Định trong nhiều năm qua.

Chúng tôi xin được giới thiệu đến tất cả Đồng Hương và Thân Hữu các cơ sở dịch vụ, các văn phòng Nha, Y sĩ, cùng các cơ sở thương mại đã có tên trong danh sách quảng cáo. Kính mong quý vị nhiệt tình ủng hộ các cơ sở này khi có nhu cầu và làm ơn nói hộ là có đọc quảng cáo từ báo Xuân Bình Định.

Kính chúc toàn thể Quí vị một năm mới an khang, thịnh vượng, phước lộc dồi dào.

Trân trọng,

DANH SÁCH CƠ SỞ QUẢNG CÁO ỦNG HỘ ĐẶC SAN XUÂN GIÁP NGỌ

PETER LINH NGUYEN

ĐÔNG DƯƠNG REAL ESTATE BROKER

BÁC SĨ ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH

GARARE DOOR SERVICES PHAN MINH LƯỢNG

BÁC SĨ JHON LEE

HOÀNG VĂN THIỆU INSURANCE

BÁC SĨ PHẠM VĂN NGÀ

LUẬT SƯ NGUYỄN NGỌC DIỆP
BÁC SĨ NHA KHOA CHÁNH VIỆT,
DIỆU LIÊN TỐNG
TÀU BAY NOODLE HOUSE
BÁC SĨ PHẠM ĐỨC VƯỢNG
BÁC SĨ CAI VĂN DUNG
C.P. TAX TRẦN VĂN NGÔ
ALLSTATE TRẦN THU PHƯỢNG
CARE INSURANCE
AAA INSURANCE DOUGHLAS
REAL ESTATE BROKER TRUMAN NHU
REAL ESTATE AGENT LIEN LU
REAL ESTATE BROKER VINH DINH & HA LE
REAL ESTATE BROKER TONY DINH
HOÀNG LONG RESTAURANT
PHỞ QUÊ HƯƠNG
VAN'S BAKERY
ROBERT MULLINS INTERNATIONAL

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ

Peter LINH NGUYỄN

Diplomate American Board of Family Practice

Y KHOA TỔNG QUÁT - NHI KHOA - Y KHOA GIA ĐÌNH

749 Story Rd., Suite 20, San Jose, CA 95122

Tel: (408) 794-2088

Tiện đường xe bus và cách 2 con đường từ trung tâm Việt Nam Grand Century Mall

Stanford University School of Medicine: Adjunct Clinical Instructor
California Medical association Leadership Academy Shcholaship
Certificate of Special Congressional Recognition

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH:

* Nóng sốt, ho, sưng phổi, tiêu chảy
* Nội thương toàn khoa trẻ em và người lớn
* Bao tử, gan, táo bón, tiểu ra máu
* Ngoài da, mụn, phong ngứa, nấm và bướu da
* Allergy và các chứng dị ứng, nổi mề đay
* Áp huyết cao, dư chất mỡ
* Thận và đường tiểu, tiểu gắt, ra máu
* Cần giải phẫu

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai-Thứ Sáu: 09:00AM - 06:00PM
Thứ Ba: 11:00AM - 08:00PM
Thứ Bảy: Bệnh nhân có hẹn trước
- Xin vui lòng hẹn trước

Nhận MEDICARE, MEDICARD và các loại BẢO HIỂM

Bác Sĩ YKhoa ĐẶNG PHƯƠNG TRẠCH, M.D.

NHI KHOA VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

-Tốt nghiệp chuyên môn Nhi khoa tại King Drew Medi cal Center tại Los Angeles, CA.

- Hội viên Hội Hàn Lâm Nhi Khoa Hoa Kỳ (American Academy of Pediatrics)

CHUYÊN TRỊ

* Bệnh trẻ sơ sinh, trẻ em và thanh thiếu niên. Khám định kỳ, nhập học, chủng ngừa, giới thiệu chương trình WIC.

* Bệnh tổng quát người lớn: Bệnh tim và mạch máu, phổi và đường hô hấp, tiêu hoá, thận và đường tiểu, nội tiết và biến dưỡn,g, bệnh thần kinh, bệnh mắt, tai, mũi, họng, bệnh nhiễm trùng, phong thấp, bệnh máu, bệnh ngoài da, bệnh dị ứng Allergy

* Khám sức khoẻ định kỳ, truy tầm ung thư, chích ngừa

* Thử máu và thử nước tiểu tại phòng mạch

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL- BẢO HIỂM

SENTER MEDICAL OFFICE

2114 Senter Road. Suite 24 San Jose, CA 95112

(Đối diện Costco wholesale tiện đường xe bus 73)

Tel. (408) 293-2188

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai-Thứ Sáu: 9AM-6PM

Thứ Năm: 9AM-12 PM; Thứ Bảy: 9AM-2 PM

LUONG GARAGE DOOR SERVICES

Cung Chúc Tân Xuân

CA STATE LIC. # 692107 AND BOND

* Professional installed sectional doors and automatic openers cho thương mại và gia cư.
* Bắt tất cả cái loại openers như: Lift master, Chamber land, Genee, Craftman, Jackshaft opener cho garage thấp
* Sửa opener và thay lò xo gãy
* Quality Workmanship at affordable price

Xin liên lạc:

LƯỢNG

Business: (408) 858-0851

Cell: (408) 207-8363

Home: (408) 281-9361

Chúc Mừng Năm Mới

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA VỀ NÃO, TỦY SỐNG VÀ DÂY THẦN KINH
TAI NẠN XE CỘ, NGHỀ NGHIỆP, THỂ THAO VÀ ĐAU NHỨC

WAVES NEUROLOGY

CHƯƠNG JOHN LÊ, M.D.

300 Jose Figueres Ave., Suite 475, San Jose 95116

Tel: (408) 800-4044 - Fax: (408) 800-4033

** Neurophysiology Fellowship: University of Louisville in Louiville, KY*
** Neurophysiology Residency: University of Louisville in Louiville, KY*
** Internal Medicine: Brookdale University Hospital and Medicine Center in Brooklyn, NY*

CHUYÊN ĐIỀU TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH

* Đau đầu, đau cổ, đau lưng, đau thần kinh tọa, đau tay và đau chân (Headache, neck pain, back pain, sciatica, carpal tunnel syndrome)
* Chấn thương não, tủy sống và dây thần kinh (Traumatic brain, spinal cord and nerves)
* Đau dây thần kinh, tê và yếu (Nerve pain, numbeness and weakness)
* Mất trí nhớ, trí nhớ khó khăn (Parkinson and dementia related)
* Run tay, run chân, đi đứng khó khăn (Parkinson and other tremors)
* Tai biến mạch máu não và phòng bệnh mạch máu não (Stroke and stroke preventions)
* Khó ngủ, thiếu ngủ và rối loạn giấc ngủ (Sleep disordes)
* Kinh giật kinh niên (Seizure disorders)
* và nhiều loại bệnh khác của hệ thống thần kinh (Other neurological diseases)

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn trước

Nhận LIEN, MED PAY, WORKER COM, MEDICARE và các loại Bảo Hiểm khác

Parking phía sau miễn phí

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM BẢO HIỂM

VANCE INSURANCE & HOÀNG VĂN THIỆU

PHỤC VỤ CHUYÊN NGHIỆP

Lic. # 0B48014

CHUYÊN VỀ:

XE CỘ – NHÀ CỬA

SỨC KHỎE – NƯỚC LỤT

THƯƠNG MẠI

2529 Story Rd., San Jose, CA 95122

(giữa Capitol Exp. & Jackson Ave.)

Tel: (408) 272-7272

Từ năm 1985 Kính Mời

Bác Sĩ

PHẠM VĂN NGÀ, M.D.

Diplomate American Board of Internal Medicine

1569 Lexann Ave., #112, San Jose Ca 95121

TEL: (408) 532-0105

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

♦ **URGENT CARE CENTER:** CHO VALLEY HEALTH PLAN - SCCIPA & PMG (NHẬN KHÁM BỆNH CẤP TÍNH, KHÔNG CẦN ĐỔI BÁC SĨ GIA ĐÌNH)

♦ **BÁC SĨ GIA ĐÌNH:** SĂN SÓC BỆNH NHÂN KHI NHẬP VIỆN, CHÍCH NGỪA.

CHỮA TRỊ:

* BỆNH NGƯỜI LỚN, NGƯỜI GIÀ
* BỆNH PHỤ NỮ
* BỆNH TRẺ EM

Giờ làm việc: Thứ 2-6 : 9:00AM - 6:00PM
Thứ 7: 9:00AM - 3:00PM

NHẬN MEDICAL - MEDICARE & BẢO HIỂM

Cung Chúc Tân Xuân

Văn Phòng Luật Sư

NGUYỄN NGỌC DIỆP, LLB, BA, MS, JD
PATRICK VALENCIA, BS, JD

KINH NGHIỆM – TẬN TÂM – NHANH CHÓNG

Tel. (408) 528-0151

Chuyên đảm trách các vấn đề:

TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

- Tai nạn xe cộ.
- Tai nạn đi bộ, đi xe đạp, hay xe gắn máy.
- Tai nạn máy bay, xe lửa.
- Tai nạn chó cắn.

TAI NẠN SỞ LÀM

- Mở hồ sơ chữa bệnh.
- Bồi thường tàn phế tạm thời.
- Bồi thường tàn phế vĩnh viễn.
- Huấn nghệ.

LUẬT HÌNH SỰ

- Trộm cắp siêu thị, trộm cướp nhà hay hãng.
- Bạo hành trong gia đình.
- Ẩu đả, mưu sát.
- Say rượu lái xe, đụng xe bỏ chạy

Khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn tại sở làm, bị bắt bớ, xin liên lạc ngay văn phòng chúng tôi để được đại diện hữu hiệu, tận tâm và nhanh chóng.

Xin quý độc giả đón nghe chương trình **TÌM HIỂU PHÁP LUẬT** phát thanh trên đài 1430 AM mỗi buổi sáng Thứ Hai từ 8:00AM-8:20AM

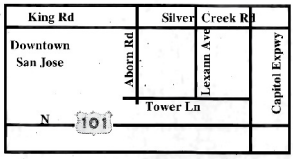

1569 Lexann Ave, Suite 110, San Jose, CA 95121 - Fax. (408) 528-0153

Cung Chúc Tân Xuân

BÁC SĨ NHA KHOA

SPECIALIST IN CROWN & BRIDGE, DENTURE & IMPLANT

CHÁNH VIỆT, D.D.S (Prosthodontics)

DIỆU LIÊN TỐNG, D.D.S (General Dentistry)

CHUYÊN KHOA VỀ RĂNG GIẢ HÀM GIẢ & IMPLANT

NHA KHOA GIA ĐÌNH TỔNG QUÁT & THẨM MỸ

- **Tốt nghiệp chuyên khoa răng giả và Implant tại University of California, San Francisco.**
- **Giáo sư ủy nhiệm (Assistant Clinical Professor), chuyên khoa răng giả, hàm giả, Implant University of California San Francisco (UCSF).**
- **Hội viên Hội Răng Giả và Implant Hoa Kỳ.**
- **Tốt nghiệp ưu hạng Bác Bĩ Nha Khoa University of The Pacific, San Francisco.**
- **Nguyên Bác Sĩ giảng huấn Đại Học Nha Khoa, Sài gòn.**

CHUYÊN:

- Porcelain veneer
- Răng giả & cầu răng, hàm giả
- (Crown & bridge & denture)
- Hàm giả gắn liền (immediate rehabilitation)
- Sửa chữa hàm giả, nhai không hiệu quả, kém thẩm mỹ, (hô, móm), đau khi mang hàm giả, nhận các trường hợp đã thất bại về hàm giả.
- Implants thay thế răng đã mất.

- Khám răng tổng quát, định kỳ, nhập học.
- Phòng ngừa sâu răng bằng Flouride & Sealant.
- Nhổ răng và chữa các bệnh răng, nướu, miệng.
- Chữa tủy răng - Tiểu giải phẫu răng và nướu
- Nha khoa nhi đồng & ngăn ngừa răng mọc lệch lạc cho trẻ em.

TẬN TÂM - CHU ĐÁO - NHẸ NHÀNG
VĂN PHÒNG MỚI - DỤNG CỤ TỐI TÂN
PHƯƠNG PHÁP KHỬ TRÙNG TÂN TIẾN

KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ LÂU NĂM

- **Nhận Medical, Bảo Hiểm, Trả Góp (không tính lời)**
- **Giá giúp đỡ cho quý vị không có bảo hiểm, medical**

2360 McKee Rd. Suite #3,
San Jose, CA 95116
(408) 729-9999

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM-6PM
Thứ Bảy: Làm theo hẹn

228 N. Jackson Ave #10
San Jose, CA 95116
Xin vui lòng gọi để lấy hẹn:
Tel: (408) 254-3333
(408) 254-3394

PHỞ TÀU BAY
NOODLE HOUSE

454 Keyes Street *(Góc số 10th, đối diện chợ Thiên Thanh)*

Với các món ăn nổi tiếng như:

- **PHỞ BÒ**
- **PHỞ GÀ ĐI BỘ**
- **BÚN BÒ HUẾ**
- **CƠM GÀ HẢI NAM**

Tại địa điểm mới còn tăng cường các món ăn độc đáo như:

- **BÚN CHẢ HÀ NỘI**
- **CƠM GÀ XỐI MỠ**
- **PHỞ ÁP CHẢO VÀ CÁC MÓN XÀO**

Bún Bò Huế, Phở Tàu Bay,
Đậm đà hương vị cay cay nhớ hoài!

Xin lưu ý! PHỞ TÀU BAY CHÍNH GỐC chỉ có 3 địa điểm mà thôi!

❶. 1628 HOSTETTER RD
TRONG KHU 99 RANCH MARKET
441-7261

❷. 454 KEYES STREET
GÓC SỐ 10th
999-0345

❸. 3005 SILVER CREEK RD., #168
TRONG KHU SHOPPING PALOMA
223-2304

Cả ba địa điểm PHỞ TÀU BAY mở cửa đến 12 giờ khuya mỗi ngày để tiếp đón quý khách.

PHỞ TÀU BAY KÍNH MỜI

Khi bị đau nhức, tai nạn xe cộ, trượt té, bong gân:

Xin hãy đến với:

Bác Sĩ

Bác Sĩ Phạm Đức Vượng, D.C.

Liên lạc lấy hẹn ngay trong ngày:

(408) 937-1400

* Bằng hành nghề Liên-Bang và Tiểu Bang Cali *Nguyên Bác-sĩ hướng dẫn, huấn luyện sinh viên sắp tốt nghiệp, Bác sĩ (intern) tại Community Chiropractic Clinic. Đại Học nổi tiếng Dalmer West. *Cựu Sĩ Quan Quân Lực VNCH (HO 14)

CHUYÊN TRI

* Chấn thương do tai nạn xe cộ, thể thao, trượt té, bong gân, đau khớp xương * Nhức đầu, đau nhức vùng cổ gáy, đau nhức tê, mỏi vai, tê tay, tê chân, đau cùi chỏ, cổ tay, gót chân bị thốn.* Mêt mỏi tê cứng bắp thịt do làm việc nhiều hay tay chân khó cầm nắm

ĐẶC ĐIỂM

* Tận tâm, kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm, chu đáo, kỹ lưỡng.

* Phương pháp điều trị hiệu quả, nhẹ nhàng, thích hợp cho riêng từng người - Trang bị máy quang tuyến X ray, máy vật lý trị liệu, máy tập phục hồi chức năng. - Quan tâm săn sóc đến các đồng hương gặp khó khăn, không bảo hiểm sức khoẻ, các chiến hữu Ql/VNCH, lực lượng Cảnh Sát QLVNCH, các bạn cựu tù HO cùng thân nhân và gia đình.- Có nhân viên kinh nghiệm hướng dẫn giấy tờ cần thiết đòi bồi thường bảo hiểm.- Tham khảo miễn phí, giải thích rõ ràng. - Cấp giấy chứng thương khi bị tai nạn xe cộ, tai nạn lao động để xin nghỉ việc có lương, bị đụng xe chỉ phaỉ trả tiền chữa bệnh sau khi được bồi thường.- Nhận bảo hiểm, PPO, POS, bệnh phí nhẹ nhàng khi trả cash, tượng trưng với quý vị không có bảo hiêm hay lợi tức thấp

Vùng North San Jose: 2380 Montpellier Dr. #100 San Jose, CA 95116

Vùng South San Jose: Lewis Senter Chiropractic: 485 Lewis Dr. San Jose, CA 95111

Giờ làm việc: Thứ 2-6: 9 am-8:00 pm

Thứ Bảy: 9:00 am - 3:00 pm Chủ Nhật & Ngày Lễ: Làm hẹn

BÁC SĨ

CAI VĂN DUNG M.D., F.A.C.O.G.

CHUYÊN MÔN SẢN VÀ PHỤ KHOA

CERTIFIED AND RECERTIFIED OBSTETRICIAN & GYNECOLOGIST

Trưởng khu Sản & Phụ Khoa tại bệnh viện O'Connor, San Jose

(408) 294-5115

- THĂM THAI, ĐỠ ĐẺ, MỔ ĐẺ, CHỮA BỆNH ĐÀN BÀ VÀ HIẾM MUỘN.
- DÙNG LAPAROSCOPY ĐỂ CỘT ỐNG DẪN TRỨNG.
- ĐẶC BIỆT LẤY BƯỚU BUỒNG TRỨNG CHỮA BỆNH CÓ THAI NGOÀI TỬ CUNG VÀ CẮT TỬ CUNG BẰNG LASER LAPAROSCOPY.

259 MERIDIAN AVENUE, SUITE 5 - SAN JOSE, CA 95126

C.P. TAX.

CÔNG TY THUẾ VỤ, KẾ TOÁN
& CỐ VẤN THƯƠNG MẠI CHUYÊN NGHIỆP

NGO V. TRAN

B.S. Business Administration (Accounting)

Active Member National Society Tax Professionals
Active Member National Society Accountants

LAINA TRAN, B.S.

Tax Specialist, Realtor, Loan Officer
Active Member National Society Tax Professionals

TAX RETURNS

***** Sole Proprietorships, Partnerships and Corporations *****

ELECTRONIC TAX FILING **FAST REFUNDS**

*** Bảo Mật Tuyệt Đối.**
*** Tiết kiệm (lệ phí phải chăng)**
*** Hoạt động quanh năm**
*** Thành Tín**
*** Chuyên Nghiệp**
*** Tham khảo miễn phí**

GIÚP QUÍ VỊ GIỮ SỔ SÁCH, KHAI CÁC LOẠI THUẾ
ĐÚNG TIÊU CHUẨN KẾ TOÁN VÀ THUẾ VỤ
GIÚP THÂN CHỦ ĐỠ LO VỀ AUDIT

Office Hours: 9AM-8PM
Monday to Sunday.

1694 Tully Rd., Ste. F
San Jose, CA 95122
(Góc Tully & King)

Bus: 408-223-1150
Fax: 408-528-0918
Toll Free: 888-NGO-9900
Email: ngotran99@aol.com

Independent Insurance Agent.

Lic #0731046

CARE INSURANCE AGENCY, INC.

900 N. First St., Suite E * San Jose, CA 95112

Tel: (408) 292-2925

Fax: (408) 292-2950

GIÁ RẺ - TẬN TÂM - KÍN ĐÁO - BỒI THƯỜNG NHANH CHÓNG

MERCURY INSURANCE GROUP

Allied Insurance
a Nationwide® company
On Your Side®

PROGRESSIVE®

KAISER PERMANENTE

BlueCross of California

CNA

Đặc biệt bảo hiểm thương mại: **Hair & Nail, Restaurant/Coffee Shop, Auto Repair/Body Shop, Furniture Store, Supermarket, Machine Shop, Contractor, etc...**

Beauty Salon/Supplies		**Restaurant**	
Liability	*$1,000,000*	*Liability*	*$1,000,000*
Property	*$50,000*	*Property*	*$75,000*
Deductible	*$500*	*Deductible*	*$500*
Premium from	*$500*	*Premium from*	*$847*

Coverage available for Hair & Nail only
** Add Professional Liability for only $30 per operator*

Quote based on No prior Loss
** Add Liquor Liability coverage $500,000 for only $500*

Chuyên bảo hiểm: **Xe Cộ, Nhà Cửa, Sức Khỏe, Nhân Thọ**

Tin mừng cho quý đồng hương, **CARE INSURANCE AGENCY** là **văn phòng bảo hiểm của người Việt Nam duy nhất ở vùng Bay Area** được chọn làm đại diện chính thức cho hãng bảo hiểm **MERCURY INSURANCE CO.**, rated "A" by Best.

Hiện đang có nhiều chương trình giảm giá

Mercury California Automobile Insurance Premium Survey

Company	Santa Clara (95050)	Fremont (94536)	San Jose (95127)
Allstate	$784	$801	$857
CSAA	$761	$823	$912
Farmers	$949	$1,088	$1,149
Geico	$806	$874	$983
State Farm	$966	$1,027	$1,261
Mercury Ins. Co.	**$660**	**$732**	**$763**

(*) With superior homeowners insurance policy discount
Critteria: 6 month premiums: Married couple age 34/32, with no accidents or citations.
Vehicles: 1988 Chevrolet Suburban Silverado, 12K miles, and 1998 Dodge Caravan, 12K miles
Coverage: 100/300/100 BI-PD, 30/60 UMBI, CDW, 5K medical payments.
Deductibles: Comp/Collision $250 cash.
Disclaimer: Quotes obtained June, 2001, and are from reliable sources we believe are accurate but we can not be responsible for their accuracy. Premiums for companies other than Mercury do not reflect any rate adjustments after these quotes were obtained. All quotes are based on the criteria above. Mercury quotes are based on drivers insured the past 5 years with no more than one loss.

AGENTS
- Giang X. Nguyễn
- Calvin H. Đoàn
- Michael H. Nguyễn
- Can X. Nguyễn

Hãy gọi số (408) 292-2925 để được tham khảo giá bảo hiểm miễn phí

AAA là một thành phần của cộng đồng người Việt!
Auto Insurance
Motorcyle Insurance
Homeowners Insurance
Life Insurance & Annuities
Insurance Service as reliable as our trusted Emergency Road Service
24 hour claims service, 7 days a week
Many discounts and other valuable Member services
CA License # 0175868
Call for an insurance quote today!
AAA Oakridge
5340 Thornwood Dr., San Jose CA 95123
DOUGLAS (DUC) LE
408-574-2288
Điều kiện dễ dàng - phục vụ chuyên nghiệp
AAA Insurance

Chúc Mừng Năm Mới

Century 21
A-1 Network

Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expwy.,
San Jose, CA 95121

MUA NHÀ –BÁN NHÀ
SHORT SALE, BANK OWNED

LIEN KIM LU
DRE# 01472998

Tel: (408) 518-2257
Email: lukimlien@yahoo.com

Nhân dịp Xuân về, Liên K. Lữ xin kính chúc quí vị thân chủ quí đồng hương một năm mới An Khang, Thịnh Vượng.

Nhà mới 6 tuổi South San Jose

4PN, 2PT, 2 lầu, 2 xe garage, rộng 2259 sf., đất 3131 sf., mái ngói, sàn gạch, có lò sưởi, dual pane windows, central AC., walk in closet mỗi phòng ngủ. **Giá $675,000**

Nhà đẹp khu North Valley

4PN, 2PT, 2 lầu, rộng 1806 sf., đất 6300 sf., mái ngói mới thay, sàn gạch, có lò sưởi, dual pane windows,, phòng gia đình rộng, trường học tốt. **Giá $551,000**

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

Chúc Mừng Năm Mới

Vinh Dinh
Broker Associate
408-887-1563

Century 21
A-1 Network

Gould Shopping Center
1047 E. Capitol Expwy.,
San Jose, CA 95121

Email: homes@vinhdinh.com
Website: www.vinhdinh.com

Ha Le
Loan Officer
408-667-1590
(NMLS# 336918)

Nhân dịp Xuân về, Vinh Đinh và Hà Lê xin kính chúc quí vị thân chủ quí đồng hương một năm mới An Khang, Thịnh Vượng.

MUA NHÀ

- Bảo đảm quyền lợi tối đa cho thân chủ.
- Tận tâm tham khảo từng ưu khuyết điểm của căn nhà sắp mua.
- Mua nhà tốt với giả rẻ.
- Cung cấp danh sách nhà mới nhất trên thị trường.

BÁN NHÀ

- Free định giá nhà bán trên thị trường.
- Bán nhà với lệ phí thật nhẹ nhàng.
- List nhà trong MLS listing.
- Tận tâm làm Open House để bán nhà nhanh.

LOAN

- Có nhiều chương trình cho vay với lệ phí thấp, tiền lãi suất rẻ.
- Lãi suất đang rất thấp, quý vị muốn trả tiền nhà hàng tháng rẻ hơn, có thể mở hồ sơ trước.
- Xin liên lạc Hà Lê để biết thêm chi tiết.

Tiệm Bánh VAN'S BAKERY
1824 E. Tully Rd., San Jose, CA 95122 - (408) 270-2222
- Patê Chaud, Croissant đủ loại, bánh xu xê, bánh cốm
- Bánh Tiramisu, capuchino cake, cheese cake.
- Bánh flant trái cây đủ loại, thạch sương sa, bánh kẹp lá dứa.
- Bánh bía, bánh bông lan lá dứa nhân dừa, bánh khoai môn.
- Tết có bánh tét, bánh chưng, đủ loại mứt, trà, bánh hộp.
- Lễ giáng sinh có Buche De Noel, rằm tháng tám có bánh trung thu.
- Bánh dẻo, Choux à la crème. Có đủ các loại sinh tố trân châu.
Có bán các loại Paté Pháp, Maggie Pháp, bánh lu Pháp, Champagne, Beurre, Bretel.
ĐẶC BIỆT:
BÁNH CƯỚI/BÁNH SINH NHẬT
(Giáo bánh cưới tận nơi FREE)
Bánh kẹp lá dứa
Bánh kẹp sầu riêng
TIỆM LUÔN LUÔN CÓ ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI BÁNH RA LÒ HÀNG NGÀY. THƠM NGON & GIÁ RẺ.

www.rmiodp.com
BẢO LÃNH ĐỂ CẢI TIẾN THẾ HỆ TƯƠNG LAI
27 Years Of Service 1987-2014
RMI
ROBERT MULLINS INTERNATIONAL
IMMIGRATION SERVICES NETWORK
27th Anniversary
27 YEARS OF EXCELLENT SERVICE 1987-2014
Bảo Lãnh Tại
Robert Mullins International
là Bảo Đảm, Phụ Trách Duy Nhất
Dịch Vụ Bảo Lãnh và Di Trú Hoa Kỳ:
Chiếu Khán Di Dân, Phi-Di-Dân,
Điều Chỉnh Cư Trú,
Đầu Tư Thường Trú EB-5
Trong Mọi Trường Hợp.
9070 BOLSA AVE.
WESTMINSTER, CA 92683
TEL. 1-714-890-9933
FAX: 1-714-894-0550
(CẠNH NHÀ HÀNG HÀ NỘI)
779 STORY RD.
SUITE 70
SAN JOSE, CA 95122
TEL 1-408-294-3888
FAX: 1-408-294-8084
(PHÍA TRƯỚC WAL-MART)
6930 65TH ST.
SUITE 105
SACRAMENTO, CA 95823
TEL: 1-916-393-3388
FAX: 1-916-393-7788
RANG MI
47 PHUNG KHAC KHOAN
P. DA KAO, Q.1
TEL: (848) 3914-7638
FAX: (848) 3914-7640

Phở Quế Hương
VIETNAMESE RESTAURANT
At Pho Que Huong
we focus on serving you authentic Vietnamese cuisine, along with friendly service and comfortable, relaxed atmospheres.
we are proud to say Pho Que Huong still values the art of cooking up some of the best pho. We invite you to taste it for yourselves!
10% OFF
(408) 531-8455
3210 South White Road
San Jose, CA 95148

You've got a family DOCTOR and a family ATTORNEY.

But do you have a family REAL ESTATE PROFESSIONAL?

Call TRUMAN today for your free copy of this important special report! There is no obligation!!!

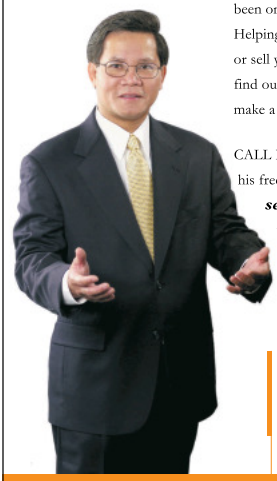

YOUR FAMILY'S CONCERNS are, no doubt, of utmost importance to you. After all, what's more important than the well-being of those you love? When a medical emergency arises, you consult a specialist. When you face a legal issue, you turn to a trusted professional with the experience and skill to handle your needs. It's the same when it comes to real estate.

BUYING OR SELLING a property is one of the most important steps your family can take. Why trust those crucial decisions to chance? The time to choose a real estate professional is before you need one. That's where Truman can help. He's been one of Century 21 A-1 Network leading agents for the better part of a decade. Helping families like yours isn't just his job, it's his commitment. Before you buy or sell your next property, don't you owe it to yourself and your family to at least find out how his unique brand of personal service and extraordinary results can make a difference?

CALL FOR YOUR COPY of Truman's personal brochure. He'll also include his free special report: ***"How to avoid the most common error when selling your investment property."*** Whether or not you decide to work with Truman, he simply wants to make sure you experience the kind of real estate service you deserve - the very best,

Call him today. You'll be glad you did.

Truman Nhu
408-225-2125
trumannhu@onebox.com

DRE# 01110101

Century 21
A-1 Network

Cung Chúc Tân Xuân

DONG DUONG

Real Estate Broke

DRE # 01342849

(408) 406-9585

Email: Dongduong2349@aol.com

Fax: (408) 227-8224

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC

NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

* Chuyên nghiệp, tận tâm, kín đáo
* Đảm trách mọi dịch vụ mua bán Nhà, Đất, Mobile Home, Town House, Duplex, Fourplex và các cơ sở thương mại
* Định giá nhà miễn phí
* Có nhiều kinh nghiệm mua, bán nhà

SHORT SALE và BANK OWNED.